

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ- KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA Y DƯỢC



BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH: DƯỢC HỌC

TRÌNH ĐỘ: ĐẠI HỌC

MÃ NGÀNH: 7720201

Tỉnh Bình Dương, năm 2019

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG	vi
DANH MỤC HÌNH	vi
1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	1
1.1. Giới thiệu chương trình đào tạo	1
1.2. Thông tin chung	2
1.3. Triết lý giáo dục của BETU.....	2
1.4. Tầm nhìn và sứ mệnh của Khoa Y dược (FOMP)	4
1.4.1. Tầm nhìn FOMP	4
1.4.2. Sứ mệnh của FOMP.....	5
1.4.3. Giá trị cốt lõi.....	5
1.5. Mục tiêu chương trình.....	5
1.5.1. Mục tiêu chung	5
1.5.2. Mục tiêu cụ thể	5
1.6. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)	6
1.7. Cơ hội việc làm	7
1.8. Cơ hội học tiếp tục	8
1.9. Tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp.....	8
1.9.1. Tiêu chí tuyển sinh	8
1.9.2. Quá trình đào tạo	8
1.9.3. Điều kiện tốt nghiệp	8
1.10. Hệ thống tính điểm.....	9
1.11. Chiến lược giảng dạy – học tập.....	9
1.12. Chiến lược và phương pháp đánh giá	13
1.12.1 Các phương pháp đánh giá	13
1.12.1.1. Công cụ, tiêu chí đánh giá (Rubrics)	17
1.12.1.1.1. Đánh giá chuyên cần (Attendance Check)	18
1.12.1.1.2. Đánh giá bài tập (Work Assignment)	20
1.12.1.1.3. Đánh giá thuyết trình (Oral Presentation).....	21

1.1.1.4.	Đánh giá kiểm tra viết (Written Exam): Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn.	22
1.1.1.5.	Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice exam): Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn.	22
1.1.1.6.	Đánh giá bảo vệ và thi vấn đáp (Oral exam)	22
1.1.1.7.	Đánh giá báo cáo (Written Report)	23
1.1.1.8.	Đánh giá thuyết trình (Oral Presentaion): Theo Rubric 4	24
1.1.1.9.	Đánh giá làm việc nhóm (Teamwork Assessment).....	24
2.	MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY.....	25
2.1.	Cấu trúc chương trình giảng dạy	25
2.2.	Danh sách các học phần.....	29
2.3.	Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ...	32
2.4.	Sơ đồ chương trình.....	36
2.5.	Kế hoạch giảng dạy	37
2.6.	Mô tả tóm tắt nội dung và khối lượng các học phần:	40
1)	Triết học Mác - Lênin: 3 TC	40
2)	Kinh tế chính trị Mác - Lênin: 2 TC	40
3)	Chủ nghĩa xã hội khoa học: 2 TC	40
4)	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam: 2 TC.....	40
5)	Tư tưởng Hồ Chí Minh: 2 TC.....	41
6)	Hóa vô cơ (3).....	41
7)	Sinh học đại cương (3)	41
8)	Xác suất & thống kê y dược (3).....	41
9)	Truyền thông - giáo dục sức khỏe (2).....	41
10)	Vật lý (4).....	42
11)	Khởi tạo doanh nghiệp (2).....	42
12)	Phương pháp NCKH (2).....	42
13)	Tin học đại cương (3 TC).....	42
14)	Giáo dục thể chất 1,2 (3)	42
15)	Giáo dục quốc phòng (8).....	42

16)	Anh văn căn bản (3)	43
17)	Tiếng Anh TOEIC 1 (2)	43
18)	Bệnh học (3)	43
19)	Giải phẫu (2)	43
20)	Hóa hữu cơ (4)	43
21)	Hóa lý (3)	43
22)	Hóa phân tích 1 (3)	43
23)	Hóa phân tích 2 (3)	44
24)	Hóa sinh (4)	44
25)	Ký sinh (2)	44
26)	Sinh lý (3)	44
27)	Sinh lý bệnh và miễn dịch (3)	44
28)	Thực hành dược khoa (3)	44
29)	Thực vật dược (4)	45
30)	Vi sinh (2)	45
31)	Anh văn chuyên ngành Dược (3)	45
32)	Bào chế và sinh dược học 1 (3)	45
33)	Bào chế và sinh dược học 2: 4 tc	45
34)	Các nguyên tắc thực hành tốt (GP's) (2)	45
35)	Đảm bảo chất lượng thuốc (2)	46
36)	Độc chất học (2)	46
37)	Dược động học (2)	46
38)	Dược học cổ truyền (2)	46
39)	Dược lâm sàng 1 (2)	46
40)	Dược lâm sàng 2 (3)	47
41)	Dược liệu 1 (3)	47
42)	Dược liệu 2 (4)	47
43)	Dược lý 1: (2)	47
44)	Dược lý 2 (3)	47

45) Hóa dược 1 (3)	48
46) Hóa dược 2 (4)	48
47) Kiểm nghiệm thuốc (3)	48
48) Kinh tế doanh nghiệp (2)	48
49) Kinh tế dược (3).....	49
50) Kỹ năng giao tiếp & bán hàng (2).....	49
51) Logistics (2).....	49
52) Marketing dược phẩm (3)	49
53) Pháp chế dược (3).....	50
54) Quản lý và kinh tế dược (3).....	50
55) Quản trị doanh nghiệp (3)	50
56) Quảng cáo thương hiệu - giới thiệu thuốc (2)	50
57) Sử dụng thuốc trong điều trị (2)	50
58) Sức khỏe môi trường (2)	50
59) Thực tập tốt nghiệp (3)	51
60) Dược xã hội học (2)	51
61) Vi tính dược (2).....	51
62) Khóa luận tốt nghiệp (10)	52
63) Xét nghiệm lâm sàng (2)	52
64) Thông tin thuốc và cảnh giác thuốc (2)	52
65) Mỹ phẩm và thực phẩm chức năng (2)	52
66) Dược bệnh viện (2)	52
2.7. Hoạt động ngoại khóa	53
2.8. Hỗ trợ cho sinh viên	53
2.9. Mạng lưới cựu sinh viên	54
3. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH	54

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1: Triết lý giáo dục của BETU được chuyển tải vào CTĐT ngành Dược học ...3	
Bảng 1.2: Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)6	
Bảng 1.3: Ma trận giữa mục tiêu chương trình và chuẩn đầu ra (PLOs)7	
Bảng 1.4. Hệ thống thang điểm của FOMP9	
Bảng 1.5: Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra (PLOs) và phương pháp dạy-học13	
Bảng 1.6: Quan hệ giữa phương pháp đánh giá và PLOs16	
Bảng 2.1: Cấu trúc CTĐT25	
Bảng 2. 2: Khối kiến thức giáo dục đại cương.....25	
Bảng 2.3: Khối kiến thức cơ sở.....26	
Bảng 2.4: Khối kiến thức chung của ngành chính.....27	
Bảng 2.5: Khối kiến thức chuyên sâu của ngành chính27	
Bảng 2.6: Khối kiến thức bổ trợ tự do.....28	
Bảng 2.7: Thực tập cuối khóa và Khóa luận tốt nghiệp.....29	
Bảng 2.8: Ma trận giữa các khối kiến thức và PLOs.....29	
Bảng 2.9: Danh sách các học phần.....30	
Bảng 2.10: Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo32	
Bảng 2.11: Kế hoạch giảng dạy.....37	

DANH MỤC HÌNH

Hình 2.1: Sơ đồ chương trình36	
--------------------------------------	--

1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu chương trình đào tạo

Khoa Y dược (Tên tiếng Anh là Faculty of Medicine and Pharmacy, viết tắt là FOMP) thuộc Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương (Tên tiếng Anh là Binh Duong Economics and Technology University, viết tắt là BETU). Khoa Dược được thành lập theo Quyết định số 02/QĐ-ĐHKTKT-HĐQT ngày 12/4/2014 của Chủ tịch Hội đồng quản trị nhà trường, sau đó được phát triển thành khoa Y dược theo Quyết định số 135/QĐ- ĐHKTKT ngày 26/7/2019 của Chủ tịch Hội đồng quản trị nhà trường.

Hiện tại Khoa phụ trách quản lý và giảng dạy ngành Dược học (hệ cao đẳng chính quy, hệ đại học chính quy, vừa làm vừa học, liên thông chính quy).

Trong suốt quá trình trưởng thành và phát triển của BETU, Khoa Y Dược luôn là một trong những khoa quan trọng của Nhà trường, với mục tiêu là đào tạo nguồn nhân lực chuyên ngành Y dược có chất lượng cao đáp ứng được nhu cầu của xã hội.

Chương trình đào tạo Đại học ngành Dược học ra đời từ năm 2019, với mục tiêu đào tạo ra các Dược sĩ đại học có đầy đủ kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết để trở thành những dược sĩ trong các tổ chức.

Chương trình đào tạo của FOMP được phát triển theo tiêu chuẩn quốc gia và khu vực ASEAN với mức độ thích ứng cao phù hợp với nhu cầu của xã hội và doanh nghiệp. Chương trình này được xây dựng dựa trên cơ sở nghiên cứu tham khảo các chương trình đào tạo Dược sĩ đại học của một số trường như đại học trong và ngoài nước như Đại học Y dược TP. Hồ Chí Minh, Đại học Lạc Hồng, Đại học Y Huế, ĐH Dược Hà Nội, ĐH Y Dược Cần Thơ, ĐH Charleston, West Virginia (USA), ĐH Nottingham (UK) ...

Trong quá trình xây dựng chương trình, một trong những căn cứ cũng có ý nghĩa rất quan trọng, đó là những ý kiến đóng góp của các nhà khoa học, các chuyên gia đến từ một số trường đại học, viện nghiên cứu, các cơ quan quản lý kinh tế, các doanh nghiệp,... Những ý kiến đóng góp của các chuyên gia, các nhà khoa học mang ý nghĩa thiết thực trong việc nâng cao chất lượng khoa học và thực tiễn của Chương trình đào tạo này.

Hệ thống đào tạo tin chỉ bao gồm sự đa dạng các kiến thức tương thích với các chương trình đào tạo của các trường đại học tiên tiến trong nước và khu vực, tăng cường sự linh động cho người học. Hệ thống tài liệu giảng dạy được cập nhật hằng năm và các phương pháp giảng dạy tích cực được áp dụng để thúc đẩy người học phát triển năng lực học tập suốt đời.

Chương trình đào tạo Dược sĩ đại học được thiết kế dựa trên hệ thống tín chỉ với 162 tín chỉ bao gồm: khối kiến thức giáo dục đại cương, khối kiến thức cơ sở ngành, khối kiến thức chung, kiến thức bổ trợ, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành và khóa luận tốt nghiệp; trong đó chương trình được thiết kế bao gồm các học phần bắt buộc và học phần tự chọn theo một lộ trình hợp lý và khoa học, cho phép sinh viên có thể linh động trong kế hoạch học tập để đạt được bằng Dược sĩ đại học trong 4,5 năm.

Đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy tại Khoa gồm có: 03 PGS, 06 Tiến sĩ, 24 Thạc sĩ, CKI, 12 Cử nhân đại học được đào tạo từ nhiều trường đại học ở các nước phát triển trên thế giới như Mỹ, Canada... Trong 10 năm qua, chúng tôi đã đào tạo được hàng trăm cử nhân cao đẳng và bắt đầu đào tạo dược sĩ đại học từ năm học 2019-2020.

1.2. Thông tin chung

1.	Ngành:	Dược học
2.	Bậc:	Đại học
3.	Loại bằng:	Dược sĩ đại học
4.	Loại hình đào tạo:	Toàn thời gian
5.	Thời gian:	4,5 năm
6.	Số tín chỉ:	162 (không kể các môn học Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)
7.	Khoa quản lý:	Khoa Y dược- Đại học Kinh tế- Kỹ thuật Bình Dương
8.	Ngôn ngữ:	Tiếng Việt
9.	Website:	https://kttk.edu.vn
10.	Facebook:	khoa Y duoc- BETU

1.3. Triết lý giáo dục của BETU

Triết lý giáo dục của BETU là “TRI THỨC HIỆN ĐẠI, XÃ HỘI LÀM GIÀU- MODERN KNOWLEDGE, PROSPEROUS SOCIETY”). Triết lý giáo dục này được thể hiện cụ thể qua ba trụ cột trong quan điểm giáo dục của BETU là: "**Khai phóng – Hiện đại – Làm giàu**".

- **Khai phóng:** BETU cho rằng, sứ mệnh của giáo dục là khám phá và thúc đẩy các tiềm năng to lớn của con người trong tiến trình xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn. Giáo dục đại học đóng vai trò tổ chức, tạo lập điều kiện và thúc đẩy mỗi cá nhân tự khai mở

các năng lực riêng biệt trong việc theo đuổi các giá trị sống tốt đẹp của chính mình, thúc đẩy tiến bộ xã hội.

- **Hiện đại:** BETU cho rằng, hoạt động cốt lõi trong giáo dục đại học là sự tự rèn luyện của mỗi cá nhân. Mỗi cá nhân phải không ngừng tự đào tạo, tự hoàn thiện và tự khẳng định mình để tích lũy **các tri thức hiện đại cần thiết**.

- **Làm giàu:** BETU xác định rằng, sự tích lũy tri thức hiện đại từ giáo dục đại học phải có giá trị thực tiễn và phục vụ cho tiến bộ xã hội. **Tri thức hiện đại này phải góp phần làm giàu cho cá nhân và cho cả xã hội**.

- Các nội dung của Triết lý giáo dục của BETU phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của BETU. Đồng thời, cũng thể hiện được mục tiêu chung của giáo dục đại học là đào tạo người học có phẩm chất đạo đức, có tri thức, kỹ năng, năng lực tự chủ, hội nhập quốc tế. Triết lý giáo dục của BETU là “kim chỉ nam” cho toàn bộ các quyết định của lãnh đạo khoa, bộ môn. Định hướng cho mọi hoạt động của Khoa cũng như của từng cán bộ, giảng viên, sinh viên.

- Triết lý giáo dục của BETU được chuyển tải một cách cụ thể vào CTĐT ngành Dược học như minh họa ở Bảng 1.2.

Bảng 1.1: Triết lý giáo dục của BETU được chuyển tải vào CTĐT ngành Dược học

Chương trình đào tạo ngành Dược học			Triết lý giáo dục của BETU		
			Khai phóng	Hiện đại	Làm giàu
Kiến thức trong chương trình đào tạo	Khối kiến thức giáo dục đại cương	Lý luận chính trị	X	X	
		Khoa học xã hội	X	X	X
		Nhân văn – Nghệ thuật	X	X	X
		Ngoại ngữ	X	X	X
		Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên – Công nghệ - Môi trường	X	X	
		Giáo dục thể chất	X		
	Giáo dục quốc phòng- An ninh	X			
	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	Khối kiến thức giáo dục cơ sở	X	X	
		Khối kiến thức chung ngành chính	X	X	
		Kiến thức chuyên sâu của ngành chính	X	X	X
		Kiến thức bổ trợ tự do	X	X	X
Thực tập cuối khoá và Tốt nghiệp		X	X	X	
Hoạt động ngoại khóa	Nghiên cứu khoa học sinh viên	X	X	X	
	Thi học thuật chuyên ngành	X	X	X	
	Sinh viên tình nguyện (mùa hè xanh)	X			
	Hiến máu nhân đạo	X			
	Hoạt động vì người nghèo, chịu thiên tai (bão, lụt)	X			

Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)	PLO1	Vận dụng được các kiến thức về khoa học cơ bản và y dược học cơ sở phục vụ cho hoạt động chuyên môn của ngành và định hướng chuyên ngành	X	X	X
	PLO2	Tổ chức và điều hành hoạt động của một nhà thuốc đúng theo quy định của pháp luật và của hướng dẫn thực hành tốt nhà thuốc (GPP);	X	X	X
	PLO3	Triển khai có hiệu quả các hoạt động nghiệp vụ liên quan đến quản lý và cung ứng thuốc tại Khoa Dược bệnh viện theo đúng các quy định của pháp luật, của các hướng dẫn thực hành tốt, đạt yêu cầu về tính hiệu quả, an toàn và kinh tế	X	X	X
	PLO4	Thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ chủ yếu của Dược sĩ tại các vị trí công việc trong một khoa Dược bệnh viện	X	X	X
	PLO5	Tham gia có hiệu quả vào hoạt động của một công ty bán buôn dược phẩm đúng theo quy định của pháp luật và theo các hướng dẫn thực hành tốt có liên quan	X	X	X
	PLO6	Tạo lập kế hoạch kinh doanh và dự án khởi nghiệp	X	X	X
	PLO7	Có năng lực sử dụng tiếng Anh giao tiếp trong lĩnh vực dược ở mức cơ bản	X	X	X
	PLO8	Sử dụng được CNTT và các công cụ thống kê để giải quyết các vấn đề về dược học	X	X	X
	PLO9	Khả năng học tập suốt đời	X	X	X
	PLO10	Có năng lực giao tiếp hiệu quả trong việc giải quyết các vấn đề dược học	X	X	X
	PLO11	Có khả năng hợp tác nhóm để đạt được các mục tiêu chung của tổ chức.	X	X	X
	PLO12	Tuân thủ các chuẩn mực về đạo đức và thực thi trách nhiệm xã hội trong kinh doanh	X	X	X

1.4. Tầm nhìn và sứ mệnh của Khoa Y dược (FOMP)

FOMP có sứ mệnh, tầm nhìn và các giá trị xác định rõ ràng và dẫn dắt mọi hoạt động đào tạo, nghiên cứu và chuyên giao tri thức.

1.4.1. Tầm nhìn FOMP

Tầm nhìn của Khoa Y dược được cụ thể hóa đến năm 2030, sẽ trở thành:

(1) Khoa chủ lực của trường Đại học Kinh tế- Kỹ thuật Bình Dương với Chương trình đào tạo đạt chuẩn quốc gia, người học có năng lực làm việc trong môi trường toàn cầu.

(2) FOMP nỗ lực để trở thành nơi đào tạo theo định hướng ứng dụng về dược học hàng đầu trong tỉnh Bình Dương và các tỉnh khác trong khu vực Đông Nam Bộ. Khoa sẽ là cầu nối tin cậy giữa nền dược học tiên tiến với cộng đồng y dược năng động tại Tỉnh Bình Dương.

1.4.2. Sứ mệnh của FOMP

Sứ mệnh của FOMP là giúp người học khai phá tiềm năng của bản thân, phát triển năng lực và tinh thần dược sĩ để thành công trong nghề nghiệp và cuộc sống. Chúng tôi cam kết tham gia một cách tích cực vào việc thúc đẩy sự phát triển và tiến bộ xã hội thông qua nghiên cứu, đào tạo và cung ứng dịch vụ chất lượng cao trong lĩnh vực dược học.

1.4.3. Giá trị cốt lõi

Những giá trị được FOMP xây dựng, bảo vệ và phát triển trở thành nền tảng định hướng mọi hoạt động là: **Sự chính trực, tôn trọng, cảm thông, hợp tác, sáng tạo.**

1.5. Mục tiêu chương trình

1.5.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Dược sĩ trình độ đại học có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt; có kiến thức cơ bản về khoa học cơ bản và y dược học cơ sở; có kiến thức và kỹ năng chuyên môn vững vàng để hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kiểm nghiệm, tồn trữ, phân phối thuốc nói chung. Ngoài ra người Dược sĩ ra trường còn được trang bị thêm kiến thức và kỹ năng chuyên môn theo định hướng chuyên ngành Quản lý - Cung ứng thuốc được tăng cường kiến thức Dược lâm sàng để hoạt động có hiệu quả trong lĩnh vực quản lý- cung ứng và tư vấn về sử dụng thuốc; có khả năng tự học và nghiên cứu khoa học để nâng cao trình độ chuyên môn, góp phần đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho yêu cầu chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

1.5.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình giảng dạy được thiết kế để sau khi tốt nghiệp, sinh viên ngành Dược học có khả năng:

- Về kiến thức:

+ PO1: Có hiểu biết sâu sắc về khoa học cơ bản để học tập suốt đời

+ PO2: Có kiến thức chuyên ngành sâu rộng để giải quyết các vấn đề trong lĩnh

vực dược.

- Về kỹ năng:

+ PO3: Có kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, lãnh đạo, phát hiện và giải quyết vấn đề, tư duy phản biện, sáng tạo;

+ PO4: Sử dụng ngoại ngữ và công nghệ thông tin tốt.

- Về thái độ:

+ PO5: Có đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm với xã hội và môi trường.

1.6. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)

Chương trình được thiết kế nhằm thúc đẩy sinh viên phát triển toàn diện kiến thức, kỹ năng và thái độ trong xu thế toàn cầu hóa. Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có khả năng:

Bảng 1.2: Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)

PLO	Ngành Dược học
PLO1	Vận dụng được các kiến thức về khoa học cơ bản và y dược học cơ sở phục vụ cho hoạt động chuyên môn của ngành và định hướng chuyên ngành
PLO2	Tổ chức và điều hành hoạt động của một nhà thuốc đúng theo quy định của pháp luật và của hướng dẫn thực hành tốt nhà thuốc (GPP);
PLO3	Triển khai có hiệu quả các hoạt động nghiệp vụ liên quan đến quản lý và cung ứng thuốc tại Khoa Dược bệnh viện theo đúng các quy định của pháp luật, của các hướng dẫn thực hành tốt, đạt yêu cầu về tính hiệu quả, an toàn và kinh tế
PLO4	Thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ chủ yếu của Dược sĩ tại các vị trí công việc trong một khoa Dược bệnh viện
PLO5	Tham gia có hiệu quả vào hoạt động của một công ty bán buôn dược phẩm đúng theo quy định của pháp luật và theo các hướng dẫn thực hành tốt có liên quan
PLO6	Tạo lập kế hoạch kinh doanh và dự án khởi nghiệp
PLO7	Có năng lực sử dụng tiếng Anh giao tiếp trong lĩnh vực dược ở mức cơ bản
PLO8	Sử dụng được CNTT và các công cụ thống kê để giải quyết các vấn đề về dược học
PLO9	Khả năng học tập suốt đời
PLO10	Có năng lực giao tiếp hiệu quả trong việc giải quyết các vấn đề dược học

PLO11	Có khả năng hợp tác nhóm để đạt được các mục tiêu chung của tổ chức.
PLO12	Tuân thủ các chuẩn mực về đạo đức và thực thi trách nhiệm xã hội trong kinh doanh

Bảng 1.3 mô tả mối liên hệ giữa các mục tiêu và PLOs của chương trình giảng dạy. Có thể thấy rằng sinh viên có thể đạt được các mục tiêu của chương trình nếu họ đáp ứng các tiêu chuẩn, kết quả của chương trình giảng dạy.

Bảng 1.3: Ma trận giữa mục tiêu chương trình và chuẩn đầu ra (PLOs)

Mục tiêu (POs)	Chuẩn đầu ra (PLOs)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
PO1	X								X	X	X	X
PO2		X	X	X	X	X			X			
PO3									X	X	X	X
PO4							X	X	X			
PO5									X	X	X	X

1.7. Cơ hội việc làm

Sinh viên tốt nghiệp chương trình giáo dục đại học ngành Dược **theo định hướng chuyên ngành Quản lý - Cung ứng thuốc** sẽ làm tốt trong các lĩnh vực Dược sau:

- **Làm việc trong lĩnh vực quản lý, phân phối, bán lẻ thuốc**

- Công tác quản lý dược bệnh viện (các khoa Dược bệnh viện).
- Bán lẻ, tư vấn sử dụng thuốc (các nhà thuốc cộng đồng).
- Cung ứng, phân phối và bảo quản thuốc (các công ty dược, văn phòng đại diện);

Ngoài ra, với kiến thức cơ bản về chuyên môn ngành, các Dược sĩ tốt nghiệp còn có thể tham gia vào các lĩnh vực sau:

- **Làm việc trong lĩnh vực sản xuất, kiểm nghiệm, tồn trữ bảo quản thuốc:**

- Có thể làm việc tại các bộ phận sản xuất, kiểm tra chất lượng, tồn trữ thuốc tại nhà máy sản xuất thuốc.

- **Làm việc trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về Dược:**

- Có thể làm việc trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về Dược, như tại các phòng nghiệp vụ Dược, phòng quản lý ngành nghề Y Dược tư nhân, các trung tâm y tế huyện ...

- **Làm việc trong lĩnh vực đào tạo nhân lực Dược:**

- Có thể tham gia giảng dạy, công tác tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp về ngành Dược được mở ra tại rất nhiều các tỉnh thành trong cả nước.

- Ngoài ra, sinh viên còn có thể tự tổ chức các hoạt động kinh doanh, lập thân, lập nghiệp hoặc tiếp tục học tập và nghiên cứu sau Đại học (Thạc sĩ, Tiến sĩ, Chuyên khoa I, II).

1.8. Cơ hội học tiếp tục

- Được tiếp tục học các chương trình sau đại học;
- Tham dự các khóa đào tạo, hội thảo chuyên đề để cập nhật kiến thức và nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn dược.

1.9. Tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

1.9.1. Tiêu chí tuyển sinh

Chương trình đào tạo ngành Dược học tuyển sinh theo 2 phương thức sau:

1. Xét học bạ theo Đề án tuyển sinh riêng của Nhà trường.
2. Xét điểm thi THPT theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

1.9.2. Quá trình đào tạo

Chương trình đào tạo được xây dựng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế, trường Đại học Kinh tế- Kỹ thuật Bình Dương. Chương trình giảng dạy được xây dựng trên hệ thống tín chỉ cho phép sinh viên linh hoạt trong kế hoạch học tập cá nhân để có thể tốt nghiệp trong vòng 4,5 năm. Tại FOMP chương trình đào tạo được tổ chức thành 12 học kỳ, mỗi năm học bao gồm hai học kỳ chính (giữa tháng 8 đến cuối tháng 6) và học kỳ hè (giữa tháng 7 đến cuối tháng 8). Trong 5 học kỳ đầu, sinh viên sẽ học khối kiến thức đại cương và cơ sở ngành, các kiến thức chuyên ngành được học trong 2.5 năm tiếp theo.

1.9.3. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên muốn được trường xét và công nhận tốt nghiệp phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Cho đến thời điểm tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
2. Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo được quy định;
3. Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.00 trở lên;
4. Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần thuộc ngành đào tạo chính và các điều kiện khác do Hiệu trưởng quy định;
5. Có chứng chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng;

6. Có đơn gửi Phòng đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học.

1.10. Hệ thống tính điểm

FOMP sử dụng hệ thống tính điểm để đánh giá sinh viên như sau:

- Thang điểm 10 được sử dụng để đánh giá học phần bao gồm các điểm thành phần, điểm thi cuối kỳ và điểm học phần. Điểm học phần bằng tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng.

- Thang điểm chữ dùng để phân loại kết quả học dựa trên điểm học phần.

- Thang điểm 4 được dùng khi tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy để đánh giá kết quả học tập của sinh viên sau mỗi học kỳ và cho điểm tổng kết quả học tập của sinh viên.

Bảng 1.4. Hệ thống thang điểm của FOMP

Thang điểm 10	Thang điểm 4		Xếp loại	
	Điểm chữ	Điểm số		
Từ 9.0 đến 10.0	A+	4.0	Xuất sắc	Đạt
Từ 8.0 đến cận 9.0	A	3.5	Giỏi	
Từ 7.0 đến cận 8.0	B+	3.0	Khá	
Từ 6.0 đến cận 7.0	B	2.5	Trung bình khá	
Từ 5.0 đến cận 6.0	C	2.0	Trung bình	
Từ 4.0 đến cận 5.0	D+	1.5	Yếu	Không đạt
Từ 3.0 đến cận 4.0	D	1.0	Kém	

1.11. Chiến lược giảng dạy – học tập

Khoa Y dược đã xây dựng chiến lược, phương pháp dạy và học, tập trung phát triển mọi nguồn lực, tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai quá trình dạy và học. Các chiến lược, phương pháp dạy học này giúp cho việc đạt mục tiêu dạy học hiệu quả.

Nhiều hoạt động dạy và học khác nhau được áp dụng nhằm giúp sinh viên không những có kiến thức nền tảng chuyên môn và kiến thức xã hội mà còn có khả năng sử dụng các kiến thức này để cộng tác với người khác và phát triển năng lực, điểm mạnh của cá nhân. Từ đó hình thành các kỹ năng cá nhân như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.

Các chiến lược và phương pháp dạy học được sử dụng trong chương trình đào tạo cụ thể như sau:

1.11.1. Chiến lược dạy học trực tiếp

Dạy học trực tiếp là chiến lược dạy học trong đó thông tin được chuyển tải đến với người học theo cách trực tiếp, giáo viên trình bày và sinh viên lắng nghe. Chiến lược dạy học này thường được áp dụng trong các lớp học truyền thống và tỏ ra có hiệu quả khi muốn truyền đạt cho người học những thông tin cơ bản, giải thích một kỹ năng mới.

Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được FOMP áp dụng gồm phương pháp giải thích cụ thể (Explicit Teaching), thuyết giảng (Lecture) và phương pháp tham luận (Guest Lecture)

1. Giải thích cụ thể (Explicit Teaching): Đây là phương pháp thuộc chiến lược dạy học trực tiếp trong đó giáo viên hướng dẫn và giải thích chi tiết cụ thể các nội dung liên quan đến bài học, giúp cho sinh viên đạt được mục tiêu dạy học về kiến thức và kỹ năng.

2. Thuyết giảng (Lecture): Giáo viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giáo viên là người thuyết trình, diễn giảng. Sinh viên chỉ nghe giảng và thỉnh thoảng ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giáo viên truyền đạt.

3. Tham luận (Guest lecture): Theo phương pháp này, sinh viên được tham gia vào các khóa học mà người diễn giảng, thuyết trình không phải là giáo viên mà là những người đến từ các doanh nghiệp bên ngoài. Thông qua những kinh nghiệm và hiểu biết của diễn giảng để giúp sinh viên hình thành kiến thức tổng quan hay cụ thể về chuyên ngành đào tạo.

1.11.2. Chiến lược dạy học gián tiếp

Dạy học gián tiếp là chiến lược dạy học trong đó người học được tạo điều kiện trong quá trình học tập mà không cần có bất kỳ hoạt động giảng dạy công khai nào được thực hiện bởi giáo viên. Đây là tiến trình dạy học tiếp cận hướng đến người học, lấy người học làm trung tâm, trong đó giảng viên không trực tiếp truyền đạt nội dung bài học đến với sinh viên mà thay vào đó, sinh viên được khuyến khích tham gia tích cực trong tiến trình học, sử dụng kỹ năng tư duy phản biện để giải quyết vấn đề.

Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được FOMP áp dụng gồm: Câu hỏi gợi mở (Inquiry), giải quyết vấn đề (Problem Solving), học theo tình huống (Case Study).

4. Câu hỏi gợi mở (Inquiry): Trong tiến trình dạy học, giáo viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay các vấn đề, và hướng dẫn giúp sinh viên từng bước trả lời câu hỏi. Sinh viên có thể tham gia thảo luận theo nhóm để cùng nhau giải quyết bài toán, vấn đề đặt ra.

5. Giải quyết vấn đề (Problem Solving): Trong tiến trình dạy và học, người học làm việc với vấn đề được đặt ra và học được những kiến thức mới thông qua việc đối mặt

với vấn đề cần giải quyết. Thông qua quá trình tìm giải pháp cho vấn đề đặt ra, sinh viên đạt được kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu của môn học.

6. Học theo tình huống (Case Study): Đây là phương pháp hướng đến cách tiếp cận dạy học lấy người học làm trung tâm, giúp người học hình thành kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp. Theo phương pháp này, giáo viên liên hệ các tình huống, vấn đề hay thách thức trong thực tế và yêu cầu sinh viên giải quyết, giúp sinh viên hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định cũng như kỹ năng nghiên cứu.

1.11.3. Học trải nghiệm

Học trải nghiệm là chiến lược dạy học trong đó người học tiếp nhận được kiến thức và kỹ năng thông qua những gì mà họ được trải nghiệm qua thực hành, thực tế quan sát và cảm nhận. Họ học thông qua làm và trải nghiệm.

Các phương pháp dạy học được FOMP áp dụng theo chiến lược dạy học này gồm: mô hình (Models), thực tập, thực tế (Field Trip), thí nghiệm (Experiment) và nhóm nghiên cứu giảng dạy (Teaching Research Team)

7. Mô hình (Models): là phương pháp dạy học trong đó, sinh viên thông qua việc quan sát và quá trình xây dựng, thiết kế mô hình mà giáo viên yêu cầu để đạt được nội dung kiến thức và kỹ năng được đặt ra.

8. Thực tập, thực tế (Field Trip): Thông qua các hoạt động tham quan, thực tập, đi thực tế tại công trường và các công ty để giúp sinh viên hiểu được môi trường làm việc thực tế của ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp, học hỏi các công nghệ đang được áp dụng trong lĩnh vực ngành đào tạo, hình thành kỹ năng nghề nghiệp và văn hóa làm việc trong công ty. Phương pháp này không những giúp sinh viên hình thành kiến thức kỹ năng mà còn tạo cơ hội nghề nghiệp cho sinh viên sau khi tốt nghiệp.

9. Thí nghiệm (Experiment): Là phương pháp dạy học trong đó giáo viên sử dụng các thao tác thí nghiệm, sinh viên quan sát và thực hành các thí nghiệm đó theo hướng dẫn của giáo viên. Từ đó hướng đến mục tiêu dạy học.

10. Nhóm nghiên cứu giảng dạy (Teaching Research Team): Sinh viên được khuyến khích tham gia vào các dự án, nhóm nghiên cứu và giảng dạy của giảng viên, giúp hình thành năng lực nghiên cứu và kỹ năng sáng tạo. Từ đó, tạo tiền đề cho sinh viên tiếp tục học tập cao hơn ở bậc học thạc sỹ, tiến sỹ sau khi hoàn thành chương trình đào tạo và tốt nghiệp.

1.11.4. Dạy học tương tác

Đây là chiến lược dạy và học trong đó, giáo viên sử dụng kết hợp nhiều hoạt động trong lớp học như đặt vấn đề hay câu hỏi gợi mở và yêu cầu sinh viên thảo luận, tranh luận để giải quyết vấn đề đó. Giáo viên với vai trò hướng dẫn sinh viên từng bước giải quyết vấn đề. Từ đó giúp sinh viên đạt được mục tiêu dạy học. Sinh viên có thể học từ bạn học hay từ giáo viên để phát triển các kỹ năng xã hội, kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp, đàm phán để đưa ra quyết định.

Các kỹ thuật, phương pháp được FOMP áp dụng theo chiến lược này gồm có: phương pháp tranh luận (Debate), thảo luận (Discussions), học nhóm (Peer Learning)

11. Tranh luận (Debates): là tiến trình dạy học trong đó giáo viên đưa ra một vấn đề liên quan đến nội dung bài học, sinh viên với các quan điểm trái ngược nhau về vấn đề đó phải phân tích, lý giải, thuyết phục người nghe ủng hộ quan điểm của mình. Thông qua hoạt động dạy học này, sinh viên hình thành các kỹ năng như tư duy phản biện, thương lượng và đưa ra quyết định hay kỹ năng nói trước đám đông.

12. Thảo luận (Discussion): Là phương pháp dạy học trong đó sinh viên được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giáo viên đặt ra. Khác với phương pháp tranh luận, trong phương pháp thảo luận, người học với cùng quan điểm mục tiêu chung và tìm cách bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của mình.

13. Học nhóm (Peer Learning): Sinh viên được tổ chức thành các nhóm nhỏ để cùng nhau giải quyết các vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả của nhóm thông qua báo cáo hay thuyết trình trước các nhóm khác và giảng viên.

1.11.5. Tự học

Chiến lược tự học được hiểu là tất cả các hoạt động học của người học được thực hiện bởi các cá nhân người học với rất ít hoặc không có sự hướng dẫn của giáo viên. Đây là một quá trình giúp sinh viên tự định hướng việc học của mình theo kinh nghiệm học tập của bản thân, có quyền tự chủ và điều khiển hoạt động học của họ thông qua các bài tập, dự án hay vấn đề mà giáo viên gợi ý, hướng dẫn ở lớp.

Phương pháp học theo chiến lược này được FOMP áp dụng chủ yếu là phương pháp bài tập ở nhà (Work Assignment)

14. Bài tập ở nhà (Work Assignment): Theo phương pháp này, sinh viên được giao nhiệm vụ làm việc ở nhà với những nội dung và yêu cầu do giáo viên đặt ra. Thông

qua việc hoàn thành các nhiệm vụ được giao ở nhà này, sinh viên học được cách tự học, cũng như đạt được những nội dung về kiến thức cũng như kỹ năng theo yêu cầu.

Các phương pháp dạy và học nói trên giúp sinh viên đạt được PLOs, thể hiện trong Bảng 1.5.

Bảng 1.5: Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra (PLOs) và phương pháp dạy-học

Chiến lược và phương pháp dạy-học	PLOs										
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I. Dạy trực tiếp											
1. Giải thích cụ thể	X	X	X	X					X		
2. Thuyết giảng	X	X	X	X				X	X		X
3. Tham luận		X			X			X			X
II. Dạy gián tiếp											
4. Câu hỏi gợi mở		X				X					
5. Giải quyết vấn đề						X	X				
6. Học theo tình huống						X				X	
III. Học trải nghiệm											
7. Mô hình		X		X							
8. Thực tập, thực tế								X			X
9. Thí nghiệm			X								
10. Nhóm nghiên cứu giảng dạy						X				X	
IV. Dạy học tương tác											
11. Tranh luận		X			X		X				
12. Thảo luận		X			X		X				
13. Học nhóm		X			X		X				
V. Tự học											
14. Bài tập ở nhà	X			X			X		X	X	

1.12 Chiến lược và phương pháp đánh giá

1.12.1 Các phương pháp đánh giá

Đánh giá kết quả học tập của sinh viên là quá trình ghi chép, lưu giữ và cung cấp thông tin về sự tiến bộ của người học trong suốt quá trình dạy học. Việc đánh giá đảm bảo nguyên tắc rõ ràng, chính xác, khách quan và phân hóa, thường xuyên liên tục và định kỳ. Yêu cầu và tiêu chí đánh giá cụ thể được Khoa Y dược thiết kế và công bố, làm rõ cho người học trước khi học.

Các thông tin về đánh giá được cung cấp và chia sẻ kịp thời cho các bên liên quan gồm người dạy, người học, phụ huynh và nhà quản lý. Từ đó, kịp thời có những điều chỉnh về các hoạt động dạy học, đảm bảo định hướng và đạt được mục tiêu dạy học.

Khoa Y dược đã xây dựng và áp dụng nhiều phương pháp đánh giá khác nhau. Tùy thuộc vào chiến lược, phương pháp dạy học và yêu cầu đáp ứng chuẩn đầu ra của từng môn học để lựa chọn các phương pháp đánh giá phù hợp, đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin để đánh giá mức độ tiến bộ của người học cũng như mức độ hiệu quả đạt được của tiến trình dạy học.

Các phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo của khoa Kỹ thuật Công nghệ được chia thành 2 loại chính là đánh giá theo tiến trình (On-going/Formative Assessment) và đánh giá tổng kết/định kỳ (Summative Assessment).

❖ **Đánh giá tiến trình (On-going/Formative Assessment)**

Mục đích của đánh giá tiến trình là nhằm cung cấp kịp thời các thông tin phản hồi của người dạy và người học về những tiến bộ cũng như những điểm cần khắc phục xuất hiện trong quá trình dạy học .

Các phương pháp đánh giá cụ thể với loại đánh giá tiến trình được FOMP áp dụng gồm: đánh giá chuyên cần (Attendance Check), đánh giá bài tập (Work Assignment), và đánh giá thuyết trình (Oral Presentation)

1. Đánh giá chuyên cần (Attendance Check)

Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên của sinh viên cũng như những đóng góp của sinh viên trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với khóa học. Việc đánh giá chuyên cần được thực hiện theo Rubric 1 hoặc 2 tùy thuộc vào học phần lý thuyết hay đồ án.

2. Đánh giá bài tập (Work Assignment)

Người học được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan đến bài học trong giờ học hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập này có thể được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm và được đánh giá theo các tiêu chí cụ thể trong Rubric 3.

3. Đánh giá thuyết trình (Oral Presentaion)

Trong một số môn học thuộc chương trình đào tạo của FOMB, sinh viên được yêu cầu yêu làm việc theo nhóm để giải quyết một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này

không những giúp sinh viên đạt được những kiến thức chuyên ngành mà còn giúp sinh viên phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm. Để đánh giá mức độ đạt được các kỹ năng này của sinh viên có thể sử dụng các tiêu chí đánh giá cụ thể như Rubric 4.

❖ **Đánh giá tổng kết/định kỳ (Summative Assessment)**

Mục đích của loại đánh giá này là đưa ra những kết luận, phân hạng về mức độ đạt được mục tiêu và chất lượng đầu ra, sự tiến bộ của người học tại thời điểm ấn định trong quá trình dạy học gồm đánh giá cuối chương trình học, đánh giá giữa học kỳ, và đánh giá cuối học kỳ.

Các phương pháp đánh giá được FOMB sử dụng trong loại đánh giá này gồm có: Kiểm tra viết (Written Exam), Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice Exam), Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam), Báo cáo (Written Report), Thuyết trình (Oral Presentation), đánh giá làm việc nhóm (Teamwork Assesment) và Đánh giá đồng cấp (Peer Assessment)

4. Kiểm tra viết (Written Exam)

Theo phương pháp đánh giá này, sinh viên được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hay ý kiến cá nhân về những vấn đề liên quan đến yêu cầu chuẩn đầu về kiến thức của học phần và được đánh giá dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong phương pháp đánh giá này là thang 10. Số lượng câu hỏi trong bài đánh giá được thiết kế tùy thuộc vào yêu cầu nội dung kiến thức của học phần.

5. Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice exam)

Phương pháp đánh giá này tương tự như phương pháp kiểm tra viết, sinh viên được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Điểm khác là trong phương pháp đánh giá này sinh viên trả lời các câu hỏi yêu cầu dựa trên các gợi ý trả lời cũng được thiết kế và in sẵn trong đề thi.

6. Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam)

Trong phương pháp đánh giá này, sinh viên được đánh giá thông qua phỏng vấn, hỏi đáp trực tiếp. Các tiêu chí đánh giá cụ thể cho phương pháp đánh giá này được thể hiện trong Rubric 5.

7. Báo cáo (Written Report)

Sinh viên được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của sinh viên, bao gồm cả nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, bản vẽ/ hình ảnh trong báo cáo. Tiêu chí đánh giá cụ thể theo phương pháp này theo Rubric 6.

8. Đánh giá thuyết trình (Oral Presentaion)

Phương pháp đánh giá này hoàn toàn giống với phương pháp đánh giá thuyết trình trong loại đánh giá tiến trình theo Rubric 4. Đánh giá được thực hiện theo định kỳ (giữa kỳ, cuối kỳ, hay cuối khóa).

9. Đánh giá làm việc nhóm (Peer Assessment)

Đánh giá làm việc nhóm được áp dụng khi triển khai hoạt động dạy học theo nhóm và được dùng để đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của sinh viên. Tiêu chí đánh giá cụ thể theo Rubric 7.

Bảng 1.6: Quan hệ giữa phương pháp đánh giá và PLOs

Phương pháp đánh giá (Assessment methods)		PLOs										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	Đánh giá tiến trình (On-going/Formative Assessment)											
1	Đánh giá chuyên cần (Attendance Check)	x	x						x	x		x
2	Đánh giá bài tập (Work Assignment)	x	x		x			x		x	x	
3	Đánh giá thuyết trình (Oral Presentation)					x	x	x				
II	Đánh giá tổng kết/định kỳ (Summative Assessment)											
4	Kiểm tra viết (Written Exam)	x	x	x	x			x	x			x
5	Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice exam)	x						x		x		x
6	Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam)		x	x		x	x	x				
7	Báo cáo (Written Report)	x	x	x	x	x	x	x	x		x	
8	Đánh giá thuyết trình (Oral Presentaion)					x	x	x		x		
9	Đánh giá làm việc nhóm (Peer Assessment)					x	x	x			x	

1.12.2. Công cụ, tiêu chí đánh giá (Rubrics)

Trên cơ sở các phương pháp đánh giá, Khoa Y dược đã xây dựng các công cụ, tiêu chí cụ thể để thực hiện việc đánh giá sinh viên theo các Rubrics. Tùy theo yêu cầu, mục

tiêu và đặc trưng của từng môn học để lựa chọn phương pháp đánh giá cũng như Rubrics đánh giá thích hợp. Cùng một phương pháp đánh giá có thể áp dụng Rubric đánh giá khác nhau cho các học phần khác nhau.

Các Rubrics đánh giá được xây dựng chi tiết tương ứng với phương pháp đánh giá trong chương trình đào tạo FOMP. Cụ thể như sau:

1.1.1. Công cụ, tiêu chí đánh giá (Rubrics)

Trên cơ sở các phương pháp đánh giá, FOMP đã xây dựng các công cụ, tiêu chí cụ thể để thực hiện việc đánh giá sinh viên theo các Rubrics. Tùy theo yêu cầu, mục tiêu và đặc trưng của từng môn học để lựa chọn phương pháp đánh giá cũng như Rubrics đánh giá thích hợp. Cùng một phương pháp đánh giá có thể áp dụng Rubric đánh giá khác nhau cho các học phần khác nhau.

Các Rubrics đánh giá được xây dựng chi tiết tương ứng với phương pháp đánh giá trong chương trình đào tạo FOMP. Cụ thể như sau:

1.1.1.1.Đánh giá chuyên cần (Attendance Check)

- Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendance)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Chuyên cần	Không đi học (<30%).	Đi học không chuyên cần (<50%).	Đi học khá chuyên cần (<70%).	Đi học chuyên cần (<90%).	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (100%).	50%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	50%

- Rubric 2: Tham gia buổi hướng dẫn đồ án của giảng viên (Project Attendance)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Tổ chức nhóm	Nhóm bị phá vỡ hoàn toàn: Trách nhiệm và nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm không được phân công cụ thể, không có sự liên kết, phối hợp nhóm.	Trách nhiệm và nhiệm vụ của mỗi thành viên trong nhóm không rõ ràng, không phù hợp với khả năng của họ. Không có sự phối hợp làm việc giữa các thành viên trong nhóm.	Mỗi thành viên có nhiệm vụ riêng nhưng chưa rõ ràng và chưa phù hợp với khả năng của thành viên. Sự phối hợp làm việc của nhóm chưa tốt.	Nhiệm vụ của mỗi thành viên trong nhóm rõ ràng và phù hợp với khả năng của họ. Sự phối hợp làm việc của nhóm tốt.	Nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm rất rõ ràng và phù hợp với khả năng của họ, phát huy điểm mạnh của các thành viên. Sự phối hợp làm việc của nhóm rất tốt.	20%
Chuyên cần	< 30%	<50%	<70%	<90%	100%	10%

Thảo luận	Không bao giờ tham gia thảo luận trong nhóm	Hiếm khi tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến	Thường xuyên tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến cho thảo luận giữa các nhóm.	Luôn tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến hiệu quả cho các hoạt động của nhóm và giữa các nhóm.	20%
Nội dung theo tiến độ quy định	Không có nội dung tính toán.	Nội dung tính toán không đầy đủ (<50%), kết quả tính toán sai, trình tự các bước tính toán không hợp lý.	Nội dung tính toán đầy đủ về khối lượng theo tiến độ quy định (100%). Kết quả tính toán còn một số sai sót, nhầm lẫn.	Nội dung tính toán đầy đủ về khối lượng theo tiến độ quy định (100%). Kết quả tính toán đúng, có sử dụng phần mềm tính toán nhưng chưa hợp lý	Nội dung tính toán đầy đủ về khối lượng theo tiến độ quy định (100%). Trình tự các bước tính toán hợp lý, kết quả tính toán đúng, sử dụng phần mềm tính toán hợp lý.	20%
Trình bày thuyết minh	Không có thuyết minh hoặc thuyết minh không đầy đủ.	Trình bày thuyết minh lộn xộn, không đúng trình tự, hình vẽ, bảng biểu và ký hiệu sử dụng trong thuyết minh không phù hợp.	Nội dung trình bày trong thuyết minh phù hợp. Thuyết minh còn một số lỗi chính tả, một số nhầm lẫn về kích thước, ghi chú, giải thích các thông số, bảng biểu	Nội dung phù hợp. Cấu trúc, bố cục thuyết minh rõ ràng, logic. Ghi chú, giải thích, hình vẽ, bảng biểu đầy đủ, ít sai sót	Nội dung phù hợp, cấu trúc thuyết minh rất chi tiết, rõ ràng, logic. Hình vẽ, bảng biểu, chú thích trình bày khoa học, sử dụng phần mềm tính toán trong thuyết minh hiệu quả.	15%
Bản vẽ kỹ thuật	Không có bản vẽ hoặc bản vẽ thiếu bộ phận, hình ảnh theo yêu cầu. Nội dung không đúng	Bản vẽ thể hiện không đầy đủ, không rõ ràng, thiếu kích thước. Cấu tạo chi tiết các bộ phận, nội dung trên hình vẽ đúng yêu cầu nhưng còn nhiều sai sót. Ghi chú không phù hợp.	Bản vẽ thể hiện đầy đủ các hình ảnh theo yêu cầu nhưng sắp xếp không phù hợp, còn một số lỗi nhỏ về trình bày. Nội dung trên bản vẽ đúng yêu cầu. Ghi chú đầy đủ.	Bản vẽ thể hiện đầy đủ, chi tiết. Kích thước rõ ràng. Nội dung thể hiện đúng theo yêu cầu. Sắp xếp, trình bày bản vẽ hợp lý. Ghi chú rõ ràng, chi tiết.	Bản vẽ thể hiện đầy đủ, rất chi tiết và khoa học. Sắp xếp, trình bày hợp lý, sáng tạo, có thể ứng dụng ngay vào các công trình xây dựng thực tế.	15%

1.1.1.2.Đánh giá bài tập (Work Assignment)

- Rubric 3: Bài tập (Work Assignment)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nộp bài tập	Không nộp bài tập.	Nộp bài tập 70% số lượng bài tập được giao. Chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định.	20%
Trình bày bài tập	Không có bài tập	Bài tập trình bày lộn xộn, không đúng yêu cầu về trình bày (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập không phù hợp.	Bài tập trình bày đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Còn một số lỗi nhỏ về trình bày (lỗi chính tả, nhầm lẫn ghi chú, kích thước)	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý.	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng), logic Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, khoa học. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý.	30%
Nội dung bài tập	Không có bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót trong tính toán.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán đúng, rõ ràng.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý.	50%

1.1.1.3.Đánh giá thuyết trình (Oral Presentation)

- **Rubric 4: Thuyết trình (Oral Presentation)**

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp với yêu cầu.	Nội dung phù hợp với yêu cầu, hình ảnh và giải thích chưa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú. Có sử dụng video	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú. Có sử dụng video và giải thích cụ thể hiệu biết trên video.	50%
Trình bày slide	Slide trình bày quá sơ sài, không đủ số lượng theo quy định	Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ và hình ảnh rõ ràng	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần (introduction, body and conclusion)	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần, thể hiện sự thành thạo trong trình bày	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần. Thuật ngữ sử dụng đơn giản dễ hiểu. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ.	25%
Thuyết trình	Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định. Sử dụng thuật ngữ không đúng, phát âm không rõ, giọng nói nhỏ. Người nghe không hiểu.	Bài trình bày đầy đủ. Giọng nói nhỏ, phát âm còn một số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe khi trình bày.	Phần trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng. Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh thoảng có tương tác với người nghe. Người nghe có thể hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày.	Phần trình bày ngắn gọn, dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu được nội dung trình bày.	Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định.	25%

1.1.1.4.Đánh giá kiểm tra viết (Written Exam): Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn.

1.1.1.5.Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice exam): Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn.

1.1.1.6.Đánh giá bảo vệ và thi vấn đáp (Oral exam)

- **Rubric 5: Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam)**

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Thái độ trả lời câu hỏi	Thái độ giao tiếp, trả lời thô lỗ, không hợp tác, thiếu tôn trọng trong giao tiếp. Sử dụng thuật ngữ không phù hợp, giọng nói khó nghe.	Thái độ giao tiếp, trả lời câu hỏi lễ độ. Sử dụng các thuật ngữ trong câu trả lời phức tạp, khó hiểu. Giọng nói nhỏ, thiếu tự tin.	Thái độ giao tiếp, trả lời nhẹ nhàng, hòa nhã. Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe. Thuật ngữ sử dụng trong câu trả lời phù hợp, dễ hiểu.	Thái độ trong câu trả lời tự tin, tử tốn, nhẹ nhàng, điềm đạm. Thuật ngữ sử dụng trong câu trả lời đơn giản, dễ hiểu. Giọng nói lưu loát, rõ ràng.	Thái độ giao tiếp, trả lời rất tự tin, Giọng nói rõ ràng, lưu loát. thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe.	20%
Nội dung trả lời	Các câu trả lời hoàn toàn không liên quan đến câu hỏi.	Các câu trả lời không rõ ràng, gần như không liên, không tập trung vào trọng tâm của câu hỏi.	Các câu trả lời đúng trọng tâm câu hỏi, liên quan đến câu hỏi nhưng thiếu tự tin trong các câu trả lời. .	Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan đến câu hỏi yêu cầu. Thể hiện sự tự tin về sự hiểu biết trong câu trả lời, lập luận giải thích chưa thuyết phục.	Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan trực tiếp đến câu hỏi yêu cầu; tự tin trong câu trả lời; lập luận, giải thích cho câu hỏi hoàn toàn thuyết phục.	80%

1.1.1.7.Đánh giá báo cáo (Written Report)

- **Rubric 6: Báo cáo (Written Report)**

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nội dung đồ án	Không có hoặc nội dung được trình bày trong báo cáo không phù hợp với yêu cầu.	Nội dung trình bày trong báo cáo đầy đủ theo yêu cầu. Tính toán sai, không cụ thể, không đáp ứng yêu cầu.	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, còn một số nhầm lẫn trong tính toán, một số nội dung chưa hợp lý	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, trình tự tính toán hợp lý, tính toán chính xác. Kết quả tính toán và chọn chưa có giải thích cụ thể, chưa thuyết phục.	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, tính toán chi tiết, rõ ràng, logic, trình tự tính toán hợp lý. Kết quả tính toán và chọn có sự phân tích, lý giải cụ thể, rõ ràng và thuyết phục.	60%
Trình bày thuyết minh	Không có thuyết minh hoặc thuyết minh không đúng với nội dung theo yêu cầu.	Trình tự trình bày trong thuyết minh không đúng. Nội dung phù hợp theo yêu cầu. Hình vẽ, bảng biểu còn nhiều mâu thuẫn với nội dung.	Nội dung, trình tự trình bày thuyết minh phù hợp theo yêu cầu. Trình bày còn một số lỗi về chính tả, kích thước, ghi chú chưa đầy đủ.	Nội dung phù hợp. Trình tự, cấu trúc logic, rõ ràng đáp ứng yêu cầu. Hình ảnh, bảng biểu rõ ràng, logic, ghi chú phù hợp. Thể hiện kỹ năng soạn thảo văn bản còn hạn chế.	Nội dung phù hợp. Trình tự, cấu trúc logic, rõ ràng đáp ứng yêu cầu. Hình ảnh, bảng biểu rõ ràng, logic, ghi chú phù hợp. Thể hiện việc sử dụng thành thạo máy tính trong trình bày báo cáo.	20%
Bản vẽ kỹ thuật và hình ảnh	Không có hoặc thiếu bản vẽ/hình ảnh, bản vẽ/hình ảnh không đúng nội dung theo quy định.	Đầy đủ số lượng bản vẽ/hình ảnh (3 bản) với nội dung theo đúng quy định. Kích thước, ghi chú trên bản vẽ/hình ảnh không được thể hiện hoặc thể hiện không rõ ràng, thiếu một số phần trên các bản vẽ/hình ảnh	Đầy đủ bản vẽ (3 bản) với nội dung theo đúng quy định. Kích thước, ghi chú trên bản vẽ đầy đủ, rõ ràng. Còn một số lỗi về trình bày (sai chính tả, nét vẽ).	Đầy đủ bản vẽ (3 bản) với nội dung theo đúng quy định. Sắp xếp các phần trên bản vẽ hợp lý. Kích thước, ghi chú đầy đủ, rõ ràng.	Đầy đủ bản vẽ (3 bản) với nội dung theo đúng quy định. Sắp xếp các phần trên bản vẽ hợp lý. Kích thước, ghi chú đầy đủ, rõ ràng. Thể hiện việc sử dụng thành thạo công cụ vẽ trên máy tính, có thể ứng dụng trong công trình xây dựng thực tế.	20%

1.1.1.8.Đánh giá thuyết trình (Oral Presentaion): Theo Rubric 4

1.1.1.9.Đánh giá làm việc nhóm (Teamwork Assessment)

- Rubric 7: Làm việc nhóm (Teamwork Assessment)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Tổ chức nhóm	Không có sự làm việc nhóm	Trách nhiệm và nhiệm vụ công việc của các thành viên trong nhóm không được phân công cụ thể.	Mỗi thành viên có nhiệm vụ công việc riêng nhưng không rõ ràng và không phù hợp với khả năng của thành viên trong nhóm.	Nhiệm vụ công việc rõ ràng và phù hợp với khả năng của mỗi thành viên trong nhóm.	Nhiệm vụ công việc của mỗi thành viên rõ ràng, cụ thể, phù hợp. Phát huy thế mạnh của các thành viên trong nhóm. Tương tác, phối hợp tốt giữa các thành viên.	30%
Tham gia làm việc nhóm (chuyên cần)	< 30%	<50%	<70%	<90%	100% (Tham gia đầy đủ các buổi họp, thảo luận của nhóm)	20%
Thảo luận	Không bao giờ tham gia vào việc thảo luận của nhóm.	Hiếm khi tham gia vào thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Thường xuyên tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến hay.	Luôn tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến hay, hiệu quả cho các hoạt động của nhóm.	20%
Phối hợp nhóm	Không bao giờ phối hợp, hợp tác với nhóm.	Hiếm khi hợp tác, phối hợp làm việc nhóm.	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Thỉnh thoảng tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Thường xuyên tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Luôn luôn tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	20%

2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY

2.1. Cấu trúc chương trình giảng dạy

Chương trình giảng dạy được chia thành 6 khối kiến thức, trong đó có các học phần bắt buộc và học phần tự chọn với số tín chỉ trong mỗi khối được cho trong Bảng 2.1.

Bảng 2.1: Cấu trúc CTĐT

STT	Thành phần	Tổng số Tín chỉ	Trong đó	
			Bắt buộc	Tự chọn
1	Kiến thức giáo dục đại cương	32	32	
2	Kiến thức cơ sở	36	36	
3	Kiến thức chung của ngành chính	41	41	
4	Kiến thức chuyên sâu của ngành chính	31	25	06
5	Kiến thức bổ trợ tự do	07	07	
6	Thực tập cuối khóa và Tốt nghiệp	15		15
	Tổng cộng	162	141	21

1) **Khối kiến thức giáo dục đại cương:** Thuật ngữ “giáo dục đại cương” hay còn gọi là “giáo dục tổng quát” (General education). Nội dung của giáo dục đại cương bao gồm: kỹ năng nhận thức và năng lực/kỹ năng xã hội (thu thập dữ liệu, quan sát và phân tích, giải quyết vấn đề, thích nghi với môi trường mới, quan hệ xã hội...); những nội dung liên quan đến luân lý, phẩm hạnh, đạo đức; những hiểu biết chung về triết học, kinh tế học, luật học, về nhà nước, thiết chế, về lịch sử, tôn giáo, nghệ thuật... Những môn học đại cương được ví như nền móng của một ngôi nhà. Móng có chắc thì nhà mới vững được. Các doanh nghiệp ngày nay khi tuyển người thường ưu tiên kiến thức đại cương tốt để đào tạo thêm. Học tốt các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương là tiền đề để sinh viên học tốt các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành Dược. Khối kiến thức này gồm 32 tín chỉ (không tính 3 học phần *), cụ thể như sau:

Bảng 2. 2: Khối kiến thức giáo dục đại cương

STT	Tên học phần	Số TC
1.	Triết học Mác- Lênin	3
2.	Kinh tế chính trị Mác- Lênin	2

STT	Tên học phần	Số TC
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
5.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2
6.	Anh văn căn bản	3
7.	Tiếng Anh TOEIC 1	2
8.	Xác suất và thống kê y dược	3
9.	Tin học đại cương	3
10.	Sinh học đại cương	3
11.	Hóa vô cơ	3
12.	Vật lý	4
13.	Giáo dục QP, an ninh*	8
14.	Giáo dục thể chất 1*	1
15.	Giáo dục thể chất 2*	2
TC		32

2) **Khối kiến thức cơ sở:** Khối này có 36 tín chỉ bao gồm các học phần nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng trong từng lĩnh vực hoặc ngành rộng để sau đó sinh viên có thể theo học các kiến thức chung và kiến thức chuyên sâu của ngành chính. Cụ thể gồm các học phần sau:

Bảng 2.3: Khối kiến thức cơ sở

STT	Tên học phần	Số TC
1.	Giải phẫu	2
2.	Sinh lý	3
3.	Vi sinh	2
4.	Ký sinh	2
5.	Sinh lý bệnh và miễn dịch	3
6.	Bệnh học	3
7.	Thực vật dược	4
8.	Hóa lý	3
9.	Hóa sinh	4
10.	Hóa hữu cơ	4
11.	Hóa phân tích 1	3
12.	Hóa phân tích 2	3
TC		36

3) **Khối kiến thức chung của ngành chính:** Có 41 tín chỉ bao gồm các học phần cung cấp kiến thức chung cho ngành dược học để sau đó sinh viên có thể theo học tốt các kiến thức chuyên sâu của ngành chính. Cụ thể gồm các học phần sau:

Bảng 2.4: Khối kiến thức chung của ngành chính

STT	Tên học phần	Số TC
1.	Thực hành dược khoa	3
2.	Dược động học	2
3.	Độc chất học	2
4.	Dược học cổ truyền	2
5.	Dược liệu 1	4
6.	Dược liệu 2	4
7.	Hóa dược 1	3
8.	Hóa dược 2	4
9.	Bào chế và Sinh dược học 1	4
10.	Bào chế và Sinh dược học 2	4
11.	Dược lý 1	3
12.	Dược lý 2	4
13.	Dược lâm sàng 1	2
TC		41

4) **Khối kiến thức chuyên sâu của ngành chính:** Gồm 31 tín chỉ, đây là khối kiến thức cung cấp các kiến thức chuyên sâu của ngành dược học giúp sinh viên đi sâu vào lĩnh vực nghề nghiệp sau này. Cụ thể gồm các học phần sau:

Bảng 2.5: Khối kiến thức chuyên sâu của ngành chính

STT	Tên học phần	Số TC
1.	Kinh tế dược	3
2.	Dược Lâm sàng 2	3
3.	Các nguyên tắc thực hành tốt GP's	2
4.	Anh văn chuyên ngành Dược	3
5.	Dược xã hội học	2

STT	Tên học phần	Số TC
6.	Vi tính dược	2
7.	Kiểm nghiệm thuốc	4
8.	Pháp chế dược	3
9.	Quản lý và kinh tế dược	3
Các môn bắt buộc hệ dược bệnh viện (a): 6 TC		
10.	Dược bệnh viện	2
11.	Thông tin thuốc & Cảnh giác thuốc	2
12.	Xét nghiệm lâm sàng	2
Các môn bắt buộc hệ phân phối (b): 6 TC		
13.	Kinh tế Doanh nghiệp	2
14.	Marketing dược phẩm	2
15.	Mỹ phẩm và Thực phẩm chức năng	2
TC		31

5) Khối kiến thức bổ trợ tự do: Tự chọn 7 tín chỉ, khối kiến thức này tập trung vào việc cung cấp cho sinh viên các kiến thức bổ trợ như tin học ứng dụng, vi tính dược, quản trị doanh nghiệp, kỹ năng giao tiếp và bán hàng... để giúp cho sinh viên có thể phát huy tốt năng lực chuyên môn của mình. Cụ thể gồm học phần sau:

Bảng 2.6: Khối kiến thức bổ trợ tự do

STT	Tên học phần	Số TC
1.	Khởi tạo doanh nghiệp	2
2.	Phương pháp NCKH	2
3.	Quản trị doanh nghiệp	3
TC		7

6) Thực tập cuối khóa và Khóa luận tốt nghiệp: Có 15 tín chỉ bao gồm các học phần cung cấp cho sinh viên khả năng vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học kỹ trong 5 khối kiến thức trên vào thực tế xã hội nhằm giải quyết một vấn đề trong lĩnh vực dược. Các sinh viên không đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp theo quy định của Nhà trường sẽ học 5 học phần thay thế. Cụ thể gồm các học phần sau:

Bảng 2.7: Thực tập cuối khóa và Khóa luận tốt nghiệp

STT	Tên học phần	Số TC
1	Thực tập cuối khóa	5
2	SV làm KLTN hay học 5 HP thay thế	10
a	Khóa luận tốt nghiệp	10
B	Học 5 học phần thay thế. Chọn b1 hay b2:	10
b1	Các môn bắt buộc hệ dược bệnh viện (a)	10
1	Đảm bảo chất lượng thuốc	2
2	Sử dụng thuốc trong điều trị	2
3	Sức khỏe môi trường	2
4	Kinh tế doanh nghiệp	2
5	Marketing dược phẩm	2
b2	Các môn bắt buộc hệ phân phối (b)	10
1	Truyền thông và giáo dục sức khỏe	2
2	Dược bệnh viện	2
3	Thông tin thuốc & Cảnh giác thuốc	2
4	Logistic	2
5	Kỹ năng giao tiếp & bán hàng	2
TC		15

Các khối kiến thức được thiết kế sao cho nội dung đáp ứng được chuẩn đầu ra của CTĐT, được thể hiện trong Bảng 2.2

Bảng 2.8: Ma trận giữa các khối kiến thức và PLOs

ST T	THÀNH PHẦN	Số TC		PLOs												
		Số lượng	%	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
1	Kiến thức giáo dục đại cương	32	19,7	X							X	X	X	X	X	X
2	Kiến thức cơ sở	36	22,2				X				X	X	X	X	X	X
3	Kiến thức chung của ngành chính	41	25,3		X	X	X	X	X	X				X	X	X
4	Kiến thức chuyên sâu của ngành chính	31	19,1		X	X	X	X	X	X			X	X	X	X
5	Kiến thức bổ trợ tự do	7	4,3										X	X	X	X
6	Thực tập cuối khóa và Khóa luận tốt nghiệp	15	9,2	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
	Tổng cộng	162	100													

2.2. Danh sách các học phần

Nội dung chương trình (TC: Tín chỉ; LT: Lý thuyết; TH: Thực hành, thí nghiệm, hoặc thảo luận; ĐA: Đề án; TT: Thực tập)

- Không tính các học phần có dấu *

Bảng 2.9: Danh sách các học phần

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC				
			TC	LT	TH	ĐA	TT
1. GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			32	27	5		
1.	081088	Triết học Mác- Lênin	3	3			
2.	081089	Kinh tế chính trị Mác- Lênin	2	2			
3.	081090	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2			
4.	081003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2			
5.	081091	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2			
6.	081087	Anh văn căn bản	3	3			
7.	081009	Tiếng Anh TOEIC 1	2	2			
8.	081036	Lý thuyết xác suất và thống kê	3	2	1		
9.	081017	Tin học đại cương	3	2	1		
10.	071074	Sinh học đại cương	3	2	1		
11.	071072	Hóa vô cơ	3	2	1		
12.	081097	Vật lý đại cương	4	3	1		
13.		Giáo dục quốc phòng, an ninh *	8				
14.	081099	Giáo dục quốc phòng, an ninh HP 1*	2				
15.	081100	Giáo dục quốc phòng, an ninh HP 2*	2				
16.	081101	Giáo dục quốc phòng, an ninh HP 3,4*	4				
17.	081106	Giáo dục thể chất 1*	1				
18.	081019	Giáo dục thể chất 2*	2				
2. KIẾN THỨC CƠ SỞ			36	26	10		
19.	071070	Giải phẫu	2	1	1		
20.	071078	Sinh lý	3	2	1		
21.	071068	Vi sinh	2	1	1		
22.	071082	Ký sinh	2	1	1		
23.	071093	Sinh lý bệnh và miễn dịch	3	3			
24.	071092	Bệnh học	3	3			
25.	071080	Thực vật dược	4	3	1		
26.	071084	Hóa lý	3	2	1		

27.	071086	Hóa sinh	4	3	1		
28.	071078	Hóa hữu cơ	4	3	1		
29.	071090	Hóa phân tích 1	3	2	1		
30.	071094	Hóa phân tích 2	3	2	1		
3. KIẾN THỨC CHUNG CỦA NGÀNH CHÍNH			41	30	11		
31.	071067	Thực hành dược khoa	3		3		
32.	071089	Dược động học	2	2			
33.	071129	Độc chất học	2	2			
34.	071088	Dược học cổ truyền	2	2			
35.	071098	Dược liệu 1	4	3	1		
36.	071102	Dược liệu 2	4	3	1		
37.	071096	Hóa dược 1	3	2	1		
38.	071104	Hóa dược 2	4	3	1		
39.	071100	Bào chế và Sinh dược học 1	4	3	1		
40.	071109	Bào chế và Sinh dược học 2	4	3	1		
41.	071106	Dược lý 1	3	2	1		
42.	071111	Dược lý 2	4	3	1		
43.	071113	Dược lâm sàng 1	2	2			
4. KIẾN THỨC CHUYÊN SÂU CỦA NGÀNH CHÍNH			31	28	3		
44.	071108	Kinh tế dược	3	3			
45.	071114	Dược lâm sàng 2	3	2	1		
46.	071116	Các nguyên tắc thực hành tốt GP's	2	2			
47.	071128	Anh văn chuyên ngành Dược	3	3			
48.	071121	Dược xã hội học	2	2			
49.	071122	Vi tính dược	2	1	1		
50.	071117	Kiểm nghiệm thuốc	4	3	1		

51.	071119	Pháp chế dược	3	3			
52.	071120	Quản lý và kinh tế dược	3	3			
Các môn bắt buộc hệ dược bệnh viện (a): 6 TC							
53.	071123	Dược bệnh viện	2	2			
54.	071124	Thông tin thuốc & Cảnh giác thuốc	2	2			
55.	071125	Xét nghiệm lâm sàng	2	2			
Các môn bắt buộc hệ dược phân phối: 6 TC							
56.	051097	Kinh tế Doanh nghiệp	2	2			
57.	071126	Marketing dược phẩm	2	2			
58.	071127	Mỹ phẩm và Thực phẩm chức năng	2	2			
5. KIẾN THỨC BỔ TRỢ TỰ DO			7	5	2		
59.	081096	Khởi tạo doanh nghiệp	2	1	1		
60.	081031	Phương pháp NCKH	2	1	1		
61.	051096	Quản trị doanh nghiệp	3	3			
6. THỰC TẬP CUỐI KHÓA VÀ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP						15	
62.	071034	Thực tập cuối khóa	5				5
63.	091016	Khóa luận tốt nghiệp	10			10	
Không làm KLTN, SV học 5 HP thay thế sau:							
Các môn bắt buộc hệ dược bệnh viện (a): 10 TC							
64.	071130	Đảm bảo chất lượng thuốc	2	2			
65.	071131	Sử dụng thuốc trong điều trị	2	2			
66.	071032	Sức khỏe môi trường	2	2			
67.	051097	Kinh tế doanh nghiệp	2	2			
68.	071126	Marketing dược phẩm	2	2			
Các môn bắt buộc hệ phân phối (b): 10 TC							
69.	071033	Truyền thông và giáo dục sức khỏe	2	2			
70.	071123	Dược bệnh viện	2	2			
71.	071124	Thông tin thuốc & Cảnh giác thuốc	2	2			
72.	051198	Logistic	2	2			
73.	051099	Kỹ năng giao tiếp & bán hàng	2	2			

2.3. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Bảng 2.10: Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình PLOs												
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG															
1.	081088	Triết học Mác-Lênin	X							X	X	X	X	X	X
2.	081089	Kinh tế chính trị Mác- Lênin	X							X	X	X	X	X	X
3.	081090	Chủ nghĩa xã hội khoa học	X							X	X	X	X	X	X
4.	081003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	X							X	X	X	X	X	X
5.	081091	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	X							X	X	X	X	X	X
6.	081087	Anh văn căn bản								X		X			
7.	081009	Tiếng Anh TOEIC 1								X		X			
8.	081036	Lý thuyết xác suất và thống kê	X									X			
9.	081017	Tin học đại cương									X	X			
10.	071074	Sinh học đại cương	X									X			
11.	071072	Hóa vô cơ	X									X			
12.	081097	Vật lý đại cương	X									X			
13.		Giáo dục QP, an ninh*	X											X	X
14.	081099	Giáo dục quốc phòng, an ninh HP 1*	X											X	X
15.	081100	Giáo dục quốc phòng, an ninh HP 2*	X											X	X
16.	081101	Giáo dục quốc phòng, an ninh HP 3,4*	X											X	X
17.	081106	Giáo dục thể chất 1*	X												
18.	081019	Giáo dục thể chất 2*	X												
KIẾN THỨC CƠ SỞ															
19.	071070	Giải phẫu		X	X	X	X					X			
20.	071078	Sinh lý		X	X	X	X					X			
21.	071068	Vi sinh		X	X	X	X					X			
22.	071082	Ký sinh		X	X	X	X					X			
23.	071093	Sinh lý bệnh và miễn dịch		X	X	X	X					X			
24.	071092	Bệnh học		X	X	X	X					X			
25.	071080	Thực vật dược		X	X	X	X					X			
26.	071084	Hóa lý		X	X	X	X					X			

27.	071086	Hóa sinh		X	X	X	X				X			
28.	071078	Hóa hữu cơ		X	X	X	X				X			
29.	071090	Hóa phân tích 1		X	X	X	X				X			
30.	071094	Hóa phân tích 2		X	X	X	X				X			
KIẾN THỨC CHUNG CỦA NGÀNH CHÍNH														
31.	071067	Thực hành dược khoa		X	X	X	X				X			
32.	071089	Dược động học		X	X	X	X				X			
33.	071129	Độc chất học		X	X	X	X				X			
34.	071088	Dược học cổ truyền		X	X	X	X				X			
35.	071098	Dược liệu 1		X	X	X	X				X			
36.	071102	Dược liệu 2		X	X	X	X				X			
37.	071096	Hóa dược 1		X	X	X	X				X			
38.	071104	Hóa dược 2		X	X	X	X				X			
39.	071100	Bào chế và Sinh dược học 1		X	X	X	X				X			
40.	071109	Bào chế và Sinh dược học 2		X	X	X	X				X			
41.	071106	Dược lý 1		X	X	X	X				X			
42.	071111	Dược lý 2		X	X	X	X				X			
43.	071113	Dược lâm sàng 1		X	X	X	X				X			
KIẾN THỨC CHUYÊN SÂU CỦA NGÀNH CHÍNH														
44.	071108	Kinh tế dược		X	X	X	X				X			
45.	071114	Dược Lâm sàng 2		X	X	X	X				X			
46.	071116	Các nguyên tắc thực hành tốt GP's		X	X	X	X				X			
47.	071128	Anh văn chuyên ngành Dược		X	X	X	X		X		X			
48.	071121	Dược xã hội học		X	X	X	X				X			
49.	071122	Vi tính dược		X	X	X	X			X	X			
50.	071117	Kiểm nghiệm thuốc		X	X	X	X				X			

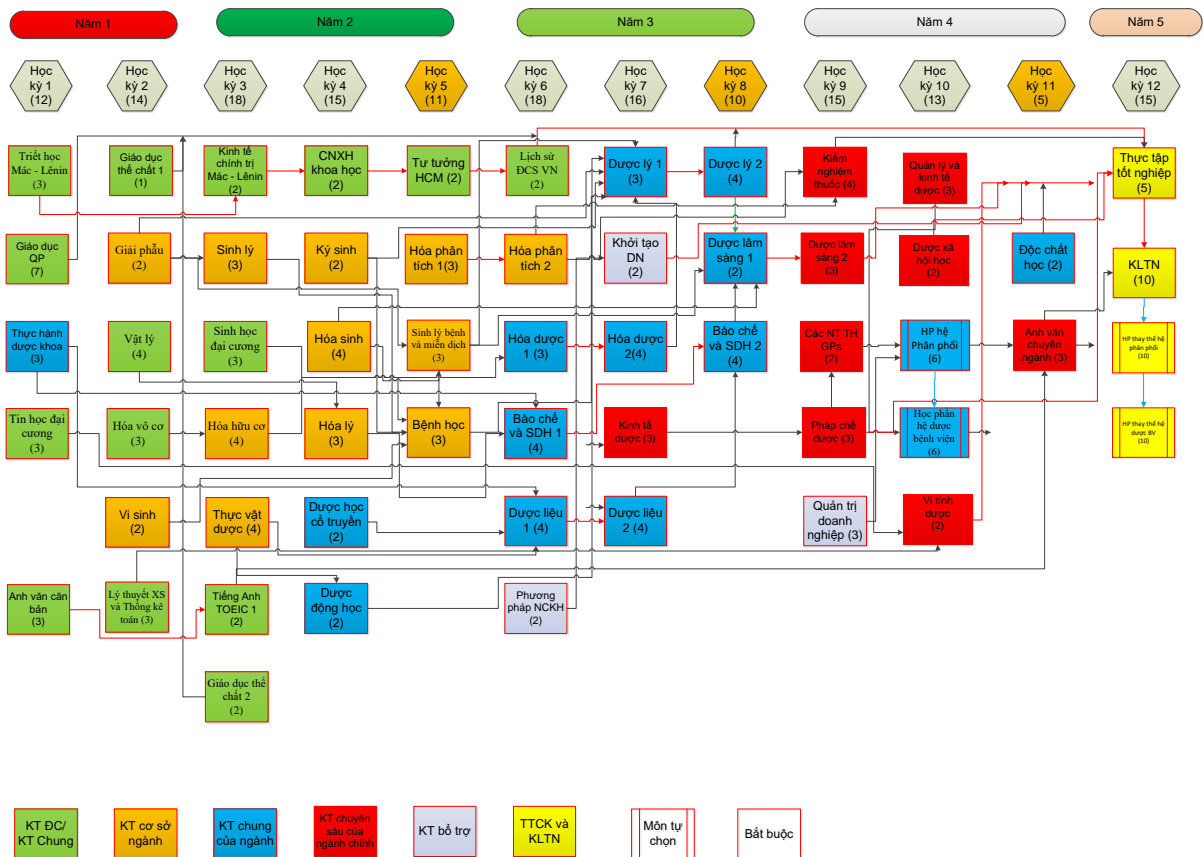
51.	071119	Pháp chế dược		X	X	X	X				X			
52.	071120	Quản lý và kinh tế dược		X	X	X	X				X			
Các môn bắt buộc hệ dược bệnh viện														
53.	071123	Dược bệnh viện		X	X	X	X				X			
54.	071124	Thông tin thuốc & Cảnh giác thuốc		X	X	X	X				X			
55.	071125	Xét nghiệm lâm sàng		X	X	X	X				X			
Các môn bắt buộc hệ dược phân phối														
56.	051097	Kinh tế Doanh nghiệp		X	X	X	X				X			
57.	071126	Marketing dược phẩm		X	X	X	X				X			
58.	071127	Mỹ phẩm và Thực phẩm chức năng		X	X	X	X				X			
KIẾN THỨC BỔ TRỢ														
59.	081096	Khởi tạo doanh nghiệp						X			X			
60.	081031	Phương pháp NCKH	X											
61.	051096	Quản trị doanh nghiệp						X			X	X	X	X
THỰC TẬP CUỐI KHÓA VÀ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP														
62.	071034	Thực tập cuối khóa (hệ phân phối hoặc hệ dược bệnh viện)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
63.	091016	Làm khóa luận tốt nghiệp (nếu đủ điều kiện theo quy định của trường).	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
		Hay học bổ sung các học phần thay thế sau:												
Các môn bắt buộc hệ dược bệnh viện														
64.	071130	Đảm bảo chất lượng thuốc		X	X	X	X				X			
65.	071131	Sử dụng thuốc trong điều trị		X	X	X	X				X			
66.	071032	Sức khỏe môi trường		X	X	X	X				X			
67.	051097	Kinh tế doanh nghiệp		X	X	X	X				X			
68.	071126	Marketing dược phẩm		X	X	X	X				X			

Các môn bắt buộc hệ phân phối													
69.	071033	Truyền thông và giáo dục sức khỏe		X	X	X	X					X	
70.	071123	Dược bệnh viện		X	X	X	X					X	
71.	071124	Thông tin thuốc & Cảnh giác thuốc		X	X	X	X					X	
72.	051198	Logistic		X	X	X	X					X	
73.	051099	Kỹ năng giao tiếp & bán hàng		X	X	X	X					X	

2.4. Sơ đồ chương trình

Mối quan hệ:

	Học phần tiên quyết là học phần đã được học trước và phải đạt (Học phần cuối mũi tên là tiên quyết của học phần đầu mũi tên)
	Học phần học trước là học phần đã được học trước (và có thể chưa đạt) (học phần cuối mũi tên là học trước của học phần đầu mũi tên)
	Học phần song hành học phần học cùng thời điểm hoặc đã học trước (Tùy thuộc vào hướng mũi tên, học phần cuối mũi tên có thể không cần học cùng với học phần đầu mũi tên; ngược lại, học phần đầu mũi tên phải học cùng với học phần cuối mũi tên)



Hình 2.1: Sơ đồ chương trình

2.5. Kế hoạch giảng dạy

Bảng 2.11: Kế hoạch giảng dạy

HỌC KỲ 1 - Năm thứ nhất											
ST T	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Trong đó (TC)				Điều kiện			Ghi chú
				LT	TH	Đ A	T T	Tiên quyết	Học trước	Song hành	
1	081088	Triết học Mác - Lênin	3	3							
2	081087	Anh văn căn bản	3	3							
3	081017	Tin học đại cương	3	2	1						
4	071067	Thực hành Dược khoa	3		3						
5	081101	Giáo dục quốc phòng, an ninh*	8								
5.1	081099	Giáo dục quốc phòng, an ninh HP 1	2								
5.2	081100	Giáo dục quốc phòng, an ninh HP 2	2								
5.3	081101	Giáo dục quốc phòng, an ninh HP 3,4	4								
		Kỹ năng giao tiếp, thiết lập và duy trì quan hệ xã hội	1	0.5	0.5						
TC			12	8	4						
* Không tính QPAN											
HỌC KỲ 2 - Năm thứ nhất											
1	081097	Vật lý đại cương	4	3	1						
2	081036	Lý thuyết xác suất & thống kê	3	2	1						
3	071068	Vi sinh	2	1	1						
4	071070	Giải phẫu	2	1	1						
5	071072	Hóa vô cơ	3	2	1						
6	081106	Giáo dục thể chất 1*	1		1						
		Kỹ năng thuyết trình và làm việc nhóm	2	1	1						
TC			14	8	5						
* Không tính GDTC 1											
HỌC KỲ 1- Năm thứ hai											
1	081089	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2							
2	081009	Tiếng Anh TOEIC 1	2	2							
3	071074	Sinh học đại cương	3	2	1						
4	071078	Hóa hữu cơ	4	3	1						
5	071078	Sinh lý	3	2	1						
6	071080	Thực vật dược	4	3	1						
7	081019	Giáo dục thể chất 2*	2								
		Kỹ năng lập mục tiêu và học tập bậc đại học	1	0.5	0.5						
TC			18	14	4						

* Không tính GDTC 2										
HỌC KỲ 2- Năm thứ hai										
1	081090	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2						
2	071082	Ký sinh	2	1	1					
3	071084	Hóa lý	3	2	1					
4	071086	Hóa sinh	4	3	1					
5	071088	Dược học cổ truyền	2	2						
6	071089	Dược động học	2	2						
		Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc	1	0.5	0.5					
TC			15	12	3					
HỌC KỲ 3- Năm thứ hai										
1	081003	Tư tưởng HCM	2	2						
2	071090	Hóa phân tích 1	3	2	1					
3	071092	Bệnh học	3	3						
4	071093	Sinh lý bệnh và miễn dịch	3	3						
		Kỹ năng giải tỏa căng thẳng và giải quyết mâu thuẫn	1	0.5	0.5					
TC			11	10	1					
HỌC KỲ 1- Năm thứ ba										
1	081091	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2						
2	081031	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1	1					
3	071094	Hóa phân tích 2	3	2	1					
4	071096	Hóa dược 1	3	2	1					
5	071098	Dược liệu 1	4	3	1					
6	071100	Bào chế và sinh dược học 1	4	3	1					
		Kỹ năng viết EMAIL, lập hồ sơ ứng tuyển và trả lời phỏng vấn xin việc	1	0.5	0.5					
TC			18	13	5					
HỌC KỲ 2- Năm thứ ba										
1	081096	Khởi tạo doanh nghiệp	2	1	1					
2	071102	Dược liệu 2	4	3	1					
3	071104	Hóa dược 2	4	3	1					
4	071106	Dược lý 1	3	2	1					
5	071108	Kinh tế dược	3	3						
TC			16	12	4					
HỌC KỲ 3- Năm thứ ba										
1	071109	Bào chế và sinh dược học 2	4	3	1					
2	071111	Dược lý 2	4	3	1					
3	071113	Dược lâm sàng 1	2	2						

TC			10	8	2						
HỌC KỲ 1- Năm thứ tư											
1	051096	Quản trị doanh nghiệp	3	3							
2	071114	Dược lâm sàng 2	3	2	1						
3	071116	Các nguyên tắc thực hành tốt GPs	2	2							
4	071117	Kiểm nghiệm thuốc	4	3	1						
5	071119	Pháp chế dược	3	3							
TC			15	13	2						
HỌC KỲ 2- Năm thứ tư											
1	071120	Quản lý và kinh tế dược	3	3							
2	071121	Dược xã hội học	2	2							
3	071122	Vi tính dược	2	1	1						
Các môn bắt buộc hệ dược bệnh viện (a): 6 TC											
4a	071123	Dược bệnh viện	2	2							
5a	071124	Thông tin thuốc & Cảnh giác thuốc	2	2							
6a	071125	Xét nghiệm lâm sàng	2	2							
Các môn bắt buộc hệ phân phối (b): 6 TC											
4b	051097	Kinh tế Doanh nghiệp	2	2							
5b	071126	Marketing dược phẩm	2	2							
6b	071127	Mỹ phẩm và thực phẩm chức năng	2	2							
TC			13	12	1						
HỌC KỲ 3- Năm thứ tư											
1	071128	Anh văn chuyên ngành Dược	3	3							
2	071129	Độc chất học	2	2							
TC			5	5							
HỌC KỲ 1 - Năm thứ năm											
1	071034	Thực tập cuối khóa (hệ phân phối hoặc hệ dược bệnh viện)	5				5				
2	091016	Làm khóa luận tốt nghiệp (nếu đủ điều kiện theo quy định của trường).	10							10	
		Hay học bổ sung các học phần thay thế sau:	10	10							
TC			15	10			5				
Các môn bắt buộc hệ dược bệnh viện (a): 10 TC											
3a	071130	Đảm bảo chất lượng thuốc	2	2							
4a	071131	Sử dụng thuốc trong điều trị	2	2							
5a	071032	Sức khỏe môi trường	2	2							
6a	051097	Kinh tế doanh nghiệp	2	2							
7a	071126	Marketing dược phẩm	2	2							

Các môn bắt buộc hệ phân phối (b): 10 TC										
3b	071033	Truyền thông và giáo dục sức khỏe	2	2						
4b	071123	Dược bệnh viện	2	2						
5b	071124	Thông tin thuốc & Cảnh giác thuốc	2	2						
6b	051098	Logistics	2	2						
7b	051099	Kỹ năng giao tiếp & bán hàng	2	2						
TC			10						10	

2.6. Mô tả tóm tắt nội dung và khối lượng các học phần:

1) Triết học Mác - Lênin: 3 TC

- Học phần được tạo lập từ những kiến thức chuyên sâu về triết học Mác – Lênin bao gồm: khái luận về triết học; những nội dung cơ bản thuộc về thế giới quan và phương pháp luận chung của nhận thức và thực tiễn; những nội dung lý luận triết học về xã hội và con người được thể hiện trong học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, triết học chính trị, ý thức xã hội và triết học về con người

2) Kinh tế chính trị Mác - Lênin: 2 TC

- HP này bao gồm các nội dung cơ bản về lý luận kinh tế chính trị: Nguồn gốc, quá trình hình thành kinh tế chính trị Mác - Lênin; Lý luận về hàng hóa - tiền tệ và giá trị thặng dư; về chủ nghĩa tư bản hiện đại và các nội dung của kinh tế chính trị thời kỳ quá độ ở Việt Nam: Thời kỳ quá độ và các nội dung nhiệm vụ kinh tế - chính trị, sự vận dụng của Đảng và Nhà nước ta đối với các nhiệm vụ, nội dung của thời kỳ quá độ.

3) Chủ nghĩa xã hội khoa học: 2 TC

- Học phần này bao gồm những nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học, cung cấp cho sinh viên những căn cứ lý luận khoa học để hiểu Cương lĩnh xây dựng đất nước, đường lối chính sách xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; lý giải và có thái độ đúng đắn với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội - con đường mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn.

4) Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam: 2 TC

- HP này bao gồm những nội dung cơ bản của Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, giúp cho sinh viên hiểu biết một cách có hệ thống và tương đối toàn diện về sự ra đời, về sứ mệnh lịch sử, tổ chức và lãnh đạo cách mạng của Đảng (bằng Cương lĩnh, chiến lược các định hướng lớn về chính sách chủ trương công tác tuyên truyền, vận động,

kiểm tra, tổ chức quần chúng đấu tranh, bằng hành động tiên phong gương mẫu của cán bộ đảng viên...)

5) Tư tưởng Hồ Chí Minh: 2 TC

- Tư tưởng Hồ Chí Minh là môn khoa học cung cấp những kiến thức cơ bản về tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh với ý nghĩa là sự vận dụng sáng tạo lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể Việt Nam, đồng thời là cơ sở lý luận trực tiếp trong việc hoạch định đường lối cách mạng Việt Nam từ 1930 đến nay. Học phần này giúp sinh viên hiểu được một cách tương đối đầy đủ và có hệ thống về bối cảnh lịch sử - xã hội, cơ sở hình thành, phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Các nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về: Vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; về CNXH; Trên cơ sở đó góp phần giúp sinh viên hình thành lập trường khoa học và cách mạng, kiên định con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã lựa chọn.

6) Hóa vô cơ (3)

- Môn học cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản về đặc điểm, trạng thái, tính chất lý, hóa và phân loại các nguyên tố như Hydrogen, các nguyên tố thuộc nhóm I đến nhóm VIII.

7) Sinh học đại cương (3)

- Môn học cung cấp kiến thức cơ bản về thành phần của tế bào, sự trao đổi chất và năng lượng, sự di truyền và biến dị; về cơ sở vật chất di truyền cấp độ phân tử, phiên mã, tổng hợp protein.

8) Xác suất & thống kê y dược (3)

- Gồm kiến thức, kỹ năng cơ bản về xác suất và thống kê y học: Định nghĩa, định lý, công thức tính xác suất; Cách chọn mẫu, xác định cỡ mẫu; Xử lý được các số liệu thống kê; Ứng dụng các Test thống kê phù hợp vào từng nghiên cứu; Sử dụng phần mềm để xử lý các thông tin y học nhằm giúp cho công tác thống kê, báo cáo và nghiên cứu khoa học.

9) Truyền thông - giáo dục sức khỏe (2)

- Môn học Truyền thông - Giáo dục sức khỏe (TT- GDSK) cung cấp cho sinh viên các khái niệm, kỹ năng, phương tiện và phương pháp TT- GDSK. Học phần còn giúp sinh viên biết lập kế hoạch TT-GDSK ở cộng đồng và đánh giá kết quả GDSK.

10) Vật lý (4)

- Môn học Vật lý được cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cơ, nhiệt, dòng điện, quang học và các ứng dụng của chúng để phục vụ cho chuyên ngành Dược.

11) Khởi tạo doanh nghiệp (2)

- Giúp sinh viên hệ thống hóa và bổ sung những kiến thức cơ bản cần thiết, có liên quan trực tiếp tới quá trình khởi tạo doanh nghiệp. Môn học này giúp sinh viên đánh giá được khả năng kinh doanh của mình, có thể chọn một ý tưởng kinh doanh, biên ý tưởng của mình thành 1 bản kế hoạch hành động cụ thể mang tính thực tiễn cao, có thể xúc tiến thành lập cơ sở kinh doanh, giúp sinh viên làm giàu chân chính cho bản thân, gia đình và xã hội ngay từ khi còn trên giảng đường đại học

12) Phương pháp NCKH (2)

- Môn học Phương pháp nghiên cứu khoa học (NCKH) trang bị cho sinh viên các khái niệm cơ bản liên quan đến nghiên cứu khoa học, quy trình thực hiện một nghiên cứu khoa học, cách viết và trình bày một đề cương và báo cáo đề tài nghiên cứu nhằm phục vụ cho việc tiến hành đề tài NCKH hay khóa luận tốt nghiệp.

13) Tin học đại cương (3 TC)

- Nội dung: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức đại cương về tin học, về cấu tạo và vận hành của máy tính điện tử, cách sử dụng một số hệ điều hành thông dụng (MS DOS, Windows) và khai thác mạng máy tính nhằm giúp cho sinh viên hình thành và phát triển các kỹ năng sử dụng máy tính trong học tập cũng như trong các hoạt động của mình sau này.

14) Giáo dục thể chất 1,2 (3)

- Nội dung ban hành tại Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12/9/1995 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quyết định số 1262/GD – ĐT ngày 12/4/1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

15) Giáo dục quốc phòng (8)

- Môn học Giáo dục quốc phòng trang bị cho sinh viên về lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quân sự, các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh. Môn học cũng đề cập đến một số vấn đề về dân tộc, tôn giáo, và đấu tranh phòng chống việc lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để

chống phá cách mạng Việt Nam. Môn học còn cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về bản đồ, địa hình quân sự, các phương tiện chỉ huy để phục vụ cho nhiệm vụ chiến đấu và chỉ huy chiến đấu. Sinh viên được huấn luyện những động tác cơ bản chiến thuật, chiến đấu bộ binh, các tư thế vận động trên chiến trường ...

16) Anh văn căn bản (3)

- Cung cấp những kiến thức và kỹ năng cơ bản nhất về tiếng Anh làm nền tảng vững chắc giúp sinh viên có thể đạt trình độ A

17) Tiếng Anh TOEIC 1 (2)

- Theo chuẩn TOEIC quốc tế cho từng cấp độ

18) Bệnh học (3)

- Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng và phương pháp điều trị một số bệnh thường gặp.

19) Giải phẫu (2)

- Môn học Giải phẫu cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về giải phẫu của các hệ cơ quan trong cơ thể người.

20) Hóa hữu cơ (4)

- Môn học Hóa hữu cơ cung cấp cho sinh viên những kiến thức về các hiệu ứng điện tử, hiệu ứng lập thể; về cơ chế phản ứng, đồng phân; về các nhóm định chức chính: danh pháp, điều chế, hóa tính, ứng dụng trong Dược.

21) Hóa lý (3)

- Môn học cung cấp cho sinh viên những nguyên tắc hóa lý ứng dụng trong ngành dược; mối liên quan giữa các đại lượng cơ bản của nhiệt động học với cân bằng pha và các thuộc tính của dung dịch; các kiến thức về các hệ phân tán, điện hóa, động học các phản ứng hóa học, quá trình hòa tan, khuếch tán, các dạng bề mặt và hiện tượng bề mặt.

22) Hóa phân tích 1 (3)

- Môn học Hóa phân tích 1 cung cấp cho sinh viên kiến thức về phân tích định lượng bằng phép đo thể tích và đo khối lượng gồm: phương pháp acid-base, tạo phức, oxy hoá - khử, kết tủa, khối lượng.

23)Hóa phân tích 2 (3)

- Môn học Hóa phân tích 2 cung cấp cho sinh viên những kiến thức đại cương về nguyên lý, ứng dụng của các phương pháp: điện hóa, volt –ampe, quang phổ tử ngoại – khả kiến, hồng ngoại, huỳnh quang, quang phổ nguyên tử vào phân tích thuốc. Môn học cũng trang bị cho sinh viên các kiến thức về các phương pháp tách – chiết, các phương pháp sắc ký, điện di mao quản trong kiểm nghiệm thuốc.

24)Hóa sinh (4)

- Môn học Hóa sinh cung cấp cho sinh viên những kiến thức về cấu tạo, cơ chế tác dụng sinh học và quá trình chuyển hoá của các chất tham gia vào hoạt động sống của cơ thể: protid, glucid, lipid, enzym, hormon... Học phần còn trang bị cho sinh viên những kiến thức về quá trình chuyển hóa xảy ra ở mô, ở các cơ quan chủ yếu trong cơ thể.

25)Ký sinh (2)

- Môn học Ký sinh cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản về ký sinh trùng, bệnh học sốt rét; về các đặc điểm sinh học, hình thái, sinh lý, chu kỳ phát triển của nấm, giun, sán, amip. Học phần cũng cung cấp cho sinh viên phương pháp chẩn đoán bệnh, nguyên tắc điều trị, thực hành lấy mẫu, làm tiêu bản đối với một số ký sinh trùng gây bệnh thường gặp.

26)Sinh lý (3)

- Môn học Sinh lý cung cấp cho sinh viên những kiến thức về sinh lý của tế bào, của mô, của máu; sinh lý của các hệ cơ quan quan trọng của cơ thể người.

27)Sinh lý bệnh và miễn dịch (3)

- Môn học Sinh lý bệnh và miễn dịch cung cấp cho sinh viên những kiến thức đại cương về sinh lý bệnh, về rối loạn chuyển hoá glucid, lipid, protid, chuyển hoá nước, điện giải; về rối loạn cân bằng acid – base, rối loạn thân nhiệt, sinh lý bệnh quá trình viêm. Học phần này còn cung cấp cho sinh viên những kiến thức đại cương về miễn dịch học và miễn dịch bệnh lý, cơ chế hình thành miễn dịch, nguyên lý tác dụng của vaccin và ứng dụng trong việc phòng và điều trị bệnh.

28)Thực hành dược khoa (3)

Môn học gồm 3 phần:

- Thực hành bào chế: Pha chế một số dạng bào chế đơn giản (1TC).

- Thực hành nhận biết dược liệu: nhận biết các dược liệu tươi và khô thông dụng (1TC).
- Tham quan tại một Công ty dược phẩm, sau đó làm báo cáo (1TC).

29)Thực vật dược (4)

- Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức đại cương về thực vật học, mô tả các cơ quan sinh dưỡng, sinh sản của thực vật. Học phần còn trang bị cho sinh viên về nguyên tắc chung và phương pháp để phân loại thực vật.

30)Vi sinh (2)

- Môn học Vi sinh cung cấp cho sinh viên những kiến thức về cấu tạo, đặc điểm sinh hoá, sinh lý và di truyền của vi sinh vật; đặc điểm, khả năng gây bệnh một số vi khuẩn, virus thường gặp.

31)Anh văn chuyên ngành Dược (3)

- Môn học cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng cơ bản về dược để giúp sinh viên có khả năng đọc, dịch và phân tích các tài liệu chuyên môn.

32)Bào chế và sinh dược học 1 (3)

- Môn học Bào chế và sinh dược học 1 cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về đặc điểm, thành phần công thức, kỹ thuật bào chế, yêu cầu chất lượng và sinh dược học của các dạng bào chế thuộc hệ phân tán đồng thể bao gồm dung dịch thuốc uống và dùng ngoài, thuốc tiêm, thuốc nhỏ mắt, cao thuốc, cồn thuốc. Ngoài ra sinh viên còn được thực hành bào chế và kiểm nghiệm chất lượng một số dạng bào chế thông thường thuộc hệ phân tán đồng thể.

33)Bào chế và sinh dược học 2: 4 tc

- Môn học Bào chế và sinh dược học 2 cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về đặc điểm, thành phần công thức, kỹ thuật bào chế, yêu cầu chất lượng và sinh dược học của các dạng bào chế thuộc hệ phân tán dị thể: nhũ tương, hỗn dịch, thuốc mỡ, thuốc đạn, thuốc bột, thuốc cốm, thuốc viên và thuốc nang. Ngoài ra sinh viên còn thực hành bào chế và đánh giá chất lượng một số dạng bào chế thông thường thuộc hệ phân tán dị thể.

34)Các nguyên tắc thực hành tốt (GP's) (2)

- Môn học này cung cấp cho sinh viên các hướng dẫn về thực hành tốt nhà thuốc GPP, thực hành tốt bảo quản thuốc GSP, thực hành tốt phân phối thuốc GDP. Ngoài ra sinh

viên cũng được giới thiệu tổng quát về thực hành tốt sản xuất thuốc GMP, thực hành tốt labo kiểm nghiệm thuốc GLP, thực hành tốt trồng và thu hái dược liệu GACP

35)Đảm bảo chất lượng thuốc (2)

- Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức tổng quát về các khái niệm khác nhau về chất lượng thuốc, đặc biệt là khái niệm về chất lượng thuốc trong sản xuất và vận dụng khái niệm này vào đảm bảo chất lượng thuốc, về thuốc generic; về thuốc giả. Ngoài ra sinh viên còn được trang bị kiến thức về các khái niệm liên quan đến quản lý chất lượng QM, QS, QA và về Quản lý rủi ro về chất lượng QRM.

36)Độc chất học (2)

- Môn học Độc chất học cung cấp cho sinh viên kiến thức về tính chất hóa học và độc tính của một số chất độc thường gặp, phương pháp phát hiện chất độc trong mẫu phân tích và cách xử trí khi ngộ độc.

37)Dược động học (2)

- Môn học Dược động học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về quá trình hấp thu, phân bố, chuyển hóa và thải trừ thuốc trong cơ thể; các thông số đánh giá dược động học của thuốc và phương pháp xác định các thông số này. Ngoài ra môn học cũng trang bị những kiến thức về dược động trên một số đối tượng đặc biệt như thiếu năng thận, thiếu năng gan, theo tuổi tác, tình trạng thai nghén, tình trạng béo phì và dược động khi có tương tác thuốc.

38)Dược học cổ truyền (2)

- Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức đại cương về y học cổ truyền; về cách xây dựng một số phương thuốc cổ truyền; các nguyên tắc chế biến và bào chế một số vị thuốc, loại thuốc cổ truyền.

39)Dược lâm sàng 1 (2)

- Môn học Dược lâm sàng cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản liên quan đến quá trình sử dụng thuốc như: dược động học, phản ứng có hại của thuốc, dị ứng thuốc, độc tính của thuốc, tương tác thuốc. Sinh viên còn được cung cấp những kiến thức để nguyên tắc sử dụng sử dụng NSAIDs, glucocorticoid, kháng sinh và vai trò của hoạt động thông tin thuốc và ADR.

40) Dược lâm sàng 2 (3)

- Môn học Dược lâm sàng 2 cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các nguyên tắc lựa chọn thuốc và phối hợp thuốc trong điều trị đối với một số bệnh lý thường gặp như hen suyễn, gout, huyết khối, Alzheimer, đái tháo đường, suy tim, rối loạn lipid huyết, tăng huyết áp, viêm loét dạ dày - tá tràng. Ngoài ra sinh viên còn được thực hành phân tích một số ca lâm sàng trong một số bệnh như tim mạch, tiêu hoá, hô hấp, nội tiết, thần kinh, cơ xương khớp.

41) Dược liệu 1 (3)

- Môn học Dược liệu 1 cung cấp cho sinh viên kiến thức về tầm quan trọng của dược liệu học điều trị và chăm sóc sức khỏe; về đặc điểm, phân bố, thành phần hoá học chính, tác dụng sinh học của các dược liệu chứa nhóm hợp chất carbon hydrat, glycosid và glycosid trợ tim, saponin, anthraglycosid, flavonoid, coumarin, tannin, monoterpenoid và diterpenoid có trong dược liệu. Sinh viên cũng được thực hành về kiểm nghiệm vi phẫu, chiết xuất, định tính, định lượng một số nhóm hợp chất phổ biến.

42) Dược liệu 2 (4)

- Môn học Dược liệu 2 cung cấp cho sinh viên kiến thức về đặc điểm, phân bố, thành phần hoá học chính, tác dụng sinh học của các dược liệu chứa nhóm hợp chất alkaloid, tinh dầu và nhựa thơm, terpenoid, hợp chất thơm, lipid và các thuốc có nguồn gốc động vật có trong dược liệu. Sinh viên cũng được thực hành về định tính, định lượng một số nhóm hợp chất phổ biến.

43) Dược lý 1: (2)

- Môn học Dược lý 1 cung cấp cho sinh viên kiến thức về các cơ chế tác dụng và các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc. Môn học này cũng giúp sinh viên phân loại một số nhóm thuốc cơ bản; tác dụng, cơ chế tác dụng, tác dụng không mong muốn, chỉ định, chống chỉ định, liều lượng và cách dùng của một số thuốc trong nhóm thuốc tác dụng lên hệ thần kinh trung ương. đường hô hấp, kháng histamin, hormon, giảm đau, hạ sốt, kháng viêm.

44) Dược lý 2 (3)

- Môn học Dược lý 2 cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về dược lý của một số thuốc trong nhóm: thuốc tác động trên hệ thần kinh thực vật; thuốc tim mạch, tiêu hóa, thuốc tác dụng lên quá trình đông máu và tiêu fibrin, điều trị thiếu máu; kháng

sinh, thuốc điều trị ký sinh trùng; vitamin, thuốc chống nấm, kháng virus; thuốc điều trị ung thư. Ngoài ra sinh viên còn thực hành một vài mô hình dược lý thực nghiệm đơn giản để khảo sát, đánh giá tác dụng, độc tính cấp và bán cấp của thuốc.

45) Hóa dược 1 (3)

- Môn học Hóa dược 1 cung cấp cho sinh viên các kiến thức về công thức cấu tạo, tính chất lý hóa quan trọng, nguyên tắc điều chế, kiểm nghiệm của một số thuốc chính như thuốc kháng sinh, kháng virus, kháng ký sinh trùng và một số thuốc thông dụng khác. Ngoài ra sinh viên còn được thực hành tổng hợp hoặc bán tổng hợp, kiểm nghiệm (quy mô labo) một số nguyên liệu làm thuốc đạt tiêu chuẩn dược dụng.

46) Hóa dược 2 (4)

- Môn học Hóa dược 2 cung cấp cho sinh viên các kiến thức về công thức cấu tạo, tính chất lý hóa quan trọng, nguyên tắc điều chế, kiểm nghiệm của một số nhóm thuốc quan trọng như nhóm thuốc tác động lên hệ tim mạch, hệ tiêu hóa, hệ hô hấp, hệ thần kinh trung ương, thuốc tác động lên quá trình dẫn truyền thần kinh; của một số thuốc thông dụng khác như thuốc tác động lên máu và hệ tạo máu, vitamin và khoáng chất, thuốc tác động trên hệ miễn dịch, hormon và thuốc điều chỉnh rối loạn hormon. Ngoài ra sinh viên cũng được thực hành tổng hợp hoặc bán tổng hợp và kiểm nghiệm ở quy mô labo một số nguyên liệu làm thuốc đạt tiêu chuẩn dược dụng.

47) Kiểm nghiệm thuốc (3)

- Môn học Kiểm nghiệm thuốc cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về chất lượng thuốc, phương pháp lấy mẫu và lưu mẫu, một số phương pháp kiểm nghiệm thuốc được ghi trong Dược điển VN. Sinh viên cũng thực hành kiểm nghiệm một số dạng bào chế thông dụng.

48) Kinh tế doanh nghiệp (2)

- Môn học Kinh tế doanh nghiệp cung cấp cho sinh viên các kiến thức nền tảng về kinh tế học ứng dụng nhằm ra quyết định trong các doanh nghiệp. Các kiến thức về cung, cầu, hệ số co giãn cầu ứng dụng trong ra chính sách về giá của doanh nghiệp; Lý thuyết về lợi ích và ứng dụng; Lý thuyết sản xuất, chi phí và chính sách về sản lượng; Lý thuyết cấu trúc thị trường và định giá; kiến thức về các chức năng quản trị doanh nghiệp; Phân tích hiệu quả kinh tế doanh nghiệp; Hội nhập kinh tế quốc tế của doanh nghiệp và Việt Nam.

49) Kinh tế dược (3)

- Môn học Kinh tế dược cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản về kinh tế y tế; về kinh tế vĩ mô và vi mô áp dụng trong lĩnh vực y tế; về kinh tế dược; về các phương pháp phân tích chi phí và các phương pháp phân tích hiệu quả trong kinh tế dược. Ngoài ra sinh viên còn được thực hành về các phương pháp phân tích chi phí y tế và các phương pháp phân tích hiệu quả trong kinh tế dược.

50) Kỹ năng giao tiếp & bán hàng (2)

- Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về kỹ năng giao tiếp cơ bản, về kỹ năng tư vấn sử dụng thuốc, về kỹ năng bán thuốc, kỹ năng giải quyết khiếu nại trong hoạt động bán lẻ và kinh doanh dược phẩm. Ngoài ra sinh viên còn được thực hành về kỹ năng tư vấn sức khỏe và chăm sóc khách hàng. Môn học còn trang bị cho sinh viên kiến thức về tầm quan trọng của khách hàng và công tác chăm sóc khách hàng đối với doanh nghiệp; về tâm lý khách hàng; những yêu cầu cần thiết đối với nhân viên bán hàng và chăm sóc khách hàng và các cách ứng xử tùy theo tính cách khách hàng khác nhau.

51) Logistics (2)

- Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chuỗi cung ứng logistics doanh nghiệp, tổ chức hệ thống thông tin toàn chuỗi, xác định nhu cầu và đáp ứng mong muốn của khách hàng đối với dịch vụ logistics, xử lý đơn hàng, quản trị chính sách dự trữ; cung ứng đúng thời điểm (JIT) và kiểm soát vận chuyển phù hợp mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp, các quy định của ngành liên quan xuất nhập khẩu và phân phối hàng hóa, truy xuất và theo dõi lưu thông hàng hóa trên thị trường.

52) Marketing dược phẩm (3)

- Môn học Marketing dược phẩm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về marketing trong hoạt động kinh doanh cũng như các hoạt động khác. Marketing căn bản làm rõ các nội dung: Khái niệm, phạm vi đối tượng, phương pháp nghiên cứu, lịch sử hình thành và phát triển, nhu cầu, thị trường, phân đoạn thị trường, định vị sản phẩm, chu kỳ đời sống sản phẩm và giới thiệu về Marketing Mix (4 chiến lược cơ bản: Sản phẩm, giá cả, phân phối, chiêu thị).

53)Pháp chế dược (3)

- Môn học Pháp chế dược cung cấp cho sinh viên một số quy chế quan trọng có liên quan đến các lĩnh vực hành nghề dược.

54)Quản lý và kinh tế dược (3)

- Môn học Quản lý và kinh tế dược cung cấp cho sinh viên các kiến thức về các chủ trương chính sách của nhà nước trong quản lý hành nghề dược, chính sách quốc gia về thuốc, về tổ chức quản lý và vai trò của dược sĩ trong một xí nghiệp sản xuất thuốc, công ty phân phối thuốc, nhà thuốc, khoa dược bệnh viện.

55)Quản trị doanh nghiệp (3)

- Môn học Quản trị doanh nghiệp cung cấp cho sinh viên có những kiến thức cơ bản về quản lý nhân sự trong doanh nghiệp; về quản lý điều hành hiệu quả nhất các yếu tố sản xuất; về quản trị chiến lược, nguyên lý quản trị chiến lược của doanh nghiệp.

56)Quảng cáo thương hiệu - giới thiệu thuốc (2)

- Môn Quảng cáo thương hiệu - giới thiệu thuốc trang bị cho người học những kiến thức khái quát cơ bản nhất về các vấn đề liên quan đến công tác quản lý, phát triển thương hiệu và các biện pháp, kỹ thuật nhằm phát triển thương hiệu sản phẩm dược. Đồng thời môn học cung cấp cho người học những kỹ năng, biện pháp và quy trình giới thiệu thuốc và các sản phẩm dược phẩm ở Việt Nam.

57)Sử dụng thuốc trong điều trị (2)

- Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cơ chế bệnh sinh, nguyên tắc điều trị, các phác đồ điều trị và cập nhật các phác đồ điều trị mới đối với các bệnh thường gặp; Các nguyên tắc lựa chọn thuốc và phối hợp thuốc trong điều trị; Các tác dụng phụ thường thấy và cách xử trí khi sử dụng thuốc.

58)Sức khỏe môi trường (2)

- Môn học Sức khỏe môi trường cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khỏe môi trường; các yếu tố xã hội ảnh hưởng đến sức khỏe môi trường; các bệnh lây nhiễm, bệnh không lây nhiễm và phương pháp kiểm soát; giới thiệu thuốc và hành vi sử dụng thuốc trong cộng đồng. Môn học tập trung vào vấn đề tương tác giữa xã hội và điều trị bệnh trong cộng đồng, các biện pháp phòng bệnh và điều trị không dùng thuốc đối với các bệnh thường gặp trong cộng đồng.

59)Thực tập tốt nghiệp (3)

- Môn học giúp sinh viên được tìm hiểu những kiến thức thực tiễn liên quan đến hoạt động mua, bán, tồn trữ, phân phối thuốc tại công ty bán buôn dược phẩm; và các nguyên tắc của GPs có liên quan.
- Cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng thực tiễn của dược sĩ tại nhà thuốc từ đó sẽ giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng quản lý, điều hành nhà thuốc cũng như kỹ năng bán hàng, giao tiếp và tư vấn người bệnh.
- Môn học còn giúp sinh viên được tìm hiểu những kiến thức và rèn luyện kỹ năng thực hành trong môi trường thực tiễn nghề nghiệp tại một Khoa dược bệnh viện. Các nội dung thực tế như: Các hoạt động của Khoa dược; Chức năng nhiệm vụ của người Dược sĩ tại Khoa dược bệnh viện và Hội đồng thuốc và điều trị; Các phân tích cơ bản tại Khoa dược phục vụ xây dựng danh mục cung ứng thuốc; Xây dựng một danh mục thuốc; Biên soạn Quy trình thao tác chuẩn - SOP; các hoạt động dự trữ nhập, xuất, cấp phát, bảo quản, kiểm kê thuốc; hoạt động đấu thầu thuốc tại bệnh viện. Ngoài ra sinh viên còn tìm hiểu về các hoạt động Dược lâm sàng, Thông tin thuốc, Cảnh giác dược tại bệnh viện và hoạt động tư vấn tại nhà thuốc bệnh viện.

60)Dược xã hội học (2)

- Dược xã hội học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Dược xã hội học, sự cần thiết của môn học này đối với Dược sĩ; về bản chất xã hội của thuốc. Trang bị những nội dung chủ yếu của tuyên bố Alma - Ata, tuyên bố thiên niên kỷ của FIP, tuyên bố của hiệp hội sinh viên về tương lai người Dược sĩ. Từ đó giúp sinh viên hiểu được các đặc trưng của Dược sĩ 7 sao, vai trò thiết yếu của Dược sĩ đối với việc sử dụng thuốc của xã hội như: sử dụng thuốc hợp lý; kiểm soát đề kháng đối với thuốc kháng sinh; thông tin thuốc cho người bệnh; vấn đề tự dùng thuốc của người bệnh; cải thiện sức khỏe của bà mẹ, trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ; tìm hiểu về quan điểm của Đảng và Nhà Nước về y tế, về chính sách thuốc quốc gia, thuốc thiết yếu theo khuyến cáo WHO và của Việt Nam và đạo đức ngành nghề dược.

61)Vi tính dược (2)

- Môn học Vi tính dược cung cấp cho sinh viên những kiến thức về phân tích thống kê mô tả, phân tích tương quan & hồi quy, phân biệt biên định tính, định lượng, trắc

nghiệm giả thuyết thống kê; lấy mẫu ngẫu nhiên, xác định cỡ mẫu; ứng dụng của các phần mềm phổ thông và chuyên dụng trong ngành dược.

62) Khóa luận tốt nghiệp (10)

- Làm khóa luận tốt nghiệp giúp SV bước đầu thực hành NCKH dưới sự hướng dẫn của Giảng viên các bộ môn. Sinh viên được hướng dẫn xác định một vấn đề nghiên cứu, tra cứu tài liệu tham khảo và viết được một đề cương nghiên cứu đúng quy định; thực hành các thực nghiệm (trong phạm vi đề tài) để giải đáp các mục tiêu đã đề ra; viết được một báo cáo (Khóa luận hoàn chỉnh) theo format quy định và trình bày có hiệu quả bằng bảng chiếu điện tử để báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu trước hội đồng.

63) Xét nghiệm lâm sàng (2)

- Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản liên quan đến ý nghĩa và biện luận kết quả của các loại xét nghiệm sinh hóa, xét nghiệm vi- ký sinh, xét nghiệm huyết học, xét nghiệm liên quan đến rối loạn hormone, chẩn đoán enzyme ứng dụng trong chẩn đoán, điều trị, tiên lượng, theo dõi diễn biến bệnh và tầm soát bệnh.

64) Thông tin thuốc và cảnh giác thuốc (2)

- Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức liên quan đến Thông tin thuốc như: Các loại tài liệu thông tin thuốc bậc 1, 2, 3 và những ưu/nhược điểm của các loại tài liệu này; Nguồn y học chứng cứ; Nguồn thông tin chất độc, thảo dược; Cách thức tìm kiếm có hệ thống các tài liệu bậc 1,2,3 để thu thập thông tin về thuốc; Phương pháp đánh giá tính hợp lý, độ tin cậy của các tài liệu thông tin thuốc. Mặt khác môn học cũng trang bị cho sinh viên kiến thức về cảnh giác thuốc, về quy trình báo cáo phản ứng có hại của thuốc (ADR). Ngoài ra, sinh viên còn thực hành tra cứu dữ liệu, phân tích tổng hợp, lưu trữ dữ liệu, thiết lập một qui trình thông tin thuốc và thực hiện một báo cáo ADR.

65) Mỹ phẩm và thực phẩm chức năng (2)

- Môn học cung cấp cho sinh viên các khái niệm, các đặc điểm chính, thành phần, yêu cầu chất lượng và các quy định về quản lý, GMP liên quan đến mỹ phẩm và thực phẩm chức năng.

66) Dược bệnh viện (2)

- Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hoạt động của một Khoa dược bệnh viện như: các hoạt động của Khoa dược; các văn bản pháp luật có liên

quan đến hoạt động của Khoa dược bệnh viện, chức năng nhiệm vụ của người dược sỹ tại Khoa dược và hội đồng thuốc và điều trị; các phân tích cơ bản tại Khoa dược phục vụ xây dựng danh mục cung ứng thuốc; biên soạn quy trình thao tác chuẩn; các hoạt động dự trữ nhập, xuất, cấp phát, bảo quản, kiểm kê thuốc; hoạt động đấu thầu thuốc tại bệnh viện. Ngoài ra sinh viên còn được giới thiệu về các hoạt động Dược lâm sàng, Thông tin thuốc, Cảnh giác dược tại bệnh viện và hoạt động tư vấn tại nhà thuốc bệnh viện.

2.7. Hoạt động ngoại khóa

- Chương trình đào tạo dược học được thiết kế với việc bổ sung đa dạng các hoạt động ngoại khóa, hỗ trợ người học phát triển các kỹ năng, thái độ cần thiết để đạt được các PLOs. Các hoạt động ngoại khóa được tổ chức dưới nhiều hình thức khác nhau, bao gồm:

- Tham quan các doanh nghiệp dược hay các nhà thuốc trong bệnh viện theo Hợp đồng ký kết với Nhà trường.
- Các workshop về phát triển kỹ năng mềm, về định hướng nghề nghiệp trong tương lai.
- Các tọa đàm (guest speaker) về nhiều chủ đề đa dạng liên quan tới nội dung môn học.

2.8. Hỗ trợ cho sinh viên

- Với mục tiêu không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng dịch vụ giáo dục, tại FOMP người học được hỗ trợ dưới nhiều hình thức khác nhau.

- Hỗ trợ về chương trình đào tạo (Programme Specific Support)
- Tại FOMP, sinh viên nhận được hỗ trợ về Chương trình đào tạo xuyên suốt trước và trong suốt quá trình theo học tại trường. Mọi hướng dẫn chi tiết về Chương trình đào tạo được công bố trên website, trong sổ tay sinh viên. Mọi thắc mắc, cần hỗ trợ sinh viên có thể trực tiếp tương tác với giáo viên chủ nhiệm, với giáo vụ khoa và chuyên viên phòng đào tạo.
- FOMP còn sử dụng một mạng lưới facebook nội bộ truyền tải các thông tin về Chương trình đào tạo như thời khóa biểu, kế hoạch học tập, kế hoạch thi ngay lập tức tới từng cá nhân người học, hỗ trợ tối đa việc tiếp cận CTĐT của người học.
- Hỗ trợ về tài liệu và các tài nguyên học tập như phần mềm, giáo trình điện tử...
- Tại FOMP, sinh viên được hỗ trợ một hệ thống tài liệu học thuật đa dạng, cập nhật. Các tài liệu phục vụ môn học được mô tả trong giáo trình. Sinh viên có thể tiếp cận nguồn tài liệu trực tuyến từ giảng viên. FOMP cũng có một hệ thống thư viện với hàng

ngàn đầu sách đọc và sách điện tử và được cập nhật hàng năm. Thư viện và phòng tự học rộng rãi, thoáng mát có trang bị máy tính kết nối internet được mở cửa hỗ trợ sinh viên truy cập và đọc tài liệu.

2.9. Mạng lưới cựu sinh viên

- Chương trình đào tạo ngành dược có một đội ngũ cựu sinh viên rộng lớn, thành đạt ở đa dạng các tổ chức. Mạng lưới cựu sinh viên kết nối bền chặt, không ngừng phát triển cả về số lượng và chất lượng. Mọi thành viên trong cộng đồng cựu sinh viên khoa y dược có thể kết nối với nhau thuận tiện tại website của Nhà trường, facebook của Khoa.

3. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

- Chương trình được xây dựng trên cơ sở thúc đẩy việc đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tăng cường thời lượng tự học, tự nghiên cứu, quan tâm nhiều đến kỹ năng thực hành của sinh viên.

- Chương trình đào tạo, đặc biệt là những học phần của khối kiến thức chuyên ngành sẽ được đánh giá, xem xét lại hàng năm nhằm khắc phục những hạn chế và bổ sung kịp thời những học phần thiết thực.

- Quá trình đào tạo được dựa trên chương trình giảng dạy được thiết kế, mục tiêu đào tạo và đối tượng hướng đến, yêu cầu nguồn nhân lực và những yêu cầu riêng cho đào tạo. Với những môn học tự chọn, tùy thuộc định hướng cá nhân chuyên sâu của người học, khoa sẽ tư vấn cho sinh viên lựa chọn những môn học thích hợp.

- Trưởng khoa chịu trách nhiệm tổ chức và hướng dẫn các nguyên tắc để phát triển đề cương chi tiết nhằm đảm bảo mục tiêu, nội dung và các yêu cầu được đáp ứng, đồng thời, thỏa mãn được nhu cầu của người học và xã hội.

HIỆU TRƯỞNG



TS. Lê Bích Phương

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: DƯỢC

Mã số: 7720201

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1 Mã học phần: 081088	1.2 Tên học phần: TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN
1.3 Ký hiệu học phần:	1.4 Tên tiếng Anh: MARXIST-LENINIST PHILOSOPHY
1.5 Số tín chỉ:	03
1.6 Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	40 tiết
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	5 tiết
- Tự học:	90 tiết
1.7 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Lê Thị An
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS. Nguyễn Đăng Thành
1.8 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần học trước:	
- Học phần song hành:	

2. Mô tả học phần:

Học phần gồm có 3 chương. Trong đó, chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác - Lênin và vai trò của Triết học trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, bao gồm vấn đề vật chất, ý thức, phép biện chứng duy vật và lý luận nhận thức duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản về chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm những vấn đề về hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp và dân tộc, nhà nước và cách mạng xã hội, triết học về con người.

3. Mục tiêu HP (Goals)

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)
------------------	--	--------------------------

G1	Kiến thức về sự hình thành và phát triển của triết học, triết học Mác - Lênin, các quan điểm, học thuyết tiêu biểu trong lịch sử triết học	PLO1
G2	Kiến thức cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, những quy luật cơ bản của sự vận động và phát triển của tự nhiên, xã hội và tư duy	PLO1
G3	Khả năng vận dụng kiến thức môn học bình luận các hiện tượng mang tính phổ quát diễn ra trong lĩnh vực tự nhiên, xã hội và tư duy, các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội trong nước và quốc tế	PLO1
G4	Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu môn thuộc khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các môn khoa học chuyên ngành	PLO9,10
G5	Hình thành, phát triển thế giới quan và phương pháp luận khoa học, phát triển kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng lập luận, thuyết trình, nói trước công chúng	PLO11
G6	Củng cố niềm tin vào con đường mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã chọn, có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, tích cực tham gia các hoạt động	PLO12

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes-CLOs)

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR của học phần (CLOs)	Mô tả CLOs (Sau khi học xong môn học này, người học có thể:)
CLO 1	Hiểu các khái niệm, nội dung cơ bản của Triết học Mác - Lênin, lịch sử hình thành và phát triển của triết học
CLO 2	Phân biệt các khái niệm, phạm trù, quy luật của triết học và các môn khoa học khác
CLO 3	Xây dựng thế giới quan và phương pháp nhận thức khoa học, cách mạng, đúng đắn
CLO 4	Giải thích sự vận động và phát triển của xã hội loài người nói chung và Việt Nam nói riêng qua các giai đoạn lịch sử
CLO 5	Có khả năng nhìn nhận xu hướng, con đường đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam và tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng
CLO 6	Có khả năng tư duy logic, liên kết các nội dung môn học với nhau và môn học với các môn học khác
CLO 7	Kỹ năng trình bày trước đám đông, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tham gia các hoạt động xã hội và hội thi
CLO 8	Giải thích và bình luận được các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội trong nước và quốc tế, các xu hướng phát triển của loài người
CLO 9	Phân tích, so sánh, hệ thống hoá các vấn đề kinh tế chính trị để hỗ trợ các môn chuyên ngành.

CLO 10	Động cơ, thái độ học tập đúng đắn, có lập trường, chính kiến, ý thức tự giác phấn đấu cho tương lai
--------	---

5. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CĐR của chương trình (PLOs)

Mức độ đóng góp của CLO vào PLO xác định cụ thể:

- L (Low) - CLO có đóng góp ít vào PLO
- M (Medium) - CLO có đóng góp vừa vào PLO
- H (High) - CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích:

- Các mức H - Cao, M - Vừa, L - Thấp - phụ thuộc vào mức của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (L) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội đư thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(mức M) hay mức thuần thực (H).

Bảng 5.1. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CĐR của chương trình (PLOs)

Chuẩn đầu ra HP (CLOs)	Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
CLO1	M								L	L		L
CLO2	M								L	L		
CLO3	M								M	H		M
CLO4	M								L	L		L
CLO5	M								M	M		M
CLO6	H								M	M		
CLO7	H										M	
CLO8	H								M	H	M	L
CLO9	H								M	H	M	M
CLO10	H								M	H	H	H
Tổng hợp	H								M	H	M	M

6. Đánh giá HP

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của sinh viên ở học phần

Học phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric	Liên quan đến CLO nào ở Bảng 5.1	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	20%	A1.1. Tuần 1-9: Xây dựng bài	20%	R1	CLO 4,5,10	- Phát biểu xây dựng bài tại lớp
		A1.2. Tuần 4: Làm bài tập số 1	25%	R1	CLO 1,2,3	- Bài tập trắc nghiệm tại lớp

		A1.3. Tuần 8: Làm bài tập số 2	30%	R3	CLO 6,9	- Bài tập về nhà
A2. Kỹ năng	10%	Tham gia các Hội thi		R2	CLO 1,2,3,4,5, 6,7,8,9,10	- Hội thi do khoa chức hàng năm và các Hội thi do Tỉnh, Trung ương chức
A3. Đánh giá giữa kỳ	20%	A3.1. Tuần 7: kiểm tra trắc nghiệm	50%	R3	CLO1,2,3	- Kiểm tra trắc nghiệm
		A3.2. Tiểu luận nhóm và thuyết trình	50%	R4,R5, R6,R7	CLO 5,7,8,9	- Giảng viên giao đề tài cho sinh viên ngay từ đầu học phần
A4. Đánh giá cuối kỳ	50%	Bài kiểm tra cuối kỳ			CLO 1,2,3,4	- Kết h câu hỏi trắc nghiệm và tự luận, sinh viên làm bài trên giấy thi

6.2. Chính sách đối với học phần

- Sinh viên tham dự $\geq 80\%$ số của học phần. Nếu nghỉ $>20\%$ số sẽ không dự thi kết thúc học phần.
- Những trường sinh viên đạt kết quả cao tại các Hội thi có nội dung liên quan đến môn học do nhà trường, cấp tỉnh và trung ương chức sẽ c ưu tiên cộng thêm điểm vào điểm quá trình.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP

Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần

Tuần/ (5 tiết/tuần)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/T H/TT)	Chuẩn đầu ra của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở Bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 Bảng 6.1
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Chương 1: Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội						
1	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	10/0/0		CLO1			A3.2
	<p>1.1. Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội</p> <p>1.1.1. Khái về triết học</p> <p>1.1.2. Vấn đề cơ bản của triết học</p> <p>1.1.3. Biện chứng và siêu hình</p> <p>1.2. Triết học Mác - Lênin vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội</p> <p>1.2.1. Sự ra đời và phát triển của triết học Mác - Lênin</p>		<p>- Trình bày khái về triết học, vấn đề cơ bản của triết học, khái về siêu hình và biện chứng</p> <p>- Trình bày sự ra đời và phát triển của triết học Mác - Lênin, vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đ i mới ở Việt Nam</p>		<p>- Thuyết trình, giảng giải</p> <p>- Trình chiếu Power Point</p> <p>- Phát biểu xây dựng bài</p> <p>- Thảo luận nhóm</p>	<p>- Theo dõi, ghi chép, xây dựng bài</p> <p>- Thảo luận nhóm</p>	

	1.2.2. Đối g và chức năng của triết học Mác - Lênin 1.2.3. Vai trò của triết học Mác - Lênin						
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/10/0		CLO3			
	1.1. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm 1.2. Vai trò của triết học Mác - Lênin trong sự nghiệp đ i mới ở Việt Nam hiện nay		- Phân tích sự ra đời, đặc trưng và phân biệt giữa chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm? - Phân tích Vai trò của triết học Mác - Lênin trong sự nghiệp đ i mới ở Việt Nam hiện nay?		- Học nhóm - Hướng dẫn tự học, đọc sách giáo khoa từ trang 1-41	- Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà - Nghiên cứu các câu hỏi trắc nghiệm tại: www.wattpad.com	
	Chương 2: Chủ nghĩa duy vật biện chứng						
3	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	15/0/0		CLO2 CLO5			A1.2 A3.2
	2.1. <i>Vật chất và ý thức</i> 2.1.1. Vật chất và các hình thức tồn tại của vật chất 2.1.2. Nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức 2.1.3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức 2.2. <i>Phép biện chứng duy vật</i> 2.2.1. Hai loại hình biện chứng và phép biện chứng duy vật 2.2.2. Nội dung của phép biện chứng duy vật 2.3. <i>Lý luận nhận thức</i> 2.3.1. Các nguyên tắc của lý luận nhận thức 2.3.2. Nguồn gốc, bản chất của nhận thức 2.3.3. Thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức 2.3.4. Các giai đoạn của quá trình nhận thức 2.3.5. Tính chất cả chân lý		- Trình bày quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin về vật chất, phương thức tồn tại của vật chất; nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức, mối quan hệ giữa vật chất và ý thức - Trình bày các nội dung cơ bản của phép biện chứng duy vật: 2 nguyên lý cơ bản, 6 cặp phạm trù cơ bản và 3 quy luật cơ bản - Trình bày lý luận nhận thức duy vật biện chứng: Nhận thức, thực tiễn, bản chất, các giai đoạn của quá trình nhận thức; vai trò của thực tiễn đối với nhận thức và quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về chân lý, các tính chất của chân lý		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu Power Point - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Theo dõi, ghi chép, xây dựng bài - Làm bài tập số 1 - Thảo luận nhóm	
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	15/15/0		CLO4 CLO7			
	2.1. Những quan điểm khác nhau trong lịch sử Triết học về vật chất, ý thức		- Trình bày, phân biệt đ quan điểm khác nhau trong lịch sử Triết học về vật chất, ý thức?		- Học nhóm - Hướng dẫn tự học, đọc	- Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	

	2.2. Những nguyên tắc cơ bản của phép biện chứng duy vật		- Phân tích các nguyên tắc: toàn diện, phát triển, lịch sử - cụ thể, thống nhất giữa lý luận và thực tiễn?		sách giáo khoa từ trang 42-95 - Hướng dẫn làm bài tập nhóm ở nhà	- Nghiên cứu các câu hỏi trắc nghiệm tại: www.wattpad.com	
	Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử						
6	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	20/0/0		CLO2 CLO8			A1.3 A3.1 A3.2
	<p>3.1. Học thuyết về hình thái kinh tế - xã hội</p> <p>3.1.1. Sản xuất vật chất</p> <p>3.1.2. Biện chứng giữa lực sản xuất và quan hệ sản xuất</p> <p>3.1.3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng</p> <p>3.1.4. Sự phát triển của các HTKTXH là một quá trình lịch sử tự nhiên</p> <p>3.2. Giai cấp và dân tộc</p> <p>3.2.1. Vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp</p> <p>3.2.2. Dân tộc</p> <p>3.2.3. Mối quan hệ giữa giai cấp - dân tộc - nhân loại</p> <p>3.3. Nhà nước và cách mạng xã hội</p> <p>3.1.1. Nhà nước</p> <p>3.1.2. Cách mạng xã hội</p> <p>3.4. Ý thức xã hội</p> <p>3.4.1. Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội</p> <p>3.4.2. Ý thức xã hội và kết cấu của ý thức xã hội</p> <p>3.5. Triết học về con người</p> <p>3.5. 1. Khái niệm con người và bản chất con người</p> <p>3.5. 2. Hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người</p>		<p>- Trình bày, phân tích khái niệm và kết cấu của phương thức sản xuất, lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất, cơ sở hạ tầng, kiến trúc thượng tầng, hình thái kinh tế - xã hội; các quy luật cơ bản nhất của sự vận động và phát triển của xã hội loài người và sự vận dụng quy luật trong cách mạng. Tính lịch sử tự nhiên trong sự vận động và phát triển của các hình thái kinh tế xã hội</p> <p>- Trình bày về giai cấp, đấu tranh giai cấp, dân tộc và mối quan hệ giữa giai cấp, dân tộc và nhân loại</p> <p>- Trình bày quan điểm về nhà nước và cách mạng xã hội chủ nghĩa</p> <p>- Trình bày về tồn tại xã hội, ý thức xã hội và tính độc lập của ý thức xã hội</p> <p>- Trình bày, phân tích khái niệm con người và bản chất con người, quan niệm về quần chúng nhân dân, cá nhân kiệt xuất và vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong cách mạng xã hội</p>		<p>- Thuyết trình, giảng giải</p> <p>- Trình chiếu Power Point</p> <p>- Phát biểu xây dựng bài</p> <p>- Thảo luận nhóm</p>	<p>- Theo dõi, ghi chép, xây dựng bài</p> <p>- Làm bài tập số 2</p> <p>- Thảo luận nhóm</p>	

	3.5.3. Quan hệ cá nhân và xã hội; vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử						
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	20/20/0		CLO9 CLO10			
	3.1. Vận dụng những nội dung trong chương để giải thích con đường đi lên xây dựng CNXH ở Việt Nam		- Phân tích vai trò của quần chúng nhân dân Việt Nam và lãnh tụ Hồ Chí Minh trong cách mạng tháng Tám 194? - Phân tích tính quy luật tất yếu của con đường đi lên xây dựng CNXH ở Việt Nam?		- Học nhóm - Hướng dẫn tự học, đọc sách giáo khoa từ trang 96 - 171 - Hướng dẫn làm bài tập nhóm ở nhà	- Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà - Nghiên cứu các câu hỏi trắc nghiệm tại: www.wattpad.com	
Theo lịch thi	FINAL EXAM			CLO1, 2,3,4			A4

8. Học liệu:

Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

Nhan đề	Tác giả	NXB	Năm XB	Loại tài liệu
Tài liệu tập huấn giảng dạy Triết học Mác - Lênin	Bộ Giáo dục & Đào tạo		2018	GT
Hướng dẫn học tập môn Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	PGS.TS. Nguyễn Thanh, PGS.TS Vũ Anh Tuấn	Thời đại	2012	TLTK
Giáo trình Triết học Mác - Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia	2008	TLTK
Lịch sử triết học	Nguyễn Thanh	Thanh Hóa	2007	TLTK

Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ web hữu ích cho học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Triết học Mác - Lênin và thời đại của chúng ta	chungta.com	10/9/2019
2	Triết học Mác - Lênin và sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	dangcongsan.vn	10/9/2019
3	Bộ câu hỏi trắc nghiệm tham khảo môn Triết học Mác - Lênin	www.wattpad.com	10/9/2019

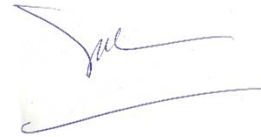
9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

Bảng 9.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của học phần

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm, ...	Số	
1	Giảng đường			

Bình Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2019

P. Trưởng khoa



Lê Thị Hiền

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: DƯỢC

Mã số: 7720201

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1 Mã học phần: 081089	1.2 Tên học phần: KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN
1.3 Ký hiệu học phần:	1.4 Tên tiếng Anh: MARXIST - LENINIST POLITICAL ECONOMY
1.5 Số tín chỉ:	02
1.6 Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	26 tiết
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	4 tiết
- Tự học:	60 tiết
1.7 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Lê Thị An
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS. Nguyễn Đăng Thành
1.8 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Triết học Mác - Lênin
- Học phần học trước:	
- Học phần song hành:	

2. Mô tả học phần:

Học phần gồm có 6 chương, nội dung chủ yếu trình bày, phân tích những quy luật kinh tế của lịch sử xã hội loài người, đặc biệt là phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Trong đó, chương 1 trình bày khái quát về đối tượng, phương pháp nghiên cứu, chức năng của môn kinh tế chính trị Mác - Lênin. Chương 2 trình bày về hàng hóa và các loại thị trường. Chương 3 trình bày về giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường. Chương 4 tập trung làm rõ những vấn đề liên quan đến cạnh tranh và độc quyền trong kinh tế thị trường. Chương 5 nói về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. Chương 6 trình bày về công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam.

3. Mục tiêu HP (Goals)

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goal description) <i>(Học phần này trang bị cho sinh viên:)</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)
G1	Kiến thức khái quát về sự vận động và phát triển các hoạt động kinh tế trong lịch sử xã hội loài người, đặc biệt là về hàng hóa và các loại thị trường	PLO1
G2	Bản chất và các giai đoạn hình thành, phát triển của chủ nghĩa tư bản, học thuyết giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường và các quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản	PLO1
G3	Kiến thức về nền kinh tế Việt Nam trong thời kỳ hội nhập. Nắm vững chủ trương về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và đường lối công nghiệp hóa, hiện đại hóa	PLO1
G4	Khả năng vận dụng kiến thức môn học để đánh giá, bình luận các vấn đề kinh tế chính trị trong nước và quốc tế, các quy luật kinh tế và xu hướng vận động phát triển của Việt Nam, thế giới	PLO1
G5	Khả năng vận dụng kiến thức môn học để học tập tốt các môn học chuyên ngành. Hình thành và phát triển khả năng lập luận, tư duy logic, kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình	PLO9-12
G6	Tin tưởng và đường lối phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước. Từ đó, phấn đấu học tập, rèn luyện trở thành người công dân tốt, người lao động tốt, đóng góp vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội	PLO9-12

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes-CLOs)

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR của học phần (CLOs)	Mô tả CLOs (Sau khi học xong môn học này, người học có thể:)
CLO 1	Hiểu được các khái niệm, nội dung cơ bản của kinh tế chính trị, các quy luật kinh tế
CLO 2	Phân biệt được các khái niệm, phạm trù, quy luật kinh tế; các vấn đề kinh tế trong phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa
CLO 3	Hiểu được bản chất kinh tế của chủ nghĩa tư bản và sự kế thừa nền kinh tế tư bản trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam
CLO 4	Giải thích được tính tất yếu đi lên xây dựng hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa trong quá trình vận động và phát triển của xã hội loài người
CLO 5	Nhận thức đúng xu hướng, con đường đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, giải thích được cơ sở lý luận của các chủ trương kinh tế ở Việt Nam

CLO 6	Có khả năng vận dụng kiến thức môn học để học tập tốt các môn khoa học chuyên ngành
CLO 7	Kỹ năng trình bày trước đám đông, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tham gia các hoạt động xã hội và hội thi
CLO 8	Giải thích và bình luận được các vấn đề kinh tế trong nước và quốc tế đã, đang và sẽ xảy ra, các xu hướng phát triển của loài người
CLO 9	Phân tích, so sánh, tổng hợp, hệ thống hoá các vấn đề kinh tế để hỗ trợ nghiên cứu các môn chuyên ngành.
CLO 10	Động cơ, thái độ học tập đúng đắn, có lập trường, chính kiến, ý thức tự giác phấn đấu cho tương lai

5. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CĐR của chương trình (PLOs)

Mức độ đóng góp của CLO vào PLO được xác định cụ thể:

- L (Low) - CLO có đóng góp ít vào PLO
- M (Medium) - CLO có đóng góp vừa vào PLO
- H (High) - CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích:

- Các mức H - Cao, M - Vừa, L - Thấp - phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (L) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(mức M) hay mức thuần thực (H).

Bảng 5.1. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CĐR của chương trình (PLOs)

Chuẩn đầu ra HP (CLOs)	Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs)												
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
CLO1	L												
CLO2	M								L	L	L	M	
CLO3	M								M	M	M	M	
CLO4	M								M	M	M	M	
CLO5	M								L	L	L	M	
CLO6	H								H	H	H	H	
CLO7	H											H	
CLO8	H								L	L	L	H	
CLO9	H										M	H	
CLO10	H								M	M	M	H	
Tổng hợp	H								M	M	M	H	

6. Đánh giá HP

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của sinh viên ở học phần

H/phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric	Lquan đến CLO nào ở Bảng 5.1	HD PP đánh giá
-----------------	----------	--------------	--------------	--------	------------------------------	----------------

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	20%	A1.1. Tuần 1-6: Xây dựng bài	20%	R1	CLO 4,5,10	- Phát biểu xây dựng bài tại lớp
		A1.2. Tuần 3: Làm bài tập số 1	40%	R1	CLO 1,2,3	- Bài tập trắc nghiệm tại lớp
		A1.3. Tuần 5: Làm bài tập số 2	40%	R3	CLO 6,9	- Bài tập về nhà
A2. Kỹ năng	10%	Tham gia các Hội thi		R2	CLO 1,2,3,4,5, 6,7,8,9,10	- Hội thi do khoa tổ chức hàng năm và các Hội thi do Tỉnh, Trung ương tổ chức
A3. Đánh giá giữa kỳ	20%	A3.1. Tuần 4: kiểm tra trắc nghiệm	50%	R3	CLO1,2,3	- Kiểm tra trắc nghiệm
		A3.2. Tiểu luận nhóm và thuyết trình	50%	R4,R5, R6,R7	CLO 5,7,8,9	- Giảng viên giao đề tài cho sinh viên ngay từ đầu học phần
A4. Đánh giá cuối kỳ	50%	Bài kiểm tra cuối kỳ			CLO 1,2,3,4	- Kết hợp câu hỏi trắc nghiệm và tự luận, sinh viên làm bài trên giấy thi

6.2. Chính sách đối với học phần

- Sinh viên tham dự $\geq 80\%$ số buổi của học phần. Nếu nghỉ $>20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc học phần.

- Những trường hợp sinh viên đạt kết quả cao tại các Hội thi có nội dung liên quan đến môn học do nhà trường, cấp tỉnh và trung ương tổ chức sẽ được ưu tiên cộng thêm điểm vào điểm quá trình.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP

Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần

Tuần/ (5 tiết/tuần)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/ TH/ TT)	Chuẩn đầu ra của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở Bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 Bảng 6.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Chương 1: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin						
1	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO1			A3.2
	1.1. Khái quát sự hình thành và phát triển của kinh tế chính trị Mác - Lênin 1.2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác - Lênin 1.3. Chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin		- Trình bày khái quát sự hình thành và phát triển của kinh tế chính trị Mác - Lênin - Trình bày, phân tích đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu Power Point	- Theo dõi, ghi chép, xây dựng bài	

			tế chính trị Mác - Lênin		- Phát biểu xây dựng bài		
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	5/5/0		CLO1			
	1.1. Vai trò của kinh tế chính trị Mác - Lênin trong giai đoạn hiện nay		- Vai trò của kinh tế chính trị Mác - Lênin đối với sự nghiệp xây dựng CNXH ở Việt Nam - Vai trò của kinh tế chính trị Mác - Lênin trong giải quyết các vấn đề kinh tế cấp bách của nhân loại		- Hướng dẫn tự học, đọc giáo trình từ trang 1-19	- Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà - Nghiên cứu các câu hỏi trắc nghiệm tại: www.wattpad.com	
	Chương 2: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường						
2	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO2 CLO3			A3.2
	2.1. Lý luận của C. Mác về sản xuất hàng hóa và hàng hóa 2.1.1. Sản xuất hàng hóa 2.1.2. Hàng hóa 2.1.3. Tiền 2.1.4. Dịch vụ và một số loại hàng hóa đặc biệt 2.2. Thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường 2.2.1. Thị trường 2.2.2. Vai trò của một số chủ thể chính tham gia thị trường		- Trình bày quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin về sản xuất hàng hóa, hàng hóa và các thuộc tính của hàng hóa - Trình bày, phân tích về tiền tệ, bản chất, chức năng của tiền tệ, dịch vụ và một số hàng hóa đặc biệt - Trình bày, phân tích về thị trường, các loại thị trường và vai trò của một số chủ thể chính tham gia thị trường		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu Power Point - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Theo dõi, ghi chép, xây dựng bài - Làm bài tập số 1 - Thảo luận nhóm	
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	5/5/0		CLO1 CLO4			
	2.1. Hàng hóa, tiền tệ ở Việt Nam 2.2. Sự hoạt động của quy luật giá trị ở Việt Nam		- Phân tích, chứng minh về tính tất yếu của nền kinh tế thị trường ở Việt Nam - Tìm hiểu 01 loại thị trường liên quan đến chuyên ngành đang học		- Học nhóm - Hướng dẫn tự học, đọc giáo trình từ trang 19-52 - Hướng dẫn làm bài tập ở nhà	- Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà - Nghiên cứu các câu hỏi trắc nghiệm tại: www.wattpad.com	
	Chương 3: Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường						

3	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO1			A1.2 A3.2
	<p>3.1. Lý luận của C. Mác về giá trị thặng dư</p> <p>3.1.1. Nguồn gốc của giá trị thặng dư</p> <p>3.1.2. Bản chất của giá trị thặng dư</p> <p>3.2. Tích lũy tư bản</p> <p>3.2.1. Bản chất của tích lũy tư bản</p> <p>3.2.2. Những nhân tố góp phần tăng quy mô tích lũy</p> <p>3.3. Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường</p> <p>3.1.1. Lợi nhuận</p> <p>3.1.2. Lợi tức</p> <p>3.1.3. Địa tô tư bản chủ nghĩa</p>		<p>- Trình bày, phân tích quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về giá trị thặng dư, nguồn gốc, bản chất của giá trị thặng dư</p> <p>- Trình bày, phân tích quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về tích lũy tư bản, bản chất và các nhân tố ảnh hưởng đến quy mô tích lũy</p> <p>- Trình bày, phân tích về các hình thái tư bản và các hình thức biểu hiện chủ yếu của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường: lợi nhuận, lợi tức, địa tô tư bản chủ nghĩa</p>		<p>- Thuyết trình, giảng giải</p> <p>- Thuyết trình, giảng giải</p> <p>- Trình chiếu Power Point</p> <p>- Phát biểu xây dựng bài</p> <p>- Thảo luận nhóm</p>	<p>- Theo dõi, ghi chép, xây dựng bài</p> <p>- Làm bài tập số 2</p> <p>- Thảo luận nhóm</p>	
	B Các nội dung chính SV tự học ở nhà	5/5/0		CLO5			
	<p>3.1. Bản chất của chủ nghĩa tư bản hiện đại</p> <p>3.2. Đời sống của giai cấp công nhân hiện nay</p>		<p>- Hiện nay, giai cấp công nhân còn bị bóc lột về giá trị thặng dư hay không?</p> <p>- Trong xã hội hiện đại, giai cấp công nhân còn bị bóc lột giá trị thặng dư nữa hay không?</p>		<p>- Học nhóm</p> <p>- Hướng dẫn tự học, đọc giáo trình từ trang 53-79</p> <p>- Hướng dẫn làm bài tập ở nhà</p>	<p>- Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà</p> <p>- Nghiên cứu các câu hỏi trắc nghiệm tại: www.wattpad.com</p>	
	Chương 4. Cạnh tranh và độc quyền trong kinh tế thị trường						
4	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO1 CLO2			A3.1 A3.2
	<p>4.1. Quan hệ giữa cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường</p> <p>4.2. Độc quyền và độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường</p> <p>4.2.1. Lý luận của V.I.Lênin về độc quyền trong nền kinh tế thị trường</p> <p>4.2.2. Lý luận của V.I.Lênin về độc quyền nhà nước trong chủ nghĩa tư bản</p>		<p>- Trình bày, phân tích vấn đề cạnh tranh, độc quyền và mối quan hệ giữa cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường</p> <p>- Trình bày, phân tích nguyên nhân hình thành, bản chất, đặc trưng của chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước</p>		<p>- Thuyết trình, giảng giải</p> <p>- Trình chiếu Power Point</p> <p>- Phát biểu xây dựng bài</p> <p>- Thảo luận nhóm</p>	<p>- Theo dõi, ghi chép, xây dựng bài</p> <p>- Làm bài tập số 3</p> <p>- Thảo luận nhóm</p>	

	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	5/5/0		CLO6			
	4.1. Mối quan hệ giữa chủ nghĩa tư bản độc quyền và sự ra đời của hệ thống các quốc gia thuộc địa 4.2. Vai trò và hạn chế của chủ nghĩa tư bản hiện nay		- Phân tích vai trò, hạn chế và xu hướng vận động của chủ nghĩa tư bản? - So sánh bản chất của chủ nghĩa tư bản giai đoạn cạnh tranh tự do và chủ nghĩa tư bản độc quyền?		- Học nhóm - Hướng dẫn tự học, đọc giáo trình từ trang 80-106 - Hướng dẫn làm bài tập ở nhà	- Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà - Nghiên cứu các câu hỏi trắc nghiệm tại: www.wattpad.com	
	Chương 5: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam						
5	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO2 CLO5			A1.3 A3.2
	5.1. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 5.1.1. Khái niệm kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 5.1.2 Tính tất yếu khách quan của việc phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 5.1.3. Đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 5.2. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 5.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 5.2.2. Nội dung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 5.3. Các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam 5.3.1. Lợi ích kinh tế và các quan hệ lợi ích ở Việt Nam 5.3.2. Vai trò nhà nước trong bảo đảm hài hòa các quan hệ lợi ích		- Trình bày, phân tích khái niệm, tính tất yếu khách quan, những đặc trưng cơ bản của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam - Trình bày, phân tích thực trạng của nền kinh tế thị trường ở Việt Nam, quan điểm về việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam - Phân tích tính tất yếu khách quan và nội dung của chủ trương hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam - Trình bày, phân tích các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam và vai trò của nhà nước trong việc bảo đảm hài hòa các quan hệ lợi ích		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu Power Point - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Theo dõi, ghi chép, xây dựng bài - Làm bài tập số 4 - Thảo luận nhóm	

	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	5/5/0		CLO9			
	5.1. Kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa và kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa		- So sánh nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa và kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa?		- Học nhóm - Hướng dẫn tự học, đọc giáo trình từ trang 107-140 - Hướng dẫn làm bài tập ở nhà	- Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà - Nghiên cứu các câu hỏi trắc nghiệm tại: www.wattpad.com	
	Chương 6: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam						
6	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO2 CLO5			A3.2
	<p>6.1. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam</p> <p>6.1.1. Khái quát cách mạng công nghiệp hóa, hiện đại hóa</p> <p>6.1.2. Tính tất yếu khách quan và nội dung của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam</p> <p>6.1.3. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư</p> <p>6.2. Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam</p> <p>6.2.1. Khái niệm và nội dung hội nhập kinh tế quốc tế</p> <p>6.2.2. Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến phát triển của Việt Nam</p> <p>6.2.3. Phương hướng nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế trong phát triển của Việt Nam</p>		<p>- Trình bày khái quát về cách mạng công nghiệp hóa, hiện đại hóa</p> <p>- Trình bày tính tất yếu khách quan và nội dung của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư</p> <p>- Trình bày, phân tích nội dung, tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến phát triển của Việt Nam</p> <p>- Trình bày, phân tích về hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam: vị trí, nội dung và phương hướng nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế trong phát triển của Việt Nam</p>		<p>- Thuyết trình, giảng giải</p> <p>- Trình chiếu Power Point</p> <p>- Phát biểu xây dựng bài</p> <p>- Thảo luận nhóm</p>	<p>- Theo dõi, ghi chép, xây dựng bài</p> <p>- Làm bài tập số 5</p> <p>- Thảo luận nhóm</p>	
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	5/5/0		CLO6 CLO8			
	6.1. Sự thay đổi của Việt Nam từ khi tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa		- Phân tích sự thay đổi của nông thôn Việt Nam từ khi tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa đến nay?		- Học nhóm - Hướng dẫn tự học, đọc giáo trình từ	- Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà - Nghiên cứu các câu hỏi	

	6.2. Hội nhập kinh tế quốc tế với các vấn đề chính trị xã hội		- Phân tích ảnh hưởng của hội nhập kinh tế quốc tế đến văn hóa Việt Nam?		trang 141-184 - Hướng dẫn làm bài tập ở nhà	trắc nghiệm tại: www.wattpad.com	
Theo lịch thi	FINAL EXAM			CLO1, 2,3,4			A4

8. Học liệu:

Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

Nhan đề	Tác giả	NXB	Năm XB	Loại tài liệu
Tài liệu tập huấn giảng dạy Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	Bộ Giáo dục & Đào tạo		2018	GT
Hướng dẫn học tập môn Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	PGS.TS. Nguyễn Thanh, PGS.TS Vũ Anh Tuấn	Thời đại	2012	TLTK
Giáo trình Triết học Mác - Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia	2008	TLTK
Lịch sử triết học	Nguyễn Thanh	Thanh Hóa	2007	TLTK

Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ web hữu ích cho học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Triết học Mác - Lênin và thời đại của chúng ta	chungta.com	10/9/2019
2	Triết học Mác - Lênin và sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	dangcongsan.vn	10/9/2019
3	Bộ câu hỏi trắc nghiệm tham khảo môn Triết học Mác - Lênin	www.wattpad.com	10/9/2019

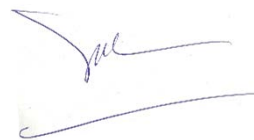
9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

Bảng 9.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của học phần

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm ...	Số lượng	
1	Giảng đường			

Bình Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2019

P. Trưởng khoa



Lê Thị Hiền

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: DƯỢC

Mã số: 7720201

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1 Mã học phần: 081090	1.2 Tên học phần: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC
1.3 Ký hiệu học phần:	1.4 Tên tiếng Anh: SCIENCE SOCIALISM
1.5 Số tín chỉ:	02
1.6 Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	26 tiết
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	4 tiết
- Tự học:	60 tiết
1.7 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Lê Thị An
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS. Nguyễn Đăng Thành
1.8 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần học trước:	Kinh tế chính trị Mác - Lênin
- Học phần song hành:	

2. Mô tả học phần:

Học phần gồm có 7 chương trình bày về những quy luật cơ bản của sự ra đời, vận động và phát triển của hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa và sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Trong đó, chương 1 trình bày khái quát về môn chủ nghĩa xã hội khoa học. Chương 2 nói về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Chương 3 đi vào phân tích về chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Ở các chương 4, chương 5, chương 6, chương 7 trình bày về những vấn đề chính trị xã hội có tính chất quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa và sự vận dụng ở Việt Nam, bao gồm: dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa, cơ cấu xã hội giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

3. Mục tiêu HP (Goals)

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)
G1	Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong cách mạng xã hội chủ nghĩa và các giai đoạn hình thành, phát triển của hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa	PLO1
G2	Kiến thức về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam và những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	PLO1
G3	Khả năng vận dụng kiến thức môn học giải thích các hiện tượng kinh tế, chính trị, xã hội trong nước và quốc tế, nhìn nhận xu hướng phát triển của xã hội loài người	PLO2
G4	Có khả năng vận dụng những kiến thức môn học để học tập các môn tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam và các môn chuyên ngành	PLO9
G5	Phát triển các kỹ năng phân tích, so sánh, tổng hợp, hệ thống hoá các vấn đề khoa học, kỹ năng làm việc nhóm, lập luận, thuyết trình	PLO11
G6	Củng cố niềm tin vào con đường mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã chọn, có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, tích cực tham gia các hoạt động xã hội, rèn luyện và thực hiện vai trò xung kích của tuổi trẻ, đấu tranh chống những quan điểm sai trái.	PLO12

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes-CLOs)

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR của học phần (CLOs)	Mô tả CLOs (Sau khi học xong môn học này, người học có thể:)
CLO 1	Hiểu bản chất và tầm quan trọng của nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học
CLO 2	Phân tích đặc điểm, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, điều kiện quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam
CLO 3	Giải thích tính tất yếu của chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

CLO 4	Có khả năng nhìn nhận, giải thích đúng đắn các vấn đề có tính quy luật trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội như Nhà nước, văn hóa, dân tộc, dân chủ, tôn giáo, giai cấp, gia đình
CLO 5	Có khả năng nhìn nhận xu hướng, con đường đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam và tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng
CLO 6	Có khả năng tư duy logic, liên kết các nội dung môn học với nhau và môn học với các môn học khác
CLO 7	Kỹ năng trình bày trước đám đông, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tham gia các hoạt động xã hội và hội thi
CLO 8	Giải thích và bình luận đư c các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội trong nước và qu c tế, các xu hướng phát triển của loài người
CLO 9	Phân tích, so sánh, tổng hệ hoá các vấn đề kinh tế chính trị để hỗ úu các môn chuyên ngành.
CLO 10	Động cơ, thái độ học tập đúng đắn, có lập trường, chính kiến, ý thức tự giác phấn đấu cho tương lai

5. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CĐR của chương trình (PLOs)

Mức độ đóng góp của CLO vào PLO xác định cụ thể:

- L (Low) - CLO có đóng góp ít vào PLO
- M (Medium) - CLO có đóng góp vừa vào PLO
- H (High) - CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích:

- Các mức H - Cao, M - Vừa, L - Thấp - phụ thuộc vào mức của CL LO ở mức bắt đầu (L) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội đư thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(mức M) hay mức thuần thực (H).

Bả quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CĐR của chương trình (PLOs)

Chuẩn đầu ra HP (CLOs)	Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
CLO1	M								M	M	L	M
CLO2	L								M	M	L	L
CLO3	M								M	L	M	H
CLO4	H								M	M	M	M
CLO5	L								L	H	M	H
CLO6	L								M	M	M	H
CLO7	H								L	H	M	M
CLO8	H								L	H	M	H
CLO9	H								M	H	L	M

CLO10	H							M	H	M	H
Tổng hợp	H							M	H	M	H

6. Đánh giá HP

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của sinh viên ở học phần

H/phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric	Lquan đến CLO nào ở Bảng 5.1	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	20%	A1.1. Tuần 1-6: Xây dựng bài	20%	R1	CLO 4,5,10	- Phát biểu xây dựng bài tại lớp
		A1.2. Tuần 3: Làm bài tập s 1	40%	R1	CLO 1,2,3	- Bài tập trắc nghiệm tại lớp
		A1.3. Tuần 5: Làm bài tập s 2	40%	R3	CLO 6,9	- Bài tập về nhà
A2. Kỹ năng	10%	Tham gia các Hội thi		R2	CLO 1,2,3,4,5, 6,7,8,9,10	- Hội thi do khoa tổ chức hàng năm và các Hội thi do Tỉnh, Trung ương tổ chức
A3. Đánh giá giữa kỳ	20%	A3.1. Tuần 4: kiểm tra trắc nghiệm	50%	R3	CLO1,2,3	- Kiểm tra trắc nghiệm
		A3.2. Tiểu luận nhóm và thuyết trình	50%	R4,R5, R6,R7	CLO 5,7,8,9	- Giảng viên giao đề tài cho sinh viên ngay từ đầu học phần
A4. Đánh giá cuối kỳ	50%	Bài kiểm tra cuối kỳ			CLO 1,2,3,4	- Kết hợp câu hỏi trắc nghiệm và tự luận, sinh viên làm bài trên giấy thi

6.2. Chính sách đối với học phần

- Sinh viên tham dự $\geq 80\%$ buổi của học phần. Nếu nghỉ $>20\%$ buổi sẽ không dự thi kết thúc học phần.

- Những trường sinh viên đạt kết quả cao tại các Hội thi có nội dung liên quan đến môn học do nhà trường, cấp tỉnh và trung ương tổ chức sẽ ưu tiên cộng thêm điểm vào điểm quá trình.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP

Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần

Tuần (5 tiết/tuần)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/T H/TT)	Chuẩn đầu ra của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở Bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 Bảng 6.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Chương 1: Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học						
1	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	4/0/0		CLO1			A3.2

	<p>1.1. Sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học</p> <p>1.1.2. Hoàn cảnh lịch sử ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học</p> <p>1.1.2. Vai trò của Các Mác và Phridrich Ăngghen</p> <p>1.2. Các giai đoạn phát triển cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học</p> <p>1.2.1. C. Mác và Ph. Ăngghen phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học</p> <p>1.2.2. Lênin vận dụng và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học trong điều kiện mới</p> <p>1.2.3. Sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa xã hội khoa học sau khi Lênin qua đời cho đến nay</p> <p>1.3. Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học</p> <p>1.3.1. i g nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học</p> <p>1.3.2. Phương pháp nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học</p> <p>1.3.3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học</p>							<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày khái về hoàn cảnh ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học, vai trò của Các Mác và Phridrich Ăngghen đ i với sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học - Trình bày các giai đoạn phát triển cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học. Vai trò của Lênin đ i với sự bổ sung, vận dụng và phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học - Trình bày về đ i g, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu Power Point - Phát biểu xây dựng bài 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc giáo trình từ trang 1 - 41 - Làm bài tập s 1
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	4/4/0		CLO1						
	1.1. Hồ Chí Minh và chủ nghĩa xã hội khoa học ở Việt Nam		<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích vai trò của Hồ Chí Minh đ i với việc truyền bá và vận dụng chủ nghĩa xã hội khoa học ở Việt Nam 		<ul style="list-style-type: none"> - Học nhóm - Hướng dẫn tự học, đọc sách giáo khoa từ trang 7 - 26 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị t phần tự học ở nhà - Nghiên cứu các câu hỏi trắc nghiệm tại: www.wattpad.com 				
	Chương 2: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân									
2	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO2				A3.2		
	<p>2.1. Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân</p> <p>2.1.1. Khái niệm và đặc điểm của giai cấp công nhân</p> <p>2.1.2. Nội dung và đặc điểm sứ mệnh lịch sử cả giai cấp công nhân</p> <p>2.1.3. Những điều kiện quy định sứ mệnh lịch sử cả giai cấp công nhân</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về khái niệm, đặc điểm giai cấp công nhân. - Trình bày những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về nội dung, đặc điểm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, những 		<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu Power Point - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm 	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập s 2 - Thảo luận nhóm 				

	<p>2.2. <i>Giai cấp công nhân và việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay</i></p> <p>2.2.1. Giai cấp công nhân hiện nay</p> <p>2.2.2. Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trên thế giới hiện nay</p> <p>2.3. <i>Sứ mệnh lịch sử cả giai cấp công nhân Việt Nam</i></p> <p>2.3.1. Đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam</p> <p>2.3.2. Nội dung sứ mệnh lịch sử cả giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay</p> <p>2.3.3. Phương hướng và một số giải pháp chủ yếu để xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay</p>		<p>điều kiện quy định sứ mệnh lịch sử cả giai cấp công nhân</p> <p>- Trình bày thực trạng giai cấp công nhân và việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay</p> <p>- Trình bày về đặc điểm, nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam. Phương hướng và một số giải pháp chủ yếu để xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay</p>				
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	5/5/0		CLO2 CLO5			
	<p>2.1. Truyền thống tốt đẹp của giai cấp công nhân Việt Nam</p> <p>2.2. Giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay và khi mới ra đời</p>		<p>- Trình bày, phân tích những truyền thống tốt đẹp của giai cấp công nhân Việt Nam?</p> <p>- Phân tích, so sánh những đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam khi mới ra đời và hiện nay?</p>		<p>- Học nhóm</p> <p>- Hướng dẫn tự học, đọc sách giáo khoa từ trang 28 - 47</p>	<p>- Chuẩn bị phần tự học ở nhà</p> <p>- Nghiên cứu các câu hỏi trắc nghiệm tại: www.wattpad.com</p>	
	Chương 3: Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội						
3	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO3 CLO5			A1.2 A3.2
	<p>3.1. <i>Chủ nghĩa xã hội</i></p> <p>3.1.1. Chủ nghĩa xã hội, giai đoạn đầu của hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa</p> <p>3.1.2. Điều kiện ra đời của chủ nghĩa xã hội</p> <p>3.1.3. Những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội</p> <p>3.2. <i>Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</i></p> <p>3.2.1. Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>3.2.2. Đặc điểm thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>3.3. <i>Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</i></p> <p>3.1.1. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa</p>		<p>- Trình bày, phân tích về chủ nghĩa xã hội cũng như các giai đoạn của hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa</p> <p>- Trình bày điều kiện ra đời, đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin</p> <p>- Trình bày về tính tất yếu khách quan, đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>- Trình bày, phân tích về đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua</p>		<p>- Thuyết trình, giảng giải</p> <p>- Trình chiếu Power Point</p> <p>- Phát biểu xây dựng bài</p> <p>- Thảo luận nhóm</p>	<p>- Làm bài tập số 4</p> <p>- Thảo luận nhóm</p>	

	3.1.2. Những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội và phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam		chế độ tư bản chủ nghĩa ở Việt Nam, đặc trưng, phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam				
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	5/5/0		CLO3 CLO5			
	3.1. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa ở Việt Nam 3.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa ở Việt Nam		- Phân tích những thuận và khó khăn của Việt Nam khi quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa? - Phân tích quan điểm của Hồ Chí Minh về quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa ở Việt Nam?		- Học nhóm - Hướng dẫn tự học, đọc sách giáo khoa từ trang 48 - 67	- Chuẩn bị phần tự học ở nhà - Nghiên cứu các câu hỏi trắc nghiệm tại: www.wattpad.com	
	Chương 4. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa						
4	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	4/0/0		CLO4			A3.1 A3.2
	4.1. Dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa 4.1.1. Dân chủ và sự ra đời, phát triển của dân chủ 4.1.2. Dân chủ xã hội chủ nghĩa 4.2. Nhà nước xã hội chủ nghĩa 4.2.1. Sự ra đời, bản chất, chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa 4.2.2. Mối quan hệ giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa 4.3. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 4.3.1. Dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 4.3.2. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 4.3.3. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam hiện nay		- Trình bày, phân tích về dân chủ và sự ra đời, phát triển của dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa - Trình bày, phân tích về dân chủ và sự ra đời, bản chất, chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa - Trình bày, phân tích về mối quan hệ giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa - Trình bày, phân tích dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam - Phân tích thực trạng, giải pháp phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam hiện nay		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu Power Point - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm bài tập số 5 - Thảo luận nhóm	
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	4/4/0		CLO6 CLO7			

	4.1. Nền dân chủ XHCN và dân chủ tư sản		- Phân tích, so sánh nền dân chủ tư sản và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Từ đó, chứng minh tính ưu việt của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa mà Việt Nam đang xây dựng?		- Học nhóm - Hướng dẫn tự học, đọc sách giáo khoa từ trang 68- 88	- Chuẩn bị phần tự học ở nhà - Nghiên cứu các câu hỏi trắc nghiệm tại: www.wattpad.com	
	Chương 5: Cơ cấu xã hội giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội						
5	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	4/0/0		CLO4			A1.2 A3.2
	<p>5.1. Cơ cấu xã hội giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>5.1.1. Khái niệm và vị trí của cơ cấu xã hội giai cấp trong cơ cấu xã hội</p> <p>5.1.2 Sự biến đổi có tính quy luật của cơ cấu xã hội giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>5.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>5.3. Cơ cấu xã hội giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <p>5.3.1. Cơ cấu xã hội giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <p>5.3.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p>		<p>- Trình bày, phân tích quan niệm của chủ nghĩa Mác - Lênin về cơ cấu xã hội giai cấp trong cơ cấu xã hội</p> <p>- Khái quát về sự biến đổi có tính quy luật của cơ cấu xã hội giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>- Trình bày tính tất yếu, đặc điểm của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>- Phân tích thực trạng, đặc điểm của cơ cấu xã hội giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p>		<p>- Thuyết trình, giảng giải</p> <p>- Trình chiếu Power Point</p> <p>- Phát biểu xây dựng bài</p> <p>- Thảo luận nhóm</p>	<p>- Làm bài tập s 6</p> <p>- Thảo luận nhóm</p>	
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	4/4/0		CLO5			
	<p>5.1. Sự biến đổi cơ cấu xã hội giai cấp Việt Nam</p> <p>5.2. Ảnh hưởng của cơ cấu xã hội giai cấp đ i với sự phát triển kinh tế xã hội ở Việt Nam</p>		<p>- Phân tích sự thay đổi của cơ cấu xã hội giai cấp ở Việt Nam trước 1975 so với hiện nay?</p> <p>- Phân tích làm rõ ảnh hưởng của cơ cấu xã hội giai cấp đ i với sự phát triển kinh tế xã hội ở Việt Nam?</p>		<p>- Học nhóm</p> <p>- Hướng dẫn tự học, đọc sách giáo khoa từ trang 89- 104</p>	<p>- Chuẩn bị phần tự học ở nhà</p> <p>- Nghiên cứu các câu hỏi trắc nghiệm tại: www.wattpad.com</p>	
	Chương 6: Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội						
6	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	4/0/0		CLO4			A3.2

	<p>6.1. Dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>6.1.1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về dân tộc</p> <p>6.1.2. Dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam</p> <p>6.2. Tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>6.2.1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về tôn giáo</p> <p>6.2.2. Tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta hiện nay</p> <p>6.3. Quan hệ giữa dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam</p> <p>6.3.1. Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam</p> <p>6.3.2. Định hướng giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay</p>		<p>- Trình bày, phân tích quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề dân tộc, tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>- Phân tích quan hệ dân tộc, thực trạng dân tộc, đặc điểm về dân tộc, phương hướng giải quyết vấn đề dân tộc ở Việt Nam</p> <p>- Trình bày về vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta hiện nay</p> <p>- Trình bày về mối quan hệ giữa giải quyết vấn đề dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam</p>		<p>- Thuyết trình, giảng giải</p> <p>- Trình chiếu Power Point</p> <p>- Phát biểu xây dựng bài</p> <p>- Thảo luận nhóm</p>	<p>- Làm bài tập s 7</p> <p>- Thảo luận nhóm</p>	
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	4/4/0		CLO8			
	6.1. Phát huy vai trò của cộng đồng dân tộc thiểu số và đồng bào tôn giáo?		<p>- Tại sao tôn giáo và dân tộc là những vấn đề nhạy cảm, cần giải quyết cẩn thận?</p> <p>- Làm thế nào để phát huy vai trò của toàn dân trong việc giải quyết vấn đề dân tộc và tôn giáo?</p>		<p>- Học nhóm</p> <p>- Hướng dẫn tự học, đọc sách giáo khoa từ trang 105- 127</p>	<p>- Chuẩn bị phần tự học ở nhà</p> <p>- Nghiên cứu các câu hỏi trắc nghiệm tại: www.wattpad.com</p>	
	Chương 7: Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội						
7	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	4/4/0		CLO4			A3.2
	<p>7.1. Khái niệm, vị trí, chức năng của gia đình</p> <p>7.1.1. Khái niệm gia đình</p> <p>7.1.2. Vị trí của gia đình trong xã hội</p> <p>7.1.3. Chức năng cơ bản của gia đình</p> <p>7.2. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH</p> <p>7.2.1. Cơ sở kinh tế - xã hội</p> <p>7.2.2. Cơ sở chính trị xã hội</p> <p>7.2.3. Cơ sở văn hóa</p> <p>7.2.4. Chế độ hôn nhân tiến bộ</p> <p>7.3. Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p>		<p>- Trình bày, phân tích về gia đình, vị trí, chức năng cơ bản của gia đình</p> <p>- Trình bày, phân tích về những cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH</p> <p>- Phân tích những biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH và phương hướng cơ bản dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH</p>		<p>- Thuyết trình, giảng giải</p> <p>- Trình chiếu Power Point</p> <p>- Phát biểu xây dựng bài</p> <p>- Thảo luận nhóm</p>	<p>- Làm bài tập s 7</p> <p>- Thảo luận nhóm</p>	

	7.3.1. Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH 7.3.2. Phương hướng cơ bản dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH						
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	8/8/0		CLO9 CLO1 0			
	7.1. Những biến đổi của gia đình Việt Nam hiện nay?		- So sánh vị trí, vai trò của người phụ nữ trong gia đình Việt thời phong kiến và gia đình Việt Nam hiện đại? - Phân tích sự thay đổi trong cách nuôi dạy con cái thời phong kiến và hiện đại?		- Học nhóm - Hướng dẫn tự học, đọc sách giáo khoa từ trang 128- 145	- Chuẩn bị phần tự học ở nhà - Nghiên cứu các câu hỏi trắc nghiệm tại: www.wattpad.com	
Theo lịch thi	FINAL EXAM			CLO1, 2,3,4			A4

(* Ghi chú:

- (3) S ết (LT/TH/TT): Xác định s ết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương.
- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR. Tham khảo các phương pháp giảng dạy trong CTĐT ngành QTKD.
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên

8. Học liệu:

Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

Nhan đề	Tác giả	NXB	Năm XB	Loại tài liệu
Tài liệu tập huấn giảng dạy Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ Giáo dục & Đào tạo		2018	GT
Hướng dẫn học tập môn Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	PGS.TS. Nguyễn Thanh, PGS.TS Vũ Anh Tuấn	Thời đại	2012	TLTK
Giáo trình Triết học Mác - Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị gia	2008	TLTK
Lịch sử triết học	Nguyễn Thanh	Thanh Hóa	2007	TLTK

Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ web hữu ích cho học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Triết học Mác - Lênin và thời đại của chúng ta	chungta.com	10/9/2019
2	Triết học Mác - Lênin và sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	dangcongsan.vn	10/9/2019

3	Bộ câu hỏi trắc nghiệm tham khảo môn Triết học Mác - Lênin	www.wattpad.com	10/9/2019
---	--	--	-----------

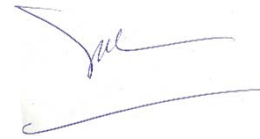
9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

Bảng 9.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của học phần

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	S	
1	Giảng đường			

Bình Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2019

P. Trưởng khoa



Lê Thị Hiền

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: DƯỢC

Mã số: 7720201

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về HP

1.1 Mã học phần: 081003	1.2 Tên học phần: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH
1.3 Ký hiệu học phần:	1.4 Tên tiếng Anh: Ho Chi Minh's Ideology
1.5 Số tín chỉ:	02
1.6 Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	28 tiết
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	02 tiết
- Tự học:	60 tiết
1.7 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Doãn Thị Huệ
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	THS. Lê Thị Hiền
1.8 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần học trước:	Chủ nghĩa xã hội khoa học
- Học phần song hành:	

2. Mô tả học phần:

Học phần tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 6 chương cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng cộng sản và Nhà nước Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức, con người.

3. Mục tiêu HP (Goals)

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)
------------------	--	--------------------------

G1	Sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh;	PLO1
G2	Hiểu được những nội dung cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh; sự vận dụng của Đảng cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và trong cách mạng xã hội chủ nghĩa.	PLO1
G3	Kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống và học tập.	PLO1,9,10,11
G4	Nâng cao nhận thức, thái độ lòng yêu nước của sinh viên cũng như nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam.	PLO12

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes-CLOs)

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR của học phần (CLOs)	Mô tả CLOs (Sau khi học xong môn học này, người học có thể:)
CLO 1	Trình bày được khái niệm, cơ sở hình thành và các giai đoạn phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh. Phân tích được nguồn gốc quan trọng nhất hình thành nên tư tưởng Hồ Chí Minh.
CLO 2	Giải thích được nội dung thực chất của vấn đề dân tộc thuộc địa; nêu được tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc; nêu được quan điểm vận dụng của đảng về vấn đề dân tộc trong công cuộc đổi mới đất nước. Phân tích được quan điểm sáng tạo của Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc.
CLO 3	Giải thích được tính tất yếu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; về mục tiêu và động lực, về nội dung xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Quan điểm vận dụng của Đảng về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên CNXH vào công cuộc đổi mới hiện nay.
CLO 4	Giải thích cụ thể về sự ra đời và bản chất của Đảng cộng sản Việt Nam, thế nào là đảng cầm quyền cũng như các nguyên tắc xây dựng đảng trong sạch vững mạnh.
CLO 5	Nhận thức được vai trò chiến lược, điều kiện thực hiện và nguyên tắc hoạt động của khối đại đoàn kết dân tộc. nắm được cụ thể những lực lượng và các nguyên tắc về đoàn kết quốc tế theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Liên hệ được thực tế về tinh thần đoàn kết của nhân dân ta hiện nay.
CLO 6	Giải thích cụ thể về nhà nước của dân, do dân, vì dân. Hiểu rõ về bản chất của nhà nước ta và những quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước trong sạch, hoạt động hiệu quả.
CLO 7	Nhận thức được các quan điểm về xây dựng nền văn hóa mới cũng như vị trí và vai trò của văn hóa trong đời sống xã hội quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò, các chuẩn mực đạo đức cách mạng. Phân tích được các

	nguyên tắc xây dựng đạo đức mới, có khả năng vận dụng, liên hệ bản thân trong thực tế về vai trò của đạo đức trong cuộc sống và công việc.
--	--

5. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Mức độ đóng góp của CLO vào PLO được xác định cụ thể:

- L (Low) – CLO có đóng góp ít vào PLO
- M (Medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO
- H (High) – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích:

- Các mức H - Cao, M - Vừa, L - Thấp - phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (L) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(mức M) hay mức thuần thục (H).

Bảng 5.1. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Chuẩn đầu ra HP (CLOs)	Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
CLO1	L								L	L	M	H
CLO2	L								L	L	M	H
CLO3	M								M	M	M	H
CLO4	M								M	M	M	H
CLO5	H								M	M	M	H
CLO6	H								M	M	M	H
CLO7	H								M	H	M	H
Tổng hợp	H								M	M	M	H

6. Đánh giá HP

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP

H/phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric	Lquan đến CLO nào ở Bảng 5.1	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	10%	A1.1. Tuần 1: thảo luận nhóm	30%		CLO 1	
		A1.2. Tuần 3: thảo luận nhóm	30%		CLO 3	
		A1.3. Tuần 5: thảo luận nhóm	30%		CLO 5	
A2. Kỹ năng	10%	Tuần 1: thuyết trình Tuần 3: t/trình Tuần 5: t/ trình		R2	CLO 1,3,5	
A3. Đánh giá giữa kỳ	20%	Bài tập lớn: Sinh viên làm bài		R1	CLO 1,2	

		kiểm tra trắc nghiệm				
A4. Đánh giá cuối kỳ	60%	Bài ktra cuối kỳ: Thi trắc nghiệm và tự luận theo NHĐT.			CLO 1,2,3,4,5,6,7	

- (7) PP đánh giá đạt CDR: Nêu tên các PP đánh giá sử dụng trong từng chương để đạt CDR. Tham khảo các phương pháp đánh giá trong CTĐT ngành QTKD.

6.2. Chính sách đối với HP

- SV tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $>20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP

Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần

Tuần/ (5 tiết/tuần)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/TH /TT)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở Bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 Bảng 6.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Chương mở đầu: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh						
1	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2.0/0/0		CLO1			
	1.1. Đối tượng nghiên cứu 1.2. Phương pháp nghiên cứu 1.3. Ý nghĩa của việc học tập môn học		- Định nghĩa tư tưởng Hồ Chí Minh - Nêu được đối tượng nghiên cứu; các phương pháp học tập môn học. - Nêu được ý nghĩa của việc học tập môn học đối với SV.		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài		
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/0					
	Chương 1: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh						
2	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	3.0/0/0		CLO1			A1.1

	<p>2.1. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p>2.2. Quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p>2.3. Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được điều kiện lịch sử - xã hội trong nước và thời đại cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX có ảnh hưởng tới quá trình hình thành tư tưởng HCM. - Phân tích được nguồn gốc quan trọng nhất quyết định nội dung của tư tưởng Hồ Chí Minh - Phân tích được các giai đoạn hình thành cơ bản tư tưởng HCM về con đường cách mạng Việt Nam 		<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm 	Thảo luận nhóm	
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	01/0/0		CLO2			
	2.4. Đọc trước nội dung về nhiệm vụ, lực lượng, con đường và biện pháp thực hiện cách mạng giải phóng dân tộc		<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ ra được nhiệm vụ, lực lượng, con đường, biện pháp chủ yếu 	-	-	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà 	
	Chương 2: Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc						
3	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	7/0/0		CLO2			
	<p>3.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc</p> <p>3.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề cách mạng giải phóng dân tộc.</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được vấn đề dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh - Trình bày được tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc. - Liên hệ được quan điểm vận dụng của đảng về vấn đề dân tộc trong công cuộc đổi mới đất nước. - Trình bày được quan điểm sáng tạo của Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc 		<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài 	Thảo luận nhóm	
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	01/0/0		CLO2			
	3.3. Làm sáng tỏ thêm quan điểm của HCM khẳng định rằng cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc.		<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được nội dung mang tính chủ động, sáng tạo của cách mạng vô sản ở thuộc địa 			<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà 	
	Chương 3: Tư tưởng HCM về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở VN						

4	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	3/0/0		CLO3			
	4.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 4.2. Con đường, biện pháp quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam		- Trình bày được quan điểm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa hội - Giải thích quan điểm của HCM về mục tiêu và động lực của CNXH - Nêu được nội dung về xây dựng CNXH ở VN theo quan điểm của HCM - Nêu được quan điểm vận dụng của đảng về con đường quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội và công cuộc đổi mới hiện nay.		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm bài tập số 3 - Thảo luận nhóm	
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/0					
	Chương 4: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam						
5	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	3/0/0		CLO4			A3
	5.1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về vai trò và bản chất của Đảng cộng sản Việt Nam 5.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng cộng sản Việt Nam trong sạch, vững mạnh	3	- Trình bày được những tiền đề ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam - Phân tích được vai trò của đảng đối với cách mạng Việt Nam. - Nêu được quan điểm vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong công tác xây dựng đảng hiện nay.		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài	- Trả lời các câu hỏi ở trên lớp	
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	01/0/0		CLO4			
	5.3. Liên hệ thực tế về một nội dung xây dựng đảng trong sạch, vững mạnh hiện nay		- Liên hệ 1 nội dung trên 1 lĩnh vực cụ thể như về công tác cán bộ, về tinh gọn bộ máy...			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 5: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế						
6	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO4			
	6.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc 6.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế		- Trình bày được những cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc - Phân tích được quan điểm cơ bản của HCM về đại đoàn kết dân tộc - Trình bày được mối quan hệ giữa sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm bài tập số 5 - Thảo luận nhóm	

			đại theo quan điểm của Hồ Chí Minh - Nêu quan điểm vận dụng của đảng về đại đoàn kết dân tộc và quốc tế.				
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/0		CLO5			
	6.3. Nội dung các nguyên tắc và hoạt động của mặt trận dân tộc thống nhất 6.4. Nội dung của các lực lượng đoàn kết quốc tế. 6.5. Nội dung của các nguyên tắc đoàn kết quốc tế.		- Hiểu được đầy đủ nội dung cơ bản của bài học.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân						
7	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	3/0/0		CLO6			
	7.1. Quan điểm của Hồ Chí Minh về dân chủ 7.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân		- Trình bày được quan điểm của HCM về n/nước. - Giải thích được quan điểm của HCM về nhà nước của dân, do dân, vì dân - Nêu được các quan điểm của HCM về xây dựng nhà nước pháp quyền có hiệu lực pháp lí mạnh mẽ. - Phân tích được quan điểm về xây dựng nhà nước trong sạch, vững mạnh, hiệu quả. - Nêu được quan điểm vận dụng của đảng về xây dựng nhà nước ngang tầm với những nhiệm vụ của đất nước		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài	Phát biểu trả lời các câu hỏi trên lớp	
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	01/0/0		CLO6			
	7.3. Tìm hiểu thêm về nội dung nhà nước của dân, do dân, vì dân trong những năm đầu TK 21.		- Trình bày được một số nội dung cụ thể gắn với thực tế về nhà nước của dân, do dân, vì dân			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 7: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới						
8	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO5			

	8.1. Những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về văn hóa 8.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức 8.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng con người mới		- Phân tích được quan điểm con người là mục tiêu và động lực của cách mạng. - Trình bày được những phẩm chất đạo đức cơ bản của người Việt Nam mới. - Trình bày được các nguyên tắc xây dựng đạo đức mới. - Nêu được quan điểm vận dụng của đảng về đạo đức, nhân văn, văn hóa trong giai đoạn hiện nay.		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài	- Phát biểu trả lời các câu hỏi ở trên lớp	
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/10/0		CLO7			
	8.4. Tìm hiểu và lấy được dẫn chứng về phong trào học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh ở địa phương.		- Lấy được dẫn chứng cụ thể.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
Theo lịch thi	FINAL EXAM			CLO1-7			A4

(*) Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương.
- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR. Tham khảo các phương pháp giảng dạy trong CTĐT ngành QTKD.
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, ...); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số....).

8. Học liệu:

Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

Nhan đề	Tác giả	NXB	Năm XB	Loại tài liệu
Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Phạm Ngọc Anh	Chính trị quốc gia	2017	GT
Hồ Chí Minh toàn tập (tập 1)	Hội đồng lý luận TW	Chính trị quốc gia	2011	TLTK
Cẩm Nang Học Tập Và Làm Theo Tư Tưởng, Đạo Đức, Phong Cách Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Thắng	Hồng Đức	2017	TLTK

Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ web hữu ích cho HP

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	https://www.tapchiconsan.org.vn	2010
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	https://www.ditichhochiminhphuchutich.gov.vn	

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:


Bảng 9.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH	Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường			

Bình Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2019

P. Trưởng khoa



Lê Thị Hiền

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: DƯỢC

Mã số: 7720201

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về HP

1.1 Mã học phần: 081091	1.2 Tên học phần: LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
1.3 Ký hiệu học phần:	1.4 Tên tiếng Anh: History of Vietnamese Communist Party
1.5 Số tín chỉ:	02
1.6 Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	30 tiết
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	03 tiết
- Tự học:	60 tiết
1.7 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Doãn Thị Huệ
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	THS. Lê Thị Hiền
1.8 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần học trước:	Tư tưởng Hồ Chí Minh
- Học phần song hành:	

2. Mô tả học phần:

- Học phần gồm Chương nhập môn và 3 chương: Chương 1: Đảng cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Chương 2: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Chương 3: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Nội dung chủ yếu của môn học là cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản có hệ thống về đường lối của Đảng từ khi Đảng ra đời cho tới thời kỳ đổi mới.

3. Mục tiêu HP (Goals)

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goal description) <i>(Học phần này trang bị cho sinh viên:)</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)
G1	Những hiểu biết cụ thể về hoàn cảnh lịch sử ra đời của Đảng, để từ đó sinh viên giải thích được vì sao Đảng ra đời năm 1930 và gắn liền với công lao to lớn của Hồ Chí Minh.	PLO1
G2	Khả năng giải thích được chủ trương chỉ đạo của Đảng trong giai đoạn 1936-1945, đặc biệt trong Tổng khởi nghĩa cách mạng tháng Tám năm 1945.	PLO1
G3	Khả năng giải thích được chủ trương, sự lãnh đạo tài tình của Đảng và Bác Hồ đưa nước ta thoát ra khỏi tình thế ngàn cân treo sợi tóc sau cách mạng tháng Tám. Giúp sinh viên có thêm cơ sở, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng trong cuộc chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ cũng như trong công cuộc xây dựng đất nước hiện nay.	PLO1
G4	Trình bày được các quan điểm chỉ đạo của Đảng trên các lĩnh vực chính trị - kinh tế - văn hóa - đối ngoại thông qua các kỳ Đại hội Đảng lần thứ 3 năm 1960 cho đến Đại hội Đảng lần thứ 12 năm 2016.	PLO1
G5	Nêu được những thành tựu nổi bật của đất nước trên tất cả các lĩnh vực từ khi đổi mới tới nay.	PLO9-12

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes-CLOs)

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR của học phần (CLOs)	Mô tả CLOs (Sau khi học xong môn học này, người học có thể:)
CLO 1	Phân tích rõ điều kiện lịch sử trong nước và quốc tế tác động tới Nguyễn Ái Quốc ra đi tìm đường cứu nước, công lao của Nguyễn Ái Quốc về chính trị, tư tưởng và tổ chức dẫn tới sự ra đời của Đảng, điểm sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc về quy luật thành lập Đảng ở Việt Nam.
CLO 2	Có khả năng phân tích được nội dung của cương lĩnh chính trị và luận cương chính trị. Phân tích được sự chuyển hướng chỉ đạo nhiệm vụ chính trị giai đoạn 1936-1941 là đúng đắn, sáng tạo, sự lãnh đạo tài tình của Đảng về khả năng dự đoán và chớp thời cơ trong Tổng khởi nghĩa cách mạng tháng Tám.
CLO 3	Có khả năng phân tích được khó khăn và thuận lợi của nước ta sau cách mạng tháng Tám; chủ trương phát động toàn quốc kháng chiến của Đảng năm 1946.
CLO 4	Trình bày được nội dung cơ bản của đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ; đường lối xây dựng chế độ dân chủ nhân dân ở miền Bắc từ năm 1960.
CLO 5	Trình bày được nội dung cơ bản đường lối chỉ đạo của Đảng về kinh tế, quân sự thông qua Đại hội Đảng lần thứ IV và thứ V.

CLO 6	Trình bày được nội dung, kết quả thực hiện đường lối lãnh đạo của đảng trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa...trong thời kỳ đổi mới đất nước từ Đại hội Đảng lần thứ VI (1986) đến Đại hội Đảng lần thứ XII (2016) cho tới nay.
-------	--

5. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Mức độ đóng góp của CLO vào PLO được xác định cụ thể:

- L (Low) – CLO có đóng góp ít vào PLO
- M (Medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO
- H (High) – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích:

- Các mức H - Cao, M - Vừa, L - Thấp - phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (L) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế...(mức M) hay mức thuần thục (H).

Bảng 5.1. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Chuẩn đầu ra HP (CLOs)	Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
CLO1	L								L	L	L	M
CLO2	L								L	L	L	M
CLO3	M								M	M	M	H
CLO4	H								M	M		H
CLO5	H								M	M	M	H
CLO6	H								M	M	M	H
Tổng hợp	H								M	M	M	H

6. Đánh giá HP

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của HP

Bảng 6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập của SV ở HP

H/phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric	Lquan đến CLO nào ở Bảng 5.1	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	10%	A1.1. Tuần 1: Làm bài tập nhóm số 1	30%		CLO 1	
		A1.2. Tuần 2: Làm bài tập số 2	30%		CLO 2	
		A1.3. Tuần 3: Làm bài tập số 3	30%		CLO 3,4	
A2. Kỹ năng	10%	Tuần 4,5,6, : Khả năng làm việc nhóm, phân công nhóm, viết bài tự luận.		R2	CLO 3	- GV tổ chức cho SV tham gia hoạt động ngoại khóa.

A3. Đánh giá giữa kỳ	20%	Bài tập lớn: Sinh viên làm bài theo nhóm		R1	CLO 1,2,3,4,5,6	- GV giao đề tài cho SV ngay từ đầu HP.
A4. Đánh giá cuối kỳ	60%	Bài ktra cuối kỳ: Thi trắc nghiệm theo NHĐT.			CLO 1,2,3,4,5,6	

- (7) PP đánh giá đạt CDR: Nêu tên các PP đánh giá sử dụng trong từng chương để đạt CDR. Tham khảo các phương pháp đánh giá trong CTĐT ngành QTKD.

6.2. Chính sách đối với HP

- SV tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $>20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP

Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần

Tuần/ (5 tiết/tuần)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/TH /TT)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở Bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 Bảng 6.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Chương nhập môn: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam						
1	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2.0/0/0		CLO1			
	1.1. Đối tượng nghiên cứu của môn học Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam 1.2. Chức năng, nhiệm vụ của môn học Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam 1.3. Phương pháp nghiên cứu, học tập môn học Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam		- Trình bày được đối tượng nghiên cứu, chức năng và nhiệm vụ của môn học. - Vận dụng được các phương pháp trong nghiên cứu và học tập		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint		
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/0					
	Chương 1: Đảng cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)						
2	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO1			A1.1

	<p>2.1. Đảng cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của đảng (tháng 2-1930)</p> <p>2.2. Lãnh đạo quá trình đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được hoàn cảnh trong nước và quốc tế trước khi có đảng - Trình bày được quá trình chuẩn bị của Nguyễn Ái Quốc về chính trị, tư tưởng và tổ chức dẫn tới sự ra đời của Đảng. - Giải thích được sự cần thiết phải thống nhất các tổ chức cộng sản thành một đảng duy nhất. - Trình bày được nội dung Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng. - Giải thích được điểm khác nhau giữa nội dung Cương lĩnh chính trị 2/1930 và Luận cương chính trị 10/1930 - Giải thích được sự tác động của hoàn cảnh lịch sử tới sự chuyển hướng chỉ đạo nhiệm vụ chính trị của đảng. - Trình bày được diễn biến Tổng khởi nghĩa trong cách mạng tháng Tám 		<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm 	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập số 1 - Thảo luận nhóm 	
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0,5/5/0		CLO1			
	2.3. Tìm hiểu thêm về sự phát triển của phong trào cách mạng 1928-1929.		<ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được vì sao phải hợp nhất 3 tổ chức cộng sản làm một Đảng duy nhất. 			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 2: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975)						
3	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO2			A1.2
	<p>3.1. Lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng, kháng chiến chống thực Pháp xâm lược 1945-1954</p> <p>3.2. Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954-1975)</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được hoàn cảnh lịch sử sau năm 1945 - Giải thích được sách lược của đảng trong việc đối phó với kẻ thù giai đoạn 1945-1946 - Trình bày được những sự kiện lịch sử gắn liền với đường lối chỉ đạo của đảng từ năm 1946-1950; 1951-1954 		<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm 	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập số 2 Thảo luận nhóm 	

			<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được nội dung Chính cương của Đảng lao động Việt Nam - Trình bày được nội dung cơ bản của đường lối kháng chiến chống Mỹ và đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc thông qua Hội nghị BCH Trung ương Đảng lần thứ 15 (1959), lần thứ 11 và 12 (1965) -Nêu được những thành tựu của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn 1954-1975 				
3	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0,5/0/0		CLO3			
	3.3 Tìm hiểu thêm về Hiệp định Giơnevơ và Hiệp định Pari		<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được những điểm hạn chế của hai hiệp định (đối với nước ta) 			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 3: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018)						
5	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	13/0/0		CLO4			A1.3
	<p>5.1. Lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975-1986)</p> <p>5.2. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1986-2018).</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày chủ trương đường lối lãnh đạo của đảng trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, quân sự, văn hóa từ năm 1986-2018. - Chỉ ra được những hạn chế của đường lối công nghiệp hóa trước năm 1986. - Trình bày được những thành tựu của sự nghiệp đổi mới đất nước trên các lĩnh vực từ 1986 đến nay. - Nêu được những thắng lợi vĩ đại của CM VN từ khi có Đảng lãnh đạo. 		<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm 	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập số 3 - Thảo luận nhóm 	
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0,5/5/0		CLO4			
	5.3. Tìm hiểu thêm về thành tựu công nghiệp hóa- hiện đại hóa; về hội nhập quốc tế		<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được hiệu quả của quá trình áp dụng khoa học và công nghệ trên một số lĩnh vực như công nghiệp, nông-lâm-ngư nghiệp; nêu ra được những tổ chức, hiệp 			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	

			định... mà Việt Nam tham gia từ 2007-2018				
Theo lịch thi	FINAL EXAM			CLO1- 6			A4

(*) Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương.
- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR. Tham khảo các phương pháp giảng dạy trong CTĐT ngành QTKD.
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ...); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số....).

8. Học liệu:

Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

Nhan đề	Tác giả	NXB	Năm XB	Loại tài liệu
Tài liệu tập huấn giảng dạy Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục & Đào tạo		2018	GT
Giáo trình Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Hội đồng lý luận TW	Chính trị quốc gia	2007	TLTK

Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ web hữu ích cho HP

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Đảng Cộng Sản Việt Nam	https://www.tapchicongsan.org.vn	2010
2	Đảng Cộng Sản Việt Nam	https://www.cpv.org.vn	2015

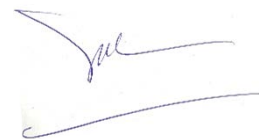
9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

Bảng 9.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường			
2	Phòng mô phỏng			

Bình Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2019

P. Trưởng khoa



Lê Thị Hiền

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: DƯỢC

Mã số: 7720201

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về HP

1.1 Mã học phần: 081005	1.2 Tên học phần: PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG
1.3 Ký hiệu học phần: PL	1.4 Tên tiếng Anh: GENERAL LAW
1.5 Số tín chỉ:	02
1.6 Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	30 tiết
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	
- Tự học:	60 tiết
1.7 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	CN. Nguyễn Duy Dũng
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	
1.8 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần học trước:	
- Học phần song hành:	

2. Mô tả học phần:

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức và hiểu biết cơ bản về các vấn đề: Nhà nước và Pháp luật; quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; pháp chế xã hội chủ nghĩa; một số ngành luật cơ bản: Luật Nhà nước - Hiến pháp 2013, Luật Hành chính, Luật Lao động, Luật Dân sự, Luật Hình sự và một số chuyên đề tự chọn.

3. Mục tiêu HP (Goals)

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)
---------------------	--	-----------------------------

G1	Hiểu kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực pháp Luật đại cương, nắm được sự ra đời, hình thức của nhà nước và pháp luật	PLO1
G2	Nắm vững quy phạm pháp luật, văn bản quy phạm pháp luật và quan hệ pháp luật xã hội chủ nghĩa. Nắm được cơ cấu của Bộ máy nhà nước ta, các chế định trong luật Hiến pháp 2013	PLO1
G3	Hiểu được vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý đặc biệt là nắm vững cấu thành của vi phạm pháp luật, chế định luật hành chính và các hành vi tham nhũng,	PLO1,9-12
G4	Nắm được một số chế định của các ngành luật cơ bản như luật hình sự, luật tố tụng hình sự, luật dân sự, luật tố tụng dân sự, luật lao động...	PLO1,9-12

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes-CLOs)

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

Bảng. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR của học phần (CLOs)	Mô tả CLOs (Sau khi học xong môn học này, người học có thể)
CLO 1	Trình bày được nguyên nhân dẫn đến sự ra đời của nhà nước và pháp luật
CLO 2	Trình bày được các kiểu nhà nước trong lịch sử.
CLO 3	Phân tích được các hình thức của pháp luật
CLO 4	Áp dụng được văn bản quy phạm pháp luật và thẩm quyền ban hành các loại văn bản quy phạm pháp luật
CLO 5	Giải thích được vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý
CLO 6	Trình bày được cơ cấu của bộ máy nhà nước ta, nguyên tắc hoạt động của bộ máy nhà nước
CLO 7	Giải thích được tội phạm và các biện pháp chế tài của bộ luật hình sự và các chế định của bộ luật tố tụng hình sự
CLO 8	Trình bày được các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân được quy định trong chế định của Bộ luật dân sự và tố tụng dân sự
CLO 9	Giải thích được những quy định chung của Bộ luật lao động
CLO 10	Phân tích được các loại hình doanh nghiệp hiện nay theo quy định của pháp luật.

5. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Mức độ đóng góp của CLO vào PLO được xác định cụ thể:

- L (Low) – CLO có đóng góp ít vào PLO
- M (Medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO
- H (High) – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích:

- Các mức H - Cao, M - Vừa, L - Thấp - phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (L) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(mức M) hay mức thuần thục (H).

Bảng 5.1. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Chuẩn đầu ra HP (CLOs)	Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
CLO1	L								L	L	L	M
CLO2	L								L	L	L	M
CLO3	M								L	L	L	M
CLO4	M								M	M	M	M
CLO5	M								M	M	M	M
CLO6	H								M	M	M	H
CLO7	H								H	M	M	H
CLO8	H								H	H	M	H
CLO9	H								H	H	M	H
Tổng hợp	H								H	M	M	H

6. Đánh giá HP

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP

H/phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric	Lquan đến CLO nào ở Bảng 5.1	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	10%	A1.1. Tuần 2: Bài tự luận nhỏ 1	30%		CLO 1	
		A1.2. Tuần 4: bài tự luận nhỏ 2	30%		CLO 2	
		A1.3. Tuần 6: bài tự luận nhỏ 3	40%		CLO 3	
A2. Kỹ năng	10%	Tuần 7: Quan hệ và xử sự theo pháp luật		R2	CLO 4,5	- GV cho SV giao lưu các nội dung xoay quanh chế định quan hệ pháp luật
A3. Đánh giá giữa kỳ	20%	Bài kiểm tra giữa kỳ: Sinh viên làm đề mở		R1	CLO 1, 2, 3, 4	- GV ghi đề lên bảng để sinh viên tự làm trên giấy

A4. Đánh giá cuối kỳ	60%	Bài ktra cuối kỳ: Thi trắc nghiệm theo NHĐT.			CLO 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10	
-------------------------------	-----	---	--	--	-----------------------------	--

(7) PP đánh giá đạt CDR: Nêu tên các PP đánh giá sử dụng trong từng chương để đạt CDR. Tham khảo các phương pháp đánh giá trong CTĐT ngành CNTT.

6.2. Chính sách đối với HP

SV tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $>20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP

Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần

Tuần / (5 tiết/tu ần)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/T H/TT)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lqua n đến CLO nào ở Bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 Bảng 6.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Chương 1: Những vấn đề cơ bản về nhà nước						
	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	3.0/0/ 0		CLO1			
	1.1. Nguồn gốc nhà nước, bản chất, đặc trung, chức năng của nhà nước 1.2. Các kiểu nhà nước 1.3. Bộ máy nhà nước CHXHCN Việt nam		- Trình bày sự ra đời và phát triển của nhà nước - Nêu khái niệm về nhà nước - Các kiểu nhà nước - Bộ máy của nhà nước CHXHCN Việt Nam		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Thảo luận nhóm	
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	6/0/0		CLO3			
	1.4. Nguyên nhân dẫn đến sự ra đời của nhà nước 1.5. Tìm hiểu bản chất, chức năng của nhà nước		- Nhà nước ra đời do những nguyên nhân nào - Các kiểu nhà nước trong lịch sử.		- Tự học - Học nhóm	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	

2	Chương 2: Những vấn đề cơ bản về pháp luật						
	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	3/0/0		CLO3			
	2.1. Nguồn gốc, bản chất của pháp luật và bản chất của pháp luật XHCN 2.2. Thuộc tính của pháp luật 2.3. Chức năng của pháp luật 2.4. Vai trò của pháp luật		- Trình bày được sự ra đời và phát triển của pháp luật - Giải thích được bản chất, chức năng, vai trò của pháp luật - Liên hệ được với thực tiễn của xã hội.		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Thảo luận nhóm	
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	6/0/0		CLO4			
	2.1. Nghiên cứu nắm được nguồn gốc, sự ra đời của pháp luật, vai trò của PL.		- Trình bày chức năng, vai trò của pháp luật đối với đời sống XH			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
3	Chương 3: Quy phạm pháp luật, văn bản QPPL, quan hệ pháp luật						
	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	3/0/0		CLO3			A1.1
	3.1. Quy phạm pháp luật 3.2. Văn bản quy phạm pháp luật 3.3. Quan hệ pháp luật XHCN		- Trình bày được cấu trúc của quy phạm pháp luật. - Thẩm quyền ban hành các loại văn bản - Nêu được cấu trúc của quan hệ pháp luật XHCN		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	Thảo luận nhóm	
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	6/0/0		CLO3			
	3.1. Thẩm quyền ban hành các loại văn bản QPPL		- Phân biệt được QHXX và QHPL trong thực tế			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	

4	Chương 4: Vi phạm pháp luật & trách nhiệm pháp lý, pháp chế XHCN						
	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	3/0/0		CLO1			
	4.1. Vi phạm pháp luật 4.2. Trách nhiệm pháp lý. 4.3. Pháp chế xã hội chủ nghĩa		- Trình bày Khái niệm vi phạm pháp luật, các dấu hiệu cơ bản của vi phạm pháp luật - Trách nhiệm pháp lý, pháp chế XHCN. - Biện pháp tăng cường pháp chế XHCN		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Thảo luận nhóm	
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	6/0/0		CLO4			
	- Nghiên cứu các yếu tố cấu thành của vi phạm pháp luật		- Trình bày được cấu thành vi phạm pháp luật			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
5	Chương 5: Luật nhà nước						
	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	3/0/0		CLO4			A3
	5.1. Khái niệm luật nhà nước 5.2. Một số nội dung cơ bản của Hiến pháp năm 2013.		- Trình bày được khái niệm luật nhà nước - Giải thích được chế định chính trị, kinh tế xã hội và quyền công dân - Bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam, nguyên tắc hoạt động của BM		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Thảo luận nhóm	
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	6/0/0		CLO3			
	5.3. Các chế định cơ bản của Hiến pháp 2013		- Các chế định về bộ máy nhà nước ta theo HP 2013			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	

6	Chương 6: Luật hành chính việt nam						
	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	3/0/0		CLO4			A1.2
	6.1. Khái niệm luật hành chính 6.2. Quan hệ pháp luật hành chính, trách nhiệm hành chính 6.3. Cán bộ công chức 6.4. Viên chức 6.5. Tổ tụng hành chính 6.6. Phòng, chống tham nhũng 6.7. Kiểm tra giữa kỳ		- Trình bày được khái niệm về luật hành chính - Giải thích được các cấp hành chính trong BMNN - Trình bày được quan hệ hành chính - Nắm được khái niệm cán bộ, viên chức, công chức - Giải thích được tổ tụng hành chính - Trình bày được các hành vi tham nhũng, biện pháp phòng, chống - Nắm và trả lời được nội dung		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Thảo luận nhóm	
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	6/0/0		CLO3			
	6.7. Hiểu được các quan hệ hành chính thường gặp		- Xây dựng được ý thức chấp hành pháp luật HC			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
7	Chương 7: Luật hình sự và tổ tụng hình sự						
	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	3/0/0		CLO3			A1.2.
	7.1. Luật hình sự 7.2. Luật tổ tụng hình sự		- Trình bày được khái niệm luật hình sự - Nắm được khái niệm tội phạm - Nêu được hệ thống các hình phạt - Hiểu được các cơ quan tiến hành tố tụng - Các giai đoạn tiến hành tố tụng		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Thảo luận nhóm	

	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	6/0/0		CLO4			
	7.3. Nắm được tội phạm và chế định hình phạt trong BLHS		- Trình bày được tội phạm và chế định hình phạt trong BLHS			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
8	Chương 8: Luật dân sự và tố tụng dân sự						
	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2/0/0		CLO5			A1.3
	8.1. Luật dân sự 8.2. Luật tố tụng dân sự Kiểm tra giữa kỳ		- Nắm được khái niệm về luật dân sự - Nắm được một số chế định dân sự. - Thẩm quyền xét xử của tòa án nhân dân các cấp		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Thảo luận nhóm	
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	4/0/0		CLO4			
	8.3. Tìm hiểu một số chế định cơ bản của luật dân sự		- Hiểu được một số chế định cơ bản của luật dân sự			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
9	Chương 9: Luật lao động						
	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	3/0/0		CLO5			A2
	9.1. Những quy định chung 9.2. Hợp đồng lao động 9.3. Tiền lương 9.4. Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi 9.5. Kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất 9.6. Bảo hiểm xã hội		- Trình bày được chính sách chung của nhà nước về lao động - Giải thích được Hợp đồng lao động - Phân tích được chế độ tiền lương - Nắm được thời giờ làm việc và thời giờ nghỉ ngơi		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Thảo luận nhóm	

			- Nắm được chính sách bảo hiểm xã hội của nhà nước ta				
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	6/0/0		CLO4			
	9.7. Nắm vững quy định chung của nhà nước về luật lao động		- Trình bày được quy định của nhà nước về luật lao động			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
10	Chương 10: Luật kinh doanh						
	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	3/0/0		CLO3			
	10.1. Pháp luật về các loại hình doanh nghiệp 10.2 Pháp luật về phá sản doanh nghiệp 10.3 Pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh 10.4 Pháp luật thương mại 10.5 Luật cạnh tranh		- Nêu được các loại hình doanh nghiệp - Thủ tục và các bước phá sản doanh nghiệp - Trình bày được phương thức giải quyết tranh chấp trong KD-TM - Nắm được các hoạt động thương mại và hành vi thương mại		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Thảo luận nhóm	
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	6/0/0		CLO4			
	10.6. Đọc, nghiên cứu kỹ các ngành luật thầy đã giới thiệu trên lớp		- Trình bày được các loại hình doanh nghiệp trong kinh doanh và phương thức giải quyết tranh chấp TM			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
Theo lịch thi	Thi kết thúc			CLO1,2,3,4,5,6,7,8,9,10			A4

(*) Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương.
- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR. Tham khảo các phương pháp giảng dạy trong CTĐT ngành CNTT.
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án...); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số...).

8. Học liệu:

Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

Nhan đề	Tác giả	NXB	Năm XB	Loại tài liệu
Pháp luật Đại cương	Lê Minh Toàn	Chính trị quốc gia	2018	GT
Lý luận Nhà nước và pháp luật	Lê Minh Tâm	Công an nhân dân	2008	TLTK
Pháp luật Đại cương	Vũ Thế Hoài, Nguyễn Thị Hương	Thời đại	2011	TLTK

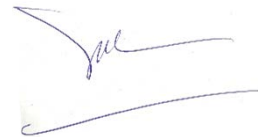
9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

Bảng 9.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường			
2	Phòng mô phỏng			

Bình Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2019

P. Trưởng khoa



Lê Thị Hiền

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: DƯỢC

Mã số: 7720201

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về HP

1.1 Mã học phần: 081012	1.2 Tên học phần: KỸ NĂNG THUYẾT TRÌNH VÀ LÀM VIỆC NHÓM
1.3 Ký hiệu học phần:	1.4 Tên tiếng Anh: PRESENTATION SKILL & TEAMWORK
1.5 Số tín chỉ	02
1.6 Phân bố thời gian	
Lý thuyết	15 tiết
Thực hành	15 tiết
Tự học	60 tiết
1.7 Các giảng viên phụ trách học phần	
Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Lê Trần Hữu
Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	TS. Nguyễn Tường Dũng
1.8 Điều kiện tham gia học phần	
Học phần tiên quyết:	
Học phần học trước:	
Học phần song hành:	

2. Mô tả học phần:

Học phần Kỹ năng thuyết trình và Làm việc nhóm nhằm rèn luyện cho sinh viên 02 kỹ năng cơ bản là kỹ năng thuyết trình và kỹ năng làm việc nhóm.

Ở nội dung kỹ năng thuyết trình, sinh viên sẽ được trang bị đầy đủ kiến thức để có thể chuẩn bị tốt cho một buổi thuyết trình cũng như biết cách tiến hành thuyết trình. Sinh viên sẽ được cung cấp các kiến thức liên quan đến kỹ năng thuyết trình, có khả năng phân biệt được thuyết trình

với các hình thức trình bày khác; các bước chuẩn bị thuyết trình; cách thuyết trình một vấn đề trước người khác và xử lý các tình huống xảy ra trong khi thuyết trình.

Ở nội dung kỹ năng làm việc nhóm, học phần sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản để biết cách tổ chức và xây dựng một nhóm làm việc tốt nhất, phát huy tối đa hiệu quả khi làm việc nhóm; có thể tránh những sai lầm, thất bại khi làm việc nhóm.

3. Mục tiêu HP (Goals)

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)
G1	Có kiến thức cơ bản về thuyết trình và làm việc nhóm	PLO1,10,11
G2	Có khả năng chuẩn bị tốt về mặt hình thức và nội dung một bài thuyết trình; khả năng tổ chức và làm việc nhóm hiệu quả.	PLO10,11
G3	Có kỹ năng thuyết trình một nội dung, vấn đề trước người khác tự tin và thuyết phục.	PLO10
G4	Có kỹ năng xử lý các tình huống xảy ra khi thuyết trình	PLO10
G5	Có kỹ năng làm việc trong một nhóm, phát huy được tối đa hiệu quả năng lực của nhóm và giải quyết được các vấn đề xảy ra khi làm việc nhóm.	PLO11,12

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes-CLOs)

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR của học phần (CLOs)	Mô tả CLOs (Sau khi học xong môn học này, người học có thể:)
CLO 1	Trình bày được khái niệm và vai trò quan trọng của kỹ năng thuyết trình trong học tập và cuộc sống.
CLO 2	Có khả năng chuẩn bị một bài thuyết trình hoàn chỉnh
CLO 3	Có khả năng thuyết trình một cách tự tin và hiệu quả và xử lý các vấn đề xảy ra trong khi thuyết trình
CLO 4	Giải thích được khái niệm nhóm và lợi ích của làm việc nhóm
CLO 5	Có khả năng xây dựng, phát triển nhóm và làm việc nhóm hiệu quả
CLO 6	Có khả năng lãnh đạo nhóm và có kỹ năng xử lý các vấn đề xảy ra trong hoạt động nhóm
CLO 7	Vận dụng được kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng thuyết trình trong việc học các học phần khác và quá trình làm việc sau khi ra trường.

5. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CĐR của chương trình (PLOs)

Mức độ đóng góp của CLO vào PLO được xác định cụ thể:

- L (Low) – CLO có đóng góp ít vào PLO
- M (Medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO

- H (High) – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích:

Các mức H - Cao, M - Vừa, L - Thấp - phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (L) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(mức M) hay mức thuần thực (H).

Bảng 5.1. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Chuẩn đầu ra HP (CLOs)	Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
CLO1	L								L	M	M	M
CLO2	L								L	M	M	M
CLO3	M								M	H	M	H
CLO4	M								M	H	H	H
CLO5	H								M	H	H	H
CLO6	H								H	H	H	H
CLO7	H								H	H	H	H
Tổng hợp	H								M	H	H	H

6. Đánh giá HP

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của sinh viên ở học phần

Học phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric	Lquan đến CLO nào ở Bảng 5.1	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	10%	A1.1. Tuần 2 Làm việc nhóm đề chuẩn bị và thực hành thuyết trình cách mở đầu bài thuyết trình			CLO 1,2,3	- GV cho sinh viên thực hành cách mở đầu một bài thuyết trình theo chủ đề cho sẵn. - GV cho sinh viên thực hành thuyết trình phần nội dung về một chủ đề đã được cho sẵn.
		A1.2. Tuần 4 Làm việc nhóm đề chuẩn bị và thực hành thuyết trình phần mở đầu + nội dung			CLO 1,2,3	

Học phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric	Lquan đến CLO nào ở Bảng 5.1	HD PP đánh giá
		bài thuyết trình				
		A1.3. Tuần 5. Chuẩn bị và thực hành thuyết trình trọn vẹn một bài thuyết trình theo chủ đề đã cho.			CLO 1,2,3,4	
A2. Kỹ năng	10%	Tuần 5. Kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng thuyết trình			CLO 4,5,6,	- GV cho SV thực hành thuyết trình theo từng nhóm với các chủ đề đã được giao
A3. Đánh giá giữa kỳ	20%	Thực hành thuyết trình: Mỗi nhóm sinh viên chuẩn bị nội dung và thuyết trình theo chủ đề đã được hướng dẫn			CLO 4,5,6,7	- GV giao đề tài thuyết trình cho SV và cho SV thuyết trình để đánh giá cả 2 kỹ năng.
A4. Đánh giá cuối kỳ	60%	Bài kiểm tra cuối kỳ: Thi tự luận.			CLO 1,2,3,4,5,6	

(7) PP đánh giá đạt CDR: Nêu tên các PP đánh giá sử dụng trong từng chương để đạt CDR. Tham khảo các phương pháp đánh giá trong CTĐT ngành CNTT.

6.2. Chính sách đối với học phần

Sinh viên phải tham dự $\geq 80\%$ số buổi của học phần. Nếu nghỉ $>20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc học phần.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần theo tuần

Tuần/ (5 tiết/ tuần)	Các nội dung cơ bản	Số tiết	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	LQ đến CLO nào ở Bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 Bảng 6.1
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ THUYẾT TRÌNH						
1	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2.5/0 /0		CLO1			
	1.1.Khái niệm về thuyết trình 1.2.Lợi ích của thuyết trình 1.3.Thuyết trình và giao tiếp 1.4.Văn hóa và nghệ thuật thuyết trình		- Biết được khái niệm về thuyết trình - Biết được lợi ích của việc thuyết trình. Phân biệt thuyết trình và giao tiếp - Biết nghệ thuật thuyết trình trong văn hóa lời nói, văn hóa viết và văn hóa điện tử	-	- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài	- Nghe giảng, ghi bài, phát biểu và thảo luận	
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/ 0		CLO1, 2			
	1.5.Xem và tìm hiểu về các loại bài thuyết trình 1.6.Thuyết trình trong kinh doanh 1.7.Tìm hiểu về các yêu cầu để chuẩn bị thuyết trình		Biết cách thuyết trình các loại bài: - thuyết trình cung cấp thông tin - thuyết trình với mục đích thuyết phục - Thuyết trình trong các dịp đặc biệt (thuyết trình giới thiệu, thuyết trình trao thưởng, thuyết trình nhận thưởng) - Thuyết trình nhóm - Biết cách thuyết trình trong kinh	-	-	- Tìm hiểu tài liệu, chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	

Tuần/ (5 tiết/ tuần)	Các nội dung cơ bản	Số tiết	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	LQ đến CLO nào ở Bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 Bảng 6.1
			doanh như: chào bán hàng, kế hoạch kinh doanh...				
2	CHƯƠNG 2: CHUẨN BỊ THUYẾT TRÌNH						
	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO2			
	2.1.Chọn chủ đề và xác định bài thuyết trình 2.2. Tìm hiểu thính giả 2.3. Thu thập thông tin cho bài thuyết trình 2.4. Xây dựng nội dung bài thuyết trình 2.5. Các phương tiện hỗ trợ và công tác hậu cần 2.6. Chuẩn bị tâm lý và hình thức 2.7. Luyện tập thuyết trình		- Biết chọn chủ đề và các định mục đích chung, mục tiêu cụ thể - Biết thiết lập ý trọng tâm - Biết thu thập thông tin về thính giả: độ tuổi, giới tính, dân tộc, tôn giáo, trình độ. Phân tích thính giả, tâm lý thính giả, kiến thức của thính giả. Biết thích nghi với thính giả khi thuyết trình - Nắm vững cách thu thập thông tin cho bài thuyết trình: sách vở, thư viện, internet, kiến thức của tác giả - Biết sắp xếp, bố cục, lập dàn ý và viết bào thuyết trình	-	- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoin t - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- - Nghe giảng, ghi bài, phát biểu và thảo luận nhóm	
B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/ 0			CLO2, 3			

Tuần/ (5 tiết/ tuần)	Các nội dung cơ bản	Số tiết	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	LQ đến CLO nào ở Bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 Bảng 6.1
	2.8. Tìm hiểu về các chủ đề thuyết trình 2.9. Tìm hiểu kỹ các yêu cầu để chuẩn bị bài thuyết trình 2.10. Tìm hiểu về cách tiến hành thuyết trình		<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu về chủ đề thuyết trình - Chuẩn bị nội dung đề thuyết trình 	-	-	<ul style="list-style-type: none"> - Xem lại nội dung của chương 2 và đọc chương 3 của giáo trình chính 	X
	CHƯƠNG 3: TIẾN HÀNH THUYẾT TRÌNH						
3	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/5/0		CLO3			A1.1
	3.1. Các bước tiến hành thuyết trình 3.2. Các kỹ năng trong thuyết trình 3.3. Thực hành		<ul style="list-style-type: none"> - Biết trình tự các bước thuyết trình: tạo mối quan hệ, ấn tượng với thính giả, biết lựa chọn trang phục, sử dụng ngôn ngữ cơ thể để thuyết trình hiệu quả. - Trình bày phần thuyết trình theo trình tự: phần mở, phần thân, phần kết. - Biết sử dụng 4 phương pháp trình bày cơ bản: đọc từ bản thảo, đọc thuộc lòng, nói tùy hứng và nói ứng biến. 	-	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu Power Point - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm - Thực hành 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe giảng, ghi bài, phát biểu và thực hành 	
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/5/5		CLO3, 4			

Tuần/ (5 tiết/ tuần)	Các nội dung cơ bản	Số tiết	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	LQ đến CLO nào ở Bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 Bảng 6.1
	3.4. Chuẩn bị nội dung thuyết trình về 1 đề tài được GV giao. 3.5. Tập luyện cách thuyết trình tự tin, thuyết phục.		- Hoàn thiện nội dung chủ đề thuyết trình được giảng viên phân công - Tập thuyết trình trước nhóm			Thực hành thuyết trình	
4	CHƯƠNG 4: TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG NHÓM						
	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO4			
	4.1. Khái niệm nhóm 4.2. Lợi ích của làm việc nhóm 4.3. Các giai đoạn hình thành và phát triển nhóm 4.4. Vai trò của các thành viên trong nhóm 4.5. Đặc điểm tâm lý nhóm		- Biết và phân tích được khái niệm nhóm, những ưu điểm của làm việc nhóm. - Phân tích các chức năng của nhóm - Biết vai trò của nhóm, vai trò các thành viên nhóm. - Nắm được 4 giai đoạn, hình thành nhóm, xung đột, giai đoạn bình thường hóa, giai đoạn hoạt động trôi chảy.	-	- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoin t - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Thảo luận nhóm	
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/10/0		CLO4, 5			
	- Nội dung của chương 4 - Tìm hiểu chương 5: về cách xây dựng và phát triển nhóm			- Nắm vững các giai đoạn hình thành nhóm. - Hiểu được vai trò, lợi ích của làm việc nhóm			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà

Tuần/ (5 tiết/ tuần)	Các nội dung cơ bản	Số tiết	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	LQ đến CLO nào ở Bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 Bảng 6.1
5	CHƯƠNG 5: XÂY DỰNG NHÓM LÀM VIỆC HIỆU QUẢ						
	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO5, 7			A3
	- Xác định mục tiêu và phân công nhiệm vụ rõ ràng - Tạo lập môi trường làm việc hiệu quả - Duy trì hoạt động truyền thông hiệu quả - Giải quyết mâu thuẫn trong nhóm - Tăng cường động lực làm việc	3	- Xây dựng mục tiêu cho nhóm và phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm. - Cách xử lý tình huống trong nhóm ở từng giai đoạn. - Xây dựng quy chế tổ chức nhóm - Xác định vai trò của người lãnh đạo, các kỹ năng mà lãnh đạo cần có.	-	- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoin t - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Thảo luận nhóm	
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/10/ 0		CLO5, 6			
	- Phân tích các yếu tố, giải pháp để xây dựng nhóm làm việc hiệu quả		- Tìm hiểu các nguyên nhân dẫn đến làm việc nhóm thất bại - Xác định bản thân đang thiếu những yếu tố gì để xây dựng nhóm làm việc hiệu quả			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
6	CHƯƠNG 6: LÃNH ĐẠO NHÓM						
	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2.5/0 /0		CLO6, 7			A1.2

Tuần/ (5 tiết/ tuần)	Các nội dung cơ bản	Số tiết	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	LQ đến CLO nào ở Bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 Bảng 6.1
	6.1. Những vấn đề chung về lãnh đạo nhóm 6.2. Một số kỹ năng cần thiết của lãnh đạo nhóm		- Khái niệm, vai trò của người lãnh đạo - Những tố chất mà người lãnh đạo cần có - Các kỹ năng cần thiết của người lãnh đạo		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu - Power Point - Phát biểu xây dựng bài	- Ghi bài, phát biểu và thảo luận	
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO7			
	6.3. Rèn luyện các kỹ năng cần có của người lãnh đạo		- Kỹ năng lắng nghe - Kỹ năng lập kế hoạch	-	-		
Theo lịch thi	FINAL EXAM			CLO1-6			

(*) Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương.
- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR. Tham khảo các phương pháp giảng dạy trong CTĐT ngành CNTT.
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số....).

8. Học liệu

Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

Nhan đề	Tác giả	NXB	Năm XB	Loại tài liệu
Bài giảng Kỹ năng thuyết trình	Dương Thị Liễu	Đại học Kinh tế quốc dân	2008	GT
Kỹ năng giao tiếp và thương lượng trong kinh doanh	Thái Trí Dũng	Thống kê	2007	TLTK

8 Kỹ năng mềm thiết yếu	Trần Thượng Tuấn, Nguyễn Minh Huy	Lao động	2017	TLTK
-------------------------	--------------------------------------	----------	------	------

Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ website hữu ích cho học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	13 cách phát huy khả năng làm việc nhóm hiệu quả	https://www.ihcm.vn/tin-tuc/tin-tuc/quan-tri-doanh-nghiep/1584-13-cach-phat-huy-kha-nang-lam-viec-nhom-hieu-qua.html	07/2018
2	Các kỹ năng cần thiết giúp bạn thuyết trình thành công	https://cuocsongdungnghia.com/thu-vien/cac-ky-nang-can-thiet-giup-ban-thuyet-trinh-thanh-cong.html	07/2018

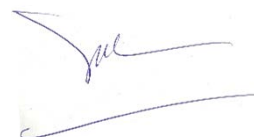
9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

Bảng 9.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của học phần

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường	Micro, âm thanh, bảng, máy chiếu, màn hình.	01	Toàn bộ học phần
2	Phòng học			

Bình Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2019

P. Trưởng khoa



Lê Thị Hiền

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: DƯỢC

Mã số: 7720201

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về HP

1.1 Mã học phần: 081087	1.2 Tên học phần: ANH VĂN CĂN BẢN
1.3 Ký hiệu học phần:	1.4 Tên tiếng Anh: BASIC/ GENERAL ENGLISH
1.5 Số tín chỉ:	03
1.6 Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	40 tiết
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	05 tiết
- Tự học:	90 tiết
1.7 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	Trần Văn Diện
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Trần Thị Tuyết Mai Từ Thủy Thanh Trà Ngô Thị Thùy Trang
1.8 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần học trước:	
- Học phần song hành:	

2. Mô tả học phần:

Học phần này nhằm giúp cho sinh viên hệ thống lại những kiến thức ngữ pháp cơ bản tiếng Anh đã học ở trường phổ thông, làm nền tảng vững chắc giúp người học có thể sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp hằng ngày và tiếp tục ở học phần Anh văn TOEIC. Những kiến thức cơ bản gồm: Grammar, Vocabulary Listening, Speaking

3. Mục tiêu HP (Goals)

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)
------------------	--	--------------------------

G1	Các kiến thức cơ bản về cá nhân, gia đình, các ngày trong tuần, tháng và mùa trong năm, những tính từ để mô tả thời tiết và các danh từ chỉ các quốc gia trên thế giới, vốn từ vựng về công việc nhà, các môn thể thao cũng như lãnh vực thời trang.	PLO1,7
G2	Những động từ chỉ hoạt động hàng ngày, vui chơi giải trí cuối tuần tại các địa điểm công cộng.	PLO1,7
G3	Những từ vựng, kiến thức và có khả năng nói về nghề nghiệp của mình trong tương lai.	PLO1,7
G4	Khả năng sử dụng những tính từ, danh từ để mô tả những sở thích, kỳ nghỉ hay chuyến đi dã ngoại.	PLO1,7, 9-12

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes-CLOs)

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR của học phần (CLOs)	Mô tả CLOs (Sau khi học xong môn học này, người học có thể:)
CLO 1	Vận dụng được tiếng Anh trong việc diễn tả những hoạt động thường ngày, giới thiệu về bản thân, gia đình và những lời chào hỏi, nói về một số nghề nghiệp, nói về thời tiết, nói về kế hoạch trong tương lai.
CLO 2	Trình bày được sở thích của bản thân cũng như đặt câu hỏi cho người khác
CLO 3	Kể được những sự kiện xảy ra trong quá khứ cũng như đặt câu hỏi cho người khác.
CLO 4	Trình bày được về dự định của bản thân trong tương lai.
CLO 5	So sánh được hai hoặc nhiều sự vật sự việc.
CLO 6	Hỏi và trả lời các câu hỏi có liên quan đến: Địa điểm, cách thức di chuyển, giá tiền, giờ mở cửa....

5. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CĐR của chương trình (PLOs)

Mức độ đóng góp của CLO vào PLO được xác định cụ thể:

- L (Low) – CLO có đóng góp ít vào PLO
- M (Medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO
- H (High) – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích:

- Các mức H - Cao, M - Vừa, L - Thấp - phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (L) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(mức M) hay mức thuần thục (H).

Bảng 5.1. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CĐR của chương trình (PLOs)

Chuẩn đầu ra HP (CLOs)	Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
CLO1	L						H		M	L	L	L
CLO2	L						H		M	L	L	L

CLO3	M					H		M	M	M	M
CLO4	H					H		M	M	M	H
CLO5	H					H		M	H	M	H
CLO6	H					H		M	H	H	H
Tổng hợp	H					H		M	M	M	H

6. Đánh giá HP

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP

H/phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric	Lquan đến CLO nào ở Bảng 5.1	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	10%	A1.1. kiểm tra kiến thức và những chủ đề đã học tuần 1 – 3	30%	R2	CLO 1,3	
		A1.2. kiểm tra kiến thức và những chủ đề đã học tuần 4 – 6	30%	R2	CLO 1,3,4	
		A1.3. kiểm tra kiến thức và những chủ đề đã học tuần 7 – 9	40%	R3	CLO 3, 4, 5	
A2. Kỹ năng	10%	Tuần 9: sinh viên có khả năng trình bày được những chủ đề đã học một cách tự nhiên, thuần thục		R3	CLO 2,6	- GV mời sinh viên lên trình bày những chủ đề đã học một cách lưu loát.
A3. Đánh giá giữa kỳ	20%	Đánh giá được người học, khi chọn một chủ đề ngẫu nhiên và đáp ứng được những tiêu chí của chuẩn đầu ra môn học.			CLO 1,2,3,4	- GV giao đề tài cho từng SV ngay từ đầu HP.

A4. Đánh giá cuối kỳ	60%	Bài ktra cuối kỳ: Thi theo NHĐT.			CLO 1,2,3,4	
----------------------	-----	----------------------------------	--	--	-------------	--

- (7) PP đánh giá đạt CDR: Nêu tên các PP đánh giá sử dụng trong từng chương để đạt CDR. Tham khảo các phương pháp đánh giá trong CTĐT ngành CNTT.

6.2. Chính sách đối với HP

- SV tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $>20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP

Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần

Tuần / (5 tiết/tuần)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/T H/TT)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở Bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 Bảng 6.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Bài 1: ARE YOU AMERICAN?						
1	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2.5/0/0		CLO1			
	1.1. Are you an excellent actor?		<ul style="list-style-type: none"> - Review verb “TOBE” in three forms and Wh-questions throughout asking & answering questions about countries & nationalities. - Introduce some positive and negative adjectives of opinion - word order 	-	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm 	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập - Thảo luận nhóm - Luyện tập 	
	1.2. Are these your glasses?		<ul style="list-style-type: none"> - Introduce some opposite adjectives - Review possessive adjectives and demonstrative pronouns 	-	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài 	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập - Thảo luận nhóm - Luyện tập 	

					- Thảo luận nhóm		
	Bài 2: DAILY ROUTINES						
1	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2.5/0/0		CLO1			
	2.1 When do you get up?		<ul style="list-style-type: none"> - Introduce verb « go » with places and daily routine verbs - Indefinite articles and definite articles. 	-	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm 	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập - Thảo luận nhóm - Luyện tập 	
	2.2 What do you do in the morning?		<ul style="list-style-type: none"> - Talk about morning routine - Review the present simple in three forms and wh-questions. 	-	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm 	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập - Thảo luận nhóm - Luyện tập 	
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/2/0		CLO3			
	<p>1.1. Ôn lại bài 1 và bài 2</p> <p>1.2. Chuẩn bị nội dung kiến thức bài 3 và 4</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được động từ to be, thì hiện tại đơn, tính từ và đại từ một cách thuần thục, hỏi và trả lời về các quốc gia cũng như nói về những thói quen hàng ngày. 	-	<ul style="list-style-type: none"> - Tự học - Học nhóm 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà 	
	Bài 3: WHAT ARE YOU DOING?						
2	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2.5/0/0		CLO3			

	3.1 Are you busy at the moment?		<ul style="list-style-type: none"> - Review vocabulary about months, seasons and weather adjectives - Review present continuous tense in three forms and wh-questions 	-	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm 	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập - Thảo luận nhóm - Luyện tập 	
	3.2 What are you doing?		<ul style="list-style-type: none"> - Vocabulary about celebrities - How to differ simple present and present continuous tense 	-	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm 	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập - Thảo luận nhóm - Luyện tập 	
	3.3 What are you doing tomorrow night?		<ul style="list-style-type: none"> - Present continuous for future arrangements 	-	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm 	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập - Thảo luận nhóm - Luyện tập 	
	3.4 Why are you learning English? Are you thirsty?		<ul style="list-style-type: none"> - Use of have to, to + verb and for+ noun, offers and responses 	-	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm 	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập - Thảo luận nhóm - Luyện tập 	
	Bài 4: DO YOU LIKE TENNIS ?						

2	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2.5/0/0		CLO3			
	4.1. Grammar		<ul style="list-style-type: none"> - Can (+)(-)(?) → Talking about abilities - Possessive pronouns. - Apostrophe “’s” - Punctuation 	-	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm 	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập - Thảo luận nhóm - Luyện tập 	
	4.2. Vocabulary		<ul style="list-style-type: none"> - sports, clothes and accessories. 	-	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm 	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập - Thảo luận nhóm - Luyện tập 	
	4.3. Listening		<ul style="list-style-type: none"> - 4.7 can/ can't - 4.9 Match 1-16 to the clothes items. Listen and check 	-	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm 	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập - Thảo luận nhóm - Luyện tập 	
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/2/0		CLO4			
	<ul style="list-style-type: none"> 1.1. Ôn lại bài 3 và bài 4 1.2. Chuẩn bị nội dung kiến thức bài 5 và 6 1.3. Workbook (p.124-125) 		<ul style="list-style-type: none"> - Người học nhớ và sử dụng được những từ ngữ về các tháng, mùa và diễn tả được thời tiết trong năm. - Dùng được thì hiện tại tiếp diễn và so sánh với thì tương lai. 			<ul style="list-style-type: none"> Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà 	

	Bài 5: IS THERE A MALL ON YOUR STREET ?						
3	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2.5/0/0		CLO3			A1.1
	5.1. Grammar		<ul style="list-style-type: none"> - There be + present - love/ like/hate/not mind + V-ing - too/either vs. also - Imperatives - Object pronouns 	-	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm 	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập - Thảo luận nhóm - Luyện tập 	
	5.2. Vocabulary		<ul style="list-style-type: none"> - Public facilities. - Adjectives for describing places. - Household chores - Vacation and freetime activities 	-	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm 	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập - Thảo luận nhóm - Luyện tập 	
	5.3. Listening		<ul style="list-style-type: none"> - Match 9-14 to the photos. Listen and check. - Match the verbs phrases to the objects a-g. Listen and check. - Match the phrases to the photos 1-6. Listen, repeat and mime them. - Listen and complete 1-4. Do you think he understands the last man? 	-	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm 	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập - Thảo luận nhóm - Luyện tập 	
	Bài 6: DO YOU LIVE IN AN APARTMENT?						

4	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2.5/0/0		CLO1			
	6.1. Grammar		<ul style="list-style-type: none"> - There be (past) - Verbs BE (past) - Prepositions of place - Recycle past forms of be 	-	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm 	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập - Thảo luận nhóm - Luyện tập 	
	6.2. Vocabulary		<ul style="list-style-type: none"> - Rooms and furniture in a house. - Party items - Past time expressions - Celebrations - Special events 	-	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm 	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập - Thảo luận nhóm - - Luyện tập 	
	6.3. Listening		<ul style="list-style-type: none"> - Match clues 1-9 to the rooms. Listen to a guessing game to check. - Listen/watch again and complete ad with these words. Is his house comfortable? - Listen to the check the arranging words into the correct sentences. 	-	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm 	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập - Thảo luận nhóm - - Luyện tập 	
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/2/0		CLO4			
	<ul style="list-style-type: none"> + Ôn lại nội dung bài 5 và 6. + Chuẩn bị bài 7 và 8 + làm bài tập Workbook (p. 126- 		<ul style="list-style-type: none"> - Người học sử dụng được cấu trúc There is/ are, there was/ were để mô tả những địa điểm vui chơi. - Sử dụng được cách dùng danh động từ, 	-	-	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà 	

	127) và Workbook (p.128-129)		túc từ, mệnh lệnh thức. - Nói được những hoạt động, sở thích trong thời gian rảnh rỗi. - Sử dụng thuần thục thì quá khứ đơn để nói về những hành động trong quá khứ				
	Bài 7: WHEN DID YOU START SCHOOL?						
5	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2.5/0/0		CLO4			A3
	7.1.Grammar		- Simple past (regular) - Simple past (irregular) - Prepositions - Subject vs object	-	- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm bài tập - Thảo luận nhóm - Luyện tập	
	7.2. Vocabulary		- Dates and ordinal numbers - Routine verbs. - Sounding impressed - Phone phrases	-	- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm bài tập - Thảo luận nhóm - -Luyện tập	
	7.3. Listening		- Listen to the short interview - Listen and check the correct prepositions. - (7.5/ p.78)	-	- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài	- Làm bài tập - Thảo luận nhóm - - - Luyện tập	

					- Thảo luận nhóm		
	Bài 8: WHAT DO YOU HAVE IN YOUR FRIDGE?						
6	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2.5/0/0		CLO4			A1.2
	8.1. Grammar		<ul style="list-style-type: none"> - Countable vs Uncountable nouns - Quantifiers: some, any, a lot of, a few, a little - How much, how many - Exercises 	-	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm 	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập - Thảo luận nhóm - Luyện tập 	
	8.2. Speaking		<ul style="list-style-type: none"> - Make and do - Talk about what you have in your fridge 	-	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm 	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập - Thảo luận nhóm - Luyện tập 	
	8.3. Reading		- Nelly's blog	-	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm 	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập - Thảo luận nhóm - Luyện tập 	
	8.4. Listening		- Jeff and Sandra	-	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình, giảng giải 	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập - Thảo luận nhóm - Luyện tập 	-

					- Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm		
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/2/0		CLO3			
	+ Ôn lại bài 7 và bài 8 + Chuẩn bị bài 9 và 10		-	-	-	- Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Bài 9: HOW DID YOU GET HERE TODAY?						
7	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2.5/0/0		CLO3			A1.2.
	9.1. Grammar		- Be going to, present continuous - Exercises	-	- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm bài tập - Thảo luận nhóm - Luyện tập	
	9.2. Speaking		- asking for permission.	-	- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm bài tập - Thảo luận nhóm - Luyện tập	
	9.3. Reading		- the article, the plans and predictions.	-	- Thuyết trình, giảng giải	- Làm bài tập	

					- Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Thảo luận nhóm - Luyện tập	
	9.4. Listening		- Jobs	-	- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm bài tập - Thảo luận nhóm - Luyện tập	
	Bài 10: DO YOU LOOK LIKE YOUR MOM?						
8	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2.5/0/0		CLO5			A1.3
	10.1. Grammar		- Irregular plural forms - Comparatives and Superlatives - Exercises	-	- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm bài tập - Thảo luận nhóm - Luyện tập	
	10.2. Speaking		- Talk about the body and face - Describe people's appearance - Talk about travel ambitions	-	- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài	- Làm bài tập - Thảo luận nhóm - Luyện tập	

					- Thảo luận nhóm		
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/2/0		CLO4			
	+ Ôn lại kiến thức bài 9 và 10		- Trình bày và nắm rõ kiến thức của của 2 bài học về ngữ pháp, từ vựng và chủ đề liên quan đến kỹ năng nói.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	SPEAKING TOPICS						
9	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	15/15/0		CLO5			A2
	Self-introduction		- Inform students of how many parts of speaking are included in the test. - Explain carefully the importance of this part. - Inform students that this part of speaking is mandatory	-	- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm bài tập - Thảo luận nhóm - Thực hành	
	Self-introduction		- Practice introducing oneself to others	-	- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm bài tập - Thảo luận nhóm - Thực hành	
	1.Dentist		- Explain the methods of testing and what students are expected to perform during the test to score well. - Sample speaking model	-	- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài	- Làm bài tập - Thảo luận nhóm - Thực hành	

					- Thảo luận nhóm		
	2.Shopping center 3.Library		- Practice questions models - Where / located? - What time/ open? - When/ open?	-	- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm bài tập - Thảo luận nhóm - Thực hành	
	4.Sport club 5.Film club		- Practice questions models - Where / car park? - Where / park the car? - What/ hours ?	-	- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm bài tập - Thảo luận nhóm - Thực hành	
	6.Bookshop 7.Sweet shop		- What kind / books? - What kind / sweets ?	-	- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm bài tập - Thảo luận nhóm - Thực hành	
	8.Sandwich shop 9.Swimming pool		- Practice questions models - How much/ cost? - What kind of food/ snacks/ services/ available?	-	- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài	- Làm bài tập - Thảo luận nhóm - Thực hành	

					- Thảo luận nhóm		
	General eview		- Speaking practice topics 1- 9	-	-	-	
	10.School trip 11.Art show		- Practice questions models - How old/ members? - How long / last? - How/ book ticket?	-	- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm bài tập - Thảo luận nhóm - Thực hành	
	12.A walk for tourist		- Practice questions models - Where / it/ take place? - How old / participants ? - How long / the walk?	-	- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm bài tập - Thảo luận nhóm - Thực hành	
	Review speaking		- Speaking practice topics 10 -12	-	-	-	
	Review speaking		- Speaking practice topics 1- 12	-	-	-	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/10/0		CLO4			
	+ Ôn lại và thực hành từng chủ đề, nắm vững kiến thức cơ bản để vận dụng vào chủ điểm nói		- Người học có thể trình bày được những chủ đề nói nằm trong chương trình đào tạo anh văn căn bản.	-	-	- Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
Theo lịch thi	FINAL EXAM			CLO1,2,3,4			A4

(*) Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương.
- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR.

- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ...); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số....).

8. Học liệu:

Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

Nhan đề	Tác giả	NXB	Năm XB	Loại tài liệu
English ID 1A (SB+ WB)	Paul Seligson - Carol Lethaby Chris Gontow- Tom Abraham	Richmond	2015	GT
English ID 1B (SB+ WB)	Paul Seligson - Carol Lethaby Chris Gontow- Tom Abraham	Richmond	2015	GT
English Grammar in use, a self-study reference and practice book for intermediate students	Raymond Murphy	Cambridge	2010	TLTK
Key English Test 1	Raymond Murphy	Cambridge		TLTK
Key English Test 2	Raymond Murphy	Cambridge		TLTK
Key English Test 3	Raymond Murphy	Cambridge		TLTK

Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ web hữu ích cho HP

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Học tiếng Anh	https://www.englishcentral.com	07/2018

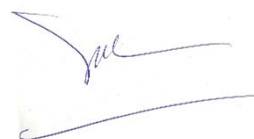
9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

Bảng 9.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường			
2	Phòng mô phỏng			

Bình Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2019

P. Trưởng khoa



Lê Thị Hiền

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: DUỠC

Mã số: 7720201

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về HP

1.1 Mã học phần: 081009	1.2 Tên học phần: TOEIC 1
1.3 Ký hiệu học phần:	1.4 Tên tiếng Anh: TOEIC 1
1.5 Số tín chỉ:	02
1.6 Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	30 tiết
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	
- Tự học:	60 tiết
1.7 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Trần Thị Tuyết Mai
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	
1.8 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Anh văn căn bản
- Học phần học trước:	
- Học phần song hành:	

2. Mô tả học phần:

- Học phần này nhằm giúp cho sinh viên làm quen với hình thức bài thi TOEIC , bước đầu làm quen các kỹ năng làm bài . Những kiến thức cơ bản gồm: Listening, Reading cùng các cấu trúc ngữ pháp cũng như từ vựng.
- Điều kiện tiên quyết: người học nắm được một số kiến thức về từ vựng và ngữ pháp cơ bản để có thể nghe và trả lời các câu hỏi cơ bản của người dạy bằng tiếng Anh trong quá trình học.

3. Mục tiêu HP (Goals)

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)
G1	Các từ vựng và phát triển những khả năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết)	PLO1,7

G2	Cách phát âm đúng những từ, câu căn bản bằng tiếng Anh theo chủ đề của giáo trình luyện thi TOEIC.	PLO1,7
G3	Biết ứng dụng các tình huống, giao tiếp trong sinh hoạt hàng ngày bằng tiếng Anh	PLO1,7,9-12
G4	Cách làm bài thi TOEIC	PLO1,7

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes-CLOs)

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR của học phần (CLOs)	Mô tả CLOs (Sau khi học xong môn học này, người học có thể:)
CLO 1	Sử dụng được các Auxiliary Verbs
CLO 2	Sử dụng được các Tenses
CLO 3	Sử dụng được các Infinitive and Gerunds
CLO 4	Sử dụng được các Participles and Participle Clauses
CLO 5	Sử dụng được các Negation and Parallel Structure
CLO 6	Sử dụng được các Comparisons

5. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Mức độ đóng góp của CLO vào PLO được xác định cụ thể:

- L (Low) – CLO có đóng góp ít vào PLO
- M (Medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO
- H (High) – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích:

- Các mức H - Cao, M - Vừa, L - Thấp - phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (L) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(mức M) hay mức thuần thục (H).

Bảng 5.1. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Chuẩn đầu ra HP (CLOs)	Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
CLO1	L						M		M	L	L	M
CLO2	L						M		M	L	L	M
CLO3	M						H		M	M	M	H
CLO4	M						H		M	H	M	H
CLO5	M						H		M	H	M	H
CLO6	H						H		M	H	H	H
Tổng hợp	M						H		M	H	M	H

6. Đánh giá HP

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP

H/phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric	Lquan đến CLO nào ở Bảng 5.1	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Kỹ năng	10%	Ngữ pháp		R2	CLO 1,2,3,4,5,6	- GV cho SV thuyết trình phần ngữ pháp.
A2. Đánh giá giữa kỳ	30%	Bài tập lớn: Sinh viên làm một bài tập lớn về Marketing		R1	CLO 1,2,3,4,5	- GV giao đề tài cho từng SV ngay từ đầu HP.
A3. Đánh giá cuối kỳ	60%	Bài ktra cuối kỳ: Thi trắc nghiệm theo NHĐT.			CLO 1,2,3,4,5,6	

– (7) PP đánh giá đạt CDR: Listening and Reading.

6.2. Chính sách đối với HP

– SV tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $>20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP

Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần

Tuần / (5 tiết/tuần)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/T H/TT)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở Bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 Bảng 6.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Unit 1						
1	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO1			
	Auxiliary verbs followed by a verb ending in <i>-ing</i> or <i>-ed</i> and the basic of form of the verb. Meaning of key Auxiliary verbs: will, shall, May/can,		- Mô tả được hình - Hỏi và trả lời - Đối thoại ngắn - Bài nói ngắn - Hoàn chỉnh câu - Hoàn chỉnh đoạn văn	-	- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint	- Trả lời các câu hỏi	

	can/ could/ may, must, must/ have to, should/ ought to/ had better, should have/ could have + p.p ..., used to/ would.		- Đọc hiểu		- Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm		
2	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO1			
	Chuẩn bị các từ vựng mới unit 2		- Trình bày các từ khoá trong phần Reading	-	- Tự học - Học nhóm	- Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Unit 2						
	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO2			
	12 tenses in English Present: simple, perfect, and progressive Past: simple, perfect, and progressive. Future: use of Will and Other Words with Future Meaning.		- Mô tả được hình - Hỏi và trả lời - Đối thoại ngắn - Bài nói ngắn - Hoàn chỉnh câu - Hoàn chỉnh đoạn văn - Đọc hiểu	-	- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Trả lời các câu hỏi	
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO2			
	Chuẩn bị các từ vựng mới unit 3		- Trình bày các từ khoá trong phần Reading	-	- Tự học - Học nhóm	- Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Unit 3						
3	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO3			
	use a to-infinitive after the following verbs: agree, decide, expect, happen, pretend, promise, manage, tend Use a to-infinitives after the following verbs plus their object: advise, allow,		- Mô tả được hình - Hỏi và trả lời - Đối thoại ngắn - Bài nói ngắn - Hoàn chỉnh câu - Hoàn chỉnh đoạn văn - Đọc hiểu	-	- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài	- Trả lời các câu hỏi	

	<p>expect, forb= lid, want, force, tell</p> <p>Use an infinitive without “to” after the following verbs plus their object: have, let, make, feel, see, hear, smell, find</p> <p>use an –ing form after the following verbs: avoid, can’t help, deny, feel like, give up, imagine, mind, postpone, enjoy</p> <p>Choosing between infinitive and gerunds</p> <p>Choosing subjects</p>				- Thảo luận nhóm		
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO3			
	Chuẩn bị các từ vựng mới unit 4		- Trình bày các từ khoá trong phần Reading	-	- Tự học - Học nhóm	- Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Unit 4		-	-	-	-	
4	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO4			
	<p>Forms of participle: -ed and -ing</p> <p>If the participle of a noun is the agent</p> <p>If the participle is NOT the agent</p> <p>Participle Clauses</p> <p>An –ing form can be used when two things occur at the same time.</p> <p>An –ing form can be used when one action occurs during another action</p> <p>–ing form clause can be an explanation or</p>		<p>- Mô tả được hình</p> <p>- Hỏi và trả lời</p> <p>- Đối thoại ngắn</p> <p>- Bài nói ngắn</p> <p>- Hoàn chỉnh câu</p> <p>- Hoàn chỉnh đoạn văn</p> <p>- Đọc hiểu</p>	-	<p>- Thuyết trình, giảng giải</p> <p>- Trình chiếu PowerPoint</p> <p>- Phát biểu xây dựng bài</p> <p>- Thảo luận nhóm</p>	- Trả lời các câu hỏi	

	<p>the following main clause</p> <p>Choose between –ing and –ed in participle clause</p> <p>Use an –ing form when the original verb is intransitive</p> <p>Use an –ing form when the original verb is transitive and when its object comes after it.</p> <p>Use an –ed form when the object of its original verb serves as the subject of the main clause.</p>						
	A. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/10/0		CLO4			
	Chuẩn bị các từ vựng mới unit 4		- Trình bày các từ khoá trong phần Reading	-	- Tự học - Học nhóm	- Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Unit 5						
5	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO5			
	<p>No vs Not</p> <p>Use no as an adjective</p> <p>Use not as an adverb</p> <p>Main and Auxiliary Verbs</p> <p>Put not or never after an auxiliary verbs</p> <p>If there is no auxiliary, do-support is necessary along with not</p> <p>Non-finite verbs: To-infinites, Gerunds, and Participles</p>		<p>- Mô tả được hình</p> <p>- Hỏi và trả lời</p> <p>- Đối thoại ngắn</p> <p>- Bài nói ngắn</p> <p>- Hoàn chỉnh câu</p> <p>- Hoàn chỉnh đoạn văn</p> <p>- Đọc hiểu</p>	-	<p>- Thuyết trình, giảng giải</p> <p>- Trình chiếu PowerPoint</p> <p>- Phát biểu xây dựng bài</p> <p>- Thảo luận nhóm</p>	- Trả lời các câu hỏi	

	<p>Put a negative word before non-finite verbs</p> <p>Redundancy in Negation</p> <p>Avoid double negatives</p> <p>Do not use a negative word along with such word as hardly, seldom, scarcely, lest, unless.</p> <p>Parallel Structure</p> <p>Parallelism between two or more words</p> <p>Parallelism between two or more phrases</p>						
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/10/0		CLO5			
	Chuẩn bị các từ vựng mới unit 6		- Trình bày các từ khoá trong phần Reading	-	- Tự học - Học nhóm	- Chuẩn bị tốt ở nhà	
	Unit 6						
6	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO6			
	<p>Regular Comparison</p> <p>When comparing things, short adjectives (one or two syllables) end in –er/-est.</p> <p>For long adjective (three or more syllables) used in comparisons, place more, most, less or least before the adjective.</p> <p>Irregular Comparison</p> <p>A few adjectives and adverbs have</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Mô tả được hình - Hỏi và trả lời - Đối thoại ngắn - Bài nói ngắn - Hoàn chỉnh câu - Hoàn chỉnh đoạn văn - Đọc hiểu 	-	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm 	- Trả lời các câu hỏi	

	<p>comparative and superlative forms that are different from their regular forms.</p> <p>As – As Comparison</p> <p>Only the regular form of an adjective or adverbs comes between <i>as</i> and <i>as</i></p> <p>Modification of Comparatives</p> <p>Comparatives can be modified by the following words: much, very much, far, a little, a bit, a lot, any, no, even, still.</p> <p>Choice between comparatives and superlatives</p> <p>Choose a comparative form if <i>than</i> appears in the sentence; The presence of <i>ever</i>, (of) <i>all</i>, <i>possibles</i>, in the world í a strong suggestion that a superlative is needed.</p>					
Theo lịch thi	FINAL EXAM			CLO1, 2,3,4,5, 6		

(*) Ghi chú:

- Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng unit.
- PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR. Tham khảo các phương pháp giảng dạy trong CTĐT ngành CNTT.
- Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số....).

8. Học liệu:

Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

Nhan đề	Tác giả	NXB	Năm XB	Loại tài liệu
Starter Toeic	Anne Taylor	Trẻ	2008	GT
Longman Preparation Series for the Toeic Test	Lin Lougheed	Từ điển Bách khoa	2008	TLTK

Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ web hữu ích cho HP

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	English exercises	https://agendaweb.org/	07/2018
2	TOEIC exercises	https://tienganhmoingay.com/de-thi-toeic/	07/2018

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

Bảng 9.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường			
2	Phòng mô phỏng			

Bình Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2019

P. Trưởng khoa



Lê Thị Hiền

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: DƯỢC

Mã số: 7720201

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về HP

1.1 Mã học phần: 081036	1.2 Tên học phần: LÝ THUYẾT XÁC SUẤT VÀ THỐNG KÊ
1.3 Ký hiệu học phần:	1.4 Tên tiếng Anh: PROBABILITY AND STATISTICS
1.5 Số tín chỉ:	03
1.6 Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	37,5 tiết
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	7,5 tiết
- Tự học:	90 tiết
1.7 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	CN. Nguyễn Văn Buôn
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS. Trần Thị Kim Thoa
1.8 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần học trước:	Toán cao cấp C
- Học phần song hành:	

2. Mô tả học phần:

Nội dung: học phần được kết cấu thành hai phần tương đối độc lập về cấu trúc nhưng có liên quan chặt chẽ về nội dung:

- Phần lý thuyết xác suất giới thiệu tính quy luật của các hiện tượng ngẫu nhiên.
- Phần thống kê toán bao gồm các nội dung: Cơ sở lý thuyết về điều tra chọn mẫu, một phương pháp được dùng khá phổ biến trong điều tra, khảo sát các dữ liệu kinh tế và điều tra xã hội học; Các phương pháp ước lượng và kiểm định giả thuyết thống kê trong nghiên cứu các vấn đề thực tế nói chung và các vấn đề kinh tế nói riêng.

3. Mục tiêu HP (Goals)

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)
G1	Kiến thức cơ bản về biến cố ngẫu nhiên, xác suất, biến ngẫu nhiên và luật phân phối xác suất, lý thuyết mẫu, ước lượng tham số và kiểm định giả thiết.	PLO1,8,9
G2	Khả năng phân tích, giải thích và lập luận để giải quyết các bài toán xác suất thống kê và khả năng tự đọc tài liệu theo hướng dẫn gợi ý của giáo viên.	PLO1,8,9
G3	Kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.	PLO1,8-12

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes-CLOs)

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR của học phần (CLOs)	Mô tả CLOs (Sau khi học xong môn học này, người học có thể:)
CLO 1	Xác định được không gian mẫu và các biến cố ngẫu nhiên của thí nghiệm ngẫu nhiên. Phát biểu được định nghĩa xác suất và trình bày được các công thức tính xác suất.
CLO 2	Nêu được khái niệm biến ngẫu nhiên, bảng phân phối xác suất, hàm mật độ, hàm phân phối xác suất và các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên.
CLO 3	Phân biệt được mẫu ngẫu nhiên và số liệu thống kê.
CLO 4	Tính định được kỳ vọng, phương sai, median, mod của biến ngẫu nhiên và cách sử dụng các số đặc trưng này.
CLO 5	Sử dụng được phân phối siêu bội, nhị thức, Poisson, chuẩn và mối liên hệ giữa các phân phối này.
CLO 6	Tính được tỷ lệ, trung bình và phương sai bằng máy tính bỏ túi của ước lượng điểm và ước lượng khoảng. Phân biệt được khoảng tin cậy và giá trị của khoảng tin cậy.
CLO 7	Xác định được giả thiết và đối thiết của bài toán kiểm định giả thiết, hiểu được sai lầm loại 1, sai lầm loại 2 và mức ý nghĩa của miền tiêu chuẩn.
CLO 8	Sử dụng được các tiêu chuẩn kiểm định giả thiết để giải quyết các bài toán liên quan và áp dụng được trong thực tế.
CLO 9	Có kỹ năng tự đọc và nghiên cứu các phần tự học trong tài liệu giáo viên yêu cầu.
CLO 10	Có thái độ tích cực hợp tác với giáo viên và các sinh viên khác trong quá trình học tập và làm bài tập.

5. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Mức độ đóng góp của CLO vào PLO được xác định cụ thể:

- L (Low) – CLO có đóng góp ít vào PLO
- M (Medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO
- H (High) – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích:

- Các mức H - Cao, M - Vừa, L - Thấp - phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (L) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(mức M) hay mức thuần thục (H).

Bảng 5.1. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Chuẩn đầu ra HP (CLOs)	Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
CLO1	L							L	L	L	L	L
CLO2	L							L	L	L	L	L
CLO3	M							M	M	M	M	M
CLO4	M							M	M	M	M	M
CLO5	M							M	M	M	M	M
CLO6	H							H	M	M	M	H
CLO7	H							H	M	M	M	H
CLO8	H							H	H	H	H	H
CLO9	H							H	H	H	H	H
CLO10	H							H	H	H	H	H
Tổng hợp	H							H	M	M	M	H

6. Đánh giá HP

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP

H/phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric	Lquan đến CLO nào ở Bảng 5.1	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	10%	A1.1. Tuần 1: Bài tập về xác suất	30%		CLO 1, 10	- GV phân chia bài tập và cho SV làm việc theo cá nhân.
		A1.2. Tuần 2: Bài tập về biến ngẫu nhiên	30%		CLO 4, 5, 6, 10	

		A1.3. Tuần 4: Bài tập về ước lượng	40%		CLO 6, 10	
A2. Kỹ năng	20%	Tuần 5: Bài tập về kiểm định giả thiết		R2	CLO 6, 8, 9	- GV phân chia bài tập và cho SV làm việc nhóm.
A3. Đánh giá giữa kỳ	20%	Bài kiểm tra giữa kỳ: Thi trắc nghiệm và tự luận.		R1	CLO 4	- GV giao đề tài cho từng SV ngay từ đầu HP.
A4. Đánh giá cuối kỳ	50%	Bài ktra cuối kỳ: Thi trắc nghiệm và tự luận.			CLO 1,2,3,4	

- (7) PP đánh giá đạt CDR: Nêu tên các PP đánh giá sử dụng trong từng chương để đạt CDR. Tham khảo các phương pháp đánh giá trong CTĐT ngành Toán học.

6.2. Chính sách đối với HP

- SV tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $>20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP

Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần

Tuần / (5 tiết/tuần)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/T/H/TT)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở Bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 Bảng 6.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Chương 1: Bổ túc về giải tích tổ hợp						
1	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2.5/0/0		CLO1			A1.1
	1.1. Biểu diễn tập hợp 1.2. Các phép toán tập hợp 1.3. Các quy tắc của phép đếm 1.4. Giải tích tổ hợp		- Phát biểu được khái niệm tập hợp, chỉnh hợp, hoán vị, chỉnh hợp lặp, tổ hợp.		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint	- Làm một số bài tập trong chương một - Thảo luận nhóm	

					- Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm		
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	5/5/0		CLO9			
	Bài tập chương 1		- Sử dụng được các công thức chỉnh hợp, hoán vị, chỉnh hợp lặp, tổ hợp, nhị thức Newton.		- Tự học - Học nhóm	Hoàn thành các bài tập còn lại trong chương 1	
	Chương 2: Xác suất						
2	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	10/0/0		CLO1			A1.1
	2.1. Hiện tượng ngẫu nhiên 2.2. Xác suất 2.3. Các công thức xác suất		- Xác định được không gian mẫu và các biến cố ngẫu nhiên của thí nghiệm ngẫu nhiên. - Phát biểu được định nghĩa xác suất và trình bày được công thức tính xác suất.		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm một số bài tập trong chương 2 - Thảo luận nhóm	
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/10/0		CLO9			
	Bài tập chương 2		- Sử dụng được giải tích tổ hợp để tính xác suất theo quan điểm đồng khả năng. - Sử dụng được các công thức tính xác suất để, đặc biệt là xác suất có điều kiện.			Hoàn thành những bài tập còn lại trong chương 2	
	Chương 3: Đại lượng ngẫu nhiên						
3	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO2 , CLO3			A1.2

	<p>3.1. Khái niệm</p> <p>3.2. Xác định đại lượng ngẫu nhiên</p> <p>3.3. Các tham số đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên</p>		<p>- Nêu được khái niệm biến ngẫu nhiên, bảng phân phối xác suất, hàm mật độ, hàm phân phối xác suất và các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên.</p> <p>- Phân biệt được mẫu ngẫu nhiên và số liệu thống kê.</p>	-	<p>- Thuyết trình, giảng giải</p> <p>- Trình chiếu PowerPoint</p> <p>- Phát biểu xây dựng bài</p> <p>- Thảo luận nhóm</p>	<p>- Làm một số bài tập trong chương 3</p> <p>- Thảo luận nhóm</p>	
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/10/0		CLO4			
	Bài tập chương 3		<p>- Lập được bảng phân phối xác suất của biến ngẫu nhiên rời rạc. Sử dụng được hàm phân phối xác suất và hàm mật độ xác suất của biến ngẫu nhiên liên tục.</p> <p>- Tính được kỳ vọng, phương sai, median, mod của biến ngẫu nhiên và cách sử dụng các số đặc trưng này.</p>	-	-	<p>- Hoàn thành những bài tập còn lại trong chương 3</p>	
	Chương 4: Phân phối xác suất						
4	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2.5/0/0		CLO2 , CLO5			A1.2
	<p>4.1. Phân phối rời rạc</p> <p>4.2. Các phân phối liên tục</p>		<p>- Sử dụng được phân phối siêu bội, nhị thức, Poisson, chuẩn và mối liên hệ giữa các phân phối này.</p>		<p>- Thuyết trình, giảng giải</p> <p>- Trình chiếu PowerPoint</p> <p>- Phát biểu xây dựng bài</p> <p>- Thảo luận nhóm</p>	<p>- Làm một số bài tập trong chương 4</p> <p>- Thảo luận nhóm</p>	
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/10/0		CLO4			

	Bài tập chương 4		<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được loại phân phối của biến ngẫu nhiên. - Tính được giá trị của trung bình mẫu, phương sai mẫu bằng máy tính bỏ túi. 			Hoàn thành những bài tập còn lại trong chương 4	
	Chương 5: Mẫu thống kê và ước lượng tham số						
5	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO6			A1.3
	<ul style="list-style-type: none"> - Lý thuyết mẫu và lý thuyết ước lượng - Ước lượng điểm - Ước lượng khoảng 	3	<ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được mẫu ngẫu nhiên và số liệu thống kê. - Viết được công thức ước lượng điểm và ước lượng khoảng của tỷ lệ, trung bình và phương sai. - Phân biệt được khoảng tin cậy và giá trị của khoảng tin cậy. 		<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm 	<ul style="list-style-type: none"> - Làm một số bài tập trong chương 5 - Thảo luận nhóm 	
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/10/0		CLO9			
	Bài tập chương 5		<ul style="list-style-type: none"> - Tìm được giá trị của khoảng tin cậy cho tỷ lệ, trung bình và phương sai ứng với số liệu thu được. 			Hoàn thành những bài tập còn lại trong chương 5	
	Chương 6: Kiểm định giả thiết						
6	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2.5/0/0		CLO7 , CLO8			A2
	<ul style="list-style-type: none"> 6.1. Khái niệm 6.2. So sánh tham số từ bảng thống kê 6.3. So sánh hai tham số thống kê 		<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được giả thiết và đối thiết của bài toán kiểm định giả thiết, hiểu được sai lầm loại 1, sai lầm loại 2 và mức ý nghĩa của miền tiêu chuẩn. 		<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài 	<ul style="list-style-type: none"> - Làm một số bài tập trong chương 6 - Thảo luận nhóm 	

					- Thảo luận nhóm		
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	5/10/0		CLO9			
	Bài tập chương 6		- Sử dụng được các tiêu chuẩn kiểm định giả thiết để giải quyết các bài toán liên quan và áp dụng được trong thực tế.			Hoàn thành những bài tập còn lại trong chương 6	
Theo lịch thi	FINAL EXAM			CLO9, 10			A4

(*) Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương.
- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR. Tham khảo các phương pháp giảng dạy trong CTĐT ngành Toán học.
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT,...); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số....).

8. Học liệu:

Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

Nhan đề	Tác giả	NXB	Năm XB	Loại tài liệu
Lý thuyết xác suất thống kê	Lê Khánh Luận, Nguyễn Thanh Sơn	Thống kê	2008	GT
Bài tập Xác suất thống kê	Lê Khánh Luận	Thống kê	2008	TLTK
Giáo trình lý thuyết xác suất & thống kê toán học: Lý thuyết cơ bản và ứng dụng	Trần Gia Tùng	ĐHQG TP. HCM,	2009	TLTK
Bài tập xác suất – thống kê ứng dụng	Lê Sĩ Đồng	Giáo dục	2010	TLTK

Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ web hữu ích cho HP

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Slide Xác suất thống kê	https://tailieu.vn/doc/bai-giang-mon-xac-suat-thong-ke-ths-doan-vuong-nguyen-945151.html	07/2018
2	Bài giảng Xác suất thống kê	https://www.youtube.com/watch?v=GQ9zSqFVtpc&list=PLeZ69hpPOw9nOXs_ruJNvu-tSBa0hzWcJ&index=1	07/2018

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

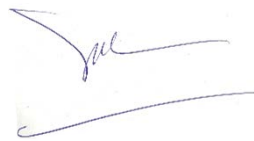
Bảng 9.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	

1	Giảng đường			
2	Phòng mô phỏng			

Bình Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2019

P. Trưởng khoa



Lê Thị Hiền

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: DƯỢC

Mã số: 7720201

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về HP

1.1 Mã học phần: 081017	1.2 Tên học phần: TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG
1.3 Ký hiệu học phần:	1.4 Tên tiếng Anh: GENERAL INFORMATION
1.5 Số tín chỉ:	03
1.6 Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	30 tiết
- Thực hành:	30 tiết
- Tự học:	90 tiết
1.7 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Nguyễn Kiều Oanh
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	CN. Lê Văn Xin
1.8 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần học trước:	
- Học phần song hành:	

2. Mô tả học phần:

- Học phần gồm có 3 chương. Mục đích nhằm trang bị cho học sinh những kiến thức toàn diện về tin học. Chương 1: trang bị cho học sinh những kiến thức cơ bản về phần cứng và phần mềm máy tính. Chương 2: thực hiện các thao tác trên hệ điều hành Windows. Chương 3: hướng dẫn soạn thảo và định dạng văn bản.

3. Mục tiêu HP (Goals)

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)
G1	Trình bày đúng các linh kiện bên trong máy tính và các thiết bị ngoại vi phổ biến, các khái niệm cơ bản về máy tính.	PLO1,8

G2	Thực hiện được các thao tác trên hệ điều hành Window, các thao tác quản lý tập tin và thư mục, cài đặt và gỡ bỏ phần mềm ứng dụng	PLO1,8
G3	Sử dụng thành thạo các phím tắt trên Windows và Office Soạn thảo văn bản đẹp và khoa học	PLO1,8
G4	Sử dụng tốt office văn phòng trong các công việc cụ thể trong học tập ... xác định vai trò của ngành công nghệ thông tin trong xã hội.	PLO1,8,9-12

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes-CLOs)

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR của học phần (CLOs)	Mô tả CLOs (Sau khi học xong môn học này, người học có thể:)
CLO 1	Trình bày được các khái niệm cơ bản về máy tính, thiết bị phần cứng với phần mềm, các thành phần chính của máy tính.
CLO 2	Trình bày được hệ điều hành Windows và các thao tác cơ bản trên windows. Tạo lối tắt cho chương trình, quản lý file và thư mục..
CLO 3	Thực hiện các thao tác soạn thảo văn bản, định dạng văn bản và trang trí văn bản. Chèn các biểu tượng, hình ảnh, âm thanh và video vào văn bản. Định dạng hoàn chỉnh một văn bản theo yêu cầu ứng dụng
CLO 4	Thực hiện được các kỹ thuật nâng cao trên word. Trộn tài liệu và xử lý in ấn.

5. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CĐR của chương trình (PLOs)

Mức độ đóng góp của CLO vào PLO được xác định cụ thể:

- L (Low) – CLO có đóng góp ít vào PLO
- M (Medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO
- H (High) – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích:

- Các mức H - Cao, M - Vừa, L - Thấp - phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (L) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ...(mức M) hay mức thuần thục (H).

Bảng 5.1. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CĐR của chương trình (PLOs)

Chuẩn đầu ra HP (CLOs)	Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
CLO1	L							M	L	L	L	M
CLO2	M							H	M	M	M	H
CLO3	H							H	M	M	M	H

CLO4	H						H	H	H	H	H
Tổng hợp	H						H	M	M	M	H

6. Đánh giá HP

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP

H/phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric	Lquan đến CLO nào ở Bảng 5.1	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	10%	A1.1. Tuần 1: Bài tập cá nhân	30%		CLO 1,2	
		A1.2. Tuần 3: Bài tập cá nhân	40%		CLO 3	
		A1.3. Tuần 4: Bài tập cá nhân	30%		CLO 3, 4	
A2. Kỹ năng	20%	Tuần 5: Áp dụng các thao tác được học trình bày được việc lưu, soạn thảo văn bản trên máy tính.		R2	CLO 2,3,4	- GV cho SV làm bài tập cá nhân ngay tại lớp.
A3. Đánh giá giữa kỳ	20%	Bài tập cá nhân: Sinh viên thể hiện kỹ năng qua các bài trắc nghiệm, những kỹ năng định dạng văn bản qua các phím tắt.		R1	CLO 2,3,4	- GV cho SV làm bài tập cá nhân ngay tại lớp.
A4. Đánh giá cuối kỳ	50%	Bài ktra cuối kỳ: Thi thực hành trên máy trình bày lưu trữ tập tin, thư mục và 1 văn bản hoàn chỉnh.			CLO 2,3,4	

- (7) PP đánh giá đạt CĐR: Nêu tên các PP đánh giá sử dụng trong từng chương để đạt CĐR. Tham khảo các phương pháp đánh giá trong CTĐT ngành CNTT.

6.2. Chính sách đối với HP

- SV tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $>20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP

Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần

Tuần / (5 tiết/tuần)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/T/H/TT)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Lqua n đến CLO nào ở Bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 Bảng 6.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Chương 1. Nhập môn máy tính						
1	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/5/0		CLO1			
	1.1. Các khái niệm 1.2. Phần cứng, phần mềm 1.3. Các loại máy tính 1.4. Các thành phần chính của máy vi tính 1.5. Phần mềm máy tính 1.6. Giao diện người dùng 1.7. An ninh và an toàn dữ liệu 1.8. Vi rút máy tính 1.9. Các thiết bị nhập xuất chuẩn		- Các khái niệm cơ bản về máy tính. - Phân biệt thiết bị phần cứng với phần mềm. - Liệt kê được các thành phần chính của máy tính. - Thực hiện được thao tác tắt máy và mở máy. - Cài đặt chương trình phần mềm, quét virust.	-	- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Bài tập cá nhân	
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	5/5/0		CLO1			
	1.10. Các thiết bị khác 1.11. Thao tác khởi động, tắt máy đúng cách		- Thực hiện thêm các thao tác sử dụng máy tính đúng cách		- Tự học - Học nhóm	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 2. Microsoft windows						

2	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/5/0		CLO2			
	2.1. Giới thiệu HĐH Microsoft Windows 2.2. Các thao tác cơ bản 2.3. Dùng các trình ứng dụng trong windows 2.4. Làm việc với đĩa, thư mục và tập tin 2.5. Sử dụng trình ứng dụng windows explorer 2.6. Xác lập các chương trình 2.7. Một số các tùy biến chương trình 2.8. Sử dụng bảng điều khiển control panel		- Giới thiệu hệ điều hành Windows và các thao tác cơ bản trên windows. - Tạo lối tắt cho chương trình, quản lý file và thư mục. - Tùy biến và cấu hình chương trình phần mềm. - Hướng dẫn sử dụng bảng điều khiển Control Panel.	-	- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm bài tập cá nhân, nhóm - Thảo luận nhóm	
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/10/0		CLO2			
	2.9. Bài tập thực hành		- Thao tác cơ bản trên windows. Tạo lối tắt cho chương trình, quản lý file và thư mục			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
Chương 3. Microsoft word 2010							
3	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	10/10/0		CLO3			A1.1
	3.1. Tổng quan microsoft word 2010 3.2. Những điểm mới trong microsoft word 2010 3.3. Thao tác căn bản trên word 2010 3.4. Thao tác với chuột và bàn phím 3.5. Chọn khối và thao tác trên khối 3.6. Thực hiện định dạng văn bản 3.7. Canh chỉnh văn bản		- Thực hiện các thao tác soạn thảo văn bản, định dạng văn bản và trang trí văn bản. - Chèn các biểu tượng, hình ảnh, âm thanh và video vào văn bản. - Đánh số trang, tiêu đề đầu và cuối trang	-	- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài	- Làm bài nhóm - Thảo luận nhóm	

	<p>3.8. Thay đổi khoảng cách trong văn bản</p> <p>3.9. Đánh dấu sự thay đổi và ghi chú trong tài liệu</p> <p>3.10. Tắt chế độ theo dõi sự thay đổi</p> <p>3.11. Thay đổi cách word đánh dấu</p> <p>3.12. Định dạng cột, tab, numbering</p> <p>3.13. Chữ drop cap</p> <p>3.14. Watermark (nền bảo vệ văn bản)</p> <p>3.15. Tạo tiêu đề trên và dưới (header and footer) cho văn bản</p> <p>3.16. Đánh số thứ tự cho trang văn bản</p> <p>3.17. Định dạng trang văn bản</p> <p>3.18. Thực hiện chèn các đối tượng</p> <p>3.19. Thao tác với bảng biểu</p>						
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/20/0		CLO3			
	3.20. Bài tập thực hành		- Nắm lại hết các hàm được học, ứng dụng các hàm giải quyết các bài toán cụ thể trong công việc			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 4: Các kỹ thuật nâng cao trong MS Word 2010.						
4	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	10/10/0		CLO4			
	<p>4.1. Bảo vệ tài liệu word</p> <p>4.2. Tìm kiếm, thay thế.</p> <p>4.3. Kiểm tra chính tả, ngữ pháp, từ đồng nghĩa, tự động chỉnh sửa, từ điển mặc định và công cụ đếm từ</p>		<p>- Các kỹ thuật nâng cao trên word.</p> <p>- Trộn tài liệu và xử lý in ấn.</p>	-	<p>- Thuyết trình, giảng giải</p> <p>- Trình chiếu PowerPoint</p> <p>- Phát biểu xây dựng bài</p>	<p>- Làm bài tập cá nhân.</p> <p>- Thảo luận nhóm và trình bày lại theo hình thức</p>	

	4.4. In tài liệu word 4.5. Trộn tài liệu (mail merge)				- Thảo luận nhóm	thuyết trình	
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/20/0		CLO4			
	- Bài tập thực hành		- Nắm lại hết các hàm được học, ứng dụng các kỹ thuật để giải quyết các công việc soạn thảo văn bản trong thực tế			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
Theo lịch thi	Thi kết thúc học phần trên máy tính			CLO1,2,3,4			

(*) Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương.
- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR. Tham khảo các phương pháp giảng dạy trong CTĐT ngành CNTT.
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số....).

8. Học liệu:

Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

Nhan đề	Tác giả	NXB	Năm XB	Loại tài liệu
Bài giảng tin học đại cương	Khoa Kỹ thuật Công nghệ	Đại Học Kinh Tế Kỹ Thuật Bình Dương	2018	GT
Giáo trình tin học đại cương	Trần Đình Khang	Bách khoa Hà Nội	2019	TLTK

Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ web hữu ích cho HP

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Đại cương về tin học	http://tailieu.vnuf2.edu.vn/claroline/backends/download.php?url=L1Rpbl9ob2NfRGFpX2N1b25nX0x1X1RodS5wZGY%3D&cidReset=true&cidReq=THDC_001	07/2018

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

Bảng 9.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường	Bảng, máy chiếu, laptop	1 bộ	

2	Phòng thực hành máy tính	Máy tính cá nhân, máy chủ, phần mềm Microsoft Office	Mỗi sinh viên / bộ máy	
---	--------------------------	--	------------------------	--

Bình Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2019

Trưởng khoa



Lê Minh Hiếu

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Dược học

Mã số: 7720201

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Thông tin chung về HP

1.1 Mã học phần: 071074	1.2 Tên học phần: SINH HỌC ĐẠI CƯƠNG
1.3 Ký hiệu học phần:	1.4 Tên tiếng Anh: GENERAL BIOLOGY
1.5 Số tín chỉ:	03 (2,0,1)
1.6 Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	30 tiết
- Thực hành:	30 tiết
- Tự học:	120 tiết
1.7 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	
1.8 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không có
- Học phần học trước:	Không yêu cầu
- Học phần song hành:	Không yêu cầu

1. Mô tả học phần:

Môn học cung cấp kiến thức cơ bản về thành phần của tế bào, sự trao đổi chất và năng lượng, sự di truyền và biến dị; về cơ sở vật chất di truyền cấp độ phân tử, phiên mã, tổng hợp protein.

2. Mục tiêu HP (Goals)

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)
G1	Áp dụng các kiến thức về khoa học cơ bản, công nghệ thông tin và y dược học cơ sở vào công việc chuyên ngành.	PLO1

G2	Giao tiếp hiệu quả, thuyết trình và viết báo cáo.	PLO6
G3	Làm việc độc lập, tư duy phản biện, tổ chức và làm việc theo nhóm hiệu quả.	PLO5
G4	Trình bày được nguyên lý, cấu tạo, cách sử dụng và bảo quản kính hiển vi.	PLO1
G5	Phối hợp với nhau để làm được một số tiêu bản hiển vi thông dụng.	PLO1, PLO10, PLO11
G6	Phân biệt và giải thích được các giai đoạn của quá trình phân bào.	PLO1
G7	Quan sát và so sánh được sự khác nhau giữa tế bào nhân sơ và tế bào nhân thật, quan sát được các bào quan bên trong tế bào thực vật, quan sát và phân biệt được hình thái tế bào máu một số động vật và người.	PLO1

3. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes-CLOs)

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR của học phần (CLOs)	Mô tả CLOs (Sau khi học xong môn học này, người học có thể:)
CLO 1	Mô tả thành phần của tế bào, sự trao đổi chất và năng lượng.
CLO 2	Giải thích được sự di truyền và biến dị, nguồn gốc sự sống và đa dạng sinh học.
CLO 3	Trình bày được những kiến thức cơ bản về ADN, ARN, sao chép ADN, phiên mã và mã di truyền, hoạt động gen, đột biến gen.
CLO 4	Mô tả được sinh tổng hợp Protein.
CLO 5	Nêu được các phương pháp phân tích ADN
CLO 6	Thực hành sử dụng kính hiển vi và cách làm tiêu bản hiển vi.
CLO 7	Quan sát hình dạng và cấu trúc của tế bào, sự sinh sản của tế bào, sự vận chuyển các chất qua màng tế bào, hiện tượng ưu trương, nhược trương. quan sát và phân biệt được hình thái tế bào máu một số động vật và người.
CLO 8	Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, có đạo đức nghề nghiệp và có khả năng sáng tạo trong công việc.
CLO 9	Tích cực trong việc học tập, tỉ mỉ, cẩn thận trong thực hành thao tác, tự nghiên cứu.

4. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CĐR của chương trình (PLOs)

Mức độ đóng góp của CLO vào PLO được xác định cụ thể:

- L (Low) – CLO có đóng góp ít vào PLO
- M (Medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO
- H (High) – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích:

- Các mức H - Cao, M - Vừa, L - Thấp - phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với

H/phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric	Lquan đến CLO nào ở Bảng 5.1	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		LÝ THUYẾT				
A1. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	20%	A1.1. Tuần 2: Làm bài Kiểm tra số 1	30%		CLO 1,8	
		A1.2. Tuần 3: Làm bài Kiểm tra số 2	30%		CLO 1,9	
		A1.3. Tuần 4: Làm bài Kiểm tra số 3	40%		CLO 3,9	
A2. Bài tập nhóm	10%	Thuyết trình các tuần 2,3,4,6		R2	CLO 1.8	-GV giao đề tài cho SV thử nghiệm khả năng thuyết trình của SV
A3. Đánh giá giữa kỳ	20%	Bài trắc nghiệm giữa kỳ		R1	CLO 1,2,3,4	- GV thông báo hình thức thi cho sinh viên từ đầu.
A4. Đánh giá cuối kỳ	50%	Bài ktra cuối kỳ: Thi trắc nghiệm theo NHĐT.			CLO 1,2,3,4,5	
		THỰC HÀNH				
A4 Đánh giá kỹ năng	40	A4.1. Trung bình chung các buổi thực hành là điểm giữa kỳ.		Đánh giá bằng bảng Rubric10	CLO 4,5,6,7,8	Đánh giá bằng bảng kiểm và thang điểm.
	60	A4.2. Thi kết thúc môn học				

PLO ở mức bắt đầu (L) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(mức M) hay mức thuần thục (H).

Bảng 5.1. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Chuẩn đầu ra HP (CLOs)	Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
CLO1	X	X	X	X	X		X		X	X	X	
CLO2	X	X	X	X	X		X		X	X	X	
CLO3	X	X	X	X	X		X		X	X	X	
CLO4	X	X	X	X	X		X		X	X	X	
CLO5	X	X	X	X	X		X		X	X	X	
CLO6	X				X		X			X	X	
CLO7	X				X		X			X	X	
CLO8	X				X		X			X	X	X
CLO9	X				X		X			X	X	X
Tổng hợp	X	X	X	X	X		X		X	X	X	X

5. Đánh giá HP

5.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP

- (7) PP đánh giá đạt CDR: Nêu tên các PP đánh giá sử dụng trong từng chương để đạt CDR. Tham khảo các phương pháp đánh giá trong CTĐT ngành Dược học.

5.2. Chính sách đối với HP

- SV tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $>20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP

Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần

Tuần (5 tiết/tuần)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/TH/TT)	Chuẩn đầu ra của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở Bảng 4.1	Phương pháp giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của sinh viên(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 Bảng 6.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Buổi 1. Chương I. Tế bào						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO1, 2,3			A1.1.
	1.1. Học Thuyết tế bào 1.2. Cấu trúc tế bào Prokaryote 1.3. Cấu trúc tế bào Eukaryote		Trình bày đặc điểm, cấu trúc và các chức năng của các thành phần có trong tế bào Prokaryote và Eukaryote		Phương pháp giải thích cụ thể	- Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà. - Đọc tài liệu: [1].Trang 9-29	
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	10/0/0		CLO1, 2,3			
	1.4. Sự vận chuyển các chất qua màng		Trình bày được cấu tạo của màng sinh chất theo mô hình kính hiển vi động. Giải thích được tại sao màng sinh chất có tính linh hoạt.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Buổi 2. Chương II. Sự trao đổi chất và năng lượng						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0					
	2.1 Năng lượng sinh học		Trình bày được khái niệm về delta G, Vai trò			- Đọc tài liệu: [1]. Trang	

	2.2. Sự trao đổi chất trong tế bào		của năng lượng hoạt hóa. Trình bày được mô hình phân tử và chức năng của ATP, phương thức tổng hợp ATP trong tế bào.			29-75	
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	10/0/0					
	2.3. Enzym		Trình bày được đặc điểm cấu trúc và chức năng của enzym, cơ chế hoạt động của enzym, giải thích được tính đặc hiệu của enzym.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Buổi 3. Chương II. Sự trao đổi chất và năng lượng (tt)						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO1, 2,3			A1.1
	2.4. Hô hấp tế bào 2.5. Quang hợp		Trình bày được khái niệm và các giai đoạn chính của quá trình hô hấp hiếu khí. Trình bày được khái niệm và các giai đoạn chính của quá trình quang hợp.		- Phương pháp giải thích cụ thể	- Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà - Đọc tài liệu: [1]. Trang 84-95	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO1, 2,3			
	Đọc trước chương III. Di truyền và Biến dị		Xem trước cấu trúc của chất liệu di truyền, cấu trúc nhiễm sắc thể ở Eukaryote và Prokaryote. Tìm hiểu về chu trình tế bào			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	

	Buổi 4. Chương III. Di truyền và biến dị						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO1, 2,3			
	3.1. Cơ sở phân tử của chất liệu di truyền 3.2. Cấu trúc Nhiễm sắc thể ở Prokaryote và Eukaryote		Trình bày được cấu trúc của chất liệu di truyền. Mô tả được cấu trúc nhiễm sắc thể ở Eukaryote và Prokaryote.			- Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà - Đọc tài liệu: [1]. Trang 127-137	
	Các nội dung chính SV tự học ở nhà			CLO1, 2,3			
	3.3. Sao chép ADN ở Prokaryote và Eukaryote		Trình bày được sao chép ADN ở Prokaryote và Eukaryote			- Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà - Đọc tài liệu: [1]. Trang 138-163	
3	Buổi 5. Chương III. Di truyền và biến dị						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO1, 2,3			A1.1
	3.4. Chu trình tế bào 3.5. Các kiểu Phân bào 3.6. Di truyền nhiễm sắc thể và di truyền ngoài nhân		Trình bày được chu trình tế bào Trình bày được các kiểu Phân bào Trình bày được di truyền nhiễm sắc thể và di truyền ngoài nhân.		Phương pháp giải thích cụ thể	- Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà - Đọc tài liệu: [1]. Trang 167-176	
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	10/0/ 0		CLO1, 2,3			

	3.7. Đột biến và biến dị		- Trình bày được biến dị và các kiểu đột biến.			- Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà - Đọc tài liệu: [1]. Trang 180-193	
	Buổi 6 Chương 4. Nguồn gốc sự sống và đa dạng sinh học						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO1, 2,3			
	4.1. Nguồn gốc sự sống		Kê tên và đặc điểm các giới sinh vật trong hệ thống phân loại 5 giới. Trình bày được các hình dạng thường gặp và phân loại vi khuẩn theo phương pháp nhuộm Gram.			- Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà - Đọc tài liệu: [1] trang 196-246	
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	10/0/0		CLO1, 2,3			
	4.2. Đa dạng sinh học		Trình bày được các đặc tính chung của virus. Trình bày được đặc tính của các nhóm thuộc Protozoa, nấm.			- Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà - Đọc tài liệu: [1] trang 254-284	
Theo lịch thi	FINAL EXAM						A3
PHẦN THỰC HÀNH							
7	7. Cấu tạo kính hiển vi	0/5/0	1. Cấu tạo KHV 2. Cách sử dụng KHV Cách làm tiêu bản	CLO 4,5,6,7,8	-lame mẫu Mẫu vật - Thí nghiệm	- Đọc tài liệu: [2], [3].	

8	8. Quan sát tế bào thực vật, động vật	0/5/0	1. Quan sát tế bào thực vật: tế bào vảy hành tây 2. Quan sát tế bào má miệng Quan sát tế bào hồng cầu máu người	CLO 4,5,6,7,8	-lame mẫu Mẫu vật - Thí nghiệm	- Đọc tài liệu: [2], [3].	
9	9. Quan sát một số bào quan trong tế bào	0/5/0	1. Quan sát lục lạp trong tế bào rong đuôi chồn 2. Quan sát sắc lạp trong ớt 3. Quan sát tinh bột ở khoai tây 4. Quan sát vô sắc lạp trong tế bào biểu bì của lá rau lang	CLO 4,5,6,7,8	-lame mẫu Mẫu vật - Thí nghiệm	- Đọc tài liệu: [2], [3].	A4.1
10	10. Sự trao đổi nước và chất hòa tan ở tế bào thực vật, động vật	0/5/0	1. Quan sát tế bào thực vật (bông búp) trong môi trường đẳng trương và ưu trương 2. Quan sát tế bào động vật (máu ếch) trong môi trường đẳng trương, ưu trương và nhược trương	CLO 4,5,6,7,8	-lame mẫu Mẫu vật - Thí nghiệm	- Đọc tài liệu: [2], [3].	
11	11. Sự nguyên phân	0/5/0	Quan sát và nhận diện các kỳ trong quá trình nguyên phân	CLO 4,5,6,7,8	-lame mẫu Mẫu vật - Thí nghiệm	- Đọc tài liệu: [2], [3].	
12	12. Sự giảm phân		Quan sát và nhận diện các kỳ trong quá trình giảm phân (2 lần phân bào)	CLO 4,5,6,7,8	-lame mẫu Mẫu vật - Thí nghiệm	- Đọc tài liệu: [2], [3]. -	
Theo lịch thi	THI CUỐI MÔN						A4.2

(*) Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương.
- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR. Tham khảo các phương pháp giảng dạy trong CTĐT ngành Dược học.

- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số....).

7. Học liệu:

Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	Cao Văn Thu	2014	SINH HỌC ĐẠI CƯƠNG	NXB giáo dục Việt Nam
2	ĐH KTKTBD	2019	Thực hành SHĐC	ĐH KTKTBD
Sách, giáo trình tham khảo				
2	Nguyễn Thị Hồng Nhung	2018	Sinh học tế bào và di truyền học	NXB Y học
3	PGS.TS. Cao Văn Thu	2015	Sinh học đại cương	NXB Giáo dục Việt Nam

Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ web hữu ích cho HP

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Alpha-synuclein	https://en.wikipedia.org/wiki/Alpha-synuclein	17/09/2019

8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

Bảng 9.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường			
2	Phòng mô phỏng			

Bình Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2019

TRƯỞNG KHOA



TRƯƠNG THỊ NGỌC SƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: DƯỢC HỌC

Mã số: 7720201

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về HP

1.1 Mã học phần:	1.2 Tên học phần: HÓA VÔ CƠ
1.3 Ký hiệu học phần:	1.4 Tên tiếng Anh: INORGANIC CHEMISTRY
1.5 Số tín chỉ:	03
1.6 Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	30 tiết
- Bài tập và thảo luận nhóm:	15 tiết
- Tự học	90 tiết
- Thực hành	30 tiết
1.7 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	Ths. Huỳnh Thị Thùy Trang Thanh
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Ks. Trần Thị Hương
1.8 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không có
- Học phần học trước:	Không yêu cầu
- Học phần song hành:	Không yêu cầu

2. Mô tả học phần:

Hóa vô cơ là học phần cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về: đặc điểm cấu tạo, phân loại, bản chất liên kết, tính chất các đơn chất, hợp chất, ứng dụng cũng như cách điều chế đơn chất và hợp chất của các nguyên tố trong bảng hệ thống tuần hoàn các nguyên tố hóa học, các định luật cơ bản của hóa vô cơ. Biết vận dụng những lý luận cơ bản về hóa học các nguyên tố vào việc tìm hiểu và giải thích các hiện tượng hóa học có liên quan đến thực tiễn sản xuất, đời sống và môi trường. Ý thức được vai trò của hóa học đối với cuộc sống, Sự cần thiết phải bảo vệ môi trường và trách nhiệm giáo dục sinh viên góp phần bảo vệ môi trường.

3. Mục tiêu HP (Goals)

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)
G1	Trình bày những kiến thức cơ bản về đặc điểm cấu tạo, phân loại, bản chất liên kết, tính chất các đơn chất, hợp chất, ứng dụng cũng như cách điều chế đơn chất và hợp chất của các nguyên tố trong bảng hệ thống tuần hoàn các nguyên tố hóa học	PLO1
G2	Vận dụng và giải thích các định luật cơ bản của hóa vô cơ	PLO1
G3	Phân biệt tính chất lý hóa của các nguyên tố trong bảng hệ thống tuần hoàn	PLO1
G4	Sử dụng tốt kiến thức hóa học vô cơ để giải thích được các hiện tượng xảy ra trong tự nhiên và trong đời sống hằng ngày	PLO1
G5	Có đủ năng lực chuyên môn về hóa học vô cơ từ cơ bản đến nâng cao để có thể tham gia học tập nâng cao trình độ ở bậc sau đại học	PLO9

- Kỹ năng : khả năng ứng dụng của các đơn chất và hợp chất vô cơ dựa vào tính chất lý hóa học của chúng.
- Thái độ : Có thái độ học tập đúng đắn trong quá trình học tập môn học (tích cực tiếp thu kiến thức, tham gia tích cực vào giờ giảng)

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes-CLOs)

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR của học phần (CLOs)	Mô tả CLOs (Sau khi học xong môn học này, người học có thể:)
CLO 1	Củng cố và bổ sung kiến thức cơ bản về cấu tạo chất, bản chất liên kết và quy luật tuần hoàn về tính chất của các nguyên tố, làm cơ sở cho việc hiểu và nắm các tính chất vật lý, hóa học của các nguyên tố vô cơ một cách hệ thống.
CLO 2	Đọc được danh pháp của các đơn chất và hợp chất vô cơ
CLO 3	Trình bày phương pháp điều chế của các đơn chất và hợp chất vô cơ tiêu biểu
CLO 4	Giải thích khả năng ứng dụng của các đơn chất và hợp chất vô cơ dựa vào tính chất lý hóa học của chúng.
CLO 5	Giải thích khả năng tạo phức của các nguyên tố chuyển tiếp, giải thích tính chất vật lý, hóa học và ứng dụng của một số phức chất.

5. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CĐR của chương trình (PLOs)

Mức độ đóng góp của CLO vào PLO được xác định cụ thể:

- L (Low) – CLO có đóng góp ít vào PLO
- M (Medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO
- H (High) – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích:

- Các mức H - Cao, M - Vừa, L - Thấp - phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (L) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(mức M) hay mức thuần thục (H).

Bảng 5.1. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Chuẩn đầu ra HP (CLOs)	Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
CLO1	M								M			
CLO2	M								M			
CLO3	M								M			
CLO4	H								H			
CLO5	L								M			
Tổng hợp	M								M			

6. Đánh giá HP

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP

- Lý thuyết:

H/phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric	Lquan đến CLO nào ở Bảng 5.1	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	10%	A1.1. Tuần 1: Làm bài tập số 1	30%		CLO 1	
		A1.2. Tuần 2: Làm bài tập số 2	30%		CLO 1, 2	
		A1.3. Tuần 3: Làm bài tập số 3	40%		CLO 3	
A2. Kỹ năng	20%	Tuần 4,5:		R4	CLO 3,4,5	- GV cho SV thuyết trình
A3. Đánh	20%	Sinh viên		R3	CLO 1,2,	- GV ra đề

giá giữa kỳ		làm một bài kiểm tra cá nhân			3,4	
A4. Đánh giá cuối kỳ	50%	Bài ktra cuối kỳ: Thi trắc nghiệm theo NHĐT.			CLO 1,2,3,4,5	

- Thực hành:

H/phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric	Lquan đến CLO nào ở Bảng 5.1	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	10%	A1.1. Làm bài thực hành 1	30%	R3	CLO 1	
		A1.2. Làm bài thực hành 2	30%	R3	CLO 2	
		A1.3. Làm bài thực hành 3	40%	R3	CLO 3	
A2. Đánh giá giữa kỳ	40%	Sinh viên làm một bài kiểm tra theo nhóm	Bài thực hành hóa vô cơ	R3	CLO 1,2, 3,4,5	GV giao đề tài cho từng SV ngay từ đầu HP.
A3. Đánh giá cuối kỳ	50%	Bài ktra cuối kỳ	Bài ktra cuối kỳ: Thi thực hành.		CLO 1,2, 3,4,5	Nộp sản phẩm

6.2. Chính sách đối với HP

- SV tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $>20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.
- Nghiên cứu trước giáo trình chính, chuẩn bị các câu hỏi, đề xuất ý kiến khi nghe giảng.
- Nghiên cứu các tài liệu tham khảo có liên quan đến nội dung của từng phần, từng chương, mục hay chuyên đề theo sự hướng dẫn của giảng viên.
- Tham gia thảo luận theo nhóm, thảo luận trên lớp theo yêu cầu của giảng viên.
- Làm bài tập: trên lớp và ở nhà theo yêu cầu của giảng viên.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP

Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy lý thuyết của HP theo tuần

Tuần/ (5)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/TH)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của	Tên bài
--------------	--	-----------------	----------------------------------	-----------	----------------------	-------------------	---------

tiết/tuần)	(đến 3 số)	/TT)		CLO nào ở Bảng 4.1		SV(*)	đánh giá (ở cột 3 Bảng 6.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Phản lý thuyết							
	Chương 1. Cơ sở lý thuyết của Hóa Vô cơ						
1	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO1			A 1.1
	1.1 Quan hệ giữa cấu tạo nguyên tử, cấu tạo phân tử và tính chất của các đơn chất và hợp chất 1.2 Danh pháp các hợp chất vô cơ		- Trình bày được mối quan hệ giữa cấu tạo nguyên tử, cấu tạo phân tử và tính chất của các đơn chất và hợp chất. - Nêu được danh pháp các chất vô cơ.		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm bài tập - Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/7,5		CLO1			
	1.2 Danh pháp các hợp chất vô cơ		- Trình bày cách viết công thức và cho ví dụ. - Trình bày cách đọc các oxit, các hydroxit, các axit, các muối và các hợp chất phức (phức chất).		- Tự học - Học nhóm	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 2. Hidro – Oxi						
2	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2,5/0/0		CLO1, 2,3,4			A 1.2
	2.1 Đặc điểm cấu tạo nguyên tử và khả năng phản ứng 2.2 Đơn chất hidro và oxi: Tính chất vật lý, tính chất hóa học, trạng thái thiên nhiên, ứng dụng và phương pháp điều chế 2.3 Hợp chất của hidro (hidrua) và hợp chất của oxi (oxit, peroxit, superoxit, nước)		- Nắm rõ Đặc điểm cấu tạo nguyên tử và khả năng phản ứng. Trình bày được các tính chất vật lý, tính chất hóa học, trạng thái thiên nhiên, ứng dụng và phương pháp điều chế.		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm bài tập - Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/7,5		CLO1, 2,3,4			

	2.1 Đặc điểm cấu tạo nguyên tử và khả năng phản ứng		Trình bày cụ thể tính chất hóa học và cho ví dụ minh họa.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 3. Các kim loại kiềm						
3	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2,5/0/0		CLO1, 2,3,4			A1.2
	3.1 Đặc điểm cấu tạo nguyên tử và khả năng phản ứng 3.2 Đơn chất: Tính chất vật lý, tính chất hóa học, trạng thái thiên nhiên và phương pháp điều chế 3.3 Hợp chất: Oxit, peroxit và superoxit, hidroxit, muối (halogenua, cacbonate)		<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày đặc điểm cấu tạo nguyên tử và khả năng phản ứng của kim loại kiềm. - Nắm rõ tính chất vật lý, tính chất hóa học, trạng thái thiên nhiên và phương pháp điều chế các đơn chất. - Tìm hiểu thêm về một số hợp chất oxit, peroxit và superoxit, hidroxit, muối (halogenua, cacbonat). 		<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm 	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập Thảo luận nhóm 	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/7,5		CLO1, 2,3,4			
	3.1 Đặc điểm cấu tạo nguyên tử và khả năng phản ứng		<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày và giải bài tập với những dạng chính: phản ứng với kim loại kiềm. Hoàn thành sơ đồ phản ứng. 			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 4. Các kim loại kiềm thổ						
4	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2,5/0/0		CLO1, 2,3,4			A 1.3
	4.1 Đặc điểm cấu tạo nguyên tử và khả năng phản ứng 4.2 Đơn chất: Tính chất vật lý, tính chất hóa học, ứng dụng và phương pháp điều chế 4.3 Hợp chất: oxit, peroxit, superoxit, hidroxit, muối (halogenua, sunfat và cacbonat), nước cứng và		<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày đặc điểm cấu tạo nguyên tử và khả năng phản ứng của kim loại kiềm thổ. - Nắm rõ tính chất vật lý, tính chất hóa học, trạng thái thiên nhiên và phương pháp điều chế các đơn chất. - Tìm hiểu thêm về một số 		<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm 	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập - Thảo luận nhóm 	

	cách làm mềm nước.		hợp chất oxit, peroxit, superoxit, hidroxit, muối (halogenua, sunfat và cacbonat), nước cứng và cách làm mềm nước.				
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/7,5		CLO1, 2,3,4			
	4.1 Đặc điểm cấu tạo nguyên tử và khả năng phản ứng		- Trình bày và giải bài tập với những dạng chính: phản ứng với kim loại kiềm. Hoàn thành sơ đồ phản ứng.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 5. Các nguyên tố phân nhóm IIIA						
5	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2,5/0/0		CLO1, 2,3,4			A 1.3
	5.1 Đặc điểm cấu tạo nguyên tử và khả năng phản ứng 5.2 Bo: Đơn chất và hợp chất (oxit boric, acid boric, boran, borua, bo cacbua, bo nitrua) 5.3 Nhôm: Đơn chất và hợp chất (oxit, hidroxit, muối) 5.4 Các nguyên tố Ga, In, Tl: Đơn chất và hợp chất (oxit, hidroxit, halogenua)		- Nắm được một số thông số hóa lý của các nguyên tố phân nhóm IIIA. Trình bày đặc điểm cấu tạo nguyên tử và khả năng phản ứng của các nguyên tố chính: Bo, nhôm và các hợp chất của Ga, In, Tl.		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm bài tập - Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/7,5		CLO1, 2,3,4			
	5.4 Các nguyên tố Ga, In, Tl: Đơn chất và hợp chất (oxit, hidroxit, halogenua)		Trình bày và giải bài tập với những dạng chính: phản ứng với các nguyên tố nhóm IIIA. Hoàn thành sơ đồ phản ứng.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 6. Các nguyên tố phân nhóm IVA						
6	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2,5/0/0		CLO1, 2,3,4			A2
	6.1 Cacbon: Đơn chất và hợp chất (cacbon oxit, cacbon dioxit, axit cacbonic, muối cacbonat, CS ₂ . HCN và cyanua)		- Nắm được một số thông số hóa lý của các nguyên tố phân nhóm IVA. Trình bày đặc điểm cấu		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu	- Làm bài tập - Thảo luận nhóm	

	6.2 Silic: Đơn chất và hợp chất (silic dioxit, axit silicic, silicat, silan, silic cacbua) 6.3 Các nguyên tố Ge, Sn, Pb: Đơn chất và hợp chất (hợp chất ở mức oxi hóa +2, hợp chất ở mức oxi hóa +4)		tạo nguyên tử và khả năng phản ứng của các nguyên tố chính: cacbon, silic, các nguyên tố Ge, Sn, Pb, hcn và cyanua.		PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm		
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/7,5		CLO1, 2,3,4			
	6.3 Các nguyên tố Ge, Sn, Pb: Đơn chất và hợp chất (hợp chất ở mức oxi hóa +2, hợp chất ở mức oxi hóa +4)		Trình bày và giải bài tập với những dạng chính: phản ứng với các nguyên tố nhóm IVA. Hoàn thành sơ đồ phản ứng.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 7. Phân nhóm VA						
7	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2,5/0/0		CLO1, 2,3,4			
	7.1 Nitơ: Đơn chất và hợp chất (amoniac, muối amoni, hydrazin, hidroxilamin, nitrua, oxit, acid, muối nitrat) 7.2 Photpho: Đơn chất và hợp chất (hợp chất ở mức oxi hóa +3, hợp chất ở mức oxi hóa +5, phân lân và phân đạm) 7.3 Các nguyên tố As, Sb, Bi: Đơn chất và hợp chất (hợp chất ở mức oxi hóa -3, +3, +5)		- Nắm được một số thông số hóa lý của các nguyên tố phân nhóm VA. Trình bày đặc điểm cấu tạo nguyên tử và khả năng phản ứng của các nguyên tố chính: nitơ, photpho và các nguyên tố As, Sb, Bi.		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm bài tập - Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/7,5		CLO1, 2,3,4			
	7.3 Các nguyên tố As, Sb, Bi: Đơn chất và hợp chất (hợp chất ở mức oxi hóa -3, +3, +5)		Trình bày và giải bài tập với những dạng chính: phản ứng với các nguyên tố nhóm VA. Hoàn thành sơ đồ phản ứng.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 8. Phân nhóm VIA						
8	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2,5/0/0		CLO1, 2,3,4			
	8.1 Lưu huỳnh: Đơn chất và hợp chất (hidro sunfua, muối sunfua, hợp chất có số oxi hóa +4 và +6 với oxi, axit thiosunfuric, axit		- Nắm được một số thông số hóa lý của các nguyên tố phân nhóm VIA. Trình bày đặc điểm cấu tạo nguyên tử và khả năng		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu	- Làm bài tập - Thảo luận nhóm	

	peroxidisulfuric) 8.2 Các nguyên tố Se, Te, Po: Đơn chất và hợp chất (hợp chất ở mức oxi hóa -2, hợp chất ở mức oxi hóa +4, hợp chất ở mức oxi hóa +6)		phản ứng của các nguyên tố chính: lưu huỳnh và các nguyên tố Se, Te, Po.		PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm		
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/7,5		CLO1, 2,3,4			
	8.2 Các nguyên tố Se, Te, Po: Đơn chất và hợp chất (hợp chất ở mức oxi hóa -2, hợp chất ở mức oxi hóa +4, hợp chất ở mức oxi hóa +6)		Trình bày và giải bài tập với những dạng chính: phản ứng với các nguyên tố nhóm VIA. Hoàn thành sơ đồ phản ứng.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 9. Phân nhóm halogen						
9	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2,5/0/0		CLO1, 2,3,4			A3
	9.1 Đặc điểm cấu tạo nguyên tử và khả năng phản ứng 9.2 Đơn chất: Tính chất vật lý, tính chất hóa học, trạng thái thiên nhiên, ứng dụng và phương pháp điều chế 9.3 Hợp chất (hidro halogenua, muối halogenua, oxi axit của halogen)		- Nắm rõ đặc điểm cấu tạo nguyên tử và khả năng phản ứng của phân nhóm halogen. Trình bày tính chất vật lý, tính chất hóa học, trạng thái thiên nhiên, ứng dụng và phương pháp điều chế của phân nhóm halogen.		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm bài tập - Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/7,5		CLO1, 2,3,4			
	9.1 Đặc điểm cấu tạo nguyên tử và khả năng phản ứng		Trình bày và giải bài tập với những dạng chính: phản ứng với các nguyên tố nhóm halogen. Hoàn thành sơ đồ phản ứng.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 10. Khí hiếm						
10	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	3/0/0		CLO1, 2,3,4			
	10.1 Đặc điểm cấu tạo nguyên tử và khả năng phản ứng 10.2 Đơn chất: Tính chất vật lý, tính chất hóa học, trạng thái thiên nhiên, ứng dụng và phương pháp điều chế 10.3 Các hợp chất của Xenon		- Nắm rõ đặc điểm cấu tạo nguyên tử và khả năng phản ứng của khí hiếm. Trình bày tính chất vật lý, tính chất hóa học, trạng thái thiên nhiên, ứng dụng và phương pháp điều chế của khí hiếm.		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm bài tập - Thảo luận nhóm	

	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/7,5		CLO1, 2,3,4			
	10.3 Các hợp chất của Xenon		Tìm hiểu thêm về tính chất, ứng dụng.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 11. Các nguyên tố d						
11	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	1/0/0		CLO5			
	11.1 Cấu tạo chung và danh pháp phức chất 11.2 Lý thuyết phức chất 11.3 Đơn chất: Tính chất vật lý, tính chất hóa học, trạng thái thiên nhiên và phương pháp điều chế 11.4 Một số kim loại tiêu biểu: Sc, Ti, V, Cr, Mn, Fe-Co-Ni; Cu-Ag-Au, Zn-Cd-Hg. 11.5 Hợp chất tiêu biểu: Halogenua, oxit, muối sunfua và phức chất		- Trình bày được cấu tạo chung, danh pháp và lý thuyết về phức chất. Trình bày tính chất vật lý, tính chất hóa học, trạng thái thiên nhiên và phương pháp điều chế đơn chất của các nguyên tố d.		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm bài tập - Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/7,5		CLO5			
	11.5 Hợp chất tiêu biểu: Halogenua, oxit, muối sunfua và phức chất		-Tìm hiểu thêm về tính chất, ứng dụng.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 12. Họ lantanide và actinide						
12	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	1/0/0		CLO5			
	12.1 Đặc điểm cấu tạo nguyên tử. Các dãy nguyên tố f (4f, 5f) 12.2 Dãy lantanide 12.3 Dãy actinide		- Nắm rõ đặc điểm cấu tạo nguyên tử. Các dãy nguyên tố f (4f, 5f). Trình bày được dãy lantanid và actinid.		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm bài tập - Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/7,5		CLO5			
	12.1 Đặc điểm cấu tạo nguyên tử. Các dãy nguyên tố f (4f, 5f)		Tìm hiểu thêm về tính chất, ứng dụng.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
Theo lịch thi (lý thuyết)	FINAL EXAM			CLO1, 2,3,4,5			A4
Phần thực hành							
1	Bài 1: Kỹ thuật	0/5/0		CLO1,			

	phòng thí nghiệm			2,3,4,5			
2	Bài 2: Pha chế dung dịch, chuẩn độ	0/5/0		CLO1, 2,3,4,5			
3	Bài 3: Dung dịch điện ly, chất chỉ thị màu	0/5/0		CLO1, 2,3,4,5			
4	Bài 4: Tốc độ phản ứng, cân bằng hóa học	0/5/0		CLO1, 2,3,4,5			
5	Bài 5: Phản ứng oxy hóa khử	0/5/0		CLO1, 2,3,4,5			
6	Bài 6: Bậc phản ứng	0/5/0		CLO1, 2,3,4,5			
Theo lịch thi (thực hành)	FINAL EXAM						Nộp sản phẩm

(*) Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương.
- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR.
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số....).

8. Học liệu:

Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	Hoàng Nhâm	2018	Hóa học vô cơ tập 1,2,3	NXB Giáo dục
2	Bộ môn Hóa	2018	Thực hành Hóa học vô cơ	ĐH Kinh Tế - Kỹ Thuật Bình Dương
Sách, giáo trình tham khảo				
3	Lê Thành Phước (chủ biên)	2008	Hóa đại cương - vô cơ - tập 1	NXB Y HỌC

Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ web hữu ích cho HP

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Hóa đại cương vô cơ tập 2	https://www.ebookbkmt.com/2018/10/sach-scan-hoa-ai-cuong-vo-co-full-2-tap.html	11/10/2018
2	Hóa học vô cơ (các kim loại điển hình)	https://drive.google.com/file/d/0B08MXCx1DJP4MFN1ZS1XSXd5eVk/view	02/07/2019

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

Bảng 9.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường			
2	Phòng thí nghiệm			

Bình Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2019

TRƯỞNG KHOA



TRƯƠNG THỊ NGỌC SƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Dược học

Mã số: 7720201

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về HP

1.1 Mã học phần:	1.2 Tên học phần: Vật lý đại cương
1.3 Ký hiệu học phần:	1.4 Tên tiếng Anh: General Physics
1.5 Số tín chỉ:	03
1.6 Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	25 tiết
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	20 tiết
- Tự học:	90 tiết
1.7 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Dương Duy Minh
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS. Cái Thị Tuyết Trinh
1.8 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không có
- Học phần học trước:	Không yêu cầu
- Học phần song hành:	Không yêu cầu

2. Mô tả học phần:

- Vật lý đại cương là học phần cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về Vật lý bao gồm hai phần Cơ học và Điện từ học, là nền tảng giúp sinh viên học tốt các môn chuyên ngành Trường điện từ, Khí cụ điện và máy điện, các môn học liên quan đến Lý thuyết mạch điện và Điện tử,... Trong quá trình học, sinh viên sẽ trao đổi và thảo luận, đồng thời giải quyết vấn đề theo tình huống.

3. Mục tiêu HP (Goals)

Mục tiêu	Mô tả (Goal description)	Chuẩn đầu ra
----------	--------------------------	--------------

(Goals)	(Học phần này trang bị cho sinh viên:)	CTĐT (PLOs)
G1	Kiến thức chuyên môn về Cơ học và Điện từ học, là nền tảng cho sinh viên học tốt các môn chuyên ngành liên quan đến máy điện, điện tử,...	PLO2, 3
G2	Khả năng phân tích, giải thích và lập luận giải quyết các vấn đề về các hiện tượng vật lý liên quan đến chuyên ngành học của sinh viên.	PLO5, 6
G3	Kỹ năng thuyết trình và làm việc nhóm.	PLO 10, 11

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes-CLOs)

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR của học phần (CLOs)	Mô tả CLOs (Sau khi học xong môn học này, người học có thể:)
CLO 1	Trình bày được khái niệm, đặc điểm của các hiện tượng Vật lý liên quan đến Cơ học và Điện từ học, nội dung các định luật Vật lý liên quan đến Cơ học và Điện từ học.
CLO 2	Vận dụng các kiến thức đã học để giải các bài tập Vật lý liên quan đến Cơ học và Điện từ học, giải thích được một số hiện tượng liên quan đến chuyên ngành của sinh viên.
CLO 3	Kỹ năng trình bày trước đám đông, kỹ năng thuyết phục khách hàng và đối tác.
CLO 4	Có khả năng xây dựng được các mối quan hệ nội bộ và quan hệ với trung gian phân phối, quan hệ với khách hàng

5. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CĐR của chương trình (PLOs)

Mức độ đóng góp của CLO vào PLO được xác định cụ thể:

- L (Low) – CLO có đóng góp ít vào PLO
- M (Medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO
- H (High) – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích:

- Các mức H - Cao, M - Vừa, L - Thấp - phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (L) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(mức M) hay mức thuần thực (H).

Bảng 5.1. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CĐR của chương trình (PLOs)

Chuẩn đầu ra HP (CLOs)	Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
CLO1		M	M	L	M	M			L			
CLO2		M	M	L	M	M						
CLO3										M	M	L

CLO4									M	M	L
Tổng hợp		M	M	L	M	M			L	M	M

6. Đánh giá HP

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP

H/phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric	Lquan đến CLO nào ở Bảng 5.1	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Kỹ năng	20%	Tuần 9: Khả năng thuyết trình về nguyên lí hoạt động của một số thiết bị Điện – Điện tử.		R4, R7	CLO 2,3,4	- GV chia nhóm SV, giao mỗi nhóm một đề tài để tìm hiểu.
A2. Đánh giá giữa kỳ	20%	Bài thi kiểm tra giữa học phần theo hình thức Trắc nghiệm/ Tự luận			CLO 1,2	- Đánh giá kiểm tra viết/ trắc nghiệm: Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn
A3. Đánh giá cuối kỳ	60%	Bài thi kết thúc học phần theo hình thức Trắc nghiệm/ Tự luận			CLO 1,2	Đánh giá kiểm tra viết/ trắc nghiệm: Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn

- (7) PP đánh giá đạt CDR: Nêu tên các PP đánh giá sử dụng trong từng chương để đạt CDR. Tham khảo các phương pháp đánh giá trong CTĐT ngành Công nghệ Kỹ thuật Điện – Điện tử.

6.2. Chính sách đối với HP

- SV tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $>20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP

Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần

Tuần/ (5 tiết/tuần)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/T H/TT)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở Bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 Bảng 6.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Chương 1: Động học chất điểm						

	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	3/2/0		CLO1			
	1.1. Vectơ dịch chuyển 1.2. Vận tốc 1.3. Gia tốc. 1.4. Một số dạng chuyển động đặc biệt		Trình bày những khái niệm cơ bản của cơ học trong phần động học, -Trình bày được khái niệm về gia tốc, thành phần của gia tốc - Trình bày được khái niệm gia tốc góc, vận tốc góc - Vận dụng được các kiến thức đã học để giải một số bài toán động học chất điểm.		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm bài tập chương 1 - Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	5/0/0		CLO 1,2			
	1.5. Chuyển động tương đối		- Sinh viên trình bày được các tính chất về chuyển động tương đối.		- Tự học - Học nhóm	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 2: Động lực học chất điểm						
	Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	3/2/0		CLO 1,2,3			
2	2.1. Định luật Newton I 2.2. Định luật Newton II 2.3. Định luật Newton III 2.4. Một vài loại lực thường gặp 2.5. Áp dụng định luật Newton trong bài toán cơ học		- Trình bày được nội dung của ba định luật Newton và đặc điểm của một vài loại lực cơ học thường gặp - Vận dụng được các định luật Newton và đặc điểm các loại lực cơ học thường gặp để giải quyết một số bài toán trong thực tế.		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm bài tập chương 2 - Thảo luận nhóm	
	Chương 2: Động lực học chất điểm (tiếp theo)						
	Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	1/1/0		CLO 1,2,3			
3	2.5.Áp dụng định luật Newton trong bài toán cơ học 2.6. Định luật bảo toàn động lượng trong cơ hệ kín		Vận dụng được các định luật Newton và đặc điểm các loại lực cơ học thường gặp để giải quyết một số bài toán trong thực tế.		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài	- Làm bài tập chương 2 Thảo luận nhóm	

					- Thảo luận nhóm		
	Chương 3: Năng lượng						
	Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2/1/0		CLO1,2,3			A1.1
	3.1. Công và công suất. 3.2. Động năng.		Trình bày được những định nghĩa cơ bản của công, động năng, định lý về động năng, các định lý về thế năng, định luật biến thiên và bảo toàn cơ năng - Vận dụng được các định lý, định luật để giải các bài toán trong chuyển động cơ		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm bài tập chương 3 - Thảo luận nhóm	
4	Chương 3: Năng lượng (tiếp theo)						
	Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2/2/0		CLO 1,2,3			A1.1
	3.3. Thế năng 3.4. Định luật bảo toàn cơ năng trong trường lực thế		Trình bày được những định nghĩa cơ bản của công, động năng, định lý về động năng, các định lý về thế năng, định luật biến thiên và bảo toàn cơ năng - - Vận dụng được các định lý, định luật để giải các bài toán trong chuyển động cơ		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm bài tập chương 3 - Thảo luận nhóm	
	Chương 4: Cơ học chất lưu						
	Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	1/0/0		CLO1,2,3			
	4.1. Đặc điểm của chất lưu. 4.2. Tĩnh học chất lỏng		- Trình bày được đặc điểm chung của chất lưu; bản chất của áp suất tĩnh, áp suất thủy tĩnh, áp suất động của chất lỏng - Trình bày được các định		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu	- Thảo luận nhóm	

			lý về sự chuyển động của chất lỏng lý tưởng và ứng dụng - Trình bày được bản chất của hiện tượng nội ma sát. - - Biết phương pháp đo hệ số nhớt của chất lỏng.		PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm		
5	Chương 4: Cơ học chất lưu (tiếp theo)						
	Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2/2/0		CLO 1,2,3			
	4.3. Động lực học chất lỏng lý tưởng 4.4. Các định lý về sự chuyển động của chất lỏng 4.5. Sự chuyển động của các chất lỏng thực		- Trình bày được đặc điểm chung của chất lưu; bản chất của áp suất tĩnh, áp suất thủy tĩnh, áp suất động của chất lỏng - Trình bày được các định lý về sự chuyển động của chất lỏng lý tưởng và ứng dụng - Trình bày được bản chất của hiện tượng nội ma sát. - Biết phương pháp đo hệ số nhớt của chất lỏng.		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm bài tập chương 4 - Thảo luận nhóm	
	Chương 5: Trường tĩnh điện						
	Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	1/0/0		CLO 1,2,3			A3
5.1. Điện tích 5.2. Định luật Coulomb		Sinh viên trình bày được khái niệm điện tích và phát biểu được nội dung định luật Coulomb		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Thảo luận nhóm		
6	Chương 5: Trường tĩnh điện						
	Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2/3/0		CLO 1,2,3			A3
	5.3. Điện trường-véc tơ cường độ điện trường 5.4. Điện thông - định lý Ostrogradski – Gauss		- Sinh viên trình bày được khái niệm về điện trường và đặc điểm của vectơ cường độ điện trường. - Sinh viên trình bày được		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu	- Làm bài tập số 5 - Thảo luận nhóm	

	(Định lý O-G) 5.5. Điện thế, hiệu điện thế, mặt đẳng thế		khái niệm điện thông và phát biểu được nội dung định lý O – G. - Sinh viên trình bày được khái niệm, công thức tính điện thế, hiệu điện thế, mặt đẳng thế. - Sinh viên vận dụng được kiến thức đã học để giải được các bài toán trường tĩnh điện.		PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm		
7	Chương 5: Trường tĩnh điện						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	1/1/0		CLO 1,2,3			A3
	5.6. Hệ thức liên hệ giữa cường độ điện trường và điện thế		- Sinh viên trình bày được hệ thức liên hệ giữa cường độ điện trường và điện thế. - Sinh viên vận dụng được kiến thức đã học để giải được các bài toán trường tĩnh điện.		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài Thảo luận nhóm	- Làm bài tập số 5 Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO 1,2,			
	5.7. Vật dẫn trong điện trường 5.8. Năng lượng của trường tĩnh điện		- Sinh viên trình bày được tính chất của vật dẫn trong điện trường. - Sinh viên trình bày được công thức tính năng lượng của trường tĩnh điện của các vật dẫn trong điện trường.		- Tự học - Học nhóm	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 6: Trường tĩnh từ						
	Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2/1/0		CLO 1,2,3			A1.2
6.1. Dòng điện 6.2. Tương tác từ của dòng điện, định luật Ampere 6.3. Từ trường, véc tơ cảm		- Sinh viên trình bày được khái niệm dòng điện và đặc điểm tương tác từ của dòng điện. - Sinh viên phát biểu được		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu	- Làm bài tập chương 6 Thảo luận nhóm		

	ứng từ và véc tơ cường độ từ trường		<p>nội dung của định luật Ampere.</p> <p>- Sinh viên trình bày được khái niệm từ trường và đặc điểm các vectơ cảm ứng từ và vectơ cường độ từ trường.</p> <p>- Sinh viên vận dụng được các kiến thức được học để giải một số bài toán trong trường tĩnh từ.</p>		<p>PowerPoint</p> <p>- Phát biểu xây dựng bài</p> <p>Thảo luận nhóm</p>			
8	Chương 6: Trường tĩnh từ		-					
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2/3/0	-	CLO 1,2,3			A1.2	
	<p>6.4. Từ thông, định lý Ostrogradski - Gauss về từ thông</p> <p>6.5. Lưu số của cường độ từ trường, định lý về dòng điện toàn phần, ứng dụng</p> <p>6.6. Tác dụng của từ trường lên dòng điện- công của lực từ</p>		<p>Sinh viên trình bày được nội dung định lý O – G về từ thông.</p> <p>Sinh viên trình bày được nội dung định lý về dòng điện toàn phần.</p> <p>Sinh viên vận dụng được các kiến thức được học để giải các bài tập về định lý O – G về từ thông.</p> <p>Sinh viên trình bày được đặc điểm về tác dụng của từ trường lên dòng điện.</p>		<p>- Thuyết trình, giảng giải</p> <p>- Trình chiếu PowerPoint</p> <p>- Phát biểu xây dựng bài</p> <p>Thảo luận nhóm</p>	<p>- Làm bài tập chương 6</p> <p>Thảo luận nhóm</p>		
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	5/0/0	-	CLO 1,2				
	6.7. Tác dụng của từ trường lên dòng điện chuyển động		- Sinh viên trình bày được đặc điểm về tác dụng của từ trường lên dòng điện chuyển động.		<p>- Tự học</p> <p>- Học nhóm</p>	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà		
	Chương 7: Cảm ứng điện từ							
9	Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	3/2/0		CLO 1,2,3, 4			A1.2.	
	<p>7.1. Hiện tượng cảm ứng điện từ, các định luật cảm ứng điện từ</p> <p>7.2. Hiện tượng tự cảm. Hiện tượng hồ cảm</p> <p>7.3. Năng lượng từ trường</p>		<p>- Sinh viên trình bày được khái niệm và đặc điểm của hiện tượng cảm ứng điện từ, hiện tượng tự cảm và hồ cảm.</p> <p>- Sinh viên phát biểu được nội dung các định luật về</p>		<p>- Thuyết trình, giảng giải</p> <p>- Trình chiếu PowerPoint</p> <p>- Phát biểu</p>	<p>- Làm bài tập chương 7</p> <p>Thảo luận nhóm</p>		

	Báo cáo thuyết trình		cảm ứng điện từ và công thức tính năng lượng từ trường. - Sinh viên vận dụng được kiến thức được học để giải các bài tập về cảm ứng điện từ.		xây dựng bài Thảo luận nhóm		
	Chương 8: Vật liệu điện và từ						
	Các nội dung chính SV tự học ở nhà	30/0/0		CLO 1,2			
	8.1 Sự phân cực của chất điện môi 8.2 Véc tơ phân cực điện môi 8.3 Điện trường tổng hợp, trong chất điện môi 8.4 Điện môi Sécnhét; hiệu ứng áp điện 8.5 Phân loại các vật liệu từ 8.6 Tính chất từ của nguyên tử 8.7 Từ trường tổng hợp trong chất từ môi 8.8 Sắt từ		- Sinh viên trình bày được đặc điểm sự phân cực trong chất điện môi. - Sinh viên trình bày được đặc điểm điện môi Secnhet và hiệu ứng áp điện. - Sinh viên phân biệt được các loại vật liệu từ. - Sinh viên trình bày được tính chất từ trong nguyên tử. - Sinh viên trình bày được đặc điểm của từ trường tổng hợp trong chất từ môi. - Sinh viên trình bày được đặc điểm của sắt từ.		- Tự học - Học nhóm	- Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 9: Trường điện từ						
	Các nội dung chính SV tự học ở nhà	20/0/0		CLO 1,2			
	9.1 Luận điểm Maxwell thứ nhất, điện trường xoáy 9.2 Luận điểm Maxwell thứ hai, dòng điện dịch 9.3 Trường điện từ và hệ phương trình Maxwell		Sinh viên trình bày được các luận điểm của Maxwell Sinh viên trình bày khái niệm trường điện từ và viết được hệ phương trình Maxwell trong trường điện từ.		- Tự học - Học nhóm	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 10: Dao động điện từ và sóng điện từ						
	Các nội dung chính SV tự học ở nhà	20/0/0		CLO 1,2			

	học ở nhà						
	10.1. Dao động điện từ điều hòa 10.2. Dao động điện từ tắt dần 10.3. Dao động điện từ cưỡng bức. Hiện tượng cộng hưởng điện 10.4. Sóng điện từ		Sinh viên trình bày được về đặc điểm của các loại dao động điện từ. Sinh viên trình bày được khái niệm và đặc điểm cơ bản về sóng điện từ.		- Tự học - Học nhóm	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
Theo lịch thi	Kiểm tra kết thúc học phần			CLO1 ,2			A4

(*) Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương.
- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR. Tham khảo các phương pháp giảng dạy trong CTĐT ngành Công nghệ Kỹ thuật Điện – Điện tử.
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số....).

7. Học liệu:

Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	Lương Duyên Bình	2011	Vật lý đại cương (tập 1): Cơ học – Nhiệt học	NXB Giáo dục Việt Nam
2	Lương Duyên Bình	2010	Vật lý đại cương (tập 2): Điện học – Dao động và sóng	NXB Giáo dục Việt Nam
3	Lương Duyên Bình	2010	Bài tập Vật lý đại cương (tập 1): Cơ học – Nhiệt học	NXB Giáo dục Việt Nam
4	Lương Duyên Bình	2018	Bài tập Vật lý đại cương (tập 3): Điện học – Dao động và sóng	NXB Giáo dục Việt Nam
Sách, giáo trình tham khảo				
2	David Halliday Robert Resnick Jearl Walker	2016	Cơ sở vật lý (Tập 1)	NXB Giáo dục Việt Nam
2	David Halliday Robert Resnick Jearl Walker	2017	Cơ sở vật lý (Tập 3)	NXB Giáo dục Việt Nam

2	David Halliday Robert Resnick Jearl Walker	2015	Cơ sở vật lí (Tập 5) Điện học	NXB Giáo dục Việt Nam
---	--	------	-------------------------------	--------------------------

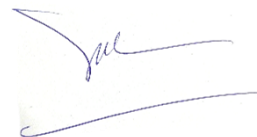
8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

Bảng 9.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
	Giảng đường			

Bình Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2019

P. TRƯỞNG KHOA



LÊ THỊ HIỀN

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: DUỘC

Mã số: 7720201

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC
GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH- HỌC PHẦN 1

2. Thông tin chung về HP

1.1 Mã học phần: 081099	1.2 Tên học phần: Đường lối quân sự của Đảng
1.3 Ký hiệu học phần:	1.4 Tên tiếng Anh: Military Education 1
1.5 Số tín chỉ:	02
1.6 Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	30 tiết
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	00 tiết
- Tự học:	60 tiết
1.7 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Trịnh Trọng Dương
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Giảng viên Bộ môn GDQP - TC
1.8 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần học trước:	
- Học phần song hành:	

3. Mô tả học phần:

- Giới thiệu Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh; Nghệ thuật quân sự Việt Nam.

- Điều kiện

- + Lớp học lý thuyết không quá 150 Sinh viên;
- + Lớp học thực hành không quá 40 Sinh viên.

4. Mục tiêu HP (Goals)

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)
G1	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc, nhận thức đúng về nguồn gốc, bản chất chiến tranh; các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, lực lượng vũ	PLO1,12

	trang nhân dân để tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Giúp sinh viên bước đầu tìm hiểu nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta và nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng	
G2	Nắm vững đường lối quân sự của Đảng trên cơ sở đó góp phần nâng cao nhận thức, xác định ý thức trách nhiệm, biết vận dụng trong hoạt động thực tiễn góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN	PLO1,12
G3	Xác lập phương pháp luận trong nghiên cứu các nội dung, xây dựng niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay	PLO1,9,12

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes-CLOs)

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR của học phần (CLOs)	Mô tả CLOs (Sau khi học xong môn học này, người học có thể:)
CLO 1	Trình bày được những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc, nhận thức đúng về nguồn gốc, bản chất chiến tranh; các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, lực lượng vũ trang nhân dân để tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.
CLO 2	Phân tích được nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta và nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng
CLO 3	Giải thích được đường lối quân sự của Đảng trên cơ sở đó góp phần nâng cao nhận thức, xác định ý thức trách nhiệm, biết vận dụng trong hoạt động thực tiễn góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN
CLO 4	Có niềm tin vững chắc vào sự lãnh đạo của Đảng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay

6. Môi quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Mức độ đóng góp của CLO vào PLO được xác định cụ thể:

- L (Low) – CLO có đóng góp ít vào PLO
- M (Medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO
- H (High) – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích:

- Các mức H – Cao, M – Vừa, L – Thấp – phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (L) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(mức M) hay mức thuần thục (H).

Bảng 5.1. Môi quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Chuẩn đầu ra HP (CLOs)	Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
CLO1	L								M	M	M	M
CLO2	M								M	M	M	M

CLO3	H							M	M	M	H
CLO4	H							H	H	H	H
Tổng hợp	H							M	M	M	H

7. Nội dung học phần:

STT	Nội dung	Thời gian (tiết)		
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành
1	Đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn học	2	2	
2	Quan điểm cơ bản của Chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc	6	6	
3	Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa	4	4	
4	Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa	4	4	
5	Xây dựng lực lượng Vũ trang nhân dân Việt Nam	4	4	
6	Kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại	4	4	
7	Những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam	6	6	
	Cộng	30	30	

8. Tài liệu tham khảo:

TT	Tên tài liệu	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
Giáo trình chính				
[1]	Giáo dục QP-AN tập 1 (dùng cho SV các trường Đại học, Cao đẳng)	Đào Huy Hiệp,	Giáo dục	2009
[2]	Giáo dục QP-AN tập 2 (dùng cho SV các trường Đại học, Cao đẳng)	Nguyễn Tiến Hải,	Giáo dục	2008
Tài liệu tham khảo				
[3]	Tài liệu tập huấn giáo viên GDQP-AN	Vụ GDQP	Vụ GDQP	2012
[4]	Tập bài giảng của Giảng viên	Giảng viên		

9. Phương pháp dạy/học:

- Thuyết trình, sử dụng bảng chiếu, trình bày powerpoint;
- Nêu vấn đề, chủ đề, đặt câu hỏi cho từng nhóm và từng cá nhân nghiên cứu giải quyết, viết bài thu hoạch;
- Lấy ví dụ, mô phỏng, minh họa làm rõ nội dung;
- Sinh viên đọc tài liệu, chuẩn bị bài trước khi lên lớp.

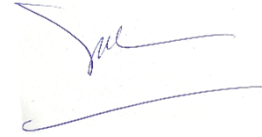
10. Phương pháp đánh giá:

Những nội dung cần đánh giá	Số lần đánh giá	Trọng số (%)
-----------------------------	-----------------	--------------

Dự lớp, chuyên cần	Thường xuyên	40%
Thảo luận	Theo bài	
Kiểm tra giữa học phần	01 lần	
Thi kết thúc học phần	01 lần	60%
		Tổng: 100%

Bình Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2019

P. TRƯỞNG KHOA



LÊ THỊ HIỀN

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: DUỠC

Mã số: 7720201

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC
GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH- HỌC PHẦN 2

1. Thông tin chung về HP

1.1. Mã học phần: 081100	1.7. Tên học phần: Công tác quốc phòng và an ninh 2
1.2. Ký hiệu học phần:	1.8. Tên tiếng Anh: Military Education 2
1.3. Số tín chỉ:	02
1.4. Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	30 tiết
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	00 tiết
- Tự học:	60 tiết
1.5. Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Nguyễn Danh Lưu
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Giảng viên Bộ môn GDQP - TC
1.6. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần học trước:	Giáo dục quốc phòng và an ninh 1
- Học phần song hành:	

2. Mô tả học phần:

- Giới thiệu Phòng chống chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; phòng chống địch tiến công hoá lực bằng vũ khí công nghệ cao; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp quốc phòng; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia; một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội; những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

- Điều kiện:

- + Lớp học lý thuyết không quá 150 Sinh viên
- + Lớp học thực hành không quá 40 Sinh viên

3. Mục tiêu HP (Goals)

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)
G1	Hiểu về âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, trên cơ sở đó đấu tranh,	PLO1, 12

	phòng chống chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch; đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam giữ gìn an ninh chính trị và bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam XHCN, các kiến thức về chiến tranh công nghệ cao; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, phong trào toàn dân đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội, bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội; bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ biên giới, biển đảo Việt Nam.	
G2	Nắm vững các nội dung công tác quốc phòng - an ninh vận dụng linh hoạt, sáng tạo kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn	PLO1,12
G3	Xây dựng niềm tin chiến thắng trong phòng chống chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN	PLO1,9-12

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes-CLOs)

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR của học phần (CLOs)	Mô tả CLOs (Sau khi học xong môn học này, người học có thể:)
CLO 1	Trình bày được các âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, trên cơ sở đó đấu tranh, phòng chống chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch; đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam giữ gìn an ninh chính trị và bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam XHCN.
CLO 2	Giải thích được chiến tranh công nghệ cao; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, phong trào toàn dân đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội, bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội; bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ biên giới, biển đảo Việt Nam
CLO 3	Giải thích được các nội dung công tác quốc phòng - an ninh vận dụng linh hoạt, sáng tạo kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn
CLO 4	Có niềm tin chiến thắng trong phòng chống chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN

5. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Mức độ đóng góp của CLO vào PLO được xác định cụ thể:

- L (Low) – CLO có đóng góp ít vào PLO
- M (Medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO
- H (High) – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích:

- Các mức H – Cao, M – Vừa, L – Thấp – phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (L) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(mức M) hay mức thuần thực (H).

Bảng 5.1. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Chuẩn đầu ra HP (CLOs)	Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
CLO1	L								L	L	L	M

CLO2	M							M	M	M	H
CLO3	H							H	M	M	H
CLO4	H							H	H	H	H
Tổng hợp	H							H	M	M	H

6. Nội dung học phần:

STT	Nội dung	Thời gian (tiết)		
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành
1	Phòng, chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam	4	4	
2	Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp quốc phòng	6	6	
3	Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới	4	4	
4	Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo, đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam	4	4	
5	Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội	4	4	
6	Những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội	2	2	
7	Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc	2	2	
8	An ninh phi truyền thống và đấu tranh phòng chống các đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam	4	4	
	Cộng	30	30	

7. Tài liệu tham khảo:

TT	Tên tài liệu	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
Giáo trình chính				
[1]	Giáo dục QP-AN tập 1 (dùng cho SV các trường Đại học, Cao đẳng)	Đào Huy Hiệp,	Giáo dục	2009
[2]	Giáo dục QP-AN tập 2 (dùng cho SV các trường Đại học, Cao đẳng)	Nguyễn Tiến Hải,	Giáo dục	2008
Tài liệu tham khảo				
[3]	Tài liệu tập huấn giáo viên GDQP-AN	Vụ GDQP	Vụ GDQP	2012
[4]	Tập bài giảng của Giảng viên	Giảng viên		

8. Phương pháp dạy/học:

- Thuyết trình, sử dụng bảng chiếu, trình bày powerpoint;
- Nêu vấn đề, chủ đề, đặt câu hỏi cho từng nhóm và từng cá nhân chuẩn bị, thảo luận, thuyết trình trước lớp;
- Lấy ví dụ, mô phỏng, minh họa làm rõ nội dung;

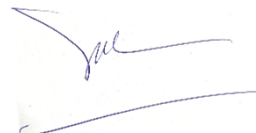
- Sinh viên đọc tài liệu, chuẩn bị bài trước khi lên lớp.

9. Phương pháp đánh giá:

Những nội dung cần đánh giá	Số lần đánh giá	Trọng số (%)
Dự lớp, chuyên cần	Thường xuyên	40%
Thuyết trình, Thảo luận	03 lần	
Kiểm tra giữa học phần	01 lần	
Thi kết thúc học phần	01 lần	60%
		Tổng: 100%

Bình Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2019

P. TRƯỞNG KHOA



LÊ THỊ HIỀN

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: DƯỢC

Mã số: 7720201

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC
GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH- HỌC PHẦN 3,4

1. Thông tin chung về HP

1.1. Mã học phần: 081101	1.7. Tên học phần: Giáo dục quốc phòng và an ninh 3,4
1.2. Ký hiệu học phần:	1.8. Tên tiếng Anh: Military Education 3,4
1.3. Số tín chỉ:	04
1.4. Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	30 tiết
- Thực hành:	85 tiết
- Tự học:	145 tiết
1.5. Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	CN. Lê Văn Hải
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Giảng viên Bộ môn GDQP - TC
1.6. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần học trước:	Giáo dục quốc phòng và an ninh 2
- Học phần song hành:	

2. Mô tả học phần:

-Đội ngũ đơn vị và ba môn quân sự phối hợp; sử dụng bản đồ địa hình quân sự; giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh; thuốc nổ; phòng chống vũ khí hủy diệt lớn; cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh; từng người trong chiến đấu tiên công và phòng ngự; kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC). Giới thiệu chung về tổ chức lực lượng các quân, binh chủng, theo các nhóm ngành khác nhau; lịch sử truyền thống quân, binh chủng; tham quan các học viện, nhà trường, đơn vị, bảo tàng.

- Điều kiện tiên quyết:

- + Lớp học lý thuyết không quá 150 Sinh viên
- + Lớp học thực hành không quá 40 Sinh viên

3. Mục tiêu HP (Goals)

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)
G1	Hiểu biết những kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ	PLO 1,9-12

	quốc; hiểu biết và sử dụng được một số loại phương tiện, vũ khí thông thường; có kiến thức về chiến thuật bộ binh; biết cách phòng, tránh vũ khí hủy diệt lớn và thành thạo kỹ thuật băng bó, cứu thương. Trang bị kiến thức về tổ chức lực lượng các quân, binh chủng, theo các nhóm ngành khác nhau; lịch sử truyền thống quân, binh chủng.	
G2	Hiểu biết một số kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân; thuần thục kỹ năng cơ bản của người chiến sĩ bộ binh trong huấn luyện và chiến đấu, biết vận dụng trong hoạt động dân quân tự vệ, phòng thủ dân sự và hoạt động thể thao quốc phòng; biết sử dụng một số loại vũ khí bộ binh, thành thạo kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC).	PLO 1,9-12
G3	Rèn luyện phẩm chất, bản lĩnh chính trị vững vàng; xây dựng tác phong nhanh nhẹn; hình thành nếp sống có kỷ luật trong sinh hoạt tập thể, ý thức cộng đồng ở trường, lớp và khi ra công tác.	PLO 1,9-12

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes-CLOs)

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR của học phần (CLOs)	Mô tả CLOs (Sau khi học xong môn học này, người học có thể:)
CLO 1	Trình bày được những kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc; hiểu biết và sử dụng được một số loại phương tiện, vũ khí thông thường; có kiến thức về chiến thuật bộ binh; biết cách phòng, tránh vũ khí hủy diệt lớn và thành thạo kỹ thuật băng bó, cứu thương
CLO 2	Giải thích được về tổ chức lực lượng các quân, binh chủng, theo các nhóm ngành khác nhau; lịch sử truyền thống quân, binh chủng.
CLO 3	Trình bày được một số kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân; thuần thục kỹ năng cơ bản của người chiến sĩ bộ binh trong huấn luyện và chiến đấu, biết vận dụng trong hoạt động dân quân tự vệ, phòng thủ dân sự và hoạt động thể thao quốc phòng; biết sử dụng một số loại vũ khí bộ binh, thành thạo kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC).
CLO 4	Có phẩm chất, bản lĩnh chính trị vững vàng; xây dựng tác phong nhanh nhẹn; hình thành nếp sống có kỷ luật trong sinh hoạt tập thể, ý thức cộng đồng ở trường, lớp và khi ra công tác.

5. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Mức độ đóng góp của CLO vào PLO được xác định cụ thể:

- L (Low) – CLO có đóng góp ít vào PLO
- M (Medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO
- H (High) – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích:

- Các mức H - Cao, M - Vừa, L - Thấp - phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (L) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(mức M) hay mức thuần thục (H).

Bảng 5.1. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Chuẩn đầu ra HP (CLOs)	Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
CLO1	L								M	L	L	M
CLO2	M								M	M	M	H
CLO3	H								M	M	M	H
CLO4	H								H	M	M	H
Tổng hợp	H								M	M	M	H

6. Nội dung học phần

STT	Nội dung	Thời gian (tiết)		
		Tổng số tiết	Lý thuyết	Thực hành
1	Đội ngũ đơn vị (trung đội)	6		6
2	Sử dụng bản đồ địa hình quân sự	8	4	4
3	Phòng chống địch tiến công bằng vũ khí công nghệ cao	8	6	2
4	Ba môn quân sự phối hợp	6	2	4
5	Trung đội bộ binh tiến công	14	2	12
6	Trung đội bộ binh phòng ngự	12	2	10
7	Kỹ thuật bắn súng ngắn	21	2	19
8	Thực hành sử dụng một số loại lựu đạn Việt Nam	10	2	8
9	Giới thiệu chung về tổ chức lực lượng các quân, binh chủng	6	6	
10	Lịch sử, truyền thống quân, binh chủng	4	4	
11	Tham quan các học viện, nhà trường, đơn vị, bảo tàng...	8		8
12	Thu hoạch	2		2
	Cộng	105	30	75

7. Tài liệu tham khảo:

TT	Tên tài liệu	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
Giáo trình chính				
[1]	Giáo dục QP-AN tập 1 (dùng cho SV các trường Đại học, Cao đẳng)	Đào Huy Hiệp	Giáo dục	2009
[2]	Giáo dục QP-AN tập 2 (dùng cho SV các trường Đại học, Cao đẳng)	Nguyễn Tiến Hải	Giáo dục	2008
Tài liệu tham khảo				
[3]	Tài liệu tập huấn giáo viên GDQP-AN	Vụ GDQP	Vụ GDQP	2012
[4]	Tập bài giảng của Giảng viên	Giảng viên		

8. Phương pháp dạy/học:

- Thuyết trình, sử dụng bảng chiếu, trình bày powerpoint;
- Nêu vấn đề, đặt câu hỏi cho từng nhóm và từng cá nhân nghiên cứu giải quyết;

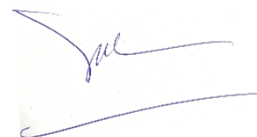
- Lấy ví dụ, mô phỏng, minh họa làm rõ nội dung;
- Làm động tác mẫu, hướng dẫn luyện tập, thực hiện sai đâu sửa đấy;
- Sinh viên đi tham quan các đơn vị, về làm bài thu hoạch
- Sinh viên đọc tài liệu, chuẩn bị bài trước khi lên lớp.

9. Phương pháp đánh giá:

Những nội dung cần đánh giá	Số lần đánh giá	Trọng số (%)
Dự lớp, chuyên cần	Thường xuyên	40%
Thảo luận	01 lần, theo bài	
Luyện tập	Các bài thực hành	
Kiểm tra giữa học phần	01 lần	
Bài thu hoạch	01 lần	
Thi kết thúc học phần	01 lần	60%
		Tổng: 100%

Bình Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2019

P. TRƯỞNG KHOA



LÊ THỊ HIỀN

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: DƯỢC

Mã số: 7720201

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về HP

1.1 Mã học phần: 081106	1.2 Tên học phần: GIÁO DỤC THỂ CHẤT 1
1.3 Ký hiệu học phần: KT	1.4 Tên tiếng Anh: Physical Education 1
1.5 Số tín chỉ:	01
1.6 Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	08 tiết
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	22 tiết
- Tự học:	30 tiết
1.7 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	CN. Lê Hà Dương
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	
1.8 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần học trước:	
- Học phần song hành:	

2. Mô tả học phần:

Học phần gồm có 03 phần chính: Lịch sử phát triển TDTT, cơ sở khoa học của GDTC; Thể dục cơ bản (9 động tác tay không), thể dục phát triển chung (chạy cự ly trung bình, chạy cự ly ngắn); Giới thiệu một số luật thi đấu các môn thể thao.

3. Mục tiêu HP (Goals)

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)
G1	Biết lịch sử phát triển TDTT và cơ sở khoa học của GDTC	PLO 1
G2	Thực hiện được bài tập thể dục cơ bản (9 động tác tay không). Giúp cho sinh viên hiểu rõ lợi ích của việc tập luyện thể dục thể thao	PLO 1
G3	Trang bị một số kiến thức, kỹ năng cần thiết và phương pháp tập luyện hợp lý nhằm phát triển các tố chất vận động, bảo vệ tăng cường sức khỏe, nâng cao thể lực để học tập và tham gia lao động sản xuất	PLO 1,9-12
G4	Giáo dục đạo đức, nhân cách, phẩm chất ý chí, tinh tập thể, tinh thần vượt khó.	PLO 9-12

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes-CLOs)

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR của học phần (CLOs)	Mô tả CLOs (Sau khi học xong môn học này, người học có thể:)
CLO 1	Trình bày được lịch sử phát triển TDTT thế giới và Việt Nam, tập luyện đúng phương pháp, đúng kỹ thuật động tác góp phần vào việc nâng cao sức khỏe, vệ sinh trong tập luyện TDTT
CLO 2	Phát triển tố chất cơ thể: sức nhanh, sức mạnh, sức bền, linh hoạt, khéo léo của sinh viên để có những bài tập, lượng vận động phù hợp.
CLO 3	Kỹ năng làm việc nhóm và trình bày trước đám đông
CLO 4	Biết được cơ bản một số luật thi đấu môn Điền kinh để áp dụng tập luyện và thi đấu.

5. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Mức độ đóng góp của CLO vào PLO được xác định cụ thể:

- L (Low) – CLO có đóng góp ít vào PLO; M (Medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO
- H (High) – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích:

- Các mức H - Cao, M - Vừa, L - Thấp - phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (L) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(mức M) hay mức thuần thục (H).

Bảng 5.1. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Chuẩn đầu ra HP (CLOs)	Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
CLO1	L								L	L	L	M
CLO2	M								M	L	M	H
CLO3	H								H	M	M	H
CLO4	H								H	M	M	H
Tổng hợp	H								H	M	M	H

6. Đánh giá HP

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP

H/phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric	Lquan đến CLO nào ở Bảng 5.1	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	10%	Tham dự lớp học 100%			CLO 1,2,3,4	
A2. Đánh giá giữa kỳ	30%	Thực hiện bài thể dục cơ bản (9 động tác tay không)			CLO 1	- GV hướng dẫn sinh viên buổi học đầu tiên.
A3. Đánh giá cuối kỳ	60%	Bài ktra cuối kỳ: Chạy cự ly trung bình			CLO 2,4	- GV tính thành tích từng sinh viên

		800m nữ và 1500m nam				
--	--	----------------------	--	--	--	--

- (7) PP đánh giá đạt CDR: Nêu tên các PP đánh giá sử dụng trong từng chương để đạt CDR. Tham khảo các phương pháp đánh giá trong CTĐT ngành Dược học.

6.2. Chính sách đối với HP

- SV tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $>20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP

Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần

Tuần/ (4 tiết/tuầ n)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/TH /TT)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở Bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 Bảng 6.1
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Chương I. Sơ lược về lịch sử phát triển thể dục thể thao trên thế giới và Việt Nam						
	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2/0/0		CLO1			
	I. Lịch sử phát triển thể dục thể thao (TDTT) ở trên thế giới II. Lịch sử phát triển TDTT ở Việt Nam:		- Thời kỳ phát triển TDTT thế giới - Vai trò, vị trí TDTT trong trường Đại học		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint	- Nghe giảng, thảo luận nhóm	
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/2		CLO1			
	I. Nghiên cứu giáo trình, bài giảng môn GDTC		- Nắm được một số kiến thức cơ bản về TDTT bảo vệ và nâng cao sức khỏe toàn diện	-	- Tự học - Học nhóm	- Giáo trình trang 1, 2	
2	Chương 2: Cơ sở khoa học của giáo dục thể chất						
	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2/0/0		CLO1			
	I. Sự thống nhất giữa cơ thể con người II. Vệ sinh trong tập luyện TDTT		- Biết vận động hợp lý để tăng cường sức khỏe, chống lại bệnh tật và phát triển tất cả các bộ phận cơ quan trong cơ thể một cách toàn diện và cân đối - Biết vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường, tuyên truyền cổ động cho mọi người.	-	- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Thảo luận nhóm	
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/2		CLO1			
	I. Nghiên cứu giáo trình, bài giảng môn GDTC		- Tập luyện TDTT là một trong những biện pháp tích cực nhất, tự nhiên nhất và ít tốn kém nhất để tăng cường sức khỏe - Biết cách vệ sinh cá nhân trong tập luyện thể dục thể thao			Giáo trình trang 2, 3	

3	Chương 3: Thể dục cơ bản (9 động tác tay không), thể dục phát triển chung (chạy cự ly trung bình, chạy cự ly ngắn)						
	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	4/22/22		CLO2, 3,4			A2
	I. Khái niệm, vị trí của thể dục II. Thực hành bài thể dục cơ bản III. Thực hành thể dục phát triển chung, một số luật các môn thể thao		- Biết được vị trí và khái niệm của TĐTT - Thực hiện được bài thể dục 9 động tác tay không - Thực hiện được các kỹ thuật và hoàn thành thể dục phát triển chung	-	- Thuyết trình, giảng giải - SV thực hiện các kỹ thuật động tác - Thực hiện theo nhóm		- Làm theo nhóm
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/4		CLO2, 3,4			
	I. Thực hành các bài thể dục cơ bản và các kỹ thuật phát triển chung		- Thực hiện đúng các kỹ thuật và thành tích đã đề ra				Giáo trình trang 4 đến trang 37
Theo lịch thi	Thi kết thúc			CLO1, 2,3,4			A3

(*) Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương.
- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR. Tham khảo các phương pháp giảng dạy trong CTĐT ngành Dược học.
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số....).

8. Học liệu:

Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	Nguyễn Toán	2018	Giáo trình Lý luận và phương pháp thể dục thể thao	NXB Thể dục thể thao
Sách, giáo trình tham khảo				
2	KTKTBĐ	2016	Bài giảng môn Giáo dục thể chất trường Đại học KTKTBĐ	
3	Tổng cục TĐTT	2018	Luật điền kinh	Thể thao và du lịch
4	Quý Lâm, Kim Phượng	2015	Hướng dẫn Công tác y tế, giáo dục thể chất, hoạt động thể thao & phòng chống tệ nạn xã hội trong nhà trường	NXB Lao động

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

Bảng 9.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	

1	Giảng đường	Micro, âm thanh, máy chiếu, bảng, phấn	01 bộ	
2	Sân thể thao có đường chạy	Sân bãi học tập thoáng mát, rộng rãi, bằng phẳng		

Bình Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2019

P. TRƯỞNG KHOA



LÊ THỊ HIỀN

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: DƯỢC HỌC

Mã số: 7720201

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về HP

1.1 Mã học phần: 081019	1.2 Tên học phần: GIÁO DỤC THỂ CHẤT 2
1.3 Ký hiệu học phần: KT	1.4 Tên tiếng Anh: Physical Education 2
1.5 Số tín chỉ:	02
1.6 Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	08 tiết
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	37 tiết
- Tự học:	45 tiết
1.7 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	CN. Lê Hà Dương
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	
1.8 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần học trước:	GDTC 1
- Học phần song hành:	

2. Mô tả học phần:

Học phần gồm có 03 phần chính: Lịch sử hình thành, phát triển môn Bóng chuyền trên thế giới và Việt Nam; Kỹ thuật chuyên bóng thấp tay, cao tay, phát bóng; Một số luật căn bản trong môn bóng chuyền.

3. Mục tiêu HP (Goals)

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)
G1	Biết lịch sử hình thành và phát triển môn bóng chuyền trên thế giới và của Việt Nam	PLO 1
G2	Thực hiện tốt kỹ thuật chuyên bóng thấp tay và chuyên bóng cao tay	PLO 1,9-12
G3	Thực hiện tốt kỹ thuật phát bóng cao tay đối với nam và thấp tay đối với nữ	PLO 1,9-12
G4	Biết một số luật cơ bản trong môn bóng chuyền.	PLO 1

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes-CLOs)

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR của học phần (CLOs)	Mô tả CLOs (Sau khi học xong môn học này, người học có thể:)
CLO 1	Biết được lịch sử hình thành và phát triển môn bóng chuyền trên thế giới và của Việt Nam. Giúp sinh viên hiểu và tập luyện đúng phương pháp, đúng kỹ thuật động tác góp phần vào việc nâng cao sức khỏe.
CLO 2	Thực hiện tốt các kỹ thuật trong môn Bóng chuyền. Phát triển tố chất cơ thể: sức nhanh, sức mạnh, sức bền, linh hoạt, khéo léo của sinh viên để có những bài tập, lượng vận động phù hợp.
CLO 3	Kỹ năng làm việc nhóm, phối hợp đồng đội, tinh thần đoàn kết.
CLO 4	Biết được cơ bản một số luật thi đấu môn Bóng chuyền để áp dụng tập luyện và thi đấu.

5. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CĐR của chương trình (PLOs)

Mức độ đóng góp của CLO vào PLO được xác định cụ thể:

- L (Low) – CLO có đóng góp ít vào PLO
- M (Medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO
- H (High) – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích:

- Các mức H - Cao, M - Vừa, L - Thấp - phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (L) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(mức M) hay mức thuần thục (H).

Bảng 5.1. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CĐR của chương trình (PLOs)

Chuẩn đầu ra HP (CLOs)	Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
CLO1	L								L	L	L	M
CLO2	M								M	M	M	H
CLO3	H								M	M	M	H
CLO4	H								M	M	M	H
Tổng hợp	H								M	M	M	H

6. Đánh giá HP

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP

H/phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric	Lquan đến CLO nào ở Bảng 5.1	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	10%	Tham dự lớp học 100%			CLO 1,2,3,4	
A2. Đánh giá giữa kỳ	30%	Thực hiện kỹ thuật chuyên bóng thấp tay vào ô quy định			CLO 2	- GV hướng dẫn sinh viên buổi học kỹ thuật đầu tiên. Tính thành tích từng sinh viên
A3. Đánh giá cuối kỳ	60%	Thực hiện kỹ thuật phát bóng vào nơi quy định			CLO 2	- GV tính thành tích từng sinh viên

- (7) PP đánh giá đạt CDR: Nêu tên các PP đánh giá sử dụng trong từng chương để đạt CDR. Tham khảo các phương pháp đánh giá trong CTĐT ngành Dược học.

6.2. Chính sách đối với HP

- SV tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $>20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP

Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần

Tuần/ (4 tiết/tuần n)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/TH /TT)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở Bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 Bảng 6.1
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Chương I: Sự hình thành và phát triển môn Bóng chuyền trên thế giới và Việt Nam						
	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2/0/0		CLO1			
	I. Sự hình thành và phát triển môn bóng chuyền thế giới II. Lịch sử hình thành và phát triển môn Bóng chuyền ở Việt Nam qua các thời kỳ		- Thời kỳ phát triển môn bóng chuyền thế giới. - Thời kỳ phát triển môn bóng chuyền của Việt Nam	-	- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint	- Nghe giảng, thảo luận nhóm	
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/2		CLO1			
	I. Nghiên cứu giáo trình, bài giảng môn Bóng chuyền		- Nắm được một số kiến thức cơ bản về lịch sử phát triển môn Bóng chuyền	-	- Tự học	- Giáo trình từ trang 1 đến trang 5	
2	Chương 2: Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay bằng 2 tay						A2
	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2/10/5		CLO2, 3			
	I. Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay II. Những lỗi hay mắc phải III. Bài tập		- Biết tư thế chuẩn bị, tư thế đứng, di chuyển, hình tay, xác định được điểm rơi của bóng	-	- Thuyết trình, giảng giải - Hướng dẫn sinh viên thực hiện các động tác	- Thực hiện các kỹ thuật động tác và bài tập do GV hướng dẫn	
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/10		CLO2, 3			
	I. Nghiên cứu giáo trình, bài giảng môn GDTC II. Tập luyện các kỹ thuật đã được GV hướng dẫn		- Biết kỹ thuật chuyền bóng thấp tay và các bài tập hỗ trợ cho kỹ thuật			Giáo trình từ trang 6 đến trang 8	
3	Chương 3, 4: Kỹ thuật chuyền bóng cao tay bằng 2 tay						
	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2/15/5		CLO2, 3			A2

	I. Kỹ thuật chuyên bóng thấp tay II. Những lỗi hay mắc phải III. Bài tập		- Biết tư thế chuẩn bị, tư thế đứng, di chuyển, hình tay, xác định được điểm rơi của bóng, tiếp xúc bóng	-	- Thuyết trình, giảng giải - Hướng dẫn sinh viên thực hiện các động tác	- Thực hiện các kỹ thuật động tác và bài tập do GV hướng dẫn	
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/10		CLO2, 3			
	I. Nghiên cứu giáo trình, bài giảng môn GDTC II. Tập luyện các kỹ thuật đã được GV hướng dẫn		- Biết kỹ thuật chuyên bóng cao tay và các bài tập hỗ trợ cho kỹ thuật			Giáo trình từ trang 8 đến trang 11	
4	Chương 5: Kỹ thuật phát bóng và một số luật thi đấu						
	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2/12/10		CLO2, 3,4			
	I. Kỹ thuật phát bóng cao tay đối với nam, thấp tay đối với nữ II. Những lỗi hay mắc phải III. Bài tập IV. Một số luật bóng chuyền		- Biết tư thế chuẩn bị, tư thế đứng, di chuyển, hình tay, xác định được điểm rơi của bóng, tiếp xúc bóng - Biết một số luật trong môn bóng chuyền	-	- Thuyết trình, giảng giải, thảo luận - Hướng dẫn sinh viên thực hiện các động tác	- Thực hiện các kỹ thuật động tác và bài tập do GV hướng dẫn - Thảo luận nhóm, nghe giảng	
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/3		CLO2, 3,4			
	I. Nghiên cứu giáo trình, bài giảng môn GDTC II. Tập luyện các kỹ thuật đã được GV hướng dẫn III. Nghiên cứu giáo trình một số luật môn bóng chuyền		- Biết kỹ thuật phát bóng và các bài tập hỗ trợ cho kỹ thuật - Biết luật môn bóng chuyền	-	-	- Giáo trình từ trang 11 đến trang 47	
Theo lịch thi	Thi kết thúc			CLO2			A3

(*) Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương.
- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR. Tham khảo các phương pháp giảng dạy trong CTĐT ngành Dược học.
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số....).

8. Học liệu:

Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	Trần Hùng	2014	Những nguyên tắc bóng chuyền cơ bản	NXB Bách khoa Hà Nội
Sách, giáo trình tham khảo				
2	KTKTBD	2016	Bài giảng môn bóng chuyền trường Đại học	

			Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương	
3	Tổng cục Thể dục thể thao	2018	Luật bóng chuyền và luật bóng chuyền bãi biển	NXB Thể dục thể thao
4	Quý Lâm, Kim Phượng	2015	Hướng dẫn Công tác y tế, giáo dục thể chất, hoạt động thể thao & phòng chống tệ nạn xã hội trong nhà trường	NXB Lao động

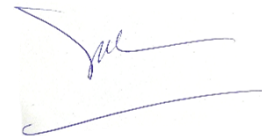
9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

Bảng 9.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường	Micro, âm thanh, máy chiếu, bảng, phấn	01 bộ	
2	Sân thể thao bóng chuyền	Sân bãi học tập thoáng mát, rộng rãi, bằng phẳng, cột, lưới, bóng	02 sân	

Bình Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2019

P. TRƯỞNG KHOA



LÊ THỊ HIỀN

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Dược

Mã số: 7720201

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.9 Mã học phần: 071070	1.10 Tên học phần: GIẢI PHẪU
1.11 Ký hiệu học phần:	1.12 Tên tiếng Anh: Anatomy
1.13 Số tín chỉ: 02	
1.14 Phân bố thời gian: Học kỳ	
- Lý thuyết:	15 tiết
- Thực tập:	30 tiết
- Tự học:	30 tiết
1.7. Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	
1.8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	không
- Học phần song hành:	Không

2. Mô tả học phần:

Trang bị cho sinh viên kiến thức về vị trí, hình dạng, đặc điểm cấu tạo giải phẫu và mô học của các cơ quan trong cơ thể người. Qua đó sinh viên có thể mô tả chi tiết được các đặc điểm cấu tạo giải phẫu và mô học của các hệ tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, sinh dục, thần kinh, vận động.

3. Mục tiêu học phần (Goals)

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)
G1	Kiến thức về vị trí, hình thái, đặc điểm cấu tạo giải phẫu và mô học của các hệ tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, sinh dục, thần kinh, vận động trong cơ thể người	PLO1
G2	Có khả năng mô tả được đặc điểm cấu tạo giải phẫu và mô học giải phẫu của các hệ tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, sinh dục, thần kinh, vận động trong cơ thể người	PLO1
G3	Có khả năng xác định được một số vị trí mốc giải phẫu chi tiết của các hệ tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, sinh	PLO1

	đục, thần kinh, vận động trên cơ thể người.	
G4	Có khả năng phân phối, hướng dẫn sử dụng thuốc cho bệnh nhân thông qua cơ chế hấp thu thuốc ở các hệ cơ quan trong cơ thể.	PLO2,3,4
G5	<i>Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm.</i> Tuân thủ các chuẩn mực về đạo đức và thực thi trách nhiệm đối với xã hội.	PLO4,11,12

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes-CLOs)

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR của học phần (CLOs)	Mô tả CLOs (Sau khi học xong môn học này, người học có thể:)
CLO1	Có kiến thức và khả năng xác định được vị trí, hình thái, đặc điểm cấu tạo giải phẫu và mô học hệ thần kinh.
CLO2	Có kiến thức khả năng xác định được vị trí, hình thái, đặc điểm cấu tạo giải phẫu và mô học hệ tuần hoàn
CLO3	Có kiến thức khả năng xác định được vị trí, hình thái, đặc điểm cấu tạo giải phẫu và mô học hệ hô hấp.
CLO4	Có kiến thức khả năng xác định được vị trí, hình thái, đặc điểm cấu tạo giải phẫu và mô học hệ tiêu hóa.
CLO5	Có kiến thức khả năng xác định được vị trí, hình thái, đặc điểm cấu tạo giải phẫu và mô học hệ tiết niệu.
CLO6	Có kiến thức khả năng xác định được vị trí, hình thái, đặc điểm cấu tạo giải phẫu và mô học hệ sinh dục.
CLO7	Có kiến thức khả năng xác định được vị trí, hình thái, đặc điểm cấu tạo giải phẫu và mô học hệ vận động.
CLO8	Có khả năng xây dựng danh mục thuốc, thực hiện nhiệm vụ được giao tại các vị trí trong bệnh viện.
CLO9	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm.

5. Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Bảng 5.1. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Chuẩn đầu ra HP (CLOs)	Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
CLO1	X	X	X	X	X				X			
CLO2	X	X	X	X	X				X			
CLO3	X	X	X	X	X				X			
CLO4	X	X	X	X	X				X			

CLO5	X	X	X	X	X				X			
CLO6	X	X	X	X	X				X			
CLO7	X	X	X	X	X				X			
CLO8		X	X	X	X				X			
CLO9		X	X	X	X				X	X	X	X
Tổng hợp		X	X	X	X				X	X	X	X

6. Đánh giá học phần

6.1 Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của sinh viên ở học phần

Học phần đánh giá	Trọng số (%)	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Liên quan đến CLO nào ở Bảng 5.1	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
PHẦN LÝ THUYẾT						
A1. Chuyên cần	20	A1.1. Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	50	R1	CLO 1,2,3,4,5,6,7,8	Đánh giá chuyên cần
		A1.2. Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, giáo viên quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	50			
A2. Đánh giá giữa kỳ	20	A2.1. Tuần 2: Sinh viên làm bài kiểm tra viết.		Kiểm tra viết	CLO 2,3	Kiểm tra viết
A3. Đánh giá cuối kỳ	60	Bài kiểm tra cuối kỳ: Kiểm tra trắc nghiệm.		Kiểm tra trắc nghiệm	CLO 1,2,3,4,5,6,7,8.	Kiểm tra trắc nghiệm
PHẦN THỰC HÀNH						
A4. Đánh giá kỹ	40	A4.1. Tất cả các buổi đều kiểm tra đánh giá (Trung bình chung các buổi thực hành là điểm giữa kỳ).		R	CLO 1,2,3,4,5,	

năng	60	A4.2. Kiểm tra cuối kỳ			6,7,8	
------	----	------------------------	--	--	-------	--

6.2. Chính sách đối với học phần

- Phần lý thuyết

+ Sinh viên tham dự $\geq 80\%$ số buổi của học phần. Nếu nghỉ $> 20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc học phần.

- Phần thực hành:

+ Tham dự tất cả các buổi thực hành là điều kiện bắt buộc để ra điểm giữa quá trình và điểm kết thúc môn học.

+ Kiểm tra giữa kỳ môn học: Giảng viên đánh giá cho điểm từng sinh viên trong từng buổi học theo các tiêu chí kỹ năng và sản phẩm thực hành. Điểm giữa kỳ môn học là điểm trung bình đánh giá sinh viên trong từng buổi học theo bảng kiểm của giáo viên.

+ Thi cuối kỳ môn học theo hình thức OSPE gồm kính hiển khoảng 20 trạm nhận dạng các mô hình.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần theo tuần

Tuần (5 tiết/tuần)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/T H/TT)	Chuẩn đầu ra của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở Bảng 4.1	Phương pháp giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của sinh viên(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 Bảng 6.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Buổi 1.						
	1.1. ĐẠI CƯƠNG MÔN GIẢI PHẪU						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	1/0/0		CLO 1,2,3			A1.
	1.1. 1. Nhập môn giải phẫu - Định nghĩa, đối tượng nghiên cứu - Vị trí của môn giải phẫu - Lịch sử phát triển 1.1.2. Đặc điểm về cơ thể sống 1.1.3. Điều hòa chức năng		- Trình bày được vị trí, lịch sử phát triển môn giải phẫu. - Nêu được các đặc điểm về cơ thể sống.		- Phương pháp giải thích cụ thể	- Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà. - Đọc tài liệu: [1].Trang 15-24	
b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	2/0/0		CLO 1,2,3				
	1.1.4. Tìm hiểu lịch sử, phương pháp nghiên cứu và học tập môn giải phẫu		- Nêu được nội dung điều hòa chức năng trong giải phẫu sinh			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	

	- Tìm hiểu điều hòa chức năng bằng đường thần kinh và đường thể dịch		lý.				
1.2. CẤU TRÚC VÀ CHỨC NĂNG CỦA HỆ THẦN KINH							
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2/0/0		CLO 1,2,3			A1.
	1.2.1. Đại cương 1.2.2. Đặc điểm cấu tạo và chức năng của tế bào thần kinh 1.2.3. Tủy sống: đặc điểm hình thái và cấu tạo của tủy sống 1.2.4. Não: - Đặc điểm hình thái và cấu tạo của hành – cầu não - Đặc điểm hình thái và cấu tạo của não giữa - Đặc điểm hình thái cấu tạo lưới - Đặc điểm hình thái và cấu tạo của trung não		-Mô tả được đặc điểm hình thái và cấu tạo của tủy sống - Mô tả được đặc điểm hình thái và cấu tạo của hành – cầu não não giữa - Mô tả được đặc điểm hình thái và cấu tạo lưới -Mô tả được đặc điểm hình thái và cấu tạo của trung não		- Phương pháp giải thích cụ thể	- Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà -Đọc tài liệu: [1]. Trang 353-385	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	4/0/0		CLO 1,2,3			
	1.2.5. Đặc điểm hình thái và cấu tạo của tiểu não 1.2.6. Đặc điểm hình thái và cấu tạo của sọ não 1.2.7.Thần kinh sọ và thần kinh thực vật		- Mô tả được đặc điểm hình thái và cấu tạo của thần kinh sọ và thần kinh thực vật.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
1.3. GIẢI PHẪU HỆ TUẦN HOÀN							
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2/0/0		CLO 1,2,3			A1.

	1.3.1. Đặc điểm cấu tạo giải phẫu và mô học của tim 1.3.2. Đặc điểm cấu tạo của động mạch		- Mô tả được đặc điểm cấu tạo giải phẫu và mô học của tim		-Phương pháp giải thích cụ thể	-Đọc tài liệu: [1]. Trang 100-138	
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	4/0/0		CLO 1,2,3			
	1.3.3. Đặc điểm cấu tạo tĩnh mạch 1.3.4. Đặc điểm cấu trúc hệ mao mạch		- Mô tả được đặc điểm cấu tạo của động mạch			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
2	Buổi 2.						
	2.1. GIẢI PHẪU HỆ HÔ HẤP						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2/0/0		CLO 1,2,3			A2.1
	2.1.1. Đặc điểm giải phẫu mô học mũi, hầu 2.1.2. Đặc điểm giải phẫu mô học thanh quản, khí quản		-Mô tả được các đặc điểm giải phẫu, mô học phế quản		- Phương pháp giải thích cụ thể	-Đọc tài liệu: [1]. Trang 110-146	
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	4/0/0		CLO 1,2,3			
	2.1.3. Đặc điểm giải phẫu mô học phổi		-Mô tả được các đặc điểm giải phẫu mô học phổi			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	2.2. GIẢI PHẪU HỆ TIÊU HÓA						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2/0/0		CLO 1,2,3			A1.
	2.2.1. Giải phẫu miệng và thực quản 2.2.2. Cấu tạo giải phẫu của dạ dày		- Mô tả được đặc điểm giải phẫu miệng và thực quản - Mô tả được đặc điểm cấu tạo giải phẫu của dạ dày		-Phương pháp giải thích cụ thể	-Đọc tài liệu: [1]. Trang 167-204	

	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	4/0/0		CLO 1,2,3			
	2.2.3. Cấu tạo giải phẫu của ruột non, ruột già 2.2.4. Cấu tạo của màng bụng		- Mô tả được đặc điểm cấu tạo giải phẫu của ruột non, ruột già				Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà
2.3. GIẢI PHẪU HỆ TIẾT NIỆU							
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	1/0/0					
	2.3.1. Đặc điểm giải phẫu thận 2.3.2. Đặc điểm giải phẫu niệu quản		- Mô tả được đặc điểm giải phẫu thận, niệu quản		-Phương pháp giải thích cụ thể	-Đọc tài liệu: [1]. Trang 237-243	
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	2/0/0		CLO 1,2,3			
	2.3.3. Đặc điểm giải phẫu bàng quang 2.3.4. Đặc điểm giải phẫu niệu đạo		- Mô tả được đặc điểm giải phẫu bàng quang, niệu quản				Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà
3	Buổi 3.						
	3.1. GIẢI PHẪU HỆ SINH DỤC						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2/0/0		CLO 1,2,3			A2.2
	3.1.1. Đặc điểm giải phẫu hệ sinh dục nam 3.1.2. Đặc điểm giải phẫu hệ sinh dục nữ		- Mô tả được đặc điểm giải phẫu hệ sinh dục nam - Mô tả được đặc điểm giải phẫu hệ sinh dục nữ		-Phương pháp giải thích cụ thể	-Đọc tài liệu: [1]. Trang 318-331	
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	4/0/0					
							Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà
	3.2. HỆ VẬN ĐỘNG						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên	3/0/0		CLO 1,2,3			A1.

	lớp						
	3.2.1. Hệ cơ - Đặc điểm cấu tạo giải phẫu cơ chi trên - Đặc điểm cấu tạo giải phẫu cơ chi dưới 3.2.2. Hệ xương - Đặc điểm cấu tạo giải phẫu xương chi trên - Đặc điểm cấu tạo giải phẫu xương chi dưới		- Mô tả được đặc điểm giải phẫu một số cơ chi trên và chi dưới. - Mô tả được đặc điểm giải phẫu một số xương chi trên và chi dưới.		-Phương pháp giải thích cụ thể	-Đọc tài liệu: [2].	
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	6/0/0		CLO 1,2,3			
						Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
Theo lịch thi	FINAL EXAM						A3
PHẦN THỰC HÀNH							
1	7. Giải phẫu hệ cơ 7.1. Nhận biết trên mô hình cơ chi trên 7.2. Nhận biết trên mô hình cơ chi dưới	0/5/0	- Xác định được một số vị trí giải phẫu của hệ cơ trên mô hình	CLO 3,4,5	Mô hình	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	A4.1
2	8. Giải phẫu hệ xương 8.1. Nhận biết trên mô hình xương chi trên 8.2. Nhận biết trên mô hình xương chi dưới	0/5/0	- Xác định được một số vị trí giải phẫu của hệ xương trên mô hình	CLO 3,4,5	Mô hình	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	A4.1
3	9.1. Giải phẫu hệ tuần hoàn - Nhận biết trên mô hình: Tim, mạch máu chi trên, mạch máu chi dưới 9.2. Giải phẫu hệ hô hấp - Nhận biết trên mô hình hệ hô hấp: Mũi, khí quản, phế quản,	0/5/0	- Xác định được một số vị trí giải phẫu của hệ tuần hoàn, hô hấp trên mô hình	CLO 3,4,5	Mô hình	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	A4.1

	phổi, màng phổi						
4	Giải phẫu hệ tiêu hóa: Nhận biết trên mô hình hệ tiêu hóa: Dạ dày, lách, tụy, gan mật, ruột non, ruột già, phúc mạc	0/5/0	- Xác định được một số vị trí giải phẫu của hệ tiêu hóa trên mô hình	CLO 3,4,5	Mô hình	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	A4.1
5	11.1. Giải phẫu hệ tiết niệu - Nhận biết trên mô hình hệ tiết niệu: Thận, niệu quản, bàng quang, niệu đạo 11.2. Giải phẫu hệ sinh dục - Nhận biết trên mô hình: Cơ quan sinh dục nam, sinh dục nữ, dây chằng	0/5/0	- Xác định được một số vị trí giải phẫu của hệ tiết niệu, sinh dục trên mô hình	CLO 3,4,5	Mô hình	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	A4.1
6	Giải phẫu hệ thần kinh: - Nhận biết trên mô hình tủy gai, hành-cầu não, tiểu não, gian não, não giữa, trung não, tiểu não 12 đôi thần kinh sọ não	0/5/0	- Xác định được một số vị trí giải phẫu của hệ thần kinh trên mô hình	CLO 3,4,5	Mô hình	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	A4.1
Theo lịch thi	FINAL EXAM						A4.2

8. Học liệu:

Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
[1]	Nguyễn Xuân Trường	2009	Giải phẫu sinh lý người (Dùng cho đào tạo dược sĩ đại học)	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Sách, giáo trình tham khảo				
[2]	Nguyễn Quang Quyền	2008	Bài giảng giải phẫu học tập 1 + 2	Nhà xuất bản Y học
PHẦN THỰC HÀNH				

[3]	TS. BS. Nguyễn Hoàng Vũ, GS. TS. BS. Lê Văn Cường, ... [và những người khác] dịch	2019	Sobotta Atlas giải phẫu người: Đầu, cổ, chi trên, ngực, bụng, chậu, chi dưới, R. Putz, R. Pabst (h.đ)	NXB Dân trí
[4]	Dr.Alice roberts	2017	Atlas giải phẫu cơ thể người	Nhà xuất bản Y học
[5]				

Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ web hữu ích cho học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Giải phẫu, Thực hành giải phẫu	https://yhoctonghop.vn/tong-hop-hon-100-link-download-sach-y-duoc-hay-nhat	19/8/2019

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

Bảng 9.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của học phần

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường	- Bảng lớn	01	Phần lý thuyết tất cả bài trong học phần
		- Máy chiếu	01	
		- Phương tiện tăng âm	01	
2	Phòng thực hành	Các mô hình giải phẫu cơ thể người		Phần thực hành

Bình Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2019

TRƯỞNG KHOA



TRƯƠNG THỊ NGỌC SƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Dược

Mã số: 7720201

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1 Mã học phần: 071078	1.2 Tên học phần: SINH LÝ
1.3 Ký hiệu học phần:	1.4 Tên tiếng Anh: Physiologic
1.5 Số tín chỉ: 03	
1.6 Phân bố thời gian: Học kỳ	
- Lý thuyết:	30 tiết
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	15 tiết
- Tự học:	120 tiết
1.7 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Không
1.8 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần học trước:	Giải phẫu, Sinh học đại cương.
- Học phần song hành:	Không yêu cầu

2. Mô tả học phần:

Môn học Sinh lý cung cấp cho sinh viên những kiến thức về sinh lý của tế bào, của mô, của máu; sinh lý của các hệ cơ quan quan trọng của cơ thể người. Những kiến thức này là cơ sở giúp sinh viên dược sau khi ra trường trở thành những chuyên gia thực thụ trong lĩnh vực sử dụng thuốc, đảm đương trách nhiệm tư vấn cho thầy thuốc trong việc điều trị bệnh, hướng dẫn cho bệnh nhân sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả.

3. Mục tiêu học phần (Goals)

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)
G1	Kiến thức cơ bản về y học như: Giải thích được hai cơ chế	PLO1,PLO2

	điều hòa chức năng của cơ thể: cơ chế thần kinh và cơ chế thể dịch. Mô tả được sinh lý của tế bào, của mô, máu và sinh lý của các hệ cơ quan quan trọng của cơ thể người gồm: hệ tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, thần kinh, bài tiết, nội tiết, sinh dục.	
G2	Người học có kỹ năng: Thực hành về phân tích máu, đo huyết áp và khảo sát một số yếu tố ảnh hưởng lên huyết áp, đo chức năng hô hấp, nghiệm pháp dung nạp glucose qua đường uống.	PLO1,PLO2
G3	Áp dụng các kỹ năng thực hành vào công việc thực tế tại bệnh viện, hiểu được các kết quả xét nghiệm trên lâm sàng phù hợp cho việc chẩn đoán bệnh lý	PLO2, PLO7
G4	Vận dụng kiến thức đã học vào trong công tác quản lý, phân phối thuốc, thực hiện công tác dược lâm sàng nhằm cung cấp thông tin cho thầy thuốc; tư vấn cho bệnh nhân sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả.	PLO2, PLO12
G5	<i>Học tập nâng cao trình độ chuyên môn.</i>	PLO10
G6	<i>Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm. Đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp trong công việc.</i>	PLO11

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes-CLOs)

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR của học phần (CLOs)	Mô tả CLOs (Sau khi học xong môn học này, người học có thể:)
CLO 1	Giải thích được hai cơ chế điều hòa chức năng của cơ thể: cơ chế thần kinh và cơ chế thể dịch. Mô tả được sinh lý của tế bào, của mô, máu và sinh lý của các hệ cơ quan quan trọng của cơ thể người gồm: hệ tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, thần kinh, bài tiết, nội tiết, sinh dục.
CLO 2	Thực hành về phân tích máu, đo huyết áp và khảo sát một số yếu tố ảnh hưởng lên huyết áp, đo chức năng hô hấp, nghiệm pháp dung nạp glucose qua đường uống.
CLO 3	Áp dụng các kỹ năng thực hành vào công việc thực tế tại bệnh viện, hiểu được các kết quả xét nghiệm trên lâm sàng phù hợp cho việc chẩn đoán bệnh lý
CLO 4	Thực hiện công tác quản lý, phân phối thuốc, cung cấp thông tin cho thầy thuốc; tư vấn cho bệnh nhân sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả.
CLO 5	<i>Đủ điều kiện học tập để nâng cao trình độ chuyên môn.</i>
CLO 6	<i>Làm việc độc lập, làm việc nhóm. Đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp trong công việc.</i>

CLO 7	Có khả năng học tập phát triển nghề nghiệp suốt đời
-------	---

5. Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Bảng 5.1. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Chuẩn đầu ra HP (CLOs)	Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
CLO1	X	X		X			X	X	X	X	X	
CLO2	X	X		X			X	X	X	X	X	
CLO3	X	X		X			X	X	X	X	X	
CLO4	X	X		X			X	X	X	X	X	
CLO5	X	X		X			X	X	X	X	X	X
CLO6	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	
CLO 7	X	X						X	X			X
Tổng hợp	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X

6. Đánh giá học phần

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của sinh viên ở học phần

Học phần đánh giá	Trọng số (%)	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Liên quan đến CLO nào ở Bảng 5.1	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Kiểm tra thường xuyên	10	A1.1. Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	50	Đánh giá bằng bảng Rubric 1	CLO 1,5,6,7	Đánh giá chuyên cần
		A1.2. Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, giáo viên quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	50			
A2. Kiểm	10	A.2 Học trải nghiệm: mô hình, thực tập, thực tế		Đánh giá		

tra kỹ năng				bảng Rubric 3		
A2. Đánh giá giữa kỳ	20	A2.1. Tuần 4: Sinh viên làm bài kiểm tra tự luận. A2.2. Tuần 7: Sinh viên làm bài kiểm tra tự luận.			CLO 1,2,3	- Đánh giá kiểm tra viết theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn
A3. Đánh giá cuối kỳ	60	Bài kiểm tra cuối kỳ: Thi trắc nghiệm.			CLO 1,2,3 4,5,6	- Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn

6.2. Chính sách đối với học phần

- Sinh viên tham dự $\geq 80\%$ số buổi của học phần. Nếu nghỉ $> 20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc học phần.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần theo tuần

Tuần (5 tiết/tuần)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/TH/TT)	Chuẩn đầu ra của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở Bảng 4.1	Phương pháp giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của sinh viên(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 Bảng 6.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Buổi 1: Bài 1: Nhập môn Sinh lý học Bài 2: Mô, biểu mô và mô liên kết Bài 3: Hệ bạch huyết						

	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO1,2,3			A1.1.
	<p>1.1 Nhắc lại giải phẫu một số hệ</p> <p>1.2 Giới thiệu về môn học</p> <p>1.3 Ý nghĩa, tầm quan trọng của môn sinh lý</p> <p>1.4 Ứng dụng thực tế</p> <p>2.1. Nhắc lại giải phẫu hệ mô, cơ</p> <p>2.2. Những triệu chứng sinh lý biểu hiện bệnh hệ mô cơ</p> <p>2.3. Các bệnh lý hệ mô cơ thường gặp</p> <p>3.1. Nhắc lại giải phẫu hệ bạch huyết</p> <p>3.2. Những triệu chứng sinh lý biểu hiện bệnh hệ bạch huyết</p> <p>3.3. Các bệnh lý hệ bạch huyết thường gặp</p>		<p>- Trình bày được tầm quan trọng của môn học và ứng dụng được môn học trên thực tế bệnh viện</p> <p>- Trình bày được những triệu chứng biểu hiện bệnh hệ mô cơ thường gặp. Nêu rõ được sinh lý hệ mô cơ</p> <p>- Trình bày được những triệu chứng biểu hiện bệnh hệ bạch huyết thường gặp.</p> <p>- Nêu rõ giải phẫu + sinh lý hệ bạch huyết</p>		- Phương pháp giải thích cụ thể	<p>- Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà.</p> <p>- Đọc tài liệu: [1].Trang 50-59, 97-104</p>	
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	10/0/0		CLO1,2,3			
	<p>1.11. Tìm hiểu giải phẫu một số hệ: hô hấp, tuần hoàn...</p> <p>1.12. Tham khảo trên mạng 1 số kết quả lâm sàng</p> <p>2.4. Tìm hiểu giải phẫu, sinh lý hệ mô, cơ</p> <p>2.6. Tìm hiểu những triệu chứng biểu hiện hệ mô cơ thường gặp</p> <p>3.4 Đọc lại sách</p>		<p>-Tìm hiểu các ứng dụng thực tế của lâm sàng trên bệnh viện</p>			<p>Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà</p>	

	về giải phẫu hệ bạch huyết						
2	Buổi 2: Bài 1: Sinh lý tạo máu – sinh lý máu Bài 2: Đại cương về cơ thể sống và điều hòa chức năng Bài 3: Sinh lý tế bào – sự trao đổi chất qua màng tế bào						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO1,2,3			A1.1.
	4.1. Nhắc lại giải phẫu hệ tuần hoàn 4.2. Những sinh lý biểu hiện bệnh hệ tuần hoàn - sinh lý máu 4.3. Các bệnh lý hệ máu - tuần hoàn thường gặp 5.1 Nhắc lại giải phẫu cấu tạo tế bào 5.2. Những sinh lý hệ tế bào 5.3. Các bệnh lý về tế bào và điều hòa cơ thể		- Trình bày sinh lý hệ máu, tuần hoàn - Áp dụng giải thích các bệnh lý về máu trên thực tế Trình bày được sinh lý tế bào - Trình bày sinh lý hệ tế bào và những bệnh lý về tế bào		- Phương pháp giải thích cụ thể	- Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà - Đọc tài liệu: [1]. Trang 128-139, 314-325, 178-184.	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO3,4,			
	Xem sách về giải phẫu hệ tuần hoàn, sinh lý tế bào					Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
3	Buổi 3: Bài 1: Điện thế màng – điện thế hoạt động Bài 2: Chuyển hóa – điều nhiệt Bài 3: Sinh lý hệ tuần hoàn						
	a. Các nội dung chính giảng dạy	5/0/0		CLO1,2,3			A1.1.

	trên lớp						
	-Điện thềmàng – điện thế hoạt động - Chuyển hóa – điều nhiệt - Sinh lý hệ tuần hoàn		Trình bày Điện thềmàng – điện thế hoạt động - Chuyển hóa – điều nhiệt - Sinh lý hệ tuần hoàn		- Phương pháp giải thích cụ thể	-Đọc tài liệu: [1]. Trang 81- 96	
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	10/0/0		CLO3,4, 5			
	Xem trước bài hệ tuần hoàn, chuyển hóa nhiệt					Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
4	Buổi 4: Bài 1: Sinh lý hệ hô hấp Bài 2: Sinh lý hệ tiêu hóa Bài 3: Sinh lý hệ thần kinh						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO1,2, 3			A2.1
	- Nhắc lại giải phẫu hệ hô hấp - Những sinh lý hệ hô hấp - Các bệnh lý về hệ hô hấp - Nhắc lại giải phẫu hệ tiêu hóa, thần kinh - Những sinh lý hệ tiêu hóa, thần kinh - Các bệnh lý về hệ tiêu hóa, thần kinh		Trình bày giải phẫu hệ hô hấp - Trình bày những sinh lý hệ hô hấp - Các bệnh lý về hệ hô hấp - Trình bày giải phẫu hệ tiêu hóa, thần kinh - Trình bày sinh lý hệ tiêu hóa, thần kinh - Các bệnh lý về hệ tiêu hóa, thần kinh		- Phương pháp giải thích cụ thể	-Đọc tài liệu: [1]. Trang 105-120	
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	10/0/0		CLO3,4, 5			
	-Xem tài liệu giải phẫu hệ hô hấp,		-Xem tài liệu giải phẫu hệ hô			Chuẩn bị tốt phần	

	tiêu hóa, thần kinh.		hấp, tiêu hóa, thần kinh.			tự học ở nhà	
5	Buổi 5: Bài 1: Sinh lý hệ bài tiết Bài 2: Sinh lý hệ nội tiết Bài 3: Sinh lý hệ sinh dục						A1.1.
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO1,2,34			
	- Nhắc lại giải phẫu hệ bài tiết, nội tiết, sinh dục. - Những sinh lý hệ bài tiết, nội tiết, sinh dục. - Các bệnh lý về hệ bài tiết, nội tiết, sinh dục.		- Trình bày giải phẫu hệ bài tiết, nội tiết, sinh dục - Trình bày những sinh lý hệ bài tiết, nội tiết, sinh dục - Các bệnh lý về hệ bài tiết, nội tiết, sinh dục		- Phương pháp giải thích cụ thể	-Đọc tài liệu: [1]. Trang 209-221 185-187	
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	10/0/0		CLO3,4,5			
	Đọc lại tài liệu về hệ bài tiết, nội tiết, sinh dục		-Trình bày giải phẫu hệ tế bào			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
6	Buổi 6: - Ôn tập - Kiểm tra giữa quá trình						A1.1.
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO1,2,3			
	Ôn tập các bài Kiểm tra giữa quá trình		- Trình bày sinh lý các hệ - Giải thích cơ chế một số bệnh lý các hệ		- Phương pháp giải thích cụ thể	- Chú ý khi ôn tập - Đọc đề và làm bài tập cẩn thận	
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	10/0/0		CLO3,4			
	5.4 Đọc tài liệu					Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
7	Buổi 7:						

	Bài 1: Hiện tượng thẩm thấu Bài 2: Xác định điện thế màng tế bào						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	0/5/0		CLO1,2,3			A2.2.
	7.1 Nhắc lại hiện tượng thẩm thấu và cách xác định điện thế màng tế bào		- Trình bày hiện tượng thẩm thấu - Thực hành đúng các thao tác xác định điện thế màng tế bào		- Phương pháp giải thích cụ thể - Rubric 10	- Đọc tài liệu: [1]. Trang 140-144, 159-166	
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	10/0/0		CLO2,3,4,5			
	7.4 Đọc tài liệu		- Trình bày được hiện tượng thẩm thấu và cách xác định điện thế qua màng tế bào			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
8	Buổi 8: Bài 2: Xác định điện thế màng tế bào (tt) Bài 3: Phân tích huyết đồ. Xác định nhóm máu A, B, O và Rh						A1.1.
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	0/5/0		CLO1,2			
	- Phân tích huyết đồ - Cách xác định nhóm máu - Thực hành mẫu cách xác định nhóm máu		- Trình bày huyết đồ - Trình bày cách xác định nhóm máu - Thao tác đúng cách xác định nhóm máu		- Phương pháp giải thích cụ thể - Rubric 10	- Đọc tài liệu: [1]. Trang 145-150, 251-259, 279-287	
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	10/0/0		CLO4,5			
	Đọc tài liệu					Chuẩn bị tốt phần tự học ở	

						nhà	
9	Buổi 9: Bài 4: Đo huyết áp động mạch gián tiếp. Bài 5: Khảo sát một số yếu tố ảnh hưởng lên huyết áp						A1.1.
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	0/5/0			CLO3,4,5,7		
	- Cách xác định vị trí đo huyết áp - Cách đọc các chỉ số huyết áp - Cách đo huyết áp động mạch cánh tay - Khảo sát các yếu tố ảnh hưởng lên huyết áp		Trình bày cách đo huyết áp Thực hiện cách đo huyết áp Trình bày các yếu tố ảnh hưởng đến huyết áp			-Phương pháp giải thích cụ thể -RUBRIC 10	-Đọc tài liệu: [1] Trang 304-309 335-341
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	10/0/0			CLO2,3,4		
	Đọc trước tài liệu						Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà
10	Buổi 10: Bài 5: Khảo sát một số yếu tố ảnh hưởng lên huyết áp (tt) Bài 6: Hô hấp ký	0/5/0					
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp				CLO 2,3,4,5		
	- Các yếu tố ảnh hưởng lên huyết áp (tt) - Cách đo hô hấp ký - Các chỉ số đo hô hấp ký - Ý nghĩa các chỉ số hô hấp ký		- Trình bày các yếu tố ảnh hưởng lên huyết áp - Thực hành đúng cách đo hô hấp ký - Trình bày ý nghĩa các chỉ số đo hô hấp ký			-Phương pháp giải thích cụ thể - Rubric 10	-Đọc tài liệu:
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà						
	Đọc tài liệu						Chuẩn bị tốt phần

						tự học ở nhà	
11	Buổi 11: Bài 7: Nghiệm pháp dung nạp glucose qua đường uống						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp			CLO 2,3,4,5			
	- Nhắc lại chu trình chuyển hóa đường trong cơ thể - Cách thực hiện xét nghiệm đường huyết - Ý nghĩa các chỉ số đường huyết		- Trình bày các chỉ số đường huyết - Kỹ năng thực hiện đúng các thao tác xét nghiệm đường huyết		- Phương pháp giải thích cụ thể - Rubric 10		
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà Đọc tài liệu					Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
Theo lịch thi	FINAL EXAM						A3

8. Học liệu:

Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
	Giáo trình chính			
[1]	Bộ môn sinh lý trường đại học Y- Dược TPHCM	2018	Sinh lý học y khoa	NXB Y học
	Sách, giáo trình tham khảo			
[2]	GS. TS. Trịnh Văn Bảo, PGS. TS. Trần Thị Thanh Hương,	2019	Sinh học	NXB Giáo dục VN

Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ web hữu ích cho học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	<i>Bài giảng Sinh lý học</i> , Giáo trình nội bộ, Khoa dược, 2018 [2]. <i>Thực tập Sinh lý học</i> , Giáo trình nội bộ, Khoa dược, 2018	https://yhoctonghop.vn/tong-hop-hon-100-link-download-sach-y-duoc-hay-nhat	19/8/2019

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

Bảng 9.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của học phần

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường	- Bảng lớn	01	Tất cả bài trong học phần
		- Máy chiếu	01	
		- Phương tiện tăng âm	01	

Bình Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2019

TRƯỞNG KHOA



TRƯƠNG THỊ NGỌC SƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: Dược Mã số: 7720201

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1 Mã học phần: 071068	1.2 Tên học phần: Vi sinh
1.3 Ký hiệu học phần:	1.4. Tên tiếng Anh: Microbiology
1.4 Số tín chỉ: 03	
1.5 Phân bố thời gian: Học kỳ	
- Lý thuyết:	30 tiết
- Thực hành:	30 tiết
- Tự học:	60 tiết
1.6 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	
1.7 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Sinh học đại cương
- Học phần học trước:	
- Học phần song hành:	

2. Mô tả học phần: Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hình thái, cấu tạo, phân loại vi sinh vật, các đặc tính sinh lý, sinh hóa, đặc điểm, khả năng gây bệnh một số vi khuẩn, virus thường gặp...nhằm giúp người học phát triển các kiến thức nền tảng về vi sinh vật và hiểu các ứng dụng của vi sinh trong hành nghề y dược.

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)
G1	Kiến thức cơ bản về vi sinh vật học như: hình thái, cấu tạo, phân loại vi sinh vật, các đặc tính sinh lý, sinh hóa của một số vi sinh vật phổ biến thường gặp	PLO1
G2	Cung cấp kiến thức cho người học đặc điểm, khả năng gây bệnh một số vi khuẩn, virus thường gặp.	PLO1
G3	Nhận dạng được về hình thái, cấu tạo, phân loại vi sinh vật,	PLO1

	các đặc tính sinh lý, sinh hóa của một số vi sinh vật phổ biến thường gặp trong thực hành vi sinh	
G4	Nhận biết, gọi tên được một số vi khuẩn, virus thường gặp trong thực hành vi sinh.	PLO2
G5	<i>Học tập nâng cao trình độ chuyên môn.</i>	PLO9
G6	<i>Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm. Tuân thủ các chuẩn mực về đạo đức và thực thi trách nhiệm đối với xã hội</i>	PLO12

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes-CLOs)

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR của học phần (CLOs)	Mô tả CLOs (Sau khi học xong môn học này, người học có thể:)
CLO 1	Trình bày được các kiến thức cơ bản về vi sinh vật học như: về hình thái, cấu tạo, phân loại vi sinh vật, các đặc tính sinh lý, sinh hóa của một số vi sinh vật phổ biến thường gặp
CLO 2	Trình bày được đặc điểm sinh học, khả năng gây bệnh, phương pháp chẩn đoán và trị liệu một số vi khuẩn, vi nấm và virus gây bệnh thường gặp.
CLO 3	Mô tả được đặc điểm hình thái, cấu tạo của một số vi sinh vật phổ biến thường gặp trong thực hành vi sinh.
CLO 4	Nhận biết, đọc tên được một số vi khuẩn, virus gây bệnh thường gặp trong thực hành vi sinh.
CLO 5	<i>Học tập để nâng cao trình độ chuyên môn.</i>
CLO 6	<i>Làm việc độc lập, làm việc nhóm. Tuân thủ các chuẩn mực về đạo đức và thực thi trách nhiệm đối với xã hội.</i>

5. Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) và CĐR của chương trình (PLOs)

Bảng 5.1. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CĐR của chương trình (PLOs)

Chuẩn đầu ra HP (CLOs)	Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
CLO1	X			X				X	X			
CLO2	X			X				X	X			
CLO3	X			X				X	X			
CLO4	X			X				X	X			
CLO5	X			X				X	X	X	X	

CLO6	X			X	X	X		X	X	X	X	X
Tổng hợp	X			X	X	X		X	X	X	X	

6. Đánh giá học phần

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của sinh viên ở học phần

Học phần đánh giá	Trọng số (%)	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Liên quan đến CLO nào ở Bảng 5.1	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
LÝ THUYẾT						
A1. Kiểm tra thường xuyên	20	A1.1. Tuần 2: Làm bài tập tình huống số 1	50%	R2	CLO 1,2,3	- Đánh giá bài tập (GV giao bài tập cho SV ngay từ đầu HP).
		A1.2. Tuần 3: Làm bài tập tình huống số 2	50%			
A2. Đánh giá giữa kỳ	20	A2.2. Tuần 5: Sinh viên làm bài kiểm tra tự luận				- Đánh giá kiểm tra viết theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn
A3. Đánh giá cuối kỳ	60	Bài kiểm tra cuối kỳ: Thi trắc nghiệm.			CLO 1,2,3 4,5,6	- Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm theo thang điểm 10 dựa trên

						đáp án được thiết kế sẵn
		THỰC HÀNH				
A4 Đánh giá kỹ năng	40	A4.1. Trung bình chung các buổi thực hành là điểm giữa kỳ.		Đánh giá bằng bảng Rubric 10	Đánh giá bằng bảng kiểm và thang điểm.	
	60	A4.2. Thi kết thúc môn học				

6.2. Chính sách đối với học phần

- **Phần lý thuyết:** Sinh viên tham dự $\geq 80\%$ số buổi của học phần. Nếu nghỉ $> 20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc học phần.

- **Phần thực hành:**

+ Tham dự tất cả các buổi thực hành là điều kiện bắt buộc để ra điểm giữa quá trình và điểm kết thúc môn học.

+ Kiểm tra giữa môn học: Giảng viên đánh giá cho điểm từng sinh viên trong từng buổi học theo các tiêu chí kỹ năng và sản phẩm thực hành. Điểm giữa môn học là điểm trung bình đánh giá sinh viên trong từng buổi học theo bảng kiểm của giáo viên.

+ Thi OSPE: gồm 20 trạm nhận dạng các loại vi sinh vật hoặc sản phẩm ứng dụng vi sinh vật và viết báo cáo.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần theo tuần

Tuần (5 tiết/tuần)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/TH/TT)	Chuẩn đầu ra của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở Bảng 4.1	Phương pháp giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của sinh viên(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 Bảng 6.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Buổi 1. 1.1. VI SINH ĐẠI CƯƠNG						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO1, 2,3			A1.1.
	1.1.1. Đối tượng và nhiệm vụ của vi sinh học		- Trình bày được đối tượng và nhiệm vụ của vi		- Phương pháp giải	- Chuẩn bị tốt phần tự	

	1.1.2. Lược sử phát triển của ngành vi sinh vật học 1.1.3. Phân loại vi khuẩn		sinh học - Phân loại được vi khuẩn		thích cụ thể	học ở nhà. - Đọc tài liệu: [1].Trang 3-31	
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	10/0/0		CLO1,2,3			
	1.11. Tìm hiểu đối tượng và nhiệm vụ của môn học vi sinh học 1.12. Đọc kỹ cách phân loại vi khuẩn		- Trình bày được đối tượng và nhiệm vụ của môn vi sinh học và cách phân loại vi khuẩn dựa vào hình thái và ADN			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	1.2. TẾ BÀO VI KHUẨN						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp						
	1.2.1. Hình dạng và cách sắp xếp tế bào vi khuẩn (cầu khuẩn, trực khuẩn, xoắn khuẩn) 1.2.2. Cấu trúc tế bào vi khuẩn		- Trình bày được hình dạng và cách sắp xếp tế bào vi khuẩn (cầu khuẩn, trực khuẩn, xoắn khuẩn) - Nêu rõ được các cấu trúc của tế bào vi khuẩn				
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà						
	1.2.3. Tìm hiểu hình dạng và cách sắp xếp tế bào vi khuẩn 1.2.4. tìm hiểu cấu trúc tế bào vi khuẩn		- Trình bày được hình dạng, và cách sắp xếp, cấu trúc tế bào vi khuẩn				
	Buổi 2. 2.1. DINH DƯỠNG VÀ TĂNG TRƯỞNG CỦA VI KHUẨN						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO1,2,3			A1.1

	<p>2.1.1. Dinh dưỡng vi khuẩn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhu cầu dinh dưỡng, - Môi trường nuôi cấy <p>2.1.2. Sự tăng trưởng của vi khuẩn.</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được nhu cầu dinh dưỡng, môi trường nuôi cấy của vi khuẩn - Nêu rõ được những yếu tố ảnh hưởng đến sự tăng trưởng của vi khuẩn. 		<ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp giải thích cụ thể 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà - Đọc tài liệu: [1]. Trang 35-47 	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO1,23			
	<p>2.5. Tìm hiểu nhu cầu dinh dưỡng, môi trường nuôi cấy của vi khuẩn</p> <p>2.6. Tìm hiểu những yếu tố ảnh hưởng đến sự tăng trưởng của vi khuẩn.</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được nhu cầu dinh dưỡng, môi trường nuôi cấy của vi khuẩn 			<ul style="list-style-type: none"> Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà 	
	2.2. SỰ LIÊN HỆ GIỮA VẬT CHỦ VÀ VI KHUẨN						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp						
	<p>2.2.1. Đại cương vi khuẩn nội sinh, vi khuẩn ngoại sinh và các loại vi khuẩn gây bệnh</p> <p>2.2.2. Năng lực phát sinh bệnh nhiễm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yếu tố vi khuẩn - Yếu tố do vật chủ 		<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được khái niệm về vi khuẩn nội sinh, vi khuẩn ngoại sinh - Trình bày khả năng và cơ chế gây bệnh nhiễm của vi khuẩn 				
	Các nội dung chính SV tự học ở nhà						
	<p>2.2.3. Tìm hiểu các khái niệm về vi khuẩn nội sinh, vi khuẩn ngoại sinh</p> <p>2.2.4. Tìm hiểu khả năng và cơ chế gây bệnh nhiễm của vi khuẩn</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được năng lực phát sinh bệnh nhiễm 			<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà - Đọc tài liệu: [1]. Trang 121-128 	
3	Buổi 3.						
	3.1. PHẢN ỨNG HUYẾT THANH						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO1,2,3			A1.1

	<p>3.1.1. Đặc điểm của phản ứng huyết thanh</p> <p>3.1.2. Các loại phản ứng huyết thanh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phản ứng trung hòa - Phản ứng kết tủa - Phản ứng ngưng kết - Phản ứng kết bông - Các phản ứng khác <p>3.1.3. Kỹ thuật miễn dịch men (Elisa)</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được đặc điểm của các phản ứng huyết thanh học - Trình bày nguyên tắc và ứng dụng kỹ thuật miễn dịch men (Elisa) 		<p>Phương pháp giải thích cụ thể</p>	
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà					
	<p>3.2. Tìm hiểu đặc điểm của phản ứng huyết thanh</p> <p>3.3. Tìm hiểu các loại phản ứng huyết thanh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phản ứng trung hòa - Phản ứng kết tủa - Phản ứng ngưng kết - Phản ứng kết bông - Các phản ứng khác 		<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được nguyên tắc và ứng dụng các loại phản ứng huyết thanh 		<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà - Đọc tài liệu: [1]. Trang 141-157 	
	3.2. VACCIN VÀ HUYẾT THANH MIỄN DỊCH					
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp					
	<p>3.2.1. Nguyên lý, nguyên tắc sử dụng vaccin</p> <p>3.2.2. Nguyên lý, nguyên tắc sử dụng huyết thanh miễn dịch</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày nguyên lý, nguyên tắc sử dụng vaccin - Trình bày nguyên lý, nguyên tắc sử dụng huyết thanh miễn dịch 			
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà					
	<p>3.2.3. Tìm hiểu 5 loại vaccin đang sử dụng</p> <p>3.2.4. Tìm hiểu lịch tiêm chủng</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày các loại vaccin đang sử dụng - Biết được lịch tiêm chủng đang thực hiện 		<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà - Đọc tài liệu: [2] trang -112-121 	
4	Buổi 4. 4.1. VI KHUẨN ĐƯỜNG RUỘT					

	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO1,2,3			A1.2
	<p>4.1.1. Phân loại, đặc điểm nuôi cấy, các loại kháng nguyên, độc tố</p> <p>4.1.2. Họ Enterobacteriaceae đặc điểm hình thể, tính chất sinh hóa, năng lực gây bệnh của <i>Salmonella</i>, <i>Shigella</i>, <i>Vibrio cholerae</i>, <i>Escherichia coli</i>, <i>Campylobacter</i>.</p> <p>4.13. Dự phòng tránh mắc bệnh do vi khuẩn đường ruột gây ra</p>		<p>-Trình bày được nuôi cấy, các loại kháng nguyên, độc tố vi khuẩn đường ruột</p> <p>- Trình bày được đặc điểm hình thể, tính chất sinh hóa, năng lực gây bệnh vi khuẩn đường ruột</p>		- Phương pháp giải thích cụ thể		
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	10/0/0					
	<p>- Tìm hiểu đặc điểm nuôi cấy, các loại kháng nguyên, độc tố vi khuẩn đường ruột</p> <p>-Tìm hiểu đặc điểm hình thể, tính chất sinh hóa, năng lực gây bệnh vi khuẩn đường ruột</p>		<p>-Trình bày được năng lực gây bệnh của họ Enterobacteriaceae gây bệnh đường tiêu hóa</p>			<p>- Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà</p> <p>-Đọc tài liệu: [1]. Trang 187-217</p>	
	4.2. VI KHUẨN LÂY BỆNH QUA ĐƯỜNG SINH DỤC						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0					
	<p>4.2.1. Đặc điểm, khả năng gây bệnh của <i>Neisseria gonorrhoeae</i>,</p> <p>4.2.2. Đặc điểm, khả năng gây bệnh của <i>Treponema pallidum</i></p> <p>4.2.3. Đặc điểm, khả năng gây bệnh của <i>Chlamydia trachomatis</i></p> <p>4.2.4. Chẩn đoán, trị liệu nhiễm <i>Neisseria gonorrhoeae</i>, <i>Treponema pallidum</i></p>		<p>- Trình bày được đặc điểm khả năng gây bệnh của <i>Neisseria gonorrhoeae</i>,</p> <p>-Trình bày được đặc điểm khả năng gây bệnh của <i>Treponemapallidum</i></p> <p>- Trình bày đặc điểm khả năng gây bệnh của <i>Chlamydia trachomatis</i></p>				

			- Trình bày được cách chẩn đoán và trị liệu nhiễm Neisseria gonorrhoeae, Treponema pallidum, chlamydia trachomatis				
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	10/0 /0					
	4.2.5. Tìm hiểu Đặc điểm, khả năng gây bệnh của Neisseria gonorrhoeae, Treponema pallidum, chlamydia trachomatis 4.2.6. Tìm hiểu kháng nguyên lây bệnh qua đường sinh dục		- Trình bày được kháng nguyên của Neisseria gonorrhoeae, Treponema pallidum			- Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà - Đọc tài liệu: [1]. Trang 187-211	
5	Buổi 5. VI KHUẨN GÂY BỆNH QUA ĐƯỜNG KHÔNG KHÍ 5.1. MYCOBACTERIUM TUBERCULOSIS						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp						A2
	5.1.1. Đặc điểm hình thể, tăng trưởng, cấu trúc của Mycobacterium tuberculosis 5.1.2. Phản ứng quá mẫn và miễn dịch Mycobacterium tuberculosis 5.1.3. Khả năng gây bệnh và sinh lý bệnh của vi khuẩn Mycobacterium tuberculosis 5.1.4. Phòng ngừa trị liệu Mycobacterium tuberculosis		- Trình bày được Đặc điểm hình thể, tăng trưởng, cấu trúc của Mycobacterium tuberculosis - Trình bày được phản ứng quá mẫn và miễn dịch của Mycobacterium tuberculosis - Trình bày được khả năng gây bệnh và sinh lý bệnh của vi khuẩn Mycobacterium tuberculosis		Phương pháp giải thích cụ thể		
	Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà						
	- Tìm hiểu khả năng gây bệnh, sinh lý bệnh,		- Trình bày được cách trị liệu và dự			- Chuẩn bị tốt	

	phòng ngừa trị liệu của vi khuẩn Mycobacterium tuberculosis		phòng lây nhiễm của vi khuẩn Mycobacterium tuberculosis			phần tự học ở nhà -Đọc tài liệu: [1]. Trang 197-211	
	5.2. CORYNEBACTERIU M DIPHTERIAE						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp			CLO1 ,2,3			
	5.2.1. Đặc điểm, khả năng gây bệnh của Corynebacterium diphtheriae 5.2.2. Chẩn đoán xét nghiệm xác định Corynebacterium diphtheriae		- Trình bày được đặc điểm, khả năng gây bệnh của Corynebacterium diphtheriae		- Phương pháp giải thích cụ thể		
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	10/0 /0					
	5.2.3. Tìm hiểu đặc điểm, khả năng gây bệnh Corynebacterium diphtheriae		- Trình bày được các xét nghiệm trực tiếp, gián tiếp xác định Corynebacterium diphtheriae				
	5.3.NEISSERIA MENINGITIDIS						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp						
	5.3.1. Đặc điểm, kháng nguyên, khả năng gây bệnh của Neisseria meningitidis 5.3.2. Dịch tễ học Neisseria meningitidis 5.3.3. Chẩn đoán và trị liệu khi nhiễm Neisseria meningitidis		- Trình bày được đặc điểm, kháng nguyên, khả năng gây bệnh của Neisseria meningitidis - Trình bày được nội dung chẩn đoán và trị liệu khi nhiễm Neisseria meningitidis				
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà						
	5.3.4. Tìm hiểu Đặc điểm, kháng nguyên, khả năng gây bệnh, dịch tễ học Neisseria meningitidis		- Hiểu được khả năng gây bệnh và đặc điểm dịch tễ học của Neisseria meningitidis				

6	6. VIRUS GÂY BỆNH	5/0/0					
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp			CLO1,2,3			
	6.1.1. Cấu trúc, phân loại 6.1.2. Quá trình nhân lên của virus 6.1.3 Tác động của virus nhiễm trên tế bào chủ 6.1.4. Các phương pháp chẩn đoán		- Trình bày được cấu trúc, phân loại, quá trình nhân lên của virus - Trình bày được tác động của virus nhiễm trên tế bào chủ		- Phương pháp giải thích cụ thể	-Đọc tài liệu: [1]. Trang 219-239	
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà						
	- Phân loại virus theo bản chất genome và theo khả năng gây bệnh cho người		- Phân loại được virus theo bản chất genome và theo khả năng gây bệnh cho người				
Theo lịch thi	FINAL EXAM						A3
PHẦN THỰC HÀNH							
7	7.1.Nhập môn 7.2. Chuẩn bị dụng cụ nuôi cấy 7.3. Thực hành chế tạo môi trường nuôi cấy	0/5/0	- Nhận biết được các thiết bị cần thiết trong các thao tác thực hành liên quan đến vi sinh vật. - Biết thực hành chế tạo môi trường nuôi cấy	CLO3,4	- Mô hình - Thí nghiệm	-Đọc tài liệu: [2], [3].	
8	8.1. Phương pháp phân lập vi sinh vật 8.2. Phương pháp bảo quản, nuôi cấy vi sinh vật	0/5/0	- Trình bày được phương pháp phân lập vi sinh vật - Thực hiện được các thao tác cấy các nhóm vi sinh vật trong phòng thực hành	CLO3,4	- Mô hình - Thí nghiệm	-Đọc tài liệu: [2], [3].	
9	9.1. Thực hành sử dụng kính hiển vi, kiểm tra số lượng vi sinh vật 9.2. Kháng sinh đồ	0/5/0	- Biết cách sử dụng kính hiển vi, kiểm tra được số lượng vi sinh vật tại phòng thực hành - Trình bày	CLO3,4	- Mô hình - Thí nghiệm	-Đọc tài liệu: [2], [3].	A4.1

			phương pháp làm kháng sinh đồ				
10	10.1. Nghiên cứu một số số đặc điểm sinh học của vi sinh vật trên kính hiển vi. 10.2. Quan sát một số vi khuẩn gây bệnh thường gặp	0/5/0	- Trình bày được một số đặc điểm sinh học của vi sinh vật trên kính hiển vi. - Quan sát và nhận dạng một số vi khuẩn gây bệnh thường gặp	CLO3,4	- Mô hình - Thí nghiệm	-Đọc tài liệu: [2], [3].	
11	11.1. Phương pháp nhuộm Gram 11.2. Phương pháp nhuộm kháng acid 11.3. Quan sát cấu tạo tế bào vi sinh vật 11.4. Phương pháp vô khuẩn	0/5/0	- Xác định, thực hành được phương pháp nhuộm và thực hành nhuộm vi sinh vật. - Thực hiện các thao tác vô khuẩn trong thực hành vi sinh vật	CLO3,4	- Mô hình - Thí nghiệm	-Đọc tài liệu: [2], [3].	
12	Ứng dụng của vi sinh vật học trong đời sống	0/5/0	- Trình bày được ứng dụng của vi sinh vật học trong đời sống	CLO3,4	- Phương pháp giải thích cụ thể	-Đọc tài liệu: [2], [3].	
Theo lịch thi	THI CUỐI MÔN						A4.2

8. Học liệu:

Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
[1]	Khoa y	2016	Thực tập Vi sinh y học	Đại học Y dược TP HCM
[2].	Trần Thanh Thủy	1998	Hướng dẫn thực hành vi sinh vật học	NXB Giáo Dục
Sách, giáo trình tham khảo				
[3]	Lê Huy Chính	2013	Vi sinh vật y học	NXB Y học

Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ web hữu ích cho học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Vi sinh, thực hành vi sinh	https://yhoctonghop.vn/tong-hop-hon-100-	19/8/2019

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

Bảng 9.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của học phần

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường (Phần lý thuyết)	- Bảng lớn	01	Tất cả bài trong học phần
		- Máy chiếu	01	
		- Phương tiện tăng âm	01	
2	Phòng thực hành	<ul style="list-style-type: none"> - Thiết bị: tủ lạnh, kính hiển vi quang học, cân kỹ thuật điện tử, nồi hấp tiệt trùng, Tủ cấy, tủ ủ, máy chụp hình KTS. - Dụng cụ: que cấy; Buồng đếm hồng cầu; phiến kính, pipet, ống nghiệm, đĩa petri, bình nón, chày cối sứ, que cấy, đèn cồn, giá ống nghiệm, đĩa thủy tinh, chậu thủy tinh, bếp đun, bông mỡ, bông thấm, gạc, giấy lọc, Lame Vi sinh mẫu, nồi nấu môi trường, bếp điện... - Hóa chất: Dầu soi kính (X100) Dung dịch Lugol (đậm đặc) Dung dịch tím Gential (đậm đặc) Dung dịch đỏ Fusin (đậm đặc) Thuốc nhuộm May Grunwald (đậm đặc) Thuốc nhuộm Giemsa (đậm đặc) Thuốc nhuộm Lactophenol coton blue (LPCB) ; Môi trường nuôi cấy... 		Phần thực hành

Bình Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2019

TRƯỞNG KHOA



TRƯƠNG THỊ NGỌC SƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: Dược Mã số: 7720201

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1 Mã học phần: 071082	1.2 Tên học phần: Ký sinh
1.3 Ký hiệu học phần:	1.4. Tên tiếng Anh: Parasitology
1.4 Số tín chỉ: 03	
1.5 Phân bố thời gian: Học kỳ	
- Lý thuyết:	30 tiết
- Thực hành:	30 tiết
- Tự học:	60 tiết
1.6 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	
1.7 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Sinh học đại cương
- Học phần học trước:	
- Học phần song hành:	

2. Mô tả học phần: Học phần Ký sinh trùng cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản như đại cương về ký sinh trùng, bệnh học sốt rét, các đặc điểm sinh học, hình thái, sinh lý, chu kỳ phát triển của nấm, giun, sán, amip. Học phần này cũng cung cấp cho sinh viên các phương pháp chẩn đoán bệnh, nguyên tắc điều trị, thực hành lấy mẫu, làm tiêu bản ký sinh trùng gây bệnh.

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)
G1	Trình bày tính phổ biến và tầm quan trọng của hiện tượng nhiễm ký sinh trùng.	PLO1

CLO2	X											
CLO3	X											
CLO4	X											
CLO5	X							X				
CLO6	X							X				
CLO7	X									X	X	
CLO8	X									X	X	
Tổng hợp	X							X	X	X	X	

6. Đánh giá học phần

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của sinh viên ở học phần

Học phần đánh giá	Trọng số (%)	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Liên quan đến CLO nào ở Bảng 5.1	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
LÝ THUYẾT						
A1. Kiểm tra thường xuyên	10	A1.1. Tuần 2: Làm bài Kiểm tra số 1	50%	R2	CLO 1,2,3	- Đánh giá bài tập (GV giao nội dung kiểm tra cho SV ngay từ đầu HP).
		A1.2. Tuần 4: Làm bài Kiểm tra số 2	50%			
	10	Chuyên cần (hoặc) và bài tập nhóm			CLO 7,8	-
A2. Đánh giá giữa kỳ	20	A2.2. Tuần 5: Sinh viên làm bài kiểm tra trắc nghiệm giữa kỳ				- Đánh giá kiểm tra viết theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn
A3. Đánh giá cuối kỳ	60	Bài kiểm tra cuối kỳ: Thi trắc nghiệm.			CLO 1,2,3	- Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn
THỰC HÀNH						
A4 Đánh giá kỹ năng	40	A4.1. Trung bình chung các buổi thực hành là điểm giữa kỳ.		Đánh giá bằng bảng Rubric10	CLO 4,5,6,7,8	Đánh giá bằng bảng kiểm và thang điểm.
	60	A4.2. Thi kết thúc môn học				

6.2. Chính sách đối với học phần

- **Phần lý thuyết:** Sinh viên tham dự $\geq 80\%$ số buổi của học phần. Nếu nghỉ $> 20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc học phần.

- **Phần thực hành:**

+ Tham dự tất cả các buổi thực hành là điều kiện bắt buộc để ra điểm giữa quá trình và điểm kết thúc môn học.

+ Kiểm tra giữa môn học: Giảng viên đánh giá cho điểm từng sinh viên trong từng buổi học theo các tiêu chí kỹ năng và sản phẩm thực hành. Điểm giữa môn học là điểm trung bình đánh giá sinh viên trong từng buổi học theo bảng kiểm của giáo viên.

+ Thi OSPE: gồm 20 trạm nhận dạng các loại ý sinh vật hoặc sản phẩm ứng dụng vi sinh vật và viết báo cáo.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần theo tuần

Tuần (5 tiết/tuần)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/TH/TT)	Chuẩn đầu ra của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở Bảng 4.1	Phương pháp giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của sinh viên(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 Bảng 6.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Buổi 1. 1. Ký sinh học đại cương						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO 1, 2,3			A1.1.
	1.1.Khái niệm cơ bản 1.2. Đặc điểm ký sinh trùng 1.3. Vai trò truyền bệnh và gây bệnh của ký sinh trùng 1.4.Ảnh hưởng qua lại giữa ký sinh trùng và ký chủ		Trình bày định nghĩa, đặc điểm, các kiểu tương quan, vai trò gây bệnh- truyền bệnh của ký sinh trùng. Trình bày đặc điểm bệnh ký sinh trùng, chẩn đoán và phòng ngừa. Nêu được các		-Phương pháp giải thích cụ thể	- Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà. - Đọc tài liệu: [1].Trang 9-29	

			quy định về danh pháp.				
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	10/0/0		CLO 1,2,3			
	1.5. Bệnh ký sinh trùng 1.6. Tầm quan trọng của ký sinh trùng y học 1.7. Danh pháp ký sinh trùng		Trình bày đặc điểm về hình thể, sinh lý và phân loại ký sinh trùng.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Buổi 2. 2. Đơn bào						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0					
	2.1 Đại cương 2.5. Ký sinh trùng sốt rét		Mô tả hình thể, đặc tính của các loài và chu trình phát triển của ký sinh trùng sốt rét. Vai trò gây bệnh, thuốc điều trị và phòng ngừa bệnh ký sinh trùng sốt rét.			-Đọc tài liệu: [1]. Trang 29-75	
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	10/0/0					
	2.2. Entamoeba 2.3. Giardia lamblia 2.4. Trichomonas vaginalis 2.6. Toxoplasma gondii		Trình bày đặc điểm về hình thể, sinh lý và phân loại đơn bào.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Buổi 3. 3. Giun						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO 1,2,3			A1.1
	3.1. Đại cương 3.2. Giun đũa 3.3. Giun kim		Mô tả hình dạng con trưởng thành, ấu trùng và trứng của giun đũa, giun kim. Trình bày chu trình phát triển. Trình bày cách đặc		- Phương pháp giải thích cụ thể	- Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà -Đọc tài liệu: [1]. Trang 84-95	

			điểm sinh học, vai trò gây bệnh, cách chẩn đoán và điều trị bệnh.				
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO 1,2,3			
	3.4. Giun móc 3.5. Giun tóc 3.6. Giun lươn 3.7. Giun xoắn 3.8. Giun chỉ		Mô tả hình dạng con trưởng thành, ấu trùng và trứng của giun móc, tóc, lươn, xoắn, chỉ.. Trình bày chu trình phát triển . Trình bày cách đặc điểm sinh học, vai trò gây bệnh, cách chẩn đoán và điều trị bệnh.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Buổi 4. 4. Sán						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO 1,2,3			
	4.1. Sán lá 4.2. Sán dây		Mô tả hình dạng con trưởng thành, ấu trùng và trứng sán lá, sán dây. Trình bày chu trình phát triển. Trình bày cách đặc điểm sinh học, vai trò gây bệnh, cách chẩn đoán và điều trị bệnh.			- Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà -Đọc tài liệu: [1]. Trang 127-137	
	Các nội dung chính SV tự học ở nhà			CLO 1,2,3			
	4.3. Sán máng		Mô tả hình dạng con trưởng thành, ấu trùng			- Chuẩn bị tốt phần tự	

			<p>và trứng sáng máng.</p> <p>Trình bày chu trình phát triển.</p> <p>Trình bày cách đặc điểm sinh học, vai trò gây bệnh, cách chẩn đoán và điều trị bệnh.</p>			<p>học ở nhà</p> <p>-Đọc tài liệu: [1]. Trang 138-163</p>	
3	Buổi 5. 8. Tiết túc						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO 1,2,3			A1.1
	<p>8.1. Lóp nhện, bộ Ve mắt</p> <p>8.2. Cái ghẻ</p> <p>8.3. Lóp Côn Trùng</p>		Nêu các đặc điểm về hình thể, sinh học và vai trò gây bệnh của lóp côn trùng...		Phương pháp giải thích cụ thể	- Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà -Đọc tài liệu: [1]. Trang 167-176	
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	10/0/0		CLO 1,2,3			
	<p>5.4. Bộ hai cánh</p> <p>5.5. Bộ không cánh</p> <p>5.6. Bộ cánh nửa</p>		- Nêu các đặc điểm về hình thể, sinh học và vai trò gây bệnh của các bộ hai cánh, không cánh và cánh nửa.			- Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà -Đọc tài liệu: [1]. Trang 180-193	
	Buổi 6 9. Nấm						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO 1,2,3			
	<p>9.1. Nấm men gây bệnh</p> <p>9.2. Nấm da</p>		<p>Mô tả được hình thể, cấu trúc tế bào và hình thức sinh sản của nấm men, nấm da.</p> <p>Trình bày các phương pháp chẩn, điều trị và phòng ngừa các dạng bệnh do nấm</p>			- Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà Đọc tài liệu: [1] trang -196-246	

			men, nấm da.				
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	10/0/0		CLO 1,2,3			
	9.3. Nấm lưỡng hình 9.4. Nấm mốc gây bệnh		Mô tả được hình thể, cấu trúc tế bào và hình thức sinh sản của nấm lưỡng hình và nấm mốc. Trình bày các phương pháp chẩn, điều trị và phòng ngừa các dạng bệnh nấm lưỡng hình và nấm mốc.			- Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà Đọc tài liệu: [1] trang -254-284	
Theo lịch thi	FINAL EXAM						A3
PHẦN THỰC HÀNH							
7	7. Các kỹ thuật tìm ký sinh trùng sốt rét. Hình thể ký sinh trùng sốt rét	0/5/0	Làm, nhuộm và đọc được giọt máu dày, giọt máu mỏng để tìm ký sinh trùng sốt rét. Nhận biết được các dạng phát triển của ký sinh trùng sốt rét trong máu ngoại biên. Xác nhận được loài <i>Plasmodium</i> ký sinh trong máu: <i>P. falciparum</i> , <i>P. vivax</i> , <i>P. malariae</i> .	CLO 4,5,6,7,8	-lame mẫu Mẫu vật - Thí nghiệm	-Đọc tài liệu: [2], [3].	
8	8. Hình thể đơn bào	0/5/0	- Xác định được thể hoạt động và bào nang của: <i>E. histolytica</i> , <i>E. coli</i> , <i>Trichomonas intestinalis</i> , <i>Giardia intestinalis</i>	CLO 4,5,6,7,8	-lame mẫu Mẫu vật - Thí nghiệm	-Đọc tài liệu: [2], [3].	
9	9. Hình thể con	0/5/0	- Nhận biết và phân	CLO	-lame	-Đọc tài	A4.

	giun trưởng thành. Hình thể trứng giun		biệt được trứng, ấu trùng và con trưởng thành các loài sán ký sinh đường tiêu hóa thường gặp.	4,5,6,7,8	mẫu Mẫu vật - Thí nghiệm	liệu: [2], [3].	1
10	10. Hình thể tiết túc	0/5/0	Sinh viên phải nhận biết và phân biệt được các tiết túc gây bệnh và truyền bệnh thường gặp.	CLO 4,5,6,7,8	-lame mẫu Mẫu vật - Thí nghiệm	-Đọc tài liệu: [2], [3].	
11	11. Xét nghiệm nấm trực tiếp	0/5/0	Nhuộm và làm một tiêu bản vi nấm.	CLO 4,5,6,7,8	-lame mẫu Mẫu vật - Thí nghiệm	-Đọc tài liệu: [2], [3].	
Theo lịch thi	THI CUỐI MÔN						A4.2

10.

Học liệu:

Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
[1]	Nguyễn Đình Nga	2017	Ký sinh trùng	Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh
[2]	Lê Thị Xuân	2017	Ký sinh trùng Thực hành	Đại học Y dược TP HCM
Sách, giáo trình tham khảo				
[4]]. Trần Xuân Mai	2015	<i>Ký sinh trùng y học</i>	Nhà xuất bản Y học, chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ web hữu ích cho học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Ký sinh trùng, thực hành Ký sinh trùng	https://xuatbanyhoc.vn/ky-sinh-trung-y-hoc-1	13/9/2019

11. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

Bảng 9.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của học phần

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần	Số	Tất cả bài trong

		mềm,...	lượng	học phần
1	Giảng đường (Phần lý thuyết)	- Bảng lớn	01	
		- Máy chiếu	01	
		- Phương tiện tăng âm	01	
2	Phòng thực hành	<ul style="list-style-type: none"> - Thiết bị: tủ lạnh, kính hiển vi quang học, cân kỹ thuật điện tử, nồi hấp tiệt trùng, Tủ cấy, tủ ủ, máy chụp hình KTS. - Dụng cụ: Lame Ký sinh mẫu, - Hóa chất: Dầu soi kính (X100) Dung dịch Lugol (đậm đặc) Dung dịch tím Gential (đậm đặc) Dung dịch đỏ Fusin (đậm đặc) Thuốc nhuộm May Grunwald (đậm đặc) Thuốc nhuộm Giemsa (đậm đặc) Thuốc nhuộm Lactophenol cotton blue (LPCB) ; Môi trường nuôi cấy... 		Phần thực hành

Bình Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2019

TRƯỞNG KHOA



TRƯỜNG THỊ NGỌC SƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Dược

Mã số: 7720201

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1 Mã học phần: 071093	1.2 Tên học phần: SINH LÝ BỆNH – MIỄN DỊCH
1.3 Ký hiệu học phần:	1.4.Tên tiếng Anh: Pathophysiology - Immunization
1.4 Số tín chỉ:	03
1.5 Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	45 tiết
- Bài tập và thảo luận nhóm:	00 tiết
- Tự học:	90 tiết
1.6 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	
- Danh sách GV cùng giảng dạy:	
1.7 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Sinh lý bệnh – Miễn dịch
- Học phần học trước:	Sinh lý
- Học phần song hành:	Không yêu cầu

2. Mô tả học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức đại cương về sinh lý bệnh, về rối loạn chuyển hóa glucid và lipid, rối loạn chuyển hóa nước và điện giải, rối loạn thân nhiệt, sinh lý bệnh quá trình viêm, sinh lý bệnh các hệ cơ quan (hô hấp, tuần hoàn, tiêu hóa, tiết niệu). Học phần này còn cung cấp cho sinh viên những kiến thức đại cương về miễn dịch học, kháng nguyên, kháng thể, quá mẫn, dị ứng, cytokin và hệ thống bổ thể, góp phần quan trọng trong dự phòng, chẩn đoán và điều trị sớm các quá trình bệnh lý nhằm đem lại sức khỏe cho con người.

3. Mục tiêu học phần (Goals)

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)
------------------	--	--------------------------

G1	Cung cấp các kiến thức cơ bản về quá trình bệnh lý, về bệnh nguyên, bệnh sinh, về các quy luật cơ bản của sinh lý người trong trạng thái bị bệnh, các cơ chế rối loạn chuyển hóa glucid, lipid, chuyển hóa nước, điện giải, rối loạn thân nhiệt, cơ chế sinh lý bệnh quá trình viêm.	PLO1
G2	Có khả năng phân tích bệnh nguyên, cơ chế bệnh sinh, biểu hiện của các rối loạn ở hệ cơ quan hô hấp, tuần hoàn, tiêu hóa, tiết niệu, các cơ chế miễn dịch tự nhiên và thu được của cơ thể, đặc điểm của kháng nguyên, kháng thể, quá mẫn, dị ứng, cytokin và hệ thống bổ thể.	PLO1
G3	Có khả năng đánh giá nhu cầu sử dụng thuốc, vaccin cho bệnh nhân trong điều trị bệnh và điều trị dự phòng.	PLO3
G4	Có khả năng làm việc và hợp tác nhóm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của Dược sĩ ở mỗi vị trí khác nhau.	PLO4, PLO11
G5	<i>Rèn luyện các phẩm chất đạo đức cá nhân: trung thực, cẩn trọng, chính xác, khách quan, học tập suốt đời.</i>	PLO9, PLO12

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes-CLOs)

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR của học phần (CLOs)	Mô tả CLOs (Sau khi học xong môn học này, người học có thể:)
CLO1	Có khả năng phân tích về bệnh nguyên, bệnh sinh, về các quy luật cơ bản của sinh lý người trong trạng thái bị bệnh.
CLO2	Mô tả được cơ chế rối loạn chuyển hóa glucid, lipid, chuyển hóa nước, điện giải, rối loạn thân nhiệt, cơ chế sinh lý bệnh quá trình viêm.
CLO3	Phân tích cơ chế bệnh sinh, biểu hiện các rối loạn ở hệ cơ quan hô hấp.
CLO4	Phân tích cơ chế bệnh sinh, biểu hiện các rối loạn ở hệ cơ quan tuần hoàn.
CLO5	Phân tích cơ chế bệnh sinh, biểu hiện các rối loạn ở hệ cơ quan tiêu hóa.
CLO6	Phân tích cơ chế bệnh sinh, biểu hiện các rối loạn ở hệ cơ quan tiết niệu.
CLO7	Lập kế hoạch xác định nhu cầu sử dụng sinh phẩm y tế, vaccin trong công tác điều trị dự phòng.
CLO8	Có khả năng làm việc và hợp tác nhóm trong tìm kiếm thông tin và tổ chức các dịch vụ thông tin thuốc cho cả hai đối tượng

	thầy thuốc và bệnh nhân.
CLO9	<i>Rèn luyện các phẩm chất đạo đức cá nhân: trung thực, cẩn trọng, chính xác, khách quan, có ý thức học tập phát triển nghề nghiệp suốt đời</i>

5. Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Bảng 5.1. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Chuẩn đầu ra HP (CLOs)	Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
CLO1		X	X	X	X				X			
CLO2		X	X	X	X				X			
CLO3		X	X	X	X				X			
CLO4		X	X	X	X				X			
CLO5		X	X	X	X				X			
CLO6		X	X	X	X				X			
CLO7		X	X	X	X				X			
CLO8		X	X	X	X				X	X	X	X
CLO9		X	X	X	X				X	X	X	X
Tổng hợp		X	X	X	X				X	X	X	X

6. Đánh giá HP

a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP

Học phần đánh giá	Trọng số (%)	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Liên quan đến CLO nào ở Bảng 5.1	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Chuyên cần	10	A1.1. Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	50	R1	CLO 1,2,3,4,5,6	Đánh giá chuyên cần
		A1.2. Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, giáo viên quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	50			

A2. Đánh giá giữa kỳ	20	A2.1. Tuần 4: Sinh viên làm bài kiểm tra viết. A2.2. Tuần 6: Sinh viên làm bài kiểm tra viết.			CLO 1,2,3	- Đánh giá kiểm tra viết
A3.Đánh giá kỹ năng	10	Sinh viên làm bài tập liên quan đến học phần		R3	CLO5	Bài tập
A4. Đánh giá cuối kỳ	60	Bài kiểm tra cuối kỳ: Kiểm tra trắc nghiệm.			CLO 1,2,3,4,5,6	- Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm

b. Chính sách đối với học phần

- Sinh viên tham dự $\geq 80\%$ số buổi của học phần. Nếu nghỉ $> 20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc học phần.

Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần theo tuần

Tuần (5 tiết/tuần)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/T H/TT)	Chuẩn đầu ra của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở Bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của sinh viên(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 Bảng 6.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Buổi 1: 1.1. KHÁI NIỆM VỀ BỆNH 1.2. KHÁI NIỆM VỀ BỆNH NGUYÊN 1.3. KHÁI NIỆM VỀ BỆNH SINH						
1	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO1			A1
	1.1. Khái niệm về bệnh 1.1.1. Một số khái niệm trong lịch sử 1.1.2. Quan niệm về bệnh hiện nay 1.2. Khái niệm về bệnh nguyên 1.2.1. Đại cương 1.2.2. Quan niệm về bệnh nguyên hiện nay. 1.2.3. Xếp loại các yếu tố bệnh nguyên		- - Nêu được các quan niệm về bệnh nguyên và xếp loại các yếu tố bệnh nguyên. - Phân tích được yếu tố bên trong và bên ngoài cơ thể ảnh hưởng đến quá trình bệnh sinh và diễn biến của quá trình bệnh sinh - Mô tả được diễn biến của quá trình bệnh sinh		Phương pháp giải thích cụ thể	- Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà. - Đọc tài liệu: [1].Trang 18-35 (Phần sinh lý bệnh)	
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	10/0/0		CLO1			

	1.3. Khái niệm về bệnh sinh 1.3.1. Đại cương 1.3.2. Vai trò của bệnh nguyên trong quá trình bệnh sinh 1.3.3. Yếu tố bên trong và bên ngoài cơ thể ảnh hưởng đến quá trình bệnh sinh 1.3.4. Vòng xoắn bệnh lý 1.3.5. Diễn biến của quá trình bệnh sinh		<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được quá trình bệnh lý và trạng thái bệnh lý - Xếp loại được các yếu tố bệnh nguyên - Mô tả được diễn biến của quá trình bệnh sinh 		Phương pháp giải thích cụ thể	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
Buổi 2: 2.1. RỐI LOẠN CHUYỂN HÓA GLUCID 2.2. RỐI LOẠN CHUYỂN HÓA PROTID 2.3. RỐI LOẠN CHUYỂN HÓA LIPID							
2	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO2			A1,A3
	2.1. Rối loạn chuyển hóa glucid 2.1.1. Đại cương 2.1.2. Rối loạn chuyển hóa glucid. 2.2. Rối loạn chuyển hóa protid 2.2.1. Đại cương 2.2.2. Rối loạn chuyển hóa protid 2.3. Rối loạn chuyển hóa lipid 2.3.1. Đại cương 2.3.2. Rối loạn chuyển hóa lipid		<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được những các rối loạn chuyển hóa glucid liên quan các bệnh lý thường gặp. - Phân tích được những các rối loạn chuyển hóa protid liên quan các bệnh lý thường gặp. - Phân tích được những các rối loạn chuyển hóa lipid liên quan các bệnh lý thường gặp. 		Phương pháp giải thích cụ thể	- Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà - Đọc tài liệu: [1].Trang 45-65 (Phần sinh lý bệnh)	Nhóm 1
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	10/0/0		CLO3,4,			
	2.4. Tìm hiểu các chỉ số thể hiện rối loạn chuyển hóa glucid, protid, lipid		<ul style="list-style-type: none"> - Phát hiện được những các chỉ số biểu hiện rối loạn chuyển hóa glucid, protid, lipid. 			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
BUỔI 3: 3.1. RỐI LOẠN CHUYỂN HÓA NƯỚC, ĐIỆN GIẢI. 3.2. SINH LÝ BỆNH QUÁ TRÌNH VIÊM 3.3. SINH LÝ BỆNH ĐIỀU HÒA THÂN NHIỆT – SỐT							

3	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO2			A1, A3
	3.1. Rối loạn chuyển hóa nước và điện giải 3.1.1. Đại cương 3.1.2. Vai trò của nước và điện giải 3.1.3. Cân bằng xuất nhập nước và muối trong cơ thể 3.1.4. Sự phân bố và trao đổi nước, điện giải giữa các khu vực trong cơ thể 3.1.5. Điều hòa khối lượng nước và áp lực thẩm thấu 3.1.6. Rối loạn chuyển hóa nước và điện giải		- Trình bày được vai trò của nước - điện giải, cân bằng xuất nhập nước và muối trong cơ thể. - Trình bày được cơ chế các trường hợp mất nước.				Nhóm 2
	3.2. Sinh lý bệnh quá trình viêm 3.2.1. Đại cương 3.2.2. Những biến đổi chủ yếu trong viêm 3.2.3. Quan hệ giữa phản ứng viêm và cơ thể		- Nêu được những biến đổi và kể rõ những rối loạn tuần hoàn tại ổ viêm - Trình bày được thành phần dịch rỉ viêm và nêu những phương thức tiêu diệt yếu tố viêm của thực bào	Phương pháp giải thích cụ thể		- Thảo luận nhóm. - Đọc tài liệu: [1].Trang 76-87 113-139 (Phần sinh lý bệnh)	
	3.3. Sinh lý bệnh điều hòa thân nhiệt, sốt 3.3.1. Điều hòa thân nhiệt 3.3.2. Thay đổi thân nhiệt thụ động 3.3.3. Tăng thân nhiệt chủ động: sốt		- Nêu và giải thích cơ chế, đặc điểm tăng thân nhiệt. - Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến cường độ sốt, rối loạn chức năng chuyển hóa, chức năng hệ thần kinh trong sốt.				
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	10/0/0		CLO3,4,5			

	<p>3.3. Vai trò của nước - điện giải, cân bằng xuất nhập nước và muối trong cơ thể</p> <p>3. 4. Sự phân bố và trao đổi nước, điện giải giữa các khu vực trong cơ thể và điều hòa khối lượng nước và áp lực thẩm thấu.</p> <p>3.5. Những biến đổi chủ yếu trong viêm, quan hệ giữa phản ứng viêm và cơ thể</p> <p>3.6. Thay đổi thân nhiệt thụ động và tăng thân nhiệt chủ động: sốt</p>		<p>- Trình bày được sự phân bố và trao đổi nước, điện giải giữa các khu vực trong cơ thể và điều hòa khối lượng nước và áp lực thẩm thấu.</p> <p>- Nêu được những biến đổi chủ yếu trong viêm, quan hệ giữa phản ứng viêm và cơ thể</p>			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
<p>Buổi 4: 4.1. SINH LÝ BỆNH HỆ HÔ HẤP 4.2. SINH LÝ BỆNH HỆ TUẦN HOÀN</p>							
4	<p>a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp</p>	5/0/0		CLO3,4			A2.1, A3
	<p>4.1. SINH LÝ BỆNH HỆ HÔ HẤP</p>						
	<p>4.2.1. Đại cương 4.2.2. Rối loạn hô hấp 4.2.2.1. Rối loạn quá trình thông khí 4.2.2.2. Rối loạn quá trình khuếch tán 4.2.2.3. Rối loạn quá trình vận chuyển 4.2.2.4. Rối loạn quá trình hô hấp tế bào. 4.2.3. Suy hô hấp</p> <p>4.3. Sinh lý bệnh hệ tuần hoàn. 4.3.1. Đại cương 4.3.2. Suy tuần hoàn do tim 4.3.3. Suy tuần hoàn do mạch 4.3.3.1. Xơ vữa động mạch</p>		<p>- Trình bày được các hình thức rối loạn hô hấp như: rối loạn quá trình thông khí; rối loạn quá trình khuếch tán; rối loạn quá trình vận chuyển, rối loạn quá trình hô hấp tế bào.</p> <p>- Trình bày được cơ chế suy tim trái, suy tim phải - Liệt kê được các bệnh gây suy tuần hoàn do mạch</p>		<p>-Phương pháp giải thích cụ thể - Học nhóm</p>	<p>Đọc tài liệu: [1].Trang 170-196 (Phần sinh lý bệnh) - Sinh viên nhóm 2 và 3 làm bản thu hoạch sau khi học xong bài 4.1, 4.2</p>	Nhóm 3

	4.3.3.2. Bệnh cao huyết áp 4.3.3.3. Hạ huyết áp						
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	10/0/0		CLO1,2,3,4,			
	4.4. Các rối loạn quá trình thông khí, quá trình khuếch tán, quá trình vận chuyển, quá trình hô hấp tế bào 4.5. Nêu các bệnh lý suy tuần hoàn do mạch		-Nêu được các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình khuếch tán khí, - Trình bày các rối loạn khuếch tán khí trong phù phổi cấp, viêm phổi, khí phế, hậu quả? - Trình bày được cơ chế bệnh sinh tăng huyết áp.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
Buổi 5: SINH LÝ BỆNH HỆ TIÊU HÓA							
5	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO5			A1, A3
	5.1. Đại cương về cấu trúc, chức năng ống tiêu hóa. 5.2. Rối loạn tiêu hóa tại dạ dày 5.3. Rối loạn chức năng tiết dịch 5.4. Cơ chế bệnh sinh của loét dạ dày tá tràng 5.5. Rối loạn tiêu hóa tại ruột 5.6. Rối loạn hấp thu		-Trình bày được rối loạn tiêu hóa tại dạ dày, rối loạn chức năng tiết dịch -Trình bày được cơ chế bệnh sinh của loét dạ dày tá tràng		Phương pháp giải thích cụ thể - Học nhóm	- Thảo luận nhóm - Đọc tài liệu: [1].Trang 197-211 226-239 (Phần sinh lý bệnh)	Nhóm 4
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	10/0/0		CLO3,4,5			
	5.7. Mô tả cấu trúc, chức năng đường tiêu hóa 5.8. Rối loạn tiêu hóa tại ruột, rối loạn hấp thu.		-Trình bày các biểu hiện rối loạn tiêu hóa khi thiếu dịch tụy, dịch mật -Trình bày được cơ chế bệnh sinh tiêu chảy cấp -Nêu những bệnh			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	

			làm thay đổi chức năng bài tiết và tái hấp thu ở ống thận				
Buổi 6: SINH LÝ BỆNH CHỨC NĂNG THẬN							
6	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO6			A2.2
	6.1. Sinh lý bệnh chức năng thận 6.1.1. Đại cương cấu trúc, chức năng thận 6.1.2. Thay đổi ở nước tiểu và ở máu trong một số bệnh thận 6.1.3. Thăm dò chức năng thận 6.1.4. Một số bệnh lý cầu thận và ống thận 6.1.5. Suy thận		- Trình bày được sự thay đổi ở nước tiểu và ở máu trong một số bệnh thận - Nêu được triệu chứng một số bệnh lý ở cầu thận và ống thận		Phương pháp giải thích cụ thể	- Đọc tài liệu: [1] Trang 226-239 (Phần sinh lý bệnh)	
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	10/0/0		CLO6			
	5.6. Khái niệm, nguyên nhân về đa niệu, thiếu niệu, vô niệu; 5.7. Một số bệnh lý ở ống thận và cầu thận, vô thương thận		- Hiểu rõ nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh suy thận cấp và suy thận mạn. - Trình bày các bệnh lý vô thương thận			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
Buổi 7: ĐẠI CƯƠNG VỀ MIỄN DỊCH HỌC, TẾ BÀO MIỄN DỊCH VÀ CƠ QUAN LYMPHO							
7	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO7,8			A1.A3
	7.1. Đáp ứng miễn dịch tự nhiên 7.2. Đáp ứng miễn dịch thu được 7.3. Các loại tế bào miễn dịch 7.4. Cơ quan lympho		- Trình bày được đặc điểm của miễn dịch tự nhiên và miễn dịch thu được. - Nêu được một vài hiện tượng viêm đặc hiệu trên lâm sàng		Phương pháp giải thích cụ thể	- Đọc tài liệu: [1] Trang 11-32 (Phần miễn dịch)	
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	10/0/0		CLO7,8			
	7.5. Các loại đáp		- Kể tên được các			Chuẩn bị	

	<p>ứng miễn dịch</p> <p>7.6. Các cơ quan lympho trung ương và cơ quan lympho ngoại vi</p> <p>7.6. Các tế bào tham gia đáp ứng miễn dịch</p>		<p>cơ quan miễn dịch trung ương và miễn dịch ngoại vi, nêu chức năng cụ thể</p> <p>- Trình bày được vai trò của bạch cầu trung tính, ái toan, ái kiềm, tiểu cầu trong đề kháng miễn dịch của cơ thể</p>			<p>tốt phần tự học ở nhà</p>	
Buổi 8: KHÁNG NGUYÊN, KHÁNG THỂ, QUÁ MÃN							
8	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO7,8,9			A1
	<p>8.1. Định nghĩa và các thuộc tính của kháng nguyên</p> <p>8.2. Các loại kháng nguyên chủ yếu</p> <p>8.3. Cấu trúc và thuộc tính sinh học của kháng thể</p> <p>8.4. Quá mẫn cảm</p>		<p>-Phân loại được các kháng nguyên.</p> <p>-Trình bày được cấu trúc tổng quát và các thuộc tính sinh học của kháng thể</p> <p>-Trình bày được cơ chế quá mẫn typ I</p>		<p>Phương pháp giải thích cụ thể</p>	<p>- Đọc tài liệu: [1] Trang 57-68 104-118 (Phần miễn dịch)</p>	
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	10/0/0		CLO1,2,3,4			
	<p>8.5. Các kháng nguyên chủ và các thuộc tính của chúng</p> <p>8.6. Thuộc tính sinh học kháng thể</p> <p>8.7. Quá mẫn</p>		<p>-Kể tên được những cấu thành chủ yếu của phân tử Ig, 5 lớp Ig và chức năng chủ yếu của mỗi lớp</p> <p>-Trình bày các yếu tố tham gia, cơ chế bệnh sinh của quá mẫn typ II, III</p>			<p>Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà</p>	
Buổi 9: CYTOKIN VÀ HỆ THỐNG BỔ THỂ							
9	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO7,8,9			
	<p>9.1. Đặc điểm và hoạt tính sinh học của các cytokin</p> <p>9.2. Tác dụng sinh học của bổ thể</p> <p>9.3. Các bước hoạt hóa bổ thể</p>		<p>- Trình bày được đặc tính và chức năng của cytokin</p> <p>- Tác dụng sinh học và các bước hoạt hóa bổ thể</p>		<p>Phương pháp giải thích cụ thể</p>	<p>- Đọc tài liệu: [1] Trang 69-79 (Phần miễn dịch)</p>	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở	10/0/0		CLO7,8			

	nhà						
	9.4. Hoạt tính sinh học của các cytokin, các cytokin trung gian và điều hòa miễn dịch bẩm sinh 9.5. Tác dụng sinh học của bỏ thể, các bước hoạt hóa		- Nêu được đặc điểm của các cytokin trung gian và điều hòa miễn dịch bẩm sinh			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà. Đọc tài liệu.	
Theo lịch thi	FINAL EXAM			CLO1,2 3,4,5,6			A4

8. Học liệu:

Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
[1]	Văn Đình Hoa Nguyễn Ngọc Lanh	2018	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	Nhà xuất bản Y học
Sách, giáo trình tham khảo				
[2]	Phạm Hoàng Phiệt	2008	Miễn dịch - Sinh lý bệnh	Nhà xuất bản Y học

Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ web hữu ích cho học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Sinh lý, sinh lý bệnh – miễn dịch	https://yhoctonghop.vn/tong-hop-hon-100-link-download-sach-y-duoc-hay-nhat	19/8/2019

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

Bảng 9.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của học phần

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường	- Bảng lớn	01	Tất cả các bài trong học phần
		- Máy chiếu	01	
		- Phương tiện tăng âm	01	

Bình Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2019

TRƯỞNG KHOA



TRƯƠNG THỊ NGỌC SƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Dược

Mã số: 7720201

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1 Mã học phần: 071092	1.2 Tên học phần: BỆNH HỌC
1.3 Ký hiệu học phần:	1.4 Tên tiếng Anh: PATHOLOGY.
1.5 Số tín chỉ: 03	
1.6 Phân bố thời gian: Học kỳ	
- Lý thuyết:	45 tiết
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	00 tiết
- Tự học:	90 tiết
1.7 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	
1.8 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần học trước:	Giải phẫu, Sinh lý, Sinh lý bệnh - Miễn dịch.
- Học phần song hành:	Không yêu cầu

2. Mô tả học phần:

Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguyên nhân sinh bệnh, những thay đổi về hình thái, chức năng các hệ cơ quan trong cơ thể; cơ chế bệnh sinh, triệu chứng bệnh và hướng điều trị bệnh. Từ đó sinh viên có thể ứng dụng cho những môn học chuyên ngành như Dược lý, Dược lâm sàng, Hóa dược,... Những kiến thức này là cơ sở giúp sinh viên dược sau khi ra trường trở thành những chuyên gia thực thụ trong lĩnh vực sử dụng thuốc, đảm đương trách nhiệm tư vấn cho thầy thuốc trong việc điều trị bệnh, hướng dẫn cho bệnh nhân sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả.

3. Mục tiêu học phần (Goals)

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)
G1	Kiến thức cơ bản về y học như: một số thay đổi về giải phẫu bệnh, cơ chế sinh bệnh, các triệu chứng lâm sàng, chẩn đoán, và điều trị các bệnh thường gặp tại hệ cơ quan hô hấp, tuần	PLO1

	hoàn, tiêu hóa, tiết niệu.	
G2	Có khả năng lập danh mục cung ứng thuốc cho công tác điều trị, dự phòng.	PLO2,PLO3
G3	Có trách nhiệm trong công tác quản lý, phân phối thuốc, thực hiện công tác dược lâm sàng và nâng cao trình độ nghiệp vụ	PLO4, PLO9

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes-CLOs)

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR của học phần (CLOs)	Mô tả CLOs (Sau khi học xong môn học này, người học có thể:)
CLO1	Có khả năng phân tích được sự thay đổi về giải phẫu và cơ chế bệnh sinh, triệu chứng các bệnh thường gặp tại hệ hô hấp.
CLO2	Có khả năng phân tích được sự thay đổi về giải phẫu và cơ chế bệnh sinh, triệu chứng các bệnh thường gặp tại hệ tim mạch.
CLO3	Có khả năng phân tích được sự thay đổi về giải phẫu và cơ chế bệnh sinh, triệu chứng các bệnh thường gặp tại hệ tiêu hóa.
CLO4	Có khả năng phân tích được sự thay đổi về giải phẫu và cơ chế bệnh sinh, triệu chứng các bệnh thường gặp tại hệ tiết niệu.
CLO5	Có khả năng lập kế hoạch cung ứng thuốc cho công tác điều trị.
CLO6	Có khả năng thực hiện công tác tư vấn cho bệnh nhân sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả.
CLO7	Có khả năng cung cấp thông tin về thuốc cho thầy thuốc và bệnh nhân.
CLO8	<i>Học tập để nâng cao trình độ chuyên môn.</i>
CLO9	<i>Làm việc độc lập, làm việc nhóm. Tuân thủ các chuẩn mực về đạo đức và thực thi trách nhiệm đối với xã hội</i>

5. Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) và CĐR của chương trình (PLOs)

Bảng 5.1. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CĐR của chương trình (PLOs)

Chuẩn đầu ra HP (CLOs)	Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
CLO1	X	X	X	X					X		X	X
CLO2	X	X	X	X					X		X	X
CLO3		X	X	X					X		X	X
CLO4		X	X	X					X		X	X
CLO5		X	X	X					X		X	X
CLO6		X	X	X					X		X	X

CLO7		X	X	X					X		X	X
CLO8									X		X	X
CLO9											X	X
Tổng hợp	X			X					X		X	X

6. Đánh giá học phần

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của sinh viên ở học phần

Học phần đánh giá	Trọng số (%)	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Liên quan đến CLO nào ở Bảng 5.1	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Kiểm tra thường xuyên	10	A1.1. Tuần 2: Sinh viên làm bài tập tình huống số 1	30	R3	CLO 5,6,7	Bài tập
		A1.2. Tuần 4: Sinh viên làm bài tập tình huống số 2	30			
		A1.3. Tuần 6: Sinh viên làm bài tập tình huống số 3	40			
A2. Đánh giá kỹ năng	10	Tuần 3: Sinh viên thực hành đo huyết áp và đánh giá phân loại huyết áp theo Hiệp hội Tim mạch Việt Nam		R3	CLO 2	Bài tập
A3. Đánh giá giữa kỳ	20	Tuần 7: Sinh viên làm bài kiểm tra viết			CLO 2,3,4	Đánh giá kiểm tra viết.
A4. Đánh giá cuối kỳ	60	Kiểm tra cuối kỳ: Kiểm tra trắc nghiệm.		Kiểm tra trắc nghiệm	CLO 1,2,3 4,5,6	Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm

6.2. Chính sách đối với học phần

- Sinh viên tham dự $\geq 80\%$ số buổi của học phần. Nếu nghỉ $> 20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc học phần.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần theo tuần

Tuần (5 tiết/tuần n)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/ TH/T T)	Chuẩn đầu ra của bài học (chương)/chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở Bảng 4.1	Phương pháp giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của sinh viên(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 Bảng 6.1)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	
1	Buổi 1: 1.1. ĐẠI CƯƠNG BỆNH LÝ HỆ ĐƯỜNG HÔ HẤP, 1.2. HEN PHẾ QUẢN 1.3. BỆNH PHỔI TẮC NGHẼN MÃN TÍNH							
	1.1. ĐẠI CƯƠNG BỆNH LÝ HỆ ĐƯỜNG HÔ HẤP.							
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp		1/0/0		CLO1,2			
	1.1.1. Nhắc lại giải phẫu, sinh lý hệ hô hấp. 1.1.2. Những triệu chứng biểu hiện bệnh đường hô hấp			- Phân tích được sự thay đổi về giải phẫu và cơ chế bệnh sinh hệ hô hấp - Mô tả được triệu chứng biểu hiện bệnh đường hô hấp .		Giải thích cụ thể	- Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà.	
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà		2/0/0		CLO1,2			
	1.1.3. Khái niệm một số dấu hiệu bệnh lý hô hấp, tuần hoàn 1.1.4. Các bệnh lý hô hấp, tuần hoàn thường gặp			- Liệt kê được những dấu hiệu bệnh đường hô hấp thường gặp.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	1.2. HEN PHẾ QUẢN							
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp		2/0/0		CLO1			
	1.2.1. Định nghĩa, nguyên nhân, bệnh sinh.			- Mô tả được triệu chứng lâm sàng của bệnh		Giải thích cụ thể		

	1.2.2. Triệu chứng, chẩn đoán hen phế quản. 1.2.3. Biện chứng		hen phế quản - Trình bày được chẩn đoán một trường hợp hen phế quản				
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	4/0/0					
	1.2.4. Phân loại HPQ 1.2.5. Điều trị		-Đánh giá được mức độ nặng của bệnh HPQ.				
	1.3. BỆNH PHỔI TẮC NGHẼN MÃN TÍNH						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2/0/0		CLO1, CLO5,6			
	1.3.1. Giải phẫu bệnh, sinh lý bệnh và cơ chế bệnh sinh 1.3.2. Triệu chứng		- Giải thích được cơ chế bệnh sinh hen phế quản - Mô tả được triệu chứng bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính - Lập danh mục thuốc liên quan bệnh HPQ và bệnh PTNMT		Giải thích cụ thể		
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	4/0/0					
	1.3.3. Phân loại, tiến triển 1.3.4. Điều trị		- Biết phân loại bệnh PTNMT và liệt kê các thuốc điều trị				
2	2.1. ĐẠI CƯƠNG BỆNH HỆ TIM MẠCH 2.2. SUY TIM						
	2.1. ĐẠI CƯƠNG BỆNH HỆ TIM MẠCH						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2/0/0		CLO2			A2.1

	2.1.1. Nhắc lại giải phẫu sinh lý hệ tim mạch 2.1.2. Một số triệu chứng biểu hiện bệnh tim mạch.		- Mô tả đặc điểm giải phẫu sinh lý hệ tim mạch . - Liệt kê một số triệu chứng bệnh tim mạch thường gặp		Giải thích cụ thể		
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	4/0/0					
	2.1.3. Khái niệm một số tiếng tim bất thường 2.1.4. Các bệnh tim mạch		- Liệt kê một số bệnh tim mạch thường gặp				
	2.2. SUY TIM	3/0/0					
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp			CLO2			
	4.1. Suy tim 2.2.1. Định nghĩa và sinh lý bệnh. 2.2.2. Nguyên nhân		- Liệt kê các yếu tố ảnh hưởng đến bệnh suy tim -Mô tả được cơ chế sinh bệnh - Đánh giá được mức độ suy tim.		Giải thích cụ thể		
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	6/0/0					
	2.2.3. Triệu chứng 2.2.4. Phân loại.		-Nêu được nguyên nhân triệu chứng suy tim				
3	3. TĂNG HUYẾT ÁP						A2
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO2, 5,6,7			
	3.1. Định nghĩa, nguyên nhân, bệnh sinh 3.2. Chẩn đoán tăng huyết áp 3.1.1. Chẩn đoán xác định 3.1.2. Chẩn đoán yếu tố nguy cơ		-Liệt kê được các hậu quả của bệnh tăng huyết áp. -Phân tích cơ chế bệnh sinh và liệt kê được nguyên nhân, -Xác định các		Giải thích cụ thể		

			yếu tố nguy cơ -Thực hiện đo huyết áp, phân loại bệnh tăng huyết áp.				
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0					
	3.1.3. Xét nghiệm liên quan đến yếu tố nguy cơ bệnh tăng huyết áp 3.1.4. Điều trị		- Liệt kê các xét nghiệm liên quan bệnh tăng huyết áp. - Thống kê danh mục các nhóm thuốc điều trị tăng huyết áp		Giải thích cụ thể		
4	4.1. ĐẠI CƯƠNG BỆNH LÝ HỆ TIÊU HÓA						
	4.2. LOÉT DẠ DÀY TÁ TRÀNG						
	4.3. TIÊU CHẢY – TÁO BÓN						
	4.1. ĐẠI CƯƠNG BỆNH LÝ HỆ TIÊU HÓA						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	1/0/0		CLO3			A1.2.
	4.1.1. Những triệu chứng biểu hiện bệnh đường tiêu hóa và cơ chế bệnh sinh 4.1.2. Các xét nghiệm liên quan bệnh đường tiêu hóa		- Mô tả được các triệu chứng biểu hiện bệnh hệ tiêu hóa thường gặp và cơ chế bệnh sinh. - Thống kê các xét nghiệm liên quan bệnh đường tiêu hóa		- Giải thích cụ thể	-Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	Bài tập về nhà
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	2/0/0					
	4.1.3. Nhắc lại giải phẫu, sinh lý hệ tiêu hóa		- Mô tả đặc điểm giải phẫu sinh lý hệ tiêu hóa.				
	4.2. LOÉT DẠ DÀY TÁ TRÀNG						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên	2/0/0		CLO3			

	lớp						
	4.2.1. Định nghĩa, nguyên nhân, bệnh sinh. 4.2.2. Triệu chứng.		- Thống kê được nguyên nhân, - Phân tích bệnh sinh và triệu chứng loét dạ dày tá tràng.		Giải thích cụ thể		
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	4/0/0		CLO3 CLO5,6 ,7			
	4.2.3. Biến chứng. 4.2.4. Điều trị.		- Thống kê các biến chứng loét dạ dày tá tràng - Lập danh mục thống kê các nhóm thuốc điều trị.				
	4.3. TIÊU CHẢY – TÁO BÓN	2/0/0		CLO3			
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp						
	4.3.1. Định nghĩa, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng tiêu chảy. 4.3.2. Định nghĩa, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh triệu chứng táo bón.		- Phân tích được nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh của bệnh tiêu chảy và táo bón.		Giải thích cụ thể		
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	4/0/0					
	4.3.3. Điều trị tiêu chảy. 4.3.4. Điều trị táo bón.		- Lập danh mục thuốc điều trị liên quan đến bệnh tiêu chảy và táo bón.				
5	5.1. BỆNH XƠ GAN 5.2. ĐẠI CƯƠNG BỆNH LÝ HỆ TIẾT NIỆU 5.3. VIÊM CẦU THẬN CẤP						
	5.1. BỆNH XƠ GAN						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2/0/0		CLO3			

	5.1.1. Định nghĩa, nguyên nhân. 5.1.2. Tôn thương giải phẫu bệnh và cơ chế hình thành xơ gan. 5.1.3. Triệu chứng.		- Giải thích được những thay đổi giải phẫu bệnh và cơ chế hình thành xơ gan. -Nêu được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của xơ gan.		Giải thích cụ thể		
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	4/0/0		CLO3 CLO5,6 ,7			
	5.1.4. Tiên lượng, biến chứng. 5.1.5. Điều trị.		- Thống kê các biến chứng xơ gan - Lập danh mục thuốc điều trị xơ gan				
	5.2. ĐẠI CƯƠNG BỆNH LÝ HỆ TIẾT NIỆU	1/0/0		CLO4			
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp						
	5.2.1. Sinh lý bệnh rối loạn chức năng thận 5.2.2. Triệu chứng các bệnh liên quan hệ tiết niệu		-Thống kê được các thay đổi liên quan đến rối loạn chức năng thận - Mô tả các triệu chứng bệnh liên quan hệ tiết niệu		Giải thích cụ thể		
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	2/0/0					
	5.2.3. Đặc điểm giải phẫu sinh lý hệ tiết niệu		- Mô tả đặc điểm giải phẫu sinh lý hệ tiết niệu				
	5.3. VIÊM CẦU THẬN CẤP						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2/0/0		CLO4			
	5.3.1. Định nghĩa, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh		- Phân tích, nguyên nhân, cơ chế viêm cầu thận cấp				

	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	4/0/0		CLO4			
	5.3.2. Triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng 5.3.3. Điều trị		- Các xét nghiệm cận lâm sàng viêm cầu thận cấp				
6	6.2. ĐÁI THÁO ĐƯỜNG						A1.3
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp			CLO5,6,7			
	5.2.2. Định nghĩa, phân loại, nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh. 5.1.3. Triệu chứng và tiêu chuẩn chẩn đoán.		- Liệt kê được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh bệnh đái tháo đường. - Lập danh mục thuốc điều trị đái tháo đường.		Phương pháp giải thích cụ thể		
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà					-	
	5.2.1. Nhắc lại sinh lý insulin và chuyển hóa glucose. 5.1.4. Biến chứng 5.1.5. Điều trị		- Nắm được chuyển hóa của insulin trong cơ thể - Liệt kê các biến chứng - Lập danh mục thuốc điều trị đái tháo đường			-	
7	7.1. SUY THẬN CẤP 7.2. SUY THẬN MẠN 7.3. BỆNH VỎ THƯƠNG THẬN						
	7.1. SUY THẬN CẤP						A3
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO,3			
	7.1.1. Định nghĩa , nguyên nhân, phân loại. 7.1.2. Cơ chế bệnh sinh.		- Phân tích nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh suy thận cấp - Liệt kê được		- Phương pháp giải thích cụ thể		

			các bệnh lý vô thương thận				
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà						
	7.1.3. Các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của suy thận cấp		-Nắm rõ các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của suy thận cấp				
	7.2 SUY THẬN MẠN						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp						
	7.2.1. Nguyên nhân, cơ chế bệnh, tiến triển suy thận mạn. 7.2.2. Điều trị.		- Phân tích nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh suy thận cấp và suy thận mạn.				
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà						
	7.2.3. Triệu chứng 7.2.4. Tiến triển.		- Phân tích các triệu chứng suy thận mạn.				
	7.3. BỆNH VÔ THƯƠNG THẬN						
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	10/0/0		CLO4			
	7.3.1. Cường vô thương thận 7.3.2. Suy vô thương thận		- Phân tích được các bệnh lý vô thương thận			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	10/0/0		CLO4			
	7.3.1. Nhắc lại giải phẫu, sinh lý vô thương thận.		Mô tả đặc điểm giải phẫu sinh lý vô thương thận			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	

8	8.1. THIẾU MÁU 8.2. BỆNH LAO						
	8.1. THIẾU MÁU						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO2			
	8.1.1. Đại cương về thiếu máu 8.1.2. Thiếu máu do thiếu sắt. 8.1.3. Thiếu máu do thiếu vitamin B12. 8.1.4. Thiếu máu do thiếu acid Folic. 8.1.5. Thiếu máu do tan máu tự miễn. 8.1.6. Suy tủy. 8.1.7. Thiếu máu trong các bệnh mãn tính.		-Phân biệt các nguyên nhân, thiếu máu.		-Phương pháp giải thích cụ thể		
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	10/0/0		CLO2			
	8.1.8. Nguyên nhân, triệu chứng, điều trị các bệnh thiếu máu.		-Nêu được nguyên nhân, triệu chứng, điều trị các bệnh lý thiếu máu			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	8.2. BỆNH LAO						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp			CLO2 CLO5,6 ,7			
	8.2.1. Định nghĩa và tình hình mắc bệnh lao. 8.2.2. Cơ chế bệnh sinh. 8.2.3. Phân loại một số thể lâm sàng bệnh lao. 8.2.4. Triệu chứng lao phổi ở người lớn. 8.2.5. Điều trị. 8.2.6. Phòng bệnh lao.		- Nêu được cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lao phổi ở người lớn. - Phân loại một số thể lâm sàng bệnh lao. - Lập danh mục thuốc điều trị bệnh lao				
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà			CLO5,6 ,7			

	8.2.7. Nguyên nhân, điều kiện thuận lợi và nguồn lây, cơ chế bệnh sinh. 8.2.8. Triệu chứng lao phổi ở người lớn		-Liệt kê được nguyên nhân, điều kiện thuận lợi, nguồn lây bệnh lao. - Mô tả được triệu chứng và các phác đồ điều trị bệnh lao.				
9	Buổi 9:						
	9.1. VIÊM GAN VIRUS						
	9.2.TAI BIẾN MẠCH MÁU NÃO						
	9.1. VIÊM GAN VIRUS						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0			CLO7,8		
	9.1. Viêm gan virus 9.1.1. Định nghĩa, nguyên nhân 9.1.2. Triệu chứng lâm sàng. 9.1.3. Xét nghiệm.		- Phân tích được các nguyên nhân, kết quả, cận lâm sàng của viêm gan virus B.			- Phương pháp giải thích cụ thể	
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	10/0/0			CLO7,8		
	9.1.4. Điều trị và phòng bệnh.		- Nêu các biện pháp dự phòng viêm gan virus.				Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà
	9.2.TAI BIẾN MẠCH MÁU NÃO						
a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp				CLO7,8,9			
9.2. Tai biến mạch máu não 9.2.1. Định nghĩa, phân loại, yếu tố nguy cơ 9.2.2. Cơ chế bệnh sinh			- Phân tích được các yếu tố nguy cơ và cơ chế bệnh sinh tai biến mạch máu não.				
b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà							
9.2.3. Triệu chứng cận lâm sàng 9.2.4. Điều trị			- Thống kê các xét nghiệm liên quan tai biến				

	9.2.5. Phòng bệnh tai biến mạch máu não.		mạch máu não. - Hướng dẫn cách phòng bệnh cho bệnh nhân				
Theo lịch thi	FINAL EXAM			CLO1,2,3,4,5,6			A4

8. Học liệu:

Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
[1]	Lê Thị Luyến	2017	Bệnh học	NXB Y học Hà nội
Sách, giáo trình tham khảo				
[2]	Ngô Quý Châu	2012	Bệnh học nội khoa tập 1+2	NXB Y học Hà nội

Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ web hữu ích cho học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Bệnh học nội khoa	https://yhoctonghop.vn/tong-hop-hon-100-link-download-sach-y-duoc-hay-nhat	19/8/2019

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

Bảng 9.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của học phần

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường	- Bảng lớn	01	Tất cả bài trong học phần
		- Máy chiếu	01	
		- Phương tiện tăng âm	01	

Bình Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2019

TRƯỞNG KHOA



TRƯƠNG THỊ NGỌC SƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: DƯỢC

Mã số: 7720201

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về HP

1.1 Mã học phần: 071080	1.2 Tên học phần: THỰC VẬT DƯỢC
1.3 Ký hiệu học phần:	1.4 Tên tiếng Anh: BOTANY
1.5 Số tín chỉ:	04
1.6 Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	45tiết
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	15 tiết
- Tự học:	115 tiết
-Thực hành	15 tiết
1.7 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	
1.8 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không có
- Học phần học trước:	Không yêu cầu
- Học phần song hành:	Không yêu cầu

2. Mô tả học phần:

Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức đại cương về thực vật học, mô tả các cơ quan

sinh dưỡng, sinh sản của thực vật. Môn học còn trang bị cho sinh viên về nguyên tắc

chung và phương pháp để phân loại thực vật.

3. Mục tiêu HP (Goals)

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)
G1	Mô tả được cấu trúc và chức năng của các thành phần	PLO1

	trong cấu tạo tế bào thực vật.	
G2	Mô tả được các đặc điểm hình thái và giải phẫu của các cơ quan rễ, thân, lá, hoa, quả và hạt.	PLO1
G3	Trình bày được nguyên tắc chung và phương pháp để phân loại thực vật.	PLO1
G4	Nêu được đặc điểm của ngành Dương xỉ trần và Thủy dương xỉ, ngành Rêu, nhóm các ngành Quyết, ngành Thông, ngành Ngọc lan.	PLO1
G5	Nhận biết và vẽ được các đặc điểm hình thái của rễ, thân, lá, hoa, quả và hạt.	PLO1
G6	So sánh cấu tạo sơ cấp và cấu tạo thứ cấp của các cơ quan sinh dưỡng của cây.	PLO1
G7	Viết được hoa thức, vẽ được hoa đồ và mô tả được các đặc điểm hình thái các đại diện của các ngành thực vật.	PLO1

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes-CLOs)

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR của học phần (CLOs)	Mô tả CLOs (Sau khi học xong môn học này, người học có thể:)
CLO 1	Hiểu được cấu trúc và chức năng của các thành phần trong cấu tạo tế bào thực vật
CLO 2	Hiểu được cấu trúc, chức năng các loại mô thực vật.
CLO 3	Hiểu được hình thái và giải phẫu của các cơ quan rễ, thân, lá, hoa, quả, hạt.
CLO 4	Hiểu và vận dụng được nguyên tắc chung và phương pháp để phân loại thực vật.
CLO 5	Hiểu được đặc điểm của ngành Quyết, ngành Rêu, ngành Ngọc lan...
CLO 6	Vẽ được các loại tế bào và mô thực vật
CLO 7	Thực hiện cắt, nhuộm và phân tích được các đặc điểm về hình thái, giải phẫu của rễ, thân, lá, hoa, quả và hạt.
CLO 8	Phân tích sự khác nhau giữa cấu tạo sơ cấp và cấu tạo thứ cấp của các cơ quan sinh dưỡng của cây.
CLO 9	Viết được hoa thức và vẽ hoa đồ.

5. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CĐR của chương trình (PLOs)

Mức độ đóng góp của CLO vào PLO được xác định cụ thể:

- L (Low) – CLO có đóng góp ít vào PLO

- M (Medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO
- H (High) – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích:

- Các mức H - Cao, M - Vừa, L - Thấp - phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (L) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(mức M) hay mức thuần thục (H).

Bảng 5.1. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Chuẩn đầu ra HP (CLOs)	Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
CLO1												
CLO2												
CLO3												
CLO4												
CLO5												
CLO6												
CLO7												
CLO8												
CLO9												
CLO10												
Tổng hợp												

6. Đánh giá HP

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP

H/phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric	Lquan đến CLO nào ở Bảng 5.1	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	10%	A1.1. Tuần 1: Làm bài tập số 1	30%		CLO 1	
		A1.2. Tuần 2: Làm bài tập số 2	30%		CLO 1, 2	
		A1.3. Tuần 3: Làm bài tập số 3	40%		CLO 3	

A2. Kỹ năng	20%	Tuần 10:		R2	CLO 6,7,8,9	- GV cho SV vẽ hình vi phẫu
A3. Đánh giá giữa kỳ	20%	Sinh viên làm một bài kiểm tra cá nhân		R1	CLO 1,2,3	- GV ra đề
A4. Đánh giá cuối kỳ	50%	Bài ktra cuối kỳ: Thi trắc nghiệm theo NHĐT.			CLO 1,2,3,4,5	

- (7) PP đánh giá đạt CDR: Nêu tên các PP đánh giá sử dụng trong từng chương để đạt CDR. Tham khảo các phương pháp đánh giá trong CTĐT ngành Dược học.

6.2. Chính sách đối với HP

- SV tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $>20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP

Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần

Tuần / (5 tiết/tuần)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/TH/T)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lqua n đến CLO nào ở Bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 Bảng 6.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Chương 1: Đại cương						
1	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO 1, CLO 2			A 1.1
	1. Đại cương về thực vật dược 2. Tế bào 3. Mô thực vật		-Nêu khái niệm, hình dạng, kích thước của tế bào. -Mô tả cấu trúc và chức năng của các thành phần trong cấu tạo tế bào thực		-Thuyết trình, giảng giải -Trình chiếu PowerPoi nt	-Làm bài tập số 1 -Thảo luận nhóm	

			<p>vật.</p> <p>-Nêu được định nghĩa, cấu tạo, phân loại và chức năng của 6 loại mô thực vật</p>		<p>-Phát biểu xây dựng bài</p> <p>-Thảo luận nhóm</p>		
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		<p>CLO 1</p> <p>CLO 2</p>			
	<p>Tìm hiểu về các hình dạng tế bào cụ thể ở một số thực vật</p>		-		<p>-Tự học</p> <p>-Học nhóm</p>	<p>Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà</p>	
	<p>Chương 2: Cơ quan sinh dưỡng</p>						
2	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO 3			A 1.2
	<p>2.1. Rễ cây</p> <p>2.2. Thân cây</p> <p>2.3. Lá cây</p>		<p>-Trình bày được hình thái học của rễ, thân, lá</p> <p>-Trình bày được đặc điểm giải phẫu sơ cấp và thứ cấp của rễ, thân, lá lớp Ngọc lan và lớp Hành</p>		<p>-Thuyết trình, giảng giải</p> <p>-Trình chiếu Power Point</p> <p>-Phát biểu xây dựng bài</p> <p>-Thảo luận nhóm</p>	<p>-Làm bài tập số 2</p> <p>-Thảo luận nhóm</p>	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO 3			
	<p>Tìm hiểu về hình dạng, phân loại cụ thể của một số cây</p>		-			<p>Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà</p>	
	<p>Chương 3: Cơ quan sinh sản</p>						

3	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO 3			A1.3
	1. Hoa 2. Quả		-Mô tả được các phần của hoa, quả -Trình bày và vẽ được các kiểu tiền khai hoa -Mô tả cách viết hoa thức và vẽ hoa đồ		-Thuyết trình, giảng giải -Trình chiếu PowerPoint -Phát biểu xây dựng bài -Thảo luận nhóm	-Làm bài tập số 3 Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO 3			
	Tập ghi hoa thức và vẽ hoa đồ					Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 4: Danh pháp và bậc phân loại thực vật.						
4	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO 4			A3
	1.Định nghĩa 2.Các phương pháp phân loại 3.Bậc phân loại và danh pháp phân loại		-Nêu được tên các bậc phân loại theo trình tự. -Trình bày được danh pháp trong phân loại thực vật. -Nêu được tên các ngành thực vật		-Thuyết trình, giảng giải -Trình chiếu PowerPoint -Phát biểu xây dựng bài -Thảo luận nhóm	-Làm bài tập số 4 -Thảo luận nhóm	

	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/10/0		CLO 4			
						Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 5: Phương pháp phân tích cây và sử dụng khóa phân loại thực vật						
5	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO 4			A 1.4
		3			<ul style="list-style-type: none"> -Thuyết trình, giảng giải -Trình chiếu PowerPoi nt -Phát biểu xây dựng bài -Thảo luận nhóm 	<ul style="list-style-type: none"> -Làm bài tập số 5 -Thảo luận nhóm 	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/10/0		CLO 4			
						Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 6: Ngành Dương xỉ trần và Thủy dương xỉ. Ngành Rêu.						
6	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO 5			A1.5
	6.1. Ngành dương		-Mô tả và vẽ được		-Thuyết	-Làm bài	

	xỉ trần 6.2.Ngành thủy dương xỉ 6.3.Chu trình phát triển và phân loại rêu		chu trình sống của rêu -Trình bày được phân loại ngành rêu		trình, giảng giải -Trình chiếu PowerPoint -Phát biểu xây dựng bài -Thảo luận nhóm	tập số 6 -Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10//0		CLO 5			
						Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 7: Nhóm các ngành Quyết. Ngành Thông.						
7	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO 5			A1.5
	7.1 Ngành Quyết 7.2 Ngành Thông		-Mô tả và vẽ được chu trình sống của rêu -Trình bày được phân loại ngành rêu -Mô tả được cấu tạo cơ quan sinh dưỡng và cơ quan sinh sản của ngành Thông -Phân loại được 3 lớp ngành Thông		-Thuyết trình, giảng giải -Trình chiếu PowerPoint -Phát biểu xây dựng bài -Thảo luận nhóm	-Làm bài tập số 7 -Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở	10/0/0		CLO 5			

	nhà						
						Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 8: Ngành Ngọc lan: Lớp Ngọc lan.						
8	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO 5			
	8.1 Phân lớp Ngọc lan 8.2 Phân lớp Súng 8.3 Phân lớp Sen 8.4 Phân lớp Hoàng liên 8.5 Phân lớp Cẩm chướng 8.6 Phân lớp Sau sau 8.7 Phân lớp Sỏ 8.8 Phân lớp Hoa hồng 8.9 Phân lớp Thù du 8.10 Phân lớp Cúc 8.11 Phân lớp Hoa môi		-Mô tả được đặc điểm của các họ trong lớp Ngọc lan -Vẽ được hoa đồ của các họ tiêu biểu trong lớp Ngọc lan -Viết ít nhất tên khoa học của 3 cây trong mỗi họ		-Thuyết trình, giảng giải -Trình chiếu PowerPoint -Phát biểu xây dựng bài -Thảo luận nhóm	-Làm bài tập số 8 -Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO 5			
						Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 9: Ngành Ngọc lan: lớp Hành.						
9	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO 5			
	9.1 Phân lớp Hành 9.2 Phân lớp Thái lái 9.3 Phân lớp Cau		Mô tả được đặc điểm của các họ trong lớp Hành -Vẽ được hoa đồ		-Thuyết trình, giảng giải -Trình	-Làm bài tập số 9 -Thảo	

	9.4 Phân lớp Trạch tả 9.5 Phân lớp Háo rợp 9.6 Phân lớp Ráy		của các họ tiêu biểu trong lớp Hành -Viết ít nhất tên khoa học của 3 cây trong mỗi họ		chiếu PowerPoi nt -Phát biểu xây dựng bài -Thảo luận nhóm	luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO 5			
			-			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
10	Phương pháp cắt - nhuộm - vẽ vi phẫu Làm tiêu bản thực vật khô	0/5/0	-Cắt và nhuộm được các vi phẫu thực vật -Thuộc và áp dụng đúng các ký hiệu và các quy ước để vẽ sơ đồ, vẽ chi tiết vi phẫu thực vật -Quan sát và vẽ đúng các loại tế bào của 5 loại mô	CLO 6 CLO 7 CLO 8			A2.1
11	Rễ cây: cấu tạo cấp 1, cấp 2 và bất thường	0/5/0	-Nhận biết và vẽ được sơ đồ và chi tiết cấu tạo cấp 1 và cấp 2 của rễ cây lớp Ngọc lan -Nhận biết và vẽ được sơ đồ và chi tiết cấu tạo của rễ cây lớp Hành	CLO 6 CLO 7 CLO 8			A2.2
12	Thân cây: cấu tạo cấp 1 và cấp 2 và cấu tạo bất thường.	0/5/0	-Nhận biết và vẽ được sơ đồ và chi tiết cấu tạo cấp 1 và cấp 2 của thân cây lớp Ngọc lan	CLO 6 CLO 7 CLO			A2.3

			-Nhận biết và vẽ được sơ đồ và chi tiết cấu tạo của thân cây lớp Hành	8			
13	Lá cây	0/5/0	-Nhận biết và vẽ được sơ đồ và chi tiết cấu tạo cấp 1 và cấp 2 của lá cây lớp Ngọc lan -Nhận biết và vẽ được sơ đồ và chi tiết cấu tạo của lá cây lớp Hành	CLO 6 CLO 7 CLO 8			A2.4
14	Phân tích đặc điểm hoa thực vật lớp Ngọc lan – hoa Kim đồng.	0/5/0	-Phân tích và mô tả được đặc điểm cấu tạo hình thái của cây thuốc. -Viết đúng hoa thức và vẽ đúng hoa đồ của hoa đã phân tích.	CLO 9			A2.5
15	Phân tích đặc điểm hoa thực vật lớp Ngọc lan –hoa Dừa cạn	0/5/0	-Phân tích và mô tả được đặc điểm cấu tạo hình thái của cây dừa cạn. -Viết đúng hoa thức và vẽ đúng hoa đồ của hoa dừa cạn	CLO 9			A2.6
Theo lịch thi	FINAL EXAM			CLO 1,2,3, 4,5			A4

(*) Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương.
- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR. Tham khảo các phương pháp giảng dạy trong CTĐT ngành Dược.
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số....).

8. Học liệu:

Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	Trương Thị Đẹp	2018	Thực vật dược	NXB Giáo dục VN
Sách, giáo trình tham khảo				
2	DSCKI. Trương Thị Ngọc Sương	2011	Thực Vật Dược	NXB Phương Đông

Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ web hữu ích cho HP

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Những cây thuốc	vienduoclieu.org.vn	
2	Thực vật	https://vi.wikipedia.org/wiki/thuc_vat	04/07/2019

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

Bảng 9.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường			
2	Phòng mô phỏng	Kính hiển vi, lam kính, hóa chất	30	

Bình Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2019

TRƯỞNG KHOA

TRƯƠNG THỊ NGỌC SƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: DƯỢC

Mã số: 7720201

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về HP

1.1 Mã học phần:	1.2 Tên học phần: HÓA LÝ
1.3 Ký hiệu học phần:	1.4 Tên tiếng Anh: PHYSICAL CHEMISTRY
1.5 Số tín chỉ:	03
1.6 Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	30 tiết
- Bài tập và thảo luận nhóm:	15 tiết
- Tự học	90 tiết
- Thực hành	30 tiết
1.7 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	Ths. Huỳnh Thị Thùy Trang Thanh
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Ks. Trần Thị Hương
1.8 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Vật lý, Hóa vô cơ
- Học phần học trước:	Không yêu cầu
- Học phần song hành:	Không yêu cầu

2. Mô tả học phần:

Hóa lý là học phần cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về: các khái niệm, biểu thức, ý nghĩa của các đại lượng nhiệt động cơ bản trong dược học. Mô tả được các nguyên tắc hóa lý trong dung dịch và cân bằng pha, ứng dụng trong dược học.

Trình bày được các tính chất và nguyên tắc điều chế các hệ phân tán: keo, hỗn dịch, nhũ tương, dung dịch cao phân tử và các ứng dụng trong dược học. Xác định được mối liên quan giữa tốc độ phản ứng và hằng số tốc độ với độ dẫn, sức điện động và các thuộc tính dung dịch.

3. Mục tiêu HP (Goals)

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)
G1	Trình bày những kiến thức cơ bản về các khái niệm, biểu thức, ý nghĩa của các đại lượng nhiệt động cơ bản trong dược học.	PLO2
G2	Mô tả được các nguyên tắc hóa lý trong dung dịch và cân bằng pha, ứng dụng trong dược học.	PLO2
G3	Trình bày được các tính chất và nguyên tắc điều chế các hệ phân tán: keo, hỗn dịch, nhũ tương, dung dịch cao phân tử và các ứng dụng trong dược học.	PLO2,3,4,5
G4	Mô tả được mối liên quan giữa tốc độ phản ứng và hằng số tốc độ phản ứng	PLO2,3,4,5
G5	Xác định hằng số tốc độ của phản ứng bậc 1, 2	PLO2,3,4,5
G6	Đo độ dẫn điện của dung dịch điện ly	PLO2,3,4,5
G7	Xác định ngưỡng keo tụ	PLO2,3,4,5
G8	Chọn xúc tác cho phản ứng	PLO2,3,4,5
G9	Có đủ năng lực chuyên môn về hóa lý từ cơ bản đến nâng cao để có thể tham gia học tập nâng cao trình độ ở bậc sau đại học	PLO9

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes-CLOs)

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR của học phần (CLOs)	Mô tả CLOs (Sau khi học xong môn học này, người học có thể:)
CLO 1	Hiểu các khái niệm, biểu thức, ý nghĩa của các đại lượng nhiệt động cơ bản trong dược học.
CLO 2	Vận dụng nguyên lý 1,2 nhiệt động học vào các quá trình dược học
CLO 3	Giải thích giản đồ pha và tính toán các thông số liên quan đến cân bằng pha của hệ một cấu tử, hệ hai cấu tử
CLO 4	Lựa chọn được dung môi thích hợp, tính toán được lượng dung môi cần dùng và số lần chiết để đạt hiệu suất chiết cao nhất
CLO 5	Tính toán các thông số cơ bản của hệ phân tán
CLO 6	Giải thích được các hiện tượng bề mặt và tính toán được các

	thông số hấp phụ
CLO 7	Giải thích được ảnh hưởng của các yếu tố tới độ bền của hệ keo
CLO 8	Tính toán được ngưỡng keo tụ, hệ số bảo vệ của hệ keo
CLO 9	Giải thích được vai trò của các chất HĐBM trong việc ổn định các hệ nhũ tương N/D hay D/N
CLO 10	Xác định các biện pháp thích hợp để nâng cao khả năng tạo gel
CLO 11	Giải thích được các tính chất đặc trưng của hệ keo
CLO 12	Đánh giá tầm quan trọng và khả năng ứng dụng của môn học trong quá trình học tập, công tác sau này

5. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Mức độ đóng góp của CLO vào PLO được xác định cụ thể:

- L (Low) – CLO có đóng góp ít vào PLO
- M (Medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO
- H (High) – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích:

- Các mức H - Cao, M - Vừa, L - Thấp - phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (L) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(mức M) hay mức thuần thực (H).

Bảng 5.1. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Chuẩn đầu ra HP (CLOs)	Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
CLO1		M	M	L	L							
CLO2		M	M	L	L							
CLO3		M	M	L	L							
CLO4		M	M	L	L							
CLO5		M	M	L	L							
CLO6		M	M	L	L							
CLO7		M	M	L	L							
CLO8		M	M	L	L							
CLO9		M	M	L	L							
CLO10		M	M	L	L							
CLO11		M	M	L	L							
CLO12		L	L	L	L				M			
Tổng hợp		M	M	L	L				M			

6. Đánh giá HP

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP

- Lý thuyết:

H/phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric	Lquan đến CLO nào ở Bảng 5.1	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	10%	A1.1. Tuần 1: Làm bài tập số 1	30%		CLO 1,2	
		A1.2. Tuần 2: Làm bài tập số 2	30%		CLO3,4,5	
		A1.3. Tuần 3: Làm bài tập số 3	40%		CLO 6,7,8	
A2. Kỹ năng	20%	Tuần 4,5:		R4	CLO 3,4,5,6,7,8,9,10,11	- GV cho SV thuyết trình
A3. Đánh giá giữa kỳ	20%	Sinh viên làm một bài kiểm tra cá nhân		R3	CLO 3,4,5,6,7,8,9,10,11	- GV ra đề
A4. Đánh giá cuối kỳ	50%	Bài ktra cuối kỳ: Thi trắc nghiệm theo NHĐT.			CLO 3,4,5,6,7,8,9,10,11	

- Thực hành:

H/phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric	Lquan đến CLO nào ở Bảng 5.1	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

A1. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	10%	A1.1. Làm bài thực hành 1	30%	R3	CLO 1,2	
		A1.2. Làm bài thực hành 2	30%	R3	CLO 3,4	
		A1.3. Làm bài thực hành 3	40%	R3	CLO 5,6	
A2. Đánh giá giữa kỳ	40%	Sinh viên làm một bài kiểm tra theo nhóm	Bài thực hành hóa lý	R3	CLO 1,2, 3,4,5,6,7,8	
A3. Đánh giá cuối kỳ	50%	Bài ktra cuối kỳ	Bài ktra cuối kỳ: Thi thực hành.		CLO 1,2, 3,4,5,6,7,8	Nộp sản phẩm

- (7) PP đánh giá đạt CDR: Nêu tên các PP đánh giá sử dụng trong từng chương để đạt CDR. Tham khảo các phương pháp đánh giá trong CTĐT ngành QTKD.

6.2 Chính sách đối với HP

- SV tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $>20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP

Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần

Tuần/ (5 tiết/tuần n)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/TH /TT)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở Bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 Bảng 6.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
a. Phần lý thuyết							
	Chương 1. Các nguyên lý của nhiệt động học						
1	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	10/0/0		CLO1, 2			A1
	1.1 Nội dung các nguyên lý 1.2 Nhiệt hoá học – định luật Hess 1.3 Nhiệt dung 1.4 Ảnh hưởng của nhiệt độ đến phản ứng hoá học 1.5 Nội dung và biểu thức		- Trình bày được các nguyên lý, quy ước về dấu của nhiệt lượng và công.		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint	- Làm bài tập - Thảo luận nhóm	

	toán học của nguyên lý thứ 2 1.6 Entropi và biến thiên trong một số quá trình		<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được định luật Hess, nhiệt dung và Ảnh hưởng của nhiệt độ đến phản ứng hoá học. - Nêu được nội dung và biểu thức toán học của nguyên lý thứ 2. - Nắm rõ Entropi và biến thiên trong một số quá trình. 		<ul style="list-style-type: none"> - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm 		
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/30					
	1.6 Entropi và biến thiên trong một số quá trình		<ul style="list-style-type: none"> - Làm một số bài tập của chương 1. 		<ul style="list-style-type: none"> - Tự học - Học nhóm 	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 2. Dung dịch						
2	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO3, 4,5,6			A1
	<p>2.1 Định nghĩa, phân loại, các biểu diễn nồng độ dung dịch</p> <p>2.2 Cân bằng của chất khí trong lỏng</p> <p>2.3 Sự hoà tan của hai chất lỏng</p> <p>2.4 Cân bằng lỏng- lỏng trong hệ ba cấu tử</p> <p>2.5 Giản đồ trạng thái lỏng – rắn của hệ hai cấu tử</p> <p>2.6 Sự hoà tan chất thứ 3 vào hai pha lỏng</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Nắm rõ định nghĩa, phân loại, các biểu diễn nồng độ dung dịch, cân bằng của chất khí trong lỏng và sự hoà tan của hai chất lỏng. - Trình bày được cân bằng lỏng- lỏng trong hệ ba cấu tử, Giản đồ trạng thái lỏng – rắn của hệ hai cấu tử và Sự hoà tan chất thứ 3 vào hai pha lỏng. 		<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm 	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập - Thảo luận nhóm 	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/15					
	Giản đồ pha		<ul style="list-style-type: none"> - Đọc và hiểu giản đồ. 			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 3. Cân bằng pha						
3	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO3, 4,5,6			A2
	<p>3.1 Điều kiện cân bằng pha</p> <p>3.2 Hệ một cấu tử</p> <p>3.3 Đo nhiệt độ nóng chảy, nhiệt độ sôi, áp suất hơi bão hoà</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Nắm rõ điều kiện cân bằng pha và cân bằng pha hệ một cấu tử. - Tìm hiểu về ảnh hưởng của nhiệt độ 		<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài 	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập Thảo luận nhóm 	

			nóng chảy, nhiệt độ sôi, áp suất hơi bão hoà.		- Thảo luận nhóm		
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/15					
	3.1 Điều kiện cân bằng pha 3.2 Hệ một cấu tử 3.3 Đo nhiệt độ nóng chảy, nhiệt độ sôi, áp suất hơi bão hoà		- Trình bày và giải thích trạng thái của một số chất dựa trên giản đồ.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 4. Điện hóa học						
4	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0					
	4.1 Độ dẫn điện của dung dịch chất điện ly 4.2 Điện cực và pin		- Trình bày đặc điểm Độ dẫn điện của dung dịch chất điện ly. - Nắm rõ và giải thích nguyên lý điện cực và pin		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm bài tập - Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/15					
	4.1 Độ dẫn điện của dung dịch chất điện ly 4.2 Điện cực và pin		- Trình bày và giải bài tập với dạng điện cực và pin điện hóa.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 5. Hóa học về trạng thái keo						
5	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO7, 8,9,10, 11			A3
	5.1 Hệ phân tán 5.2 Điều chế và tính chất keo 5.3 Tính chất của hệ keo 5.4 Độ bền vững của sự keo tụ		- Trình bày được đặc điểm hệ phân tán và điều chế và tính chất keo. - Nắm rõ tính chất của hệ keo và độ bền vững của sự keo tụ		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm bài tập - Thảo luận nhóm	

	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/15					
	5.1 Hệ phân tán 5.2 Điều chế và tính chất keo 5.3 Tính chất của hệ keo 5.4 Độ bền vững của sự keo tụ		- Trình bày rõ tính chất của hệ keo và làm một số bài tập của chương 5			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
Theo lịch thi	FINAL EXAM			CLO1, 2,3,4,5, 6,7,8,9, 10,11			A4
1.2. Phần thực hành							
	Bài 1. Xác định hằng số cân bằng của phản ứng						
6	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	0/5/0		CLO3			A1.1
	1.1 Mục đích thí nghiệm 1.2 Nguyên tắc 1.3 Dụng cụ 1.4 Hóa chất 1.5 Cách tiến hành		- Tính nồng độ các chất phản ứng tại thời điểm cân bằng. - Xác định được hằng số cân bằng K_c - Dùng chuẩn độ khi thể tích ở 2 lần chuẩn độ liên tiếp bằng nhau. - Hiểu được ý nghĩa hằng số cân bằng của phản ứng. - Thực hiện chuẩn độ khi nhiệt độ không ổn định		- Thuyết trình, giảng giải - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm thí nghiệm, báo cáo - Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/0					
						Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Bài 2. Xây dựng giản đồ pha hệ hai chất lỏng hòa tan hạn chế vào nhau						
7	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	0/5/0		CLO3, 4,5			A1.2
	2.1 Mục đích thí nghiệm 2.2 Nguyên tắc 2.3 Dụng cụ 2.4 Hóa chất 2.5 Cách tiến hành		- Xây dựng giản đồ pha cho hệ phenol nước. - Tìm nhiệt độ tới hạn và nhiệt độ dung dịch ở thời điểm đó. Nắm rõ về biểu đồ nhiệt độ - nồng độ của phenol theo nước.		- Thuyết trình, giảng giải - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm thí nghiệm, báo cáo - Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/0					
						Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Bài 3. Xây dựng giản đồ pha cho hệ ba cấu tử lỏng						

8	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	0/5/0		CLO3, 4,5			A1.3
	3.1 Mục đích thí nghiệm 3.2 Nguyên tắc 3.3 Dụng cụ 3.4 Hóa chất 3.5 Cách tiến hành		- Xây dựng giản đồ pha cho hệ ba cấu tử. - Tìm nhiệt độ tới hạn và nhiệt độ dung dịch ở thời điểm đó.		- Thuyết trình, giảng giải - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm thí nghiệm, báo cáo - Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/0					
						Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Bài 4. Cân bằng lỏng rắn						
9	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	0/5/0		CLO3, 4,5			A2
	4.1 Mục đích thí nghiệm 4.2 Nguyên tắc 4.3 Dụng cụ 4.4 Hóa chất 4.5 Cách tiến hành		-Nắm được sự thay đổi nhiệt độ kết tinh của quá trình kết tinh dung dịch hai cấu tử so với quá trình kết tinh dung dịch 1 cấu tử. -Trình bày ứng dụng của hỗn hợp Eutecti trong thực tế.		- Thuyết trình, giảng giải - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm thí nghiệm, báo cáo - Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/0					
						Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Bài 5. Xác định bậc của phản ứng						
10	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	0/5/0		CLO3			A2
	5.1 Mục đích thí nghiệm 5.2 Nguyên tắc 5.3 Dụng cụ 5.4 Hóa chất 5.5 Cách tiến hành		Xác định bậc tổng cộng của phản ứng bằng phương pháp vi phân.		- Thuyết trình, giảng giải - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm thí nghiệm, báo cáo - Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/0					
						Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Bài 6. Xác định hằng số tốc độ phản ứng bậc hai						

11	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	0/5/0		CLO7, 8			
	6.1 Mục đích thí nghiệm 6.2 Nguyên tắc 6.3 Dụng cụ 6.4 Hóa chất 6.5 Cách tiến hành		- Trình bày được nguyên tắc chọn chỉ thị. Tính được nồng độ đương lượng của mẫu cần chuẩn độ.		- Thuyết trình, giảng giải - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm thí nghiệm, báo cáo - Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/0					
						Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
Theo lịch thi	FINAL EXAM			CLO3, 4,5,6,7, 8			A3

(*) Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương.
- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR. Tham khảo các phương pháp giảng dạy trong CTĐT ngành QTKD.
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số.....).

8. Học liệu:

Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	PGS. TS. Đỗ Minh Quang	2011	Hóa lý dược	NXB Y HỌC
2	Nguyễn Đình Huệ	2007	Giáo trình Hóa lý – Tập 1: Cơ sở nhiệt động lực học	NXB Giáo dục Việt Nam
3	Bộ môn Hóa	2019	Thực hành Hóa lý dược	ĐH Kinh Tế - Kỹ Thuật Bình Dương
Sách, giáo trình tham khảo				
4	Phan Phước Hiền, Lê Tiến Dũng	2009	Giáo trình Hóa lý	NXB Nông nghiệp

Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ web hữu ích cho HP

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
----	--------------------	----------------	---------------

1	Hóa lý 3 – động học và xúc tác	http://www.chemistrystudy.com/2015/01/ebook-hoa-ly-3-tran-van-nhan.html	11/08/2016
2	Hóa lý dược	https://ebookyhoc.com/sach/hoa-ly-duoc-dsdh-dh-duoc-ha-noi/	05/07/2011

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

Bảng 9.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường			
2	Phòng thí nghiệm			

Bình Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2019

TRƯỞNG KHOA



TRƯƠNG THỊ NGỌC SƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: DƯỢC

Mã số: 7720201

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**1. Thông tin chung về HP**

1.1 Mã học phần:	1.2 Tên học phần: HÓA SINH
1.3 Ký hiệu học phần:	1.4 Tên tiếng Anh: BIOCHEMISTRY
1.5 Số tín chỉ:	04
1.6 Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	45 tiết
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	15 tiết
- Tự học:	115 tiết
-Thực hành	30 tiết
1.7 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	
1.8 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Hóa hữu cơ
- Học phần học trước:	Không yêu cầu
- Học phần song hành:	Không yêu cầu

2. Mô tả học phần:

Môn học Hóa sinh cung cấp cho sinh viên những kiến thức về cấu tạo, cơ chế tác dụng sinh học và quá trình chuyển hoá của các chất tham gia vào hoạt động sống của cơ thể: protid, glucid, lipid, enzym, hormon... Môn học còn trang bị cho sinh viên những kiến thức về quá trình chuyển hóa xảy ra ở mô, ở các cơ quan chủ yếu trong cơ thể.

3. Mục tiêu HP (Goals)

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)
G1	Hiểu và trình bày được diễn biến và ý nghĩa của quá trình sinh tổng hợp và thoái hóa của các chất, glucid, lipid, prototid trong cơ thể	PLO2,3,4,5
G2	thao tác đúng qui trình kỹ thuật, giải thích và biện luận được	PLO2,3,4,5

	các thử nghiệm và xét nghiệm.	
G3	khả năng thực hiện các thí nghiệm định lượng glucid, lipid, prototid	PLO2,3,4,5
G4	Kết nối được kiến thức về các học phần cơ bản đã học có liên quan và bổ sung kiến thức cho các học phần chuyên ngành khác	PLO9

- Kỹ năng : khả năng thực hiện các thí nghiệm định lượng glucid, lipid, prototid.
- Thái độ : Có thái độ học tập đúng đắn trong quá trình học tập môn học (tích cực tiếp thu kiến thức, tham gia tích cực vào giờ giảng)

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes-CLOs)

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR của học phần (CLOs)	Mô tả CLOs (Sau khi học xong môn học này, người học có thể:)
CLO 1	Áp dụng được quá trình chuyển hóa các chất trong cơ thể sống trong dự phòng một số bệnh liên quan đến hội chứng chuyển hóa
CLO 2	Phân tích được sự thay đổi enzym trong một số bệnh thường gặp.
CLO 3	Phân tích được sự thay đổi, cơ chế của sự thay đổi một số chỉ số hóa sinh đặc hiệu trong một số bệnh thường gặp.
CLO 4	Giải thích được một số cơ chế xuất hiện các chất bất thường trong nước tiểu.
CLO 5	Sử dụng đúng một số dụng cụ cơ bản trong phòng xét nghiệm hóa sinh
CLO 6	Thực hiện đúng một số xét nghiệm cơ bản thường dùng trong phòng xét nghiệm hóa sinh
CLO 7	Lựa chọn đúng một số xét nghiệm hóa sinh đặc hiệu trong một số bệnh thường gặp
CLO 8	Vận dụng các kiến thức cơ sở về hóa sinh vào nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi
CLO 9	Giải thích được những kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên của sinh vật để phát triển kiến thức mới và tiếp tục học tập khối kiến thức chuyên ngành
CLO 10	Xác định được vị trí, tầm quan trọng của Hóa sinh Y học trong chẩn đoán, dự phòng và điều trị bệnh

5. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Mức độ đóng góp của CLO vào PLO được xác định cụ thể:

- L (Low) – CLO có đóng góp ít vào PLO
- M (Medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO
- H (High) – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích:

- Các mức H - Cao, M - Vừa, L - Thấp - phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (L) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(mức M) hay mức thuần thục (H).

Bảng 5.1. Môi quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Chuẩn đầu ra HP (CLOs)	Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
CLO1		L	L	L	L							
CLO2		M	M	M	M							
CLO3		M	M	M	M							
CLO4		M	M	M	M							
CLO5		M	M	M	M							
CLO6		M	M	M	M							
CLO7		M	M	M	M							
CLO8		M	M	M	M							
CLO9		L	L	L	M				M			
CLO10		L	L	L	L				M			
Tổng hợp		M	M	M	M				M			

6. Đánh giá HP

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP

- Lý thuyết:

H/phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric	Lquan đến CLO nào ở Bảng 5.1	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	10%	A1.1. Tuần 1: Làm bài tập số 1	30%		CLO 1,2	
		A1.2. Tuần 2: Làm bài tập số 2	30%		CLO3,4,5	
		A1.3. Tuần 3: Làm bài tập số 3	40%		CLO 6,7,8	
A2. Kỹ năng	20%	Tuần 4,5:		R4	CLO 3,4,5,6,7,8	- GV cho SV thuyết trình

A3. Đánh giá giữa kỳ	20%	Sinh viên làm một bài kiểm tra cá nhân		R3	CLO 1,2, 3,4,5,6,7,8	- GV ra đề
A4. Đánh giá cuối kỳ	50%	Bài ktra cuối kỳ: Thi trắc nghiệm theo NHĐT.			CLO 1,2, 3,4,5,6,7,8	

- Thực hành:

H/phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric	Lquan đến CLO nào ở Bảng 5.1	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	10%	A1.1. Làm bài thực hành 1	30%	R3	CLO 1,2	
		A1.2. Làm bài thực hành 2	30%	R3	CLO 3,4	
		A1.3. Làm bài thực hành 3	40%	R3	CLO 5,6	
A2. Đánh giá giữa kỳ	40%	Sinh viên làm một bài kiểm tra theo nhóm	Bài thực hành hóa hữu cơ	R3	CLO 1,2, 3,4,5,6,7,8	
A3. Đánh giá cuối kỳ	50%	Bài ktra cuối kỳ	Bài ktra cuối kỳ: Thi thực hành.		CLO 1,2, 3,4,5,6,7,8	Nộp sản phẩm

6.2. Chính sách đối với HP

- SV tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $>20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.
- Nghiên cứu trước giáo trình chính, chuẩn bị các câu hỏi, đề xuất ý kiến khi nghe giảng.
- Nghiên cứu các tài liệu tham khảo có liên quan đến nội dung của từng phần, từng chương, mục hay chuyên đề theo sự hướng dẫn của giảng viên.
- Tham gia thảo luận theo nhóm, thảo luận trên lớp theo yêu cầu của giảng viên.
- Làm bài tập: trên lớp và ở nhà theo yêu cầu của giảng viên.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP

Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy lý thuyết và thực hành của HP theo tuần

Tuần / (5 tiết/tuần)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/TH/T)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở Bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 Bảng 6.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1.1. Phần lý thuyết							
	Chương 1. Chuyển hóa glucide						
1	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0					
	1.1 Đại cương 1.2 Thoái hóa glucose 1.3 Tổng hợp 1.4 Chuyển hóa của các monosaccaride 1.5 Sự chuyển hóa của glucose ở một số trạng thái 1.6 Liên quan chuyển hóa của glucose 1.7 Vận chuyển glucose qua màng tế bào 1.8 Điều hòa chuyển hóa glucose và glucogen – Hoạt động của hormon và những nhân tố khác của quá trình chuyển hóa 1.9 Rối loạn chuyển hóa glucide		- Mô tả được bằng sơ đồ những con đường chuyển hóa chính của Glucid - Xác định vai trò của tạo năng và tạo hình của Glucid - Trình bày được chuyển hóa của Fructose, Galactore, Acid Uronic - Xác lập được mối quan hệ giữa chuyển hóa của Glucid, Lipid, Protid qua sự tân tạo Glucid - Trình bày được nguồn gốc, sự điều hòa và những thay đổi bệnh lý của đường huyết		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm bài tập - Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/1 0					
	1.9 Rối loạn chuyển hóa glucide		Chuyển hóa glucid ở mô.		- Tự học - Học nhóm	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	

	Chương 2. Chuyển hóa lipid						
2	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0					
	<p>2.1 Sự tiêu hóa và hấp thụ lipid trong thức ăn</p> <p>2.2 Sự thoái hóa lipide</p> <p>2.3 Sự sinh tổng hợp lipide</p> <p>2.4 Sự chuyển hóa cholesterol</p> <p>2.5 Sự chuyển hóa lipoprotein</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Quá trình thủy phân Triglycerid, phospholipid và sterid và hấp thụ qua ruột - Hoạt hóa Lipid và sự vận chuyển Lipid qua màng tế bào. - Tổng hợp triacylglycerol và phospholipid - Quá trình – điều hòa chuyển hóa Cholesterol - Quá trình – điều hòa chuyển hóa lipoprotein 		<ul style="list-style-type: none"> -Thuyết trình, giảng giải -Trình chiếu PowerPoint -Phát biểu xây dựng bài -Thảo luận nhóm 	<ul style="list-style-type: none"> -Làm bài tập -Thảo luận nhóm 	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/10					
	2.5 Sự chuyển hóa lipoprotein		Tác động của lipid khi rối loạn hàm lượng lipid.				Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà
	Chương 3. Chuyển hóa protein và acid amine						
3	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0					
	<p>3.1 Biến hóa protein</p> <p>3.2 Thoái hóa acid amine</p> <p>3.3 Tổng hợp acid amine</p> <p>3.4 Sinh tổng hợp protein</p>		<ul style="list-style-type: none"> -Trình bày được enzyme thủy phân protein và cơ chế tác động của chúng -Trình bày được sự thoái hóa riêng biệt của các acid amin -Nguyên tắc chung để tổng hợp acid amin -Các yếu tố và thành phần tham 		<ul style="list-style-type: none"> -Thuyết trình, giảng giải -Trình chiếu PowerPoint -Phát biểu xây dựng bài -Thảo luận nhóm 	<ul style="list-style-type: none"> -Làm bài tập Thảo luận nhóm 	

			gia vào quá trình sinh tổng hợp protein				
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/1 0					
	3.4 Sinh tổng hợp protein		Quá trình tổng hợp protein ở ribosom.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 4. Chuyển hóa hemoglobin						
4	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	4/0/0					
	4.1 Sinh tổng hợp hemoglobine 4.2 Thoái hóa hemoglobine 4.3 Rối loạn chuyển hóa hemoglobine		- Mô tả được quá trình sinh tổng hợp hemoglobin - Quá trình thoái hóa hemoglobin cho ra bilirubin - Rối loạn chuyển hóa bilirubin		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm bài tập - Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/1 0					
	4.2 Thoái hóa hemoglobine		Thay đổi của rối loạn chuyển hóa bilirubin.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 5. Chuyển hóa acid nucleic						
5	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	4/0/0					
	5.1 Thoái hóa 5.2 Tổng hợp 5.3 Bệnh liên quan đến rối loạn chuyển hóa nucleotide	3	- Sự thoái hóa base purin - Quá trình tổng hợp purin và pyrimidin nucleotid		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm bài tập - Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/1 0					

	5.1 Thoái hóa		Phân biệt sự khác biệt giữa chuyển mã ở tế bào nhân sơ và nhân thực			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 6. Liên quan và điều hòa chuyển hóa						
6	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	4/0/0					
	6.1 Liên quan giữa các quá trình chuyển hóa 6.2 Điều hòa chuyển hóa		- Trình bày được sự liên quan giữa chuyển hóa các chất G,L,P,AN. - Giải thích được sự điều hòa chuyển hóa ở mức tế bào		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm bài tập - Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/1 0					
	6.2 Điều hòa chuyển hóa		Cơ chế ảnh hưởng đến emzym.				
	Chương 7. Sự trao đổi nước và các chất điện giải						
7	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	3/0/0					
	7.1 Nước trong cơ thể 7.2 Các chất vô cơ trong cơ thể 7.3 Sự trao đổi nước và các chất điện giải		- Cơ chế điều hòa nước - Tác động các ion trong dịch cơ thể - Hệ thống vận chuyển ion		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm bài tập - Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/1 0					
	7.1 Nước trong cơ thể		Sự thay đổi các ion trong cơ thể			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 8. Thăng bằng acid – bazơ						

8	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0					
	8.1 Cơ sở hóa lý của thăng bằng acid – bazơ 8.2 Các hệ đệm của cơ thể 8.3 Sự điều hòa Thăng bằng acid – bazơ của cơ thể 8.4 Rối loạn thăng bằng acid – bazơ		-Điều kiện cân bằng acid và base . -Hệ thống đệm của máu, thông khí phổi, chức năng thận Các loại rối loạn trong cân bằng acid – base		-Thuyết trình, giảng giải -Trình chiếu PowerPoint -Phát biểu xây dựng bài -Thảo luận nhóm	-Làm bài tập -Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/1 0					
	8.1 Cơ sở hóa lý của thăng bằng acid – bazơ		Các tác nhân ảnh hưởng đến cân bằng acid - base.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 9. Hóa sinh thận và nước tiểu						
9	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0					
	9.1 Thận 9.2 Nước tiểu 9.3 Thử nghiệm thăm dò chức năng thận		-Mô tả khái quát cấu trúc và chức năng của nephron -Mô tả được quy trình lọc, tái hấp thụ và bài tiết của chất trong nephron		-Thuyết trình, giảng giải -Trình chiếu PowerPoint -Phát biểu xây dựng bài -Thảo luận nhóm	-Làm bài tập -Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/1 0					
	9.2 Nước tiểu		Mô tả quy trình chuyển hóa			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 10. Hóa sinh gan						
10	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2/0/0					

	10.1 Thành phần hóa học của gan 10.2 Các chức phận hóa sinh của gan 10.3 Những xét nghiệm hóa sinh hệ thống gan mật		-Chức phận trong quá trình chuyển hóa glucid, lipid, pprotein và khử độc.		-Thuyết trình, giảng giải -Trình chiếu PowerPoint -Phát biểu xây dựng bài -Thảo luận nhóm	-Làm bài tập -Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/1 0					
	10.2 Các chức phận hóa sinh của gan		Tổn thương tế bào gan			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 11. Hóa sinh máu						
11	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	3/0/0					
	11.1 Đại cương 11.2 Tính chất hóa lý của máu 11.3 Thành phần hóa học của máu		Sự ổn định về tính chất lí – hoá		-Thuyết trình, giảng giải -Trình chiếu PowerPoint -Phát biểu xây dựng bài -Thảo luận nhóm	-Làm bài tập -Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/2 0					
	11.3 Thành phần hóa học của máu		Ảnh hưởng các chỉ số các chất trong máu.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
Theo lịch thi	FINAL EXAM						A4
1.2. Phần thực hành							
	Bài 1. Hóa chất và dung dịch						
12	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2/0/0					A1.1

	<p>1.1 Khái niệm về hóa chất</p> <p>1.2 Dung dịch</p> <p>1.3 Nồng độ dung dịch</p> <p>1.4 Pha dung dịch tiêu chuẩn để chuẩn độ</p> <p>1.5 Cách tính hệ số hiệu chỉnh</p> <p>1.6 Thí nghiệm</p>		<p>-Nắm rõ các khái niệm về hóa chất: hóa chất thí nghiệm, nhãn hiệu, cách sử dụng và bảo quản.</p> <p>-Trình bày được cách pha chế các dung dịch trong thí nghiệm hóa sinh: dung dịch, nồng độ dung dịch bão hòa, các đơn vị nồng độ dung dịch...</p> <p>-Pha được dung dịch tiêu chuẩn để chuẩn độ và hiệu chỉnh nồng độ dung dịch.</p> <p>Tiến hành thí nghiệm</p>		<p>-Thuyết trình, giảng giải</p> <p>-Trình chiếu PowerPoint</p> <p>-Phát biểu xây dựng bài</p> <p>-Thảo luận nhóm</p>	<p>-Làm thí nghiệm, báo cáo</p> <p>-Thảo luận nhóm</p>	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/0					
					<p>-Tự học</p> <p>-Học nhóm</p>	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Bài 2. Phương pháp lấy mẫu phân tích						
13	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	3/0/0					A1.1
	<p>2.1 Lấy mẫu</p> <p>2.2 Chuẩn bị mẫu phân tích</p> <p>2.3 Cố định mẫu</p>		<p>-Xác định đa base bằng acid mạnh.</p> <p>-Thiết lập được nồng độ dung dịch HCl theo Na_2CO_3.</p> <p>Xác định nồng độ Na_2CO_3 và NaHCO_3 trong hỗn hợp.</p>		<p>-Thuyết trình, giảng giải</p> <p>-Trình chiếu PowerPoint</p> <p>-Phát biểu xây dựng bài</p> <p>-Thảo luận nhóm</p>	<p>-Làm thí nghiệm, báo cáo</p> <p>-Thảo luận nhóm</p>	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/0					
						Chuẩn bị tốt phần tự học ở	

						nhà	
	Bài 3. Định lượng glucit						
14	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0					A1.2
	<p>3.1 Định lượng đường khử theo phương pháp Bertrand</p> <p>3.2 Định lượng đường khử theo phương pháp vi lượng của Rodzevich</p> <p>3.3 Định lượng glucose trong máu bằng phương pháp Nelson</p> <p>3.4 Định lượng fructozơ trong dung dịch có lẫn đường khử khác</p> <p>3.5 Định lượng sacarozơ theo phương pháp thủy phân bằng acid</p> <p>3.6 Định lượng tinh bột theo phương pháp thủy phân bằng acid</p>		<p>- Trình bày được phương pháp chuẩn độ tạo phức với complexon. Thực hành thí nghiệm chuẩn độ..</p>		<p>-Thuyết trình, giảng giải -Trình chiếu PowerPoint -Phát biểu xây dựng bài -Thảo luận nhóm</p>	<p>-Làm thí nghiệm, báo cáo - Thảo luận nhóm</p>	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/0					
						Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Bài 4. Định lượng lipide						
15	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0					A1.3
	<p>4.1 Định lượng lipid bằng máy soxhlex</p> <p>4.2 Xác định các chỉ số của lipid</p>		<p>- Trình bày các nguyên tắc của các phương pháp: Mohr, Fajans. -Chọn chất chỉ thị và trình bày phản</p>		<p>-Thuyết trình, giảng giải -Trình chiếu PowerPoint -Phát biểu</p>	<p>-Làm thí nghiệm, báo cáo -Thảo luận nhóm</p>	

			ứng chỉ thị.		xây dựng bài - Thảo luận nhóm		
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/0					
						Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Bài 5. Định lượng acid amin và protein						
16	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0					A2
	5.1 Định lượng acid amine 5.2 Định lượng protein	3	- Trình bày được nguyên tắc định lượng acid amin. Trình bày được nguyên tắc định lượng protein bằng phương pháp Bradford.		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm thí nghiệm, báo cáo - Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/0					
						Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Bài 6. Định lượng acid nucleic						
17	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0					
	6.1 Phương pháp Schimidt và thanhauser 6.2 Phương pháp Schneider 6.3 Định lượng hợp chất photpho trong ruột theo phương pháp Schimidt và thanhauser có sửa đổi		- Tính toán nồng độ đương lượng của mẫu cần chuẩn độ. Thực hành thí nghiệm chuẩn độ dd NaOH bằng dung dịch H ₂ SO ₄ .		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm thí nghiệm, báo cáo - Thảo luận nhóm	

	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/0					
						Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Bài 7. Định lượng vitamin						
18	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2/0/0					
	<p>7.1 Định lượng vitamin C theo phương pháp Chuẩn độ</p> <p>7.2 Định lượng vitamin B2 theo phương pháp huỳnh quang</p> <p>7.3 Định lượng vitamin B1 theo phương pháp huỳnh quang</p>		<p>-Phương pháp sử dụng 2,6-diclophenol-inodophenol – DPIP</p> <p>-Mẫu thực phẩm được thủy phân trong môi trường acid đậm ủ ở 370C qua đêm với sự có mặt của men Amilase. Dịch thủy phân được lọc và bơm vào hệ thống HPLC với detector huỳnh quang ở bước sóng kích thích $\lambda_{ex} = 422 \text{ nm}$ và bước sóng phát xạ $\lambda_{em} = 522 \text{ nm}$, hoặc với detector PDA ở bước sóng 254nm</p> <p>-Chiết Vitamin B1 bằng đ HCl trên bếp cách thủy, Vitamin B1 bị oxy hóa bởi Laliferri cyanur ở môi trường kiềm tạo thành Thyocrom bằng isobutanol sau đó huỳnh quang ở bước sóng kích thích 365nmvaf</p>		<p>-Thuyết trình, giảng giải</p> <p>-Trình chiếu PowerPoint</p> <p>-Phát biểu xây dựng bài</p> <p>-Thảo luận nhóm</p>	<p>-Làm thí nghiệm, báo cáo</p> <p>-Thảo luận nhóm</p>	

			bước sóng pháp huỳnh quang 425nm				
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/0					
						Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Bài 8. Định lượng một số nguyên tố						
19	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	3/0/0					
	8.1 Định lượng Phốtpho 8.2 Định lượng Kali 8.3 Định lượng Canxi và Magie		-Phương pháp thể tích là Đốt mẫu nhiên liệu phân tích thành tro, đuôi silic điôxyt bằng axit fluohydric và axit nitric. Kết tủa photpho dưới dạng photpho molipdat. Hòa tan kết tủa bằng natri hydroxit 0,1N, từ đó tính ra hàm lượng phần trăm photpho. -Phương pháp đo hấp thụ nguyên tử ngọn lửa là hòa tan mẫu thử trong nước, lọc các chất không tan, nếu cần. Nguyên tử hóa phân mẫu thử trong ngọn lửa dinitơ oxit/axetylen hoặc ngọn lửa không khí/axetylen sau khi bổ sung các ion lantan để khử các chất có thể gây nhiễu. Đo		-Thuyết trình, giảng giải -Trình chiếu PowerPoint -Phát biểu xây dựng bài -Thảo luận nhóm	-Làm thí nghiệm, báo cáo -Thảo luận nhóm	

			độ hấp thụ ở bước sóng 422,7 nm và 285,2 nm				
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/0					
						Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
Theo lịch thi	FINAL EXAM						A3

(*) Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương.
- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR.
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số....).

8. Học liệu:

Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	TS. Trần Thanh Nhân	2019	Hóa sinh học	NXB BỘ Y TẾ
2	Bộ môn Hóa	2018	Thực hành Hóa hữu cơ	ĐH Kinh Tế - Kỹ Thuật Bình Dương
Sách, giáo trình tham khảo				
3	Trần Bích Lam, Tôn Nữ Minh Nguyệt, Đinh Trần Nhật Thu	2013	Thí nghiệm hoá sinh thực phẩm	Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh

Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ web hữu ích cho HP

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Hóa sinh	https://www.slideshare.net/PhiPhi2/giao-trinh-hoa-sinh-pgstdo-quy-hai	12/06/2018
2	Thực tập hóa sinh	https://thuvienykhoa.hmu.edu.vn/tai-lieu/thuc-tap-hoa-sinh--dh-y-ha-noi-edoc.1735.html	10/05/2016

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

Bảng 9.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường			
2	Phòng thí nghiệm			

Bình Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2019

TRƯỞNG KHOA



TRƯƠNG THỊ NGỌC SƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: DƯỢC HỌC

Mã số: 7720201

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về HP

1.1 Mã học phần:	1.2 Tên học phần: HÓA HỮU CƠ
1.3 Ký hiệu học phần:	1.4 Tên tiếng Anh: ORGANIC CHEMISTRY
1.5 Số tín chỉ:	03
1.6 Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	30 tiết
- Bài tập và thảo luận nhóm:	15 tiết
- Tự học	90 tiết
- Thực hành	30 tiết
1.7 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	Ths. Huỳnh Thị Thùy Trang Thanh
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Ks. Trần Thị Hương
1.8 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Hóa vô cơ
- Học phần học trước:	Không yêu cầu
- Học phần song hành:	Không yêu cầu

2. Mô tả học phần:

Môn học hóa hữu cơ cung cấp cho sinh viên những kiến thức về các loại liên kết, các loại hiệu ứng, các loại đồng phân của các phân tử hữu cơ, các cơ chế của phản ứng hữu cơ, các phương pháp cơ bản tổng hợp các hợp chất hữu cơ.

Cơ cấu, danh pháp, tính chất vật lý, tính chất hoá học, điều chế và ứng dụng của các hợp chất hydrocarbon như alkane, alkene, alkyne, arene và các hợp chất dẫn xuất hydrocarbon như: dẫn xuất halogen, alcol, phenol, eter, Aldehyde, ketone, carboxylic acid và dẫn xuất acid, amine và muối diazonium. Giới thiệu một số hợp chất dị vòng tiêu biểu.

3. Mục tiêu HP (Goals)

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)
G1	Trình bày được các kiến thức cơ bản về hóa hữu cơ như liên kết, hiệu ứng, tính chất... của các chất trong hóa học hữu cơ	PLO2,3,4
G2	Trình bày được nguyên tắc chung và phương pháp cơ bản tổng hợp các hợp chất hữu cơ.	PLO2,3,4
G3	Viết và đọc tên được cơ cấu, danh pháp của các hợp chất hydrocarbon như alkane, alkene, alkyne, arene và các hợp chất dẫn xuất hydrocarbon như: dẫn xuất halogen, alcol, phenol, eter, Aldehyde, ketone, carboxylic acid và dẫn xuất acid, amine và muối diazonium	PLO2,3,4
G4	So sánh tính chất vật lý, tính chất hoá học của các hợp chất hữu cơ	PLO2,3,4
G5	Khả năng tính toán số liệu thực nghiệm	PLO3,4,5
G6	Kỹ năng làm việc nhóm, khả năng thực hiện các phản ứng hóa hữu cơ	PLO3,4,5
G7	Vận dụng kiến thức hóa hữu cơ làm cơ sở nền tảng để học tiếp các môn chuyên ngành	PLO9

- Kỹ năng : khả năng thực hiện các thí nghiệm hữu cơ điều chế các hợp chất.
- Thái độ : Có thái độ học tập đúng đắn trong quá trình học tập môn học (tích cực tiếp thu kiến thức, tham gia tích cực vào giờ giảng)

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes-CLOs)

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR của học phần (CLOs)	Mô tả CLOs (Sau khi học xong môn học này, người học có thể:)
CLO 1	Phân loại, gọi tên, viết công thức cấu tạo đồng phân của các hợp chất hữu cơ cơ bản
CLO 2	Dựa vào cấu trúc phân tử để giải thích và dự đoán tính chất hóa học và vật lý của hợp chất hữu cơ
CLO 3	Dự đoán và tính toán sự chuyển hóa của các chất hữu cơ và điều chỉnh theo hướng mong muốn dựa vào các quy tắc phản ứng
CLO 4	Trình bày và giải thích khả năng ứng dụng của các hợp chất hữu cơ cơ bản dựa vào tính chất vật lý và hóa học của chúng
CLO 5	Dự đoán sự tăng/giảm nhiệt độ sôi của dãy hợp chất hữu cơ dựa vào cấu trúc phân tử của chúng
CLO 6	Nhận biết hay phân biệt các hợp chất dựa vào tính chất lý, hóa

	của chúng
CLO 7	Tính hiệu suất, lượng chất phản ứng và lượng sản phẩm của quá trình lên men rượu, quá trình ester hóa, xà phòng hóa;
CLO 8	Xác định chỉ số iod, chỉ số xà phòng hoá, chỉ số axit của chất béo
CLO 9	Đánh giá tầm quan trọng và khả năng ứng dụng của môn học liên quan đến ngành học (Công nghệ Thực phẩm, Chế biến Thủy sản, Công nghệ Sau thu Hoạch, Công nghệ Sinh học,...)
CLO 10	Có thái độ học tập đúng đắn trong quá trình học tập môn học (tích cực tiếp thu kiến thức, tham gia tích cực vào giờ giảng)

5. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Mức độ đóng góp của CLO vào PLO được xác định cụ thể:

- L (Low) – CLO có đóng góp ít vào PLO
- M (Medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO
- H (High) – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích:

- Các mức H - Cao, M - Vừa, L - Thấp - phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (L) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(mức M) hay mức thuần thục (H).

Bảng 5.1. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Chuẩn đầu ra HP (CLOs)	Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
CLO1		M	M	M								
CLO2		M	M	M								
CLO3		M	M	M								
CLO4		M	M	M								
CLO5		L	L	L								
CLO6		L	L	L	M							
CLO7		M	M	M	M							
CLO8		M	M	M	M				L			
CLO9									H			
CLO10									H			
Tổng hợp		M	M	M	M				H			

6. Đánh giá HP

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP

- Lý thuyết:

H/phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric	Lquan đến CLO nào ở Bảng 5.1	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	10%	A1.1. Tuần 1: Làm bài tập số 1	30%		CLO 1,2	
		A1.2. Tuần 2: Làm bài tập số 2	30%		CLO3,4,5	
		A1.3. Tuần 3: Làm bài tập số 3	40%		CLO 6,7,8	
A2. Kỹ năng	20%	Tuần 4,5:		R4	CLO 3,4,5,6,7,8	- GV cho SV thuyết trình
A3. Đánh giá giữa kỳ	20%	Sinh viên làm một bài kiểm tra cá nhân		R3	CLO 1,2, 3,4,5,6,7,8	- GV ra đề
A4. Đánh giá cuối kỳ	50%	Bài ktra cuối kỳ: Thi trắc nghiệm theo NHĐT.			CLO 1,2, 3,4,5,6,7,8	

- Thực hành:

H/phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric	Lquan đến CLO nào ở Bảng 5.1	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	10%	A1.1. Làm bài thực hành 1	30%	R3	CLO 1,2	
		A1.2. Làm bài thực hành 2	30%	R3	CLO 3,4	
		A1.3. Làm bài thực hành 3	40%	R3	CLO 5,6	

A2. Đánh giá giữa kỳ	40%	Sinh viên làm một bài kiểm tra theo nhóm	Bài thực hành hóa hữu cơ	R3	CLO 1,2, 3,4,5,6,7,8	
A3. Đánh giá cuối kỳ	50%	Bài ktra cuối kỳ	Bài ktra cuối kỳ: Thi thực hành.		CLO 1,2, 3,4,5,6,7,8	Nộp sản phẩm

6.2. Chính sách đối với HP

- SV tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $>20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.
- Nghiên cứu trước giáo trình chính, chuẩn bị các câu hỏi, đề xuất ý kiến khi nghe giảng.
- Nghiên cứu các tài liệu tham khảo có liên quan đến nội dung của từng phần, từng chương, mục hay chuyên đề theo sự hướng dẫn của giảng viên.
- Tham gia thảo luận theo nhóm, thảo luận trên lớp theo yêu cầu của giảng viên.
- Làm bài tập: trên lớp và ở nhà theo yêu cầu của giảng viên.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP

Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy lý thuyết và thực hành của HP theo tuần

Tuần/ (5 tiết/tuần n)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/TH /TT)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở Bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 Bảng 6.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1.1. Phần lý thuyết							
	Chương 1: Đại cương						
1	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO1, 2			A1
	1.1 Các khái niệm cơ bản trong hóa hữu cơ 1.2 Các loại hiệu ứng electron và hiệu ứng không gian 1.3 Khái niệm về cơ chế phản ứng (S, E, A)		- Phân loại được hợp chất hữu cơ: phân loại theo mạch carbon và phân loại theo nhóm chức. - Trình bày được các phương pháp mô tả hợp chất hữu cơ: công thức đơn giản, công thức phân tử, công thức cấu tạo phẳng. Trình bày nguyên tắc		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm bài tập - Thảo luận nhóm	

			công thức Lewis, công thức Kekule và công thức cộng hưởng.				
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/15		CLO1, 2			
	1.3 Khái niệm về cơ chế phản ứng (S, E, A)		- Phân loại được các hợp chất hữu cơ và cho ví dụ minh họa từng trường hợp. Cho ví dụ cụ thể mô tả hợp chất hữu cơ theo công thức Lewis, công thức Kekule, công thức cộng hưởng.		- Tự học - Học nhóm	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 2: Hidrocarbon						
2	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	10/0/0		CLO1, 2,3,4,5, 6,7,8			A1
	2.1 Alkane và cycloalkane 2.2 Alkene và Alkadiene 2.3 Alkyne, Arene 2.4 Chất gốc		- Nắm rõ công thức phân tử, đặc điểm cấu tạo, đồng phân và lý tính của hydrocarbon. - Nắm rõ và phân biệt được các hiện tượng đồng đẳng và đồng phân. - Trình bày được các tính chất hóa học của hydrocarbon. Phân tích được sự chuyển hóa giữa các loại hydrocarbon.		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm bài tập - Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/30		CLO1, 2,3,4,5, 6,7,8			
	2.4 Chất gốc		Chứng minh tính chất của một hợp chất hữu cơ không phụ thuộc vào thành phần mà dựa vào cấu tạo hóa học.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 3: Dẫn xuất của hidrocarbon						
3	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	15/0/0		CLO1, 2,3,4,5, 6,7,8			A1

	<p>3.1 Dẫn xuất halogen và hợp chất cơ Magnesium</p> <p>3.2 Alcol, phenol, eter</p> <p>3.3 Aldehyde, ketone và Carboxylic acid</p> <p>3.4 Amine, muối diazonium và hợp chất azo</p> <p>3.5 Giới thiệu một số hợp chất dị vòng</p>		<p>-Trình bày được khái niệm, quy tắc gọi tên, đồng phân, danh pháp, điều chế tính chất vật lý và tính chất hóa học về dẫn xuất halogen , hợp chất cơ Magnesium của hydrocarbon, alcol, phenol, eter, aldehyde, ketone , carboxylic acid, amine, muối diazonium và hợp chất azo.</p> <p>- Tìm hiểu thêm về một số hợp chất dị vòng.</p>		<p>- Thuyết trình, giảng giải</p> <p>- Trình chiếu PowerPoint</p> <p>- Phát biểu xây dựng bài</p> <p>- Thảo luận nhóm</p>	<p>- Làm bài tập</p> <p>Thảo luận nhóm</p>	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/45		CLO1, 2,3,4,5, 6,7,8			
	3.5 Giới thiệu một số hợp chất dị vòng		<p>- Nắm rõ lý thuyết về dẫn xuất hydrocarbon.</p> <p>Trình bày và giải bài tập với những dạng chính: phản ứng với kim loại kiềm, phản ứng tách, phản ứng oxy hóa không hoàn toàn, phản ứng cháy và toán về ancol đa chức.</p>			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
Theo lịch thi	FINAL EXAM			CLO1, 2,3,4,5, 6,7,8			A4
1.2. Phần thực hành							
	Bài 1. Hydrocacbon và dẫn xuất halogen						
4	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	0/5/0		CLO1, 2,3,4			A1.1
	<p>1.1 Mục đích thí nghiệm</p> <p>1.2 Nguyên tắc</p> <p>1.3 Dụng cụ</p> <p>1.4 Hóa chất</p> <p>1.5 Cách tiến hành</p>		<p>- Trình bày được mối quan hệ giữa cấu tạo nguyên tử, cấu tạo phân tử và tính chất của các đơn chất và hợp chất.</p> <p>Nêu được danh pháp các chất vô cơ.</p>		<p>- Thuyết trình, giảng giải</p> <p>- Trình chiếu PowerPoint</p> <p>- Phát biểu xây dựng bài</p> <p>- Thảo luận</p>	<p>- Làm thí nghiệm, báo cáo</p> <p>- Thảo luận nhóm</p>	

					nhóm		
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/0		CLO1, 2,3,4			
						Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Bài 2. Ancol - Phenol – Eter						A1.2
5	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	0/5/0		CLO1, 2,3,4			
	2.1 Mục đích thí nghiệm 2.2 Nguyên tắc 2.3 Dụng cụ 2.4 Hóa chất 2.5 Cách tiến hành	3	- Nắm rõ Đặc điểm cấu tạo nguyên tử và khả năng phản ứng.. Trình bày được các tính chất vật lý, tính chất hóa học, trạng thái thiên nhiên, ứng dụng và phương pháp điều chế.		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm thí nghiệm, báo cáo - Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/0		CLO1, 2,3,4			
						Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Bài 3. Andehide, cetone, Acid cacboxylic						
6	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	0/5/0		CLO4			A1.3
	3.1 Mục đích thí nghiệm 3.2 Nguyên tắc 3.3 Dụng cụ 3.4 Hóa chất 3.5 Cách tiến hành		- Trình bày đặc điểm cấu tạo nguyên tử và khả năng phản ứng của kim loại kiềm. - Nắm rõ tính chất vật lý, tính chất hóa học, trạng thái thiên nhiên và phương pháp điều chế các đơn chất. - Tìm hiểu thêm về một số hợp chất oxit, peroxit và superoxit, hidroxit, muối (halogenua, cacbonat).		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm thí nghiệm, báo cáo - Thảo luận nhóm	

	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/0		CLO4			
						Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Bài 4. Điều chế axetanilit						
7	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	0/5/0		CLO5			A2.
	4.1 Mục đích thí nghiệm 4.2 Nguyên tắc 4.3 Dụng cụ 4.4 Hóa chất 4.5 Cách tiến hành		- Trình bày đặc điểm cấu tạo nguyên tử và khả năng phản ứng của kim loại kiềm thổ. - Nắm rõ tính chất vật lý, tính chất hóa học, trạng thái thiên nhiên và phương pháp điều chế các đơn chất. Tìm hiểu thêm về một số hợp chất oxit, peroxit, superoxit, hidroxit, muối (halogenua, sunfat và cacbonat), nước cứng và cách làm mềm nước		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm thí nghiệm, báo cáo - Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/0		CLO5			
						Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Bài 5. Điều chế Butylaxetat						
8	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	0/5/0		CLO5			A2
	5.1 Mục đích thí nghiệm 5.2 Nguyên tắc 5.3 Dụng cụ 5.4 Hóa chất 5.5 Cách tiến hành		- Nắm được một số thông số hóa lý của các nguyên tố phân nhóm IIIA. Trình bày đặc điểm cấu tạo nguyên tử và khả năng phản ứng của các nguyên tố chính: Bo, nhôm và các hợp chất của Ga, In, Tl.		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm thí nghiệm, báo cáo - Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/0		CLO5			
						Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	

	Bài 6. β -Naphthol da cam						
9	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	0/5/0		CLO5			A2
	6.1 Mục đích thí nghiệm 6.2 Nguyên tắc 6.3 Dụng cụ 6.4 Hóa chất 6.5 Cách tiến hành		- Nắm được một số thông số hóa lý của các nguyên tố phân nhóm IVA. Trình bày đặc điểm cấu tạo nguyên tử và khả năng phản ứng của các nguyên tố chính: cacbon, silic, các nguyên tố Ge, Sn, Pb, hcn và cyanua		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm thí nghiệm, báo cáo - Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/0		CLO5			
						Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
Theo lịch thi	FINAL EXAM			CLO 6,7,8			A3

(*) Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương.
- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR.
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số....).

8. Học liệu:

Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	PGS. TS. Đỗ Đình Rãng	2012	Hóa học hữu cơ tập 2,3	NXB Giáo dục
2	Bộ môn Hóa	2011	Thực hành Hóa hữu cơ	ĐH Kinh Tế - Kỹ Thuật Bình Dương
Sách, giáo trình tham khảo				
3	Đặng Như Tại, Ngô Thị Nhuận	2018	Hóa học hữu cơ - tập 1,2	NXB Giáo dục Việt Nam

Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ web hữu ích cho HP

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1		https://nxbdhqghcm.edu.vn/san-pham/giao-	07/01/2013

	Giáo trình hóa hữu cơ	trinh-hoa-huu-co/	
2	Hóa hữu cơ	https://hoahoc.org/bai-giang-hoa-hoc-huu-co-phan-thanh-son-nam.html	21/08/2016

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

Bảng 9.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường			
2	Phòng thí nghiệm			

Bình Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2019

TRƯỞNG KHOA



TRƯƠNG THỊ NGỌC SƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: DƯỢC

Mã số: 7720201

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về HP

1.1 Mã học phần:	1.2 Tên học phần: HÓA PHÂN TÍCH 1
1.3 Ký hiệu học phần:	1.4 Tên tiếng Anh: ANALYTICAL CHEMISTRY 1
1.5 Số tín chỉ:	03
1.6 Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	30 tiết
- Bài tập và thảo luận nhóm:	15 tiết
- Tự học	90 tiết
- Thực hành	30 tiết
1.7 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	Ths. Huỳnh Thị Thùy Trang Thanh
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Ks. Trần Thị Hương
1.8 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Hóa vô cơ, Hóa hữu cơ
- Học phần học trước:	Không yêu cầu
- Học phần song hành:	Không yêu cầu

2. Mô tả học phần:

Môn học Hóa phân tích 1 cung cấp cho sinh viên những kiến thức về: phân tích định lượng và phân tích định tính. Phân tích định lượng được thực hiện bằng phép đo thể tích và đo khối lượng gồm: phương pháp acid-base, tạo phức, oxy hoá - khử, kết tủa, khối lượng. Phân tích định tính nhằm xác định, nhận biết các cation và anion các chất.

3. Mục tiêu HP (Goals)

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)
G1	Nắm vững kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực thực hành định lượng bằng phương pháp hóa học: an toàn PTN, sử dụng dụng cụ đo, pha chế hóa chất, kỹ thuật định phân, xác định điểm dừng định phân, tính kết quả, xử lý số liệu, đánh giá kết quả.	PLO2,3,4,5
G2	Trình bày được nguyên tắc chung và phương pháp phân tích định lượng được thực hiện bằng phép đo thể tích và đo khối lượng gồm: phương pháp acid-base, tạo phức, oxy hoá - khử, kết tủa, khối lượng	PLO2,3,4,5
G3	Trình bày được phân tích định tính nhằm xác định, nhận biết các cation và anion các chất	PLO2,3,4,5
G4	Thành thạo sử dụng thiết bị, dụng cụ sử dụng trong quá trình thí nghiệm. Khả năng phân tích, giải thích và lập luận giải quyết các vấn đề liên quan đến kết quả phân tích. Có kỹ năng chuyên môn: đạo đức nghề nghiệp, trung thực, xác định mục tiêu và định hướng nghề nghiệp	PLO2,3,4,5
G5	Kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp và khả năng đọc hiểu các tài liệu kỹ thuật bằng tiếng Anh	PLO2,3,4,5
G6	Khả năng vận dụng, xác định chất trong đối tượng mẫu phân tích	PLO9

- Kỹ năng : Thực hiện đúng các thao tác định lượng: đo thể tích, đo khối lượng, xử lý được số liệu thực nghiệm và trình bày kết quả phân tích.
- Thái độ : Có thái độ học tập đúng đắn trong quá trình học tập môn học (tích cực tiếp thu kiến thức, tham gia tích cực vào giờ giảng).

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes-CLOs)

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR của học phần (CLOs)	Mô tả CLOs (Sau khi học xong môn học này, người học có thể:)
CLO 1	Phân loại các phương pháp phân tích định lượng: phương pháp thể tích và phương pháp khối lượng
CLO 2	Chọn lựa phương pháp phân tích định lượng phù hợp với vấn đề phân tích
CLO 3	Trình bày được nguyên tắc chung và phương pháp phương pháp acid-base
CLO 4	Trình bày được nguyên tắc chung và phương pháp phương pháp kết tủa

CLO 5	Trình bày được nguyên tắc chung và phương pháp phương pháp tạo phức
CLO 6	Trình bày được nguyên tắc chung và phương pháp phương pháp oxy hóa khử
CLO 7	Trình bày được nguyên tắc chung và phương pháp phương pháp phân tích khối lượng
CLO 8	Thực hiện được việc phân tích và xác định nồng độ, hàm lượng của mẫu cần phân tích
CLO 9	Phân loại các loại cation và anion trong các nhóm phân tích
CLO 10	Xác định đúng các cation và anion có trong mẫu cần phân tích
CLO 11	Đánh giá tầm quan trọng và khả năng ứng dụng của môn học liên quan đến ngành học
CLO 12	Có thái độ học tập đúng đắn trong quá trình học tập môn học (tích cực tiếp thu kiến thức, tham gia tích cực vào giờ giảng)

5. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Mức độ đóng góp của CLO vào PLO được xác định cụ thể:

- L (Low) – CLO có đóng góp ít vào PLO
- M (Medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO
- H (High) – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích:

- Các mức H - Cao, M - Vừa, L - Thấp - phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (L) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(mức M) hay mức thuần thực (H).

Bảng 5.1. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Chuẩn đầu ra HP (CLOs)	Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
CLO1		M	M	M	M							
CLO2		M	M	M	M							
CLO3		M	M	M	M							
CLO4		M	M	M	M							
CLO5		L	L	L	M							
CLO6		L	L	L	M							
CLO7		M	M	M	M							
CLO8		M	M	M	M				L			
CLO9		L	L	L	L				H			
CLO10		L	L	L	L				H			
CLO11		L	L	L	L				H			

CLO12		L	L	L	L				H			
Tổng hợp		M	M	M	M				H			

6. Đánh giá HP

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP

- Lý thuyết:

H/phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric	Lquan đến CLO nào ở Bảng 5.1	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	10%	A1.1. Tuần 1: Làm bài tập số 1	30%		CLO 1,2	
		A1.2. Tuần 2: Làm bài tập số 2	30%		CLO3,4,5	
		A1.3. Tuần 3: Làm bài tập số 3	40%		CLO 6,7,8	
A2. Kỹ năng	20%	Tuần 4,5:		R4	CLO 3,4,5,6,7,8,9,10	- GV cho SV thuyết trình
A3. Đánh giá giữa kỳ	20%	Sinh viên làm một bài kiểm tra cá nhân		R3	CLO 3,4,5,6,7,8,9,10	- GV ra đề
A4. Đánh giá cuối kỳ	50%	Bài ktra cuối kỳ: Thi trắc nghiệm theo NHĐT.			CLO 3,4,5,6,7,8,9,10	

- Thực hành:

H/phần đánh	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric	Lquan đến CLO nào ở	HD PP đánh giá
-------------	----------	--------------	--------------	--------	---------------------	----------------

giá					Bảng 5.1	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	10%	A1.1.Làm bài thực hành 1	30%	R3	CLO 1,2	
		A1.2. Làm bài thực hành 2	30%	R3	CLO 3,4	
		A1.3. Làm bài thực hành 3	40%	R3	CLO 5,6	
A2. Đánh giá giữa kỳ	40%	Sinh viên làm một bài kiểm tra theo nhóm	Bài thực hành hóa hữu cơ	R3	CLO 3,4,5,6,7,8,9,10	
A3. Đánh giá cuối kỳ	50%	Bài ktra cuối kỳ	Bài ktra cuối kỳ: Thi thực hành.		CLO 3,4,5,6,7,8,9,10	Nộp sản phẩm

6.2. Chính sách đối với HP

- SV tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $>20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.
- Nghiên cứu trước giáo trình chính, chuẩn bị các câu hỏi, đề xuất ý kiến khi nghe giảng.
- Nghiên cứu các tài liệu tham khảo có liên quan đến nội dung của từng phần, từng chương, mục hay chuyên đề theo sự hướng dẫn của giảng viên.
- Tham gia thảo luận theo nhóm, thảo luận trên lớp theo yêu cầu của giảng viên.
- Làm bài tập: trên lớp và ở nhà theo yêu cầu của giảng viên.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP

Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy lý thuyết và thực hành của HP theo tuần

Tuần / (5 tiết/tuần)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/T H/TT)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở Bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 Bảng 6.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1.1. Phần lý thuyết							

	Chương 1. Mở đầu						
1	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2/0/0		CLO1,2			A1
	1.1 Đại cương về môn học hóa phân tích 1.2 Các khái niệm và định luật cơ bản dùng trong hóa phân tích. 1.3 Bài tập		- Biết được lý thuyết đại cương về hóa học phân tích. - Hiểu và lựa chọn phương pháp phân tích phù hợp. Biết tính toán số liệu phân tích hóa học.		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm bài tập - Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/20		CLO1,2			
	1.3 Bài tập		Phân loại lựa chọn phương pháp phân tích phù hợp.		- Tự học - Học nhóm	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 2. Đại cương về phân tích thể tích						
2	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	3/0/0		CLO1,2			A1
	2.1 Đại cương về phân tích thể tích 2.2 Các cách chuẩn độ thông dụng và tính kết quả 2.3 Pha chế dung dịch chuẩn 2.4 Chất gốc 2.5 Bài tập		- Biết được lý thuyết đại cương về hóa học phân tích. - Hiểu được qui luật phân tích định tính.. - Hiểu được qui trình phân tích định lượng - Biết được các phương pháp tách và làm giàu cấu tử Biết lựa chọn phương pháp phân tích phù hợp		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm bài tập - Thảo luận nhóm	

	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/20		CLO1,2			
	2.4 Chất gốc		Phân loại lựa chọn phương pháp phân tích phù hợp.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 3. Phương pháp chuẩn độ axit – bazơ						
3	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2/10/0		CLO3			A2
	3.1 Đại cương về axit, bazơ 3.2 Phương pháp chuẩn độ axit - bazơ 3.3 Bài tập		-Hiểu được bản chất của Phương pháp phân tích thể tích. Biết được cách lựa chọn chất chỉ thị thích hợp cho từng phương pháp chuẩn độ để mắc sai số nhỏ nhất		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm bài tập Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/20		CLO1,2			
	3.3 Bài tập		Phân loại lựa chọn phương pháp phân tích phù hợp.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 4. Phương pháp chuẩn độ tạo phức						
4	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	3/0/0		CLO5			A2
	4.1 Phức chất trong dung dịch 4.2 Phương pháp chuẩn độ complexon 4.3 Bài tập.		-Hiểu được bản chất của phức chất. -Hiểu được phương pháp chuẩn độ complexon		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu	- Làm bài tập - Thảo luận nhóm	

					xây dựng bài - Thảo luận nhóm		
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/20		CLO5			
	4.3 Bài tập.		Phân loại lựa chọn phương pháp phân tích phù hợp.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 5. Phương pháp chuẩn độ kết tủa						
5	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO4			A2
	5.1 Phản ứng kết tủa 5.2 Phương pháp chuẩn độ kết tủa 5.3 Bài tập.		- Hiểu được bản chất của phản ứng kết tủa - Hiểu được phương pháp chuẩn độ kết tủa		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm bài tập - Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/20		CLO4			
	5.3 Bài tập.		Phân loại lựa chọn phương pháp phân tích phù hợp.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 6. Phương pháp chuẩn độ oxy hóa khử						
6	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO6			A2

	6.1 Phản ứng trao đổi electron 6.2 Phương pháp chuẩn độ oxi hóa khử 6.3 Bài tập.		- Tìm hiểu phản ứng trao đổi electron - Hiểu được phương pháp chuẩn oxi hóa khử		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm bài tập - Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/5		CLO6			
	6.3 Bài tập.		Phân loại lựa chọn phương pháp phân tích phù hợp.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 7. Phương pháp phân tích khối lượng						
7	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO7			A2
	7.1 Nguyên tắc 7.2 Các giai đoạn của phương pháp phân tích khối lượng 7.3 Bài tập		- Xác định khối lượng cấu tử M có trong đối tượng phân tích X - Biết chọn lựa các phương pháp xác định khối lượng phân tử		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm bài tập - Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/5		CLO7			
	7.3 Bài tập		Phân loại lựa chọn phương pháp phân			Chuẩn bị tốt phần tự	

			tích phù hợp.			học ở nhà	
	Chương 8. Phương pháp phân tích định tính						
8	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO9,10			A2
	7.1 Nguyên tắc 7.2 Phân loại các cation và anion 7.3 Nhận biết cation và anion các nhóm phân tích 7.4 Bài tập		- Trình bày nguyên tắc - Phân loại các cation và anion - Thực hiện phân tích nhận biết cation và anion các nhóm phân tích		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm bài tập - Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/5		CLO9,10			
Theo lịch thi	FINAL EXAM			CLO1,2,3,4,5,6,7,8,9,10			A4

1.2. Phần thực hành

	Bài 1. Phương pháp chuẩn độ axit – bazơ						
9	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	0/5/0		CLO3			A1.1
	1.1 Mục đích thí nghiệm 1.2 Nguyên tắc 1.3 Dụng cụ 1.4 Hóa chất 1.5 Cách tiến hành		- Pha và xác định nồng độ dung dịch Natri Hydroxyd 0,1N. - Trình bày được nguyên tắc và phản ứng định lượng natri hydroxyd. - Tính được khối lượng natri hydroxyd		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng	- Làm bài tập - Thảo luận nhóm	

			<p>đề pha và pha được 100ml dung dịch natri hydroxyd 0,1N.</p> <p>Xác định được nồng độ dung dịch natri hydroxyd 0,1N.</p>		<p>bài</p> <p>- Thảo luận nhóm</p>		
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/0		CLO3			
						Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Bài 2. Phương pháp chuẩn độ đa bazơ						
10	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	0/5/0		CLO3			A1.2
	<p>2.1 Mục đích thí nghiệm</p> <p>2.2 Nguyên tắc</p> <p>2.3 Dụng cụ</p> <p>2.4 Hóa chất</p> <p>2.5 Cách tiến hành</p>		<p>- Xác định đa base bằng acid mạnh.</p> <p>- Thiết lập được nồng độ dung dịch HCl theo Na_2CO_3.</p> <p>Xác định nồng độ Na_2CO_3 và NaHCO_3 trong hỗn hợp.</p>		<p>- Thuyết trình, giảng giải</p> <p>- Trình chiếu PowerPoint</p> <p>- Phát biểu xây dựng bài</p> <p>- Thảo luận nhóm</p>	<p>- Làm bài tập</p> <p>- Thảo luận nhóm</p>	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/0		CLO3			
						Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Bài 3. Phương pháp chuẩn độ tạo phức						
11	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	0/5/0		CLO5			A1.3
	<p>3.1 Mục đích thí nghiệm</p> <p>3.2 Nguyên tắc</p> <p>3.3 Dụng cụ</p> <p>3.4 Hóa chất</p>		<p>- Trình bày được phương pháp chuẩn độ tạo phức với complexon.</p>		<p>- Thuyết trình, giảng giải</p> <p>- Trình</p>	<p>- Làm bài tập</p> <p>- Thảo luận</p>	

	3.5 Cách tiến hành		Thực hành thí nghiệm chuẩn độ..		chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/0		CLO5			
						Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Bài 4. Phương pháp chuẩn độ kết tủa						
12	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	0/5/0		CLO4			A2
	4.1 Mục đích thí nghiệm 4.2 Nguyên tắc 4.3 Dụng cụ 4.4 Hóa chất 4.5 Cách tiến hành		- Trình bày các nguyên tắc của các phương pháp: Mohr, Fajans. - Chọn chất chỉ thị và trình bày phản ứng chỉ thị.		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm bài tập - Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/0		CLO4			
						Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Bài 5. Phương pháp chuẩn độ oxy hóa khử						
13	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	0/5/0		CLO6			A3
	5.1 Mục đích thí nghiệm 5.2 Nguyên tắc		- Trình bày được nguyên tắc định lượng đường khử		- Thuyết trình, giảng	- Làm bài tập	

	5.3 Dụng cụ 5.4 Hóa chất 5.5 Cách tiến hành		bằng phương pháp chuẩn độ oxy hóa khử với Ferricyanure. Thực hành các thao tác chuẩn độ.		giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/0		CLO6			
						Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Bài 6. Phương pháp phân tích khối lượng						
14	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	0/5/0		CLO7			A3
	6.1 Mục đích thí nghiệm 6.2 Nguyên tắc 6.3 Dụng cụ 6.4 Hóa chất 6.5 Cách tiến hành		- Tính toán nồng độ đương lượng của mẫu cần chuẩn độ. Thực hành thí nghiệm chuẩn độ dd NaOH bằng dung dịch H ₂ SO ₄ .		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm bài tập - Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/0		CLO7			
						Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
Theo lịch thi	FINAL EXAM			CLO1,2,3,4,5,6,7,8			A3

(* Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương.
- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR.
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số....).

8. Học liệu:

Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	Nguyễn Tinh Dung	2003	Hóa học phân tích phần III các phương pháp định lượng hóa học	NXB Giáo dục
2	Bộ môn Hóa	2019	Thực hành Hóa phân tích định lượng	ĐH Kinh Tế - Kỹ Thuật Bình Dương
Sách, giáo trình tham khảo				
3		2009	Bài giảng lý thuyết và bài tập hóa phân tích định lượng	NXB Trường ĐH Nguyễn Tất Thành

Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ web hữu ích cho HP

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Hóa phân tích lý thuyết và thực hành	https://123doc.org/document/2374091-hoa-phan-tich-ly-thuyet-va-thuc-hanh.htm	31/10/2014
2	Hóa phân tích tập 1	https://ebookyhoc.com/sach/hoa-phan-tich-tap-1-sach-dao-tao-dsdh-bo-y-te/	10/07/2007

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

Bảng 9.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường			
2	Phòng thí nghiệm			

Bình Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2019

TRƯỞNG KHOA



TRƯƠNG THỊ NGỌC SƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: DƯỢC

Mã số: 7720201

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về HP

1.1 Mã học phần:	1.2 Tên học phần: HÓA PHÂN TÍCH 2
1.3 Ký hiệu học phần:	1.4 Tên tiếng Anh: ANALYTICAL CHEMISTRY 2
1.5 Số tín chỉ:	03
1.6 Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	30 tiết
- Bài tập và thảo luận nhóm:	15 tiết
- Tự học	90 tiết
- Thực hành	30 tiết
1.7 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	Ths. Huỳnh Thị Thùy Trang Thanh
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Ks. Trần Thị Hương
1.8 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Hóa phân tích 1
- Học phần học trước:	Không yêu cầu
- Học phần song hành:	Không yêu cầu

2. Mô tả học phần:

Nội dung môn học Hóa phân tích 2 cung cấp cho sinh viên những kiến thức về nguyên lý, ứng dụng các phương pháp quang học, sắc ký vào phân tích dược phẩm.

3. Mục tiêu HP (Goals)

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)
------------------	--	--------------------------

G1	Nắm vững kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực thực hành định lượng bằng phương pháp hóa học: an toàn PTN, sử dụng dụng cụ đo, pha chế hóa chất, kỹ thuật định phân, xác định điểm dừng định phân, tính kết quả, xử lý số liệu, đánh giá kết quả.	PLO2
G2	Trình bày được kiến thức về nguyên lý, ứng dụng các phương pháp quang học, sắc ký	
G3	Thành thạo sử dụng thiết bị, dụng cụ sử dụng trong quá trình thí nghiệm. Khả năng phân tích, giải thích và lập luận giải quyết các vấn đề liên quan đến kết quả phân tích. Có kỹ năng chuyên môn: đạo đức nghề nghiệp, trung thực, xác định mục tiêu và định hướng nghề nghiệp	PLO2
G4	Kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp và khả năng đọc hiểu các tài liệu kỹ thuật bằng tiếng Anh	PLO3
G5	Khả năng vận dụng, xác định chất trong đối tượng mẫu phân tích	PLO5,7

- Kỹ năng : Thực hiện đúng các thao tác định tính, phân tích mẫu thí nghiệm.
- Thái độ : Có thái độ học tập đúng đắn trong quá trình học tập môn học (tích cực tiếp thu kiến thức, tham gia tích cực vào giờ giảng)

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes-CLOs)

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR của học phần (CLOs)	Mô tả CLOs (Sau khi học xong môn học này, người học có thể:)
CLO 1	Xác định được đối tượng cần phân tích trong mẫu thực tế
CLO 2	Sử dụng đúng, thành thạo dụng cụ đo. Hiểu rõ quá trình định phân, giải thích đúng sự đổi màu trong quá trình định phân.
CLO 3	Hiểu được các thuật ngữ tiếng Anh dùng trong hóa phân tích, thực hành hóa phân tích
CLO 4	Có kỹ năng phân tích được khối phổ (UV-VIS, IR, AAS, MS) và chia tách (GC, HPLC, SFC, TLC, CE)
CLO 5	Nắm vững nguyên tắc đọc kết quả từ dụng cụ đo và biểu diễn kết quả phân tích, xử lý và đánh giá kết quả phân tích
CLO 6	Áp dụng các kiến thức lý thuyết vào thực hành: giải thích hiện tượng, thiết lập công thức, nhận thức thời điểm dừng chuẩn độ.
CLO 7	Có khả năng tự tìm kiếm tài liệu, tự nghiên cứu, trình bày và giải quyết các vấn đề liên quan tới nội dung thí nghiệm
CLO 8	Có khả năng làm việc trong các nhóm để thảo luận và giải quyết các vấn đề liên quan đến bài thí nghiệm
CLO 9	Vận dụng phương pháp phân tích hóa học phù hợp với đối tượng, điều kiện phòng thí nghiệm

CLO 10	Nắm được phương pháp tiếp cận và phương pháp luận của môn học
--------	---

5. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Mức độ đóng góp của CLO vào PLO được xác định cụ thể:

- L (Low) – CLO có đóng góp ít vào PLO
- M (Medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO
- H (High) – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích:

- Các mức H - Cao, M - Vừa, L - Thấp - phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (L) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(mức M) hay mức thuần thục (H).

Bảng 5.1. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Chuẩn đầu ra HP (CLOs)	Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
CLO1		M	M	M								
CLO2		M	M	M								
CLO3		M	M	M								
CLO4		M	M	M								
CLO5		L	L	L								
CLO6		L	L	L	M							
CLO7		M	M	M	M							
CLO8		M	M	M	M				L			
CLO9									H			
CLO10									H			
Tổng hợp		M	M	M	M				H			

6. Đánh giá HP

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP

- Lý thuyết:

H/phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric	Lquan đến CLO nào ở Bảng 5.1	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Kiểm tra thường xuyên	10%	A1.1. Tuần 1: Làm bài tập số 1	30%		CLO 1,2	

(KTTX)		A1.2. Tuần 2: Làm bài tập số 2	30%		CLO3,4,5	
		A1.3. Tuần 3: Làm bài tập số 3	40%		CLO 6,7,8	
A2. Kỹ năng	20%	Tuần 4,5:		R4	CLO 3,4,5,6,7,8	- GV cho SV thuyết trình
A3. Đánh giá giữa kỳ	20%	Sinh viên làm một bài kiểm tra cá nhân		R3	CLO 1,2, 3,4,5,6,7,8	- GV ra đề
A4. Đánh giá cuối kỳ	50%	Bài ktra cuối kỳ			CLO 1,2, 3,4,5,6,7,8	

- Thực hành:

H/phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric	Lquan đến CLO nào ở Bảng 5.1	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	10%	A1.1. Làm bài thực hành 1	30%	R3	CLO 1,2	
		A1.2. Làm bài thực hành 2	30%	R3	CLO 3,4	
		A1.3. Làm bài thực hành 3	40%	R3	CLO 5,6	
A2. Đánh giá giữa kỳ	40%	Sinh viên làm một bài kiểm tra theo nhóm	Bài thực hành hóa hữu cơ	R3	CLO 1,2, 3,4,5,6,7,8	
A3. Đánh giá cuối kỳ	50%	Bài ktra cuối kỳ	Bài ktra cuối kỳ: Thi thực hành.		CLO 1,2, 3,4,5,6,7,8	Nộp sản phẩm

6.2. Chính sách đối với HP

- SV tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $>20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.
- Nghiên cứu trước giáo trình chính, chuẩn bị các câu hỏi, đề xuất ý kiến khi nghe giảng.
- Nghiên cứu các tài liệu tham khảo có liên quan đến nội dung của từng phần, từng chương, mục hay chuyên đề theo sự hướng dẫn của giảng viên.
- Tham gia thảo luận theo nhóm, thảo luận trên lớp theo yêu cầu của giảng viên.
- Làm bài tập: trên lớp và ở nhà theo yêu cầu của giảng viên.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP

Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy lý thuyết và thực hành của HP theo tuần

Tuần / (5 tiết/tuần)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/T H/TT)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở Bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 Bảng 6.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1.1. Phần lý thuyết							
	Chương 1. Đại cương về phân tích dụng cụ						
1	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	6/0/0					A1
	2.1 Phân loại 2.2 Định lượng trong phân tích dụng cụ 2.3 Hiệu chuẩn và chất chuẩn 2.4 Một số đặc trưng của phân tích dụng cụ 2.5 Kỹ thuật phân tích – phương pháp phân tích		- Xác định các nguyên tố, các ion, các phân tử có trong thành phần chất phân tích		- Thuyết trình, giảng giải Trình chiếu PowerPoint Phát biểu xây dựng bài Thảo luận nhóm	- Làm bài tập - Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/8/0					
	2.5 Kỹ thuật phân tích – phương pháp phân tích		Phân loại lựa chọn phương pháp phân tích phù hợp.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 2. Đại cương về phân tích quang học						
2	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	3/0/0					A1

	3.1 Bản chất và các đại lượng đặc trưng của bức xạ điện từ 3.2 Sự hấp thụ và tán sắc ánh sáng 3.3 Ứng dụng và ảnh hưởng của một số hiện tượng quang học khác với phân tích		- Hiểu được bản chất của bức xạ điện từ - Định luật hấp thụ và hiện tượng tán sắc ánh sáng		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm bài tập Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/8/0					
	3.3 Ứng dụng và ảnh hưởng của một số hiện tượng quang học khác với phân tích		Phân loại lựa chọn phương pháp phân tích phù hợp.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 3. Quang phổ hấp thụ phân tử						
3	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	3/0/0					A2
	4.1 Quang phổ hấp thụ tử ngoại khả kiến (UV-VIS) 4.2 Quang phổ hồng ngoại		- Cấu trúc phân tử và động lực thông qua sự hấp thụ, phát xạ, tán xạ ánh sáng. - Hiểu được phương pháp phân tích theo quang phổ hồng ngoại.		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm bài tập - Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/8/0					
	4.2 Quang phổ hồng ngoại		Phân loại lựa chọn phương pháp phân tích phù hợp.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 4. Quang phổ hấp thụ và phát xạ nguyên tử						
4	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	3/0/0					A2
	5.1 Quang phổ hấp thụ nguyên tử 5.2 Quang phổ phát xạ nguyên tử 5.3 Quang phổ phát xạ plasma		- Hiểu được các cơ chế và chênh lệch hóa trị		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint	- Làm bài tập - Thảo luận nhóm	

					- Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm		
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/8/0					
	5.3 Quang phổ phát xạ plasma		Phân loại lựa chọn phương pháp phân tích phù hợp.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 5. Quang phổ huỳnh quang						
5	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	3/0/0					A2
	6.1 Hiện tượng huỳnh quang và lân quang 6.2 Các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng huỳnh quang 6.3 Một số đặc điểm của huỳnh quang 6.4 Máy quang phổ huỳnh quang 6.5 Ứng dụng của quang phổ huỳnh quang		- Hiểu được hiện tượng hình quang và lân quang. - Biết được các yếu tố ảnh hưởng phương pháp quang phổ huỳnh quang		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm bài tập - Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/7/0					
	6.5 Ứng dụng của quang phổ huỳnh quang		Phân loại lựa chọn phương pháp phân tích phù hợp.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 6. Một số phương pháp quang học khác						
6	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	3/0/0					A2
	7.1 Phương pháp đo chỉ số khúc xạ 7.2 Phương pháp đo năng suất quay cực 7.3 Phương pháp phổ cộng hưởng từ hạt nhân		- Chỉ số khúc xạ (n) - Sự phân cực ánh sáng - Hiểu được phương pháp phổ cộng hưởng từ hạt nhân		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm bài tập - Thảo luận nhóm	

	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/14/0					
	7.2 Phương pháp đo năng suất quay cực		Phân loại lựa chọn phương pháp phân tích phù hợp.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 7. Phân tích phối phổ						
7	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	3/0/0					A2
	8.1 Nguyên tắc 8.2 Máy phối phổ 8.3 Vài đặc điểm của phân tích phối phổ 8.4 Ứng dụng		- Khối phổ là kỹ thuật phân tích đo phổ và khối lượng của các phân tử tích điện khi chúng di chuyển trong điện trường. Một khối phổ kế thông thường gồm 3 phần: phần nguồn ion , phần phân tích khối lượng, và phần đo đạc		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm bài tập - Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/7/0					
	8.4 Ứng dụng		Phân loại lựa chọn phương pháp phân tích phù hợp.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 8. Đại cương về sắc ký						
8	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	3/0/0					A2
	9.1 Một số vấn đề chung về sắc ký 9.2 Pis sắc ký và các thông số đặc trưng cho quá trình rửa giải 9.3 Lý thuyết sắc ký 9.4 Tối ưu hóa quá trình tách sắc ký 9.5 Ứng dụng của sắc ký		- Pha động và pha tĩnh - Giá trị Pis - Khái niệm sắc ký - Quá trình tách sắc ký chọn lọc.		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm bài tập - Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/7/0					
	9.5 Ứng dụng của sắc ký		Phân loại lựa chọn phương pháp phân tích phù hợp.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 9. Sắc ký lỏng, sắc ký khí						A2

9	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	3/0/0					
	10.1 Sắc ký lỏng 10.2 Sắc ký khí		- Phân tích dùng để tách, nhận biết, định lượng từng thành phần trong hỗn hợp - Phân tích để tách và phân tích các hợp chất bay hơi mà không làm phân hủy thay đổi mẫu.		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm bài tập - Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/0					
			Phân loại lựa chọn phương pháp phân tích phù hợp.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
Theo lịch thi	FINAL EXAM						A4
1.2. Phần thực hành							
	Bài 1. Khảo sát phổ UV						
10	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	0/5/0		CLO3			A1.1
	1.1 Giới thiệu thiết bị quang phổ UV		- Vùng phổ UV và nguồn gốc của sự hấp thụ - Sự chuyển dịch điện tử của các chất hữu cơ - Nhóm chức - Các yếu tố ảnh hưởng đến bước sóng hấp thụ - Hệ thống thiết bị quang phổ UV		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm thí nghiệm, báo cáo - Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/0		CLO3			
						Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Bài 2. Khảo sát ảnh hưởng của dung môi và pH đến sự hấp thụ benzen và phenol						

	trong quang phổ UV - VIS						
11	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	0/5/0		CLO2			A1.2
	2.1 Cơ sở lý thuyết 2.2 Ảnh hưởng của dung môi 2.3 Ảnh hưởng của PH		Phổ hấp thụ UV-Vis của benzene và phenol - Quan sát sự chuyển dịch màu của dung dịch - Trong nhiều dung môi khác nhau thì có những đỉnh hấp thụ khác nhau		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm thí nghiệm, báo cáo - Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/0		CLO2			
						Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Bài 3. Định danh hợp chất tinh khiết bằng quang phổ hồng ngoại						
12	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	0/5/0		CLO2,3			A1.3
	3.1 Cơ sở lý thuyết 3.2 Chuẩn bị mẫu		- Phổ hồng ngoại IR là phương pháp chuẩn xác để định danh vì mỗi một chất chỉ cho một vùng điểm chỉ của phổ không trùng lặp với phổ của chất khác. - Tháo đặt mẫu đo vào cốc đo thích hợp không hấp thụ trong cùng ánh sáng hồng ngoại. + Mẫu dạng lỏng + Mẫu dạng rắn + Mẫu dạng khí		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm thí nghiệm, báo cáo - Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/0		CLO2,3			
						Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Bài 4. Định lượng Na ⁺ , Cr bằng						

	phương pháp sắc ký trao đổi ion						
13	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	0/5/0		CLO6			A2
	4.1 Định lượng Na ⁺ , Cr bằng phương pháp sắc ký trao đổi ion		Trình bày được Định lượng Na ⁺ , Cr bằng phương pháp sắc ký trao đổi ion		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm thí nghiệm, báo cáo - Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/0		CLO6			
						Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Bài 5. Định lượng paracetamol và cafein trong chế phẩm HPLC						
14	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	0/5/0		CLO6			A2
	5.1 Nguyên tắc cấu tạo hệ thống HPLC 5.2 Khảo sát điều kiện tối ưu 5.3 Tiến hành chạy sắc ký		- Khảo sát pha động, chọn thể tích vòng mẫu, chọn cột - Lập lại ít nhất 3 lần		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm thí nghiệm, báo cáo - Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/0		CLO6			A2
						Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Bài 6. Định lượng Na ⁺ , K ⁺ bằng phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử						
15	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	0/5/0		CLO6			A2

	6.1 Nguyên tắc 6.2 Thuộc thử và dung dịch chuẩn gốc 6.3 Tiến hành định lượng		- Mẫu được tro hóa khô trong lò nung để phân hủy chất nền hữu cơ. Tro được hòa tan trong axit loãng và chất phân tích được xác định bằng đo quang phổ hấp thụ nguyên tử. - Dung dịch chuẩn gốc sấy khô trong 2h ở 110°C - Xác định độ hấp thụ với bước sóng và ngọn lửa		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm thí nghiệm, báo cáo - Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/0		CLO6			A2
						Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
Theo lịch thi	FINAL EXAM			CLO4,6,9			A3

(*) Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương.
- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR.
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số....).

8. Học liệu:

Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	PGS. TS. Trần Tử An		Hóa phân tích tập 2	NXB trường ĐH Thành Đô
2	Phạm Luận	2014	Phương pháp phân tích sắc ký và chiết tách	NXB Bách khoa Hà Nội
3	Bộ môn Hóa	2019	Thực hành Hóa phân tích 2	ĐH Kinh Tế - Kỹ Thuật Bình Dương
Sách, giáo trình tham khảo				

5	Nguyễn Tinh Dung	2012	Hóa học phân tích – Phần 2: Các phản ứng ion trong dung dịch	NXB Giáo dục Việt Nam
---	------------------	------	--	-----------------------

Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ web hữu ích cho HP

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Hóa phân tích lý thuyết và thực hành	https://123doc.org/document/2374091-hoa-phan-tich-ly-thuyet-va-thuc-hanh.htm	3/10/2014
2	Hóa phân tích tập 2- phân tích công cụ	https://vietbooks.info/threads/hoa-phan-tich-tap-2-phan-tich-dung-cu-nxb-y-hoc-2007-tran-tu-an-322-trang.93157/	24/05/2018

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

Bảng 9.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường			
2	Phòng thí nghiệm			

Bình Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2019

TRƯỞNG KHOA



TRƯƠNG THỊ NGỌC SƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: DƯỢC

Mã số: 7720201

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về HP

1.1 Mã học phần: 071067	1.2 Tên học phần: THỰC HÀNH DƯỢC KHOA
1.3 Ký hiệu học phần:	1.4 Tên tiếng Anh: Introduction of pharmacy
1.5 Số tín chỉ:	03
1.6 Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	0 tiết
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	90 tiết
- Tự học:	180 tiết
1.7 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	DS CKI Trương thị Ngọc Sương
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	DS Trần Ngọc Thanh, DS Lê Uyên Thanh
1.8 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không có
- Học phần học trước:	Không yêu cầu
- Học phần song hành:	Không yêu cầu

2. Mô tả học phần:

- Môn học gồm 3 TC:
 - + Thực hành bào chế: Pha chế một số dạng bào chế đơn giản (1TC).
 - + Thực hành nhận biết dược liệu: nhận biết các dược liệu tươi và khô thông dụng (1TC).
 - + Tham quan (và làm báo cáo) tại một Công ty dược phẩm.

3. Mục tiêu HP (Goals)

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)
G1	Thực hành bào chế thuốc: Áp dụng một số kỹ thuật cơ bản trong bào chế và các dụng cụ phù hợp để pha chế một số dạng bào chế đơn giản.	PLO 1, 12

G2	Thực hành nhận biết dược liệu: -Nhận biết được 100 dược liệu thông dụng. -Trình bày được tên Việt Nam, tên khoa học, họ, bộ phận dùng, thành phần hóa học, công dụng chính, cách dùng của các dược liệu này.	PLO 1,6,9,12
G3	Tham quan một nhà máy nhà máy sản xuất thuốc.	PLO 1,5,6,9,12
G4	Bước đầu nhận thức được vai trò của người Dược sĩ hệ thống y tế qua đó nâng cao lòng yêu nghề và ý thức tự giác học tập.	PLO 12

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes-CLOs)

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR của học phần (CLOs)	Mô tả CLOs (Sau khi học xong môn học này, người học có thể:)
CLO 1	Thực hành bào chế thuốc: Áp dụng một số kỹ thuật cơ bản trong bào chế và các dụng cụ phù hợp để pha chế một số dạng bào chế đơn giản.
CLO 2	Thực hành nhận biết dược liệu: -Nhận biết được 100 dược liệu thông dụng. -Trình bày được tên Việt Nam, tên khoa học, họ, bộ phận dùng, công dụng chính, cách dùng của các dược liệu này.
CLO 3	Tham quan một nhà máy nhà máy sản xuất thuốc.
CLO 4	Bước đầu nhận thức được vai trò của người Dược sĩ hệ thống y tế qua đó nâng cao lòng yêu nghề và ý thức tự giác học tập.

5. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CĐR của chương trình (PLOs)

Bảng 5.1. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CĐR của chương trình (PLOs)

Chuẩn đầu ra HP (CLOs)	Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
CLO1	X											X
CLO2	X					X			X			X
CLO3	X				X	X			X			X
CLO4												X

6. Đánh giá HP

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP

H/phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric	Lquan đến CLO nào ở Bảng 5.1	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Kỹ năng Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	20%	A1.1. Phần thực hành Bào chế.	30%	R1,3,9,10	CLO1	Giảng viên đánh giá cho điểm từng sinh viên trong từng buổi học theo các tiêu chí kỹ năng và sản phẩm của quá trình thực hành bào chế
		A1.2. Phần thực hành dược liệu	30%	R1,3	CLO2	Giảng viên đánh giá cho điểm từng sinh viên trong từng buổi học theo các tiêu chí kỹ năng và sản phẩm của quá trình thực hành dược liệu
		A1.3. Nộp bảng điểm do Công ty kiểm tra và cho điểm	40%	R1,7,10	CLO3	Nhập điểm
A2. Đánh giá giữa kỳ	30%	Điểm giữa kỳ là điểm trung bình đánh giá sinh viên trong từng buổi học theo bảng kiểm của giáo viên của từng phần		R1,2,10	CLO1,2,3	Điểm giữa kỳ : (Điểm Thực hành Bào chế + Điểm Thực hành Dược liệu + Điểm công ty)/3
A3. Đánh giá cuối kỳ	50%	Bài kiểm tra cuối kỳ: Đánh giá kỹ năng bào chế sản phẩm. Kỹ năng nhận thức một số dược liệu dùng làm thuốc. Chăm điểm báo cáo đi tham quan		R2,3,10	CLO 1,2,3,4	Điểm môn học: (Điểm Thực hành Bào chế + Điểm Thực hành Dược liệu + Điểm báo cáo tham quan)/3

6.2. (Chính sách đối với HP

Tham dự tất cả các buổi thực hành là điều kiện bắt buộc để ra điểm giữa quá trình và điểm kết thúc môn học. Sinh viên dự lớp đúng giờ và đầy đủ.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP

Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần

Tuần / (5 tiết/tuần)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/TH/T)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở Bảng	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (ở cột
----------------------	---	-------------------	----------------------------------	--------------------------	----------------------	-------------------------	-------------------------

				4.1			3 Bảng 6.1
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	CHƯƠNG 1: Thực hành bào chế thuốc						
	a. Các nội dung chính giảng dạy tại phòng thực hành Bào chế	6/24/0		CLO 1		Sinh viên dự lớp đúng giờ và đầy đủ.	A 1,2
	Các kỹ thuật cơ bản bào chế Cân, đong đo, xác định tỷ trọng		Làm được một số kỹ thuật cơ bản trong bào chế : Cân, đong đo, xác định tỷ trọng.		Thực tập, thí nghiệm		
	Kỹ thuật hòa tan - làm trong, tiệt khuẩn, Bào chế nước muối sinh lý 0,9%		Làm được một số kỹ thuật cơ bản trong bào chế : Kỹ thuật hòa tan - làm trong, tiệt khuẩn. Pha chế nước muối sinh lý 0,9%		Thực tập, thí nghiệm		
	Kỹ thuật nghiền, rây. -Bào chế thuốc theo YHCT-Sơ chế dược liệu, nghiền tạo bột mịn -Bào chế thuốc bột Menthol – Long não		Làm được một số kỹ thuật cơ bản trong bào chế : Kỹ thuật nghiền, rây. Bào chế được thuốc bột Menthol – Long não		Thực tập, thí nghiệm		
	Kỹ thuật pha cồn Kỹ thuật hòa tan chiết xuất Điều chế cồn nghệ		Làm được một số kỹ thuật cơ bản trong bào chế : pha cồn, kỹ thuật hòa tan chiết xuất. Điều chế cồn nghệ		Thực tập, thí nghiệm		
	Kỹ thuật xát cốm Bào chế cốm nghệ		Làm được một số kỹ thuật cơ bản trong bào chế : xát cốm. Bào chế cốm nghệ		Thực tập, thí nghiệm		
	Kỹ thuật hòa tan phân tán Bào chế dầu gió PV		Làm được một số kỹ thuật cơ bản trong bào chế : hòa tan phân tán. Bào chế dầu gió PV		Thực tập, thí nghiệm		
	b. Các nội dung chính SV tự học ở	60/0/0		CLO 1			

	nhà						
						Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
2	CHƯƠNG 2: Thực hành nhận biết dược liệu					Sinh viên dự lớp đúng giờ và đầy đủ.	A 1,2
	a. Các nội dung chính giảng dạy tại vườn thực vật	6/24/0		CLO 2			
	1 Đọc viết tên La tinh + Dược liệu nhóm cảm sốt, nhuận tràng, giun sán. 2 Dược liệu nhóm hô hấp, ho hen, phụ nữ, kháng sinh – mụn nhọt. 3 Dược liệu nhóm kích thích tiêu hóa, trị tiêu chảy 4 Dược liệu nhóm bổ dưỡng, phong thấp, đau nhức 5 Dược liệu nhóm lợi tiểu, gan, mật, tim mạch – huyết áp – tiểu đường, an thần 6 Kiểm tra kết thúc môn		1.Trình bày được các đọc, viết tên La tinh. 2. Nhận biết được 100 dược liệu thông dụng thuộc 18 nhóm thuốc. 3. Trình bày được tên Việt Nam, tên khoa học, họ, thành phần hóa học, công dụng chính, cách dùng của 100 dược liệu này.				
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO 2			
						Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
3	CHƯƠNG 3: Tham quan					Sinh viên đi tham quan đúng giờ và đầy đủ.	A 1, 3
	a. Các nội dung chính giảng dạy tại nhà máy .	0/30/0		CLO 3			
	Tham quan - nhà máy sản xuất thuốc (tham quan phòng QA,QC,Kho,					-	

	bộ phận sản xuất) Nộp báo cáo						
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO 3			
						Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
Theo lịch thi	FINAL EXAM			CLO 1,2,3, 4			A3

8. Học liệu:

Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	Trần Ngọc Thanh	2019	<i>Thực hành Bào chế</i>	Giáo trình nội bộ. Khoa Y dược trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương.
2	Trương thị Ngọc Sương	2019	<i>Thực hành Nhận mặt dược liệu</i>	Giáo trình nội bộ. Khoa Y dược trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương.
Sách, giáo trình tham khảo				
3	Đỗ Tất Lợi	2015	<i>Cây thuốc và vị thuốc Việt Nam</i>	NXB Hồng đức

Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ web hữu ích cho HP(Xem địa chỉ tại đề cương chi tiết của các học phần Bào chế, Dược liệu...)

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

Bảng 9.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường của Công ty dược phẩm, các bộ phận QA, QC, RD, Kho, Bộ phận sản xuất		Tùy số lượng SV	Công ty dược phẩm

Bình Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2019

TRƯỞNG KHOA

TRƯƠNG THỊ NGỌC SƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Dược

Mã số: 7720201

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về HP

1.1 Mã học phần: 071089	1.2 Tên học phần: DƯỢC ĐỘNG HỌC
1.3 Ký hiệu học phần:	1.4 Tên tiếng Anh: PHARMACOKINETICS
1.5 Số tín chỉ:	02
1.6 Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	30 tiết
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	0 tiết
- Tự học:	60 tiết
1.7 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	DS. Nguyễn Thị Thu Thoa
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	DS. Nguyễn Thị Hằng
1.8 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không có
- Học phần học trước:	Không yêu cầu
- Học phần song hành:	Không yêu cầu

2. Mô tả học phần:

Môn học Dược động học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về quá trình hấp thu, phân bố, chuyển hóa và thải trừ thuốc trong cơ thể; các thông số đánh giá dược động học của thuốc và phương pháp xác định các thông số này. Ngoài ra môn học cũng trang bị những kiến thức về dược động học của thuốc trên một số đối tượng đặc biệt và dược động học khi có tương tác thuốc.

3. Mục tiêu HP (Goals)

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)
G1	Trình bày được quá trình hấp thu, phân bố, chuyển hóa thải trừ của thuốc, các thông số đánh giá dược động học của	PLO1,2

	thuốc và phương pháp xác định các thông số này.	
G2	Mô tả dược động học của thuốc trên một số đối tượng đặc biệt. Tính toán dược liều lượng thuốc cho các đối tượng đặc biệt dựa trên các thông số dược động và nồng độ thuốc trong huyết tương.	PLO1,2,9,11
G3	Ứng dụng phân tích dược các tình huống lâm sàng	PLO 1,2,4,9,11

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes-CLOs)

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR của học phần (CLOs)	Mô tả CLOs (Sau khi học xong môn học này, người học có thể:)
CLO 1	Phân tích được quá trình hấp thu, phân bố, chuyển hóa thải trừ của thuốc trong cơ thể người.
CLO 2	Tính toán và đánh giá dược động học của thuốc và phương pháp xác định các thông số này.
CLO 3	Tính toán dược liều lượng thuốc cho các đối tượng đặc biệt từ đó hướng dẫn sử dụng thuốc an toàn hợp lý và hiệu quả.
CLO 4	Mô tả dược động học của thuốc trên một số đối tượng đặc biệt.
CLO 5	Ứng dụng phân tích dược các tình huống lâm sàng

5. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CĐR của chương trình (PLOs)

Mức độ đóng góp của CLO vào PLO được xác định cụ thể:

- L (Low) – CLO có đóng góp ít vào PLO
- M (Medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO
- H (High) – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích:

- Các mức H - Cao, M - Vừa, L - Thấp - phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (L) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(mức M) hay mức thuần thục (H).

Bảng 5.1. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CĐR của chương trình (PLOs)

Chuẩn đầu ra HP (CLOs)	Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
CLO1	x	x	x			x	x	x	x	x	x	x
CLO2	x	x	x			x	x	x	x	x	x	x
CLO3	x	x	x			x	x	x	x	x	x	x
CLO4	x	x	x			x	x	x	x	x	x	x
CLO5	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x

	Chương 1: Tương tác dược động học						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO 1			
	1.1. Hấp Thu 1.2. Phân bố 1.3. Chuyển hóa 1.4. Thải trừ		- Trình bày được quá trình hấp thu, phân bố, chuyển hóa thải trừ của thuốc - Trình bày được các thông số đánh giá dược động học của thuốc và phương pháp xác định các thông số này.		- Giải thích cụ thể - Giải quyết vấn đề - Câu hỏi gợi mở	- Lắng nghe, ghi chép - Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	20/0/0		CLO 1			
	1.5. Các ảnh hưởng của chuyển hóa đối với tác dụng sinh học và độc tính 1.6. Một số bài tập tính toán ứng dụng trong bài		- Trình bày được các yếu tố liên quan đến dược động học và tương tác thuốc.		- Tự học - Học nhóm	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 2: Dược động học các đối tượng đặc biệt						
2	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO 2			
	2.4. Trẻ em 2.5. Phụ nữ mang thai và cho con bú 2.6. Người cao tuổi 2.7. Người suy gan, thận		- Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng của thuốc đến các đối tượng đặc biệt. - Ứng dụng phân tích 1 số tác động trong tình huống lâm sàng.		- Giải thích cụ thể - Giải quyết vấn đề - Câu hỏi gợi mở	- Lắng nghe, ghi chép - Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	20/0/0		CLO 2			
	2.8. Tập phân tích 1 số tác động của thuốc đến các đối tượng đặc biệt		- Phân tích được những tác động của thuốc đến các đối tượng trong bài học.		- Tự học - Học nhóm	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	

	Chương 3: Một số ứng dụng trong dược lâm sàng						
3	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO 3			A1.1
	3.1. Thời điểm dung thuốc Levodopa 3.2. Phối hợp thuốc trong điều trị Parkinson		- Phân tích được các yếu tố ứng dụng của Levodopa trong điều trị bệnh Parkinson - Giải thích được tại sao Dopamin là tiền chất của Levodopa		-		
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO 3			
	3.3. Vận dụng giải thích các trường hợp tình huống lâm sàng cụ thể		-Phân tích được các tình huống lâm sàng cụ thể		-Tự học -Học nhóm	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 4: Theo dõi nồng độ thuốc trong điều trị (TDM)						
4	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	10/0/0		CLO 4			
	4.1. Khái niệm 4.2. Lý do thực hiện TDM 4.3. Những trường hợp cần và không cần thực hiện TDM 4.4. Tiến hành TDM 4.5. Một số minh họa TDM		- Trình bày được mối quan hệ giữa dược động học và dược lực học. - Đánh giá, theo dõi tình trạng của bệnh nhân bằng các thông số đảm bảo thuốc đáp ứng điều trị.		-Giải thích cụ thể -Giải quyết vấn đề -Câu hỏi gợi mở	-Lắng nghe, ghi chép -Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/10/0		CLO 4			
	Chuẩn bị phân tích 1 số tình huống theo TDM		-Phân tích được các tình huống lâm sàng theo TDM		-Tự học -Học nhóm	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 5 Các tình huống lâm sàng ứng dụng						
5	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO 4			A3

	5.1. Tình huống Paracetamol 5.2. Tình huống Digoxin		-Phân tích được các tình huống lâm sàng -Giải thích được các thông số trong tình huống cụ thể		-Giải thích cụ thể -Giải quyết vấn đề -Câu hỏi gợi mở	-Lắng nghe, ghi chép -Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/10/ 0		CLO 3			
	5.3. Tình huống Theophyllin 5.4. Tình huống Insulin		-Phân tích được các tình huống lâm sàng.		-Tự học -Học nhóm	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
Theo lịch thi	FINAL EXAM			CLO 1,2,3, 4,5			A4

(*) Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương.
- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR. Tham khảo các phương pháp giảng dạy trong CTĐT ngành Dược học.
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số....).

8. Học liệu:

Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	PGS.TS Hoàng Thị Kim Huyền	2016	Dược động học những kiến thức cơ bản	NXB Y Học
Sách, giáo trình tham khảo				
2	PGS. TS Mai Hoàng Mai	2015	Dược động học đại cương	NXB Y học
3	ThS. DS Trần Thị Thu Hằng	2014	Dược động học lâm sàng	NXB Phương Đông

Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ web hữu ích cho HP

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Khái niệm về dược động học, dược lực học và ứng dụng	https://yhoctonghop.vn/khai-niem-duoc-dong-hoc-duoc-luc-hoc-pk-pd-va-ung-dung	04/09/2019
2	Dược động học trẻ em	http://hnhpa.com/linh-vuc/duoc-lam-sang/cap-nhat-thong-tin-thuoc/duoc-%C4%91ong-hoc-	04/09/2019

		va-lieu-dung-tren-tre-em.aspx	
3	Sách và phần mềm hướng dẫn sử dụng thuốc Drug Dose 2017	https://drive.google.com/open?id=0B1N57oQuY7MzWUhhMDBBb04tYVvk https://drive.google.com/open?id=0B1N57oQuY7MzZkJpUTVKMUoxYUU	

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

Bảng 9.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường	Lý thuyết		Các bài trong chương trình
		Máy chiếu + âm ly + micro	01	

Bình Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2019

TRƯỞNG KHOA



TRƯƠNG THỊ NGỌC SƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: DƯỢC

Mã số: 7720201

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về HP

1.1 Mã học phần:	1.2 Tên học phần: ĐỘC CHẤT HỌC
1.3 Ký hiệu học phần:	1.4 Tên tiếng Anh: TOXICOLOGY
1.5 Số tín chỉ:	02
1.6 Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	30 tiết
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	00 tiết
- Tự học:	60 tiết
1.7 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	
1.8 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không có
- Học phần học trước:	Không yêu cầu
- Học phần song hành:	Không yêu cầu

2. Mô tả học phần:

Môn học Độc chất học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về tính chất hóa học và độc tính của một số chất độc thường gặp, phương pháp phát hiện chất độc trong mẫu phân tích và cách xử trí khi ngộ độc

3. Mục tiêu HP (Goals)

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)
G1	Trình bày được nguyên tắc, cơ chế gây độc của một số chất độc thường gặp.	PLO1, 2, 3
G2	Vận dụng được các phương pháp giải độc của các chất độc thường gặp.	PLO1, 2, 3
G3	Có khả năng phối hợp nghiên cứu các vấn đề liên quan đến độc tính của các chất	PLO11,12
G4	Có đạo đức nghề nghiệp, đảm bảo tính trung thực, khách quan.	PLO10, 11

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes-CLOs)

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR của học phần (CLOs)	Mô tả CLOs (Sau khi học xong môn học này, người học có thể:)
CLO 1	Trình bày được các phương pháp phát hiện một số chất độc thường gặp có nguồn gốc khác nhau trong các cơ chất khác nhau.
CLO 2	Giải thích được cơ chế gây độc và cách xử trí một số ca ngộ độc thường gặp.
CLO 3	Trình bày được cách phân lập các chất độ hữu cơ bằng phương pháp cất kéo hơi nước hoặc chiết ở môi trường kiềm
CLO 5	<i>Làm việc độc lập, làm việc nhóm. Đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp trong công việc.</i>

5. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CĐR của chương trình (PLOs)

Mức độ đóng góp của CLO vào PLO được xác định cụ thể:

- L (Low) – CLO có đóng góp ít vào PLO
- M (Medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO
- H (High) – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích:

- Các mức H - Cao, M - Vừa, L - Thấp - phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (L) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(mức M) hay mức thuần thục (H).

Bảng 5.1. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CĐR của chương trình (PLOs)

Chuẩn đầu ra HP (CLOs)	Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
CLO1	X	X	X							X	X	X
CLO2	X	X	X							X	X	X
CLO3	X	X	X							X	X	X
CLO4	X	X	X							X	X	X
CLO5	X	X	X							X	X	X
Tổng hợp	X	X	X							X	X	X

6. Đánh giá HP

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP

Học phần đánh giá	Trọng số (%)	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Liên quan đến CLO nào ở Bảng 5.1	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Chuyên cần	20	A1.1. Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	50	Đánh giá bằng bảng Rubric1	CLO 1,2,3	Đánh giá chuyên cần
		A1.2. Thời gian tham dự	50			

		buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, giáo viên quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng				
A2. Đánh giá giữa kỳ	20	A2.1. Tuần 3: Sinh viên làm bài kiểm tra tự luận. A2.2. Tuần 6: Sinh viên làm bài kiểm tra tự luận.			CLO 1,2,3	- Đánh giá kiểm tra viết theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn
A3. Đánh giá cuối kỳ	60	Bài kiểm tra cuối kỳ: Thi trắc nghiệm.			CLO 1,2,3	- Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn

- (7) PP đánh giá đạt CĐR: Nêu tên các PP đánh giá sử dụng trong từng chương để đạt CĐR. Tham khảo các phương pháp đánh giá trong CTĐT ngành Dược học.

6.2. Chính sách đối với HP

- SV tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $>20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP

Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần

Tuần / (5 tiết/tuần)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/TH/T)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Lqua n đến CLO nào ở Bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 Bảng 6.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Chương 1: Đại cương về Độc chất học						
1	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2.5/0/0		CLO 1,2,3			
	1.7. Khái niệm và nhiệm vụ của độc chất học 1.8. Chất độc và sự ngộ độc 1.9. Sự hấp thu, phân bố, chuyển hóa và thải trừ chất độc trong cơ thể 1.10. Tác động của chất độc 1.11. Điều trị ngộ		-Khái niệm và nhiệm vụ của độc chất học -Chất độc và sự ngộ độc -Sự hấp thu, phân bố, chuyển hóa và thải trừ chất độc trong cơ thể -Tác động của chất độc		-Thuyết trình, giảng giải -Trình chiếu PowerPoi nt -Phát biểu xây dựng bài -Thảo luận nhóm	-Thảo luận nhóm	

	độc						
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO 1,2,3			
	Trình bày được nguyên tắc, cơ chế gây độc của một số chất độc thường gặp.		- Ứng dụng điều trị ngộ độc trong công tác hành nghề		- Tự học - Học nhóm	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 2: Các phương pháp phân tích chất độc						
2	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2.5/0/0		CLO 1,2,3			
	2.9. Phương pháp chung trong kiểm nghiệm chất độc 2.10. Lấy mẫu, bảo quản mẫu cho quá trình phân tích 2.11. Một số phương pháp phân lập và xác định các chất độc vô cơ 2.12. Một số phương pháp phân lập và xác định các chất độc hữu cơ 2.13. Phương pháp phân tích chất độc khí		- Trình bày được chiết suất chất độc, tách chất độc, xác định chất độc - Lấy được nước tiểu, dịch dạ dày, máu. - Trình bày được phương pháp vô cơ hóa, phương pháp lọc và thẩm tích phân lập các anion, các phương pháp xác định chất độc kim loại. - Trình bày được phương pháp cất, phương pháp chiết xuất với dung môi hữu cơ kém phân cực, một số phương pháp chiết xuất chất độc bằng dung môi hữu cơ, các phương pháp chung xác định chất độc hữu cơ		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu Power Point - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO 1,2,3			
	Tìm hiểu các phương pháp phân tích chất độc		- Hiểu được nội dung của bài học.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	

	Chương 3: Các phương pháp phân lập và xác định các chất độc hữu cơ						
3	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO 1,2,3			A1.1
	3.4. Thuốc phiện và các alcaloid của nó 3.5. Các chất ma túy tổng hợp 3.6. Các chất kích thích (Stimulants) 3.7. Atropin (C ₁₇ H ₂₃ NO ₃) 3.8. Aconitin (C ₃₄ H ₄₇ O ₁₁ N)		- Trình bày cây thuốc phiện, nhựa thuốc phiện, thành phần hóa học, độc tính của thuốc phiện, hấp thu của các opioid, tác động dược lý, hội chứng thiếu thuốc, ngộ độc cấp, nghiện opioid		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm bài tập số 3 Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO 3			
	- Trình bày được cấu tạo, tác dụng giảm đau, gây nghiện của các chất ma túy tổng hợp.		- Hiểu và vận dụng được các phương pháp giải độc của các chất độc thường gặp trong ngành Dược			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 4: Các phương pháp phân lập và xác định các chất độc vô cơ Một số chất độc vô cơ điển hình						
4	a. Chì (Pb), Arsen (As), Thủy ngân (Hg)	2.5/0/0		CLO 1,2,3			
	4.1. Đại cương 4.2. Độc tính 4.3. Nguyên nhân gây ngộ độc 4.4. Triệu chứng ngộ độc 4.5. Điều trị 4.6. Đề phòng ngộ độc trường diễn 4.7. Chẩn đoán 4.8. Kiểm nghiệm		- Khái niệm được Chì (Pb), Arsen (As), Thủy ngân (Hg) - Trình bày được cơ chế gây độc, liều độc - Trình bày được nguyên nhân gây ngộ độc là do cố ý, do tai biến, do nghề nghiệp.		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Thảo luận nhóm	

			<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được ngộ độc cấp hay bán cấp, ngộ độc mạn tính. - nêu được loại chất độc ra khỏi cơ thể, thuốc đặt trị và antidote, điều trị triệu chứng. - Nêu được cách xử lý mẫu, định tính, định lượng, nhận định kết quả kiểm nghiệm 				
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO 1,2,3			
	-Trình bày được cơ chế gây độc, liều độc và cách xử lý		-Có phương pháp luận khoa học trong nghiên cứu về độc tính của hoạt chất ngành Dược từ đó áp dụng trong công tác nghiên cứu thuốc.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 5: Các chất độc phân lập bằng phương pháp cất						
5	a. Hydrogen cyanid (acid cyanhydric, acid prussic) và dẫn xuất cyanid, Ethanol (cồn etylic) C ₂ H ₅ OH, Methanol (Cồn metylic) CH ₃ OH	5/0/0		CLO 1,2,3			A3
	<p>5.5. Đại cương</p> <p>5.6. Độc tính</p> <p>5.7. Nguyên nhân gây ngộ độc</p> <p>5.8. Triệu chứng ngộ độc</p> <p>5.9. Điều trị</p> <p>5.10. Kiểm nghiệm</p>	3	<ul style="list-style-type: none"> -Trình bày được nguồn gốc, tính chất -Trình bày được cơ chế gây độc, liều độc. -Do tự sát hay đầu độc, do tai biến, do ô nhiễm môi trường, do nghề nghiệp. -Ngộ độc cấp, ngộ độc bán cấp, ngộ 		<ul style="list-style-type: none"> -Thuyết trình, giảng giải -Trình chiếu PowerPoi nt -Phát biểu xây dựng bài -Thảo luận nhóm 	<ul style="list-style-type: none"> -Làm bài tập số 5 -Thảo luận nhóm 	

			độc mạn tính -Điều trị không chuyên biệt, Điều trị chuyên biệt -Định tính, định lượng				
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/10/0		CLO 1,2,3			
	Tìm hiểu cơ chế gây độc, liều độc		-Hiểu và vận dụng được các phương pháp giải độc của các chất độc thường gặp trong ngành Dược			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 6: Các chất độc phân lập Acid Barbituric và các barbiturat						
6	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO 1,2,3			A1.2
	6.1. Tính chất vật lý của các barbiturat 6.2. Tính chất hóa học của các barbiturat 6.3. Tác dụng của barbiturat 6.4. Độc tính của phenolbarbital 6.5. Xử trí ngộ độc 6.6. Phương pháp kiểm nghiệm 6.7. Giải thích kết quả kiểm nghiệm		- Trình bày được tính chất vật lý của các barbiturat - Tính acid, khả năng tạo phức, phổ hấp thụ UV - Trình bày được tác dụng của barbiturat. - Trình bày được độc tính Phenolbarbital. - Xử lý được ngộ độc cấp và mạn tính. - Định tính, định lượng. - Việc xác định nồng độ trong máu với việc điều trị, nồng độ barbiturat trong máu với việc giám định hóa pháp.		-Thuyết trình, giảng giải -Trình chiếu PowerPoint -Phát biểu xây dựng bài -Thảo luận nhóm	-Làm bài tập số 6 -Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/10/0		CLO 1,2,3			
	-Trình bày được tác dụng, độc tính		-Xử lý được ngộ độc cấp và mạn			Chuẩn bị tốt phần tự	

	Phenolbarbital.		tính.			học ở nhà	
	Chương 7: Thuốc bảo vệ thực vật						
7	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO 1,2,3			A1.2.
	<p>7.1. Phân loại các chất bảo vệ thực vật</p> <p>7.2. Thuốc diệt côn trùng hữu cơ có clo</p> <p>7.3. Thuốc diệt côn trùng hữu cơ có Phospho</p> <p>7.4. Thuốc diệt côn trùng dị vòng carbamat</p> <p>7.5. Kiểm nghiệm</p> <p>7.6. Thuốc diệt côn trùng hữu cơ thực vật</p> <p>7.7. Thuốc diệt côn trùng có nguồn gốc vi sinh</p> <p>7.8. Thuốc diệt chuột</p> <p>7.9. Thuốc diệt cỏ</p>		<p>-Phân loại được các chất bảo vệ thực vật.</p> <p>-Trình bày được dẫn xuất clo của etan, một số dẫn xuất của các cyclodien, dẫn xuất clo của các hydrocarbon no khác, hoàn cảnh nhiễm độc, sự biến dưỡng, độc tính, cơ chế tác động, triệu chứng ngộ độc, trị liệu</p> <p>-Nêu được các nhóm hợp chất phospho hữu cơ, sự biến dưỡng, nguyên nhân ngộ độc, độc tính, triệu chứng, trị liệu, các oxime dùng điều trị ngộ độc.</p>		<p>-Thuyết trình, giảng giải</p> <p>-Trình chiếu PowerPoi nt</p> <p>-Phát biểu xây dựng bài</p> <p>-Thảo luận nhóm</p>	<p>-Làm bài tập số 7</p> <p>-Thảo luận nhóm</p>	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/10/0		CLO 1,2,3			
	7.10. Tìm hiểu tình hình sử dụng thuốc bảo vệ thực vật hiện nay ở Việt Nam		-Tìm hiểu và nghiên cứu để tìm được danh mục thuốc bảo vệ thực vật tại việt nam			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
Theo lịch thi	FINAL EXAM			CLO 1,2,3			A4

(*) Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương.
- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR. Tham khảo các phương pháp giảng dạy trong CTĐT ngành DƯỢC.
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số.....).

8. Học liệu:

Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	PGS. TS. Trần Thanh Nhãn	2019	Giáo trình Độc chất học	NXB Giáo dục Việt Nam
Sách, giáo trình tham khảo				
2	TS.Lã Quý Đôn, PGS.TS Trần Đáng, GS.TS. Nguyễn Thị Dụ, PGS.TS.Phạm Duy Tường, TS.Phạm Xuân Đà, CN.Nguyễn Anh Sơn	2008	Ngộ độc thực phẩm nguyên nhân và cách phòng tránh, , ,	NXB Bộ giáo dục và đào tạo
3	Lê Huy Bá	2017	Độc học môi trường cơ bản	Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh

Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ web hữu ích cho HP

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1			

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

Bảng 9.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường	- Bảng lớn	01	Tất cả bài trong học phần
		- Máy chiếu	01	
		- Phương tiện tăng âm	01	

Bình Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2019

TRƯỞNG KHOA



TRƯƠNG THỊ NGỌC SƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: DƯỢC

Mã số: 7720201

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về HP

1.1 Mã học phần:	1.2 Tên học phần: DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN
1.3 Ký hiệu học phần:	1.4 Tên tiếng Anh: Traditional pharmacy
1.5 Số tín chỉ:	02
1.6 Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	25 tiết
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	05 tiết
- Tự học:	60 tiết
1.7 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	
1.8 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Thực vật dược, thực hành dược khoa .
- Học phần học trước:	Không yêu cầu
- Học phần song hành:	Không yêu cầu

2. Mô tả học phần:

Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức đại cương về Dược học cổ truyền, về các học thuyết cổ truyền trong y học; về nguyên tắc chế biến và bào chế một số vị thuốc, loại thuốc cổ truyền.

3. Mục tiêu HP (Goals)

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)
G1	Kiến thức đại cương về Dược học cổ truyền	PLO 1,2,3,4,5,12
G2	Học thuyết cổ truyền trong y học;	PLO 1,2,3,4,5,12

G3	Nguyên tắc chế biến và bào chế một số vị thuốc, loại thuốc cổ truyền.	PLO 5,6,9,12
G4	Nhận thức được tầm quan trọng của y học cổ truyền, dược cổ truyền trong điều trị và chăm sóc sức khỏe nhân dân.	PLO 6,11,12

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes-CLOs)

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR của học phần (CLOs)	Mô tả CLOs (Sau khi học xong môn học này, người học có thể:)
CLO 1	Kiến thức đại cương về Dược học cổ truyền
CLO 2	Học thuyết y học cổ truyền.
CLO 3	Nguyên nhân bệnh và phương pháp chẩn đoán theo y học cổ truyền
CLO 4	Pháp tắc trị bệnh và nội dung phương thuốc y học cổ truyền.
CLO 5	Phân loại thuốc cổ truyền
CLO 6	Chế biến thuốc theo phương pháp cổ truyền
CLO 7	Nhận thức được tầm quan trọng của y học cổ truyền, dược cổ truyền trong điều trị và chăm sóc sức khỏe nhân dân. Coi trọng việc phát triển thuốc từ dược liệu gắn với bảo vệ tài nguyên, môi trường

5. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CĐR của chương trình (PLOs)

Mức độ đóng góp của CLO vào PLO được xác định cụ thể:

- L (Low) – CLO có đóng góp ít vào PLO
- M (Medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO
- H (High) – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích:

- Các mức H - Cao, M - Vừa, L - Thấp - phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (L) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(mức M) hay mức thuần thục (H).

Bảng 5.1. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CĐR của chương trình (PLOs)

Chuẩn đầu ra HP (CLOs)	Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
CLO1	X	X	X	X	X				X			X
CLO2	X	X	X	X	X				X			X
CLO3	X	X	X	X	X				X			X
CLO4	X	X	X	X	X				X			X
CLO5	X	X	X	X	X				X			X

CLO6	X	X	X	X	X			X			X
CLO7	X	X	X	X	X	X		X	X		X

6. Đánh giá HP

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP

H/phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric	Lquan đến CLO nào ở Bảng 5.1	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	10%	A1.1. Tuần 2: Làm bài tập số 1	30%	Kiểm tra viết	CLO 1	Kiểm tra đầu giờ
		A1.2. Tuần 3: Làm bài tập số 2	30%	Kiểm tra viết	CLO 1,2	
A2. Kỹ năng	20%	Tuần 5: Phân tích phương thuốc.	40%	Học nhóm. Kiểm tra viết	CLO 3	- GV chia nhóm
A3. Đánh giá giữa kỳ	20%	Bài tập : Sinh viên làm một bài tập kiểm tra các kiến thức đã học		Kiểm tra viết	CLO 1,2,3,4	- GV phổ biến kế hoạch đến SV ngay từ đầu HP.
A4. Đánh giá cuối kỳ	50%	Bài kiểm tra cuối kỳ: Kiểm tra viết và trắc nghiệm.		Theo thang điểm 10	CLO 1,2,3,4,5,6	GV phổ biến kế hoạch đến SV ngay từ đầu HP.

- (7) PP đánh giá đạt CDR: Nêu tên các PP đánh giá sử dụng trong từng chương để đạt CDR. Tham khảo các phương pháp đánh giá trong CTĐT ngành Dược học.

6.2. Chính sách đối với HP

- SV tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $>20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP

Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần

Tuần/ (5 tiết/tuần)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/TH /TT)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở Bảng	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3)
------------------------	---	---------------------	----------------------------------	--------------------------	----------------------	-------------------------	----------------------------

				4.1			Bảng 6.1
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Chương 1: Sơ lược về sự hình thành nền y học cổ truyền Việt nam						
1	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2/0/0		CLO1			
	1.12. Giới thiệu 1.13. YHCT VN thời Trung Cổ. 1.14. YHCT từ năm 179(trước CN) đến 938(sauCN). 1.15. YHCT từ năm 938 đến 1884. 1.16. YHCT dưới thời Pháp thuộc. 1.17. YHCT từ sau CM tháng 8 năm 1945 đến nay.		- Trình bày được Sơ lược về sự hình thành nền y học cổ truyền Việt nam		- Giải thích cụ thể;Thuyết giảng;Câu hỏi gợi mở;Giải quyết vấn đề	- Lắng nghe; Ghi chép; Trả lời câu hỏi; Thảo luận theo nhóm với vấn đề được đặt ra trong giáo trình chính, Chương 1	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	4/0/0		CLO1			
	Một số học thuyết y học cổ truyền		Đọc tài liệu chính trang 14 đến 57		- Tự học - Học nhóm	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 2: Một số học thuyết y học cổ truyền						
2	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO2			A 1.1
	2.14. Học thuyết âm dương. 2.15. Học thuyết ngũ hành. 2.16. Học thuyết tạng tượng. 2.17. Học thuyết kinh lạc		Trình bày được học thuyết âm dương, ngũ hành, tạng tượng, kinh lạc.		- Giải thích cụ thể - Thuyết giảng - Câu hỏi gợi mở - Giải quyết vấn đề.	- Lắng nghe; Ghi chép; Trả lời câu hỏi; Thảo luận theo nhóm với vấn đề được đặt ra trong giáo trình chính, Chương 2	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO3			
	Nguyên nhân bệnh		- Trình bày được nguyên nhân bệnh theo y học cổ truyền			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 3: Nguyên nhân bệnh và phương pháp chẩn đoán theo y học cổ truyền.						
3	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2/0/0		CLO3			A1.2

	3.9. Nguyên nhân gây bệnh theo y học cổ truyền. 3.10. Tứ chẩn		- Trình bày được nguyên nhân gây bệnh - Giải thích được tứ chẩn		- Giải thích cụ thể. - Thuyết giảng. - Câu hỏi gợi mở. - Giải quyết vấn đề	Lắng nghe; Ghi chép; Trả lời câu hỏi; Thảo luận theo nhóm với vấn đề được đặt ra bổ sung để hoàn thiện nguyên nhân gây bệnh trong giáo trình chính, Chương 3	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	4/0/0		CLO3			
	Tứ chẩn		Phân tích được tứ chẩn			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 4: Bát cương, bát pháp						
4	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2/0/0		CLO4			
	4.6. Bát cương 4.7. Bát pháp		- Trình bày được bát cương - Giải thích được bát pháp		- Giải thích cụ thể. - Thuyết giảng. - Câu hỏi gợi mở. - Giải quyết vấn đề - Học nhóm	- Ghi chép; Trả lời câu hỏi; Thảo luận theo nhóm với vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả dựa theo giáo trình chính, Chương 4	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	4/0/0		CLO4			
	- Ôn tập bát cương, bát pháp		- Trình bày được bát cương - Giải thích được bát pháp			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 5: Phép tắc trị bệnh và nội dung phương thuốc y học cổ truyền						
5	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	3/0/0		CLO4			A2
	5.11. Phép tắc trị bệnh theo y học cổ truyền 5.12. Nội dung phương		-Trình bày được Phép tắc trị bệnh theo y học cổ truyền - Phân tích được nội dung		- Giải thích cụ thể;Thuyết giảng;Câu hỏi gợi mở;Giải	- Lắng nghe; Ghi chép; Trả lời câu hỏi; Thảo luận theo nhóm	

	thuốc y học cổ truyền		phương thuốc y học cổ truyền		quyết vấn đề	với vấn đề được đặt ra trong giáo trình chính, Chương 5	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	6/0/0		CLO4			
	5.13. Thực hiện các phương thuốc y học cổ truyền		- Báo cáo được việc thực hiện			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 6: Đại cương về thuốc y học cổ truyền						
6	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	3/0/0		CLO5			A3
	6.8. Định nghĩa 6.9. Tứ khí 6.10. Ngũ vị 6.11. Mối quan hệ giữa tính và vị 6.12. Khuynh hướng thăng giáng phù trầm của vị thuốc. 6.13. Sự qui kinh của các vị thuốc.		- Trình bày được định nghĩa thuốc y học cổ truyền - Giải thích được tứ khí, ngũ vị - Phân tích được mối quan hệ giữa tính và vị - Giải thích được thăng giáng phù trầm - Trình bày được sự qui kinh		- Giải thích cụ thể - Thuyết giảng - Câu hỏi gợi mở - Giải quyết vấn đề.	- Lắng nghe; Ghi chép; Trả lời câu hỏi; Thảo luận theo nhóm với vấn đề được đặt ra trong giáo trình chính, Chương 6	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	6/10/0		CLO5			
	6.14. Bảy trường hợp tương tác của thuốc y học cổ truyền		- Tóm tắt được bảy trường hợp tương tác			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 7: Phân loại thuốc cổ truyền						
7	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	10/0/0		CLO5			A1.2.
	7.11. Các phương pháp phân loại thuốc cổ truyền 7.12. Các loại thuốc cổ truyền - Thuốc giải biểu. - Thuốc khử hàn. - Thuốc thanh nhiệt - Thuốc hóa đàm, chỉ ho,		Trình bày được các phương pháp phân loại thuốc cổ truyền Nêu được 11 loại thuốc cổ truyền		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận	- Làm bài tập số 7 - Thảo luận nhóm	

	bình suyễn - Thuốc tức phong, an thần, khai khiếu - Thuốc phần khí - Thuốc phần huyết - Thuốc trừ thấp - Thuốc bổ dưỡng - Thuốc tiêu đạo				nhóm		
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	20/0/0		CLO5			
	- Thuốc tả hạ - Thuốc trục thủy - Thuốc cố sáp - Thuốc trừ giun sán - Thuốc dùng ngoài		Nêu được 5 loại thuốc cổ truyền			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 8: Chế biến thuốc theo phương pháp cổ truyền						
8	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	3/0/0		CLO6			A1.3
	8.1. Mục đích việc chế biến thuốc theo phương pháp cổ truyền . 8.2. Các phương pháp chế biến.		Nêu được mục đích việc chế biến thuốc theo phương pháp cổ truyền . - Trình bày được các phương pháp chế biến		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm bài tập - Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	6/10/0		CLO6			
	8.3. Một số phụ liệu được dùng chế biến thuốc.		- Thực hiện được việc lựa chọn một số phụ liệu được dùng chế biến thuốc.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
Theo lịch thi	FINAL EXAM			CLO1, 2,3,4,5, 6,7			A4

(*) Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương.

- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR. Tham khảo các phương pháp giảng dạy trong CTĐT ngành Dược học.
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số....).

8. Học liệu:

Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	Dược sĩ Lê kim Phụng	2018	Dược học cổ truyền	NXB Thanh Hóa
Sách, giáo trình tham khảo				
2	Nguyễn Đức Quang	2019	Bào chế đông dược	Nhà xuất bản Y học

Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ web hữu ích cho HP

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1			
2			

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

Bảng 9.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường học lý thuyết.	Màn hình TV, laptop, hệ thống âm thanh, ánh sáng, một số vị thuốc thuộc các loại thuốc cổ truyền.	1	Tất cả các chương

Bình Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2019

TRƯỞNG KHOA



TRƯƠNG THỊ NGỌC SƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Dược

Mã số: 7720201

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

10. Thông tin chung về học phần

1.9 Mã học phần:	1.10 Tên học phần: DƯỢC LIỆU 1
1.11 Ký hiệu học phần:	1.12 Tên tiếng Anh: HERBOLOGY 1
1.13 Số tín chỉ: 03	
1.14 Phân bố thời gian: Học kỳ	
- Lý thuyết:	30 tiết
- Thực hành:	30 tiết
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	00 tiết
- Tự học:	60 tiết
1.15 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Không
1.16 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Không

11. Mô tả học phần:

Môn học Dược liệu 1 cung cấp cho sinh viên kiến thức về tầm quan trọng của dược liệu học điều trị và chăm sóc sức khỏe; về đặc điểm, phân bố, thành phần hoá học chính, tác dụng sinh học của các dược liệu chứa nhóm hợp chất carbon hydrat, glycosid và glycosid trợ tim, saponin, anthraglycosid, flavonoid, coumarin, tannin, monoterenoid và diterpenoid có trong dược liệu. Sinh viên cũng được thực hành về kiểm nghiệm vi phẫu, chiết xuất, định tính, định lượng một số nhóm hợp chất phổ biến.

12. Mục tiêu học phần (Goals)

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)
G1	Vận dụng tính chất lý học, hóa học để chiết xuất, kiểm nghiệm	PLO1, PLO2,

	các nhóm chất tự nhiên thường gặp trong dược liệu (carbonhydrat, glycosid tim, flavonoid, saponin, anthranoid, tanin, coumarin).	PLO3, PLO4, PLO5
G2	Có kỹ năng xác định tác dụng sinh học của các nhóm chất tự nhiên thường gặp trong dược liệu	PLO1, PLO2, PLO3, PLO4, PLO5
G3	Có khả năng nhận diện nguồn dược liệu được ứng dụng trong y dược học dựa vào cấu trúc hóa học.	PLO1, PLO2, PLO3, PLO4, PLO5
G4	Hình thành thái độ học tập tích cực và chủ động, phát huy tinh thần tự học và nghiên cứu	PLO6, PLO7, PLO9, PLO10
G5	Nhận thức đúng đắn về sử dụng dược liệu và thuốc có nguồn gốc tự nhiên trong điều trị, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân.	PLO12

13. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes-CLOs)

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR của học phần (CLOs)	Mô tả CLOs (Sau khi học xong môn học này, người học có thể:)
CLO 1	Trình bày được vai trò của dược liệu học trong ngành Dược.
CLO 2	Mô tả được các nguyên tắc chung trong thu hái, chế biến dược liệu.
CLO 3	Trình bày được cấu trúc hóa học, chiết xuất, kiểm định, công dụng của các dược liệu chứa nhóm hợp chất carbohydrat, glycosid tim, saponin, quinoid, flavonoid, tanin, coumarin.
CLO 4	Thực hành kiểm nghiệm một số dược liệu thông dụng bằng kính hiển vi.
CLO 5	Kiểm nghiệm được các nhóm hợp chất glycosid tim, saponin, anthraquinon, flavonoid, coumarin, tanin trong dược liệu bằng phương pháp hóa học và sắc ký.
CLO 6	<i>Đủ điều kiện học tập để nâng cao trình độ chuyên môn.</i>
CLO 7	<i>Làm việc độc lập, làm việc nhóm. Đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp trong công việc.</i>

14. Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) và CĐR của chương trình (PLOs)

Bảng 5.1. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CĐR của chương trình (PLOs)

Mức độ đóng góp của CLO vào PLO được xác định cụ thể:

- L (Low) – CLO có đóng góp ít vào PLO
- M (Medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO
- H (High) – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích:

- Các mức H - Cao, M - Vừa, L - Thấp - phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (L) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(mức M) hay mức thuần thục (H).

Bảng 5.1. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Chuẩn đầu ra HP (CLOs)	Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
CLO1		L	L	M	M							
CLO2		M	L	M	M							
CLO3		L	L	L	L							
CLO4		M	M	M	M							
CLO5		M	M	M	M							
CLO6						L	M		M	M		
CLO7											M	M
Tổng hợp		M	L	M	M	L	M		M	M	M	M

15. Đánh giá học phần

15.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của sinh viên ở học phần

Lý thuyết:

Học phần đánh giá	Trọng số (%)	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Liên quan đến CLO nào ở Bảng 5.1	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Kiểm tra thường xuyên	5	A1.1. Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	50	Đánh giá bằng bảng Rubric 1	CLO 1,2,3	Đánh giá chuyên cần
	5	A1.2. Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, giáo viên quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	50			
A2. Kỹ năng	10	A2.1. Một bài báo cáo nhóm hoặc seminar hoặc bài tập lớn theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy.			CLO 1,2,3	- Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra (giảng viên nêu cụ thể)

A3. Đánh giá giữa kỳ	20	A3.1. Sinh viên làm một bài kiểm tra cá nhân.			CLO 1,2,3	- Tiêu chí đánh giá bài báo cáo, seminar, bài tập lớp (giảng viên nêu cụ thể)
A3. Đánh giá cuối kỳ	60	A3.1. Thi kết thúc học phần + Hình thức thi: Trắc nghiệm			CLO 1,2,3	- Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của giảng viên ra đề

Thực hành:

Học phần đánh giá	Trọng số (%)	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Liên quan đến CLO nào ở Bảng 5.1	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Kiểm tra thường xuyên	10	A1.1. Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	50	Đánh giá bằng bảng Rubric1	CLO 4,5	Đánh giá chuyên cần
	10	A1.2. Tham dự tất cả các buổi thực hành là điều kiện bắt buộc để ra điểm giữa quá trình và điểm kết thúc môn học	50			
A2. Kỹ năng	10	A2.1. Một bài báo cáo nhóm hoặc seminar hoặc bài tập lớn theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy.		Đánh giá bằng bảng Rubric10	CLO 4,5	- Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra (giảng viên nêu cụ thể)
A3. Đánh giá giữa kỳ	40	A3.1. Điểm giữa môn học là điểm trung bình đánh giá sinh viên trong từng buổi học theo bảng kiểm của giáo viên.		Đánh giá bằng bảng Rubric10	CLO 4,5	Giảng viên đánh giá, cho điểm từng sinh viên trong từng buổi học theo các tiêu chí: kỹ năng thực hành, kết quả kiểm nghiệm.
A4.	60	A4.1. Thi kết thúc học		Đánh giá	CLO 4,5	Đánh giá các kỹ

Đánh giá cuối kỳ		phần + Hình thức thi: Thực hành + Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của giảng viên ra đề		bảng bảng Rubric10		năng thực hiện tổng hợp, kiểm nghiệm một số nguyên liệu dùng làm thuốc
------------------	--	---	--	--------------------	--	--

15.2. Chính sách đối với học phần

15.2.1. Lý thuyết:

- Sinh viên tham dự $\geq 80\%$ số buổi của học phần. Nếu nghỉ $> 20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc học phần.

15.2.2. Thực hành:

- Tham dự tất cả các buổi thực hành là điều kiện bắt buộc để ra điểm giữa quá trình và điểm kết thúc môn học.

16. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần theo tuần

Lý thuyết

Tuần (5 tiết/tuần)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/TH/T)	Chuẩn đầu ra của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở Bảng 4.1	Phương pháp giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của sinh viên(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 Bảng 6.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Buổi 1: Đại cương về dược liệu học Thu hái, chế biến dược liệu						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	3/0/0		CLO1, 2			A1.1, A1.2
	1.1. Định nghĩa môn học 1.2. Lịch sử môn dược liệu 1.3. Vị trí của dược liệu trong ngành y tế và trong nền kinh tế quốc dân 1.4. Thu hái, chế		- Khái quát về môn học Dược liệu và mối liên quan của nó với các môn học khác trong chương trình đào tạo dược sĩ đại học - Vai trò, vị trí của dược liệu trong		- PPDH 1 - PPDH2 - PPDH4 - PPDH12 - PPDH13	- Chuẩn bị tốt phân tự học ở nhà. - Đọc tài liệu: [1]. Trang	

	biến, bảo quản dược liệu 1.5. Các phương pháp để đánh giá chất lượng dược liệu		ngành Dược. - Những kiến thức cơ bản và chung nhất về thu hái, phơi sấy, chế biến sơ bộ và bảo quản dược liệu			21-80	
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	6/0/0		CLO1, 2			
	Nhận thức được tầm quan trọng của môn học dược liệu học trong công tác bảo tồn.		- Sử dụng và phát triển nguồn nguyên liệu phục vụ sự nghiệp bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
2	Buổi 2: Dược liệu chứa carbohydrat						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	3/0/0		CLO3			A1.1, A1.2, A2.1, A2.2
	2.1. Tinh bột 2.2. Cellulose 2.3. Gôm – chất nhày – pectin		- Trình bày được cấu trúc hóa học, chiết xuất, kiểm định, công dụng của các dược liệu chứa tinh bột, cellulose, gôm – chất nhày - pectin		- PPDH 1 - PPDH2 - PPDH4 - PPDH12 - PPDH13	- Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà -Đọc tài liệu: [1]. Trang 80-111	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	6/0/0		CLO3			
	Tìm hiểu công dụng các dược liệu chứa tinh bột, cellulose, gôm – chất nhày - pectin		- Phân loại các dược liệu chứa tinh bột, cellulose, gôm – chất nhày - pectin			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
3	Buổi 3: Đại cương về glycoside						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	3/0/0		CLO3			A1.1, A1.2

	3.1. Khái niệm chung về glycosid.		- Trình bày được cấu trúc hóa học, chiết xuất, kiểm định nhóm glycosid tim.		- PPDH 1 - PPDH2 - PPDH4 - PPDH12 - PPDH13	-Đọc tài liệu: [1]. Trang 140	
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	6/0/0		CLO3			
	Tìm hiểu tác dụng sinh học của glycosid tim		- Trình bày được tác dụng sinh học của glycosid tim			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
4	Buổi 4: Dược liệu chứa glycosid tim						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO3			A1.1, A1.2, A3.1
	4.1. Đại cương 4.2. Dược liệu chứa glycosid tim		- Trình bày tính chất lý học, hóa học để chiết xuất, kiểm nghiệm glycosid tim gặp trong các dược liệu		- PPDH 1 - PPDH2 - PPDH4 - PPDH12 - PPDH13	-Đọc tài liệu: [1]. Trang 148-159	
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	10/0/0		CLO3			
	Tìm hiểu công dụng các dược liệu chứa glycosid tim.		- Phân loại các dược liệu chứa glycosid tim.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
5	Buổi 5: Dược liệu chứa saponin						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	3/0/0		CLO3			A1.1, A1.2 A2.1
	5.1. Đại cương 5.2. Dược liệu chứa saponin		- Trình bày tính chất lý học, hóa học để chiết xuất, kiểm nghiệm saponin gặp trong các dược liệu		- PPDH 1 - PPDH2 - PPDH4 - PPDH12	-Đọc tài liệu: [1]. Trang 191-215	

					- PPDH13		
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	6/0/0		CLO3			
	Tìm hiểu công dụng các dược liệu chứa saponin.		- Phân loại các dược liệu chứa saponin.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
6	Buổi 6: Dược liệu chứa anthraquinoid						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	3/0/0		CLO3			A1.1, A1.2
	6.1. Đại cương 6.2. Dược liệu chứa anthraquinoid		- Trình bày tính chất lý học, hóa học để chiết xuất, kiểm nghiệm anthraquinoid gặp trong các dược liệu		- PPDH 1 - PPDH2 - PPDH4 - PPDH12 - PPDH13	-Đọc tài liệu: [1]. Trang 307-323	
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	6/0/0		CLO3			
	Tìm hiểu công dụng các dược liệu chứa anthraquinoid		- Phân loại các dược liệu chứa anthraquinoid.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
7	Buổi 7: Dược liệu chứa flavonoid						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	3/0/0		CLO3			A1.1, A1.2
	7.1. Đại cương 7.2. Dược liệu chứa flavonoid		- Trình bày tính chất lý học, hóa học để chiết xuất, kiểm nghiệm flavonoid gặp trong các dược liệu		- PPDH 1 - PPDH2 - PPDH4 - PPDH12 - PPDH13	-Đọc tài liệu: [1]. Trang 353-429	
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	6/0/0		CLO3			
	Tìm hiểu công dụng các dược liệu chứa flavonoid.		- Phân loại các dược liệu chứa flavonoid.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở	

						nhà	
8	Buổi 8: Dược liệu chứa coumarin						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	3/0/0		CLO3			A1.1, A1.2
	8.1. Đại cương 8.2. Dược liệu chứa coumarin		- Trình bày tính chất lý học, hóa học để chiết xuất, kiểm nghiệm coumarin gặp trong các dược liệu		- PPDH 1 - PPDH2 - PPDH4 - PPDH12 - PPDH13	-Đọc tài liệu: [1]. Trang 432-477	
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	6/0/0		CLO3			
	Tìm hiểu công dụng các dược liệu chứa coumarin.		- Phân loại các dược liệu chứa coumarin.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
9	Buổi 9: Dược liệu chứa tanin						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	3/0/0		CLO3			A1.1, A1.2
	9.1. Đại cương 9.2. Dược liệu chứa tanin		- Trình bày tính chất lý học, hóa học để chiết xuất, kiểm nghiệm tanin gặp trong các dược liệu		- PPDH 1 - PPDH2 - PPDH4 - PPDH12 - PPDH13	-Đọc tài liệu: [1]. Trang 477-489	
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	6/0/0		CLO3			
	Tìm hiểu công dụng các dược liệu chứa tanin.		- Phân loại các dược liệu chứa tanin.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
10	Buổi 10: Dược liệu chứa monoterpenoid và diterpenoid						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	3/0/0		CLO3			A1.1, A1.2

	10.1. Monoterpenoid glycosid 10.2. Diterpenoid glycosid 10.3. Dược liệu chứa Monoterpenoid glycosid 10.4. Dược liệu chứa Diterpenoid glycosid		- Trình bày tính chất lý học, hóa học để chiết xuất, kiểm nghiệm monoterpenoid và diterpenoid gặp trong các dược liệu		- PPDH 1 - PPDH2 - PPDH4 - PPDH12 - PPDH13	-Đọc tài liệu: [1]. Trang 277-297	
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	6/0/0		CLO3			
	Tìm hiểu công dụng các dược liệu chứa monoterpenoid và diterpenoid.		- Phân loại các dược liệu chứa monoterpenoid và diterpenoid.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
Theo lịch thi	FINAL EXAM			CLO1, 2,3			A4

Thực hành:

Tuần	Nội dung	Số tiết
1	Xác định độ ẩm, độ tro.	5
2	Kiểm nghiệm dược liệu bằng kính hiển vi	5
3	Kiểm nghiệm dược liệu chứa glycosid tim, saponin	5
4	Kiểm nghiệm dược liệu chứa anthraquinon, flavonoid	5
5	Kiểm nghiệm dược liệu chứa coumarin, tannin	5
6	Nhận thức 50 vị dược liệu.	5
Tổng		30

17. Học liệu:

Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
[1]	Ngô Vân Thu, Trần Hùng	2011	<i>Dược liệu học T1</i>	NXB Y học
[2]	Giáo trình nội bộ	2019	<i>Thực tập dược liệu 1</i>	Khoa dược trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương
Sách, giáo trình tham khảo				
[3]	Đỗ Tất Lợi	2015	<i>Những cây thuốc và vị</i>	NXB Hồng đức

		<i>thuốc Việt nam</i>	
--	--	-----------------------	--

Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ web hữu ích cho học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Bản tin dược liệu	http://vienduoclieu.org.vn/	29/08/2019

18. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

Bảng 9.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của học phần

Lý thuyết

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường	- Bảng lớn	01	Tất cả bài trong học phần
		- Máy chiếu	01	
		- Phương tiện tăng âm	01	

Thực hành

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	K304	Phòng thực hành có đầy đủ hóa chất và trang thiết bị như: Bếp đun cách thủy, tủ sấy, Cân, máy chưng cất nước,...		Tất cả bài trong học phần

Bình Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2019

TRƯỞNG KHOA



TRƯƠNG THỊ NGỌC SƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Dược

Mã số: 7720201

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

19. Thông tin chung về học phần

1.17 Mã học phần:	1.18 Tên học phần: DƯỢC LIỆU 2
1.19 Ký hiệu học phần:	1.20 Tên tiếng Anh: HERBOLOGY 2
1.21 Số tín chỉ: 04	
1.22 Phân bố thời gian: Học kỳ	
- Lý thuyết:	45 tiết
- Thực hành:	30 tiết
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	00 tiết
- Tự học:	120 tiết
1.23 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Không
1.24 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Dược liệu 1
- Học phần song hành:	Không

20. Mô tả học phần:

Môn học Dược liệu 2 cung cấp cho sinh viên kiến thức về đặc điểm, phân bố, thành phần hoá học chính, tác dụng sinh học của các dược liệu chứa nhóm hợp chất alkaloid, tinh dầu và nhựa thơm, terpenoid, hợp chất thơm, lipid và các thuốc có nguồn gốc động vật có trong dược liệu. Sinh viên cũng được thực hành về định tính, định lượng một số nhóm hợp chất phổ biến.

21. Mục tiêu học phần (Goals)

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)
------------------	--	--------------------------

G1	Vận dụng tính chất lý học, hóa học để chiết xuất, kiểm nghiệm các nhóm chất tự nhiên thường gặp trong dược liệu (carbonhydrat, glycosid tim, flavonoid, saponin, anthranoid, tanin, coumarin).	PLO2, PLO3, PLO4, PLO5
G2	Có kỹ năng xác định tác dụng sinh học của các nhóm chất tự nhiên thường gặp trong dược liệu	PLO2, PLO3, PLO4, PLO5
G3	Có khả năng nhận diện nguồn dược liệu được ứng dụng trong y dược học dựa vào cấu trúc hóa học.	, PLO2, PLO3, PLO4, PLO5
G4	Hình thành thái độ học tập tích cực và chủ động, phát huy tinh thần tự học và nghiên cứu	PLO6, PLO7, PLO9, PLO10, PLO11
G5	Nhận thức đúng đắn về sử dụng dược liệu và thuốc có nguồn gốc tự nhiên trong điều trị, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân.	PLO12

22. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes-CLOs)

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR của học phần (CLOs)	Mô tả CLOs (Sau khi học xong môn học này, người học có thể:)
CLO 1	Trình bày được cấu trúc hóa học, chiết xuất, kiểm định, công dụng của các nhóm dược liệu chứa hợp chất alkaloid, tinh dầu và nhựa thơm, terpenoid, hợp chất thơm, lipid và các thuốc có nguồn gốc động vật có trong dược liệu.
CLO 2	Định tính, định lượng alkaloid, tinh dầu.
CLO 3	Xác định các chỉ số của chất béo, các carotenoid và vitamin trong dầu béo.
CLO 4	<i>Đủ điều kiện học tập để nâng cao trình độ chuyên môn.</i>
CLO 5	<i>Làm việc độc lập, làm việc nhóm. Đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp trong công việc.</i>

23. Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) và CĐR của chương trình (PLOs)

Bảng 5.1. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CĐR của chương trình (PLOs)

Mức độ đóng góp của CLO vào PLO được xác định cụ thể:

- L (Low) – CLO có đóng góp ít vào PLO
- M (Medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO
- H (High) – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích:

- Các mức H - Cao, M - Vừa, L - Thấp - phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (L) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(mức M) hay mức thuần thục (H).

Bảng 5.1. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Chuẩn đầu ra HP (CLOs)	Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
CLO1		L	L	M	M							
CLO2		M	L	M	M							
CLO3		L	L	L	L							
CLO4						L	M		M	M		
CLO5											M	M
Tổng hợp		L	L	M	M	L	M		M	M	M	M

24. Đánh giá học phần

24.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của sinh viên ở học phần

Lý thuyết:

Học phần đánh giá	Trọng số (%)	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Liên quan đến CLO nào ở Bảng 5.1	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Kiểm tra thường xuyên	5	A1.1. Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	50	Đánh giá bằng bảng Rubric1	CLO 1,2,3	Đánh giá chuyên cần
	5	A1.2. Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, giáo viên quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	50			
A2. Kỹ năng	10	A2.1. Một bài báo cáo nhóm hoặc seminar hoặc bài tập lớn theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy.			CLO 1,2,3	- Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra (giảng viên nêu cụ thể)
A3. Đánh giá giữa kỳ	20	A3.1. Sinh viên làm một bài kiểm tra cá nhân.			CLO 1,2,3	- Tiêu chí đánh giá bài báo cáo, seminar, bài tập lớp (giảng

						viên nêu cụ thể)
A3. Đánh giá cuối kỳ	60	A3.1. Thi kết thúc học phần + Hình thức thi: Trắc nghiệm			CLO 1,2,3	- Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của giảng viên ra đề

Thực hành:

Học phần đánh giá	Trọng số (%)	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Liên quan đến CLO nào ở Bảng 5.1	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Kiểm tra thường xuyên	10	A1.1. Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	50	Đánh giá bằng bảng Rubric 1	CLO 4,5	Đánh giá chuyên cần
	10	A1.2. Tham dự tất cả các buổi thực hành là điều kiện bắt buộc để ra điểm giữa quá trình và điểm kết thúc môn học	50			
A2. Kỹ năng	10	A2.1. Một bài báo cáo nhóm hoặc seminar hoặc bài tập lớn theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy.		Đánh giá bằng bảng Rubric 10	CLO 4,5	- Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra (giảng viên nêu cụ thể)
A3. Đánh giá giữa kỳ	40	A3.1. Điểm giữa môn học là điểm trung bình đánh giá sinh viên trong từng buổi học theo bảng kiểm của giáo viên.		Đánh giá bằng bảng Rubric 10	CLO 4,5	Giảng viên đánh giá, cho điểm từng sinh viên trong từng buổi

						học theo các tiêu chí: kỹ năng thực hành, kết quả kiểm nghiệm.
A4. Đánh giá cuối kỳ	60	A4.1. Thi kết thúc học phần + Hình thức thi: Thực hành + Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của giảng viên ra đề		Đánh giá bằng bảng Rubric 10	CLO 4,5	Đánh giá các kỹ năng thực hiện tổng hợp, kiểm nghiệm một số nguyên liệu dùng làm thuốc

24.2. Chính sách đối với học phần

24.2.1. Lý thuyết:

- Sinh viên tham dự $\geq 80\%$ số buổi của học phần. Nếu nghỉ $> 20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc học phần.

24.2.2. Thực hành:

- Tham dự tất cả các buổi thực hành là điều kiện bắt buộc để ra điểm giữa quá trình và điểm kết thúc môn học.

25. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần theo tuần

Lý thuyết

Tuần (5 tiết/tuần)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/TH/T)	Chuẩn đầu ra của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở Bảng 4.1	Phương pháp giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của sinh viên(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 Bảng 6.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Buổi 1: Dược liệu chứa alkaloid						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên	18/0/0		CLO1,2			A1.1, A1.2

	lớp						
	<p>1.1. Alcaloid không có nhân dị vòng; 1.2. Alcaloid có nhân pyridin và piperidin; 1.3. Alcaloid có nhân tropan; 1.4. Alcaloid có nhân quinolizidin; 1.5. Alcaloid có nhân quinolin; 1.6. Alcaloid có nhân isoquinolin; 1.7. Alcaloid có nhân indol; 1.8. Alcaloid có nhân imidazole; 1.9. Alcaloid có nhân quinazolin; 1.10. Alcaloid có nhân purin; 1.11. Alcaloid có cấu trúc steroid; 1.12. Alcaloid có cấu trúc diterpen; 1.13. Alcaloid có cấu trúc khác</p>		- Trình bày định nghĩa, phân loại, tính chất lý hóa, kiểm nghiệm các alcaloid		<ul style="list-style-type: none"> - PPDH 1 - PPDH2 - PPDH4 - PPDH12 - PPDH13 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà. - Đọc tài liệu: [1]. Trang 09-170 	
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	12/0/0		CLO1,2			
	Tìm hiểu công dụng các dược liệu chứa Alcaloid		- Phân loại các dược liệu chứa alcaloid			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
2	Buổi 2: Dược liệu chứa tinh dầu và nhựa thơm						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	3/0/0		CLO1,2			A1.1, A1.2, A2.1, A3.1

	<p>2.1. Đại cương</p> <p>2.2. Dược liệu chứa tinh dầu có thành phần chính là các dẫn chất monotерpen</p> <p>2.3. Dược liệu chứa tinh dầu có thành phần chính là các chất sesquiterpen</p> <p>2.4. Dược liệu chứa tinh dầu có thành phần chính là các dẫn chất có nhân thơm</p> <p>2.5. Một số dược liệu có khả năng khai thác và sử dụng tinh dầu ở Việt Nam.</p>		<p>- Trình bày định nghĩa, phân loại, tính chất lý hóa, kiểm nghiệm các dược liệu chứa tinh dầu và nhựa thơm</p>		<p>- PPDH 1</p> <p>- PPDH2</p> <p>- PPDH4</p> <p>- PPDH12</p> <p>- PPDH13</p>	<p>- Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà</p> <p>-Đọc tài liệu: [1]. Trang 174-238</p>	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	6/0/0		CLO1,2			
	Tìm hiểu công dụng các dược liệu chứa tinh dầu và nhựa thơm		<p>- Phân loại các dược liệu chứa tinh dầu và nhựa thơm</p>			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
3	Buổi 3: Dược liệu chứa terpenoid khác						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	3/0/0		CLO1,2			A1.1, A1.2
	3.1. Dược liệu chứa terpenoid khác		<p>- Trình bày được cấu trúc hóa học, chiết xuất, kiểm định nhóm dược liệu chứa terpenoid khác</p>		<p>- PPDH 1</p> <p>- PPDH2</p> <p>- PPDH4</p> <p>- PPDH12</p> <p>- PPDH13</p>	<p>-Đọc tài liệu: [1]. Trang 140</p>	
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	6/0/0		CLO1,2			
	Tìm hiểu công dụng các dược liệu chứa terpenoid khác		<p>- Trình bày được cấu trúc hóa học, chiết xuất, kiểm định của dược liệu</p>			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	

			chứa terpenoid khác				
4	Buổi 4: Dược liệu chứa hợp chất thơm						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO1,2			A1.1, A1.2
	4.1. Nêu được phân loại chất nhựa 4.2. Dược liệu chứa chất nhựa: Cánh kiến trắng.		- Trình bày tính chất lý học, hóa học để chiết xuất, kiểm nghiệm dược liệu chứa hợp chất thơm		- PPDH 1 - PPDH2 - PPDH4 - PPDH12 - PPDH13	-Đọc tài liệu: [1]. Trang 245-247	
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	10/0/0		CLO1,2			
	Tìm hiểu công dụng các dược liệu chứa hợp chất thơm		- Phân loại các dược liệu chứa hợp chất thơm			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
5	Buổi 5: Dược liệu chứa lipid						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	3/0/0		CLO1,3			A1.1, A1.2
	5.1. Định nghĩa, phân loại, tính chất lý học, hóa học của lipid. 5.2. Các phương pháp chế tạo dầu mỡ từ các nguyên liệu thực vật và động vật. 5.3. Công dụng của dầu mỡ và trình bày một số dược liệu điển hình: Đại phong tử, Ca cao, Lanolin, Sáp ong.		- Trình bày tính chất lý học, hóa học để chiết xuất, kiểm nghiệm dược liệu chứa lipid		- PPDH 1 - PPDH2 - PPDH4 - PPDH12 - PPDH13	-Đọc tài liệu: [1]. Trang 251-258	
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	2/0/0		CLO1,3			
	Tìm hiểu công dụng các dược liệu chứa lipid		- Phân loại các dược liệu chứa lipid			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	

6	Buổi 6: Các thuốc có nguồn gốc động vật						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	3/0/0		CLO1,3			A1.1, A1.2
	6.1. Tên Việt Nam, tên khoa học của 7 động vật làm thuốc và phương pháp sử dụng các sản phẩm này: Ong, Trăn, Hươu và nai, Hồ, Gấu, Tắc kè, Cóc.		- Nhận biết và viết được tên Việt Nam, tên khoa học của 7 động vật làm thuốc.		- PPDH 1 - PPDH2 - PPDH4 - PPDH12 - PPDH13	-Đọc tài liệu: [1]. Trang 266	
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	2/0/0		CLO1,3			
	Phương pháp sử dụng các thuốc có nguồn gốc động vật		- Vận dụng được vào thực tế.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
Theo lịch thi	FINAL EXAM			CLO1,2, 3			A4

Thực hành:

Tuần	Nội dung	Số tiết
1	Kiểm nghiệm dược liệu chứa alkaloid	5
2	Chiết xuất và định tính tinh dầu,	5
3	Chiết xuất và định tính chất béo, acid hữu cơ	5
4	Phân tích thành phần hóa thực vật	10
5	Nhận thức 50 dược liệu	5
Tổng		30

26. Học liệu:

Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
	Giáo trình chính			
[1]	Ngô Văn Thu, Trần Hùng	2014	<i>Dược liệu học T2</i>	NXB Y học
[2]	Giáo trình nội bộ	201	<i>Thực tập dược liệu 2</i>	Khoa dược trường

				Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương
Sách, giáo trình tham khảo				
[3]	Đỗ Tất Lợi	2015	<i>Những cây thuốc và vị thuốc Việt nam</i>	NXB Hồng đức

Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ web hữu ích cho học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Bản tin dược liệu	http://vienduoclieu.org.vn/	29/08/2019

27. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

Bảng 9.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của học phần

Lý thuyết

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường	- Bảng lớn	01	Tất cả bài trong học phần
		- Máy chiếu	01	
		- Phương tiện tăng âm	01	

Thực hành

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	K304	Phòng thực hành có đầy đủ hóa chất và trang thiết bị như: Bếp đun cách thủy, tủ sấy, Cân, máy chưng cất nước,...		Tất cả bài trong học phần

Bình Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2019

TRƯỞNG KHOA



TRƯƠNG THỊ NGỌC SƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Dược

Mã số: 7720201

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

28. Thông tin chung về học phần

1.25 Mã học phần:	1.26 Tên học phần: HÓA DƯỢC 1
1.27 Ký hiệu học phần:	1.28 Tên tiếng Anh: MEDICINAL CHEMISTRY 1
1.29 Số tín chỉ: 03	
1.30 Phân bố thời gian: Học kỳ	
- Lý thuyết:	30 tiết
- Thực hành:	30 tiết
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	00 tiết
- Tự học:	90 tiết
1.31 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Không
1.32 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Không

29. Mô tả học phần:

Môn học Hóa dược 1 cung cấp cho sinh viên các kiến thức về công thức cấu tạo, tính chất lý hoá quan trọng, nguyên tắc điều chế, kiểm nghiệm của một số thuốc chính như thuốc kháng sinh, kháng virus, kháng KST và một số thuốc thông dụng khác. Ngoài ra sinh viên còn được thực hành tổng hợp hoặc bán tổng hợp, kiểm nghiệm (quy mô labo) một số nguyên liệu làm thuốc đạt tiêu chuẩn dược dụng.

30. Mục tiêu học phần (Goals)

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)
-------------------------	--	---------------------------------

G1	Kiến thức cơ bản về: cấu trúc chung, phân loại theo cấu trúc hóa học và theo tác dụng của từng nhóm thuốc, nguyên tắc điều chế, công thức cấu tạo, tính chất lý hoá quan trọng của một số thuốc chính, thuốc thông dụng.	PLO2, PLO3, PLO4, PLO5
G2	Nhận biết các nguyên tắc điều chế, công thức cấu tạo, các tính chất lý hóa và ứng dụng các tính chất đó trong kiểm nghiệm, pha chế, bảo quản, mối liên quan giữa 2 cấu trúc và tác dụng (nếu có).	PLO2, PLO3, PLO4, PLO5
G3	Nhận biết các nhóm thuốc, các thuốc chính trong mỗi nhóm dùng trong điều trị, những chỉ định điều trị chính, những điều cần chú ý khi sử dụng thuốc.	PLO2, PLO3, PLO4, PLO5
G4	Vận dụng kiến thức đã học để kiểm nghiệm các mẫu thuốc đã tổng hợp và một số chế phẩm dược dụng khác theo tiêu chuẩn Dược điển	PLO2, PLO3, PLO4, PLO5
G5	Hình thành thái độ học tập tích cực và chủ động, phát huy tinh thần tự học và nghiên cứu	PLO6, PLO7, PLO9, PLO10
G6	Hăng hái, chăm chỉ trong các buổi thực tập tại labo, qua đó góp phần rèn luyện tay nghề và rèn luyện tác phong khoa học, thận trọng, chính xác trong nghề nghiệp	PLO11, PLO12

31. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes-CLOs)

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR của học phần (CLOs)	Mô tả CLOs (Sau khi học xong môn học này, người học có thể:)
CLO 1	Trình bày được cấu trúc chung, phân loại theo cấu trúc hóa học và theo tác dụng của từng nhóm thuốc.
CLO 2	Trình bày được các nhóm thuốc, các thuốc chính trong mỗi nhóm dùng trong điều trị, những chỉ định điều trị chính, những điều cần chú ý khi sử dụng thuốc.
CLO 3	Tổng hợp hoặc bán tổng hợp (quy mô labo) một số nguyên liệu làm thuốc đạt tiêu chuẩn dược dụng.
CLO 4	Thực hành kiểm nghiệm các nguyên liệu đã tổng hợp và một số nguyên liệu khác theo tiêu chuẩn Dược điển.
CLO 5	<i>Đủ điều kiện học tập để nâng cao trình độ chuyên môn.</i>
CLO 6	<i>Làm việc độc lập, làm việc nhóm. Đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp trong công việc.</i>

32. Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Bảng 5.1. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Mức độ đóng góp của CLO vào PLO được xác định cụ thể:

- L (Low) – CLO có đóng góp ít vào PLO
- M (Medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO
- H (High) – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích:

- Các mức H - Cao, M - Vừa, L - Thấp - phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (L) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(mức M) hay mức thuần thục (H).

Bảng 5.1. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Chuẩn đầu ra HP (CLOs)	Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
CLO1		L	L	M	M							
CLO2		M	L	M	M							
CLO3		L	L	L	L							
CLO4		L	M	M	M							
CLO5						M	L		M	M		
CLO6											M	M
Tổng hợp		L	L	M	M	M	L		M	M	M	M

33. Đánh giá học phần

33.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của sinh viên ở học phần

Lý thuyết:

Học phần đánh giá	Trọng số (%)	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Liên quan đến CLO nào ở Bảng 5.1	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Kiểm tra thường xuyên	5	A1.1. Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	50	Đánh giá bằng bảng Rubric1	CLO 1,2	Đánh giá chuyên cần
	5	A1.2. Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tỷ số tiết vắng, giáo viên quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	50			

A2. Kỹ năng	10	A2.1. Một bài báo cáo nhóm hoặc seminar hoặc bài tập lớn theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy.			CLO 1,2	- Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra (giảng viên nêu cụ thể)
A3. Đánh giá giữa kỳ	20	A3.1. Sinh viên làm một bài kiểm tra cá nhân.			CLO 1,2	- Tiêu chí đánh giá bài báo cáo, seminar, bài tập lớp (giảng viên nêu cụ thể)
A3. Đánh giá cuối kỳ	60	A3.1. Thi kết thúc học phần + Hình thức thi: Trắc nghiệm			CLO 1,2	- Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của giảng viên ra đề

Thực hành:

Học phần đánh giá	Trọng số (%)	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Liên quan đến CLO nào ở Bảng 5.1	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Kiểm tra thường xuyên	10	A1.1. Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	50	Đánh giá bằng bảng Rubric1	CLO 3,4	Đánh giá chuyên cần
	10	A1.2. Tham dự tất cả các buổi thực hành là điều kiện bắt buộc để ra điểm giữa quá trình và điểm kết thúc môn học	50			
A2. Kỹ năng	10	A2.1. Một bài báo cáo nhóm hoặc seminar hoặc bài tập lớn theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy.		Đánh giá bằng bảng Rubric10	CLO 3,4	- Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra (giảng viên nêu cụ thể)

A3. Đánh giá giữa kỳ	40	A3.1. Điểm giữa môn học là điểm trung bình đánh giá sinh viên trong từng buổi học theo bảng kiểm của giáo viên.		Đánh giá bằng bảng Rubric10	CLO 3,4	Giảng viên đánh giá, cho điểm từng sinh viên trong từng buổi học theo các tiêu chí: kỹ năng thực hành, kết quả kiểm nghiệm.
A4. Đánh giá cuối kỳ	60	A4.1. Thi kết thúc học phần + Hình thức thi: Thực hành + Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của giảng viên ra đề		Đánh giá bằng bảng Rubric10	CLO 3,4	Đánh giá các kỹ năng thực hiện tổng hợp, kiểm nghiệm một số nguyên liệu dùng làm thuốc

33.2. Chính sách đối với học phần

33.2.1.Lý thuyết:

- Sinh viên tham dự $\geq 80\%$ số buổi của học phần. Nếu nghỉ $> 20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc học phần.

33.2.2.Thực hành:

- Tham dự tất cả các buổi thực hành là điều kiện bắt buộc để ra điểm giữa quá trình và điểm kết thúc môn học.

34. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần theo tuần

Lý thuyết

Tuần (5 tiết/tuần)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/TH/T)	Chuẩn đầu ra của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở Bảng 4.1	Phương pháp giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của sinh viên(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 Bảng 6.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Buổi 1: Hóa dược đại cương						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên	2/0/0		CLO1,2,3,4			A1.1, A1.2

	lớp						
	<p>1.1. Giới thiệu môn học</p> <p>1.2. Nội dung khảo sát một dược chất</p> <p>1.3. Nghiên cứu liên quan cấu trúc – tác dụng</p>		<p>- Những phương hướng cơ bản và triển vọng phát triển của Hóa dược trong nhiệm vụ điều chế và nghiên cứu các chất làm thuốc, góp phần đảm bảo chất lượng và hướng dẫn sử dụng thuốc.</p> <p>- Các quá trình trong nghiên cứu mối liên quan giữa cấu trúc và tác dụng.</p>		<p>- PPDH 1</p> <p>- PPDH2</p> <p>- PPDH4</p>	<p>- Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà.</p> <p>- Đọc tài liệu: [1]. Trang 1-17</p>	
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	4/0/0		CLO1,2			
	<p>Tìm hiểu định nghĩa, vai trò, mục tiêu, nội dung Hóa dược</p>		<p>- Trình bày định nghĩa, vai trò, mục tiêu, nội dung Hóa dược</p>			<p>Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà</p>	
2	Buổi 2: Thuốc kháng sinh, kháng virus						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO1,2, 3,4			A1.1, A1.2, A2.1, A3.1
	<p>2.1. Đại cương kháng sinh</p> <p>2.2. Sulfamid</p> <p>2.3. Kháng lao, phong</p> <p>2.4. Quinolon</p> <p>2.5. Beta-lactam</p> <p>2.6. Phenicol</p> <p>2.7. Macrolid và kháng sinh tương đồng</p> <p>2.8. Lincosamid</p> <p>2.9. Cyclin</p> <p>2.10. Peptid</p> <p>2.11. Kháng nấm</p> <p>2.12. Kháng virus</p>		<p>- Cấu trúc cơ bản mối liên quan giữa cấu trúc và tác dụng; cơ chế tác động</p> <p>- Phổ kháng khuẩn</p> <p>- Tính chất vật lý, hóa học, các phương pháp kiểm nghiệm của 12 nhóm kháng sinh</p>		<p>- PPDH 1</p> <p>- PPDH2</p> <p>- PPDH4</p> <p>- PPDH12</p> <p>- PPDH13</p>	<p>- Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà</p> <p>- Đọc tài liệu: [1]. Trang 17-123</p>	

	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO1,2			
	Tìm hiểu định nghĩa các nhóm kháng sinh, liên quan cấu trúc - tính chất lý hóa		- Trình bày định nghĩa, tính chất lý hoá của từng nhóm thuốc			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
3	Buổi 3: Thuốc kháng ký sinh trùng						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO1,2,3,4			A1.1, A1.2
	3.1. Kháng sốt rét 3.2. Kháng giun sán 3.3. Kháng Trichomonas và amib 3.4. Trị chí ghê		- Cấu trúc cơ bản mối liên quan giữa cấu trúc và tác dụng; cơ chế tác động - Tính chất vật lý, hóa học, các phương pháp kiểm nghiệm của các thuốc sốt rét; Các loại thuốc tác động lên các loại giun sán; Các nhóm thuốc điều trị Trichomonas và amip; Các loại thuốc trị chí, ghê		- PPDH 1 - PPDH2 - PPDH4 - PPDH12 - PPDH13	-Đọc tài liệu: [1]. Trang 135- 147	
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	10/0/0		CLO1,2			
	So sánh cấu trúc, tính chất lý hoá, tác dụng, áp dụng điều trị của mebendazol và albendazol. Giải thích các tính chất lý hóa (được ứng dụng trong bào chế, kiểm nghiệm, sử dụng) dựa vào cấu trúc hoá học của quinin sulfat. Giải thích các tính		- Trình bày cấu trúc - tính chất lý hóa của: mebendazol, albendazol, quinin sulfat, metronidazol, artemisinin			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	

	<p>chất lý hóa (được ứng dụng trong bào chế, kiểm nghiệm, sử dụng) dựa vào cấu trúc hoá học của metronidazol.</p> <p>Giải thích các tính chất lý hóa (được ứng dụng trong bào chế, kiểm nghiệm, sử dụng) dựa vào cấu trúc hoá học của artemisinin.</p>						
4	<p>Buổi 4: Nhóm thuốc khác</p> <p>a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp</p>	5/0/0		CLO1,2,3,4			A1.1, A1.2
	<p>4.1. Thuốc sát khuẩn 4.2. Dược phẩm phóng xạ 4.3. Thuốc kháng ung thư 4.4. Thuốc cản quang 4.5. Thuốc giải độc</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày cấu trúc và cách sử dụng một số thuốc sát khuẩn - Cơ chế chống độc, giải độc của các thuốc chống độc, giải độc thông thường. - Công thức, tính chất lý hóa và hướng dẫn sử dụng thuốc chống độc và giải độc. - Các dược phẩm phóng xạ, các phương pháp điều chế, kiểm nghiệm. - Các ứng dụng của dược phẩm phóng xạ trong y học. - Sơ lược thuốc bệnh ung thư (các tác nhân gây ung thư, các loại ung thư chữa được, các nguyên tắc và 		<ul style="list-style-type: none"> - PPDH 1 - PPDH2 - PPDH4 - PPDH12 - PPDH13 	<p>-Đọc tài liệu: [1]. Trang 147-171</p>	

			<p>phương pháp điều trị ung thư).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ chế tác động của các thuốc trị ung thư, tai biến và độc tính. - Các nhóm thuốc trị bệnh ung thư. - Nguyên tắc chẩn đoán bằng hình ảnh khi dùng thuốc cản quang. - Các nhóm chất cản quang, cấu trúc chung của thuốc cản quang iod. 				
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	10/0/0		CLO1,2			
	<p>Tìm hiểu cách sử dụng thuốc sát khuẩn, dược phẩm phóng xạ, thuốc kháng ung thư, thuốc cản quang, thuốc giải độc</p>		<p>- Trình bày được cách sử dụng thuốc sát khuẩn, dược phẩm phóng xạ, thuốc kháng ung thư, thuốc cản quang, thuốc giải độc</p>			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
Theo lịch thi	FINAL EXAM			CLO1,2, 3,4			A4

Thực hành:

Tuần	Nội dung	Số tiết
1	Nội quy phòng thí nghiệm, một số thao tác trong tổng hợp và kiểm nghiệm nguyên liệu	5
2	Định tính các cyclin – Kiểm nghiệm chloramphenicol	5
3	Định tính các penicillin – Kiểm nghiệm Streptomycin	5
4	Kiểm định vitamin C	5
5	Tổng hợp Sulfacetamid	5

6	Tổng hợp acid benzoic - Kiểm định acid benzoic	5
Tổng		30

35. Học liệu:

Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
[1]	Lê Minh Trí, Huỳnh Thị Ngọc Phương	2017	Hóa dược 1	NXB Giáo dục Việt Nam
[2]	Giáo trình nội bộ	2019	<i>Thực tập hóa dược 1</i>	Khoa dược trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương
Sách, giáo trình tham khảo				
[1]	Bộ y tế	2012	Dược thư quốc gia Việt Nam	NXB Bộ Y tế

Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ web hữu ích cho học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	The New England Journal of Medicine	http://content.nejm.org	29/08/2019

36. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

Bảng 9.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của học phần

Lý thuyết

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường	- Bảng lớn	01	Tất cả bài trong học phần
		- Máy chiếu	01	
		- Phương tiện tăng âm	01	

Thực hành

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH	Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
----	---------------------------------------	---	-------------------------------------

TT		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	K302	Phòng thực hành có đầy đủ hóa chất và trang thiết bị như: Bếp đun cách thủy, tủ sấy, Cân, máy chưng cất nước,...		Tất cả bài trong học phần

Bình Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2019

TRƯỞNG KHOA



TRƯƠNG THỊ NGỌC SƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Dược

Mã số: 7720201

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

37. Thông tin chung về học phần

1.33 Mã học phần:	1.34 Tên học phần: HÓA DƯỢC 2
1.35 Ký hiệu học phần:	1.36 Tên tiếng Anh: MEDICINAL CHEMISTRY 2
1.37 Số tín chỉ: 04	
1.38 Phân bố thời gian: Học kỳ	
- Lý thuyết:	45 tiết
- Thực hành:	30 tiết
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	00 tiết
- Tự học:	120 tiết
1.39 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Không
1.40 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Hóa dược 1
- Học phần song hành:	Không

38. Mô tả học phần:

Môn học Hóa dược 2 cung cấp cho sinh viên các kiến thức về công thức cấu tạo, tính chất lý hóa quan trọng, nguyên tắc điều chế, kiểm nghiệm của một số nhóm thuốc quan trọng như nhóm thuốc tác động lên hệ tim mạch, hệ tiêu hóa, hệ hô hấp, hệ thần kinh trung ương, thuốc tác động lên quá trình dẫn truyền thần kinh; của một số thuốc thông dụng khác như thuốc tác động lên máu và hệ tạo máu, vitamin và khoáng chất, thuốc tác động trên hệ miễn dịch, hormon và thuốc điều chỉnh rối loạn hormon. Ngoài ra sinh viên cũng được thực hành tổng hợp hoặc bán tổng hợp và kiểm nghiệm ở quy mô labo một số nguyên liệu làm thuốc đạt tiêu chuẩn dược dụng.

39. Mục tiêu học phần (Goals)

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)
G1	Kiến thức cơ bản về: cấu trúc chung, phân loại theo cấu trúc hóa học và theo tác dụng của từng nhóm thuốc, nguyên tắc điều chế, công thức cấu tạo, tính chất lý hoá quan trọng của một số thuốc chính, thuốc thông dụng.	PLO2, PLO3, PLO4, PLO5
G2	Nhận biết các nguyên tắc điều chế, công thức cấu tạo, các tính chất lý hóa và ứng dụng các tính chất đó trong kiểm nghiệm, pha chế, bảo quản, mối liên quan giữa 2 cấu trúc và tác dụng (nếu có).	PLO2, PLO3, PLO4, PLO5
G3	Nhận biết các nhóm thuốc, các thuốc chính trong mỗi nhóm dùng trong điều trị, những chỉ định điều trị chính, những điều cần chú ý khi sử dụng thuốc.	PLO2, PLO3, PLO4, PLO5
G4	Vận dụng kiến thức đã học để kiểm nghiệm các mẫu thuốc đã tổng hợp và một số chế phẩm dược dụng khác theo tiêu chuẩn Dược điển	PLO2, PLO3, PLO4, PLO5
G5	Hình thành thái độ học tập tích cực và chủ động, phát huy tinh thần tự học và nghiên cứu	PLO6, PLO7, PLO9, PLO10
G6	Hăng hái, chăm chỉ trong các buổi thực tập tại labo, qua đó góp phần rèn luyện tay nghề và rèn luyện tác phong khoa học, thận trọng, chính xác trong nghề nghiệp	PLO11, PLO12

40. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes-CLOs)

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR của học phần (CLOs)	Mô tả CLOs (Sau khi học xong môn học này, người học có thể:)
CLO 1	Trình bày được cấu trúc chung, phân loại theo cấu trúc hóa học và theo tác dụng của từng nhóm thuốc.
CLO 2	Trình bày được các nhóm thuốc, các thuốc chính trong mỗi nhóm dùng trong điều trị, những chỉ định điều trị chính, những điều cần chú ý khi sử dụng thuốc.
CLO 3	Tổng hợp hoặc bán tổng hợp (quy mô labo) một số nguyên liệu làm thuốc đạt tiêu chuẩn dược dụng.
CLO 4	Thực hành kiểm nghiệm các nguyên liệu đã tổng hợp và một số nguyên liệu khác theo tiêu chuẩn Dược điển.
CLO 5	<i>Đủ điều kiện học tập để nâng cao trình độ chuyên môn.</i>
CLO 6	<i>Làm việc độc lập, làm việc nhóm. Đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp trong công việc.</i>

41. Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) và CĐR của chương trình (PLOs)

Bảng 5.1. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Mức độ đóng góp của CLO vào PLO được xác định cụ thể:

- L (Low) – CLO có đóng góp ít vào PLO
- M (Medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO
- H (High) – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích:

- Các mức H - Cao, M - Vừa, L - Thấp - phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (L) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(mức M) hay mức thuần thục (H).

Bảng 5.1. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Chuẩn đầu ra HP (CLOs)	Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
CLO1		L	L	M	M							
CLO2		M	L	M	M							
CLO3		L	L	L	L							
CLO4		L	M	M	M							
CLO5						L	M		M	M		
CLO6											M	M
Tổng hợp		L	L	M	M	L			M	M	H	M

42. Đánh giá học phần

42.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của sinh viên ở học phần

Lý thuyết:

Học phần đánh giá	Trọng số (%)	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Liên quan đến CLO nào ở Bảng 5.1	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Kiểm tra thường xuyên	5	A1.1. Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	50	Đánh giá bằng bảng Rubric1	CLO 1,2	Đánh giá chuyên cần
	5	A1.2. Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tù ý số tiết	50			

		vắng, giáo viên quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng				
A2. Kỹ năng	10	A2.1. Một bài báo cáo nhóm hoặc seminar hoặc bài tập lớn theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy.			CLO 1,2	- Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra (giảng viên nêu cụ thể)
A3. Đánh giá giữa kỳ	20	A3.1. Sinh viên làm một bài kiểm tra cá nhân.			CLO 1,2	- Tiêu chí đánh giá bài báo cáo, seminar, bài tập lớp (giảng viên nêu cụ thể)
A3. Đánh giá cuối kỳ	60	A3.1. Thi kết thúc học phần + Hình thức thi: Trắc nghiệm			CLO 1,2	- Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của giảng viên ra đề

Thực hành:

Học phần đánh giá	Trọng số (%)	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Liên quan đến CLO nào ở Bảng 5.1	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Kiểm tra thường xuyên	10	A1.1. Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	50	Đánh giá bằng bảng Rubric1	CLO 3,4	Đánh giá chuyên cần
	10	A1.2. Tham dự tất cả các buổi thực hành là điều kiện bắt buộc để ra điểm giữa quá trình và điểm kết thúc môn học	50			
A2. Kỹ năng	10	A2.1. Một bài báo cáo nhóm hoặc seminar hoặc bài tập lớn theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy.		Đánh giá bằng bảng Rubric10	CLO 3,4	- Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra (giảng viên

1	Buổi 1: Thuốc tác động lên hệ tim mạch						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	6/0/0		CLO1,2,3,4			A1.1, A1.2
	<p>1.1. Thuốc hạ huyết áp</p> <p>1.2. Thuốc chống loạn nhịp</p> <p>1.3. Thuốc trị đau thắt ngực</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Bệnh cao huyết áp và những nguyên tắc trị liệu. - Mối liên quan giữa cấu trúc và tác dụng hạ huyết áp. - Phương pháp điều chế và kiểm nghiệm một số thuốc điển hình. - Tổng quát về cơ chế bệnh loạn nhịp tim, cơ chế chứng đau thắt ngực. - Phân loại các nhóm thuốc chống loạn nhịp, thuốc chống đau thắt ngực. - Phương pháp điều chế, tính chất vật lý, hóa học, phương pháp kiểm nghiệm một số thuốc điển hình. 		<ul style="list-style-type: none"> - PPDH 1 - PPDH2 - PPDH4 - PPDH12 - PPDH13 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc tài liệu: [1]. Trang 1-17 	
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	8/0/0		CLO1,2			
	<p>Tìm hiểu tác dụng của các thuốc, cơ chế tác động của thuốc hạ huyết áp, thuốc chống loạn nhịp, thuốc chống đau thắt ngực, chỉ định</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày tác dụng của các thuốc, cơ chế tác động của thuốc hạ huyết áp, thuốc chống loạn nhịp, thuốc chống đau thắt ngực, chỉ định, từ đó có thể 			<p>Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà</p>	

			hướng dẫn cách sử dụng thuốc.				
2	Buổi 2: Thuốc tác động lên máu và hệ tạo máu						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	4/0/0		CLO1,2,3,4			A1.1, A1.2, A2.1, A2.2
	2.1. Thuốc điều trị thiếu máu 2.2. Thuốc tác động lên quá trình đông máu 2.3. Thuốc hạ lipid máu		- Cơ chế tác động của các thuốc trị thiếu máu, thuốc tác động trên sự đông máu và thuốc hạ lipid máu. - Tính chất lý hóa một số thuốc. - Tên các thuốc tác động trên sự đông máu, thuốc làm giảm lipid máu.		- PPDH 1 - PPDH2 - PPDH4 - PPDH12 - PPDH13	-Đọc tài liệu: [1]. Trang 17-123	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	4/0/0		CLO1,2			
	Tìm hiểu cơ chế tác động, tác dụng của các thuốc trị thiếu máu, thuốc tác động trên sự đông máu và thuốc hạ lipid máu		- Trình bày cách sử dụng một số thuốc trong công tác điều trị.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
3	Buổi 3: Vitamin và khoáng chất						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	4/0/0		CLO1,2,3			A1.1, A1.2
	3.1. Vitamin 3.2. Khoáng chất		- Cấu trúc của các vitamin. - Sự liên quan giữa cấu trúc và tác động của các vitamin.		- PPDH 1 - PPDH2 - PPDH4 - PPDH12 - PPDH13	-Đọc tài liệu: [1]. Trang 135- 147	

	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	4/0/0		CLO1,2,3			
	Vai trò của các khoáng chất trong cơ thể.		- Trình bày cách sử dụng một số vitamin và khoáng chất an toàn, hợp lý.				Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà
4	Buổi 4: Thuốc tác động trên hệ tiêu hóa						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	4/0/0		CLO1,2,3,4			A1.1, A1.2, A2.1, A3.1
	4.1. Thuốc trị loét dạ dày – tá tràng 4.2. Thuốc trị hồi lưu dạ dày – thực quản 4.3. Thuốc thông mật 4.4. Thuốc trị tiêu chảy 4.5. Thuốc trị táo bón – nhuận trường		- Công thức các thuốc trị loét dạ dày – tá tràng, thuốc trị hồi lưu dạ dày – thực quản, thuốc chống nôn – gây nôn, thuốc lợi mật – thông mật, thuốc trị tiêu chảy, thuốc nhuận tràng. - Sự liên quan cấu trúc và tác dụng của thuốc đối kháng tại thụ thể H ₂ của histamin.		- PPDH 1 - PPDH2 - PPDH4 - PPDH12 - PPDH13	-Đọc tài liệu: [1]. Trang 147-171	
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	6/0/0		CLO1,2			
	Tìm hiểu tác dụng, tác dụng phụ, chỉ định của các thuốc trung hòa acid dư của dịch vị, thuốc ức chế bơm proton, chất tăng cường yếu tố bảo vệ, thuốc trị hồi lưu dạ dày – thực quản, thuốc chống nôn – gây nôn, thuốc lợi mật – thông mật, thuốc trị tiêu chảy,		- Trình bày cách sử dụng một số thuốc trong công tác điều trị.				Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà

	thuốc nhuận tràng.						
5	Buổi 5: Thuốc tác động trên hệ thần kinh trung ương						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	7/0/0		CLO1,2, 3,4			A1.1, A1.2
	5.1. Thuốc gây mê 5.2. Thuốc kích thích thần kinh trung ương 5.3. Thuốc chống động kinh 5.4. Thuốc giảm đau gây nghiện 5.5. Thuốc an thần – gây ngủ		- Phân loại các nhóm thuốc tác động lên hệ thần kinh trung ương - Cơ chế tác dụng của các thuốc tác động trên hệ thần kinh trung ương - Công thức, cấu trúc, công dụng, tính chất lý hóa và hướng dẫn sử dụng các thuốc tác động trên hệ thần kinh trung ương - Những đặc tính liên quan đến kiểm nghiệm các thuốc tác động trên hệ thần kinh trung ương - Sự liên quan giữa cấu trúc và tác dụng của nhóm thuốc tác động trên hệ thần kinh trung ương		- PPDH 1 - PPDH2 - PPDH4 - PPDH12 - PPDH13	-Đọc tài liệu: [1]. Trang 155-236	
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	12/0/ 0		CLO1,2			
	Tìm hiểu tác dụng, tác dụng phụ, chỉ định của các nhóm thuốc tác động lên hệ thần kinh trung ương		- Trình bày cách sử dụng một số thuốc trong công tác điều trị.				
6	Buổi 6: Thuốc tác động lên						

	quá trình dẫn truyền thần kinh						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	6/0/0		CLO1,2,3,4			A1.1, A1.2
	6.1. Thuốc tác động hệ cholinergic 6.2. Thuốc tác động hệ adrenergic 6.3. Thuốc gây tê		<ul style="list-style-type: none"> - Phân loại các thuốc tác động lên hệ cholinergic, hệ adrenergic theo cấu trúc hóa học. - Phương pháp tổng hợp, tính chất lý hóa, tác dụng, công dụng của các thuốc chính tác động tác dụng trên hệ cholinergic, hệ adrenergic và các thuốc gây tê thông dụng: procain, lidocain, bupivacain. - Phân loại thuốc gây tê theo cấu trúc hóa học. - Sự liên quan cấu trúc và tác động của thuốc gây tê. 		<ul style="list-style-type: none"> - PPDH 1 - PPDH2 - PPDH4 - PPDH12 - PPDH13 	-Đọc tài liệu: [1]. Trang 258-302	
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	6/0/0		CLO1,2			
	Tìm hiểu tác dụng, tác dụng phụ, chỉ định của các thuốc tác động lên quá trình dẫn truyền thần kinh		- Trình bày cách sử dụng một số thuốc trong công tác điều trị.				
7	Buổi 7: Thuốc tác động trên hệ miễn dịch						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	4/0/0		CLO1,2,3,4			A1.1, A1.2

	<p>7.1. Thuốc kháng viêm không steroid (NSAID)</p> <p>7.2. Thuốc trị Goutte</p> <p>7.3. Thuốc kháng histamin</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Quá trình viêm, cơ chế gây viêm. - Phân loại, cơ chế tác dụng, tác dụng phụ và chống chỉ định các thuốc giảm đau, hạ nhiệt và kháng viêm. - Phương pháp điều chế một số thuốc điển hình. - Chỉ định, cách sử dụng một số thuốc kháng viêm thông dụng. - Nguyên nhân gây ra bệnh gout và các tên thuốc, cơ chế, các thuốc dùng để trị bệnh gout. - Các cấu trúc, tính chất, kiểm nghiệm colchicin và allopurinol. 		<ul style="list-style-type: none"> - PPDH 1 - PPDH2 - PPDH4 - PPDH12 - PPDH13 	<p>-Đọc tài liệu:</p> <p>[1]. Trang 302-341</p>	
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	6/0/0		CLO1,2			
	Tìm hiểu sự liên quan giữa cấu trúc và tác động dược lý, tính chất lý hóa và phương pháp kiểm nghiệm, tác dụng, tác dụng phụ của các thuốc kháng histamin H ₁		<ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn sử dụng một số thuốc kháng H₁ an toàn và hợp lý. 				
8	Buổi 8: Thuốc tác động trên hệ hô hấp						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	4/0/0		CLO1,2, 3,4			A1.1, A1.2
	<p>8.1. Thuốc kích thích hô hấp</p> <p>8.2. Thuốc điều hòa</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Cách phân loại các thuốc: kích thích hô hấp 		<ul style="list-style-type: none"> - PPDH 1 - PPDH2 	<p>-Đọc tài liệu:</p>	

	<p>sự tiết đàm</p> <p>8.3. Thuốc giảm ho</p> <p>8.4. Thuốc giãn cơ trơn phế quản</p>		<p>theo cơ chế tác động, các thuốc thay đổi tiết dịch phế quản, các thuốc chống ho theo tác dụng dược lý, các thuốc trị hen phế quản theo cấu trúc hóa học và các nhóm thuốc thiết yếu dùng phòng, cắt cơn, ổn định hen suyễn.</p> <p>- Nguồn gốc, phương pháp điều chế, tính chất lý hóa học, kiểm nghiệm của một số thuốc kích thích hô hấp; các thuốc long đờm, điều hòa tiết đờm; các thuốc chống ho; các thuốc giãn phế quản</p> <p>- Cơ chế tác dụng, chỉ định, tác dụng phụ, chống chỉ định, tương tác thuốc, dạng dùng, liều lượng.</p>		<p>- PPDH4</p> <p>- PPDH12</p> <p>- PPDH13</p>	<p>[1]. Trang 341-376</p>	
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	6/0/0		CLO1,2			
	<p>Tìm hiểu cách sử dụng, bảo quản của các thuốc kích thích hô hấp, các thuốc long đờm, điều hòa tiết đờm, các thuốc chống ho, các thuốc giãn phế quản thông dụng.</p>		<p>- Hướng dẫn sử dụng một số thuốc tác động trên hệ hô hấp an toàn và hợp lý.</p>				
9	Buổi 9:						

	Hormon và thuốc điều chỉnh rối loạn hormon						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	6/0/0		CLO1,2,3,4			A1.1, A1.2
	<p>9.1. Hormon tuyến yên và vùng dưới đồi</p> <p>9.2. Hormon tuyến giáp và thuốc kháng giáp</p> <p>9.3. Hormon tuyến tụy và thuốc hạ đường huyết</p> <p>9.4. Hormon tuyến thượng thận và các corticoid</p> <p>9.5. Hormon sinh dục và thuốc tránh thai</p>		<p>- Quan niệm mới về hormon, vai trò các hormon của tuyến yên và vùng dưới đồi, hormon của tuyến giáp, hormon tuyến tụy.</p> <p>- Tính chất vật lý, hóa học của một số hormon, hormon tuyến giáp, hormon tuyến tụy.</p> <p>- Một số phương pháp kiểm nghiệm hormon, hormon tuyến giáp, hormon tuyến tụy.</p> <p>- Tác dụng, chỉ định, cách sử dụng một số hormon, hormon tuyến giáp và chất kháng giáp, hormon tuyến tụy và thuốc hạ đường huyết.</p> <p>- Cấu trúc căn bản của mineralocorticoid và glucocorticoid.</p> <p>- Các nguyên liệu và nguyên tắc bán tổng hợp, các phương pháp kiểm nghiệm,</p>		<p>- PPDH 1</p> <p>- PPDH2</p> <p>- PPDH4</p> <p>- PPDH12</p> <p>- PPDH13</p>	<p>-Đọc tài liệu: [1]. Trang 376-404</p>	

			tác dụng và công dụng glucocorticoid các glucocorticoid.				
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	8/0/0		CLO1,2			
	Tìm hiểu cấu trúc – tính chất, liên quan cấu trúc – tác dụng và ứng dụng mối liên quan này trong bào chế, kiểm nghiệm, sử dụng của metformin.		- Hướng dẫn sử dụng metformin trong điều trị đái tháo đường.				
Theo lịch thi	FINAL EXAM			CLO1,2, 3,4,5			A4

Thực hành:

Tuần	Nội dung	Số tiết
1	Tổng hợp Aspirin	5
2	Kiểm định Aspirin	5
3	Điều chế và kiểm định vitamin B6	5
4	Kiểm định vitamin C	5
5	Tổng hợp Methyl Salicylat	5
6	Điều chế NaCl dược dụng - Kiểm định NaCl dược dụng	5
Tổng		30

44. Học liệu:

Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
	Giáo trình chính			
[1]	Trương Phương, Trần Thành Đạo	2018	Hóa dược 2	NXB Giáo dục Việt Nam
[2]	Giáo trình nội bộ	2019	<i>Thực tập hóa dược 2</i>	Khoa dược trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương
	Sách, giáo trình tham khảo			

[2]	Bộ y tế	2019	Dược thư quốc gia Việt Nam	NXB Bộ Y tế
-----	---------	------	----------------------------	-------------

Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ web hữu ích cho học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	The New England Journal of Medicine	http://content.nejm.org	29/08/2019

45. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

Bảng 9.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của học phần

Lý thuyết

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường	- Bảng lớn	01	Tất cả bài trong học phần
		- Máy chiếu	01	
		- Phương tiện tăng âm	01	

Thực hành

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	K302	Phòng thực hành có đầy đủ hóa chất và trang thiết bị như: Bếp đun cách thủy, tủ sấy, Cân, máy chưng cất nước,...		Tất cả bài trong học phần

Bình Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2019

TRƯỞNG KHOA



TRƯƠNG THỊ NGỌC SƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: DƯỢC

Mã số: 7720201

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về HP

1.1 Mã học phần:	1.2 Tên học phần: BẢO CHẾ VÀ SINH DƯỢC HỌC 1
1.3 Ký hiệu học phần:	1.4 Tên tiếng Anh: PREPARATION AND BIOPHARMACEUTICAL 1
1.5 Số tín chỉ:	04
1.6 Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	45 tiết
- Thực hành	30 tiết
- Tự học:	120 tiết
1.7 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	..
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	..
1.8 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không có
- Học phần học trước:	Thực hành dược khoa, hóa lý, hóa dược , Dược liệu
- Học phần song hành:	Không yêu cầu

2. Mô tả học phần:

Môn học Bảo chế và sinh dược học 1 cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về đặc điểm, thành phần công thức, kỹ thuật bào chế, yêu cầu chất lượng và sinh dược học của các dạng bào chế thuộc hệ phân tán đồng thể bao gồm dung dịch thuốc uống và dùng ngoài, thuốc tiêm, thuốc nhỏ mắt, cao thuốc, cồn thuốc. Ngoài ra sinh viên còn được thực hành bào chế và kiểm nghiệm chất lượng một số dạng bào chế thông thường thuộc hệ phân tán đồng thể.

3. Mục tiêu HP (Goals)

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)
G1	Kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực Bào chế để thực hiện công tác kiểm nghiệm, bảo quản, phân phối và sử dụng điều trị đạt hiệu quả cao nhất	PLO1,2
G2	Khả năng phân tích, giải thích và lập luận giải quyết các vấn đề về sản xuất thuốc	PLO3
G3	Kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp và khả năng tìm tài liệu chuyên ngành bào chế	PLO5,7
G4	Khả năng nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới	PLO6

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes-CLOs)

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR của học phần (CLOs)	Mô tả CLOs (Sau khi học xong môn học này, người học có thể:)
CLO 1	Trình bày được các khái niệm, đặc điểm và thành phần công thức các dạng bào chế thuộc hệ phân tán đồng thể
CLO 2	Phân tích được các dạng bào chế thuộc hệ phân tán đồng thể
CLO 3	Xây dựng được công thức một số dạng bào chế thuộc hệ phân tán đồng thể
CLO 4	Viết được qui trình bào chế, kiểm nghiệm chất lượng một số dạng bào chế thuộc hệ phân tán đồng thể
CLO 5	Có khả năng làm việc theo nhóm, tư duy, giải quyết vấn đề trong bào chế thuốc
CLO 6	Có ý thức học tập và làm việc tập trung cao
CLO 7	Nhận thức được tầm quan trọng trong công tác bào chế thuốc

5. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CĐR của chương trình (PLOs)

Mức độ đóng góp của CLO vào PLO được xác định cụ thể:

L (Low) – CLO có đóng góp ít vào PLO

M (Medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO

H (High) – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích: H - Cao, M - Vừa, L - Thấp - phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (L) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ... (mức M) hay mức thuần thục (H)

Bảng 5.1. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CĐR của chương trình (PLOs)

Chuẩn đầu ra HP (CLOs)	Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs)
------------------------	--------------------------------------

	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
CLO1	x	x		x		x		x		x		x
CLO2	x	x	x	x	x		x			x		
CLO3			x			x			x		x	
CLO4	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x
CLO5		x			x			x			x	
CLO6	x		x				x					x
CLO7	x						x			x		x
Tổng hợp	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

6. Đánh giá HP

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP

H/phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric	Lquan đến CLO nào ở Bảng 5.1	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	10%	- A1.1. Tuần 3: Bào chế công thức 1	30%		CLO 2,6	
		A1.2. Tuần 6: -Bào chế công thức 2	30%		CLO 1,4	
		A1.3. Tuần 8: bào chế công thức 3	40%		CLO 3,7	
A2. Kỹ năng	20%	Tuần 9: Tìm hiểu qui trình bào chế một dạng thuốc hệ phân tán đồng thể		R2, R1	CLO 1,2,5,6	GV giao đề tài cho từng SV ngay từ đầu HP.
A3. Đánh giá giữa kỳ	20%	Lý thuyết: Bài tập lớn: Làm bài kiểm tra giữa kỳ			CLO 4	
	20%	Thực hành		R10		- Dựa vào kết quả từng buổi
A4. Đánh giá cuối kỳ	50%	Bài ktra cuối kỳ: Thi trắc nghiệm			CLO 1,2,3,4	

6.2. Chính sách đối với HP

- SV tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $>20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.
- Thực hành sinh viên tham dự tất cả các buổi thực hành là điều kiện bắt buộc để ra điểm giữa kỳ và cuối kỳ

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP

Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần

Tuần / (5 tiết/tuần)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/TH/TH)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở Bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 Bảng 6.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	CHƯƠNG 1: ĐẠI CƯƠNG VỀ BẢO CHẾ VÀ SINH DƯỢC HỌC						
1	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO1			
	1.1. Đại cương về bào chế học 1.2. Đại cương sinh dược học		- Trình bày được định nghĩa, mục tiêu, đối tượng nghiên cứu của môn Bào chế học. - Phân biệt được các khái niệm thuốc generic, biệt dược, thuốc phát minh lần đầu - Trình bày được khái niệm, mục tiêu của sinh dược học		- Giải thích cụ thể - Giải quyết vấn đề - Đặt câu hỏi gợi mở	- Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO1,2			
	1.3. Tóm tắt quá trình nghiên cứu và phát triển một thuốc mới 1.4 Các yếu tố ảnh hưởng đến sinh khả dụng của thuốc		- Trình bày yêu cầu của quá trình nghiên cứu và phát triển một thuốc mới - Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến SKD của thuốc		- Tự học - Học nhóm	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	CHƯƠNG 2:						

	DUNG DỊCH THUỐC						
2	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	12/0/0		CLO 1,2,6			A1.1
	2.1 Đại cương về sự hòa tan và kỹ thuật hòa tan hoàn toàn 2.2 Kỹ thuật lọc 2.3 Dung dịch thuốc 2.4 Nước thơm 2.5 Siro thuốc		- Trình bày được các khái niệm về độ tan, hệ số tan, nồng độ dung dịch - Trình bày được mục đích và cơ chế lọc - Phân tích thành phần và cách bào chế một số dung dịch thuốc uống, thuốc dùng ngoài - Trình bày được các phương pháp điều chế nước thơm, siro thuốc		- Giải thích cụ thể - Giải quyết vấn đề - Đặt câu hỏi gợi mở	- Bào chế công thức số 1 - Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	24/0/0		CLO 2,7			
	2.6. Potio thuốc 2.7. Sự biến chất và ổn định dung dịch thuốc 2.8 Một số công thức nước thơm		- Trình bày được các phương pháp điều chế potio thuốc - Liệt kê sự biến đổi về mặt vật lý và mặt hóa học		- Tự học - Học nhóm	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	CHƯƠNG 3: THUỐC TIÊM – THUỐC TIÊM TRUYỀN						
3	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	8/0/0		CLO 1,3,4			
	3.1 Những vấn đề chung 3.2 Sản xuất thuốc tiêm 3.3 Quy trình pha chế và một số thao tác 3.4 Bao bì đựng thuốc tiêm 3.5. Các phương pháp tiệt khuẩn trong bào chế được		- Trình bày được định nghĩa, phân loại, đặc điểm chất lượng thuốc phù hợp với đường dùng, ưu nhược điểm, vị trí tiêm và sinh khả dụng của thuốc tiêm - Liệt kê được tiêu chuẩn nguyên liệu, dung môi và các		- Giải thích cụ thể - Giải quyết vấn đề - Đặt câu hỏi gợi mở	- Tính toán chất đặng trưng cho vào công thức thuốc tiêm, - Thảo luận nhóm	

	phẩm		phương tiện, điều kiện nhà xưởng -Nêu được sơ đồ bố trí mặt bằng, sắp xếp thiết bị của xưởng sản xuất				
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	16/0/0		CLO 4			
	3.6.Một số hoạt động đảm bảo chất lượng và kiểm soát chất lượng 3.7. Một số công thức tham khảo		- Nêu được 8 tiêu chí của yêu cầu chất lượng thuốc tiêm trong Dược điển Việt Nam -Giải thích được công thức thuốc tiêm		- Tự học - Học nhóm	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	CHƯƠNG 4: THUỐC NHỎ MẮT						
4	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	7/0/0		CLO1,4			A.1.2 A.2
	4.1. Đặc điểm 4.2 Sơ lược về giải phẫu sinh lý của mắt 4.3 Sự hấp thu thuốc vào mắt 4.4. Thành phần của thuốc nhỏ mắt 4.5 Chỉ tiêu chất lượng của thuốc nhỏ mắt 4.6 Kỹ thuật pha chế dung dịch thuốc nhỏ mắt		-Trình bày được đặc điểm thuốc nhỏ mắt -Giải thích được ý nghĩa về đẳng trương, pH và vô trùng - Nêu các phương pháp và tính toán được lượng chất đẳng trương và lựa chọn chất đẳng trương thích hợp - Trình bày được qui trình pha chế một số dung dịch thuốc nhỏ mắt		-Giải thích cụ thể -Giải quyết vấn đề -Đặt câu hỏi gợi mở	-Bào chế công thức số 2 - Tìm hiểu qui trình bào chế một dạng thuốc hệ phân tán đồng thể -Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	14/0/0		CLO4			
	4.7 Chai lọ đựng thuốc nhỏ mắt 4.8. Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp đánh giá chất		-Liệt kê được các loại bao bì -Nêu các tiêu chuẩn để đánh giá thuốc nhỏ mắt			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	

	lượng thuốc nhỏ mắt						
	CHƯƠNG 5. CÁC DẠNG THUỐC BẢO CHẾ BẰNG PHƯƠNG PHÁP HÒA TAN CHIẾT XUẤT						
5	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	13/0/0		CLO3			A 1.3 A.3
	5.1 Đại cương về hòa tan chiết xuất 5.2 Các phương pháp hòa tan chiết xuất 5.3 Một số kỹ thuật liên quan đến bào chế các dạng thuốc bằng phương pháp hòa tan chiết xuất 5.4. Cao thuốc và dịch chiết đậm đặc 5.5 Cồn thuốc – Rượu thuốc và một số chế phẩm mới		- Trình bày được định nghĩa, đặc điểm và phân loại hòa tan chiết xuất dược liệu - Nêu đặc trưng và kỹ thuật điều chế các phương pháp hòa tan chiết xuất - Trình bày được ý nghĩa lắng, gạn, lọc, ly tâm và làm khô - Phân tích được 4 giai đoạn điều chế cao thuốc - Phân tích 3 phương pháp điều chế cồn thuốc, và phương pháp chung để điều chế rượu thuốc		- Giải thích cụ thể - Giải quyết vấn đề - Đặt câu hỏi gợi mở	- Bào chế công thức số 3 - Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	26/0/0		CLO5			
	5.6. Cơ sở lý luận về các hiện tượng xảy ra trong quá trình hòa tan chiết xuất 5.6 Các phương pháp ngâm kiệt cải tiến 5.7 Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình hòa tan chiết xuất		- Phân tích được yếu tố ảnh hưởng đến hiệu suất và chất lượng dịch chiết - Nêu được nguyên tắc chung của phương pháp chiết xuất bằng ngâm kiệt ngược dòng			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	THỰC HÀNH						

1	Chương 1: Điều chế dung dịch Iod 5 %, Cồn Iod 5%			CLO 1,3,4			R10
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0					
	Chương 2: Điều chế 3 loại nước thơm bạc hà			CLO 1,3,4			R10
2	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0					
	Chương 3: Điều chế Cồn Aconit			CLO 1,3,4			R10
3	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0					
	Chương 4: Điều chế 2 loại siro đơn Xây dựng công thức và điều chế siro Ho			CLO 1,3,4			R10
4	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0					
	Chương 5: Xây dựng công thức và điều chế thuốc nhỏ mắt Chloramphenicol 0,4%			CLO 1,3,4			R10
5	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0					
	Chương 6: Điều chế Cao lỏng lạc tiên			CLO 1,3,4			R10
6	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0					
Theo lịch thi	FINAL EXAM			CLO1 ,2,3,4			A4

	Lý thuyết		Thực hiện theo ngân hàng đề thi				
	Thực hành		Sinh viên thực hiện theo 2 phần: <u>Phần 1</u> : Thi viết liên quan nội dung thực hành <u>Phần 2 (thi lại lần 2)</u> : Thi thao tác Sinh viên tiến hành bào chế các dạng thuốc				

(*) Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương.
- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR. Tham khảo các phương pháp giảng dạy trong CTĐT ngành Dược học.
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số....).

8. Học liệu:

Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	GS. TS. Võ Xuân Minh	2013	Kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc - tập 1	NXB Y học
2	Giáo trình nội bộ, Khoa dược – ĐH KTKT Bình Dương	2018	Thực tập bào chế	ĐH KTKT BD
Sách, giáo trình tham khảo				
3				

Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ web hữu ích cho HP

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1			
2			

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

Bảng 9.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường	Bảng lớn 01	01	Tất cả bài trong học phần
		Máy chiếu 01	01	
		Phương tiện tăng âm 01	01	
2	Phòng thực tập bào chế	Bảng lớn 01	01	
		Dụng cụ thủy tinh	Vừa đủ	
		Thiết bị chiết xuất		
		Bao bì chai lọ		

Bình Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2019

TRƯỞNG KHOA



TRƯƠNG THỊ NGỌC SƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: DƯỢC

Mã số: 7720201

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về HP

1.1 Mã học phần:	1.2 Tên học phần: BẢO CHẾ VÀ SINH DƯỢC HỌC 2
1.3 Ký hiệu học phần:	1.4 Tên tiếng Anh: PREPARATION AND BIOPHARMACEUTICAL 2
1.5 Số tín chỉ:	04
1.6 Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	45 tiết
- Thực hành	30 tiết
- Tự học:	120 tiết
1.7 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	..
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	..
1.8 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Bào chế và sinh dược học 1
- Học phần học trước:	Thực hành dược khoa, hóa lý, hóa dược , Dược liệu
- Học phần song hành:	Không yêu cầu

2. Mô tả học phần:

Môn học Bào chế và sinh dược học 2 cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về đặc điểm, thành phần công thức, kỹ thuật bào chế, yêu cầu chất lượng và sinh dược học của các dạng bào chế thuộc hệ phân tán dị thể: nhũ tương, hỗn dịch, thuốc mỡ, thuốc đạn, thuốc bột, thuốc cốm, thuốc viên và thuốc nang. Ngoài ra sinh viên còn thực hành bào chế và đánh giá chất lượng một số dạng bào chế thông thường thuộc hệ phân tán dị thể.

3. Mục tiêu HP (Goals)

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)
G1	Kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực Bào chế để thực hiện công tác kiểm nghiệm, bảo quản, phân phối và sử dụng điều trị đạt hiệu quả cao nhất	PLO1,2
G2	Khả năng phân tích, giải thích và lập luận giải quyết các vấn đề về sản xuất thuốc	PLO3
G3	Kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp và khả năng tìm tài liệu chuyên ngành bào chế	PLO5,7
G4	Khả năng nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới	PLO6

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes-CLOs)

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR của học phần (CLOs)	Mô tả CLOs (Sau khi học xong môn học này, người học có thể:)
CLO 1	Trình bày được các khái niệm, đặc điểm và thành phần công thức các dạng bào chế thuộc hệ phân tán dị thể
CLO 2	Phân tích được các dạng bào chế thuộc hệ phân tán dị thể
CLO 3	Xây dựng được các công thức một số dạng bào chế thuộc hệ phân tán dị thể
CLO 4	Viết được qui trình bào chế, kiểm nghiệm chất lượng một số dạng bào chế thuộc hệ phân tán dị thể
CLO 5	Có khả năng làm việc theo nhóm, tư duy, giải quyết vấn đề
CLO 6	Có ý thức học tập và làm việc tập trung cao
CLO 7	Nhận thức được tầm quan trọng trong công tác bào chế thuốc

5. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CĐR của chương trình (PLOs)

Mức độ đóng góp của CLO vào PLO được xác định cụ thể:

L (Low) – CLO có đóng góp ít vào PLO

M (Medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO

H (High) – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích: *H - Cao, M - Vừa, L - Thấp* - phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (*L*) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,... (mức *M*) hay mức thuần thục (*H*)

Bảng 5.1. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CĐR của chương trình (PLOs)

Chuẩn đầu ra HP (CLOs)	Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12

CLO1	x	x		x		x				x		x
CLO2	x	x	x	x	x		x			x		
CLO3			x			x			x		x	
CLO4	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		
CLO5		x							x		x	x
CLO6	x		x				x					
CLO7	x						x			x		x
Tổng hợp	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

6. Đánh giá HP

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP

H/phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric	Lquan đến CLO nào ở Bảng 5.1	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	10%	- A1.1. Tuần 3: Phân tích thuốc mỡ Dalibour	30%		CLO 2,6	
		A1.2. Tuần 6: -Bào chế cốm paracetamol	30%		CLO 1,4	
		A1.3. Tuần 8: Xây dựng công thức viên nén Apirin 325mg	40%		CLO 3,7	
A2. Kỹ năng	20%	Tuần 9: Tìm hiểu qui trình bào chế một dạng thuốc hệ phân tán dị thể		R2, R1	CLO 1,2,5,6	GV giao đề tài cho từng SV ngay từ đầu HP.
A3. Đánh giá giữa kỳ	20%	Lý thuyết: Bài tập lớn: Làm bài kiểm tra giữa kỳ			CLO 4	
	20%	Thực hành				- Dựa vào kết quả từng buổi
A4. Đánh giá cuối kỳ	50%	Bài ktra cuối kỳ: Thi trắc nghiệm			CLO 1,2,3,4	

6.2. Chính sách đối với HP

- SV tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $>20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

- Thực hành sinh viên tham dự tất cả các buổi thực hành là điều kiện bắt buộc để ra điểm giữa kỳ và cuối kỳ

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP

Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần

Tuần / (5 tiết/tuần)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/TH/TH)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Lựa chọn đến CLO nào ở Bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 Bảng 6.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Chương 6: hỗn dịch – nhũ tương						
6	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	9/0/0		CLO1			
	6.1. Hệ phân dị thể lỏng 6.2. Nhũ tương 6.3. Hỗn dịch		- Phân biệt được các hệ phân tán - Trình bày được khái niệm và thành phần chính của nhũ tương thuốc - Áp dụng các phương pháp phù hợp để điều chế nhũ tương thuốc - Trình bày thành phần công thức và áp dụng phương pháp phù hợp để điều chế hỗn dịch		- Giải thích cụ thể - Giải quyết vấn đề - Đặt câu hỏi gợi mở - Thảo luận nhóm	- Phân tích công thức nhũ tương số 1 - Phân tích công thức hỗn dịch số 2 - Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	20/0/0		CLO1,2			
	6.4. Thiết bị điều chế nhũ tương 6.5 Kiểm soát chất lượng Nhũ tương 6.6 Thuốc bột và thuốc cốm để pha hỗn dịch 6.7. Chất nhũ hóa gây thấm		- Trình bày được ưu nhược điểm các thiết bị - Thực hiện công tác kiểm nghiệm thuốc - Liệt kê các nhóm chất nhũ hóa		- Tự học - Học nhóm	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 7: Thuốc mỡ						
7	a. Các nội dung chính giảng dạy	9/0/0		CLO2,6			A1.1

	trên lớp						
	2.18. Đại cương về thuốc mỡ 2.19. Tá dược thuốc mỡ 2.20. Kỹ thuật điều chế thuốc mỡ		-Phân loại được các loại thuốc mỡ theo thể chất, thành phần, hệ phân tán và mục đích sử dụng -Trình bày được yêu cầu chính đối với tá dược thuốc mỡ -Mô tả các giải đoạn điều chế thuốc mỡ theo 3 phương pháp điều chế		-Giải thích cụ thể -Giải quyết vấn đề -Đặt câu hỏi gợi mở -Thảo luận nhóm	-Phân tích thuốc mỡ Dalibour -Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	20/0/0		CLO2			
	2.21. Thuốc mỡ đặc biệt		-Trình bày được các dạng thuốc mỡ đặc biệt về yêu cầu điều chế, sử dụng tá dược.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 8: Thuốc đặt						
8	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	4,5/0/0		CLO3,4			
	8.1. Đại cương 8.2. Kỹ thuật điều chế		-Phân biệt các loại thuốc đặt -Trình bày kỹ thuật điều chế thuốc đặt bằng phương pháp đun chảy đồ khuôn		-Giải thích cụ thể -Giải quyết vấn đề -Đặt câu hỏi gợi mở -Thảo luận nhóm	-Tính toán tá dược và dược chất cho công thức thuốc đặt Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/5/0		CLO4			
	8.3. Các dạng bào chế khác dùng qua đường trực tràng 8.4. Các dạng bào chế khác dùng qua đường âm đạo		-Liệt kê các dạng bào chế khác của thuốc đặt			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	

	Chương 9: Thuốc bột và thuốc cốm						
9	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	4,5/0/0		CLO1,4			A.1.2
	9.1. Kỹ thuật nghiền tán chất rắn 9.2. Thuốc bột 9.2. Thuốc cốm		- Phân tích được tầm quan trọng việc nghiền tán chất rắn trong việc bào chế các dạng thuốc - Trình bày được nguyên các giai đoạn trong qui trình điều chế thuốc bột - Trình bày được các phương pháp điều chế thuốc cốm - Phân tích được ưu – nhược điểm thuốc bột và thuốc cốm		- Giải thích cụ thể - Giải quyết vấn đề - Đặt câu hỏi gợi mở - Thảo luận nhóm	- Bào chế thuốc bột Menthol – Long Não - Bào chế cốm paracetamol - Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO4			
	- Các phương pháp đặc biệt nghiền tán - Thuốc bột để tiêm - Phương pháp phun sấy tạo cốm		- Trình bày được các kỹ thuật nghiền tán đặc biệt - Nêu ứng dụng phương pháp phun sấy vào điều chế cốm			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 10: Thuốc viên nén						
10	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	9/0/0		CLO3			A.3
	5.14. Đại cương 5.15. Kỹ thuật bào chế viên nén 5.16. Kiểm nghiệm bán thành phẩm và thành phẩm viên		- Trình bày được các khái niệm, phân loại và ưu nhược điểm của viên nén - Phân tích được yêu cầu của bột, hạt dùng trong dập viên. - Trình bày được tên các nhóm tá		- Giải thích cụ thể - Giải quyết vấn đề - Đặt câu hỏi gợi mở - Thảo luận nhóm	- Xây dựng công thức viên nén Apirin 325mg - Thảo luận nhóm	

			được, chức năng và cách sử dụng trong bào chế viên nén				
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	20/0/0		CLO5			
	5.17. Sinh khả dụng của viên nén 5.18. Các thuốc viên đặt biệt		- Phân tích quá trình phóng thích hoạt chất - Trình bày các yếu tố ảnh hưởng sinh khả dụng viên nén - Liệt kê các dạng viên nén đặc biệt			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 11: Thuốc viên bao						
11	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO4			A.2
	11.1. Đại cương 11.2.Kỹ thuật bao viên 11.3.Kiểm nghiệm chất lượng		- Trình bày được các tá dược sử dụng trong viên bao - Trình bày được các phương pháp bao viên		- Giải thích cụ thể - Giải quyết vấn đề - Đặt câu hỏi gợi mở - Thảo luận nhóm	- Bào chế công thức dịch bao tan trong dạ dày - Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO1			
	11.4. Bao viên bằng cách nén		- Trình bày được các giai đoạn vận hành trong bao viên bằng cách dập				
	Chương 12. Thuốc viên nang						
12	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	3/0/0		CLO3			A.1.3
	12.1 Định nghĩa – Phân loại viên nang 12.2. Viên nang mềm 12.3 Viên nang cứng		- Phân loại viên nang - Trình bày thành phần căn bản trong viên nang - Nêu được thành phần vỏ nang mềm,		- Giải thích cụ thể - Giải quyết vấn đề - Đặt câu	- Tính toán lượng tá dược độn thêm vào nang cứng - Thảo luận nhóm	

			vỏ nang cứng, cách bảo quản nang - Trình bày được phương pháp điều chế viên nang cứng và viên nang mềm - Nêu nguyên tắc xử lý dược chất để đông nang		hỏi giờ mở - Thảo luận nhóm		
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	6/0/0		CLO2			
	12.4. Sinh khả dụng viên nang mềm 12.5 Xây dựng công thức viên nang cứng		- Phân tích ảnh hưởng của hoạt chất đến sinh khả dụng			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	THỰC HÀNH						A.3
1	Chương 1. Xây dựng công thức và bào chế nhũ tương thuốc			CLO 1,3,4			R10
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0					
	Chương 2: Xây dựng công thức và bào chế hỗn dịch thuốc			CLO 1,3,4			R10
2	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0					
	Chương 3: Xây dựng công thức và bào chế thuốc mỡ			CLO 1,3,4			R10
3	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0					
	Chương 4: Xây dựng công thức và bào chế thuốc đạn			CLO 1,3,4			R10
4	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0					
	Chương 5: xây dựng công thức và bào chế viên nén (xát hạt ướt)			CLO 1,3,4			R10

5	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0					
	Chương 6: Xây dựng công thức và bào chế viên nang cứng			CLO 1,3,4			R10
6	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0					
Theo lịch thi	FINAL EXAM			CLO1,2,3,4			A4
	Lý thuyết		Thực hiện theo ngân hàng đề thi				
	Thực hành		Sinh viên thực hiện theo 2 phần: <u>Phần 1</u> : Thi viết liên quan nội dung thực hành <u>Phần 2 (thi lại lần 2)</u> : Thi thao tác Sinh viên tiến hành bào chế các dạng thuốc				

(*) Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương.
- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR. Tham khảo các phương pháp giảng dạy trong CTĐT ngành Dược học.
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số....).

8. Học liệu:

Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	Lê Quan Nghiệm, Huỳnh Văn Hóa	2018	Bào chế và Sinh dược học tập 2	NXB Giáo Dục
2	Giáo trình nội bộ, Khoa dược – ĐH KTKT Bình Dương	2018	Thực tập bào chế	ĐH KTKT BD
Sách, giáo trình tham khảo				
3				

Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ web hữu ích cho HP

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1			
2			

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

Bảng 9.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường	Bảng lớn 01	01	Tất cả bài trong học phần
		Máy chiếu 01	01	
		Phương tiện tăng âm 01	01	
2	Phòng thực tập bào chế	Bảng lớn 01	01	
		Dụng cụ thủy tinh	Vừa đủ	
		Thiết bị chiết xuất		
		Bao bì chai lọ		

Bình Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2019

TRƯỞNG KHOA



TRƯƠNG THỊ NGỌC SƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Dược

Mã số: 7720201

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về HP

1.1 Mã học phần:	1.2 Tên học phần: DƯỢC LÝ 1
1.3 Ký hiệu học phần:	1.4 Tên tiếng Anh: Pharmacological 1
1.5 Số tín chỉ:	02
1.6 Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	30 tiết
- Thực hành	30 tiết
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	0 tiết
- Tự học:	60 tiết
1.7 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	DS. Nguyễn Thị Thu Thoa
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	DS. Nguyễn Thị Hằng
1.8 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Bệnh học, Hóa sinh, Hóa dược, Dược động học.
- Học phần học trước:	Không yêu cầu
- Học phần song hành:	Không yêu cầu

2. Mô tả học phần:

Môn học Dược lý cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tác dụng, cơ chế tác dụng, áp dụng lâm sàng, tác dụng không mong muốn của từng nhóm thuốc phân theo tác dụng sinh lý - bệnh lý - điều trị học. Từ những kiến thức cơ bản này sinh viên có thể kê đơn thuốc, sử dụng thuốc và theo dõi quá trình sử dụng thuốc an toàn, hợp lý.

3. Mục tiêu HP (Goals)

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)
------------------	--	--------------------------

G1	Phân tích được cơ chế tác dụng, đặc điểm tác dụng, áp dụng điều trị, độc tính và cách xử trí của các nhóm thuốc.	PLO1,2
G2	- Hướng dẫn được các đơn thuốc đúng nguyên tắc, đúng pháp lý, phù hợp chuyên môn. Hướng dẫn sử dụng đúng các thuốc theo dạng bào chế . - Áp dụng được kết quả một số thí nghiệm dược lý và nêu được các ứng dụng trên lâm sàng.	PLO1,2
G3	Nhận thức được tầm quan trọng của thuốc trong điều trị từ đó có thái độ nghiêm túc, cẩn trọng trong quá trình hướng dẫn và sử dụng thuốc.	PLO3,5

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes-CLOs)

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR của học phần (CLOs)	Mô tả CLOs (Sau khi học xong môn học này, người học có thể)
CLO 1	- Trình bày và giải thích được cơ chế tác dụng, đặc điểm tác dụng của các nhóm thuốc.
CLO 2	- Trình bày được áp dụng điều trị của các thuốc đại diện trong từng nhóm.
CLO 3	- Phân tích được các tác dụng không mong muốn và độc tính của thuốc để biết cách phòng và xử trí.
CLO 4	- Hướng dẫn được các đơn thuốc đúng nguyên tắc, đúng pháp lý, phù hợp chuyên môn.
CLO 5	- Nhận dạng được và hướng dẫn sử dụng đúng các thuốc theo dạng bào chế .
CLO 6	- Phân tích được kết quả một số thí nghiệm dược lý và nêu được các ứng dụng trên lâm sàng.

5. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CĐR của chương trình (PLOs)

Mức độ đóng góp của CLO vào PLO được xác định cụ thể:

- L (Low) – CLO có đóng góp ít vào PLO
- M (Medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO
- H (High) – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích:

- Các mức H - Cao, M - Vừa, L - Thấp - phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (L) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(mức M) hay mức thuần thục (H).

Bảng 5.1. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CĐR của chương trình (PLOs)

Chuẩn đầu ra HP (CLOs)	Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
CLO1	x	x				x	x	x	x	x	x	x
CLO2	x	x				x	x	x	x	x	x	x
CLO3	x	x				x	x	x	x	x	x	x
CLO4	x	x				x	x	x	x	x	x	x
CLO5	x		x		x	x	x	x	x	x	x	x
CLO6	x		x		x	x	x	x	x	x	x	x
Tổng hợp												

6. Đánh giá HP

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP

H/phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric	Lquan đến CLO nào ở Bảng 5.1	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	10%	A1.1. Tuần 3: Bài đánh giá 1	30%		CLO 1,2	
		A1.2. Tuần 5: Bài đánh giá 2	30%		CLO 3	
		A1.3. Tuần 7: Bài đánh giá 3	40%		CLO 4	
A2. Kỹ năng	20%	Tuần 8: Khả năng phân tích được cơ chế các nhóm thuốc		R7	CLO 3,4	- GV cho SV phân tích 1 số tình huống cụ thể áp dụng trong bài học
A3. Đánh giá giữa kỳ	20%	Bài tập lớn: Sinh viên làm một bài tập lớn.		R3	CLO 5,6	- GV giao tình huống ngay từ đầu học phần.
A4. Đánh giá cuối kỳ	50%	Bài ktra cuối kỳ: Thi trắc nghiệm theo NHĐT.			CLO 1,2,3,4,5,6	

- (7) PP đánh giá đạt CDR: Nêu tên các PP đánh giá sử dụng trong từng chương để đạt CDR. Tham khảo các phương pháp đánh giá trong CTĐT ngành Dược học.

6.2. Chính sách đối với HP

- SV tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $>20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP

Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần

Tuần / (5 tiết/tuần)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/T H/TT)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Lqua n đến CLO nào ở Bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 Bảng 6.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Chương 1: Dược lý đại cương						
1	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	3/0/0		CLO 1			
	<p>1. Các khái niệm</p> <p>2. Quá trình dược động học</p> <p>2.1. Sự hấp thu thuốc</p> <p>2.2. Sự phân bố thuốc</p> <p>2.3. Sự chuyển hóa thuốc</p> <p>2.4. Sự thải trừ thuốc</p> <p>2.5 Các thông số dược động học liên quan đến điều trị.</p> <p>3 Dược lực học</p> <p>3.1. Các cơ chế tác dụng của thuốc</p> <p>3.2. Các cách tác dụng của thuốc</p> <p>3.3 Các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc</p> <p>4. Tương tác thuốc</p> <p>4.1. Tương tác thuốc - thuốc</p> <p>4.1.1. Tương tác dược lực học.</p> <p>4.1.2. Tương tác dược động học</p> <p>4.2. Thời điểm dùng thuốc .</p>		<p>- Trình bày được quá trình dược động học của thuốc trong cơ thể.</p> <p>- Phân tích được cơ chế và các cách tác dụng của thuốc.</p> <p>- Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc.</p> <p>- Phân tích được các kiểu tương tác và kết quả của tương tác thuốc.</p> <p>- Nhận thức được tầm quan trọng dược động học, dược lực học đến tác dụng của thuốc.</p> <p>-</p>		<p>- Giải thích cụ thể</p> <p>- Giải quyết vấn đề</p> <p>- Câu hỏi gợi mở</p>	<p>- Lắng nghe, ghi chép</p> <p>- Thảo luận nhóm</p>	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO 1			
	Nghiên cứu các tài		- Trình bày		- Tự học	Chuẩn bị	

	liệu liên quan đến dược động học, tương tác thuốc		được các yếu tố liên quan đến dược động học và tương tác thuốc.		-Học nhóm	tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 2: Thuốc Mê						
2	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	3/0/0		CLO 2			
	<p>1. Đại cương về thuốc Mê</p> <p>1.1. Định nghĩa</p> <p>1.2. Đặc điểm của thuốc mê tốt</p> <p>1.3. Liên quan giữa cấu trúc và tác dụng</p> <p>1.4. Cơ chế tác dụng</p> <p>1.5. Tác dụng dược lý</p> <p>1.5.1. Tác dụng tại chỗ</p> <p>1.5.2. Tác dụng toàn thân</p> <p>1.6. Tác dụng không mong muốn và độc tính</p> <p>1.7. Dược động học</p> <p>1.8. Tương tác thuốc</p> <p>1.9. Áp dụng lâm sàng</p> <p>1.9.1. Chỉ định</p> <p>1.9.2. Chống chỉ định</p> <p>1.9.3. Thận trọng khi dùng thuốc</p> <p>2.2. Các loại thuốc mê:</p>		<p>Trình bày được cơ chế, tác dụng của thuốc mê</p> <p>-Phân tích được những tác dụng, tác dụng không mong muốn của các thuốc gây mê.</p>		<p>-Giải thích cụ thể</p> <p>-Giải quyết vấn đề</p> <p>-Câu hỏi gợi mở</p>	<p>-Lắng nghe, ghi chép</p> <p>-Thảo luận nhóm</p>	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO 2			
	3. Những tương tác thuốc với các thuốc trong bài.		-Trình bày được những tương tác thuốc với các thuốc trong bài học.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 3: Thuốc Tê						
3	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	3/0/0		CLO 3			A1.1

	<p>1. Đại cương về thuốc Mê</p> <p>1.1. Định nghĩa</p> <p>1.2. Đặc điểm của thuốc tê tốt</p> <p>1.3. Liên quan giữa cấu trúc và tác dụng</p> <p>1.4. Cơ chế tác dụng</p> <p>1.5. Tác dụng dược lý</p> <p>1.5.1. Tác dụng tại chỗ</p> <p>1.5.2. Tác dụng toàn thân</p> <p>1.6. Tác dụng không mong muốn và độc tính</p> <p>1.7. Dược động học</p> <p>1.8. Tương tác thuốc</p> <p>1.9. Áp dụng lâm sàng</p> <p>1.9.1. Chỉ định</p> <p>1.9.2. Chống chỉ định</p> <p>1.9.3. Thận trọng khi dùng thuốc</p> <p>2. Các loại thuốc tê thường dùng</p> <p>2.1. Cocain</p> <p>2.1.1. Tác dụng</p> <p>2.1.2. Độc tính</p> <p>2.2. Procain</p> <p>2.3. Lidocain</p> <p>2.4. Bupivacain</p> <p>2.5. Ethylclorid</p>							<p>Trình bày được cơ chế, tác dụng của thuốc tê</p> <p>-Phân tích được những tác dụng, tác dụng không mong muốn của các thuốc gây tê.</p>		<p>-Giải thích cụ thể</p> <p>-Giải quyết vấn đề</p> <p>-Câu hỏi gợi mở</p>	<p>-Lắng nghe, ghi chép</p> <p>-Thảo luận nhóm</p>			
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO 3										
	3. Những tương tác thuốc với các thuốc trong bài.										Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà			
	Chương 4: Thuốc an thần-Gây ngủ													
4	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	3/0/0		CLO 4										
	<p>1. Thuốc an thần</p> <p>1.1. Dẫn xuất phenothiazin và thioxanthen: Clopromazin</p> <p>1.1.1. Tác dụng dược</p>										<p>- Phân tích được mối liên quan giữa cấu trúc hóa học và tác dụng của barbiturat</p>	<p>-Giải thích cụ thể</p> <p>-Giải quyết vấn đề</p>	<p>-Lắng nghe, ghi chép</p> <p>-Thảo luận nhóm</p>	

<p>lý</p> <p>1.1.2. Tương tác thuốc</p> <p>1.1.3. Cơ chế tác dụng</p> <p>1.1.4. Dược động học</p> <p>1.1.5. Tác dụng không mong muốn</p> <p>1.1.6. Áp dụng lâm sàng</p> <p>1.2. Dẫn xuất butyrophenol:</p> <p>Haloperidol</p> <p>1.2.1. Chỉ định</p> <p>1.2.2. Thận trọng</p> <p>1.2.3. Tác dụng không mong muốn</p> <p>1.2.4. Liều lượng</p> <p>1.3. Dẫn xuất benzamid: Sulpirid</p> <p>1.3.1. Tác dụng</p> <p>1.3.2. Chỉ định</p> <p>1.3.3. Tác dụng không mong muốn</p> <p>1.3.4. Chế phẩm và liều lượng</p> <p>1.4. Nhóm benzisoxazol:</p> <p>Risperidon</p> <p>2. Thuốc ngủ:</p> <p>2. Barbiturat</p> <p>2.1. Cấu trúc</p> <p>2.2. Liên quan giữa cấu trúc và tác dụng</p> <p>2.3. Tác dụng dược lý</p> <p>2.3.1. Trên thần kinh</p> <p>2.3.2. Trên hệ hô hấp</p> <p>2.3.3. Trên hệ tuần hoàn</p> <p>2.4. Độc tính</p> <p>2.4.1. Tác dụng không mong muốn</p> <p>2.4.2. Ngộ độc cấp</p> <p>2.4.3. Ngộ độc mạn tính</p> <p>2.5. Tương tác thuốc</p> <p>3. Dẫn xuất benzodiazepin</p> <p>4. Rượu</p> <p>4.1. Rượu ethylic</p> <p>4.1.1. Tác dụng</p> <p>4.1.2. Dược động học</p>		<p>- So sánh được thuốc ngủ dẫn xuất acid barbituric và thuốc ngủ dẫn xuất benzodiazepin: Tác dụng, cơ chế, dược động học, chỉ định, chống chỉ định, tác dụng không mong muốn.</p> <p>- Áp dụng được các kiến thức về thuốc ngủ, an thần đưa ra hướng xử trí ngộ độc cấp và mạn tính thuốc ngủ.</p>		<p>- Câu hỏi gợi mở</p>		
--	--	---	--	-------------------------	--	--

	4.1.3. Ứng dụng của rượu 4.1.4. Ngộ độc mạn 4.1.5. Điều trị ngộ độc 4.1.6. Tương tác thuốc 4.2. Methanol 4.3. Ethylen glycol					
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO 4		
	-So sánh đối chiếu các tương tác với các thuốc trong bài học.		- Thực hiện so sánh giữa các thuốc trong cùng nhóm điều trị.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà
	Chương 5:					
5	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	3/0/0		CLO 1,5		A3
	1. Đại cương 2. Thuốc giảm đau loại morphin 2.1. Morphin 2.1.1. Tác dụng 2.1.2. Liên quan giữa cấu trúc và tác dụng 2.1.3. Dược động học 2.1.4. Tác dụng không mong muốn 2.1.5. Áp dụng điều trị 2.1.6. Tương tác thuốc 2.1.7. Độc tính 2.2. Dẫn xuất của morphin 2.3. Các opioid thường dùng 2.3.1. Pethidin 2.3.2. Methadon 2.3.3. Fentanyl 2.3.4. Propoxyphen 2.3.5. Các opioid có tác dụng hỗn hợp 2.3.6. Tramadon 2.4. Thuốc đối kháng với opioid 2.4.1. Naloxon 2.4.2. Naltrexon 2.5. Morphin nội sinh		- Giải thích được mối liên quan giữa cấu trúc và tác dụng của morphin, từ đó nêu được áp dụng điều trị của morphin. - Phân tích được đặc điểm tác dụng của một số opioid tổng hợp: pethidin, pentazoxin, methadol, fentanyl. - Áp dụng được các kiến thức về morphin, đưa ra hướng xử trí ngộ độc cấp và mạn tính morphin.		-Giải thích cụ thể -Giải quyết vấn đề -Câu hỏi gợi mở	-Lắng nghe, ghi chép -Thảo luận nhóm
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/10/0		CLO 1,5		
	Chuẩn bị các thông tin		- Thực hiện			Chuẩn bị

	về thuốc giảm đau thực thể.		phân tích các đơn thuốc có tham gia của các thuốc trong bài.			tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 6: Hạ sốt – Giảm đau – Kháng viêm – Thuốc trị gút						
6	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	3/0/0		CLO 2,6			A1.2
	<p>. Thuốc hạ sốt - giảm đau - chống viêm</p> <p>1.1. Tác dụng chính và cơ chế</p> <p>1.1.1. Tác dụng chống viêm</p> <p>1.1.2. Tác dụng giảm đau</p> <p>1.1.3. Tác dụng hạ sốt</p> <p>1.1.4. Tác dụng chống ngưng kết tiểu cầu</p> <p>1.2. Các dẫn xuất</p> <p>1.2.1. Dẫn xuất acid salicylic</p> <p>1.2.2. Dẫn xuất pyrazolon</p> <p>1.2.3. Dẫn xuất indol</p> <p>1.2.4. Dẫn xuất acid enolic</p> <p>1.2.5. Dẫn xuất acid propionic</p> <p>1.2.6. Dẫn xuất acid phenylacetic</p> <p>1.2.7. Dẫn xuất acid heteroarylacetic</p> <p>1.2.8. Thuốc CVKS loại ức chế chọn lọc COX-2</p> <p>1.2.9. Dẫn xuất para aminophenol</p> <p>1.3. Những vấn đề chung</p> <p>1.3.1. Dược động học chung</p> <p>1.3.2. Các tác dụng không mong muốn</p> <p>1.3.3. Tương tác thuốc</p> <p>1.3.4. Chỉ định</p> <p>1.3.5. Nguyên tắc chung khi sử dụng</p>		<p>- Trình bày được tác dụng, cơ chế tác dụng và áp dụng lâm sàng của các thuốc hạ sốt, giảm đau, chống viêm.</p> <p>- Phân tích được mối liên quan giữa tác dụng điều trị và tác dụng không mong muốn của các thuốc hạ sốt, giảm đau, chống viêm.</p> <p>- Phân tích được tác dụng và áp dụng điều trị của các thuốc điều trị gút thường dùng.</p>		<p>- Giải thích cụ thể</p> <p>- Giải quyết vấn đề</p> <p>- Câu hỏi gợi mở</p>	<p>- Lắng nghe, ghi chép</p> <p>- Thảo luận nhóm</p>	

	<p>CVKS</p> <p>2. Thuốc chữa gút</p> <p>2.1. Colchicin</p> <p>2.1.1. Cơ chế tác dụng</p> <p>2.1.2. Độc tính</p> <p>2.1.3. Dược động học</p> <p>2.1.4. Chỉ định</p> <p>2.2. Probenecid</p> <p>2.3. Sulfinpyrazon</p> <p>2.4. Allopurinol</p> <p>2.4.1. Cơ chế tác dụng</p> <p>2.4.2. Độc tính</p> <p>2.4.3. Dược động học</p> <p>2.4.4. Chỉ định, liều lượng</p>						
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/10/0		CLO 2,6			
	Chuẩn bị các thông tin về thuốc giảm đau kháng viêm hạ sốt – trị gút.		- Thực hiện phân tích các đơn thuốc có tham gia của các thuốc trong bài.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 7: Thuốc chống động kinh						
7	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	3/0/0		CLO 4,5			A1.2.
	<p>1. Thuốc an thần chủ yếu</p> <p>1.1. Dẫn xuất phenothiazin và thioxanthen:</p> <p>Clopromazin</p> <p>1.1.1. Tác dụng dược lý</p> <p>1.1.2. Tương tác thuốc</p> <p>1.1.3. Cơ chế tác dụng</p> <p>1.1.4. Dược động học</p> <p>1.1.5. Tác dụng không mong muốn</p> <p>1.1.6. Áp dụng lâm sàng</p> <p>1.2. Dẫn xuất butyrophenol:</p> <p>Haloperidol</p> <p>1.2.1. Chỉ định</p> <p>1.2.2. Thận trọng</p> <p>1.2.3. Tác dụng không mong muốn</p> <p>1.2.4. Liều lượng</p>		<p>- Trình bày cơ chế tác dụng của thuốc chống động kinh.</p> <p>- Trình bày đặc điểm dược động học, tác dụng, cơ chế tác dụng, chỉ định, tác dụng không mong muốn, chống chỉ định và tương tác của các thuốc chống động kinh.</p>		<p>- Giải thích cụ thể</p> <p>- Giải quyết vấn đề</p> <p>- Câu hỏi gợi mở</p>	<p>- Lắng nghe, ghi chép</p> <p>- Thảo luận nhóm</p>	

	<p>1.3. Dẫn xuất benzamid: Sulpirid</p> <p>1.3.1. Tác dụng</p> <p>1.3.2. Chỉ định</p> <p>1.3.3. Tác dụng không mong muốn</p> <p>1.3.4. Chế phẩm và liều lượng</p> <p>1.4. Nhóm benzisoxazol: Risperidon</p> <p>2. Thuốc an thần thứ yếu</p> <p>3. Thuốc chống động kinh</p>						
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/10/0		CLO 4,5			
	Chuẩn bị các thông tin về thuốc chống động kinh		- Thực hiện phân tích các đơn thuốc có tham gia của các thuốc trong bài.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 8: Thuốc kích thích thần kinh trung ương						
8	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	3/0/0		CLO 5,3			A1.3
	<p>1. Đại cương</p> <p>2. Các thuốc tác động hệ kích thích thần kinh trung ương.</p> <p>2.1. Thuốc tác động ưu tiên trên vỏ não</p> <p>2.2. Thuốc tác dụng ưu tiên trên hành não</p> <p>2.3. Thuốc tác dụng ưu tiên trên tủy sống</p>		<p>- Phân loại các thuốc kích thích thần kinh trung ương</p> <p>- Trình bày đặc điểm dược động học, tác dụng, cơ chế tác dụng, chỉ định, tác dụng không mong muốn, chống chỉ định và tương tác của các thuốc kích thích thần kinh trung ương.</p>		<p>- Giải thích cụ thể</p> <p>- Giải quyết vấn đề</p> <p>- Câu hỏi gợi mở</p>	<p>- Lắng nghe, ghi chép</p> <p>- Thảo luận nhóm</p>	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/10/0		CLO 5,3			
	Chuẩn bị các thông tin về thuốc kích thích thần kinh trung ương		- Thực hiện phân tích các đơn thuốc có			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	

			tham gia của các thuốc trong bài.				
	Chương 9: Thuốc rối loạn tâm thần.						
9	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	3/0/0		CLO 6			A2
	1. Đại cương 2. Các thuốc tác động hệ rối loạn tâm thần.		- Trình bày đặc điểm dược động học, tác dụng, cơ chế tác dụng, chỉ định, tác dụng không mong muốn, chống chỉ định và tương tác của các thuốc rối loạn tâm thần.		-Giải thích cụ thể -Giải quyết vấn đề -Câu hỏi gợi mở	-Lắng nghe, ghi chép -Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/10/0		CLO 6			
	Chuẩn bị các thông tin về thuốc rối loạn tâm thần.		-Thực hiện phân tích các đơn thuốc có tham gia của các thuốc trong bài.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 10: Thuốc kích thích thần kinh trung ương						
10	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	3/0/0		CLO 4			
	1. Đại cương 2.Thuốc tác dụng trên hệ cholinergic. 2.1.Thuốc tác dụng trên hệ M. 2.2.Thuốc tác dụng trên hệ N. 2.3.Thuốc phong toả cholinesterase. 3.Thuốc tác dụng trên hệ adrenergic. 3.1.Thuốc cường hệ adrenergic. 3.2.Thuốc phong toả hệ adrenergic		- Trình bày được các cách phân loại thuốc trên hệ thống TKTV. - Giải thích được cơ chế, tác dụng và áp dụng lâm sàng của các thuốc tác dụng trên hệ cholinergic. - Giải thích được cơ chế, tác dụng và áp dụng lâm sàng của các thuốc tác dụng trên hệ		-Giải thích cụ thể -Giải quyết vấn đề -Câu hỏi gợi mở	-Lắng nghe, ghi chép -Thảo luận nhóm	

			adrenergic.				
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/10/0		CLO 4			
	Chuẩn bị các thông tin về thuốc hệ thần kinh thực vật.		- Thực hiện phân tích các đơn thuốc có tham gia của các thuốc trong bài.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
Theo lịch thi	FINAL EXAM			CLO 1,2,3, 4,5,6			A4

Phần thực hành:

	Bài thực hành số 1	5					
	Ảnh hưởng của đường đưa thuốc đến tác dụng của thuốc		- Chứng minh đường đưa thuốc ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc. - Tìm hiểu tác dụng đối lập giữa hai ion Ca^{2+} và Mg^{2+}		- Học theo tình huống - Đóng vai - Tranh luận	- Thảo luận nhóm - Phát biểu xây dựng bài	
	Bài thực hành số 2	5					
	Tác dụng hiệp đồng và đối lập của thuốc		- Chứng minh tác dụng hiệp đồng và đối lập của thuốc.		- Học theo tình huống - Đóng vai - Tranh luận	- Thảo luận nhóm - Phát biểu xây dựng bài	
	Bài thực hành số 3	5					
	Tác dụng gây tê dẫn truyền thần kinh của Procaine		Chứng minh tác dụng gây tê dẫn truyền thần kinh của procaine.		- Học theo tình huống - Đóng vai - Tranh luận	- Thảo luận nhóm - Phát biểu xây dựng bài	
	Bài thực hành số 4	5					
	Tác dụng của Adrenalin trên mạch ngoại vi		- Chứng minh tác dụng co mạch của adrenalin trên hệ mạch ngoại vi.		- Học theo tình huống - Đóng vai - Tranh luận	- Thảo luận nhóm - Phát biểu xây dựng bài	
	Bài thực hành số 5	5					
	Ảnh hưởng của pH dạ dày đến sự hấp thu thuốc		- Chứng minh pH dịch dạ dày ảnh hưởng đến sự hấp thu của thuốc.		- Học theo tình huống - Đóng vai	- Thảo luận nhóm - Phát biểu xây dựng bài	

					- Tranh luận		
	Bài thực hành số 6	5					
	Tác dụng giảm đau của Diclofenac		- Chứng minh tác dụng giảm đau ngoại vi của Diclofenac bằng phương pháp gây đau quận bằng acetic acid.		- Học theo tình huống - Đóng vai - Tranh luận	- Thảo luận nhóm - Phát biểu xây dựng bài	

(*) Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương.
- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR. Tham khảo các phương pháp giảng dạy trong CTĐT ngành Dược học.
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số....).

8. Học liệu:

Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	PGS.TS. Mai Tất Tố TS. Vũ Thị Trâm	2012	Dược lý 1,2	NXB Y học
Sách, giáo trình tham khảo				
2	GS.TS Đào Văn Phan	2018	Dược lý học	NXB Giáo dục Việt Nam

Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ web hữu ích cho HP

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Dược lý học	https://kienthucyhoc.info/pdf-duoc-ly-hoc-dai-hoc-y-ha-noi/	04/09/2019
2	Sách và phần mềm hướng dẫn sử dụng thuốc Drug Dose 2017	https://drive.google.com/open?id=0B1N57oQuY7MzWUhhMDBBb04tYVvk https://drive.google.com/open?id=0B1N57oQuY7MzZkJPuTVKMUoxYUU	04/09/2019

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

Bảng 9.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường	Lý thuyết và thực hành 308		Các bài trong chương trình
2		Máy chiếu + âm ly + micro		
3	Các thuốc, dụng cụ thực hành theo bài			
4	Bài 01	Thỏ cân nặng 1,5 đến 2kg	02	Ảnh hưởng của đường

				đưa thuốc đến tác dụng của thuốc
		Dung dịch MgSO ₄ 15%. Dung dịch CaCl ₂ 5%.		
		Bơm, kim tiêm	10	
		Găng tay	30	
		lồng nhốt thỏ	2	
		đồng hồ bấm giây	5	
5	Bài 02			Tác dụng hiệp đồng và đối lập của thuốc
		Chuột nhắt trắng	03	
		Dung dịch NaCl 0,9% Cafein 0,5%, Clopromazin 0,125%, Phenobarbital 10%		
		Bơm, kim tiêm	10	
		Găng tay	30	
		lồng nhốt chuột	1	
		đồng hồ bấm giây	5	
6	Bài 03			Tác dụng gây tê dẫn truyền thần kinh của Procaine
		Ếch	07	
		Novocain 1,0%.		
		bộ phẫu thuật động vật nhỏ	03	
		Bơm, kim tiêm	10	
		Găng tay	30	
		lồng nhốt chuột	1	
		đồng hồ bấm giây	5	
		Bông	0,5kg	
		Kéo	5	
		Giá đỡ	3	
7	Bài 04			Tác dụng của Adrenalin trên mạch ngoại vi
		Thỏ	01	
		Adrenalin 0,1%		
		Bơm, kim tiêm	10	
		Găng tay	30	
		lồng nhốt thỏ	2	
		đồng hồ bấm giây	5	
8	Bài 05			Ảnh hưởng của pH dạ dày đến sự hấp thu thuốc
		Chuột nhắt trắng	02	
		Dung dịch NaHCO ₃ 5,0%, HCl 1,0%, Strychnin sulfat 0,1%		
		Phễu thủy tinh	5	

		Bơm và kim cong đầu tù	10	
		Găng tay	30	
		lông nhót	1	
		đồng hồ bấm giây	5	
9	Bài 06			Tác dụng giảm đau của Diclofenac
		Dung dịch diclofenac 1,0%, Natri clorid 0,9%, Acid acetic 1,0%		
		Phễu thủy tinh	5	
		Bơm và kim cong đầu tù	10	
		Bơm và kim tiêm	10	
		Găng tay	30	
		lông nhót	1	
		đồng hồ bấm giây	5	

Bình Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2019

TRƯỞNG KHOA



TRƯƠNG THỊ NGỌC SƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Dược

Mã số: 7720201

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về HP

1.1 Mã học phần:	1.2 Tên học phần: DƯỢC LÝ 2
1.3 Ký hiệu học phần:	1.4 Tên tiếng Anh: Pharmacological 2
1.5 Số tín chỉ:	02
1.6 Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	45 tiết
- Thực hành	30 tiết
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	0 tiết
- Tự học:	90 tiết
1.7 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	DS. Nguyễn Thị Thu Thoa
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	DS. Nguyễn Thị Hằng
1.8 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Bệnh học, Hóa sinh, Hóa dược, Dược động học.
- Học phần học trước:	Không yêu cầu
- Học phần song hành:	Không yêu cầu

2. Mô tả học phần:

Môn học Dược lý cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tác dụng, cơ chế tác dụng, áp dụng lâm sàng, tác dụng không mong muốn của từng nhóm thuốc phân theo tác dụng sinh lý - bệnh lý - điều trị học. Từ những kiến thức cơ bản này sinh viên có thể kê đơn thuốc, sử dụng thuốc và theo dõi quá trình sử dụng thuốc an toàn, hợp lý.

3. Mục tiêu HP (Goals)

Mục tiêu	Mô tả (Goal description)	Chuẩn đầu ra
----------	--------------------------	--------------

(Goals)	(Học phần này trang bị cho sinh viên:)	CTĐT (PLOs)
G1	Phân tích được cơ chế tác dụng, đặc điểm tác dụng, áp dụng điều trị, độc tính và cách xử trí của các nhóm thuốc.	PLO1,2
G2	- Hướng dẫn được các đơn thuốc đúng nguyên tắc, đúng pháp lý, phù hợp chuyên môn. Hướng dẫn sử dụng đúng các thuốc theo dạng bào chế . - Áp dụng được kết quả một số thí nghiệm dược lý và nêu được các ứng dụng trên lâm sàng.	PLO1,2
G3	Nhận thức được tầm quan trọng của thuốc trong điều trị từ đó có thái độ nghiêm túc, cẩn trọng trong quá trình hướng dẫn và sử dụng thuốc.	PLO3,5

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes-CLOs)

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR của học phần (CLOs)	Mô tả CLOs (Sau khi học xong môn học này, người học có thể:)
CLO 1	- Trình bày và giải thích được cơ chế tác dụng, đặc điểm tác dụng của các nhóm thuốc.
CLO 2	- Trình bày được áp dụng điều trị của các thuốc đại diện trong từng nhóm.
CLO 3	- Phân tích được các tác dụng không mong muốn và độc tính của thuốc để biết cách phòng và xử trí.
CLO 4	- Hướng dẫn được các đơn thuốc đúng nguyên tắc, đúng pháp lý, phù hợp chuyên môn.
CLO 5	- Nhận dạng được và hướng dẫn sử dụng đúng các thuốc theo dạng bào chế .
CLO 6	- Phân tích được kết quả một số thí nghiệm dược lý và nêu được các ứng dụng trên lâm sàng.

5. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CĐR của chương trình (PLOs)

Mức độ đóng góp của CLO vào PLO được xác định cụ thể:

- L (Low) – CLO có đóng góp ít vào PLO
- M (Medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO
- H (High) – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích:

- Các mức H - Cao, M - Vừa, L - Thấp - phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (L) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(mức M) hay mức thuần thực (H).

Bảng 5.1. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Chuẩn đầu ra HP (CLOs)	Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
CLO1	x	x				x	x	x	x	x	x	x
CLO2	x	x				x	x	x	x	x	x	x
CLO3	x	x				x	x	x	x	x	x	x
CLO4	x	x				x	x	x	x	x	x	x
CLO5	x		x		x	x	x	x	x	x	x	x
CLO6	x		x		x	x	x	x	x	x	x	x
Tổng hợp												

6. Đánh giá HP

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP

H/phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric	Lquan đến CLO nào ở Bảng 5.1	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	10%	A1.1. Tuần 3: Bài đánh giá 1	30%		CLO 1,2	
		A1.2. Tuần 5: Bài đánh giá 2	30%		CLO 3	
		A1.3. Tuần 7: Bài đánh giá 3	40%		CLO 4	
A2. Kỹ năng	20%	Tuần 8: Khả năng phân tích được cơ chế các nhóm thuốc		R7	CLO 5,6	- GV cho SV phân tích 1 số tình huống cụ thể áp dụng trong bài học
A3. Đánh giá giữa kỳ	20%	Bài tập lớn: Sinh viên làm một bài tập lớn.		R3	CLO 4,5,6	- GV giao tình huống ngay từ đầu học phần.
A4. Đánh giá cuối kỳ	50%	Bài ktra cuối kỳ: Thi trắc nghiệm theo NHĐT.			CLO 1,2,3,4,5,6	

- (7) PP đánh giá đạt CĐR: Nêu tên các PP đánh giá sử dụng trong từng chương để đạt CĐR. Tham khảo các phương pháp đánh giá trong CTĐT ngành Dược học.

6.2. Chính sách đối với HP

- SV tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $>20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP

Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần

Tuần / (5 tiết/tuần)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/TH/T)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở Bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 Bảng 6.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Chương 1: Thuốc tim mạch – lợi tiểu						
1	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	4/0/0		CLO 1,2			
	1. Thuốc điều trị cơn đau thắt ngực 1.1 Loại chống cơn: nitrat và nitrit 1.2 Loại điều trị cứng cổ 1.3 Thuốc khác 2. Thuốc chống loạn nhịp tim 2.1 Điện sinh lý của hoạt động tim 2.2 Các cơ chế gây loạn nhịp tim 2.3 Phân loại các thuốc chống loạn nhịp tim 2.4 Các thuốc chống loạn nhịp tim 2.4.1 Quinidin 2.4.2 Disopyramid (Rythmodan) 2.4.3 Amid procainic 2.4.4 Lidocain 2.4.5 Mexiletin và tocainid 2.4.6 Phenyltoin		<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được mối liên quan giữa cấu trúc và dược động học của các thuốc tác động trên tim mạch và lợi tiểu. - Giải thích được cơ chế tác dụng, áp dụng lâm sàng của các thuốc tác động trên tim mạch và lợi tiểu. - Nhận thức được tầm quan trọng của việc sử dụng an toàn, hợp lý các thuốc tác động trên tim mạch và lợi tiểu. 		<ul style="list-style-type: none"> -Giải thích cụ thể -Giải quyết vấn đề -Câu hỏi gợi mở 	<ul style="list-style-type: none"> -Lắng nghe, ghi chép -Thảo luận nhóm 	

	3. Huyết áp và bệnh tăng huyết áp 4. Thuốc chặn kênh calci 4.1 Khái niệm về kênh calci 4.2 Vai trò sinh lý của Ca ⁺⁺ trên tim mạch 4.3 Các thuốc chặn kênh calci 5. Thuốc ức chế enzym chuyển angiotensin 5.1 Cơ chế tác dụng 5.2 Chỉ định 5.3 Tác dụng không mong muốn 5.4 Phân loại và dược động học					
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/5/0		CLO 1,2		
	Các thuốc hạ huyết áp khác - Clonidin - Hydralazin - Minoxidil - Natri nitroprussid		- Trình bày được các yếu tố liên quan đến dược động học và tương tác giữa các thuốc.		- Tự học - Học nhóm	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà
	Chương 2: Thuốc điều trị viêm loét dạ dày, tá tràng.					
2	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	4/0/0		CLO 2,3		
	1. Đại cương 2. Các thuốc kháng acid 2.1 Thuốc kháng acid có tác dụng toàn thân 2.2 Thuốc kháng acid có tác dụng tại chỗ 3. Thuốc làm giảm bài tiết HCl và pepsin của dạ dày 3.1 Thuốc kháng histamin H1		- Phân tích được ưu, nhược điểm của các thuốc antacid trong điều trị viêm loét dạ dày, tá tràng. - So sánh được cơ chế tác dụng, ác dụng và áp dụng lâm sàng của cá thuốc kháng histamin H ₂ và thuốc ức chế bơm H ⁺ /K ⁺ ATPase. - Nhận thức được		- Giải thích cụ thể - Giải quyết vấn đề - Câu hỏi gợi mở	- Lắng nghe, ghi chép - Thảo luận nhóm

	<p>3.2 Thuốc ức chế bơm H⁺/K⁺ ATPase</p> <p>4. Các phác đồ trong điều trị viêm loét dạ dày tá tràng</p> <p>4.1 Phác đồ 3 thuốc</p> <p>4.2 Phác đồ 4 thuốc</p>		tầm quan trọng của việc phối hợp các thuốc trong điều trị viêm loét dạ dày, tá tràng				
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/10/0		CLO 2,3			
	Những tương tác thuốc với các thuốc trong bài.		- Trình bày được những tương tác thuốc với các thuốc trong bài học.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 3: Thuốc tác động lên quá trình đông máu và tiêu fibrin. Thuốc thiếu máu						
3	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	4/0/0		CLO 3,2			A1.1
	<p>1. Đại cương</p> <p>2. Thuốc tiêu fibrin</p> <p>2.1. Urokinase</p> <p>2.2. Streptokinase</p> <p>2.3. Chất hoạt hóa plasminogen mô</p> <p>3. Thuốc chống tiêu fibrin</p> <p>3.1. Thuốc ức chế protease.</p> <p>3.2. Thuốc tổng hợp có tác dụng chống tiêu fibrin.</p> <p>4. Các thuốc chữa thiếu máu</p> <p>4.1. Acid folic</p> <p>4.1.1. Dược động học</p> <p>4.1.2. Vai trò</p> <p>4.1.3. Sự thiếu hụt</p> <p>4.1.4. Chỉ định</p> <p>4.1.5. Chế phẩm và liều lượng</p>		<p>- Trình bày được tác dụng và áp dụng lâm sàng của thuốc ức chế protease và thuốc tổng hợp có tác dụng chống tiêu fibrin.</p> <p>- So sánh được tác dụng và áp dụng lâm sàng của urokinase và streptokinase.</p> <p>- Trình bày được dược động học và áp dụng lâm sàng của acid folic trong điều trị thiếu máu.</p> <p>- Áp dụng được những hiểu biết về acid folic để đề ra hướng khắc phục thiếu máu do thiếu acid folic.</p> <p>- Nhận thức được tầm quan trọng của</p>		<p>- Giải thích cụ thể</p> <p>- Giải quyết vấn đề</p> <p>- Câu hỏi gợi mở</p>	<p>- Lắng nghe, ghi chép</p> <p>- Thảo luận nhóm</p>	

			việc sử dụng thuốc tiêu fibrin và thuốc chống tiêu fibrin trong điều trị.				
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO 3,2			
	Các thuốc chữa thiếu máu khác Erythropoietin Vitamin B63. Những tương tác thuốc với các thuốc trong bài.		- Trình bày được những tương tác thuốc với các thuốc trong bài học.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 4: Kháng Sinh						
4	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	8/0/0		CLO 4,5			
	<p>1. Đại cương thuốc kháng sinh .</p> <p>2. Các nhóm kháng sinh chính.</p> <p>2.1. Nhóm β lactamin.</p> <p>2.2. Nhóm aminoglycosid.</p> <p>2.3. Nhóm tetracyclin.</p> <p>2.4. Nhóm macrolid.</p> <p>2.5. Nhóm quinolon.</p> <p>2.6. Nhóm sulfamid.</p> <p>3. Nguyên tắc sử dụng và phối hợp kháng sinh.</p> <p>4. Kháng kháng sinh của vi khuẩn.</p> <p>5. Thuốc kháng virus</p> <p>5.1 Các thuốc kháng virus herpes.</p> <p>5.2 Các thuốc kháng HIV.</p> <p>6. Thuốc chống</p>		<p>- Phân tích được cơ chế, tác dụng, áp dụng trên lâm sàng của các thuốc đại diện cho các nhóm kháng sinh.</p> <p>- Phân tích được cơ chế tác dụng, áp dụng điều trị của thuốc kháng virus.</p> <p>- Phân tích được các nguyên nhân thất bại khi sử dụng kháng sinh.</p> <p>- Giải thích được cơ chế kháng kháng sinh của vi khuẩn.</p> <p>- Phân tích được cơ chế, tác dụng và áp dụng điều trị của các thuốc chống lao chính.</p> <p>- Nhận thức được tầm quan trọng của thuốc kháng sinh với thực hành nghề nghiệp</p>		<p>- Giải thích cụ thể</p> <p>- Giải quyết vấn đề</p> <p>- Câu hỏi gợi mở</p>	<p>- Lắng nghe, ghi chép</p> <p>- Thảo luận nhóm</p>	

	lao. 6.1. Đại cương. 6.2. Các thuốc chống lao. 6.3. Nguyên tắc sử dụng thuốc chống lao, kháng thuốc của vi khuẩn lao.						
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO 4,5			
	-So sánh đối chiếu các tương tác với các thuốc trong bài học.		- Thực hiện so sánh giữa các thuốc trong cùng nhóm điều trị.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 5: Thuốc Sốt rét						
5	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	3/0/0		CLO 5,3			A3
	1. Đại cương 2. Các thuốc điều trị sốt rét 2.1. Cloroquin 2.2. Fansidar 2.3. Artemisinin và dẫn xuất 3. Ký sinh trùng sốt rét kháng thuốc.		- Phân tích được tác dụng, cơ chế tác dụng của cloroquin, fansidar, artemisinin. - Phân tích được cơ chế kháng thuốc của kí sinh trùng kháng cloroquin và ký sinh trùng kháng fansidar. - Nhận thức được tầm quan trọng của thuốc điều trị sốt rét.		-Giải thích cụ thể -Giải quyết vấn đề -Câu hỏi gợi mở	-Lắng nghe, ghi chép -Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/10/0		CLO 5,3			
	Chuẩn bị các thông tin về thuốc sốt rét và phác đồ phòng và điều trị sốt rét.		- Thực hiện phân tích các đơn thuốc có tham gia của các thuốc trong bài.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 6: Thuốc điều trị lỵ amip – giun sán						
6	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	3/0/0		CLO 6,4			A1.2
	1. Thuốc chống amip		- Trình bày được tác dụng, cơ chế tác		-Giải thích cụ	-Lắng nghe, ghi	

	<p>1.1 Thuốc diệt amip ở mô</p> <p>1.2 Thuốc diệt amip trong lòng ruột</p> <p>1.3 Hướng dẫn điều trị bệnh do amip</p> <p>2. Thuốc chống giun</p> <p>2.1 Mebendazol</p> <p>2.2 Albendazol</p> <p>2.2 Thiabendazol</p> <p>3. Thuốc chống sán</p> <p>3.1 Niclosamid</p> <p>3.2 Praziquantel</p> <p>3.3 Metrifonat</p>		<p>dụng và áp dụng điều trị của các thuốc chống giun, sán.</p> <p>- Phân tích được cơ chế, áp dụng lâm sàng của các thuốc điều trị lý amip metronidazol.</p> <p>- Nhận thức được tầm quan trọng của việc sử dụng an toàn, hợp lý các thuốc chống giun, sán, amip, trùng roi.</p>		<p>thẻ</p> <p>-Giải quyết vấn đề</p> <p>-Câu hỏi gợi mở</p>	<p>chép</p> <p>-Thảo luận nhóm</p>	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/10/0		CLO 6,4			
	Chuẩn bị các thông tin về thuốc trong bài học.		-Thực hiện phân tích các đơn thuốc có tham gia của các thuốc trong bài.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 7: Thuốc kháng Histamin						
7	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	4/0/0		CLO 3,4			A1.2.
	<p>1. Đại cương</p> <p>2. Dược động học</p> <p>3. Tác dụng và cơ chế</p> <p>4. Chỉ định, chống chỉ định</p> <p>5. Tác dụng không mong muốn</p> <p>6. Tương tác thuốc</p> <p>7. Các thuốc trong nhóm</p> <p>7.1. Diphenhydramin</p> <p>7.2. Loratadin</p>		<p>- Trình bày được cơ chế và áp dụng lâm sàng của các thuốc kháng histamin H₁.</p> <p>- So sánh được ưu, nhược điểm giữa thuốc kháng histamin H₁ thế hệ 1 và thế hệ 2.</p> <p>- Nhận thức được tầm quan trọng của các thuốc kháng histamin H₁.</p>		<p>-Giải thích cụ thể</p> <p>-Giải quyết vấn đề</p> <p>-Câu hỏi gợi mở</p>	<p>-Lắng nghe, ghi chép</p> <p>-Thảo luận nhóm</p>	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/10/0		CLO 3,4			
	Chuẩn bị các thông tin về thuốc Kháng Histamin		-Thực hiện phân tích các đơn thuốc có tham gia của các			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	

			thuốc trong bài.				
	Chương 8: Hormon						
8	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO 4,5			A1.3
	<p>1.Đại cương.</p> <p>2.Hormon có cấu trúc steroid.</p> <p>2.1.Hormon tuyến vỏ thượng thận.</p> <p>2.2.Hormon sinh dục.</p> <p>2.3.Thuốc tránh thai.</p> <p>3. Kháng hormon</p> <p>3.1.Thuốc kháng giáp trạng tổng hợp.</p> <p>3.2. Thuốc kháng androgen.</p> <p>3.3. Thuốc kháng estrogen.</p>		<p>- Trình bày được cách phân loại hormon.</p> <p>- Phân tích được cơ chế, tác dụng và áp dụng trên lâm sàng của các hormon sinh dục và hormon vỏ thượng thận.</p> <p>- Phân tích được cơ sở của các tác dụng phụ khi sử dụng glucocorticoid.</p> <p>- Phân tích được tác dụng và áp dụng lâm sàng của các kháng hormon.</p> <p>- Nhận thức được tầm quan trọng của hormon và thuốc điều hòa hormon trong điều trị.</p>		<p>-Giải thích cụ thể</p> <p>-Giải quyết vấn đề</p> <p>-Câu hỏi gợi mở</p>	<p>-Lắng nghe, ghi chép</p> <p>-Thảo luận nhóm</p>	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/10/0		CLO 4,5			
	Chuẩn bị các thông tin về thuốc hormon		-Thực hiện phân tích các đơn thuốc có tham gia của các thuốc trong bài.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 9: Vitamin						
9	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	3/0/0		CLO 6,2			A2
	<p>1. Đại cương</p> <p>2. Vitamin tan trong dầu</p> <p>2.1. Vitamin E</p> <p>2.2. Vitamin K</p> <p>2.3. Vitamin A</p> <p>2.4. Vitamin D</p> <p>3. Vitamin tan trong nước</p> <p>3.1. Vitamin C</p> <p>3.2. Vitamin PP</p> <p>3.3. Vitamin nhóm</p>		<p>- Phân tích được tác dụng, cơ chế tác dụng và áp dụng lâm sàng của một số loại vitamin.</p> <p>- Nhận thức được tầm quan trọng của các loại vitamin trong điều trị.</p>		<p>-Giải thích cụ thể</p> <p>-Giải quyết vấn đề</p> <p>-Câu hỏi gợi mở</p>	<p>-Lắng nghe, ghi chép</p> <p>-Thảo luận nhóm</p>	

	B						
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/10/0		CLO 6,2			
	Chuẩn bị các thông tin về thuốc Vitamin		- Thực hiện phân tích các đơn thuốc có tham gia của các thuốc trong bài.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 10: Thuốc hạ Lipid máu – ung thư						
10	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	4/0/0		CLO 4,3			
	<p>1. Đại cương Lipid máu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấu trúc và phân loại - Tăng lipoprotein máu và phân loại sự tăng lipoprotein máu - Phân loại và cơ chế tác dụng của thuốc hạ lipoprotein máu <p>2. Nguyên tắc điều trị tăng lipoprotein</p> <p>3. Thuốc ảnh hưởng đến hấp thu và thải trừ lipid</p> <p>3.1. Cholestyramin</p> <p>3.2. Colestipol</p> <p>3.3. Neomycin</p> <p>4. Thuốc ảnh hưởng đến hấp thu và thải trừ lipid</p> <p>4.1. Acid nicotinic</p> <p>4.2. Dẫn xuất acid fibric</p> <p>4.3. Dẫn xuất statin</p> <p>4.4. Probucol</p> <p>4.5. D-Thyroxin</p> <p>4.6. Các acid béo không họ omega 3</p> <p>4.7. Một số thuốc hạ lipoprotein mới</p> <p>5. Đại cương ung thư</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được cách phân loại thuốc điều chỉnh rối loạn lipoprotein máu - Phân tích được cơ chế tác dụng và áp dụng lâm sàng của thuốc hạ lipoprotein máu. - Trình bày được cách phân loại, nguyên tắc sử dụng và tác dụng không mong muốn của các thuốc điều trị ung thư. - Phân tích được cơ chế tác dụng, áp dụng lâm sàng của các thuốc điều trị ung thư. - Nhận thức được tầm quan trọng của các thuốc điều trị ung thư, thuốc hạ lipoprotein máu. 		<ul style="list-style-type: none"> - Giải thích cụ thể - Giải quyết vấn đề - Câu hỏi gợi mở 	<ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe, ghi chép - Thảo luận nhóm 	

	<p>6. Các thuốc chống ung thư</p> <p>6.1. Nhóm alkyl hóa</p> <p>6.2. Các thuốc kháng chuyển hóa</p> <p>6.3. Thuốc chống ung thư nguồn gốc tự nhiên, hormon và enzym</p> <p>6.4. Kháng sinh chống ung thư</p> <p>6.5. Các chất ức chế tyrosin kinase</p> <p>6.6. Các chất chống ung thư khác</p> <p>6.7. Các chất ức chế tân tạo mạch</p> <p>7. Nguyên tắc và cách dùng thuốc chống ung thư.</p>						
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/10/0		CLO 4,3			
	Chuẩn bị các thông tin về thuốc Lipid máu và ung thư		- Thực hiện phân tích các đơn thuốc có tham gia của các thuốc trong bài.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 11: Ngộ độc cấp và điều trị ngộ độc cấp.						
11	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	3/0/0		CLO 4,5			
	<p>1. Loại trừ chất độc ra khỏi cơ thể</p> <ul style="list-style-type: none"> - Qua đường tiêu hóa - Qua đường hô hấp - Qua đường tiết niệu <p>2. Trung hòa chất độc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các chất tương kỵ hóa học tại dạ dày - Các chất tương kỵ hóa học dùng 		<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được các nguyên tắc xử trí ngộ độc thuốc cấp tính. - Phân tích được nguyên tắc xử trí ngộ độc thuốc cấp tính bằng các chất có tác dụng đối kháng dược lý đặc hiệu. - Nhận thức được tầm quan trọng của việc sử dụng thuốc an toàn và hợp lý. 		<ul style="list-style-type: none"> - Giải thích cụ thể - Giải quyết vấn đề - Câu hỏi gợi mở 	<ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe, ghi chép - Thảo luận nhóm 	

	đường toàn thân - Sử dụng các thuốc đối kháng dược lý đặc hiệu 3. Điều trị triệu chứng và hồi sức cho người bệnh - Áp dụng đối kháng sinh lý - Hồi sức cho người bệnh - Công tác chăm sóc cho người bệnh - Bảng kê một số thuốc thường gây ngộ độc và cách điều trị.						
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/10/0		CLO 4,5			
	Chuẩn bị các thông tin về ngộ độc thuốc và cách xử trí.		- Thực hiện phân tích các tình huống ngộ độc thuốc.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
Theo lịch thi	FINAL EXAM			CLO 1,2,3, 4,5,6			A4

Phần thực hành:

	Bài thực hành số 1	5					
	Vị trí tác dụng của strychnin trên tủy sống		Chứng minh tác dụng chọn lọc của strychnin trên tủy sống.		- Học theo tình huống - Đóng vai - Tranh luận	- Thảo luận nhóm - Phát biểu xây dựng bài	
	Bài thực hành số 2	5					
	Tác dụng lợi niệu của furosemid		Chứng minh tác dụng lợi niệu của furosemid.		- Học theo tình huống - Đóng vai - Tranh luận	- Thảo luận nhóm - Phát biểu xây dựng bài	
	Bài thực hành số 3	5					
	Tác dụng của heparin sodium		- Chứng minh tác dụng chống đông		- Học theo tình huống	- Thảo luận nhóm	

	trên quá trình đông máu		của heparin sodium.		-Đóng vai -Tranh luận	-Phát biểu xây dựng bài	
	Bài thực hành số 4	5					
	Tác dụng của thuốc lên đồng tử mắt		Chứng minh tác dụng của atropin sulfat và physostigmin trên đồng tử mắt thỏ và tính đối kháng của 2 thuốc trên.		-Học theo tình huống -Đóng vai -Tranh luận	-Thảo luận nhóm -Phát biểu xây dựng bài	
	Bài thực hành số 5	5					
	Nhận diện vỏ thuốc		Nhận biết được tên thuốc, các dạng thuốc, nồng độ, hàm lượng, cơ chế tác dụng, chỉ định, chống chỉ định và cách dùng của từng loại thuốc.		-Học theo tình huống -Đóng vai -Tranh luận	-Thảo luận nhóm -Phát biểu xây dựng bài	
	Bài thực hành số 6	5					
	Thảo luận chuyên đề đái tháo đường		- Tìm hiểu những vấn đề liên quan đến các nhóm thuốc trong điều trị ĐTĐ: cơ chế, chỉ định, tác dụng không mong muốn, chống chỉ định, tần suất sử dụng của từng nhóm thuốc, sử dụng đơn độc hay phối hợp.		-Học theo tình huống -Đóng vai -Tranh luận	-Thảo luận nhóm -Phát biểu xây dựng bài	

(*) Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương.
- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR. Tham khảo các phương pháp giảng dạy trong CTĐT ngành Dược học.
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số....).

8. Học liệu:

Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
	Giáo trình chính			

1	PGS.TS. Mai Tất Tố TS. Vũ Thị Trâm	2012	Dược lý 1,2	NXB Y học
Sách, giáo trình tham khảo				
2	GS.TS Đào Văn Phan	2018	Dược lý học	NXB Giáo dục Việt Nam

Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ web hữu ích cho HP

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Dược lý học	https://kienthucyhoc.info/pdf-duoc-ly-hoc-dai-hoc-y-ha-noi/	04/09/2019
2	Sách và phần mềm hướng dẫn sử dụng thuốc Drug Dose 2017	https://drive.google.com/open?id=0B1N57oQuY7MzWUhhMDBBb04tYVvk https://drive.google.com/open?id=0B1N57oQuY7MzZkJPuTVKMUoxYUU	04/09/2019

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

Bảng 9.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường	Lý thuyết và thực hành 308		Các bài trong chương trình
2		Máy chiếu + âm ly + micro		
3	Các thuốc, dụng cụ thực hành theo bài			
4	Bài 01			Vị trí tác dụng của strychnin trên tủy sống
		Ếch	05	
		Strychnin sulfat 0,1%.		
		bộ phẫu thuật động vật nhỏ	3	
		bàn mổ ếch	3	
		bơm – kim tiêm các loại	10	
		kim chọc tủy	5	
		lồng nhốt ếch	1	
		đồng hồ bấm giây	5	
		bông	0,5Kg	
		kim chỉ khâu	10	
5	Bài 02			Tác dụng lợi niệu của furosemid
		Thỏ	02	
		dung dịch furosemid 0,1%.		

		bơm – kim tiêm các loại	10	
		đồng hồ bấm giây	5	
		lồng nhốt thỏ	2	
		khay đựng nước tiểu	2	
		bộ phẫu thuật động vật nhỏ	2	
		cannula thủy tinh	2	
6	Bài 03			Tác dụng của heparin sodium trên quá trình đông máu
		Thỏ	02	
		heparin sodium 1000 IU/ml		
		bơm kim tiêm các loại	10	
		lam kính thủy tinh	20	
		chuồng nhốt thỏ	02	
		đồng hồ bấm giây	05	
7	Bài 04			Tác dụng của thuốc lên đồng tử mắt
		Thỏ	02	
		Dung dịch atropin sulfat 1.0%. physostigmin salicylat (eserin) 1.0%, natri clorid 0.9%.		
		bơm kim tiêm các loại	10	
		chuồng nhốt thỏ	02	
		đồng hồ bấm giây	05	
8	Bài 05			Nhận diện vỏ thuốc
		Các loại vỏ thuốc trong nội dung chương trình		
9	Bài 06			Thảo luận chuyên đề đái tháo đường
		- Biguanid – SGLT 2 - Sulfonylurea – pramlintide - Đồng vận GLP 1 - ức chế α - glucosidase - ức chế DPP 4 – TZD - Insulin - glinide		

Bình Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2019

TRƯỞNG KHOA

TRƯƠNG THỊ NGỌC SƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: DƯỢC

Mã số: 7720201

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về HP

1.1 Mã học phần:	1.2 Tên học phần: DƯỢC LÂM SÀNG 1
1.3 Ký hiệu học phần:	1.4 Tên tiếng Anh: CLINICAL PHARMACY 1
1.5 Số tín chỉ:	02
1.6 Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	30 tiết
- Thực hành:	0
- Tự học:	60 tiết
1.7 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	..
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	..
1.8 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không có
- Học phần học trước:	Dược động học, dược lý 1 và dược lý 2
- Học phần song hành:	Không yêu cầu

2. Mô tả học phần:

Môn học Dược lâm sàng cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản liên quan đến quá trình sử dụng thuốc như: dược động học, phản ứng có hại của thuốc, dị ứng thuốc, độc tính của thuốc, tương tác thuốc. Sinh viên còn được cung cấp những kiến thức để nguyên tắc sử dụng sử dụng NSAIDs, glucocorticoid, kháng sinh và vai trò của hoạt động thông tin thuốc và ADR

3. Mục tiêu HP (Goals)

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)
G1	Kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực dược lâm sàng để thực hiện công tác sử dụng và điều trị đạt hiệu quả cao nhất	PLO1,2
G2	Khả năng phân tích các vấn đề về ca lâm sàng ở bệnh viện	PLO3
G3	Kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp và khả năng tìm tài liệu cập nhật thông tin chuyên ngành dược lâm sàng	PLO5,7
G4	Khả năng nghiên cứu và đào tạo nhân viên y tế trong lĩnh vực dược lâm sàng	PLO6

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes-CLOs)

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR của học phần (CLOs)	Mô tả CLOs (Sau khi học xong môn học này, người học có thể:)
CLO 1	Trình bày được các khái niệm về dược động học, dược lực học, tương tác thuốc, phản ứng có hại của thuốc, dị ứng thuốc
CLO 2	Liệt kê cách sử dụng thuốc cho từng đối tượng người bệnh
CLO 3	Phân tích đơn thuốc
CLO 4	Tra cứu và cập nhật thông tin về thuốc
CLO 5	Có khả năng làm việc theo nhóm, tư duy, giải quyết vấn đề
CLO 6	Hình thành ý thức học tập và làm việc tập trung cao
CLO 7	Nhận thức được tầm quan trọng trong công tác dược lâm sàng

5. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CĐR của chương trình (PLOs)

Mức độ đóng góp của CLO vào PLO được xác định cụ thể:

L (Low) – CLO có đóng góp ít vào PLO

M (Medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO

H (High) – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích: H - Cao, M - Vừa, L - Thấp - phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (L) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(mức M) hay mức thuần thục (H)

Bảng 5.1. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Chuẩn đầu ra HP (CLOs)	Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
CLO1	x	x				x			x	x	x	
CLO2	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x
CLO3			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
CLO4	x	x	x	x				x	x			x
CLO5		x						x			x	
CLO6	x		x				x				x	
CLO7	x						x			x		x
Tổng hợp	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

6. Đánh giá HP

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP

H/phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric	Lquan đến CLO nào ở Bảng 5.1	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	10%	- A1.1. Tuần 2: Đơn thuốc 1	30%		CLO 2,6	
		A1.2. Tuần 3: -Đơn thuốc 2	30%		CLO 1,4	
		A1.3. Tuần 4: Đơn thuốc 3	40%		CLO 3,7	
A2. Kỹ năng	20%	Tuần 5: Tra cứu thông tin thuốc		R2, R1	CLO 1,2,5,6	GV giao đề tài cho từng SV ngay từ đầu HP.
A3. Đánh giá giữa kỳ	20%	Lý thuyết: Làm bài kiểm tra giữa kỳ			CLO 4	

A4. Đánh giá cuối kỳ	50%	Bài ktra cuối kỳ: Thi trắc nghiệm			CLO 1,2,3,4	
----------------------	-----	-----------------------------------	--	--	-------------	--

6.2. Chính sách đối với HP

- SV tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $>20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP

Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần

Tuần / (5 tiết/tuần)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/TH/TH)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở Bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 Bảng 6.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Chương 1: Dược động học lâm sàng						
1	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	6/0/0		CLO1			
	Mở đầu 1.1 Các thông số dược động cơ bản 1.2 Sự thay đổi thông số dược động học khi suy giảm chức năng gan – thận 1.3 Sử dụng thuốc ở bệnh nhân suy giảm chức năng thận		-Trình bày được định nghĩa, công thức và ý nghĩa trong điều trị của 4 thông số dược động học cơ bản - Trình bày được ảnh hưởng của sự suy giảm chức năng thận đến các thông số dược động - Liệt kê các bước tiến hành hiệu chỉnh liều ở bệnh nhân suy thận		-Giải thích cụ thể -Giải quyết vấn đề -Đặt câu hỏi gợi mở	-Làm bài tập số 1 -Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	12/0/0		CLO1,2			
	1.4. Sử dụng thuốc ở bệnh nhân suy giảm chức năng gan		Trình bày được ảnh hưởng của sự suy giảm chức năng gan đến các thông số dược động		-Tự học -Học nhóm	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 2: Dạng thuốc và đường						

	dùng						
2	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2/0/0		CLO2 ,6			A1.1
	2.1. Đại cương về dạng thuốc 2.2 Đường dùng và cách lựa chọn dạng thuốc		- Trình bày được khái niệm chung về dạng thuốc về thành phần, phân loại và quá trình sinh dược học - Trình bày được đặc điểm của đường dùng thuốc và các dạng hay dùng		- Giải thích cụ thể - Giải quyết vấn đề - Đặt câu hỏi gợi mở	- Làm đơn thuốc 1 - Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	4/0/0		CLO2			
	2.3. Đưa thuốc qua đường âm đạo và tử cung 2.6 Đưa thuốc qua đường da		- Trình bày được đặc điểm dùng thuốc qua đường âm đạo và đường da - Nêu được các dạng bào chế dùng cho da.		- Tự học - Học nhóm	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 3: Phản ứng có hại của thuốc và cảnh giác dược						
3	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	4/0/0		CLO3 ,4			A.1.2
	3.1. Phản ứng có hại của thuốc 3.2. Cảnh giác dược		- Trình bày được định nghĩa và các cách phân loại ADR - Trình bày được nguyên nhân và các yếu tố ảnh hưởng của ADR - Trình bày được định nghĩa và các lĩnh vực ưu tiên của cảnh giác dược		- Giải thích cụ thể - Giải quyết vấn đề - Đặt câu hỏi gợi mở	- Làm đơn thuốc 2 - Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/5/0		CLO4			

	3.3. Một số phương pháp thu thập thông tin an toàn trong cảnh giác được		- Trình bày được ưu điểm, nhược điểm của hệ thống báo cáo tự nguyện		- Tự học - Học nhóm	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 4. Tương tác thuốc						
4	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	4/0/0		CLO1,4			
	4.1. Tương tác thuốc – thuốc 4.2. Tương tác thuốc – thực phẩm 4.3. Một số giải pháp hạn chế tương tác bất lợi		- Trình bày được tương tác thuốc theo cơ chế được động qua 4 giai đoạn - Trình bày được một số giải pháp làm hạn chế tương tác thuốc bất lợi		- Giải thích cụ thể - Giải quyết vấn đề - Đặt câu hỏi gợi mở	- Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	8/0/0		CLO4			
	- Phân tích các tình huống lâm sàng		- Giải thích được vấn đề tương tác trong điều trị		- Tự học - Học nhóm	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 5: Hóa sinh lâm sàng trong thực hành được lâm sàng						
5	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	6/0/0		CLO3			A.1.3
	5.1. Bệnh đái tháo đường – các xét nghiệm chẩn đoán và theo dõi 5.2 Lipid, lipoprotein – Nguy cơ bệnh mạch vành và xơ vữa động mạch 5.3. Nhồi máu cơ tim- Các xét nghiệm chuẩn đoán và theo dõi 5.4 Hóa sinh lâm sàng bệnh gan mật		- Phân tích được ý nghĩa của xét nghiệm hóa sinh thường dùng liên quan đến một số bệnh		- Giải thích cụ thể - Giải quyết vấn đề - Đặt câu hỏi gợi mở	- Làm đơn số 3 - Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	12/0/0		CLO5			

	5.5.Đảm bảo chất lượng các phòng xét nghiệm hóa sinh		-Đảm bảo tính chính xác cho kết quả xét nghiệm		- Tự học - Học nhóm	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 6: Sử dụng thuốc cho các đối tượng đặc biệt						
6	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2/0/0		CLO4			
	6.1. Sử dụng thuốc ở phụ nữ có thai 6.2 Sử dụng thuốc ở phụ nữ cho con bú 6.3 Sử dụng thuốc trong điều trị cho trẻ em 6.4 Sử dụng thuốc cho người cao tuổi		- Phân tích được ảnh hưởng của thuốc đối với thai nhi và trẻ sơ sinh khi sử dụng cho phụ nữ có thai - Liệt kê những khác biệt về dược động học của thuốc ở trẻ em, người cao tuổi		- Giải thích cụ thể - Giải quyết vấn đề - Đặt câu hỏi gợi mở	- Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	6/0/0		CLO1			
	6.5. Những tình trạng bệnh lý ở người cao tuổi ảnh hưởng đến sử dụng thuốc		- Liệt kê được những bệnh lý có ảnh hưởng đến sử dụng thuốc ở người cao tuổi		- Tự học - Học nhóm	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 7. Dị ứng thuốc						
7	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	3/0/0		CLO3			A.3
	7.1.Đáp ứng miễn dịch 7.2. Dị ứng thuốc 7.3 Biểu hiện lâm sàng các loại dị ứng 7.4 Phòng ngừa và điều trị		- Trình bày khái niệm về dị ứng thuốc - Trình bày được các loại dị ứng - Trình bày cách phòng ngừa và điều trị		- Giải thích cụ thể - Giải quyết vấn đề - Đặt câu hỏi gợi mở	- Phân tích ca lâm sàng - Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	6/0/0		CLO2			
	7.5. Dị ứng chéo		- Phân tích được nguyên tắc khi sử dụng thuốc		- Tự học - Học nhóm	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 8. Thông		-				

4	Bộ Y Tế	2012	Dược thư quốc gia Việt Nam	Bộ Y tế		
	tin thuốc					
8	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	3/0/0		CLO3		A.2
	8.1. Ý nghĩa của việc cung cấp thông tin thuốc 8.2. Phân loại thông tin thuốc 8.3 Các nguồn thông tin thuốc		- Trình bày được ý nghĩa của việc cung cấp thông tin thuốc - Phân loại thông tin thuốc - Trình bày được các nguồn thông tin thuốc		- Giải thích cụ thể - Giải quyết vấn đề Đặt câu hỏi gợi mở	Thảo luận nhóm
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	6/0/0	-	CLO2		
	8.4. Chiến lược thông tin thuốc 8.5. Các kỹ năng thông tin thuốc		- Áp dụng được cách tìm thông tin thuốc		- Tự học - Học nhóm	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà
Theo lịch thi	FINAL EXAM			CLO1,2,3,4		A4
	Lý thuyết		Thực hiện theo ngân hàng đề thi			

(*) Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương.
- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR. Tham khảo các phương pháp giảng dạy trong CTĐT ngành Dược học.
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số....).

8. Học liệu:

Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	Bộ môn Dược lý – Dược lâm sàng	2018	Dược lâm sàng 1	ĐH KT KT Bình Dương
Sách, giáo trình tham khảo				
2	Bộ môn Dược Lâm sàng - ĐH Dược Hà Nội	2019	Dược lâm sàng đại cương	NXB Y học
3	Bộ Y Tế	2012	Dược thư quốc gia Việt Nam	Bộ Y tế

Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ web hữu ích cho HP

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1			
2			

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

Bảng 9.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	1 Giảng đường	Bảng lớn 01	01	Tất cả bài trong học phần
2		Máy chiếu 01	01	
3		Phương tiện tăng âm 01	01	

Bình Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2019

TRƯỞNG KHOA



TRƯƠNG THỊ NGỌC SƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: DƯỢC

Mã số: 7720201

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về HP

1.1 Mã học phần:	1.2 Tên học phần: DƯỢC LÂM SÀNG
1.3 Ký hiệu học phần:	1.4 Tên tiếng Anh: CLINICAL PHARMACY 2
1.5 Số tín chỉ:	03
1.6 Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	30 tiết
- Thực hành:	30
- Tự học:	90 tiết
1.7 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	..
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	..
1.8 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Dược lâm sàng 1
- Học phần học trước:	Dược động học, dược lý 1 và 2
- Học phần song hành:	Không yêu cầu

2. Mô tả học phần:

Môn học Dược lâm sàng 2 cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các nguyên tắc lựa chọn thuốc và phối hợp thuốc trong điều trị đối với một số bệnh lý thường gặp như hen suyễn, gout, huyết khối, Alzheimer, đái tháo đường, suy tim, rối loạn lipid huyết, tăng huyết áp, viêm loét dạ dày - tá tràng. Ngoài ra sinh viên còn được thực hành phân tích một số ca lâm sàng trong một số bệnh như tim mạch, tiêu hoá, hô hấp, nội tiết, thần kinh, cơ xương khớp.

3. Mục tiêu HP (Goals)

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)
G1	Kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực dược lâm sàng để thực hiện công tác sử dụng và điều trị đạt hiệu quả cao nhất	PLO1,2
G2	Khả năng phân tích các vấn đề về ca lâm sàng ở bệnh viện	PLO3
G3	Kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp và khả năng tìm tài liệu cập nhật thông tin chuyên ngành dược lâm sàng	PLO5,7
G4	Khả năng nghiên cứu và đào tạo nhân viên y tế trong lĩnh vực dược lâm sàng	PLO6

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes-CLOs)

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR của học phần (CLOs)	Mô tả CLOs (Sau khi học xong môn học này, người học có thể:)
CLO 1	Trình bày được các triệu chứng lâm sàng các bệnh thường gặp tại hệ cơ quan thần kinh, hô hấp, tuần hoàn, tiêu hóa, thận-tiết niệu.
CLO 2	Nhận biết các triệu chứng cơ bản một số bệnh thường gặp như hen phế quản, tăng huyết áp, đái tháo đường, loét dạ dày, tiêu chảy, Alzheimer
CLO 3	Trình bày phác đồ điều trị cơ bản một số bệnh thường gặp
CLO 4	Trình bày được cách sử dụng thuốc cho từng bệnh
CLO 5	Tra cứu và cập nhật thông tin về thuốc
CLO 6	Có khả năng làm việc theo nhóm, tư duy, giải quyết vấn đề
CLO 7	Hình thành ý thức học tập và làm việc tập trung cao
CLO 8	Nhận thức được tầm quan trọng trong công tác bào chế thuốc

5. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CĐR của chương trình (PLOs)

Mức độ đóng góp của CLO vào PLO được xác định cụ thể:

L (Low) – CLO có đóng góp ít vào PLO

M (Medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO

H (High) – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích: *H – Cao, M – Vừa, L – Thấp* – phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (*L*) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ... (mức *M*) hay mức thuần thục (*H*)

Bảng 5.1. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CĐR của chương trình (PLOs)

Chuẩn đầu ra HP (CLOs)	Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12

CLO1	x	x		x		x				x		
CLO2	x	x	x	x	x		x		x	x		x
CLO3			x			x			x		x	
CLO4	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		
CLO5		x			x			x		x	x	
CLO6	x		x				x					
CLO7	x						x			x		x
CLO 8	x			x			x		x		x	x
Tổng hợp	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

6. Đánh giá HP

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP

H/phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric	Lquan đến CLO nào ở Bảng 5.1	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	10%	- A1.1. Tuần 3: phân tích ca lâm sàng 1	30%		CLO 2,6	
		A1.2. Tuần 6: -Phân tích ca lâm sàng 2	30%		CLO 1,4,5	
		A1.3. Tuần 8: Phân tích ca lâm sàng 3	40%		CLO 3,7	
A2. Kỹ năng	20%	Tuần 9: Tìm hiểu Phác đồ điều trị bệnh		R2, R1	CLO 1,2,5,6	GV giao đề tài cho từng SV ngay từ đầu HP.
A3. Đánh giá giữa kỳ	20%	Lý thuyết: Bài tập lớn: Làm bài kiểm tra giữa kỳ			CLO 4,8	

	20%	Thực hành		R10		- Dựa vào kết quả từng buổi
A4. Đánh giá cuối kỳ	50%	Bài ktra cuối kỳ: Thi trắc nghiệm			CLO 1,2,3,4	

6.2. Chính sách đối với HP

- SV tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $>20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.
- Thực hành sinh viên tham dự tất cả các buổi thực hành là điều kiện bắt buộc để ra điểm giữa kỳ và cuối kỳ

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP

Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần

Tuần / (5 tiết/tuần)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/TH/TH)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở Bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 Bảng 6.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	CHƯƠNG 1. SỬ DỤNG THUỐC TRONG ĐIỀU TRỊ HEN SUYỄN						
1	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2/0/0		CLO1,2,3			
	Mở đầu 1.4 Vài nét về bệnh Hen phế quản 1.5 Điều trị 1.6 Giáo dục và tư vấn cho bệnh nhân hen suyễn		-Trình bày được mục tiêu điều trị của hen suyễn - Trình bày được những nội dung cần tư vấn trong sử dụng thuốc điều trị hen suyễn		-Giải thích cụ thể -Giải quyết vấn đề -Đặt câu hỏi gợi mở	-Tìm hiểu các triệu chứng cơ bản của bệnh Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	4/0/0		CLO1,2			
	1.4. Kiểm soát hen ở một số đối tượng bệnh nhân đặc biệt		-Trình bày được tình trạng bệnh ở đối tượng đặc biệt này		-Tự học -Học nhóm	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 2: SỬ DỤNG THUỐC						

	TRONG ĐIỀU TRỊ GOUT						
2	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2/0/0		CLO2,6			A1.1
	Mở đầu 2.1 Về bệnh Gout 2.2 Phân loại bệnh Gout 2.3 Chuẩn đoán 2.4 Điều trị		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, phân loại bệnh Gout - Nêu được tiêu chuẩn chẩn đoán xác định - Phân loại được nguyên tắc sử dụng thuốc trong điều trị		- Giải thích cụ thể - Giải quyết vấn đề - Đặt câu hỏi gợi mở	- Phân tích ca lâm sàng 1 - Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	4/0/0		CLO 2,5			
	2.5. Tương tác thuốc trong chỉ định điều trị 2.6 Tình huống lâm sàng		- Phân tích được các tình huống lâm sàng và đưa các hướng điều trị		- Tự học - Học nhóm	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	CHƯƠNG 3. SỬ DỤNG THUỐC TRONG ĐIỀU TRỊ HUYẾT KHỐI						
3	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	4/0/0		CLO3,4			
	3.1. Thuyên tắc huyết khối tĩnh mạch 3.2 Thuyên tắc huyết khối động mạch		- Phân biệt được nguyên nhân gây huyết khối tĩnh mạch và động mạch - Trình bày được đặc tính các thuốc trong điều trị huyết khối - Trình bày được cách chuẩn đoán, điều trị bệnh		- Giải thích cụ thể - Giải quyết vấn đề - Đặt câu hỏi gợi mở - Thảo luận nhóm	- Tìm hiểu các triệu chứng cơ bản của bệnh Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	8/5/0		CLO 4, 6,7			

	3.3 Khuyến cáo dành cho bệnh nhân		- Trình bày được các khuyến cáo chính cho bệnh nhân		- Tự học - Học nhóm	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	CHƯƠNG 4. SỬ DỤNG THUỐC TRONG ĐIỀU TRỊ ALZHEIMER						
4	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	4/0/0		CLO1 ,4,6			A.1.2
	4.1.Đại cương về Alzheimer 4.2 Điều trị 4.3 Các thuốc sử dụng trong điều trị		- Trình bày được đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng của bệnh Alzheimer - Trình bày được các tiêu chuẩn chẩn đoán bệnh Alzheimer		- Giải thích cụ thể - Giải quyết vấn đề - Đặt câu hỏi gợi mở - Thảo luận nhóm	- Phân tích ca lâm sàng 2 - Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	8/0/0		CLO 4,5			
	4.4. Cơ chế bệnh sinh 4.5 Tình huống lâm sàng		- Trình bày được cơ chế bệnh sinh - Giải thích được một số tình huống lâm sàng		- Tự học - Học nhóm	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	CHƯƠNG 5. SỬ DỤNG THUỐC TRONG ĐIỀU TRỊ ĐÁI THÁO ĐƯỜNG						
5	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	4/0/0		CLO3 ,8			A.3
	5.1 Vài nét về bệnh Đái tháo đường 5.2 Điều trị 5.3 Điều trị không dùng thuốc 5.4 Thuốc điều trị đái tháo đường		- Phân loại được các tuyp đái tháo đường - Trình bày nguyên nhân gây bệnh với mỗi loại - Trình bày được mục tiêu và nguyên tắc điều trị ĐTĐ tuyp 1 và 2		- Giải thích cụ thể - Giải quyết vấn đề - Đặt câu hỏi gợi mở - Thảo luận nhóm	- Làm bài kiểm tra giữa kỳ - Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung	8/0/0		CLO5			

	chính SV tự học ở nhà						
	5.5.Điều trị béo phì 5.6 Giáo dục bệnh nhân		-Liệt kê được các nội dung cần tư vấn trong lựa chọn và sử dụng inulin		-Tự học -Học nhóm	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	CHƯƠNG 6: SỬ DỤNG THUỐC TRONG ĐIỀU TRỊ SUY TIM						
6	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	4/0/0		CLO4			A.2
	6.1. Đại cương về suy tim 6.2. Điều trị suy tim		- Trình bày được các đặc điểm về bệnh suy tim - Trình bày được mục tiêu và chiến lược điều trị suy tim - Trình bày được các biện pháp điều trị không dùng thuốc và dùng thuốc		-Giải thích cụ thể -Giải quyết vấn đề -Đặt câu hỏi gợi mở -Thảo luận nhóm	- Tìm hiểu phác đồ điều trị bệnh - Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	8/0/0		CLO1,8			
	6.3 Phân độ suy tim 6.4 Chẩn đoán suy tim		- Trình bày được phân độ suy tim - Trình bày được cách chẩn đoán suy tim		-Tự học - Học nhóm	- Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	CHƯƠNG 7. SỬ DỤNG THUỐC TRONG ĐIỀU TRỊ TĂNG HUYẾT ÁP						
7	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	4/0/0		CLO3			A.1.3
	7.1.Đại cương về bệnh tăng huyết áp 7.2 Điều trị tăng huyết áp		- Trình bày được đặc điểm về bệnh tăng huyết áp - Trình bày được nguyên tắc điều trị và nguyên tắc lựa chọn thuốc trong điều trị tăng huyết áp		-Giải thích cụ thể -Giải quyết vấn đề -Đặt câu hỏi gợi mở	-Phân tích ca lâm sàng 3 - Thảo luận nhóm	

			- Trình bày các biện pháp điều trị không dùng thuốc		- Thảo luận nhóm		
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	8/0/0		CLO2			
	7.3. Điều trị THA trong các nhóm bệnh nhân đặc biệt		- Trình bày được những điểm cần lưu ý khi điều trị THA cho các nhóm bệnh nhân đặc biệt		- Tự học Học nhóm	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	CHƯƠNG 8. SỬ DỤNG THUỐC TRONG ĐIỀU TRỊ RỐI LOẠN LIPID MÁU		-				
8	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	4/0/0		CLO3			
	8.1. Đại cương 8.2 Rối loạn Lipid máu và nguy cơ bệnh tim mạch 8.3 Xác định các chỉ số lipid huyết mục tiêu 8.4 Biện pháp điều trị		- Trình bày được các nguyên nhân gây rối loạn lipid - Phân tích nguy cơ tim đi kèm bệnh Rối loạn lipid - Xây dựng kế hoạch theo dõi hiệu quả của việc điều trị		- Giải thích cụ thể - Giải quyết vấn đề - Đặt câu hỏi gợi mở Thảo luận nhóm	- Tìm hiểu triệu chứng cơ bản của bệnh - Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	8/0/0		CLO2			
	8.4. Biện pháp điều trị không dùng thuốc		- Xây dựng được chế độ điều trị không dùng thuốc			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	CHƯƠNG 9. SỬ DỤNG THUỐC TRONG ĐIỀU TRỊ VIÊM LOÉT DẠ DÀY TÁ TRÀNG						
9	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	4/0/0		CLO3 ,8			A.1.3
	9.1 Đại cương về viêm loét dạ dày – tá tràng 9.2 Điều trị viêm loét dạ dày tá tràng		- Trình bày được các yếu tố nguy cơ, mục tiêu điều trị loét dạ dày tá tràng - Trình bày được cơ		- Giải thích cụ thể - Giải quyết vấn	- Tìm hiểu triệu chứng cơ bản của bệnh	

			chế bệnh sinh và đặc điểm gây loét bởi các tác nhân gây loét		đề -Đặt câu hỏi gợi mở Thảo luận nhóm	Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	8/0/0		CLO2,8			
	9.3. Một số tình huống lâm sàng minh họa		-Phân tích được việc chọn lựa thuốc điều trị loét dạ dày tá tràng trên bệnh nhân cụ thể		-Tự học Học nhóm	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	THỰC HÀNH						
	Chương 1. Hướng dẫn phân tích ca lâm sàng theo mẫu SOAP			CLO 2,3,4,5			R10
1	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0					
	Chương 2: Phân tích ca lâm sàng loét dạ dày – tá tràng			CLO 3,4,5,6			R10
2	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0					
	Chương 3. Phân tích ca lâm sàng hen suyễn			CLO 2,3,4,6			R10
3	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0					
	Chương 4: Phân tích ca lâm sàng đái tháo đường			CLO 2,3,4,5,6			R10
4	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0					
	Chương 5: Phân tích ca lâm sàng rối loạn lipid máu			CLO 2,3,4,5,6			R10
5	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0					
	Chương 6: Phân tích ca lâm sàng cơ xương khớp	5/0/0		CLO 2,3,4,5,6			R10

6	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp						
Theo lịch thi	FINAL EXAM			CLO1 ,2,3,4			A4
	Lý thuyết		Thực hiện theo ngân hàng đề thi				
	Thực hành		Phân tích 10 ca lâm sàng Hình thức thi vấn đáp				

(*) Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương.
- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR. Tham khảo các phương pháp giảng dạy trong CTĐT ngành Dược học.
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số...).

8. Học liệu:

Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	Bộ môn Dược lý – Dược lâm sàng	2018	Dược lâm sàng 2	ĐH KT KT Bình Dương
Sách, giáo trình tham khảo				
2	Bộ môn Dược Lâm sàng - ĐH Dược Hà Nội	2019	Dược lâm sàng đại cương	NXB Y học
3	Bộ Y Tế	2012	Dược thư quốc gia Việt Nam	Bộ Y tế

Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ web hữu ích cho HP

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1			

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

Bảng 9.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường	Bảng lớn 01	01	
		Máy chiếu 01	01	
		Phương tiện tăng âm 01	01	
2	Phòng vi tính	Máy vi tính	Vừa đủ	
		Bảng lớn	01	

Bình Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2019

TRƯỞNG KHOA



TRƯỜNG THỊ NGỌC SƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Dược

Mã số: 7720201

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1 Mã học phần:	1.2 Tên học phần: KINH TẾ DƯỢC
1.3 Ký hiệu học phần:	1.4 Tên tiếng Anh:
1.5 Số tín chỉ: 03	
1.6 Phân bố thời gian: Học kỳ	
- Lý thuyết:	30 tiết
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	00 tiết
- Tự học:	90 tiết
1.7 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	
1.8 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Không yêu cầu

2. Mô tả học phần:

Môn học Kinh tế dược cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản về kinh tế y tế; về kinh tế vĩ mô và vi mô áp dụng trong lĩnh vực y tế; về kinh tế dược; về các phương pháp phân tích chi phí và các phương pháp phân tích hiệu quả trong kinh tế dược.

3. Mục tiêu học phần (Goals)

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goal description) (<i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)
G1	Phân biệt các khái niệm Kinh tế học và Kinh tế y tế, Kinh tế y tế và Kinh tế dược và ý nghĩa của chúng trong lĩnh vực y tế.	PLO1,PLO4,PLO5
G2	Mô tả được các phương pháp phân tích chi phí y tế như: - Phân tích chi phí bệnh COI (Cost of illness) - Phân tích tối thiểu hóa chi phí CMA (Cost Minimization	PLO1,PLO4

	Analysis) - Phân tích chi phí – hiệu quả CEA (Cost Effectiveness Analysis) - Phân tích chi phí – thỏa dụng CUA (Cost Utility Analysis) - Phân tích chi phí – lợi ích CBA (Cost Benefit Analysis)	
G3	<i>Mô tả được các phương pháp phân tích hiệu quả trong kinh tế được:</i> - Chỉ số hiệu quả trực tiếp - Chỉ số hiệu quả gián tiếp - Chỉ số sức khỏe - Chỉ số chất lượng sống	PLO1, PLO5
G6	Có khả năng nghiên cứu thêm về các vấn đề kinh tế áp dụng trong ngành dược	PLO9
G7	<i>Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm. Đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp trong công việc.</i>	PLO11

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes-CLOs)

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR của học phần (CLOs)	Mô tả CLOs (Sau khi học xong môn học này, người học có thể:)
CLO 1	Nêu được các khái niệm kinh tế học khác nhau, phân tích được ba vấn đề cơ bản của kinh tế học
CLO 2	Trình bày được khái niệm cơ bản của kinh tế vĩ mô, kinh tế vi mô, lý thuyết cung cầu và các yếu tố ảnh hưởng đến cung cầu
CLO 3	Trình bày được sự hình thành khái niệm nền kinh tế thị trường và thị trường, phân loại thị trường và phân tích đặc điểm các loại thị trường
CLO 4	Phân tích được cấu trúc thị trường
CLO 5	Vận dụng và liên hệ thực tế thị trường dược phẩm
CLO 6	Trình bày được khái niệm đường cầu thị trường, các yếu tố ảnh hưởng đến cầu, độ co giãn của cầu theo giá., nêu được mối quan hệ giữa độ co giãn cầu và doanh thu
CLO 7	Trình bày được các khái niệm cơ bản trong kinh tế y tế, kinh tế được, nêu được hoàn cảnh ra đời, lịch sử phát triển của kinh tế được trên thế giới, vai trò, ý nghĩa của kinh tế được
CLO 8	Trình bày được khái niệm và phân biệt được chi phí trong kinh tế được, các phương pháp phân tích chi phí trong kinh tế được
CLO 9	Phân tích được chi phí trong bài toán kinh tế được
CLO 10	Trình bày được các khái niệm cơ bản về hiệu quả trong kinh tế được, phân biệt được các loại hiệu quả
CLO 11	Vận dụng được các phương pháp phân tích hiệu quả.
CLO 12	Phân biệt được các phương pháp phân tích kinh tế được, nêu được các bước tiến hành phân tích kinh tế được
CLO 13	Tiến hành đánh giá được các phân tích kinh tế được

CLO 14	<i>Làm việc độc lập, làm việc nhóm. Đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp trong công việc.</i>
--------	--

5. Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Bảng 5.1. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Chuẩn đầu ra HP (CLOs)	Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
CLO1	X				X	X						X
CLO2	X				X	X				X	X	X
CLO3	X				X	X				X	X	X
CLO4	X				X	X			X	X	X	X
CLO5	X				X	X			X	X	X	X
CLO6	X				X	X				X	X	X
CLO7	X				X	X			X	X	X	X
CLO8	X				X	X			X	X	X	X
CLO9	X				X	X			X	X	X	X
CLO10	X				X	X			X	X	X	X
CLO11	X				X	X			X	X	X	X
CLO12	X				X	X			X	X	X	X
CLO13	X				X	X			X	X	X	X
CLO14									X	X	X	X
Tổng hợp	X				X	X				X	X	X

6. Đánh giá học phần

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của sinh viên ở học phần

Học phần đánh giá	Trọng số (%)	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Liên quan đến CLO nào ở Bảng 5.1	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

A1. Kiểm tra thường xuyên	10%	A1.1. Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Tuần 2: Làm bài kiểm tra số 1	30	Đánh giá bằng bảng Rubric 1,3	CLO 2,4,5	Đánh giá chuyên cần, đánh giá tiến trình, đánh giá bài tập
		A1.2. Tuần 4 : Làm bài kiểm tra số 2	30			
		A1.3. Tuần 5: Làm bài kiểm tra số 3	40			
A2. Kỹ năng	20%	A2.1. Tuần 5: <i>Làm bài tập tính chi phí và hiệu quả trong kinh tế được</i>	20	R2,9	CLO 5	Đánh giá thuyết trình, đánh giá kỹ năng làm việc nhóm
A3. Đánh giá giữa kỳ	20%	A3.1. Tuần 6: Sinh viên làm bài kiểm tra trắc nghiệm và tự luận		R4,5	CLO 1,2,3,4,5,6	- Đánh giá kiểm tra viết , kiểm tra trắc nghiệm
A4 Đánh giá cuối kỳ	60%	Bài kiểm tra cuối kỳ: Thi trắc nghiệm.			CLO 1,2,3,4,5,6	- Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm

6.2. Chính sách đối với học phần

- Sinh viên tham dự $\geq 80\%$ số buổi của học phần. Nếu nghỉ $> 20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc học phần.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần theo tuần

Tuần (5 tiết/tuần)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/T H/TT)	Chuẩn đầu ra của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở Bảng 4.1	Phương pháp giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của sinh viên(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 Bảng 6.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Chương 1: TỔNG QUAN VỀ KINH TẾ HỌC						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO1,C LO2			A1.1.
	1.1. Khái niệm 1.2. Ba vấn đề cơ bản		- Nêu được các khái niệm kinh		- Phương pháp giải	- Đọc tài liệu.	

	<p>của kinh tế học</p> <p>1.3. Phân loại</p> <p>1.4. Hệ thống kinh tế</p> <p>1.5. Kinh tế vĩ mô</p> <p>1.6. Tổng cầu</p> <p>1.7. Tổng cung</p> <p>1.8. Lạm phát</p> <p>1.9. Kinh tế vi mô</p>		<p>tế học khác nhau</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được ba vấn đề cơ bản của kinh tế học - Phân tích được hệ thống kinh tế - Trình bày được khái niệm cơ bản của kinh tế vĩ mô, kinh tế vi mô - Trình bày được lý thuyết cung cầu và các yếu tố ảnh hưởng đến cung cầu 		<p>thích cụ thể, thuyết giảng, đặt câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm</p>	<p>Thảo luận nhóm</p>	
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	10/0/0		CLO1, CLO2			
	1.10. Phân biệt được lạm phát, giảm phát và trình bày được các yếu tố ảnh hưởng đến lạm phát		<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được lạm phát, giảm phát và các yếu tố ảnh hưởng đến lạm phát 			<p>Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà</p>	
2	Chương 2: KINH TẾ VĨ MÔ VÀ VI MÔ ÁP DỤNG TRONG LĨNH VỰC Y TẾ						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO3, CLO4, CLO5, CLO6			A1.1.
	<p>2.1. Kinh tế thị trường</p> <p>2.2. Những yếu tố cơ bản của cung, cầu</p> <p>2.3. Độ co giãn của cung cầu và ứng dụng</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được sự hình thành khái niệm nền kinh tế thị trường và thị trường - Phân loại thị trường và phân tích đặc điểm các loại thị trường - Vận dụng và liên hệ thực tế 		<ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp giải thích cụ thể, thuyết giảng, đặt câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc tài liệu. - Thảo luận nhóm 	

			<p>thị trường dược phẩm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được khái niệm đường cầu thị trường, các yếu tố ảnh hưởng đến cầu, độ co giãn của cầu theo giá. - Nêu được mối quan hệ giữa độ co giãn cầu và doanh thu 				
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO3, CLO4, CLO5, CLO6			
	2.4. Tìm hiểu thêm hoạt động kinh doanh thuốc chữa bệnh		- Trình bày được hoạt động kinh doanh thuốc chữa bệnh thuộc loại thị trường nào?			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
3	Chương 3. KINH TẾ DƯỢC						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO 7			A1.1.
	3.1 Kinh tế y tế 3.2. Kinh tế dược		<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được các khái niệm cơ bản trong kinh tế y tế, kinh tế dược - Nêu được hoàn cảnh ra đời, lịch sử phát triển của kinh tế dược trên thế giới - Nêu được vai trò, ý nghĩa của kinh tế dược 		<ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp giải thích cụ thể, thuyết giảng, đặt câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm 	-Đọc tài liệu. Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	10/0/0		CLO7			
	3.3. Phân biệt kinh tế y tế và kinh tế dược		- Trình bày được điểm giống và khác			Chuẩn bị tốt phần tự học ở	

			nhau giữa kinh tế y tế và kinh tế được			nhà	
4	Chương 4 PHÂN TÍCH CHI PHÍ TRONG KINH TẾ ĐƯỢC						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO8, CLO9			A1.2
	4.1 Các khái niệm cơ bản 4.2 Phân loại chi phí 4.3. Các phương pháp phân tích chi phí		-Nêu được khái niệm và phân biệt được chi phí trong kinh tế được -Nêu và hiểu được các phương pháp phân tích chi phí trong kinh tế được -Phân tích được chi phí trong bài toán kinh tế được		-Phương pháp giải thích cụ thể, thuyết giảng, đặt câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm thể	-Đọc tài liệu. Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	10/0/0		CLO8, CLO9			
	4.4.Tìm hiểu thêm và phân tính chi phí cho người cung cấp dịch vụ		-Phân tích chi phí cho người cung cấp dịch vụ			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
5	Chương 5 PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ TRONG KINH TẾ ĐƯỢC						A1.1.
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO10, CLO11			A1.2; A2.1
	5.1. Các khái niệm cơ bản 5.2. Phân loại hiệu quả 5.3. Các chỉ tiêu phân tích hiệu quả QALY và DALY		- Trình bày được các khái niệm cơ bản về hiệu quả trong kinh tế được - Phân biệt được các loại hiệu quả - Vận dụng được các		-Phương pháp giải thích cụ thể, thuyết giảng, đặt câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm	-Đọc tài liệu. Thảo luận nhóm	

			phương pháp phân tích hiệu quả.		thể		
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	10/0/0		CLO10, CLO11			
	5.4. Tìm hiểu thêm về bài tập tính chỉ số QALY và DALY		- Làm một số bài tập tính chỉ số QALY và DALY			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
6	Chương 6: CÁC PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH KINH TẾ ĐƯỢC						A3.1
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO12, CLO13			
	6.1. Vai trò nghiên cứu kinh tế được 6.2. Các phương pháp nghiên cứu kinh tế được 6.3. So sánh các phương pháp phân tích kinh tế được		- Phân biệt được các phương pháp phân tích kinh tế được - Tiến hành đánh giá được các phân tích kinh tế được - Nêu được các bước tiến hành phân tích kinh tế được		- Phương pháp giải thích cụ thể, thuyết giảng, đặt câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm thể	-Đọc tài liệu. Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	10/0/0		CLO12, CLO13			
	6.4. Làm thêm bài tập phân tích kinh tế được		- Hoàn thành các bài tập phân tích kinh tế được đã giao			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
Theo lịch thi	FINAL EXAM						A4

8. Học liệu:

Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
	Giáo trình chính			
[1]	Bài giảng nội bộ	2019	Kinh tế dược	Khoa dược, trường ĐH KTKT Bình

				Dương
Sách, giáo trình tham khảo				
[2]	Ron Purkiss	2006	Pharmacoeconomics – the importance for pharmacist	The Pharmaceutical Journal

Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ web hữu ích cho học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Health economics	https://en.wikipedia.org/wiki/Health_economics	14/09/2019

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

Bảng 9.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của học phần

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường	- Bảng lớn	01	Tất cả bài trong học phần
		- Máy chiếu	01	
		- Phương tiện tăng âm	01	

Bình Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2019

TRƯỞNG KHOA



TRƯƠNG THỊ NGỌC SƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Dược học

Mã số: 7720201

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về HP

1.1 Mã học phần:	1.2 Tên học phần: CÁC NGUYÊN TẮC THỰC HÀNH TỐT GP's
1.3 Ký hiệu học phần:	1.4 Tên tiếng Anh:
1.5 Số tín chỉ:	02
1.6 Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	30 tiết
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	0 tiết
- Tự học:	60 tiết
1.7 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	
1.8 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không có
- Học phần học trước:	Không yêu cầu
- Học phần song hành:	Không yêu cầu

2. Mô tả học phần:

Môn học này cung cấp cho sinh viên các hướng dẫn về thực hành tốt nhà thuốc (GPP), thực hành tốt phân phối thuốc (GDP), thực hành tốt bảo quản thuốc (GSP). Sinh viên cũng được giới thiệu tổng quát về thực hành tốt sản xuất thuốc (GMP), thực hành tốt labo kiểm nghiệm thuốc (GLP), thực hành tốt nuôi trồng và thu hái dược liệu (GACP)

3. Mục tiêu HP (Goals)

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)
G1	Hiểu và vận dụng được các nội dung của GLP, GSP, GDP, GPP.	PLO1,2
G2	Thực hiện được các qui định về thực hành trong các lĩnh vực quản lý chất lượng thuốc, thông tin thuốc và đăng ký thuốc.	PLO1,2
G3	Quản lý được các quy trình thao tác chuẩn trong sản xuất, kiểm nghiệm, phân phối, bán lẻ thuốc, hóa chất dụng cụ y tế.	PLO1,2
G4	Nhận thức được tầm quan trọng của việc tuân thủ các nguyên tắc GPs nhằm đảm bảo tính chính xác, cẩn thận khi hành nghề dược.	PLO9,11
G5	Áp dụng được những nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, tuân thủ pháp luật, thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ của người cán bộ y tế trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.	PLO 1,2,4,9,11, 12

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes-CLOs)

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR của học phần (CLOs)	Mô tả CLOs (Sau khi học xong môn học này, người học có thể:)
CLO 1	Trình bày được các yêu cầu của GMP, GLP, GSP, GDP
CLO 2	Hiểu được về các mô hình tổ chức và quản lý nhà nước về dược; các mô hình công ty, sản xuất kinh doanh thuốc; mô hình quản lý chất lượng thuốc liên quan đến hoạt động nghề nghiệp
CLO 3	Hiểu được các qui định của GMP liên quan đến nhà xưởng, thiết bị, nhân sự, hồ sơ và qui trình trong quá trình sản xuất và bảo quản thuốc tại nhà máy sản xuất dược phẩm.
CLO 4	Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng thuốc và dụng cụ y tế trong quá trình tồn trữ.
CLO 5	Quản lý được các quy trình thao tác chuẩn trong sản xuất, kiểm nghiệm, phân phối, bán lẻ thuốc, hóa chất dụng cụ y tế.
CLO 6	Nhận thức được tầm quan trọng của việc tuân thủ các nguyên tắc GPs nhằm đảm bảo tính chính xác, cẩn thận khi hành nghề dược.

5. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CĐR của chương trình (PLOs)

Mức độ đóng góp của CLO vào PLO được xác định cụ thể:

- L (Low) – CLO có đóng góp ít vào PLO
- M (Medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO

- H (High) – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích:

- Các mức H - Cao, M - Vừa, L - Thấp - phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (L) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(mức M) hay mức thuần thục (H).

Bảng 5.1. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Chuẩn đầu ra HP (CLOs)	Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
CLO1	x	x	x						x	x		
CLO2	x	x	x						x	x		
CLO3	x	x	x						x	x		
CLO4	x	x	x			x			x	x		
CLO5	x	x	x	x		x			x	x	x	x
CLO6	x	x	x	x		x			x	x	x	x
Tổng hợp												

6. Đánh giá HP

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP

H/phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric	Lquan đến CLO nào ở Bảng 5.1	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	10%	Câu hỏi lượng giá	40%		CLO 1,2,3	
A2. Kỹ năng	20%	Bài tập số 03: Phân tích mối liên quan giữa các yêu cầu của GMP và GLP, GSP		R2	CLO 4,5	
A3. Đánh giá giữa kỳ	20%	Câu hỏi lượng giá		R1	CLO 3,4,5	
A4. Đánh giá cuối kỳ	50%	Bài ktra cuối kỳ: Thi trắc nghiệm			CLO 1,2,3,4,5	

– (7) PP đánh giá đạt CDR: Nêu tên các PP đánh giá sử dụng trong từng chương để đạt CDR. Tham khảo các phương pháp đánh giá trong CTĐT ngành Dược học.

6.2. Chính sách đối với HP

- SV tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $>20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP

Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần

Tuần / (5 tiết/tuần)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/T H/TT)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Lqua n đến CLO nào ở Bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 Bảng 6.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Bài 1. Nguyên tắc thực hành tốt sản xuất thuốc						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO 1,2,3			
	1.18. Định nghĩa 1.19. Nguyên tắc của GMP 1.20. Các nội dung của GMP		- Trình bày được 10 nguyên tắc của GMP - Trình bày được các yêu cầu của GMP		- Giải thích cụ thể - Giải quyết vấn đề - Câu hỏi gợi mở	- Lắng nghe, ghi chép - Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	20/0/0		CLO 1,2,3			
	Để đạt được các yêu cầu của GMP, nhà sản xuất phải tiến hành những công việc gì		- Trình bày được các công việc cần thực hiện đối với từng yêu cầu của GMP		- Tự học - Học nhóm	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Bài 2: Thực hành tốt phân phối thuốc (GDP)						
2	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO 2			

	2.23. Định nghĩa 2.24. Các yêu cầu của GDP		- Trình bày được định nghĩa GDP - Phân tích được các yếu tố của GDP		- Giải thích cụ thể - Giải quyết vấn đề - Câu hỏi gợi mở	- Lắng nghe, ghi chép - Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	20/0/0		CLO 2			
	Mối liên quan của GDP và GMP		- Phân tích được những sai sót thường mắc phải trong xây dựng GDP		- Tự học - Học nhóm	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Bài 3: Nguyên tắc thực hành tốt kiểm nghiệm thuốc (GLP)						
3	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO 3			A1.1
	3.11. Định nghĩa 3.12. Các yêu cầu của GLP		- Trình bày được thế nào là GLP - Để thực hiện GLP, cơ sở có thể áp dụng theo những tiêu chuẩn nào? - Nêu các nguyên tắc của GLP		- Giải thích cụ thể - Giải quyết vấn đề - Câu hỏi gợi mở		
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO 3			
	3.13. Đối với phòng thực hành tại trường, sinh viên áp dụng được điều gì từ GLP		- Nêu các yêu cầu của sinh viên khi tham gia thực tập tại phòng thực hành		- Tự học - Học nhóm	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Bài 4: Nguyên tắc thực hành tốt bảo quản thuốc						
4	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	10/0/0		CLO 4			
	4.8. Định nghĩa 4.9. Các yêu cầu của		- Trình bày được định nghĩa GSP. - Nêu được các yêu cầu của GSP		- Giải thích cụ thể - Giải	- Lắng nghe, ghi chép - Thảo	

	GSP		- Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình bảo quản, tồn trữ thuốc tại kho		quyết vấn đề - Câu hỏi gợi mở	luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/10/0		CLO 4			
	- Nêu một số tình huống thường gặp đối với các nhà kho trong vùng khí hậu nhiệt đới nóng ẩm như Việt Nam.		-Phân tích được các vấn đề thường gặp đối với các nhà kho tại các bệnh viện trên địa bàn		- Tự học - Học nhóm	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Bài 5: Nguyên tắc thực hành tốt nhà thuốc						
5	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO 4			A3
	5.1. Định nghĩa 5.2. Các yêu cầu của GPP		- Trình bày được định nghĩa GPP - Nêu các yêu cầu của GPP - Để thực hiện được các yêu cầu của GPP, cơ sở cần chuẩn bị những gì?		- Giải thích cụ thể - Giải quyết vấn đề - Câu hỏi gợi mở	- Lắng nghe, ghi chép - Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/10/0		CLO 3			
	5.19. Phân tích được thực tế tình hình thực hiện GPP của các nhà thuốc hiện nay		- Nêu được các trang thiết bị cần thiết cần có trong 1 nhà thuốc đạt GPP		- Tự học - Học nhóm	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Bài 6: Nguyên tắc thực hành tốt nuôi trồng dược liệu (GACP)						
5	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO 4			A3
	6.1. Định nghĩa 6.2. Các yêu cầu của GACP		- Trình bày được định nghĩa GACP - Nêu các yêu cầu của GACP				
	b. Các nội dung chính SV tự học ở	0/10/0		CLO 3			

	nhà					
	Các vấn đề thường gặp khi thực hiện GACP tại Việt Nam		Phân tích được các yếu tố tác động của khí hậu, thời tiết của Việt Nam khi thực hiện GACP			
Theo lịch thi	FINAL EXAM			CLO 1,2,3, 4,5		A4

(*) Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương.
- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR. Tham khảo các phương pháp giảng dạy trong CTĐT ngành Dược học.
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số....).

8. Học liệu:

Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	Khoa Dược – Trường ĐH KTKT Bình Dương	2017	Giáo trình nhóm GPs	Trường ĐHKTKT Bình Dương
Sách, giáo trình tham khảo				
2	Trương thị Ngọc Sương	2016	Đảm bảo chất lượng thuốc	Trường ĐHKTKT Bình Dương
3	Nguyễn thị Thái Hằng – Lê Việt Hùng	2013	Pháp chế dược	NXB Y học

Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ web hữu ích cho HP

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Nguyên tắc thực hành tốt nhà thuốc	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/the-thao-y-te/Thong-tu-02-2018-TT-BYT-quy-dinh-ve-Thuc-hanh-tot-co-so-ban-le-thuoc-326672.aspx	22/01/2018
2	Hướng dẫn thực hiện GACP	https://www.slideshare.net/GMPcVietnam/tai-lieu-gacp-who-vietnamese	03/09/2019

3	Hướng dẫn thực hiện GLP	https://luatvietnam.vn/y-te/thong-tu-04-2018-tt-byt-thuc-hanh-tot-phong-thi-nghiem-160208-d1.html	09/02/2018
---	-------------------------	---	------------

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

Bảng 9.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường	Lý thuyết		Các bài trong chương trình
		Máy chiếu + âm ly + micro	01	

Bình Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2019

TRƯỞNG KHOA



TRƯƠNG THỊ NGỌC SƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: DƯỢC

Mã số: 7720201

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về HỌC PHẦN

1.1 Mã học phần:	1.2 Tên học phần: TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH DƯỢC
1.3 Ký hiệu học phần:	1.4 Tên tiếng Anh: Professional English for Pharmacy
1.5 Số tín chỉ:	03
1.6 Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	40 tiết
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	05 tiết
- Tự học:	90 tiết
1.7 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	
1.8 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Anh văn cơ bản
- Học phần học trước:	Không yêu cầu
- Học phần song hành:	Không yêu cầu

2. Mô tả học phần:

Môn học Tiếng Anh chuyên ngành Dược cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng cơ bản về Dược để giúp sinh viên có khả năng đọc, dịch và phân tích các tài liệu chuyên môn.

3. Mục tiêu HP (Goals)

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)
G1	Cung cấp các kiến thức về kỹ năng đọc hiểu cơ bản kèm với nguồn từ vựng phong phú về dược học phục vụ cho hoạt động chuyên môn của ngành dược.	PLO 1,2,3,4,5,7,8,9

G2	Sinh viên có thể vận dụng vào các công việc liên quan đến đọc hiểu tài liệu, nắm bắt ý chính, lướt nhanh các chi tiết trong tài liệu, suy luận ý nghĩa trong quá trình làm việc về sau và tư vấn chuyên môn được cho các thành viên y tế khác.	PLO 1,2,3,4, 5,7, 9,10
G3	Có năng lực sử dụng tiếng Anh giao tiếp ở mức cơ bản	PLO 7,9,10
G4	Phát triển kỹ năng làm việc theo cặp, nhóm, thái độ tích cực, chủ động để đáp ứng tốt hơn cho công việc của mình và để đạt được các mục tiêu chung của tổ chức.	PLO 7,8,9,10,11,12

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes-CLOs)

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR của học phần (CLOs)	Mô tả CLOs (Sau khi học xong môn học này, người học có thể:)
CLO 1	Vận dụng được các chiến lược đọc hiểu cơ bản và các từ vựng theo chủ đề để đọc hiểu nhuần nhuyễn các bài viết về ngành dược, về tác dụng dược lý của thuốc. Phân biệt thuốc OTC. Các dạng bào chế của thuốc.
CLO 2	Phân tích được các dạng câu hỏi trong bài đọc hiểu để chọn lựa phương án phù hợp.
CLO 3	Tổng hợp lại được các câu hỏi sử dụng cùng 1 chiến lược trong các bài đọc hiểu tương ứng với chủ đề được giao
CLO 4	Tự chọn được các tài liệu đọc hiểu mở rộng để tự đọc và cải thiện kỹ năng đọc hiểu.
CLO 5	Có khả năng làm việc theo nhóm

5. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CĐR của chương trình (PLOs)

Mức độ đóng góp của CLO vào PLO được xác định cụ thể:

- L (Low) - CLO có đóng góp ít vào PLO
- M (Medium) - CLO có đóng góp vừa vào PLO
- H (High) - CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích:

- Các mức H - Cao, M - Vừa, L - Thấp - phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (L) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(mức M) hay mức thuần thục (H).

Bảng 5.1. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CĐR của chương trình (PLOs)

Chuẩn đầu ra HP (CLOs)	Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
CLO1	X	X	X	X	X		X	X	X		X	X
CLO2	X	X	X	X	X	X	X		X		X	
CLO3							X					
CLO4	X	X	X	X	X	X	X		X		X	X

CLO5									X	X	X
------	--	--	--	--	--	--	--	--	---	---	---

6. Đánh giá HP

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP

H/phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric	Lquan đến CLO nào ở Bảng 5.1	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	10%	A1.1. Tuần 2: Làm bài tập chương 1	10%	Theo thang điểm 10	CLO 1,2,3,4	Làm trắc nghiệm
		A1.2. Tuần 4: Làm bài tập số 2,3.	10%	Theo thang điểm 10	CLO 1,2,3,4	
		A1.3. Tuần 6: Làm bài tập số 4,5.	10%	Theo thang điểm 10	CLO 1,2,3,4	
		A1.6. Tuần 9 :Đánh giá chuyên cần	60%	Rubric 1	CLO 1,2,3,4,5	
A2. Kỹ năng	20%	Tuần 8: SV làm việc theo nhóm thảo luận, chọn lựa và tổ hợp lại được các câu hỏi sử dụng cùng một chiến lược trong 4 chương 1,2,3,4,5,6,7.Sau khi đã nhận phản hồi của giảng viên thì chuyên chéo cho các nhóm khác đọc hiểu, chọn phương án trả lời phù hợp. Thuyết trình kết quả.		Rubric 7	CLO 2,3,5	- GV cho SV thử nghiệm khả năng thuyết trình của SV
A3. Đánh giá giữa kỳ	20%	A1.4. Tuần 7: Làm bài kiểm tra giữa quá trình : viết và trắc nghiệm.		Theo thang điểm 10 dựa	CLO 1,2,3	- GV phổ biến kế hoạch cho SV ngay từ đầu HP.

				trên đáp án được thiết kế sẵn		
A4. Đánh giá cuối kỳ	50%	Bài ktra cuối kỳ: Thi trắc nghiệm .		Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn	CLO 1,2,3,4	GV phổ biến kế hoạch cho SV ngay từ đầu HP.

6.2. Chính sách đối với HP

- SV tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $>20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP

Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần

Tuần / (5 tiết/t uần)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/ TH/T T)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lqua n đến CLO nào ở Bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 Bảng 6.1
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	1. Chương 1. Pharmacy and pharmacists						
1	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2.5/0/ 0		CLO 1,2,3			
	1.1. Pharmacy 1.2. Pharmacists 1.3. Pharmacists, dispensing chemist, druggist.		- Vận dụng được kỹ năng skimming để nắm thông tin chính của bài đọc và kỹ năng đọc scanning để lấy thông tin chi tiết. - Sử dụng được từ vựng để đọc hiểu bài Ngành dược và người dược sĩ. - Phân tích và làm được câu hỏi dạng		Explicit teaching; lecture; Inquiry; Problem solving. Giải thích cụ thể; Thuyết giảng; Câu hỏi gợi mở; Giải quyết vấn	- Lắng nghe; Ghi chép; Trả lời câu hỏi; Thảo luận theo nhóm với vấn đề được đặt ra trong giáo trình chính, Chương 1	

			điền ngắn và trả lời đầy đủ 5 câu hỏi.		đề		
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO 4,5			
	-Make word combination. -Complete the grid -Answer the question		Làm đầy đủ và đúng		-Tự học -Học nhóm	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà trong giáo trình chính, Chương 1	
	2. Chương 2. Pharmacology						
2	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2.5/0/0		CLO 1,2,3			
	2.1.Pharmacology and pharmacy 2.2.Scientific background: LADME		-Sử dụng được từ vựng để đọc được bài Pharmacology: dược lý học. -Xác định được các phần trong đoạn văn từ đó vận dụng vào việc giải các dạng bài tập đọc hiểu.		Explicit teaching; lecture; Inquiry; Problem solving. Debates	Lắng nghe; Ghi chép; Trả lời câu hỏi; Thảo luận theo nhóm với vấn đề được đặt ra với các quan điểm trái ngược nhau trong giáo trình chính, Chương 2	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO 4,5			
	-Write the correct word. - Insert the correct preposition - Use the correct tense.		Làm đầy đủ và đúng		-Tự học Học nhóm	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà trong giáo trình chính, Chương 2	
	3. Chương 3. Types of drugs						
3	a. Các nội dung chính giảng dạy	2,5/0/0		CLO 1,2,3			A1.1

	trên lớp						
	3.1. Definition of drug 3.2. Recreational drugs 3.3. Medicinal drugs		- Sử dụng được từ vựng để đọc được bài Types of drugs. - Phân tích được loại từ, từ đó có thể tìm được chính xác nghĩa của từ đúng vào ngữ cảnh. - Sử dụng chiến lược scanning and skimming để làm được bài tập.		Explicit teaching; lecture; Inquiry; Problem solving. Discussion	Lắng nghe; Ghi chép; Trả lời câu hỏi; Thảo luận theo nhóm với vấn đề được đặt ra bổ sung để hoàn thiện giải pháp của mình trong giáo trình chính, Chương 3	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO 4,5			
	- Complete the grid. - Fill in the spaces. - Answer the questions.		Làm đầy đủ và đúng		- Tự học Học nhóm	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà trong giáo trình chính, Chương 3	
	4. Chương 4. Terminology of drug action						
4	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2,5/0/0		CLO 1,2,3			
	4.1. Drug use 4.2. Drug misuse 4.3. Tolerance 4.4. Addition 4.5. Withdrawal symptoms 4.6. Stimulants 4.7. Depressants		- Vận dụng chiến lược để tìm ra được ý chính của đoạn văn. - Sử dụng được từ vựng để đọc hiểu được các chủ đề liên quan đến Drug action. - Thảo luận nhóm để tìm ra cách dùng của các prepositions		Explicit teaching; lecture; Inquiry; Problem solving. Peer learning	Ghi chép; Trả lời câu hỏi; Thảo luận theo nhóm với vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả trong	

						giáo trình chính, Chương 4	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/10/0		CLO 4,5			
	-What possible combinations. - Sentence define. - Complete prepositions		Làm đầy đủ và đúng		-Tự học Học nhóm	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà trong giáo trình chính, Chương 4	
	5. Chương 5. FDA						
5	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2,5/0/0		CLO 1,2,3			A1.2.
	5.1.Medicine development and testing 5.2.FDA: function	3	-Vận dụng được kỹ năng skimming để nắm thông tin chính của bài đọc và kỹ năng đọc scanning để lấy thông tin chi tiết. -Sử dụng được từ vựng để đọc hiểu bài FDA -Phân tích và làm được câu hỏi		Explicit teaching; lecture; Inquiry; Problem solving. Giải thích cụ thể;Thuyết giảng;Câu hỏi gợi mở;Giải quyết vấn đề	-Lắng nghe; Ghi chép; Trả lời câu hỏi; Thảo luận theo nhóm với vấn đề được đặt ra trong giáo trình chính, Chương 5	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/10/0		CLO 4,5			
	--Write alternative sentences. - Possible answer		Làm đầy đủ và đúng		-Tự học Học nhóm	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà trong giáo trình chính, Chương 5	
	6. Chương 6. Before using medicines						
6	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2,5/0/0		CLO 1,2,3			

	<p>6.1.Can medicine be dangerous?</p> <p>6.2.Give information</p> <p>6.3.Read the label</p>		<p>-Sử dụng được từ vựng để đọc được bài Pharmacology: được lý học.</p> <p>-Xác định được các phần trong đoạn văn từ đó vận dụng vào việc giải các dạng bài tập đọc hiểu.</p>		<p>Explicit teaching; lecture; Inquiry; Problem solving. Debates</p>	<p>Lắng nghe; Ghi chép; Trả lời câu hỏi; Thảo luận theo nhóm với vấn đề được đặt ra với các quan điểm trái ngược nhau trong giáo trình chính, Chương 6</p>	
	<p>b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà</p>	<p>0/10/0</p>		<p>CLO 4,5</p>			
	<p>-Matching A and B.</p> <p>-Modal verbs</p>		<p>Làm đầy đủ và đúng</p>		<p>-Tự học Học nhóm</p>	<p>Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà trong giáo trình chính, Chương 6</p>	
	<p>7. Chương 7. What customers should know?</p>						
<p>7</p>	<p>a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp</p>	<p>2,5/0/0</p>		<p>CLO 1,2,3</p>			<p>A1.2</p>
	<p>7.1.What you need to know about medicines?</p> <p>7.2.Proper use of medicines.</p> <p>7.3.Self medication.</p>		<p>-Sử dụng được từ vựng để đọc được bài What customers should know?</p> <p>-Phân tích được loại từ, từ đó có thể tìm được chính xác nghĩa của từ đúng vào ngữ cảnh.</p> <p>- Sử dụng chiến lược scanning and skimming để làm được bài tập.</p>		<p>Explicit teaching; lecture; Inquiry; Problem solving. Discussion</p>	<p>Lắng nghe; Ghi chép; Trả lời câu hỏi; Thảo luận theo nhóm với vấn đề được đặt ra bổ sung để hoàn thiện giải pháp của mình trong</p>	

						giáo trình chính, Chương 7	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/10/0		CLO 4,5			
	-Possible questions that customers ask. -Complete sentences		Làm đầy đủ và đúng		-Tự học Học nhóm	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà trong giáo trình chính, Chương 7	
	8. Chương 8. Some important tips						
8	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2,5/0/0		CLO 1,2,3			
	8.1.How to store your medicines? 8.2.When travelling. 8.3.Side effects of your medicines 8.4.How to get the most from your medicines? 8.5.Understand generic versus brand name. 8.6.Know what to avoid while taking medicine.		-Vận dụng chiến lược để tìm ra được ý chính của đoạn văn. - Sử dụng được từ vựng để đọc hiểu được các chủ đề liên quan đến Some important tips. -Thảo luận nhóm để tìm ra cách đổi từ active qua passive.		Explicit teaching; lecture; Inquiry; Problem solving. Peer learning	Ghi chép; Trả lời câu hỏi; Thảo luận theo nhóm với vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả trong giáo trình chính, Chương 8	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/10/0		CLO 4,5			
	-Match parts. - Complete sentences. -Change from active into passive.		-Làm đầy đủ và đúng		-Tự học Học nhóm	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà trong giáo trình chính, Chương 8	
	9. Chương 9. OTC pain relievers						
9	a. Các nội dung	2,5/0/0		CLO			

	chính giảng dạy trên lớp	0		1,2,3			
	9.1.Pain relievers 9.2.NSAIDs 9.3.Acetaminophen		-Vận dụng được kỹ năng skimming để nắm thông tin chính của bài đọc và kỹ năng đọc scanning để lấy thông tin chi tiết. -Sử dụng được từ vựng để đọc hiểu bài OTC pain relievers. -Phân tích và làm được câu hỏi		Explicit teaching; lecture; Inquiry; Problem solving. Giải thích cụ thể;Thuyết giảng;Câu hỏi gợi mở;Giải quyết vấn đề	Lắng nghe; Ghi chép; Trả lời câu hỏi; Thảo luận theo nhóm với vấn đề được đặt ra trong giáo trình chính, Chương 9	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/10/0		CLO 4,5			
	- Write words. - Answer questions.		-Làm đầy đủ và đúng		-Tự học Học nhóm	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà trong giáo trình chính, Chương 9	
	10. Chương 10. OTC cold and cough medicines						
10	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2,5/0/0		CLO 1,2,3			
	10.1.Antihistamines 10.2.Decongestants 10.3.Cough medicines		-Sử dụng được từ vựng để đọc được bài OTC cold and cough medicines -Xác định được các phần trong đoạn văn từ đó vận dụng vào việc giải các dạng bài tập đọc hiểu.		Explicit teaching; lecture; Inquiry; Problem solving. Debates	Lắng nghe; Ghi chép; Trả lời câu hỏi; Thảo luận theo nhóm với vấn đề được đặt ra với các quan điểm trái ngược nhau trong giáo trình chính,	

						Chương 10	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/10/0		CLO 4,5			
	-Write medicines. -Complete sentences.		Làm đầy đủ và đúng		-Tự học Học nhóm	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà trong giáo trình chính, Chương 10	
	11. Chương 11. OTC medicines to children						
11	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2,5/0/0		CLO 1,2,3			A 1.3.
	11.1.Children 11.2.Giving the right dose at the right times.		-Sử dụng được từ vựng để đọc được bài OTC medicines to children . -Phân tích được loại từ, từ đó có thể tìm được chính xác nghĩa của từ đúng vào ngữ cảnh. - Sử dụng chiến lược scanning and skimming để làm được bài tập.		Explicit teaching; lecture; Inquiry; Problem solving. Discussion	Lắng nghe; Ghi chép; Trả lời câu hỏi; Thảo luận theo nhóm với vấn đề được đặt ra bổ sung để hoàn thiện giải pháp của mình trong giáo trình chính, Chương 11	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/10/0		CLO 4,5			
	-Complete with verbs, adjectives, or nouns. - Complete sentences. - Match column A with B.		Làm đầy đủ và đúng		-Tự học Học nhóm	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà trong giáo trình chính, Chương	

						11	
	12. Chương 12. OTC medicines to other groups						
12	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2,5/0/0		CLO 1,2,3			
	12.1.Older adults 12.2.Pregnant or breastfeeding women 12.3.General tips		-Vận dụng chiến lược để tìm ra được ý chính của đoạn văn. - Sử dụng được từ vựng để đọc hiểu được các chủ đề liên quan đến OTC medicines to other groups. -Thảo luận nhóm để tìm ra cách dùng của causes and effects.		Explicit teaching; lecture; Inquiry; Problem solving. Pear learning	Ghi chép; Trả lời câu hỏi; Thảo luận theo nhóm với vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả trong giáo trình chính, Chương 12	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/10/0		CLO 4,5			
	- Find similar words. - Causes and effects.		Làm đầy đủ và đúng		-Tự học Học nhóm	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà trong giáo trình chính, Chương 12	
	13. Chương 13. Precription inserts						
13	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2,5/0/0		CLO 1,2,3			A 1.4
	13.1.Description 13.2.Clinical pharmacolgy 13.3.Indication and usage 13.4.Contraindications 13.5.Warnings		-Vận dụng được kỹ năng skimming để nắm thông tin chính của bài đọc và kỹ năng đọc scanning để lấy thông tin chi tiết. -Sử dụng được từ		Explicit teaching; lecture; Inquiry; Problem solving. Giải thích cụ	Lắng nghe; Ghi chép; Trả lời câu hỏi; Thảo luận theo nhóm với vấn đề	

	13.6.Precautions 13.7.Adverse reactions 13.8 Drug abuse and dependence 13.9.Overdosage 13.10.Dosage and administration 13.11.How supplied 13.12.Additional sections		vùng để đọc hiểu bài Prescription inserts. -Phân tích và làm được câu hỏi		thể;Thuyết giảng;Câu hỏi gợi mở;Giải quyết vấn đề	được đặt ra trong giáo trình chính, Chương 13	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/10/0		CLO 4,5			
	-Opposite words. -Suitable nouns. - noun+noun combinations. -Complete the sentences		Làm đầy đủ và đúng		-Tự học Học nhóm	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà trong giáo trình chính, Chương 13	
	14. Chương 14. Most common forms of medication						
14	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2,5/0/0		CLO 1,2,3			A 2 A 1.6
	14.1.Tablet 14.2.Capsule 14.2.Powders 14.4.Drops 14.5.Liquids 14.6.Injectable solutions 14.7.Inhalants and sprays 14.8.Suppository 14.9.Skin preparations		-Sử dụng được từ vựng để đọc được bài Most common forms of medication -Xác định được các phần trong đoạn văn từ đó vận dụng vào việc giải các dạng bài tập đọc hiểu.		Explicit teaching; lecture; Inquiry; Problem solving. Debates	Lắng nghe; Ghi chép; Trả lời câu hỏi; Thảo luận theo nhóm với vấn đề được đặt ra với các quan điểm trái ngược nhau trong giáo trình chính, Chương 14	Kiểm tra kỹ năng A 2 Đánh giá chuyên cần A 1.6.
	b. Các nội dung	0/10/0		CLO			

	chính SV tự học ở nhà	0		4,5			
	-Write the correct name of medications. - Answer the questions.		Làm đầy đủ và đúng		-Tự học Học nhóm	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà trong giáo trình chính, Chương 14	
Theo lịch thi	FINAL EXAM			CLO 1,2,3			A4

(*) Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương.
- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR. Tham khảo các phương pháp giảng dạy trong CTĐT ngành Dược học.
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ...); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số....).

8. Học liệu:

Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	Trương thị Ngọc Sương	2018	<i>Giáo trình Tiếng Anh chuyên ngành dược</i>	Giáo trình nội bộ, Khoa dược, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương, 2019.
Sách, giáo trình tham khảo				

Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ web hữu ích cho HP

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Pharmacy and pharmacists	https://en.wikipedia.org/wiki/Pharmacy	04/07/2019
2	Terminology of drug action	https://www.medterms.com	04/07/2019
3	OTC pain relievers	www.Familydoctor.org	04/07/2019

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

Bảng 9.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường học lý thuyết.	Màn hình TV, laptop, hệ thống âm thanh, ánh sáng	1	Tất cả các chương

Bình Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2019

TRƯỞNG KHOA



TRƯƠNG THỊ NGỌC SƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: DƯỢC

Mã số: 7720201

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về HP

1.1 Mã học phần:	1.2 Tên học phần: DƯỢC XÃ HỘI HỌC
1.3 Ký hiệu học phần:	1.4 Tên tiếng Anh:
1.5 Số tín chỉ:	03
1.6 Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	40 tiết
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	05 tiết
- Tự học:	90 tiết
1.7 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	
1.8 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không có
- Học phần học trước:	Không yêu cầu
- Học phần song hành:	Không yêu cầu

2. Mô tả học phần:

Môn học cung cấp các kiến thức về quy định pháp lý cơ bản của có liên quan đến các lĩnh vực hoạt động Dược và ứng dụng các qui định này trong công tác hành nghề.

3. Mục tiêu HP (Goals)

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)
G1	Hiểu được thế nào là xã hội học y tế, bản chất xã hội của thuốc	PLO1
G2	Hiểu được các mục tiêu chủ yếu và nội dung của tuyên bố Alma - Ata, tuyên bố thiên niên kỷ của FIP, tuyên bố của	PLO1,2

	hiệp hội sinh viên về tương lai người Dược sĩ.	
G3	Hiểu và vận dụng được vai trò của người dược sỹ trong cộng đồng	PLO1
G4	Hiểu được các chính sách quốc gia về thuốc, các quan điểm của Đảng, nhà nước về y tế về thuốc	
G5	Áp dụng được những nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, tuân thủ pháp luật, thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ của người cán bộ y tế trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân	PLO1,2,10,11

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes-CLOs)

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR của học phần (CLOs)	Mô tả CLOs (Sau khi học xong môn học này, người học có thể☺)
CLO 1	Nêu được định nghĩa, đối tượng và các nội dung nghiên cứu Dược xã hội học.
CLO 2	Giải thích được bản chất xã hội của thuốc
CLO 3	Mô tả được các mục tiêu chủ yếu và nội dung của tuyên bố Alma - Ata, tuyên bố thiên niên kỷ của FIP, tuyên bố của hiệp hội sinh viên về tương lai người Dược sĩ. Giải thích được các đặc trưng của Dược sĩ 7 sao.
CLO 4	Giải thích ý nghĩa, sự cần thiết của chính sách thuốc quốc gia và danh mục thuốc thiết yếu theo khuyến cáo WHO và Việt Nam. Nêu được một số quan điểm cơ bản của Đảng và Nhà Nước về y tế, về thuốc.
CLO 5	Phân tích được vai trò thiết yếu của Dược sĩ trong: Sử dụng thuốc hợp lý; Kiểm soát đề kháng vi khuẩn đối với thuốc kháng sinh; Thông tin thuốc cho người bệnh; Tư vấn về tự dùng thuốc của người bệnh; Cải thiện sức khỏe của bà mẹ, trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ; trong chăm sóc dược.
CLO 6	Hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng của Đạo đức trong hành nghề dược trong bối cảnh trong và ngoài nước

5. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CĐR của chương trình (PLOs)

Mức độ đóng góp của CLO vào PLO được xác định cụ thể:

- L (Low) – CLO có đóng góp ít vào PLO
- M (Medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO
- H (High) – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích:

- Các mức H – Cao, M – Vừa, L – Thấp – phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (L) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(mức M) hay mức thuần thục (H).

Bảng 5.1. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Chuẩn đầu ra HP (CLOs)	Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
CLO1	x	x	x						x	x		
CLO2	x	x	x						x	x		
CLO3	x	x	x						x	x		
CLO4	x	x	x			x			x	x		
CLO5	x	x	x	x		x			x	x	x	x
CLO6	x	x	x			x			x	x	x	
Tổng hợp												

6. Đánh giá HP

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP

H/phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric	Lquan đến CLO nào ở Bảng 5.1	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	10%	Câu hỏi lượng giá	40%		CLO 1,2,3	
A2. Kỹ năng	20%	Bài tập số 03: Phân tích mối liên quan giữa các yêu cầu của GMP và GLP, GSP		R2	CLO 4,5	
A3. Đánh giá giữa kỳ	20%	Câu hỏi lượng giá		R1	CLO 3,4,5	
A4. Đánh giá cuối kỳ	50%	Bài ktra cuối kỳ: Thi trắc nghiệm			CLO 1,2,3,4,5	

(7) PP đánh giá đạt CDR: Nêu tên các PP đánh giá sử dụng trong từng chương để đạt CDR.

6.2. Chính sách đối với HP

- SV tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $>20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP

Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần

Tuần / (5 tiết/tuần)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/TH/T)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở Bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 Bảng 6.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Chương 1: Giới thiệu về Dược xã hội học.						
1	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO 1,2,4, 5,6			
	1.1. Bản chất xã hội của thuốc 1.2. Tuyên bố Alma-Ata		- Nêu được định nghĩa, đối tượng và các nội dung nghiên cứu Dược xã hội học. - Giải thích được bản chất xã hội của thuốc - Mô tả được các mục tiêu chủ yếu và nội dung của tuyên bố Alma - Ata		-Giải thích cụ thể -Giải quyết vấn đề -Câu hỏi gợi mở	-Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/10/0		CLO 1, 4,			
	Phân tích được tầm quan trọng của thuốc trong đời sống sức khỏe, tinh thần của người dân		Nêu được vai trò của thuốc đối với sức khỏe và đời sống nhân dân		- Tự học - Học nhóm	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 2. Chính						

	sách thuốc quốc gia						
2	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO 1,2,4,5			
	2.1. Danh mục Thuốc thiết yếu 2.2. Một số quan điểm của Đảng và Nhà Nước về y tế, về thuốc		- Trình bày được danh mục thuốc thiết tại Việt Nam - Giải thích, phân tích được một số quan điểm của Đảng và nhà nước về y tế, về thuốc		- Giải thích cụ thể - Giải quyết vấn đề - Câu hỏi gợi mở	- Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO 4,5			
	2.3. Phân tích sự ảnh hưởng của các quan điểm y tế của nhà nước đối với người dân		- Nêu được sự ảnh hưởng của các chính sách, quan điểm về y tế, về thuốc đối với việc chăm sóc sức khỏe nhân dân			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Tuyên bố thiên niên kỷ của FIP về vai trò của Dược sĩ.						
3	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO 1,3,7			A1.1
	3.1 Tuyên bố của hiệp hội sinh viên về tương lai Dược sĩ. 3.2. Dược sĩ 7 sao		- Trình bày được Tuyên bố của hiệp hội sinh viên về tương lai Dược sĩ. - Giải thích Dược sĩ 7 sao là gì		- Giải thích cụ thể - Giải quyết vấn đề - Câu hỏi gợi mở	- Làm bài tập số 1 Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO 1, 5,6			

	3.14. Phân tích được vai trò của người Dược sỹ trong công tác chăm sóc sức khỏe của nhân dân		-Nêu được các vai trò của dược sỹ đối với cộng đồng trong chăm sóc sức khỏe nhân dân			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 4 Sử dụng thuốc hợp lý và bất hợp lý (RUM/IRUM)						
4	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO 1, 2, 6			
	4.1. Một số khái niệm cơ bản 4.2. Vai trò của cấp phát thuốc trong RUM		-Trình bày được vai trò của cấp phát thuốc trong RUM		-Giải thích cụ thể -Giải quyết vấn đề -Câu hỏi gợi mở	-Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO 1,2			
	-Với vai trò là một Dược sỹ, làm thế nào để người dân được sử dụng thuốc 1 cách hợp lý		-Phân tích được vai trò của dược sỹ trong việc sử dụng thuốc hợp lý của người bệnh			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 5. Vai trò của Dược sỹ trong triển khai một số chính sách liên quan đến Chăm sóc Dược của FIP						
5	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO 4			A3

	<p>5.1.Kiểm soát đề kháng của vi khuẩn đối với thuốc kháng sinh (AMR)</p> <p>5.2.Thông tin thuốc cho người bệnh</p> <p>5.4.Cải thiện sức khỏe của bà mẹ, trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ (MNCH)</p>		<p>- Trình bày được các phương pháp kiểm soát sự đề kháng của vi khuẩn đối với kháng sinh</p> <p>-Giải thích được việc thông tin thuốc cho người bệnh</p> <p>-Trình bày được các biện pháp nhằm cải thiện sức khỏe của bà mẹ và trẻ sơ sinh, trẻ nhỏ</p>		<p>-Giải thích cụ thể</p> <p>-Giải quyết vấn đề</p> <p>-Câu hỏi gợi mở</p>	<p>-Thảo luận nhóm</p>	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO 3			
	5.3.Vấn đề tự dùng thuốc của người bệnh		<p>-Phân tích được các tác hại của việc tự dùng thuốc của người bệnh</p> <p>-Nêu được phương hướng giải quyết</p>			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 6. Đạo đức hành nghề						
6	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO 4			A1.2
	<p>6.1. Khái niệm về Đạo đức; Y đức và Đạo đức trong hành nghề dược của Việt nam</p> <p>6.2. Xung đột đạo đức trong một số lĩnh vực cụ thể</p> <p>6.4. Lời thề của Dược sĩ (FIP)</p>		<p>-Trình bày được các khái niệm về Đạo đức; Y đức và Đạo đức trong hành nghề dược của Việt nam</p> <p>-Giải thích được việc xung đột đạo đức trong một số lĩnh vực</p>		<p>-Giải thích cụ thể</p> <p>-Giải quyết vấn đề</p> <p>-Câu hỏi gợi mở</p>	<p>-Làm bài tập số 2</p> <p>-Thảo luận nhóm</p>	

			- Trình bày được quy tắc đạo đức trong hành nghề dược của Hoa kỳ, Singapore - Nêu được lời thề của Dược sĩ (FIP)				
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO 3			
	6.3 Quy tắc đạo đức trong hành nghề dược của Hoa kỳ, Singapore		- Trình bày được quy tắc đạo đức trong hành nghề dược của Hoa kỳ, Singapore			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
Theo lịch thi	FINAL EXAM			CLO 1,2,3,4			A4

(*) Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương.
- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR.
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số....).

8. Học liệu:

Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	Đại học y dược TPHCM		Dược xã hội học	NXB y học
Sách, giáo trình tham khảo				
2				

Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ web hữu ích cho HP

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Đạo đức hành nghề dược	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/the-thao-y-te/Quyết-dinh-2397-1999-QĐ-BYT-ban-hanh-Dao-duc-hanh-nghe-duoc-250107.aspx	10/08/1999
2	FIP	https://www.fip.org/files/fip/HPS/Basel2008/translations/BaselStatementsVietnamese.pdf	31/08/2008

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

Bảng 9.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường	Lý thuyết		Các bài trong chương trình
		Máy chiếu + âm ly + micro	01	

Bình Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2019

TRƯỞNG KHOA



TRƯƠNG THỊ NGỌC SƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: DƯỢC

Mã số: 7720201

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1 Mã học phần:	1.2 Tên học phần: VI TÍNH DƯỢC
1.3 Ký hiệu học phần:	1.4 Tên tiếng Anh: COMPUTERIZED PHARMACY
1.4 Số tín chỉ: 02	
1.5 Phân bố thời gian: Học kỳ	
- Lý thuyết:	45 tiết
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	00 tiết
- Tự học:	90 tiết
1.6 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Không
1.7 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Tin học đại cương
- Học phần học trước:	Không yêu cầu
- Học phần song hành:	Không yêu cầu

2. Mô tả học phần:

Môn học Vi tính dược giúp sinh viên những kiến thức và thực hành ứng dụng vào dược về các nội dung phân tích thống kê mô tả, phân tích tương quan & hồi quy, phân biệt biến định tính, định lượng, trắc nghiệm giả thuyết thống kê, lấy mẫu ngẫu nhiên, xác định cỡ mẫu. Ngoài ra sinh viên còn được tìm hiểu các ứng dụng của các phần mềm chuyên dụng trong ngành dược.

3. Mục tiêu học phần (Goals)

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)
G1	Có kiến thức cơ bản về: phân tích thống kê mô tả, phân tích tương quan & hồi quy, phân biệt biến định tính, định lượng, trắc nghiệm giả thuyết thống kê, lấy mẫu ngẫu nhiên, xác định cỡ mẫu... để ứng dụng phục vụ cho công việc thực tế.	PLO1,PLO8
G2	Vận dụng vào việc xử lý dữ liệu thông thường trên bảng tính Excel.	PLO1,PLO8
G3	Tự tin, hứng thú, biết áp dụng kiến thức đã học vào thực tế.	PLO9
G4	Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, có đạo đức	PLO10,

nghề nghiệp và có khả năng sáng tạo trong công việc.	PLO11, PLO12
--	--------------

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes-CLOs)

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR của học phần (CLOs)	Mô tả CLOs (Sau khi học xong môn học này, người học có thể:)
CLO 1	Mô tả được các ứng dụng của một số phần mềm phổ thông và chuyên dụng vào một số hoạt động trong Dực như trình bày kết quả bằng biểu đồ thống kê, vẽ cấu trúc phân tử hóa học.
CLO 2	Phân biệt được biến định tính, biến định lượng; tính toán cỡ mẫu cho nghiên cứu dực học
CLO 3	Phân tích được thống kê, trắc nghiệm giả thuyết thống kê, phân tích hồi quy bằng MS-Excel và ứng dụng trong dực.
CLO 4	Sử dụng được một số phần mềm phổ thông và chuyên dụng để làm các bài tập về biểu đồ thống kê, về phân tích thống kê mô tả, về phân tích hồi quy tuyến tính, trình bày cấu trúc phân tử hóa học, các bài tập về thiết kế mô hình thực nghiệm và tối ưu hóa.
CLO 5	<i>Đủ điều kiện học tập để nâng cao trình độ chuyên môn.</i>
CLO 6	<i>Làm việc độc lập, làm việc nhóm. Đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp trong công việc.</i>

5. Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) và CĐR của chương trình (PLOs)

Bảng 5.1. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CĐR của chương trình (PLOs)

Mức độ đóng góp của CLO vào PLO được xác định cụ thể:

- L (Low) – CLO có đóng góp ít vào PLO
- M (Medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO
- H (High) – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích:

- Các mức H - Cao, M - Vừa, L - Thấp - phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (L) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(mức M) hay mức thuần thực (H).

Bảng 5.1. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CĐR của chương trình (PLOs)

Chuẩn đầu ra HP (CLOs)	Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
CLO1		L	L	M	M							
CLO2		M	L	M	M							
CLO3		L	L	L	L							

CLO4		L	M	M	M							
CLO5						M	L		M	M		
CLO6											M	M
Tổng hợp		L	L	M	M	M	L		M	M	M	M

6. Đánh giá học phần

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của sinh viên ở học phần Lý thuyết

Học phần đánh giá	Trọng số (%)	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Liên quan đến CLO nào ở Bảng 5.1	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Kiểm tra thường xuyên	5	A1.1. Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	50	Đánh giá bằng bảng Rubric1	CLO 1,2,3	Đánh giá chuyên cần
	5	A1.2. Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, giáo viên quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	50			
A2. Kỹ năng	10	A2.1. Một bài báo cáo nhóm hoặc seminar hoặc bài tập lớn theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy.			CLO2,3	- Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra (giảng viên nêu cụ thể)
A3. Đánh giá giữa kỳ	20	A3.1. Sinh viên làm một bài kiểm tra cá nhân.			CLO 2,3	- Tiêu chí đánh giá bài báo cáo, seminar, bài tập lớp (giảng viên nêu cụ thể)
A3. Đánh giá cuối kỳ	60	A3.1. Thi kết thúc học phần + Hình thức thi: Trắc nghiệm			CLO 2,3	- Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của giảng viên ra đề

Thực hành:

Học phần đánh giá	Trọng số (%)	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Liên quan đến CLO	HD PP đánh giá
-------------------	--------------	--------------	------------------	--------	-------------------	----------------

					nào ở Bảng 5.1	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Kiểm tra thường xuyên	10	A1.1. Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	50	Đánh giá bằng bảng Rubric1	CLO 4	Đánh giá chuyên cần
	10	A1.2. Tham dự tất cả các buổi thực hành là điều kiện bắt buộc để ra điểm giữa quá trình và điểm kết thúc môn học	50			
A2. Kỹ năng	10	A2.1. Một bài báo cáo nhóm hoặc seminar hoặc bài tập lớn theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy.		Đánh giá bằng bảng Rubric10	CLO 4	- Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra (giảng viên nêu cụ thể)
A3. Đánh giá giữa kỳ	40	A3.1. Điểm giữa môn học là điểm trung bình đánh giá sinh viên trong từng buổi học theo bảng kiểm của giáo viên.		Đánh giá bằng bảng Rubric10	CLO 4	Giảng viên đánh giá, cho điểm từng sinh viên trong từng buổi học theo các tiêu chí: kỹ năng thực hành
A4. Đánh giá cuối kỳ	60	A4.1. Thi kết thúc học phần + Hình thức thi: Thực hành + Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của giảng viên ra đề		Đánh giá bằng bảng Rubric10	CLO 4	Đánh giá các kỹ năng thực hành: biểu đồ thống kê, phân tích thống kê mô tả, phân tích hồi quy tuyến tính, trình bày cấu trúc phân tử hóa học

6.2. Chính sách đối với học phần

6.2.1. Lý thuyết:

- Sinh viên tham dự $\geq 80\%$ số buổi của học phần. Nếu nghỉ $> 20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc học phần.

6.2.2. Thực hành:

- Tham dự tất cả các buổi thực hành là điều kiện bắt buộc để ra điểm giữa quá trình và điểm kết thúc môn học

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần theo tuần

Tuần (5 tiết/tuần)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/TH/T)	Chuẩn đầu ra của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở Bảng 4.1	Phương pháp giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của sinh viên(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 Bảng 6.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Buổi 1: Trình bày biểu thức toán lý						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	3/0/0		CLO1,2,3			A1.1, A1.2
	1.1. Cách cài đặt trong office 1.2. Cài đặt mathtype 1.3. Bảng công cụ 1.4. Một số bài tập ứng dụng		Thực hiện được các thao tác cơ bản với các công cụ như trong phần mềm IS mathtype		- PPDH 1 - PPDH2 - PPDH4 - PPDH12 - PPDH13	- Đọc tài liệu	
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	6/0/0		CLO1			
	Bài tập áp dụng		- Áp dụng trình bày cấu trúc công thức toán lý cho sẵn bằng mathtype.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
2	Buổi 2: Trình bày cấu trúc phân tử						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	3/0/0		CLO1,2,3			A1.1, A1.2, A2.1, A2.2
	2.1. Giới thiệu phần mềm ISIS Draw. Khởi động ISIS-		- Thực hiện được các thao tác cơ bản với		- PPDH 1 - PPDH2	-Đọc tài liệu	

	Draw 2.2. Vẽ khung phân tử		các công cụ như: chọn, vẽ, ấn định thông số, thay đổi chi tiết cấu trúc, vẽ khung, liên kết, xoay, gộp/tách nhóm, quản lý tập tin trong phần mềm ISI-Draw		- PPDH4 - PPDH12 - PPDH13		
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	6/0/0		CLO1,2			
	Tìm hiểu các phần mềm trình bày cấu trúc hóa học		- Áp dụng trình bày cấu trúc phân tử cho sẵn bằng phần mềm ISIS-Draw và sao chép sang văn bản khoa học (khóa luận, bài báo...)			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
3	Buổi 3: Trình bày biểu đồ thống kê						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	3/0/0		CLO1,2,3			A1.1, A1.2
	3.1. Giới thiệu 3.2. Trình bày biểu đồ 3.3. Tùy chỉnh các thành phần trong biểu đồ 3.4. Các biểu đồ thông dụng		- Xác định ý nghĩa của việc áp dụng biểu đồ và phân loại ứng dụng dạng biểu đồ (rẽ quạt, thanh, sai số, phân tán, hồi quy, Pareto) - Sử dụng được phần mềm MS-Excel để thao tác các bước trình bày biểu đồ: chọn loại biểu đồ, ấn định đầu vào, thực hiện tùy chọn, ấn định đầu ra		- PPDH 1 - PPDH2 - PPDH4 - PPDH12 - PPDH13	-Đọc tài liệu	
	b. Các nội dung	6/0/0		CLO1			

	chính sinh viên tự học ở nhà						
	Bài tập áp dụng		- Áp dụng trình bày các biểu đồ rẽ quạt, thanh, trung bình sai số, hồi quy và Pareto cho dữ liệu thực tế; sao chép/dán sang văn bản khoa học			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
4	Buổi 4: Phân tích thống kê mô tả						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	3/0/0		CLO1,2,3			A1.1, A1.2, A2.1, A3.1
	4.1. Giới thiệu các giá trị thống kê: số trung bình, trung vị, yếu vị, sai số chuẩn, độ lệch chuẩn, phương sai, khoảng, sai số mẫu, sai số dân số và hệ số phân tán		- Xác định được ý nghĩa của các giá trị thống kê: số trung bình, trung vị, yếu vị, sai số chuẩn, độ lệch chuẩn, phương sai, khoảng, sai số mẫu, sai số dân số và hệ số phân tán - Sử dụng được công cụ phân tích thống kê mô tả (Descriptive Statistics) và các hàm trong phần mềm MS-Excel, Minitab 17		- PPDH 1 - PPDH2 - PPDH4 - PPDH12 - PPDH13	-Đọc tài liệu	
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	6/0/0		CLO1			
	Bài tập áp dụng		- Áp dụng được công cụ phần mềm phân tích thống kê mô tả			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	

			nhằm phân tích dữ liệu trong ngành Dược				
5	Buổi 5: Phân tích tương quan Phân tích hồi quy tuyến tính (đơn giản)						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	3/0/0		CLO1,2,3			A1.1, A1.2
	5.1. Hệ số tương quan 5.2. Ý nghĩa thống kê của hệ số tương quan 5.3. Phân tích tương quan với phần mềm MS-Excel hoặc Minitab		- Xác định được ý nghĩa hệ số tương quan và ứng dụng phân tích tương quan đánh giá mối liên hệ giữa 2 biến dữ liệu khảo sát - Sử dụng được công cụ phân tích tương quan trong phần mềm MS-Excel và Minitab		- PPDH 1 - PPDH2 - PPDH4 - PPDH12 - PPDH13	-Đọc tài liệu	
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	6/0/0		CLO1			
	Bài tập áp dụng		- Áp dụng được công cụ phân tích tương quan để phân tích dữ liệu trong ngành Dược			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
Theo lịch thi	FINAL EXAM			CLO1,2,3			A4

Thực hành:

Tuần	Nội dung	Số tiết
1	MS-Equation: Trình bày biểu thức toán lý	4
2	ISIS/Draw: Trình bày cấu trúc phân tử	4
3	MS-Excel: Bài tập ứng dụng các biểu đồ thống kê	4
4	MS-Excel: Bài tập về phân tích thống kê mô tả	5

5	MS-Excel: Bài tập về phân tích tương quan & hồi quy tuyến tính	5
6	Ứng dụng phần mềm để thiết kế mô hình thực nghiệm và tối ưu hóa	8
Tổng		30

8. Học liệu:

Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
[1]	Giáo trình nội bộ	2018	<i>Bài giảng Công nghệ thông tin</i>	Khoa dược
Sách, giáo trình tham khảo				
[2]	Đặng Văn Giáp		<i>Trình bày vi tính và phân tích dữ liệu,</i>	Khoa dược, Đại học Y Dược TP. HCM, 2003. 2014)
[3]	Nhiều tác giả	2012	Tiếng Anh Chuyên Ngành - Kiểm Tra Từ Vựng Tiếng Anh Máy Tính Và Công Nghệ Thông Tin	NXB Hồng Đức

Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ web hữu ích cho học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1			

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

Bảng 9.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của học phần

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường	- Bảng lớn	01	Tất cả bài trong học phần
		- Máy chiếu	01	
		- Phương tiện tăng âm	01	
	<i>Phòng thực hành</i>	- Máy vi tính		

Bình Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2019

TRƯỞNG KHOA



TRƯƠNG THỊ NGỌC SƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: DƯỢC

Mã số: 7720201

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về HP

1.1 Mã học phần:	1.2 Tên học phần: KIỂM NGHIỆM THUỐC
1.3 Ký hiệu học phần:	1.4 Tên tiếng Anh:
1.5 Số tín chỉ:	03
1.6 Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	40 tiết
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	05 tiết
- Tự học:	90 tiết
1.7 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	
1.8 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Hóa phân tích
- Học phần học trước:	Không yêu cầu
- Học phần song hành:	Không yêu cầu

2. Mô tả học phần:

Môn học Kiểm nghiệm được phẩm cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về chất lượng thuốc, phương pháp lấy mẫu và lưu mẫu, một số phương pháp kiểm nghiệm thuốc được ghi trong Dược điển VN. Sinh viên cũng thực hành kiểm nghiệm một số dạng bào chế thông dụng....Trong quá trình học, sinh viên sẽ trao đổi và thảo luận, đồng thời giải quyết vấn đề theo tình huống.

3. Mục tiêu HP (Goals)

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)
G1	Trình bày được khái niệm chất lượng thuốc và nhiệm vụ chủ	PLO2

CLO1	X	X	X				X	X	X	
CLO2	X	X	X				X	X	X	
CLO3	X	X	X				X	X	X	
CLO4	X	X	X				X	X	X	
CLO5	X	X	X				X	X	X	
CLO6	X	X	X				X	X	X	
Tổng hợp	X	X	X				X	X	X	

6. Đánh giá HP

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP

H/phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric	Lquan đến CLO nào ở Bảng 5.1	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	10%	A1.1. Tuần 3: Làm bài kiểm tra số 1	30%	R1	CLO 1	Đánh giá chuyên cần, đánh giá tiến trình, đánh giá bài tập
		A1.2. Tuần 6: Làm bài kiểm tra số 2	30%		CLO 1,2	
		A1.3. Tuần 8: Làm bài kiểm tra số 3	40%		CLO 3,6	
A2. Kỹ năng	20%	Tuần 9: cho sinh viên làm phiếu phân tích kiểm nghiệm		R2,R10	CLO 2,6	- GV cho SV làm phiếu phân tích
A3. Đánh giá giữa kỳ	20%	Lý thuyết: Bài tập lớn: Làm bài kiểm tra giữa kỳ		R1,R9,R3	CLO 4	
	20%	Thực hành: viết phiếu phân tích ho từng		R10	CLO5	Giảng viên đánh giá cho điểm sinh viên trong từng buổi học theo phiếu kiểm

		buổi học				nhịệm Đánh giá theo bảng kiểm và bảng thang điểm
A4. Đánh giá cuối kỳ	50%	Bài ktra cuối kỳ: Thi trắc nghiệm theo NHĐT.			CLO 1,2,3,4,5,6	

- (7) PP đánh giá đạt CĐR: Nêu tên các PP đánh giá sử dụng trong từng chương để đạt CĐR. Tham khảo các phương pháp đánh giá trong CTĐT ngành Dược học.

6.2. Chính sách đối với HP

- SV tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $>20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP

Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần

Tuần / (5 tiết/tuần)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/TH/T)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Lqua n đến CLO nào ở Bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 Bảng 6.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Bài 1: Hệ thống quản lý và kiểm tra chất lượng thuốc Việt Nam						
1	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2.5/0/0		CLO1			
	1.21. Thuốc và chất lượng 1.22. Hệ thống quản lý chất lượng thuốc. 1.23. Hệ thống tổ chức của các cơ sở kiểm nghiệm thuốc		-Định nghĩa thuốc và nêu được mục đích của các GPs cần thiết phải đạt để đảm bảo chất lượng thuốc -Phân biệt thuốc đạt chất lượng, thuốc kém chất lượng, thuốc giả. -Trình bày được hệ thống quản lý chất lượng thuốc tại Việt Nam.		-Phương pháp giải thích cụ thể, thuyết giảng, đặt câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm	- Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung	10/0/		CLO3			

	chính SV tự học ở nhà	0					
	1.24. Sơ đồ hệ thống quản lý chất lượng thuốc 1.25. Kết luận		- Trình bày được Sơ đồ hệ thống quản lý chất lượng thuốc		- Tự học - Học nhóm	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 2: Công tác đảm bảo chất lượng thuốc						
2	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2.5/0/0		CLO3			
	2.25. Đảm bảo chất lượng (QA) 2.26. Chức năng nhiệm vụ của bộ phận QA 2.27. Tóm tắt công việc của bộ phận QA. 2.28. Mối quan hệ của bộ phận QA với các bộ phận khác.		- Trình bày được chức năng – nhiệm vụ của bộ phận đảm bảo chất lượng thuốc - Nêu được những công việc của bộ phận đảm bảo chất lượng thuốc. - Trình bày được mối quan hệ giữa bộ phận đảm bảo chất lượng với các bộ phận khác.		- Phương pháp giải thích cụ thể, thuyết giảng, đặt câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm	- Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO4			
	Công tác kiểm nghiệm thuốc		- Trình bày được nội dung cơ bản của công tác kiểm nghiệm. - Nêu được các giai đoạn chính trong công tác kiểm nghiệm - Trình bày được cách viết phiếu kiểm nghiệm trong các trường hợp thanh tra chất lượng thuốc hay mẫu gửi kiểm nghiệm			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 3: công tác tiêu chuẩn						
3	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO1			A1.1
	4.10. Đại cương 4.11. Quy định về tiêu chuẩn hóa		- Trình bày được các định nghĩa của tiêu chuẩn và tiêu chuẩn		- Phương pháp giải	- Làm kiểm tra số 1	

<p>thuốc trong luật của quốc gia Việt Nam.</p> <p>4.12. Nội dung chính của một tiêu chuẩn cơ sở</p> <p>4.13. Phương pháp xây dựng tiêu chuẩn cơ sở</p> <p>4.14. Áp dụng tiêu chuẩn, xây dựng, công bố tiêu chuẩn chất lượng của thuốc lưu hành.</p> <p>4.15. Quan hệ giữa tiêu chuẩn – đo lường – kiểm tra.</p> <p>4.16. Kiểm tra áp dụng tiêu chuẩn</p> <p>4.17. Lưu trữ tiêu chuẩn</p> <p>4.18. sửa đổi tiêu chuẩn</p> <p>4.19. ví dụ về việc xây dựng tiêu chuẩn cơ sở.</p> <p>4.20. Kết luận.</p>		<p>chất lượng thuốc.</p> <p>- Trình bày được các nội dung chính của công tác tiêu chuẩn.</p> <p>- Nêu được phương pháp xây dựng tiêu chuẩn cơ sở.</p>		<p>thích cụ thể, thuyết giảng, đặt câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm</p>	<p>- Thảo luận nhóm</p>	
<p>b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà</p>	<p>0/10/0</p>		<p>CLO4</p>			
<p>- GLP và ISO/IEC 17025</p> <p>- Dược điển Việt Nam và một số dược điển của các nước tiên tiến.</p>		<p>- Nêu được mục đích của thực hành tốt các nguyên tắc kiểm nghiệm thuốc</p> <p>- Nêu 10 nguyên tắc của GLP</p> <p>- Trình bày được hệ thống chất lượng và hoạt động chất lượng khi thực hiện để đạt ISO</p> <p>- Nêu ý nghĩa của hệ thống chất lượng ISO 9001:2000</p> <p>- Nêu 1 nghĩa của hệ thống chất lượng ISO/IEC 17025</p> <p>- Nêu mối liên hệ của 10 nguyên tắc của GLP và yêu cầu thực hiện</p>			<p>Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà</p>	

			ISO/IEC 17025 - Trình bày được nội dung của được điển Việt Nam hiện hành. - Nêu một số được điển của các nước tiên tiến hiện đang sử dụng tại các phòng kiểm nghiệm của Việt Nam.				
	Chương 4: thẩm định quy trình phân tích.						
4	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO4			
	4.1. Quy trình phân tích 4.2. Thẩm định quy trình phân tích 4.3. Phạm vi thẩm định, tái thẩm định 4.4. Các yếu tố cần được thẩm định đối với một quy trình phân tích.	3	- Trình bày được định nghĩa và phân loại quy trình phân tích sự cần thiết phải thẩm định quy trình phân tích; phạm vi thẩm định và tái thẩm định một quy trình phân tích. - thực hiện được các yếu tố cần được thẩm định đối với một quy trình phân tích - đánh giá được một quy trình phân tích sau khi thẩm định.		Phương pháp giải thích cụ thể, thuyết giảng, đặt câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm	Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/10/0		CLO3			
	4.5. Thẩm định quy trình định lượng được chất trong dịch sinh học. 4.6. Một số ví dụ cụ thể		- Trình bày được cách thẩm định quy trình định lượng được chất trong dịch sinh học và cho ví dụ cụ thể.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 5: Xác định các hằng số lý học						
5	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO4			
	5.20. Xác định khối lượng riêng và tỷ trọng. 5.21. xác định chỉ số pH	3	- Hệ thống hóa lại một số phương pháp đo lường lý học đơn giản. - Ứng dụng các phép đo này trong kiểm nghiệm.		- Phương pháp giải thích cụ thể,	- Thảo luận nhóm	

					thuyết giảng, đặt câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm		
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/10/0		CLO3			
	5.22. xác định độ nhớt của chất lỏng		- trình bày được cách xác định độ nhớt của chất lỏng.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 6: Các phản ứng định tính – Giới hạn kim loại nặng						
6	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO4			A1.2
	6.15. phản ứng phân tích định tính một số ion dùng trong dược điển Việt Nam V 6.16. arsen và kim loại nặng 6.17. phương pháp thử 6.18.		-Giải thích được các bước tiến hành định tính một số ion trong dược điển Việt Nam. -Trình bày được ý nghĩa của việc kiểm định chỉ tiêu về giới hạn arsen và kim loại nặng -Trình bày được cách tiến hành và mức chất lượng của chỉ tiêu về giới hạn arsen và kim loại nặng.		-Phương pháp giải thích cụ thể, thuyết giảng, đặt câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm	-Làm bài kiểm tra số 2 -Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/10/0		CLO3			
	6.19. Phép thử xác định màu sắc của dung dịch và giới hạn tiểu phân		-Phân biệt được sự khác biệt về phạm vi áp dụng của hai phép thử: xác định giới hạn tiểu phân không nhìn thấy bằng mắt thường và xác định màu sắc của dung dịch.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	

			- Trình bày được cách thực hiện từng phép thử.				
	Chương 7: Xác định độ đồng đều khối lượng, giới hạn thể tích, nồng độ, hàm lượng của các dạng bào chế						
7	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO3			
	7.13. Giới hạn cho phép về thể tích, nồng độ, hàm lượng thuốc của các dạng bào chế. 7.14. Phép thử độ đồng đều hàm lượng		- Trình bày được cách xác định chênh lệch về thể tích của các dạng thuốc lỏng, dung dịch, hỗn dịch, nhũ dịch - Trình bày được cách xác định chênh lệch về khối lượng của các dạng thuốc rắn.		- Phương pháp giải thích cụ thể, thuyết giảng, đặt câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm	- Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/10/0		CLO4			
	7.15. Phép thử độ đồng đều khối lượng		- Trình bày được cách xác định độ đồng đều khối lượng.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 8: Kiểm nghiệm các thuốc dạng rắn						
8	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO5			A1.3
	8.4. Kiểm nghiệm thuốc bột 8.5. Kiểm nghiệm thuốc cốm 8.6. Kiểm nghiệm viên nang 8.7. Kiểm nghiệm viên nén		- Trình bày được các chỉ tiêu kiểm nghiệm các dạng thuốc rắn. - Phân biệt các chỉ tiêu khác nhau của kiểm nghiệm của thuốc rắn. - Nêu các sản phẩm thuốc rắn có trên thị trường		- Phương pháp giải thích cụ thể, thuyết giảng, đặt câu hỏi gợi	- Làm bài kiểm tra số 3 - Thảo luận nhóm	

					mở, giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm		
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/10/0		CLO4			
	8.8. Kiểm nghiệm thuốc mềm dùi trên da. 8.9. Kiểm nghiệm các dạng thuốc đặt.		-Phân biệt các loại thuốc mềm dùi trên da và niêm mạc. -Trình bày được các chỉ tiêu kỹ thuật cho từng loại thuốc mềm dùi trên da và niêm mạc. -Phân tích được tính thích hợp của từng chỉ tiêu đối với từng loại thuốc mềm dùi trên da và niêm mạc. -Trình bày được các yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử để đánh giá chất lượng của thuốc đặt.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 9: Kiểm nghiệm các thuốc dạng lỏng						
9	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO5			A2
	9.1. Đại cương 9.2. Yêu cầu kỹ thuật 9.3. Các thuốc uống dạng lỏng. 9.4. Thuốc nhỏ mắt		-Trình bày được các chỉ tiêu kỹ thuật cho từng dạng thuốc lỏng. -phân tích được tính thích hợp của từng loại chỉ tiêu đối với các dạng thuốc lỏng.		-Phương pháp giải thích cụ thể, thuyết giảng, đặt câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm	-Làm bài tập viết phân tích -Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/10/0		CLO4			

	9.5. Thuốc tiêm, thuốc tiêm truyền.		- Trình bày được các chỉ tiêu kỹ thuật cho từng loại thuốc tiêm. - Phân tích được tính thích hợp của từng loại chỉ tiêu đối với các loại chế phẩm tiêm.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 10: Kiểm nghiệm thuốc dán, khí dung						
10	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO3			
	10.1. Thuốc dán		- Trình bày được định nghĩa, phân loại và yêu cầu chất lượng của thuốc dán.		- Phương pháp giải thích cụ thể, thuyết giảng, đặt câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm	- Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/10/0		CLO4			
	10.2. Thuốc khí dung		- Trình bày được định nghĩa, phân loại và yêu cầu chất lượng của thuốc dán.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 11: Kiểm nghiệm thuốc có nguồn gốc dược liệu						
11	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO3			A3
	11.1. Một số khái niệm 11.2. Phân loại 11.3. Yêu cầu chất lượng của thuốc có nguồn gốc từ dược liệu.		- Trình bày được định nghĩa, phân loại và yêu cầu chất lượng của thuốc có nguồn gốc từ dược liệu.		Phương pháp giải thích cụ thể, thuyết giảng, đặt câu	- Làm bài kiểm tra lớn Thảo luận nhóm	

					hỏi gọi mở, giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm nhóm		
	THỰC HÀNH						
	Chương 1 Kiểm nghiệm nguyên liệu Calci clorid dihydrat:						
12	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO5			
	Chương 2: Kiểm nghiệm viên nén sulfaguanidin 500 mg						
12	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO5			
	Chương 3: Kiểm nghiệm thuốc tiêm vitamin B12 1000 mg/ml						
12	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO5			
	Chương 4: Kiểm nghiệm thuốc bột sủi bột Paracetamol 150mg						
12	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO5			
	Chương 5: Kiểm nghiệm thuốc nhỏ mắt Natri clorid 0,9%						
12	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO3 5			
	Chương 6: Kiểm nghiệm thuốc tiêm vitamin C						
12	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO5			

Theo lịch thi	FINAL EXAM			CLO1 ,2,3,4, 5			A4
	Lý thuyết		Thực hiện theo ngân hàng đề thi				
	Thực hành		Sinh viên thực hiện theo 2 phần: <u>Phần 1:</u> Thi viết Xác định khối lượng/thể tích chế phẩm cần lấy để kiểm nghiệm theo yêu cầu đề thi (Sinh viên không được tiến hành thi phần 2 nếu không hoàn thành phần 1) <u>Phần 2:</u> Thi thao tác Sinh viên tiến hành kiểm nghiệm chế phẩm theo yêu cầu đề thi và viết phiếu phân tích.				

(*) Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương.
- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR. Tham khảo các phương pháp giảng dạy trong CTĐT ngành Dược
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số....).

8. Học liệu:

Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	PGS.TS.Trần Tử An	2011	<i>Kiểm nghiệm dược phẩm</i>	NXB Y học
2	Giáo trình nội bộ, Khoa dược – ĐH KTKT Bình Dương	2018	<i>Thực tập kiểm nghiệm dược phẩm,</i>	Khoa Y Dược ĐH KTKT Bình Dương
Sách, giáo trình tham khảo				
3	Bộ Y tế	2012	Dược thư quốc gia Việt Nam	NXB Y học

8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

Bảng 8.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH	Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
------------------------------------	---	-------------------------------------

TT	TH	Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường			
2	Phòng mô phỏng			

Bình Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2019

TRƯỞNG KHOA



TRƯƠNG THỊ NGỌC SƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: DƯỢC

Mã số: 7720201

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về HP

1.1 Mã học phần:	1.2 Tên học phần: PHÁP CHẾ DƯỢC
1.3 Ký hiệu học phần:	1.4 Tên tiếng Anh: PHARMACY LEGISLATION
1.5 Số tín chỉ:	03
1.6 Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	40 tiết
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	05 tiết
- Tự học:	90 tiết
1.7 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	
1.8 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không có
- Học phần học trước:	Không yêu cầu
- Học phần song hành:	Không yêu cầu

2. Mô tả học phần:

Môn học cung cấp các kiến thức về quy định pháp lý cơ bản của có liên quan đến các lĩnh vực hoạt động Dược và ứng dụng các qui định này trong công tác hành nghề.

3. Mục tiêu HP (Goals)

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)
G1	Hiểu và vận dụng được những nội dung cơ bản của một số quy chế quản lý dược quan trọng gồm: Luật dược, quy chế quản lý các thuốc gây nghiện, hướng tâm thần, tiền chất. Quy định về hành nghề dược, các quy định về đăng kí thuốc, kê đơn, bán thuốc theo đơn, thanh tra, quản lý thuốc trong bệnh	PLO1

	viện, quản lý mỹ phẩm, thực phẩm chức năng.	
G2	Hiểu được được hệ thống quản lý chất lượng thuốc tại Việt Nam	PLO1,2
G3	Hiểu được được nội dung các văn bản quy phạm pháp luật và các hướng dẫn có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của ngành dược và chăm sóc sức khỏe nhân dân	PLO1
G4	Có ý thức chấp hành luật pháp trong khi hành nghề dược	PLO1,2,10,11
G5	Áp dụng được những nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, tuân thủ pháp luật, thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ của người cán bộ y tế trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân	PLO1,2,10,11

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes-CLOs)

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR của học phần (CLOs)	Mô tả CLOs (Sau khi học xong môn học này, người học có thể:)
CLO 1	Hiểu và vận dụng được những nội dung cơ bản của một số quy chế quản lý dược quan trọng gồm: Luật dược, quy chế hành nghề dược, hướng dẫn quản lý chất lượng thuốc, quản lý thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc, thuốc phóng xạ, Quy chế nhãn và nhãn hiệu hàng hóa, Quy định đăng ký thuốc, Quy chế quản lý mỹ phẩm, Thực phẩm chức năng, Quy chế bán thuốc theo đơn, Quy chế quản lý sử dụng thuốc trong bệnh viện, quy chế thanh tra dược
CLO 2	Hiểu được được hệ thống quản lý chất lượng thuốc tại Việt Nam. Hiểu được được nội dung các văn bản quy phạm pháp luật và các hướng dẫn có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của ngành dược và chăm sóc sức khỏe nhân dân.
CLO 3	Mô tả và phân biệt được các hồ sơ, thủ tục, qui trình thao tác chuẩn trong thực hành dược, bao gồm: qui trình cung ứng thuốc, qui trình bảo quản thuốc, qui trình quản lý chất lượng thuốc, qui trình thông tin thuốc, qui trình đăng ký thuốc
CLO 4	Vận dụng được những quy chế có liên quan của nhà nước vào lĩnh vực hành nghề dược.
CLO 5	Có ý thức chấp hành luật pháp trong khi hành nghề dược

5. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CĐR của chương trình (PLOs)

Mức độ đóng góp của CLO vào PLO được xác định cụ thể:

- L (Low) – CLO có đóng góp ít vào PLO
- M (Medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO
- H (High) – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích:

- Các mức H - Cao, M - Vừa, L - Thấp - phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (L) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(mức M) hay mức thuần thục (H).

Bảng 5.1. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Chuẩn đầu ra HP (CLOs)	Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
CLO1	x	x	x						x	x		
CLO2	x	x	x						x	x		
CLO3	x	x	x						x	x		
CLO4	x	x	x			x			x	x		
CLO5	x	x	x	x		x			x	x	x	x
Tổng hợp												

6. Đánh giá HP

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP

H/phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric	Lquan đến CLO nào ở Bảng 5.1	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	10%	A1.1. Tuần 3: Làm bài tập số 1	30%	2, 3	CLO 1,2,3	
		A1.2. Tuần 6: Làm bài tập số 2	30%	2,3	CLO 1,2,3	
		A1.3. Tuần 8: Làm bài tập số 3	40%	2,3,3	CLO 1,2,3	
A2. Kỹ năng	20%	Tuần 9: Khả năng lên kế hoạch để mở 1 nhà thuốc tư nhân		R2	CLO 1,2,3	
A3. Đánh giá giữa kỳ	20%	Câu hỏi trắc nghiệm			CLO 1,2,3,4,5	
A4. Đánh giá cuối kỳ	50%	Bài ktra cuối kỳ: Thi trắc nghiệm			CLO 1,2,3,4	

- (7) PP đánh giá đạt CDR: Nêu tên các PP đánh giá sử dụng trong từng chương để đạt CDR.

6.2. Chính sách đối với HP

- SV tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $>20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP

Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần

Tuần / (5 tiết/tuần)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/TH/T)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lựa chọn đến CLO nào ở Bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 Bảng 6.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Chương 1: Luật dược						
1	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO 1,2,4, 5,6			
	1.1. Những quy định chung của Luật Dược. 1.2. Những quy định cụ thể của Luật Dược		- Trình bày được sự ra đời của Luật dược và quá trình thay đổi qua các giai đoạn phát triển phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội. - Nêu được tổng quát các vấn đề cơ bản được đề cập trong Luật dược - Nêu được một số nội dung cụ thể của Luật dược		- Giải thích cụ thể - Giải quyết vấn đề - Câu hỏi gợi mở	- Lắng nghe, ghi chép - Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/10/0		CLO 1, 4,			
	1.26. Tìm hiểu về quá trình hình thành Luật dược tại Việt Nam 1.27. Luật dược hiện hành cần bổ sung thêm vấn đề nào không?		- Trình bày được thời gian bắt đầu áp dụng, nội dung tổng quát của Luật dược - Trình bày được dự kiến tương lai Luật dược cần phải bổ sung thêm nội dung gì?		- Tự học - Học nhóm	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 2. Quy chế hành nghề dược						
2	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO 1,2,4, 5			

	<p>2.1. Những cơ sở pháp lý cho việc ra đời các loại hình hành nghề Dược</p> <p>2.2. Quy định về cấp chứng chỉ hành nghề Dược</p> <p>2.3. Quy định về Chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc</p> <p>2.4. Phạm vi hành nghề, quyền hạn và trách nhiệm của người hành nghề Dược</p>		<p>-Nêu được tính phù hợp của các cơ sở pháp lý cho việc ra đời các loại hình hành nghề dược</p> <p>-Nêu được các điều kiện để được cấp chứng chỉ hành nghề dược, chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược</p> <p>-Phân tích được các trách nhiệm của người hành nghề đối với các loại hình hành nghề dược</p>		<p>-Giải thích cụ thể</p> <p>-Giải quyết vấn đề</p> <p>-Câu hỏi gợi mở</p> <p>Phát biểu xây dựng bài</p> <p>-Thảo luận nhóm</p>	-Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO 4,5			
	2.4. Trách nhiệm của người hành nghề dược		-Phân tích được các trách nhiệm của người hành nghề dược đối với việc sử dụng thuốc an toàn, hợp lý			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	3. Chương 3. Quản lý thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc phóng xạ.						
3	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO 1,3,7			A1.1
	<p>3.1 Quy định chung</p> <p>3.2 Kinh doanh thuốc thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc, thuốc phóng xạ.</p> <p>3.3 Pha chế, cấp phát, sử dụng, bảo quản thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc phóng xạ dùng làm thuốc ở các cơ sở y</p>		<p>- Trình bày được các điều kiện cần thiết để được kinh doanh thuốc gây nghiện, thuốc hướng tâm thần, thuốc phóng xạ</p> <p>- Định nghĩa, phân biệt được thuốc gây nghiện, thuốc hướng tâm thần, tiền chất dùng làm thuốc, thuốc phóng xạ.</p> <p>- Làm được một</p>		<p>-Giải thích cụ thể</p> <p>-Giải quyết vấn đề</p> <p>-Câu hỏi gợi mở</p>	- Làm bài tập số 1 Thảo luận nhóm	

	<p>tế, trung tâm cai nghiện.</p> <p>3.4 Hồ sơ, thủ tục về dự trữ – duyệt dự trữ, mua bán, xuất khẩu – nhập khẩu thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc phóng xạ.</p> <p>3.5 Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm</p> <p>3.6 Điều khoản thi hành</p>		<p>bản dự trữ thuốc gây nghiện, thuốc hướng tâm thần và tiền chất dùng làm thuốc</p>				
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO 1, 5,6			
	3.15. Các quy định liên quan đến quản lý thuốc gây nghiện, thuốc hướng tâm thần và tiền chất trong hoạt động bán lẻ		- Trình bày được các yêu cầu cần thiết của một nhà thuốc có tham gia bán lẻ thuốc gây nghiện, thuốc hướng tâm thần và tiền chất			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 4. Quy chế Quản lý chất lượng thuốc						
4	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO 1, 2, 6			
	<p>4.1. Một số khái niệm cơ bản</p> <p>4.2. Các lý thuyết cơ bản về quản lý chất lượng thuốc</p> <p>4.3. Các nội dung cơ bản đảm bảo chất lượng thuốc</p> <p>4.4. Các quy định về quản lý chất lượng thuốc</p>		<p>- Trình bày được các khái niệm cơ bản về hệ thống quản lý chất lượng thuốc tại Việt Nam</p> <p>- Trình bày được các quy định về quản lý chất lượng thuốc tại Việt Nam</p>		<p>- Giải thích cụ thể</p> <p>- Giải quyết vấn đề</p> <p>- Câu hỏi gợi mở</p>	- Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO 1,2			
	- Phân tích vai trò của các cơ quan quản lý chất lượng thuốc tại Việt Nam		- Trình bày được các mối liên quan, vai trò của các cơ quan lý về chất lượng thuốc tại Việt Nam			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 5. Quy						

	chế thanh tra dược						
5	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO 4			A3
	5.1. Vai trò của công tác thanh tra trong ngành Y Tế 5.2. Tổ chức thanh tra Dược trong ngành Y Tế 5.3. Trách nhiệm, phạm vi, quyền hạn thanh tra dược 5.4. Nội dung, hình thức, phương pháp và trình tự thanh tra 5.5. Một số nội dung thanh tra các cơ sở Dược 5.6. Một số hành vi vi phạm hành chính về hành nghề Dược		-Nêu được tầm quan trọng của công tác thanh tra y tế trong ngành Dược -Trình bày được hệ thống thanh tra Dược trong ngành y tế tại Việt Nam -Trình bày được các nguyên tắc, trách nhiệm và quyền hạn của thanh tra dược -Nêu được hình thức xử phạt đối với một số vi phạm trong ngành Dược.		-Giải thích cụ thể -Giải quyết vấn đề -Câu hỏi gợi mở	-Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO 3			
	Nêu được các vi phạm thường gặp đối với hoạt động kinh doanh tại cơ sở bán lẻ và tại công ty sản xuất thuốc		-Trình bày được các hình thức xử phạt đối với các vi phạm tại cơ sở bán lẻ và tại công ty sản xuất thuốc			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 6. Quy chế nhãn và nhãn hiệu hàng hóa						
6	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO 4			A1.2
	6.1. Quy định chung 6.2. Nội dung của nhãn thuốc 6.3. Tờ hướng dẫn sử dụng thuốc		-Trình bày được các nội dung của nhãn bao bì ngoài, bao bì trung gian, bao bì trực tiếp, tờ hướng dẫn sử dụng thuốc		-Giải thích cụ thể -Giải quyết vấn đề -Câu hỏi gợi mở	-Làm bài tập số 2 -Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO 3			

	6.20. Phân biệt được các chế độ quản lý dựa vào nhãn thuốc		- Sắp xếp các thuốc theo các chế độ quản lý: kê đơn, không kê đơn			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 7. Quy chế Thông tin quảng cáo thuốc						
7	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2.5/0/0		CLO 3			A1.2.
	7.1. Đại cương về thông tin, quảng cáo thuốc 7.2. Các quy định chung về thông tin, quảng cáo thuốc 7.3. Các quy định cụ thể về thông tin thuốc 7.4. Các quy định về quảng cáo thuốc		- Trình bày được các định nghĩa về thông tin, quảng cáo thuốc - Trình bày được các quy định về thông tin, quảng cáo thuốc		- Giải thích cụ thể - Giải quyết vấn đề - Câu hỏi gợi mở	- Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO 4			
	7.16. Tìm hiểu một số hoạt động quảng cáo, thông tin thuốc dành cho bệnh nhân, cho cán bộ y tế.		- Phân biệt được các hình thức thông tin, quảng cáo thuốc dành riêng cho cán bộ y tế, cho bệnh nhân			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 8. Quy chế đăng ký thuốc						
8	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2.5/0/0		CLO 5			A1.3
	8.1. Quy định chung 8.2. Sở hữu trí tuệ đối với thuốc đăng ký 8.3. Quy định về hồ sơ đăng ký thuốc 8.4. Trình tự, thủ tục đăng ký thuốc 8.5. Các trường hợp bị rút số đăng ký thuốc, tạm ngừng tiếp nhận mới hồ sơ đăng ký thuốc và		- Trình bày được các quy định về hồ sơ đăng ký thuốc. - Nêu được các bước của 1 hồ sơ đăng ký thuốc. - Trình bày được các trường hợp bị rút số đăng ký - Trình bày được vai trò, trách nhiệm của các cơ quan quản lý và cơ sở đăng ký thuốc đối với các vấn đề liên		- Giải thích cụ thể - Giải quyết vấn đề - Câu hỏi gợi mở	- Thảo luận nhóm	

	<p>ngừng cấp số đăng ký lưu hành thuốc cho các hồ sơ đã nộp</p> <p>8.6. Thẩm quyền ra quyết định, trách nhiệm thông báo và thời hạn rút số đăng ký lưu hành, tạm ngừng nhận hồ sơ, tạm ngừng cấp số đăng ký lưu hành thuốc</p>		quan đến đăng kí thuốc				
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO 4			
	- Tìm hiểu một vài trường hợp bị rút số đăng kí thuốc tại Việt Nam		- Trình bày được các vi phạm có thể bị rút số đăng kí.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 9. Quy chế quản lý mỹ phẩm, thực phẩm chức năng						
9	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2.5/0/0		CLO 5			A2
	<p>9.1. Phạm vi áp dụng quy định xuất nhập khẩu thuốc, mỹ phẩm</p> <p>9.2. Các quy định chung</p> <p>9.3. Quản lý xuất khẩu, nhập khẩu</p> <p>9.4. Thủ tục, thẩm quyền cấp giấy phép nhập khẩu, giấy phép khảo nghiệm và xác nhận đơn hàng</p> <p>9.5. Xuất khẩu thuốc thành phẩm, nguyên liệu, tá dược, dược liệu, vỏ nang thuốc, bao bì tiếp xúc trực tiếp với thuốc và mỹ phẩm</p> <p>9.6. Quy định nhập</p>		<p>- Trình bày được các quy định liên quan đến xuất, nhập khẩu thuốc</p> <p>- Trình bày được các thủ tục để được xuất, nhập khẩu thuốc</p>		<p>- Giải thích cụ thể</p> <p>- Giải quyết vấn đề</p> <p>- Câu hỏi gợi mở</p>	- Thảo luận nhóm	

	khẩu thuốc song song						
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/0/0		CLO 4			
	Tìm hiểu thực trạng vi phạm trong xuất, nhập khẩu thuốc tại Việt Nam		- Nêu được các vi phạm thường thấy trong xuất, nhập khẩu thuốc tại Việt Nam			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 10. Quy chế quản lý thuốc kê đơn và bán theo đơn						
10	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO 3			
	10.1 Quy định chung 10.2 Đơn thuốc và kê đơn thuốc 10.3 Tổ chức cấp, bán thuốc và lưu tài liệu về thuốc gây nghiện 10.4 Danh mục thuốc không kê đơn 10.5. Bán thuốc theo đơn 10.6. Hướng dẫn thực hành kê đơn thuốc tốt của WHO		- Trình bày các quy định của kê đơn thuốc - Trình bày được các nội dung cần thiết của một đơn thuốc - Phân biệt được các loại đơn thuốc - Phân biệt được thuốc kê đơn, thuốc không kê đơn		-Giải thích cụ thể -Giải quyết vấn đề -Câu hỏi gợi mở	-Làm bài tập số 3 -Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO 4			
	- Phân tích một số đơn thuốc		-Phát hiện được các điểm sai sót của 1 đơn thuốc thông thường			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 11. Quy chế quản lý sử dụng thuốc trong bệnh viện						
11	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2.5/0/0		CLO 3			
	11.1. Khái niệm về hoạt động một Khoa Dược Bệnh		-Trình bày được tổ chức của một Khoa Dược bệnh viện				

	viện 11.2. Trình bày được tổ chức của một Khoa dược 11.3. Chức năng, nhiệm vụ của khoa dược bệnh viện		- Trình bày được các hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của Khoa Dược				
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	05/0/0	-	CLO 4			
	Tìm hiểu về công tác Dược lâm sàng, đấu thầu thuốc trong bệnh viện		- Trình bày được nhiệm vụ, vai trò của công tác dược lâm sàng và công tác đấu thầu thuốc trong bệnh viện.				
Theo lịch thi	FINAL EXAM			CLO 1,2,3,4			A4

(*) Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương.
- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR.
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, trả trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số....).

8. Học liệu:

Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	Trương thị Ngọc Sương	2018	Giáo trình Pháp chế dược	Trường ĐHKTKT Bình Dương
Sách, giáo trình tham khảo				
2	Trương Việt Dũng, Nguyễn Duy Luật	2011	Tổ chức và quản lý y tế	NXB Y học
3	Hữu Đại, Vũ Tươi	2017	Luật dược	NXB Thế giới

Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ web hữu ích cho HP

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề	https://nganhangphapluat.thukyluat.vn/tu-van-phap-luat/the-thao--y-te/dieu-kien-cap-chung-chi-hanh-nghe-duoc-2019-279057	09/01/2019

2	Thông tư 20- hướng dẫn thi hành Luật dược	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/the-thao-y-te/thong-tu-20-2017-tt-byt-huong-dan-luat-duoc-54-2017-nd-cp-thuoc-nguyen-lieu-lam-thuoc-339250.aspx	04/07/2019
---	---	---	------------

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

Bảng 9.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường	Lý thuyết		Các bài trong chương trình
		Máy chiếu + âm ly + micro	01	

Bình Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2019

TRƯỞNG KHOA



TRƯƠNG THỊ NGỌC SƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: DUOC

Mã số: 7720201

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về HP

1.1 Mã học phần:	1.2 Tên học phần: QUẢN LÝ VÀ KINH TẾ DƯỢC
1.3 Ký hiệu học phần:	1.4 Tên tiếng Anh:
1.5 Số tín chỉ:	03
1.6 Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	40 tiết
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	05 tiết
- Tự học:	90 tiết
1.7 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	
1.8 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không có
- Học phần học trước:	Không yêu cầu
- Học phần song hành:	Không yêu cầu

2. Mô tả học phần:

Môn học Quản lý và Kinh tế dược cung cấp cho sinh viên các kiến thức về các chính sách của nhà nước trong quản lý hành nghề dược, về Chính sách quốc gia về thuốc, về tổ chức quản lý và vai trò của dược sĩ trong một xí nghiệp sản xuất thuốc, Khoa dược bệnh viện, nhà thuốc... Trong quá trình học, sinh viên sẽ trao đổi và thảo luận, đồng thời giải quyết vấn đề theo tình huống.

3. Mục tiêu HP (Goals)

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)
G1	Giải thích được các chính sách của Nhà nước trong quản lý y tế trong lĩnh vực hành nghề Dược, chính sách quốc gia về	PLO2

	thuốc.	
G2	Mô tả được tổ chức quản lý và vai trò của dược sĩ trong một xí nghiệp sản xuất thuốc, Khoa dược bệnh viện, nhà thuốc;	PLO2
G3	Trình bày các khái niệm, tầm quan trọng của Kinh tế y tế.	PLO2,3,4,5,6
G4	Vận dụng được các văn bản quy phạm có liên quan tùy vào các lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp	PLO2,3,4,5,6

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes-CLOs)

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR của học phần (CLOs)	Mô tả CLOs (Sau khi học xong môn học này, người học có thể:)
CLO 1	Trình bày được các chính sách xây dựng, ban hành pháp luật, chính sách, kế hoạch về y tế
CLO 2	Trình bày được cơ cấu tổ chức một doanh nghiệp dược
CLO 3	Trình bày được đối tượng bảo hộ sáng chế trong ngành dược và tác động của quyền sở hữu trí tuệ.
CLO 4	Trình bày được chức năng, nhiệm vụ của khoa dược, điều kiện vật chất; chức trách, nhiệm vụ của các chức danh trong khoa dược, các hoạt động chính của khoa dược
CLO 5	Có khả năng lập dự trù thuốc và trình bày được Quy định về tổ chức và hoạt động của hội đồng thuốc và điều trị trong bệnh viện , xây dựng danh mục thuốc trong bệnh viện., xác định và phân tích các vấn đề liên quan đến sử dụng thuốc
CLO 6	Trình bày được những quy định chung trong việc tổ chức quản lý nhà thuốc
CLO 7	Trình bày được các khái niệm cơ bản trong đấu thầu thuốc , những quy định cụ thể trong hoạt động đấu thầu thuốc
CLO 8	Trình bày được khái niệm, phân loại, hình thức, nội dung của hợp đồng nói chung và hợp đồng kinh tế dược nói riêng. Nêu được cách giao kết, thực hiện, vô hiệu, sửa đổi và chấm dứt hợp đồng. Vận dụng vào việc soạn thảo hợp đồng mua bán thuốc và trang thiết bị y tế.
CLO 9	Nêu được các khái niệm về kinh tế y tế, trình bày được vai trò của kinh tế y tế., cung – cầu trong kinh tế y tế

5. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CĐR của chương trình (PLOs)

Mức độ đóng góp của CLO vào PLO được xác định cụ thể:

- L (Low) – CLO có đóng góp ít vào PLO
- M (Medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO
- H (High) – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích:

- Các mức H - Cao, M - Vừa, L - Thấp - phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (L) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(mức M) hay mức thuần thực (H).

Bảng 5.1. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Chuẩn đầu ra HP (CLOs)	Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
CLO1	X				X	X	X		X	X	X	X
CLO2	X				X	X	X		X	X	X	X
CLO3	X				X	X	X		X	X	X	X
CLO4	X				X	X	X		X	X	X	X
CLO5	X				X	X	X		X	X	X	X
CLO6	X				X	X	X		X	X	X	X
CLO7	X				X	X	X		X	X	X	X
CLO8	X				X	X	X		X	X	X	X
CLO9	X				X	X	X		X	X	X	X
Tổng hợp	X				X	X	X		X	X	X	X

6. Đánh giá HP

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP

H/phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric	Lquan đến CLO nào ở Bảng 5.1	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	10%	A1.1. Tuần 3: Làm bài kiểm tra số 1	30%	Đánh giá bằng bảng Rubric 1,3	CLO 1,8	
		A1.2. Tuần 5: Làm bài kiểm tra số 2	30%		CLO 1,10	
		A1.3. Tuần 8: Làm bài kiểm tra số 3	40%		CLO 3,9	
A2. Kỹ năng	20%	Tuần 9: Khả năng trình bày được kế hoạch và		R2,R9	CLO 2,6	- GV cho SV thử nghiệm khả năng bán hàng của SV

		hồ sơ mời thầu				
A3. Đánh giá giữa kỳ	20%	Bài tập kiểm tra số 4		R3	CLO 4	- GV giao đề tài cho từng SV ngay từ đầu HP.
A4. Đánh giá cuối kỳ	50%	Bài ktra cuối kỳ: Thi trắc nghiệm theo NHĐT.			CLO 1,2,3,4	

- (7) PP đánh giá đạt CĐR: Nêu tên các PP đánh giá sử dụng trong từng chương để đạt CĐR. Tham khảo các phương pháp đánh giá trong CTĐT ngành Dược học.

6.2. Chính sách đối với HP

- SV tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $>20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP

Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần

Tuần / (5 tiết/tuần)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/TH/T)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Lqua n đến CLO nào ở Bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 Bảng 6.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Chương 1: Quản lý nhà nước về y tế Quản lý nhà nước trong lĩnh vực hành nghề dược Chính sách quốc gia về thuốc Chính sách kiểm soát giá dược phẩm				Phương pháp giải thích cụ thể, thuyết giảng, đặt câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm		
1	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2.5/0/0		CLO1			
	1.28. Xây dựng, ban hành chiến lược, chương trình		- Trình bày được các chính sách xây dựng, ban hành		- Phương pháp giải thích cụ thể	- Đọc tài liệu. - Thảo	

	<p>quốc gia, kế hoạch hằng năm giải quyết các vấn đề của lĩnh vực y tế.</p> <p>1.29. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm; tôn vinh các tập thể, cá nhân có thành tích trong giải quyết các vấn đề của lĩnh vực y tế.</p> <p>1.30. Các chính sách chủ yếu trong lĩnh vực dược</p> <p>1.31. Các chính sách kiểm soát giá dược phẩm</p>		<p>pháp luật, chính sách, kế hoạch về y tế</p> <p>- Trình bày được các chính sách chủ yếu trong lĩnh vực dược : chính sách thuốc thiết yếu, thuốc generic, thuốc bảo hiểm y tế, dược liệu và thuốc từ dược liệu.</p> <p>-Nêu được hệ thống phân phối và chính sách tiếp cận thuốc của nhân dân.</p> <p>- Trình bày được các chính sách kiểm soát giá dược phẩm</p>		<p>thể, thuyết giảng, đặt câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm</p>	<p>luận nhóm</p>	
	<p>b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà</p>	<p>10/0/0</p>		<p>CLO3</p>			
	<p>Tìm hiểu về thời gian bắt đầu áp dụng các chính sách về Quản lý nhà nước về y tế ,Quản lý nhà nước trong lĩnh vực hành nghề dược, Chính sách quốc gia về thuốc, Chính sách kiểm soát giá dược phẩm</p>		<p>- Trình bày được thời gian bắt đầu áp dụng các chính sách về Quản lý nhà nước về y tế ,Quản lý nhà nước trong lĩnh vực hành nghề dược, Chính sách quốc gia về thuốc, Chính sách kiểm soát giá dược phẩm</p>		<p>- Tự học - Học nhóm</p>	<p>Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà</p>	
	<p>Chương 2: Tổ chức, quản lý một xí nghiệp sản xuất dược phẩm và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Vai trò của người dược sĩ</p>						
2	<p>a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp</p>	<p>2.5/0/0</p>		<p>CLO2</p>			

	2.29. Phạm vi điều chỉnh 2.30. Đối tượng áp dụng 2.31. Các chính sách, văn bản áp dụng		- Trình bày được cơ cấu tổ chức một doanh nghiệp được		- Phương pháp giải thích cụ thể, thuyết giảng, đặt câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm	- Đọc tài liệu. - Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO2			
	2.32. Tìm hiểu vai trò của dược sĩ trong tổ chức, quản lý một xí nghiệp sản xuất dược		- Trình bày được vai trò của dược sĩ trong tổ chức, quản lý một xí nghiệp sản xuất dược			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 3: Luật sở hữu trí tuệ trong ngành dược						
3	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO3			A1.1
	3.16. Đối tượng bảo hộ sáng chế 3.17. Tác động của việc bảo hộ các đối tượng mới đến thị trường dược phẩm tại Việt Nam		- Trình bày được đối tượng bảo hộ sáng chế - Giải thích được tác động của việc bảo hộ các đối tượng mới đến thị trường dược phẩm tại Việt Nam		- Phương pháp giải thích cụ thể, thuyết giảng, đặt câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm	- Đọc tài liệu. Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO3			
	3.18. Một số đề xuất khắc phục những khó khăn của Việt Nam khi thực hiện bảo hộ các đối tượng mới		- Trình bày được một số đề xuất khắc phục những khó khăn của Việt Nam khi thực hiện bảo hộ các đối tượng mới			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 4: Tổ chức và quản lý						

	Khoa dược – bệnh viện và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Vai trò của người dược sĩ						
4	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO4			
	4.21. Chức năng của khoa dược 4.22. Nhiệm vụ của khoa dược 4.23. Điều kiện vật chất; chức trách, nhiệm vụ của các chức danh trong khoa dược 4.24. Các hoạt động chính của khoa dược		- Trình bày được chức năng, nhiệm vụ của khoa dược. - Trình bày được điều kiện vật chất; chức trách, nhiệm vụ của các chức danh trong khoa dược - Nêu được các hoạt động chính của khoa dược		- Phương pháp giải thích cụ thể, thuyết giảng, đặt câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm	- Đọc tài liệu. - Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/10/0		CLO4			
	- Nghiên cứu điều khoản thi hành thông tư 22/2011/TT-BYT ngày 10/06/2011		- Trình bày được điều khoản thi hành thông tư 22/2011/TT-BYT ngày 10/06/2011			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 5: Lập dự trù thuốc cho bệnh viện. Phân tích cơ cấu danh mục thuốc theo các hướng dẫn hiện hành						
5	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO5			A1.2
	5.23. Hướng dẫn lập dự trù thuốc 5.24. Quy định về tổ chức và hoạt động của hội đồng thuốc và điều trị trong bệnh viện 5.25. Xây dựng danh mục thuốc	3	- Có khả năng lập dự trù thuốc - Trình bày được Quy định về tổ chức và hoạt động của hội đồng thuốc và điều trị trong bệnh viện - Trình bày được		- Phương pháp giải thích cụ thể, thuyết giảng, đặt câu hỏi gợi mở, giải quyết	- Đọc tài liệu. - Thảo luận nhóm	

	trong bệnh viện. 5.26. Xác định và phân tích các vấn đề liên quan đến sử dụng thuốc		việc xây dựng danh mục thuốc trong bệnh viện. - Trình bày được việc xác định và phân tích các vấn đề liên quan đến sử dụng thuốc		vấn đề, thảo luận nhóm		
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/10/0		CLO5			
	5.27. Thực hiện lập dự trù thuốc gây nghiện		- Báo cáo được việc thực hiện lập dự trù thuốc gây nghiện			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 6: Tổ chức và quản lý nhà thuốc và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Vai trò của người dược sĩ						
6	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO6			A1.2
	6.21. Những quy định chung 6.22. Quy định và điều kiện hoạt động của nhà thuốc		- Trình bày được những quy định chung trong việc tổ chức quản lý nhà thuốc		- Phương pháp giải thích cụ thể, thuyết giảng, đặt câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm	- Đọc tài liệu. - Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/10/0		CLO6			
	6.23. Xây dựng các SOP trong thực hành tốt nhà thuốc GPP		- Xây dựng các SOP trong thực hành tốt nhà thuốc GPP			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 7: Quy trình đầu thầu thuốc						
7	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO7			

	<p>7.17. Phạm vi điều chỉnh</p> <p>7.18. Đối tượng áp dụng</p> <p>7.19. Các khái niệm</p> <p>7.20. Thẩm quyền trong đấu thầu mua thuốc</p> <p>7.21. Kế hoạch đấu thầu mua thuốc</p> <p>7.22. Hồ sơ mời thầu</p> <p>7.23. Các quy định khác</p>		<p>- Trình bày được các khái niệm cơ bản trong đấu thầu thuốc</p> <p>- Trình bày được những quy định cụ thể trong hoạt động đấu thầu thuốc</p>		<p>- Phương pháp giải thích cụ thể, thuyết giảng, đặt câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm</p>	<p>- Đọc tài liệu.</p> <p>- Thảo luận nhóm</p>	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/10/0		CLO7			A2
	7.24. Lập hồ sơ đấu thầu cho một sản phẩm bất kỳ trong ngành dược		- Trình bày được kế hoạch và hồ sơ mời thầu			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 8: Soạn thảo Hợp đồng mua bán thuốc và thiết bị y tế						
8	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO8			A1.3
	<p>8.10. Khái niệm</p> <p>8.11. Nguyên tắc giao kết hợp đồng</p> <p>8.12. Các bước thực hiện hợp đồng</p> <p>8.13. Hình thức của hợp đồng</p> <p>8.14. Nội dung của hợp đồng</p> <p>8.15. Phụ lục hợp đồng</p> <p>8.16. Giải thích hợp đồng</p> <p>8.17. Hợp đồng vô hiệu</p> <p>8.18. Nguyên tắc thực hiện hợp đồng</p> <p>8.19. Sửa đổi và chấm dứt hợp đồng</p>		<p>- Trình bày được khái niệm, phân loại, hình thức, nội dung của hợp đồng nói chung và hợp đồng kinh tế được nói riêng.</p> <p>- Nêu được cách giao kết, thực hiện, vô hiệu, sửa đổi và chấm dứt hợp đồng.</p> <p>- Vận dụng vào việc soạn thảo hợp đồng mua bán thuốc và trang thiết bị y tế.</p>		<p>- Phương pháp giải thích cụ thể, thuyết giảng, đặt câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm</p>	<p>- Đọc tài liệu.</p> <p>- Thảo luận nhóm</p>	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở	0/10/0		CLO8			

	nhà						
	8.20. Thực hiện soạn thảo 1 hợp đồng mua bán thuốc		- Báo cáo được soạn thảo 1 hợp đồng mua bán thuốc			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 9: Các khái niệm cơ bản của kinh tế y tế. Vai trò của kinh tế y tế						
9	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO9			A2
	9.6. Khái niệm 9.7. Phạm vi nghiên cứu 9.8. Kinh tế vĩ mô và vi mô áp dụng trong lĩnh vực y tế 9.9. Cung – cầu trong kinh tế y tế		- Nêu được các khái niệm về kinh tế y tế - Trình bày được vai trò của kinh tế y tế. - Trình bày được cung – cầu trong kinh tế y tế		- Phương pháp giải thích cụ thể, thuyết giảng, đặt câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm	- Đọc tài liệu. - Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/10/0		CLO9			
	9.10. Tìm hiểu thêm về lịch sử hình thành kinh tế được		- Trình bày được lịch sử hình thành kinh tế được			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
Theo lịch thi	FINAL EXAM			CLO1, 2,3,4,5, 6,7,8, 9			A4

(*) Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương.
- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR. Tham khảo các phương pháp giảng dạy trong CTĐT ngành Dược.
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số....).

8. Học liệu:

Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
	Giáo trình chính			

1	Nguyễn Thanh Bình, Đỗ Xuân Thắng	2020	Dược cộng đồng	NXB Y học
Sách, giáo trình tham khảo				
2	Trương Việt Dũng, Nguyễn Duy Luật	2011	Tổ chức và quản lý y tế	NXB Y học

Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ web hữu ích cho HP

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Luật dược sửa đổi (dự thảo)	http://duthaoonline.quochoi.vn/DuThao/Lists/DT_DUTHAO_LUAT/View_Detail.aspx?ItemID=809&LanID=1221&TabIndex=1	27/08/2019
2	Văn bản quản lý trong ngành dược	https://dav.gov.vn/van-ban-quan-ly/van-ban-phap-quy-vb40.html	27/08/2019

Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

Bảng 9.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường	- Bảng lớn	01	Tất cả bài trong học phần
		- Máy chiếu	01	
		- Phương tiện tăng âm	01	

Bình Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2019

TRƯỞNG KHOA



TRƯƠNG THỊ NGỌC SƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: DƯỢC HỌC

Mã số: 7720201

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về HP

1.1 Mã học phần:	1.2 Tên học phần: DƯỢC BỆNH VIỆN
1.3 Ký hiệu học phần:	1.4 Tên tiếng Anh: HOSBITAL PHARMACY
1.5 Số tín chỉ:	03
1.6 Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	45tiết
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	
- Tự học:	90 tiết
-Thực hành	
1.7 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	
1.8 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần học trước:	Không yêu cầu
- Học phần song hành:	Không yêu cầu

2. Mô tả học phần:

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hoạt động của một Khoa dược bệnh viện (BV) như: các văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động của Khoa dược bệnh BV; hoạt động của Khoa dược, chức năng nhiệm vụ của người dược sỹ tại Khoa dược và hội đồng thuốc và điều trị; các phân tích cơ bản tại Khoa dược phục vụ xây dựng danh mục cung ứng thuốc; xây dựng danh mục thuốc; biên soạn quy trình thao tác chuẩn; các hoạt động dự trữ nhập, xuất, cấp phát, bảo quản, kiểm kê thuốc; hoạt động đấu thầu thuốc tại bệnh BV. Ngoài ra sinh viên còn được giới thiệu về các hoạt động Dược lâm sàng, Thông tin thuốc, Cảnh giác thuốc tại BV và hoạt động tư vấn tại nhà thuốc bệnh BV.

3. Mục tiêu HP (Goals)

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)
G1	Mô tả được hoạt động của Khoa Dược và chức năng nhiệm vụ của người Dược sỹ tại Khoa dược BV và Hội đồng thuốc và điều trị	PLO1, PLO2, PLO3, PLO4
G2	Mô tả được lợi ích của 5S	PLO1, PLO2, PLO3, PLO4
G3	Mô tả các mô hình y tế tại Việt Nam	PLO1, PLO2, PLO3, PLO4
G4	Trình bày được các công cụ đánh giá tình hình sử dụng thuốc	PLO1, PLO2, PLO3, PLO4
G5	Nắm được các biện pháp hạn chế nhầm lẫn các thuốc lasa	PLO1, PLO8, PLO9, PLO12
G6	Biết ứng dụng công nghệ thông tin trong dược bệnh viện	PLO8, PLO9, PLO12
G7	Nắm được các biện pháp ngăn ngừa đề kháng kháng sinh	PLO1, PLO8, PLO9, PLO12
G8	Tóm tắt các nội dung của hoạt động Dược lâm sàng, Thông tin thuốc, Cảnh giác Dược tại bệnh viện	PLO1, PLO3, PLO8
G9	Nắm rõ các qui định và hồ sơ đấu thầu thuốc	PLO1, PLO2, PLO3, PLO4

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes-CLOs)

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR của học phần (CLOs)	Mô tả CLOs (Sau khi học xong môn học này, người học có thể:)
CLO 1	Tóm tắt được nội dung các văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động của khoa dược bệnh viện
CLO 2	Mô tả được hoạt động của Khoa Dược và chức năng nhiệm vụ của người Dược sỹ tại Khoa dược BV và Hội đồng thuốc và điều trị
CLO 3	Trình bày các phân tích cơ bản tại Khoa dược BV phục vụ xây dựng danh mục thuốc
CLO 4	Mô tả được nguyên tắc sử dụng thuốc <i>an toàn, hợp lý và hiệu quả</i>
CLO 5	Liệt kê và tóm tắt nội dung các SOP tại Khoa dược BV và quản lý tuân thủ SOP

CLO 6	Mô tả các hoạt động dự trữ nhập, bảo quản, cấp phát thuốc các loại tại Khoa dược BV
CLO 7	Tóm tắt các nội dung hoạt động đấu thầu thuốc tại BV
CLO 8	Tóm tắt các nội dung của hoạt động Dược lâm sàng, Thông tin thuốc, Cảnh giác Dược tại BV

5. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Bảng 5.1. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Chuẩn đầu ra HP (CLOs)	Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
CLO1	X	X	X	X	X				X	X	X	X
CLO2	X	X	X	X	X				X	X	X	X
CLO3	X	X	X	X	X				X	X	X	X
CLO4	X	X	X	X	X				X	X	X	X
CLO5	X	X	X	X	X				X	X	X	X
CLO6	X	X	X	X	X				X	X	X	X
CLO7	X	X	X	X	X				X	X	X	X
CLO8	X	X	X	X	X				X	X	X	X
Tổng hợp	X	X	X	X	X				X	X	X	X

6. Đánh giá HP

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP

Lý thuyết

Học phần đánh giá	Trọng số (%)	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Liên quan đến CLO nào ở Bảng 5.1	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Kiểm tra thường xuyên	5	A1.1. Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	50	Đánh giá bằng bảng Rubric1	CLO 1,2,3,4,5,6,7,8	Đánh giá chuyên cần
	5	A1.2. Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, giáo viên quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	50			
A2. Kỹ	10	A2.1. Một bài báo cáo			CLO	- Tiêu chí đánh giá

năng		nhóm hoặc seminar hoặc bài tập lớn theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy.			1,2,3	bài kiểm tra (giảng viên nêu cụ thể)
A3. Đánh giá giữa kỳ	20	A3.1. Sinh viên làm một bài kiểm tra cá nhân.			CLO 1,2,3,4	- Tiêu chí đánh giá bài báo cáo, seminar, bài tập lớp (giảng viên nêu cụ thể)
A3. Đánh giá cuối kỳ	60	A3.1. Thi kết thúc học phần + Hình thức thi: Trắc nghiệm			CLO 1,2,3,4,5,6,7,8	- Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của giảng viên ra đề

6.2. Chính sách đối với HP

6.2.1. Lý thuyết:

- Sinh viên tham dự $\geq 80\%$ số buổi của học phần. Nếu nghỉ $> 20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc học phần.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP

Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần

Tuần / (5 tiết/tuần)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/T/H/TT)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở Bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 Bảng 6.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Chương 1: Công tác dược bệnh viện						
1	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	10/0/0		CLO1			A 1.1
	1.Vị trí, nhiệm vụ của khoa dược bệnh viện 2.Yêu cầu chức trách, nhiệm vụ của trưởng khoa dược. 3.Chức trách dược sỹ làm công tác dược 4.Hoạt động chính của khoa dược		-Nắm được vị trí, chức năng, nhiệm vụ của khoa Dược bệnh viện. -Vẽ sơ đồ cơ cấu tổ chức của khoa Dược bệnh viện. -Biết được yêu cầu, chức năng và nhiệm vụ của người dược sỹ làm công tác		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm bài tập số 1 - Thảo luận nhóm	

			trưởng khoa Dược, kho thuốc bệnh viện, phòng nghệ vụ dược, dược sỹ dược lâm sàng tại bệnh viện				
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	20/0/0		CLO1			
	Các văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động của khoa dược BV				- Tự học - Học nhóm	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 2: 5S trong bệnh viện						
2	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2.5/0/ 0		CLO3			A 1.2
	1.Giới thiệu về 5S 2.Năm trụ cột của 5S 3.Lợi ích của 5S		-5S là gì, ý nghĩa từng S trong 5S -Các ứng dụng của 5S trong bệnh viện		-Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	-Làm bài tập số 2 - Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO3			
	Ứng dụng của 5S trong khoa dược như thế nào		-			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 3: Bảo hiểm y tế						
3	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO3			A1.3
	1.Giới thiệu về bảo hiểm y tế 2.Các mô hình bảo hiểm y tế nổi bật 3.Bảo hiểm y tế tại bệnh viện		-Bảo hiểm y tế là gì, ý nghĩa của bảo hiểm y tế -Các nội dung qui định của bảo hiểm y tế -Ứng dụng luật bảo hiểm y tế trong cơ sở khám chữa bệnh		-Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	-Làm bài tập số 3 Thảo luận nhóm	

	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO3			
	Dự trữ, nhập, xuất, bảo quản, cấp phát thuốc nội trú, ngoại trú,					Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 4: Các công cụ đánh giá tình hình sử dụng thuốc						
4	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO4			A3
	1.Các phương pháp phân tích tại bệnh viện 2.Các chỉ số sử dụng thuốc tại bệnh viện		Nắm được các phương pháp phân tích hỗ trợ đánh giá sử dụng thuốc tại bệnh viện		-Thuyết trình, giảng giải -Trình chiếu PowerPoint -Phát biểu xây dựng bài -Thảo luận nhóm	-Làm bài tập số 4 -Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO4			
	Sử dụng thuốc <i>an toàn, hợp lý và hiệu quả</i>					Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 5: Danh mục thuốc lasa và một số biện pháp hạn chế nhầm lẫn						
5	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO4			A 1.4
	1.Định nghĩa lasa 2.Tình hình các thuốc lasa trên thế giới 3.Các yếu tố gây nhầm lẫn các thuốc lasa 4.Các bộ phận gây nhầm lẫn các thuốc lasa 5.Các biện pháp hạn chế nhầm lẫn các thuốc lasa	3	-Trình bày được khái niệm Lasa -Các yếu tố gây nhầm lẫn trong kê đơn, cấp phát, sử dụng các thuốc Lasa -Biện pháp khắc phục và hạn chế nhầm lẫn các thuốc Lasa		-Thuyết trình, giảng giải -Trình chiếu PowerPoint -Phát biểu xây dựng bài -Thảo luận nhóm	-Làm bài tập số 5 -Thảo luận nhóm	

	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/10/0		CLO4			
	Xây dựng danh mục thuốc					Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 6: Công nghệ thông tin, mã số và mã vạch trong quản lý bệnh viện						
6	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO5			A1.5
	1. Công nghệ thông tin trong dược bệnh viện 2. Mã số, mã vạch tại bệnh viện		- Vai trò của hệ thống công nghệ thông tin tại bệnh viện nói chung và khoa dược bệnh viện nói riêng - Ứng dụng mã số, mã vạch trong quản lý thuốc tại bệnh viện		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm bài tập số 6 - Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO5			
	Các SOP tại khoa Dược					Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 7: Tình hình đề kháng kháng sinh						
7	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO5			A1.5
	1. Nguyên nhân đề kháng kháng sinh 2. Tình hình đề kháng kháng sinh 3. Các biện pháp ngăn ngừa		- Trình bày được khái niệm, nguyên nhân gây ra đề kháng kháng sinh - Nắm được tình hình đề kháng kháng sinh trên thế giới và Việt Nam - Trình bày được các biện pháp		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm bài tập số 7 - Thảo luận nhóm	

			ngăn ngừa				
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO5			
	Chương trình quản lý kháng sinh tại bệnh viện						Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà
	Chương 8: Hoạt động cảnh giác tại bệnh viện						
8	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO5			
	1.Giới thiệu về cảnh giác được 2.Hoạt động cảnh giác được tại cơ sở khám chữa bệnh		-Trình bày được các định nghĩa, khái niệm liên quan đến cảnh giác được -Trình bày mục tiêu của hoạt động cảnh giác được		-Thuyết trình, giảng giải -Trình chiếu PowerPoint -Phát biểu xây dựng bài -Thảo luận nhóm		-Làm bài tập số 8 -Thảo luận nhóm
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO5			
	Cách triển khai hoạt động cảnh giác được						Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà
	Chương 9: Đấu thầu thuốc						
9	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2.5/0/0		CLO5			
	1.Định nghĩa, các thuật ngữ cơ bản của đấu thầu 2.Qui trình đấu thầu 3.Qui định và hồ sơ đấu thầu		-Khái niệm đấu thầu thuốc -Các bước tiến hành đấu thầu -Thủ tục và hồ sơ pháp lý liên quan đến đấu thầu		-Thuyết trình, giảng giải -Trình chiếu PowerPoint -Phát biểu xây dựng bài -Thảo luận nhóm		-Làm bài tập số 9 -Thảo luận nhóm
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0					
	Một số quy định liên quan đến đấu thầu		-				Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà
Theo lịch	FINAL EXAM			CLO1,2,3,4,			A4

thi				5,6,7, 8			
-----	--	--	--	-------------	--	--	--

8. Học liệu:

Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	PGS. TS. Hoàng Thị Kim Huyền	2007	Dược lâm sàng và điều trị	Y học
Sách, giáo trình tham khảo				
2	Bộ y tế	2011	Thông tư số 22/2011/TT-BYT	

Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ web hữu ích cho HP

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Hệ thống tra cứu văn bản	https://www.dav.gov.vn	

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

Bảng 9.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

Lý thuyết

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường	Bảng lớn	01	
		Máy chiếu	01	
		Phương tiện tăng âm	01	

Bình Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2019

TRƯỞNG KHOA



TRƯƠNG THỊ NGỌC SƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Dược

Mã số: 7720201

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1 Mã học phần:	1.2 Tên học phần: THÔNG TIN THUỐC VÀ CẢNH GIÁC THUỐC
1.3 Ký hiệu học phần:	1.4 Tên tiếng Anh:
1.5 Số tín chỉ: 02	
1.6 Phân bố thời gian: Học kỳ	
- Lý thuyết:	30 tiết
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	00 tiết
- Tự học:	60 tiết
1.7 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Không
1.8 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Không

2. Mô tả học phần:

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức liên quan đến Thông tin thuốc như: Các loại tài liệu thông tin thuốc bậc 1, 2, 3 và những ưu/nhược điểm của các loại tài liệu này; Nguồn y học chứng cứ; Nguồn thông tin chất độc, thảo dược; Cách thức tìm kiếm có hệ thống các tài liệu bậc 1,2,3 để thu thập thông tin về thuốc; Phương pháp đánh giá tính hợp lý, độ tin cậy của các tài liệu thông tin thuốc. Mặt khác môn học cũng trang bị cho sinh viên kiến thức về Cảnh giác Dược, về quy trình báo cáo phản ứng có hại của thuốc (ADR). Ngoài ra, sinh viên còn thực hành tra cứu dữ liệu, phân tích tổng hợp, lưu trữ dữ liệu, thiết lập một qui trình thông tin thuốc và thực hiện một báo cáo ADR.

3. Mục tiêu học phần (Goals)

Mục tiêu	Mô tả (Goal description)	Chuẩn đầu ra
----------	--------------------------	--------------

(Goals)	(Học phần này trang bị cho sinh viên:)	CTĐT (PLOs)
G1	Kiến thức về: những ưu điểm và nhược điểm của thông tin thuốc bậc 1,2,3 (phạm vi, loại thông tin, cách sắp xếp, phương pháp tiếp cận, cơ cấu và ứng dụng các tài liệu thường xuyên được sử dụng)	PLO1, PLO2, PLO3, PLO4, PLO5
G2	Nhận biết tầm quan trọng của thông tin thuốc và vai trò của người Dược sĩ trong công tác thông tin thuốc	PLO1, PLO2, PLO3, PLO4, PLO5
G3	Nhận biết tầm quan trọng của công tác cảnh giác Dược và vai trò của DS trong công tác này;	PLO1, PLO2, PLO3, PLO4, PLO5
G4	Mô tả được một quy trình theo dõi, ghi nhận, phân loại, báo cáo các phản ứng có hại của thuốc (ADR) tại cơ sở	PLO1, PLO2, PLO3, PLO4, PLO5
G5	Vận dụng tìm kiếm có hệ thống các tài liệu bậc 1,2,3 để thu thập thông tin về thuốc phù hợp để đáp ứng một yêu cầu cụ thể	PLO1, PLO2, PLO3, PLO4, PLO5, PLO8
G6	Hình thành thái độ học tập tích cực và chủ động, phát huy tinh thần tự học và nghiên cứu	PLO6, PLO7, PLO9, PLO10
G7	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm. Đoàn kết giúp đỡ đồng nghiệp trong công việc	PLO11, PLO12

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes-CLOs)

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR của học phần (CLOs)	Mô tả CLOs (Sau khi học xong môn học này, người học có thể:)
CLO 1	Trình bày được các cơ sở dữ liệu bậc 2 khác nhau, chiến lược tìm kiếm và quy trình trích dẫn và thu thập bài báo liên quan.
CLO 2	Trình bày phương pháp đánh giá tính hợp lý, độ tin cậy của các tài liệu thông tin thuốc
CLO 3	Đánh giá các trang thông tin về thuốc trực tuyến phù hợp và chất lượng.
CLO 4	Liệt kê các tài nguyên được sử dụng để trả lời các câu hỏi cụ thể theo chủ đề (chất độc, thảo dược, mang thai, y học chứng cứ, vv)
CLO 5	Tra cứu, phân tích, tổng hợp, lưu trữ dữ liệu phục vụ cho thông tin thuốc;
CLO 6	Thiết lập được một qui trình thông tin thuốc và trả lời thông tin thuốc;
CLO 7	Thực hiện được quy trình báo cáo ADR tại cơ sở.
CLO 8	<i>Đủ điều kiện học tập để nâng cao trình độ chuyên môn.</i>
CLO 9	<i>Làm việc độc lập, làm việc nhóm. Đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp trong công việc.</i>

5. Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Bảng 5.1. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Mức độ đóng góp của CLO vào PLO được xác định cụ thể:

- L (Low) – CLO có đóng góp ít vào PLO
- M (Medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO
- H (High) – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích:

- Các mức H - Cao, M - Vừa, L - Thấp - phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (L) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(mức M) hay mức thuần thục (H).

Bảng 5.1. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Chuẩn đầu ra HP (CLOs)	Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
CLO1	M	M	M	M	M							
CLO2	M	M	M	M	M							
CLO3	M	M	M	M	M							
CLO4	M	M	M	M	M							
CLO5	M	M	M	M	M							
CLO6	M	M	M	M	M			M				
CLO 7	M	M	M	M	M			M				
CLO 8						L	M		M	M		
CLO 9											M	M
Tổng hợp		M	M	M	M	L	M		M	M	M	M

6. Đánh giá học phần

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của sinh viên ở học phần

Lý thuyết:

Học phần đánh giá	Trọng số (%)	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Liên quan đến CLO nào ở Bảng 5.1	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

A1. Kiểm tra thường xuyên	5	A1.1. Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	50	Đánh giá bằng bảng Rubric 1	CLO 1,2	Đánh giá chuyên cần
	5	A1.2. Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, giáo viên quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	50			
A2. Kỹ năng	10	A2.1. Một bài báo cáo nhóm hoặc seminar hoặc bài tập lớn theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy.			CLO 1,2	- Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra (giảng viên nêu cụ thể)
A3. Đánh giá giữa kỳ	20	A3.1. Sinh viên làm một bài kiểm tra cá nhân.			CLO 1,2	- Tiêu chí đánh giá bài báo cáo, seminar, bài tập lớp (giảng viên nêu cụ thể)
A3. Đánh giá cuối kỳ	60	A3.1. Thi kết thúc học phần + Hình thức thi: Trắc nghiệm			CLO 1,2	- Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của giảng viên ra đề

6.2. Chính sách đối với học phần

Lý thuyết:

- Sinh viên tham dự $\geq 80\%$ số buổi của học phần. Nếu nghỉ $> 20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc học phần.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần theo tuần

Tuần (5 tiết/tuần)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/TH/T)	Chuẩn đầu ra của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở Bảng 4.1	Phương pháp giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của sinh viên(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 Bảng 6.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Buổi 1: Thông tin thuốc và vai trò của						

	người DS trong công tác thông tin thuốc						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	4/0/0		CLO1,2,3,4,5,6,7			A1.1, A1.2
	1.1. Định nghĩa, phân loại các yếu tố nguy cơ phản ứng có hại của thuốc. 1.2. Các phản ứng có hại của thuốc hay gặp ở một số cơ quan		- Trình bày được định nghĩa, phân loại, các yếu tố nguy cơ, phản ứng có hại của thuốc		- PPDH 1 - PPDH2 - PPDH4 - PPDH12 - PPDH13	- Đọc tài liệu: [1]. Trang 1-17	
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	2/0/0		CLO1,2,3,4,5,6,7			
	Phản ứng có hại của một số thuốc và khuyến cáo của các tổ chức, cơ quan về thông tin thuốc và cảnh giác được về một số vấn đề sử dụng thuốc		- Nêu được phản ứng có hại của một số thuốc và khuyến cáo của các tổ chức, cơ quan về thông tin thuốc và cảnh giác được			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
2	Buổi 2: Các loại tài liệu thông tin thuốc: bậc 1, 2, 3.						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO1,2,3,4,5,6,7			A1.1, A1.2
	2.1. Nguồn thông tin bậc 1: đánh giá thử nghiệm ngẫu nhiên có đối chứng (RCT) 2.2. Nguồn thông tin thuốc bậc 2: IDIS, IPA, PubMed, OVID 2.3. Thông tin thuốc trực tuyến 2.4. Nguồn y học chứng cứ 2.5. Nguồn thông tin chất độc, thảo dược		- Những ưu điểm và nhược điểm của thông tin thuốc bậc 1,2,3 (phạm vi, loại thông tin, cách sắp xếp, phương pháp tiếp cận, cơ cấu và ứng dụng các tài liệu thường xuyên được sử dụng)		- PPDH 1 - PPDH2 - PPDH4 - PPDH12 - PPDH13	-Đọc tài liệu: [1]. Trang 17-123	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO1,2,3,4,5,6,7			
	Tìm hiểu các thông tin thuốc trực tuyến		- Ứng dụng tra cứu thông tin			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	

3	Buổi 3: Các cơ sở dữ liệu bậc 2 khác nhau.						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO1,2,3,4,5,6,7			A1.1, A1.2
	3.1. Chiến lược tìm kiếm và quy trình trích dẫn và thu thập bài báo liên quan.		-Trình bày được các cơ sở dữ liệu bậc 2 khác nhau, chiến lược tìm kiếm và quy trình trích dẫn và thu thập bài báo liên quan.		- PPDH 1 - PPDH2 - PPDH4 - PPDH12 - PPDH13	-Đọc tài liệu: [1]. Trang 135- 147	
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	10/0/0		CLO1,2,3,4,5,6,7			
	Liệt kê các tài nguyên được sử dụng để trả lời các câu hỏi cụ thể theo chủ đề		-Tra cứu, phân tích, tổng hợp, lưu trữ dữ liệu phục vụ cho thông tin thuốc			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
4	Buổi 4: Thực hiện tìm kiếm có hệ thống các tài liệu bậc 1,2,3 để thu thập thông tin về thuốc phù hợp để đáp ứng một yêu cầu cụ thể						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0	-Trình bày các hệ thống tài liệu bậc 1,2,3	CLO1,2,3,4,5,6,7			A1.1, A1.2, A3.1
	4.1. Tìm kiếm có hệ thống các tài liệu bậc 1,2,3				- PPDH 1 - PPDH2 - PPDH4 - PPDH12 - PPDH13	-Đọc tài liệu: [1]. Trang 147-171	
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	10/0/0		CLO1,2,3,4,5,6,7			
	Thu thập thông tin về thuốc phù hợp để đáp ứng một yêu cầu cụ thể		Mô tả quy trình thu thập thông tin cụ thể			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
5	Buổi 5: Phương pháp đánh giá tính hợp lý, độ tin cậy của các tài liệu						

	thông tin thuốc.						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO1,2,3,4,5,6,7			A1.1, A1.2
	5.1. Phương pháp đánh giá tính hợp lý, độ tin cậy của các tài liệu thông tin thuốc.		-Trình bày phương pháp đánh giá tính hợp lý, độ tin cậy của các tài liệu thông tin thuốc		- PPDH 1 - PPDH2 - PPDH4 - PPDH12 - PPDH13	-Đọc tài liệu: [1]. Trang 147-171	
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	10/0/0		CLO1,2,3,4,5,6,7			
	Tìm hiểu các trang thông tin về thuốc trực tuyến phù hợp và chất lượng.		Đánh giá các trang thông tin về thuốc trực tuyến phù hợp và chất lượng			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
6	Buổi 6: Tầm quan trọng của Cảnh giác Dược và vai trò của Dược sĩ trong công tác này; Quy trình báo cáo ADR						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO7			A1.1, A1.2, A2.1
	6.1. Tầm quan trọng của Cảnh giác Dược và vai trò của Dược sĩ		Nêu được tầm quan trọng của công tác cảnh giác Dược và vai trò của DS trong công tác này;		- PPDH 1 - PPDH2 - PPDH4 - PPDH12 - PPDH13	-Đọc tài liệu: [1]. Trang 147-171	
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	10/0/0		CLO7			
	Quy trình báo cáo ADR		Mô tả được một quy trình theo dõi, ghi nhận, phân loại, báo cáo các phản ứng có hại của thuốc (ADR) tại cơ sở.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
Theo lịch thi	FINAL EXAM			CLO1,2,3,4			A4

8. Học liệu:

Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
	Giáo trình chính			
[1]	Nguyễn Tuấn Dũng - Nguyễn Ngọc Khôi	2019	Dược Lâm Sàng Đại Cương	NXB Y Học
	Sách, giáo trình tham khảo			

Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ web hữu ích cho học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Cập nhật thông tin cảnh giác dược	http://canhgiacduoc.org.vn/	29/08/2019

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

Bảng 9.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của học phần

Lý thuyết

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường	- Bảng lớn	01	Tất cả bài trong học phần
		- Máy chiếu	01	
		- Phương tiện tăng âm	01	

Bình Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2019

TRƯỞNG KHOA



TRƯƠNG THỊ NGỌC SƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: Dược Mã số: 7720201

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1 Mã học phần:	1.2 Tên học phần: XÉT NGHIỆM LÂM SÀNG
1.3 Ký hiệu học phần:	1.4 Tên tiếng Anh: CLINICAL TEST
1.5 Số tín chỉ: 02	
1.6 Phân bố thời gian: Học kỳ	
- Lý thuyết:	30 tiết
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	00 tiết
- Tự học:	60 tiết
1.7 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Không
1.8 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần học trước:	Hóa sinh, Dược lâm sàng 1, 2.
- Học phần song hành:	Không yêu cầu

2. Mô tả học phần:

Môn học này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản liên quan đến ý nghĩa và biện luận kết quả của các loại xét nghiệm sinh hóa, xét nghiệm vi- ký sinh, xét nghiệm huyết học, xét nghiệm liên quan đến rối loạn hormone, chẩn đoán enzyme ứng dụng trong chẩn đoán, điều trị, tiên lượng, theo dõi diễn biến bệnh và tầm soát bệnh.

3. Mục tiêu học phần (Goals)

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goal description) (<i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)
G1	Kiến thức cơ bản về y học như: ý nghĩa và biện luận kết quả của các loại xét nghiệm sinh hóa, xét nghiệm vi- ký sinh, xét nghiệm huyết học, xét nghiệm liên quan đến rối loạn hormone, chẩn đoán enzyme ứng dụng trong chẩn đoán, điều trị, tiên lượng, theo dõi diễn biến bệnh và tầm soát bệnh.	PLO1, PLO2
G2	Người học có kỹ năng: nhận biết, phát hiện các kết quả lâm sàng bất thường, phân biệt các bệnh lý khác nhau mà có triệu chứng cơ năng gần giống nhau.	PLO1, PLO2
G3	Áp dụng các kết quả lâm sàng vào chẩn đoán bệnh lý, nhằm đưa ra hướng xử trí đúng đắn và kịp thời, lựa chọn dược phẩm phù hợp với kết quả lâm sàng của từng bệnh.	PLO2, PLO7
G4	Vận dụng kiến thức đã học vào trong công tác quản lý, phân phối thuốc, thực hiện công tác dược lâm sàng nhằm cung cấp thông tin cho thầy thuốc; tư vấn cho bệnh nhân sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả.	PLO2, PLO12
G5	<i>Học tập nâng cao trình độ chuyên môn.</i>	PLO10
G6	<i>Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm. Đoàn kết, giúp đỡ</i>	PLO11

đồng nghiệp trong công việc.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes-CLOs)

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR của học phần (CLOs)	Mô tả CLOs (Sau khi học xong môn học này, người học có thể:)
CLO 1	Trình bày được kiến thức cơ bản về y học như: ý nghĩa và biện luận kết quả của các loại xét nghiệm sinh hóa, xét nghiệm vi-ký sinh, xét nghiệm huyết học, xét nghiệm liên quan đến rối loạn hormone, chẩn đoán enzyme ứng dụng trong chẩn đoán, điều trị, tiên lượng, theo dõi diễn biến bệnh và tầm soát bệnh.
CLO 2	Nhận biết, phát hiện các kết quả lâm sàng bất thường, phân biệt các bệnh lý khác nhau mà có triệu chứng cơ năng gần giống nhau.
CLO 3	Áp dụng các kết quả lâm sàng vào chẩn đoán bệnh lý, nhằm đưa ra hướng xử trí đúng đắn và kịp thời, lựa chọn được phẩm phù hợp với kết quả lâm sàng của từng bệnh.
CLO 4	Thực hiện công tác quản lý, phân phối thuốc, cung cấp thông tin cho thầy thuốc; tư vấn cho bệnh nhân sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả.
CLO 5	<i>Đủ điều kiện học tập để nâng cao trình độ chuyên môn.</i>
CLO 6	<i>Làm việc độc lập, làm việc nhóm. Đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp trong công việc.</i>
CLO 7	<i>Có khả năng học tập và phát triển nghề nghiệp suốt đời</i>

5. Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) và CĐR của chương trình (PLOs)

Bảng 5.1. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CĐR của chương trình (PLOs)

Chuẩn đầu ra HP (CLOs)	Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
CLO1	X	X		X			X	X	X	X	X	
CLO2	X	X		X			X	X	X	X	X	
CLO3	X	X		X			X	X	X	X	X	
CLO4	X	X		X			X	X	X	X	X	
CLO5	X	X		X			X	X	X	X	X	X
CLO6	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	
CLO 7	X	X						X	X			X
Tổng hợp	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X

6. Đánh giá học phần

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của sinh viên ở học phần

Học phần đánh giá	Trọng số (%)	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Liên quan đến CLO nào ở Bảng	HD PP đánh giá
--------------------------	---------------------	---------------------	-------------------------	---------------	-------------------------------------	-----------------------

					5.1	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Chuyên cần	20	A1.1. Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	50	Đánh giá bằng bảng Rubric1	CLO 1,5,6	Đánh giá chuyên cần
		A1.2. Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, giáo viên quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	50			
A2. Đánh giá giữa kỳ	20	A2.1. Tuần 4: Sinh viên làm bài kiểm tra tự luận. A2.2. Tuần 7: Sinh viên làm bài kiểm tra tự luận.			CLO 1,2,3,7	- Đánh giá kiểm tra viết theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn
A3. Đánh giá cuối kỳ	60	Bài kiểm tra cuối kỳ: Thi trắc nghiệm.			CLO 1,2,3,4,5,6	- Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn

6.2. Chính sách đối với học phần

- Sinh viên tham dự $\geq 80\%$ số buổi của học phần. Nếu nghỉ $> 20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc học phần.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần theo tuần

Tuần (5 tiết/tuần n)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/ TH/T T)	Chuẩn đầu ra của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở Bảng 4.1	Phương pháp giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của sinh viên(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 Bảng 6.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Buổi 1: Xét nghiệm sinh hóa						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO1,2,3			A1.1.
	1. Thăng bằng acid-base 2. Chuyển hóa muối nước 3. Khảo sát chức năng thận 4. Khảo sát chức năng gan 5. Chuyển hóa lipid, protid, glucid		Trình bày quá trình chuyển hóa trong cơ thể Trình bày các yếu tố ảnh hưởng và những hậu quả xảy ra khi rối loạn các chu trình chuyển hóa		- Phương pháp giải thích cụ thể	- Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà. - Đọc tài liệu:	

	6. Chuyển hóa calci, phosphor, sắt, đồng, kẽm		trong cơ thể				
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	10/0/0		CLO1,2,3			
	1.11. Tìm hiểu các chu trình chuyển hóa trong cơ thể trong sách sinh lý, sinh lý bệnh miễn dịch 1.12. Đọc trước tài liệu môn học (lưu hành nội bộ)		- Trình bày các chu trình chuyển hóa trong cơ thể			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
2	Buổi 2: Xét nghiệm vi sinh, ký sinh						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO1,2,3			A1.1.
	2.1 Các xét nghiệm vi sinh thường quy: - Ý nghĩa - Phân loại xét nghiệm vi sinh - Phương pháp - Đối tượng cần được xét nghiệm vi sinh 2.2 Các xét nghiệm ký sinh trùng thường quy		-Trình bày ý nghĩa, phương pháp và đối tượng cần được xét nghiệm vi sinh thường quy		- Phương pháp giải thích cụ thể	-Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà -Đọc tài liệu	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO3,4,			
	2.5. Đọc sách: Vi sinh ký sinh trùng 2.6. Đọc sách bệnh học: tìm hiểu bệnh lý, triệu chứng, cơ chế bệnh sinh do vi sinh ký sinh trùng gây ra		- Nhận biết sự khác nhau về bệnh lý do các vi sinh ký sinh trùng khác nhau gây ra			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
3	Buổi 3: Xét nghiệm huyết học						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO1,2,3			A1.1.

	<p>3.1 Các xét nghiệm huyết học thường quy: công thức máu, thể tích hồng cầu, vận tốc lắng máu....</p> <p>3.2 Các xét nghiệm khảo sát quá trình đông máu</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được công thức máu - Trình bày được các bệnh lý được gợi ý dựa trên kết quả xét nghiệm huyết học - Trình bày ý nghĩa các chỉ số xét nghiệm huyết học - Đánh giá được các thay đổi trong xét nghiệm huyết học của các ca lâm sàng điển hình 		<ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp giải thích cụ thể 	<ul style="list-style-type: none"> -Đọc tài liệu 	
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	10/0/0		CLO3,4,5			
	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc tài liệu môn Sinh lý: bài Sinh lý máu 		<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được các thành phần của máu - Trình bày sinh lý bình thường của máu 			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
4	Buổi 4: <i>Các xét nghiệm liên quan đến rối loạn Hormon</i>						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO1,2,3			A2.1
	<p>4.1 Xét nghiệm nội tiết nam</p> <ul style="list-style-type: none"> + Xét nghiệm Testosterone + Xét nghiệm FSH <p>4.2 Xét nghiệm nội tiết tố</p> <ul style="list-style-type: none"> + Xét nghiệm Prolactin <p>4.3 Đánh giá khả năng sinh sản/hiếm muộn bằng xét nghiệm nội tiết tố</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày các xét nghiệm nội tiết tố nam, nữ. - Trình bày cách đánh giá khả năng sinh sản bằng xét nghiệm nội tiết tố 		<ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp giải thích cụ thể 	<ul style="list-style-type: none"> -Đọc tài liệu: [1]. Trang 105-120 	

	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	10/0/0		CLO3,4,5			
	-Đọc sách Sinh lý : Sinh lý nội tiết		-Trình bày được sinh lý nội tiết của nam và nữ			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
5	Buổi 5: Enzym chẩn đoán						A1.1.
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO1,2,34			
	5.1 Ý nghĩa các loại enzym 5.2 Các kết quả chẩn đoán dựa trên các chỉ số enzym 5.3 Ý nghĩa dấu ấn huyết thanh 5.4 Ý nghĩa các Enzym ảnh hưởng tới chức năng gan		- Trình bày ý nghĩa các loại enzym - Trình bày ý nghĩa dấu ấn huyết thanh		- Phương pháp giải thích cụ thể	-Đọc tài liệu: [1]. Trang 209-221 185-187	
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	10/0/0		CLO3,4,5			
	- Đọc sách: Giải phẫu học và Sinh lý về Gan		-Trình bày giải phẫu và chức năng gan			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
6	Buổi 6: Ôn tập Kiểm tra giữa quá trình						A1.1.
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO1,2,3			
	Ôn tập Kiểm tra giữa quá trình				-ê	-Đọc tài liệu:	
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	10/0/0		CLO3,4			
	Ôn tập các bài đã học					Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
Theo lịch thi	FINAL EXAM						A3

8. Học liệu:

Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
[1]	Khoa dược	2018	Bài giảng Xét nghiệm lâm sàng	Tài liệu lưu hành nội
Sách, giáo trình tham khảo				
[2]	TS.Trần Thanh Nhân	2019	Hóa sinh học	NXB Giáo dục Việt Nam
3	PGS. TS. BS. Lê Xuân Trường	2019	Hóa Sinh lâm sàng	Nhà xuất bản Y học

Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ web hữu ích cho học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Xét nghiệm sử dụng trong lâm sàng	https://yhoctonghop.vn/tong-hop-hon-100-link-download-sach-y-duoc-hay-nhat	19/8/2019

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:**Bảng 9.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của học phần**

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường	- Bảng lớn	01	Tất cả bài trong học phần
		- Máy chiếu	01	
		- Phương tiện tăng âm	01	

Bình Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2019

TRƯỞNG KHOA

TRƯƠNG THỊ NGỌC SƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Dược

Mã số: 7720201

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1 Mã học phần:	1.2 Tên học phần: KINH TẾ DOANH NGHIỆP
1.3 Ký hiệu học phần:	1.4 Tên tiếng Anh:
1.5 Số tín chỉ: 03	
1.6 Phân bố thời gian: Học kỳ	
- Lý thuyết:	30 tiết
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	00 tiết
- Tự học:	90 tiết
1.7 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	
1.8 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Không yêu cầu

2. Mô tả học phần:

Môn học Kinh tế doanh nghiệp cung cấp cho sinh viên các kiến thức nền tảng về kinh tế học ứng dụng nhằm ra quyết định trong các doanh nghiệp. Các kiến thức về cung, cầu, hệ số co giãn cầu ứng dụng trong ra chính sách về giá của doanh nghiệp; Lý thuyết về lợi ích và ứng dụng; Lý thuyết sản xuất, chi phí và chính sách về sản lượng; Lý thuyết cấu trúc thị trường và định giá; kiến thức về các chức năng quản trị doanh nghiệp; Phân tích hiệu quả kinh tế doanh nghiệp; Hội nhập kinh tế quốc tế của doanh nghiệp và Việt Nam.

3. Mục tiêu học phần (Goals)

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)
G1	Các khái niệm quan trọng của kinh tế học ứng dụng trong	PLO1,PLO4,PLO5

	doanh nghiệp, lý thuyết doanh nghiệp	
G2	Tóm tắt nội dung các quy luật cầu, cung, cân bằng thị trường; ứng dụng độ co giãn cầu trong việc ra quyết định; phân tích và dự báo cầu, lý thuyết lợi ích và ứng dụng, lý thuyết sản xuất - chi phí và ứng, lý thuyết cấu trúc thị trường và ứng dụng	PLO1,PLO2
G3	Đánh giá được các hoạt động quản trị của doanh nghiệp	PLO1, PLO5
G4	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp	PLO5, PLO8
G5	Tổng quan về hội nhập kinh tế quốc tế cấp độ doanh nghiệp và quốc gia của Việt Nam	PLO10, PLO12
G6	Có khả năng nghiên cứu thêm về các vấn đề kinh tế áp dụng trong ngành dược	PLO9
G7	<i>Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm. Đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp trong công việc.</i>	PLO11

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes-CLOs)

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR của học phần (CLOs)	Mô tả CLOs (Sau khi học xong môn học này, người học có thể:)
CLO 1	Trình bày được các khái niệm kinh tế quản lý, mối quan hệ của kinh tế quản lý với lý thuyết kinh tế, các hình thức doanh nghiệp, các vấn đề về sở hữu, quản lý doanh nghiệp, các mục tiêu của doanh nghiệp.
CLO 2	Trình bày được khái niệm đường cầu thị trường, các yếu tố ảnh hưởng đến cầu, độ co giãn của cầu theo giá, mối quan hệ giữa độ co giãn cầu và doanh thu
CLO 3	Trình bày được khái niệm, các tính chất của hàm sản xuất và đường đồng lượng, khái niệm chi phí ngắn hạn và chi phí dài hạn
CLO 4	Phân tích được cấu trúc thị trường
CLO 5	<i>Phân tích được hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp</i>
CLO 6	<i>Trình bày được sự phát triển của công ty đa quốc gia, ảnh hưởng của công ty đa quốc gia đối với nền kinh tế và sự cạnh tranh toàn cầu, các chiến lược của công ty</i>
CLO 7	<i>Làm việc độc lập, làm việc nhóm. Đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp trong công việc.</i>

5. Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) và CĐR của chương trình (PLOs)

Bảng 5.1. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Chuẩn đầu ra HP (CLOs)	Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
CLO1	X				X	X						X
CLO2	X				X	X				X	X	X
CLO3	X				X	X				X	X	X
CLO4	X				X	X			X	X	X	X
CLO5	X				X	X			X	X	X	X
CLO6	X				X	X				X	X	X
CLO7										X	X	
Tổng hợp	X				X	X				X	X	X

6. Đánh giá học phần

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của sinh viên ở học phần

Học phần đánh giá	Trọng số (%)	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Liên quan đến CLO nào ở Bảng 5.1	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Kiểm tra thường xuyên	10%	A1.1. Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	30	Đánh giá bằng bảng Rubric 1, 3	CLO 2,4,5	Đánh giá chuyên cần, đánh giá tiến trình, đánh giá bài tập
		Tuần 2: Làm bài kiểm tra số 1				
		A1.2. Tuần 4 : Làm bài kiểm tra số 2	30			
		A1.3. Tuần 5: Làm bài kiểm tra số 3	40			
A2. Kỹ năng	20%	A2.1. Tuần 5: <i>Phân tích được hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp</i>	20	R2,9	CLO 5	Đánh giá thuyết trình, đánh giá kỹ năng làm việc nhóm

A3. Đánh giá giữa kỳ	20%	A3.1. Tuần 6: Sinh viên làm bài kiểm tra trắc nghiệm và tự luận		R4,5	CLO 1,2,3,4,5,6	- Đánh giá kiểm tra viết, kiểm tra trắc nghiệm
A4 Đánh giá cuối kỳ	60%	Bài kiểm tra cuối kỳ: Thi trắc nghiệm.			CLO 1,2,3,4,5,6	- Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm

6.2. Chính sách đối với học phần

- Sinh viên tham dự $\geq 80\%$ số buổi của học phần. Nếu nghỉ $> 20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc học phần.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần theo tuần

Tuần (5 tiết/tuần)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/TH/T)	Chuẩn đầu ra của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở Bảng 4.1	Phương pháp giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của sinh viên(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 Bảng 6.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Chương 1: TỔNG QUAN VỀ KINH TẾ DOANH NGHIỆP						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO 1			A1.1.
	1.10. Bản chất và phạm vi của kinh tế quản lý 1.11. Lý thuyết doanh nghiệp		- Trình bày được các khái niệm kinh tế quản lý, mối quan hệ của kinh tế quản lý với lý thuyết kinh tế - Nêu các hình thức doanh nghiệp, các vấn đề về sở hữu, quản lý doanh nghiệp, các mục tiêu của doanh nghiệp.		- Phương pháp giải thích cụ thể, thuyết giảng, đặt câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm	- Đọc tài liệu. Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	10/0/0		CLO 1			
	1.3. Tìm hiểu về phạm vi quốc tế của kinh tế quản lý		- Trình bày được phạm vi quốc tế của kinh tế quản lý			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
2	Chương 2: PHÂN TÍCH CẦU						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên	5/0/0		CLO 2			A1.1.

	lớp						
	2.1 Những yếu tố cơ bản của cung, cầu 2.2 Độ co giãn của cầu và ứng dụng		- Trình bày được khái niệm đường cầu thị trường, các yếu tố ảnh hưởng đến cầu, độ co giãn của cầu theo giá. - Nêu được mối quan hệ giữa độ co giãn cầu và doanh thu		- Phương pháp giải thích cụ thể, thuyết giảng, đặt câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm	- Đọc tài liệu. - Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO 2			
	2.3. Tìm hiểu thêm phần co giãn của cầu và sức mạnh của người mua		- Trình bày được co giãn của cầu và sức mạnh của người mua			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
3	Chương 3. LÝ THUYẾT SẢN XUẤT - CHI PHÍ						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO 3			A1.1.
	3.1 Lý thuyết sản xuất 3.2. Lý thuyết chi phí		- Trình bày được khái niệm, các tính chất của hàm sản xuất và đường đồng lượng. - Nêu được khái niệm chi phí ngắn hạn và chi phí dài hạn		- Phương pháp giải thích cụ thể, thuyết giảng, đặt câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm	- Đọc tài liệu. Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	10/0/0		CLO 3			
	3.3. Tìm hiểu thêm về các yếu tố làm giảm chi phí		- Trình bày các yếu tố làm giảm chi phí			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
4	Chương 4 LÝ THUYẾT CẤU TRÚC THỊ TRƯỜNG						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO 4			A1.2

	4.1 Lý thuyết cạnh tranh hoàn hảo 4.2 Lý thuyết độc quyền hoàn toàn		- Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng suy tim - Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng tăng huyết áp. - Phân loại, điều trị được bệnh tăng huyết áp.		- Phương pháp giải thích cụ thể, thuyết giảng, đặt câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm thể	- Đọc tài liệu. Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	10/0/0		CLO 4			
	- Tìm hiểu thêm và phân phân tích cơ cấu cạnh tranh		- Phân tích cơ cấu cạnh tranh			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
5	Chương 5 PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP						A1.1.
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO 5			A1.2; A2.1
	5.1. Khái quát về phân tích hoạt động kinh doanh của một doanh nghiệp 5.2. Các phương pháp đánh giá và phân tích hoạt động kinh doanh. 5.3. Các chỉ tiêu phân tích hiệu quả kinh doanh và tài chính của doanh nghiệp.		- Trình bày được khái niệm, ý nghĩa, nhiệm vụ của phân tích hoạt động kinh doanh. - Trình bày được các phương pháp đánh giá và phân tích hoạt động kinh doanh. - Nêu được các chỉ tiêu phân tích hiệu quả kinh doanh và tài chính của doanh nghiệp.		- Phương pháp giải thích cụ thể, thuyết giảng, đặt câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm thể	- Đọc tài liệu. Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	10/0/0		CLO 5			
	5.4. Tìm hiểu thêm về chất lượng sản phẩm trong sản xuất kinh doanh		- báo cáo phân tích chất lượng sản phẩm trong sản xuất kinh doanh			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
6	Chương 6: CÔNG TY ĐA QUỐC GIA						A3.1
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO 1,2,3			
	6.1. Sự phát triển của công ty đa quốc gia 6.2. Lý thuyết kinh tế và công ty đa quốc gia 6.3. Ảnh hưởng của công ty đa quốc gia đến nền kinh tế		- Trình bày được định nghĩa công ty đa quốc gia, sơ lược về lịch sử phát triển của công ty đa quốc gia và tầm quan trọng của hoạt động đa quốc gia. - Trình bày được lý thuyết kinh tế và công ty đa quốc gia. - Nêu được ảnh hưởng của công ty đa quốc gia đến		- Phương pháp giải thích cụ thể, thuyết giảng, đặt câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm thể	- Đọc tài liệu. Thảo luận nhóm	

			các nền kinh tế			
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	10/0/0		CLO 6		
	6.4. Tìm hiểu thêm cạnh tranh toàn cầu và chiến lược công ty		- Trình bày được tình hình cạnh tranh toàn cầu và chiến lược công ty			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà
Theo lịch thi	FINAL EXAM					A4

8. Học liệu:

Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
[1]	Bài giảng nội bộ	2019	Giáo trình kinh tế doanh nghiệp	Khoa dược, trường ĐH KTKT Bình Dương
Sách, giáo trình tham khảo				
[2]	Edwin Mansfield, TS. Đoàn Thị Mỹ Hạnh dịch		Kinh tế học vi mô ứng dụng trong quản trị doanh nghiệp	

Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ web hữu ích cho học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Kinh tế học đại cương	http://sachbaovn.vn/doc-truc-tuyen/sach/Giao-trinh-kinh-te-hoc-dai-cuong-MUMwQzQ3MkQ t	14/09/2019

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

Bảng 9.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của học phần

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường	- Bảng lớn	01	Tất cả bài trong học phần
		- Máy chiếu	01	
		- Phương tiện tăng âm	01	

Bình Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2019

TRƯỞNG KHOA



TRƯƠNG THỊ NGỌC SƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Dược

Mã số: 7720201

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1 Mã học phần:	1.2 Tên học phần: MARKETING DƯỢC PHẨM
1.3 Ký hiệu học phần:	1.4 Tên tiếng Anh: PHARMACEUTICAL MARKETING
1.5 Số tín chỉ: 02	
1.6 Phân bố thời gian: Học kỳ	
- Lý thuyết:	30 tiết
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	00 tiết
- Tự học:	90 tiết
1.7 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	
1.8 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần học trước:	
- Học phần song hành:	Không yêu cầu

2. Mô tả học phần:

Môn học Marketing cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về marketing trong hoạt động kinh doanh như: khái niệm cơ bản về Marketing, môi trường Marketing, hành vi khách hàng và định hướng Marketing, nhu cầu, thị trường, phân đoạn thị trường, định vị sản phẩm, chu kỳ đời sống sản phẩm, giới thiệu về Marketing Mix (4 chiến lược cơ bản: Sản phẩm, giá cả, phân phối, chiêu thị).

3. Mục tiêu học phần (Goals)

Mục tiêu	Mô tả (Goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)
-----------------	---	---------------------------------

(Goals)		
G1	Trình bày được những khái niệm cơ bản về Marketing, môi trường Marketing	PLO1,PLO5
G2	Phân tích được hành vi khách hàng và đưa ra được định hướng Marketing	PLO1,PLO5,PLO6
G3	Trình bày được cách thức phân đoạn thị trường và hình thức định vị sản phẩm	PLO1,PLO5,PLO6
G4	Thiết lập được các bước nghiên cứu Marketing	PLO1,PLO5,PLO6,PLO9
G5	Mô tả được 4 chiến lược cơ bản của Marketing –Mix: Chiến lược về sản phẩm, về giá, về phân phối, về tiếp thị	PLO1,PLO5,PLO6,PLO12
G7	<i>Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm. Đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp trong công việc.</i>	PLO11

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes-CLOs)

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR của học phần (CLOs)	Mô tả CLOs (Sau khi học xong môn học này, người học có thể:)
CLO 1	Trình bày được khái niệm, chức năng, vai trò, mục tiêu của marketing.
CLO 2	Trình bày được khái niệm, đặc trưng cơ bản, đặc điểm nhu cầu của thị trường người tiêu dùng trong kinh doanh dược phẩm, mô hình hành vi và quá trình quyết định mua của người tiêu dùng ngành dược, khái quát chung khách hàng tổ chức trong ngành dược, hành vi mua và quá trình quyết định mua của khách hàng là tổ chức trong ngành dược
CLO 3	Phân tích được hành vi mua và quyết định mua của thị trường người tiêu dùng ngành dược
CLO 4	Phân tích được các bước trong quá trình quyết định mua của khách hàng tổ chức
CLO 5	Trình bày được khái niệm, phương pháp đo lường và dự báo nhu cầu thị trường.
CLO 6	Trình bày được khái niệm phân khúc thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị sản phẩm
CLO 7	Trình bày được khái niệm, các cấp độ sản phẩm, phân loại sản phẩm thuốc, các quyết định liên quan đến từng sản phẩm: quyết định về đặc tính sản phẩm, thương hiệu dược phẩm, bao gói và dịch vụ sản phẩm, các quyết định về thị trường đơn lẻ, sản phẩm đơn lẻ, đa thị trường, đa sản phẩm, thị trường tổng thể, hệ thống sản phẩm, khái niệm và các giai đoạn trong vòng đời sản phẩm
CLO 8	Trình bày được khái niệm giá, chiến lược giá, các nhân tố bên trong, bên ngoài doanh nghiệp ảnh hưởng tới quyết định giá, các chiến lược giá, tầm quan trọng, sự cần thiết và xu hướng

	định giá sản phẩm mới
CLO 9	Phân tích được các tiến trình xác định giá
CLO 10	Trình bày được định nghĩa, đặc điểm và tầm quan trọng của kênh phân phối dược phẩm, cấu trúc, tổ chức kênh phân phối, hoạt động, hành vi kênh phân phối, các trung gian phân phối trong dược phẩm
CLO 11	Phân tích được các căn cứ tổ chức kênh phân phối, phát triển các cấu trúc, hình thức tổ chức. đánh giá và lựa chọn kênh phân phối tối ưu
CLO 12	Trình bày được bản chất, quá trình, các bước phát triển và xác lập phối thức, ngân sách hoạt động cho truyền thông marketing, các khái niệm quảng cáo, quan hệ công chúng, bán hàng cá nhân, khuyến mại, marketing trực tiếp và marketing trực tuyến trong thị trường dược phẩm
CLO 13	<i>Làm việc độc lập, làm việc nhóm. Đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp trong công việc.</i>

5. Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Bảng 5.1. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Chuẩn đầu ra HP (CLOs)	Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
CLO1	X				X	X						X
CLO2	X				X	X				X	X	X
CLO3	X				X	X				X	X	X
CLO4	X				X	X			X	X	X	X
CLO5	X				X	X			X	X	X	X
CLO6	X				X	X				X	X	X
CLO7	X				X	X				X	X	X
CLO8	X				X	X				X	X	X
CLO9	X				X	X				X	X	X
CLO10	X				X	X				X	X	X
CLO11	X				X	X				X	X	X
CLO12	X				X	X				X	X	X
CLO13									X	X	X	X
Tổng hợp	X				X	X			X	X	X	X

6. Đánh giá học phần

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của sinh viên ở học phần

Học phần đánh giá	Trọng số (%)	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Liên quan đến CLO nào ở Bảng 5.1	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Kiểm tra thường xuyên	10%	A1.1. Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Tuần 2: Làm bài kiểm tra số 1	30	Đánh giá bằng bảng Rubric 1,3	CLO 2,4,5	Đánh giá chuyên cần, đánh giá tiến trình, đánh giá bài tập
		A1.2. Tuần 4 : Làm bài kiểm tra số 2	30			
		A1.3. Tuần 5: Làm bài kiểm tra số 3	40			
A2. Kỹ năng	20%	A2.1. Tuần 5: <i>Tiến hành phân tích hoạt động phân khúc thị trường, lựa chọn thị trường và định vị thị trường mục tiêu của công ty cổ phần dược Hậu Giang</i>	20	R2,9	CLO 5	Đánh giá thuyết trình, đánh giá kỹ năng làm việc nhóm
A3. Đánh giá giữa kỳ	20%	A3.1. Tuần 6: Sinh viên làm bài kiểm tra trắc nghiệm và tự luận		R4,5	CLO 1,2,3,4,5,6	- Đánh giá kiểm tra viết , kiểm tra trắc nghiệm
A4 Đánh giá cuối kỳ	60%	Bài kiểm tra cuối kỳ: Thi trắc nghiệm.			CLO 1,2,3,4,5,6	- Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm

6.2. Chính sách đối với học phần

- Sinh viên tham dự $\geq 80\%$ số buổi của học phần. Nếu nghỉ $> 20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc học phần.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần theo tuần

Tuần (5 tiết/tuần)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/T H/TT)	Chuẩn đầu ra của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CLO	Phương pháp giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của sinh viên(*)	Tên bài đánh giá
--------------------	---	---------------------	---	-------------------	-------------------------------	--------------------------------	------------------

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
)		nào ở Bảng 4.1			(ở cột 3 Bảng 6.1)
)		nào ở Bảng 4.1			(ở cột 3 Bảng 6.1)
1	Chương 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ MARKETING						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2/0/0		CLO1, CLO13			A1.1.
	1.12. Khái niệm marketing, marketing được 1.13. Chức năng của marketing, marketing được. 1.14. Vai trò của marketing, marketing được. 1.15. Bản chất của marketing được. 1.16. Mục tiêu của marketing, marketing được		- Trình bày được khái niệm, chức năng, vai trò, mục tiêu của marketing nói chung và marketing được nói riêng.		- Phương pháp giải thích cụ thể, thuyết giảng, đặt câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm	-Đọc tài liệu. Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	10/0/0		CLO1, CLO13			
	1.3. Tìm hiểu về quy trình marketing		- Trình bày được quy trình marketing			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
2	Chương 2. KHÁCH HÀNG TRONG THỊ TRƯỜNG ĐƯỢC PHẨM						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	3/0/0		CLO2, CLO3, CLO4, CLO13			A1.1.
	2.1. Thị trường người tiêu dùng trong kinh doanh được phẩm 2.2. Thị trường khách hàng tổ chức ngành được		- Trình bày được khái niệm, đặc trưng cơ bản, đặc điểm nhu cầu của thị trường người tiêu dùng trong kinh doanh được phẩm.		- Phương pháp giải thích cụ thể, thuyết giảng, đặt câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, thảo	-Đọc tài liệu. Thảo luận nhóm	

			<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được mô hình hành vi và quá trình quyết định mua của người tiêu dùng ngành dược - Phân tích được hành vi mua và quyết định mua của thị trường người tiêu dùng ngành dược - Trình bày được khái quát chung khách hàng tổ chức trong ngành dược - Trình bày được hành vi mua và quá trình quyết định mua của khách hàng là tổ chức trong ngành dược - Phân tích được các bước trong quá trình quyết định mua của khách hàng tổ chức 		luyện nhóm		
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	10/0/0		CLO4, CLO5, CLO13			
	2.3. Tìm hiểu thêm phần đánh giá nhà sản xuất, nhà cung cấp trong thị trường dược phẩm		<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được phần đánh giá nhà sản xuất, nhà cung cấp trong thị trường dược phẩm 			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
3	Chương 3: PHÂN ĐOẠN THỊ TRƯỜNG, LỰA CHỌN THỊ TRƯỜNG MỤC						

	TIÊU VÀ ĐỊNH VỊ						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO5 CLO6, CLO13			A1.1.
	3.1. Xác định vị thế hiện tại của doanh nghiệp trên thị trường được phẩm 3.2. Phân đoạn thị trường. 3.3. Xác định đối tượng khách hàng hay thị trường được phẩm cần phân đoạn 3.4. Lựa chọn thị trường mục tiêu 3.5. Định vị		- Trình bày được khái niệm, phương pháp đo lường và dự báo nhu cầu thị trường. - Trình bày được khái niệm phân khúc thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị sản phẩm		- Phương pháp giải thích cụ thể, thuyết giảng, đặt câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm	-Đọc tài liệu. Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO5 CLO6, CLO13			
	2.3. Phân khúc thị trường của công ty dược Domesco theo địa lý, tâm lý, nhân khẩu học		- Trình bày được phân khúc thị trường của công ty dược Domesco theo địa lý, tâm lý, nhân khẩu học			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
4	Chương 4 SẢN PHẨM TRONG MARKETING ĐƯỢC PHẨM						A1.1.
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO7, CLO13			A1.2; A2.1
	4.1. Khái niệm sản phẩm theo quan điểm marketing được phẩm 4.2. Các quyết định liên quan đến từng sản phẩm 4.3. Quyết định về nhóm sản phẩm và danh mục sản phẩm 4.4. Thiết kế và marketing sản phẩm mới 4.5. Vòng đời sản		- Trình bày được khái niệm, các cấp độ sản phẩm, phân loại sản phẩm thuốc - Trình bày được các quyết định liên quan đến từng sản phẩm: quyết định về đặc tính sản phẩm, thương hiệu		- Phương pháp giải thích cụ thể, thuyết giảng, đặt câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm	-Đọc tài liệu. Thảo luận nhóm	

	phẩm		<p>dược phẩm, bao gói và dịch vụ sản phẩm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được các quyết định về thị trường đơn lẻ, sản phẩm đơn lẻ, đa thị trường, đa sản phẩm, thị trường tổng thể, hệ thống sản phẩm - Trình bày được khái niệm và các giai đoạn trong vòng đời sản phẩm 				
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	5/0/0		CLO7, CLO13			
	4.6. Tìm hiểu thêm về tâm lý khách hàng trong thị trường dược phẩm liên quan đến các giai đoạn sống của vòng đời sản phẩm		<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được tâm lý khách hàng trong thị trường dược phẩm liên quan đến các giai đoạn sống của vòng đời sản phẩm 			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
5	Chương 5: CHIẾN LƯỢC GIÁ TRONG MARKETING DƯỢC PHẨM						A3.1
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO8, CLO9, CLO13			
	<p>5.1. Khái niệm giá, chiến lược giá</p> <p>5.2. Các yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến quyết định giá</p> <p>5.3. Xác định mức giá cơ bản</p> <p>5.4. Chiến lược giá</p> <p>5.5. Thực tiễn định giá dược phẩm</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được khái niệm giá, chiến lược giá - Trình bày được các nhân tố bên trong, bên ngoài doanh nghiệp ảnh hưởng tới quyết định giá 		<ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp giải thích cụ thể, thuyết giảng, đặt câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc tài liệu. Thảo luận nhóm 	

			<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được các tiến trình xác định giá. - Trình bày được các chiến lược giá. - Trình bày được tầm quan trọng, sự cần thiết và xu hướng định giá sản phẩm mới 				
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	10/0/0		CLO8, CLO9, CLO13			
	5.6. Tìm hiểu thêm về xu hướng định giá sản phẩm mới trong thị trường dược phẩm		<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được xu hướng định giá sản phẩm mới trong thị trường dược phẩm 			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
6	Chương 6: PHÂN PHỐI TRONG MARKETING DƯỢC PHẨM						A3.1
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO10, CLO11, CLO13			
	6.1. Bản chất và tầm quan trọng của kênh phân phối 6.2. Cấu trúc và tổ chức kênh phân phối 6.3. Hoạt động và hành vi trong kênh phân phối 6.4. Tổ chức thiết kế kênh phân phối 6.5. Quản lý kênh phân phối 6.6. Quyết định lưu chuyển hàng hóa trong kênh phân phối 6.7. Các trung gian kênh phân phối		<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được định nghĩa, đặc điểm và tầm quan trọng của kênh phân phối dược phẩm - Trình bày được cấu trúc, tổ chức kênh phân phối, hoạt động, hành vi kênh phân phối. - Phân tích được các căn cứ tổ chức kênh phân phối, phát triển các cấu trúc, hình thức tổ 		Phương pháp giải thích cụ thể, thuyết giảng, đặt câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm thể	<ul style="list-style-type: none"> -Đọc tài liệu. Thảo luận nhóm 	

			chức. đánh giá và lựa chọn kênh phân phối tối ưu - Trình bày được các trung gian phân phối trong được phẩm				
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	10/0/0		CLO10, CLO11, CLO13			
	6.8. Tìm hiểu thêm về bản chất, mục tiêu, các quyết định lưu chuyển hàng hóa trong thị trường được phẩm		- Trình bày được bản chất, mục tiêu, các quyết định lưu chuyển hàng hóa trong thị trường được phẩm			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
7	Chương 7: TRUYỀN THÔNG TÍCH HỢP TRONG MARKETING ĐƯỢC PHẨM						A3.1
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO12, CLO13			
	7.1. Khái quát về truyền thông marketing 7.2. Quảng cáo 7.3. Quan hệ công chúng (PR) 7.4. Bán hàng cá nhân 7.5. Khuyến mại 7.6. Marketing trực tiếp và marketing trực tuyến		- Trình bày được bản chất, quá trình, các bước phát triển và xác lập phối thức, ngân sách hoạt động cho truyền thông marketing - Trình bày được các khái niệm quảng cáo, quan hệ công chúng, bán hàng cá nhân, khuyến mại, marketing trực tiếp và marketing trực tuyến trong thị		Phương pháp giải thích cụ thể, thuyết giảng, đặt câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm thể	-Đọc tài liệu. Thảo luận nhóm	

			trường phẩm	được			
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	10/0/0			CLO12, CLO13		
	7.7. Tìm hiểu thêm về sự khác biệt giữa các phối thức marketing		- Trình bày được sự khác biệt giữa các phối thức marketing trong thị trường dược phẩm				Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà
Theo lịch thi	FINAL EXAM						A4

8. Học liệu:

Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
[1]	Giáo trình nội bộ	2019	<i>Bài giảng Marketing dược phẩm</i>	Khoa dược, trường đại học KTKT Bình Dương
Sách, giáo trình tham khảo				
[2]	Trần Minh Đạo	2011	<i>Giáo trình marketing căn bản</i>	NXB Đại học Kinh tế Quốc Dân
[3]	Vũ Huy Thông	2014	<i>Giáo trình hành vi người tiêu dùng</i>	NXB Đại học Kinh tế Quốc Dân

Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ web hữu ích cho học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Top 10 công ty dược phẩm uy tín năm 2018	https://vietnamnet.vn/vn/kinh-doanh/vef/cong-bo-top-10-cong-ty-duoc-uy-tin-nam-2018-496800.html	14/09/2019

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

Bảng 9.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của học phần

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	Tất cả bài trong học phần

1	Giảng đường	- Bảng lớn	01	
		- Máy chiếu	01	
		- Phương tiện tăng âm	01	

Bình Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2019

TRƯỞNG KHOA



TRƯƠNG THỊ NGỌC SƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Dược

Mã số: 7720201

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về HP

1.1 Mã học phần:	1.2 Tên học phần: DƯỢC MỸ PHẨM VÀ TPCN
1.3 Ký hiệu học phần:	1.4 Tên tiếng Anh:
1.5 Số tín chỉ:	02
1.6 Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	30 tiết
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	0 tiết
- Tự học:	60 tiết
1.7 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	DS. Nguyễn Thị Thu Thoa
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	DS. Trần Ngọc Thanh
1.8 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không có
- Học phần học trước:	Không yêu cầu
- Học phần song hành:	Không yêu cầu

2. Mô tả học phần:

Môn học cung cấp cho sinh viên các khái niệm, các đặc điểm chính, thành phần, yêu cầu chất lượng và các quy định về quản lý, GMP liên quan đến về mỹ phẩm và thực phẩm chức năng.

3. Mục tiêu HP (Goals)

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)
G1	Trình bày đúng định nghĩa, đặc điểm, các quy định quản	PLO1,2

	lý chất lượng, GMP liên quan đến mỹ phẩm và thực phẩm chức năng.	
G2	Mô tả đúng các thành phần công thức, các chất phụ gia thường dùng, nguyên tắc điều chế và đánh giá chất lượng mỹ phẩm và thực phẩm chức năng.	PLO1,2,3
G3	Nhận thức được tầm quan trọng của mỹ phẩm và TPCN trong điều trị từ đó có thái độ nghiêm túc, cẩn trọng trong quá trình hướng dẫn và sử dụng.	PLO9,10,11,12

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes-CLOs)

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR của học phần (CLOs)	Mô tả CLOs (Sau khi học xong môn học này, người học có thể:)
CLO 1	Phân tích được các quy định trong quản lý chất lượng về mỹ phẩm và thực phẩm chức năng.
CLO 2	Phân tích và đánh giá các công thức và các chất phụ gia trong mỹ phẩm và thực phẩm chức năng.
CLO 3	Đánh giá tầm quan trọng của mỹ phẩm và thực phẩm chức năng trong đời sống.

5. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Mức độ đóng góp của CLO vào PLO được xác định cụ thể:

- L (Low) – CLO có đóng góp ít vào PLO
- M (Medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO
- H (High) – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích:

- Các mức H - Cao, M - Vừa, L - Thấp - phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (L) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(mức M) hay mức thuần thục (H).

Bảng 5.1. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Chuẩn đầu ra HP (CLOs)	Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
CLO1	x	x	x			x	x	x	x	x	x	x
CLO2	x	x	x			x	x	x	x	x	x	x
CLO3	x	x	x			x	x	x	x	x	x	x
Tổng hợp												

6. Đánh giá HP

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP

H/phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric	Lquan đến CLO nào ở Bảng 5.1	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	10%	A1.1. Tuần 2: Làm bài tập số 1	40%		CLO 1	
		A1.2. Tuần 3: Làm bài tập số 2	60%		CLO 2	
A2. Kỹ năng	20%	Bài tập số 03: Phân tích tình huống		R2	CLO 1	- GV giao cho SV từng nhóm tình huống cụ thể.
A3. Đánh giá giữa kỳ	20%	Bài tập lớn: Sinh viên làm một bài tập lớn được mỹ phẩm		R1	CLO 1,2	- GV giao đề tài cho từng SV ngay từ đầu học phần.
A4. Đánh giá cuối kỳ	50%	Bài ktra cuối kỳ: Thi trắc nghiệm theo NHĐT.			CLO 1,2,3	

- (7) PP đánh giá đạt CDR: Nêu tên các PP đánh giá sử dụng trong từng chương để đạt CDR. Tham khảo các phương pháp đánh giá trong CTĐT ngành Dược học.

6.2. Chính sách đối với HP

- SV tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $>20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP

Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần

Tuần / (5 tiết/tuần)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/T H/TT)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở Bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 Bảng 6.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Chương 1: Mỹ phẩm						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	15/0/0		CLO1,3			
	- Hiệp định 76/768 EEC về		- Trình bày khái niệm và phân loại		-Giải thích cụ	-Lắng nghe,	

	<p>mỹ phẩm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiệp định ASEAN về mỹ phẩm. - Cosmetic GMP - Lịch sử quản lý và sử dụng mỹ phẩm - Các sản phẩm mỹ phẩm. Thành phần công thức mỹ phẩm. Phụ gia dùng trong mỹ phẩm - Mỹ phẩm dùng cho da, tóc. - Cosmetic medicine - Quy định về quản lý mỹ phẩm 		<p>mỹ phẩm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày nguyên tắc thử tính miễn cảm kích ứng của mỹ phẩm - Phân tích thành phần chính và KTBC một số mỹ phẩm thông dụng - Trình bày nguyên tắc GMP mỹ phẩm - Hướng dẫn sử dụng mỹ phẩm hợp lý và an toàn 		<p>thẻ</p> <ul style="list-style-type: none"> -Giải quyết vấn đề -Câu hỏi gợi mở 	<p>ghi chép</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận nhóm 	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	20/0/0		CLO1,3			
	Chuẩn bị và phân tích 1 số thành phần dược chất và tá dược trong các kem mỹ phẩm, sơn móng tay, dầu gội đầu.		-Phân tích được những tác động của hóa chất đến dược mỹ phẩm.		-Tự học -Học nhóm	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 2: Thực phẩm chức năng						
2	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO2,3			
	<ul style="list-style-type: none"> - Đại cương về Thực phẩm chức năng (TPCN) - GMP TPCN - Hoạt chất chức năng của TPCN, TPCN hỗ trợ phòng trị bệnh - Các phụ gia trong TPCN - Quy định về quản lý thực phẩm chức năng - Tầm nhìn và chiến lược phát 		<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày khái niệm về thực phẩm chức năng - Phạm vi và vai trò của TPCN đối với sức khỏe - Phân tích được các hoạt chất, các chất phụ gia của TPCN. - Trình bày nguyên tắc GMP của TPCN - Trình bày các quy định về quản 		<ul style="list-style-type: none"> -Giải thích cụ thể -Giải quyết vấn đề -Câu hỏi gợi mở 	<ul style="list-style-type: none"> -Lắng nghe, ghi chép -Thảo luận nhóm 	

	triển TPCN đến năm 2030		lý thực phẩm chức năng.				
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	20/0/0		CLO2,3			
	Vai trò, các tác động của chất phụ gia.		- Phân tích được những tác động của các chất phụ gia với sức khỏe con người.		- Tự học - Học nhóm	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
Theo lịch thi	FINAL EXAM			CLO1,2,3			A4

(*) Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương.
- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR. Tham khảo các phương pháp giảng dạy trong CTĐT ngành Dược học.
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số....).

8. Học liệu:

Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1		2018	Mỹ phẩm và thực phẩm chức năng	Khoa dược
Sách, giáo trình tham khảo				
2	Trần Tử An	2011	Kiểm nghiệm dược phẩm	NXB Y học

Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ web hữu ích cho HP

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Nghị định về điều kiện sản xuất mỹ phẩm	https://luatvietnam.vn/y-te/nghi-dinh-93-2016-nd-cp-chinh-phu-106876-d1.html	10/09/2019
2	Hiệp định về hệ thống hòa hợp ASEAN trong quản lý mỹ phẩm, ngày 2 tháng 9 năm 2003.	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/The-thao-Y-te/Hiep-dinh-hoa-hop-quan-ly-my-pham-Asean-81118.aspx	10/09/2019

3	Hướng dẫn của ASEAN về Thực hành tốt sản xuất mỹ phẩm, Appendix VI.	https://dav.gov.vn/huong-dan-cua-asean-ve-thuc-hanh-tot-san-xuat-my-pham-cgmp-asean-n752.html	10/09/2019
---	---	---	------------

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

Bảng 9.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường	Lý thuyết		Các bài trong chương trình
		Máy chiếu + âm ly + micro	01	

Bình Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2019

TRƯỞNG KHOA



TRƯƠNG THỊ NGỌC SƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: DƯỢC

Mã số: 7340101

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về HP

1.1 Mã học phần: 081096	1.2 Tên học phần: KHỞI TẠO DOANH NGHIỆP
1.3 Ký hiệu học phần:	1.4 Tên tiếng Anh: ENTREPRENEURSHIP
1.5 Số tín chỉ:	02
1.6 Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	25 tiết
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	5 tiết
- Tự học:	60 tiết
1.7 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	TS. Hà Kiên Tân
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	
1.8 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần học trước:	Quản trị học, quản trị nhân lực, quan hệ công chúng
- Học phần song hành:	

2. Mô tả học phần:

Trang bị những lý thuyết cơ bản về khởi sự kinh doanh cho sinh viên: Môi trường kinh doanh, tố chất, kỹ năng cần có của chủ doanh nghiệp; các phương pháp lựa chọn ý tưởng kinh doanh, nội dung cơ bản của kế hoạch kinh doanh khởi sự; Đánh giá các dự án kinh doanh, tính khả thi của một dự án kinh doanh. Triển khai các hoạt động kinh doanh và trách nhiệm và những rủi ro thường gặp của các nhà khởi sự.

3. Mục tiêu HP (Goals)

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)
G1	Hiểu môi trường kinh doanh, những tố chất và kỹ năng cần có của các nhà khởi sự để tìm ra các ý tưởng cũng như cơ hội kinh doanh;	PLO4-6
G2	Hiểu về quy trình lựa chọn, đánh giá các ý tưởng cũng như cơ hội kinh doanh, hiểu được nội dung cơ bản của kế hoạch kinh doanh khởi sự.	PLO5,6

G3	Áp dụng vào trong hoạt động kinh doanh thực tiễn của mình (Hiện thực hóa ý tưởng kinh doanh)	PLO9-12
----	--	---------

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes-CLOs)

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR của học phần (CLOs)	Mô tả CLOs (Sau khi học xong môn học này, người học có thể:)
CLO 1	Phân tích được môi trường xung quanh như: môi trường vĩ mô, môi trường ngành, môi trường trong nội bộ các doanh nghiệp trên thị trường.
CLO 2	Áp dụng được các kiến thức, tổ chức cũng như kỹ năng cần có của các nhà khởi sự doanh nghiệp
CLO 3	Phân tích được các ý tưởng cũng như các cơ hội kinh doanh tồn tại xung quanh chúng ta.
CLO 4	Vận dụng được qui trình từ khi phát sinh ý tưởng đến khi ý tưởng biến thành các cơ hội
CLO 5	Vận dụng được qui trình chọn lựa các cơ hội đó để hiện thực hóa các cơ hội kinh doanh
CLO 6	Vận dụng các phương pháp, công cụ phân tích, đánh giá và lựa chọn ý tưởng kinh doanh
CLO 7	Tiến hành kinh doanh thử trong thực tế

5. Môi quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CĐR của chương trình (PLOs)

Mức độ đóng góp của CLO vào PLO được xác định cụ thể:

- L (Low) – CLO có đóng góp ít vào PLO; M (Medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO
- H (High) – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích:

- Các mức H - Cao, M - Vừa, L - Thấp - phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (L) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(mức M) hay mức thuần thực (H).

Bảng 5.1. Môi quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CĐR của chương trình (PLOs)

Chuẩn đầu ra HP (CLOs)	Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
CLO1				M		H			H			
CLO2					M	H			H			
CLO3				M		H			H			
CLO4					M	H			H			H
CLO5				M	L	H			H	M	M	H
CLO6					M	H			H	M	M	H
CLO7					M	H			H	M	M	H
Tổng hợp				M	M	H			H	M	M	H

6. Đánh giá HP

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP

H/phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric	Lquan đến CLO nào ở Bảng 5.1	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Kiểm tra thường xuyên	10%	A1. Tuần 2: Làm bài tập số 1			CLO 1,2	- SV đọc và hiểu các chương trước đó trong giáo

(KTTX)						trình và một số tài liệu tham khảo khác.
A2. Kỹ năng	10%	Tuần 5: Làm bài tập số 2		R2	CLO 4,5	- SV đọc và hiểu các chương trước đó trong giáo trình và một số tài liệu tham khảo khác.
A3. Đánh giá giữa kỳ	20%	Bài tập lớn: Kế hoạch khởi sự kinh doanh sơ bộ		R1	CLO 4,5	- GV giao đề tài cho từng SV ngay từ đầu HP.
A4. Đánh giá cuối kỳ	60%	Nộp tiểu luận: Kế hoạch khởi sự kinh doanh hoàn chỉnh			CLO 7	GV giao đề tài cho từng SV ngay từ đầu HP.

- (7) PP đánh giá đạt CDR: Nêu tên các PP đánh giá sử dụng trong từng chương để đạt CDR. Tham khảo các phương pháp đánh giá trong CTĐT ngành Dược học.

6.2. Chính sách đối với HP

- SV tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $>20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP

Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần

Tuần / (5 tiết/tuần)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/TH/T)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lqua n đến CLO nào ở Bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 Bảng 6.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	CHƯƠNG 1. Tổng quan về khởi sự kinh doanh						
1	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO 1			
	1.1. Tổng quan về hoạt động kinh doanh 1.2. Doanh nhân trong nền kinh tế thị trường 1.3. Nhà khởi nghiệp và chủ doanh nghiệp.		-Hiểu được vai trò của doanh nhân đối với sự phát triển của nền kinh tế		-Thuyết trình, giảng giải -Trình chiếu PowerPoi nt -Phát biểu xây dựng bài -Thảo luận nhóm	-Thảo luận nhóm	
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO 1			
	Tìm hiểu những chính sách hỗ trợ		-Hiểu vai trò của các chính sách hỗ		-Tự học -Học	Chuẩn bị tốt phần tự	

	khởi nghiệp tại VN		trợ khởi nghiệp tại VN		nhóm	học ở nhà	
	CHƯƠNG 2. Cơ hội kinh doanh và kế hoạch kinh doanh khởi sự						
2	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	4/1/0		CLO 2,3			A1
	2.1. Ý tưởng kinh doanh và lựa chọn ý tưởng kinh doanh. 2.2. Cơ hội và phương pháp nhận biết cơ hội kinh doanh 2.3. Đánh giá mức độ chắc chắn của cơ hội kinh doanh 2.4. Kế hoạch kinh doanh khởi sự		- Hiểu về quy trình lựa chọn, đánh giá các ý tưởng cũng như cơ hội kinh doanh và nội dung cơ bản của kế hoạch kinh doanh khởi sự.		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu Power Point - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm bài tập số 1: Đưa ra 1 số ý tưởng kinh doanh - Thảo luận nhóm	
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO 1,2,3			
	Phát họa cơ bản kế hoạch khởi sự kinh doanh từ ý tưởng kinh doanh mà SV đã ấp ủ trước đó		- Vận dụng quy trình lựa chọn và lập kế hoạch khởi sự kinh doanh	-	- Tự học - Học nhóm	- Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	CHƯƠNG 3. Lựa chọn hình thức khởi sự và tạo lập doanh nghiệp						
3	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	8/2/0		CLO 4,5			A2
	3.1. Các hình thức khởi sự kinh doanh 3.2. Tạo lập doanh nghiệp mới khởi sự		- Hiểu được qui trình từ khi phát sinh ý tưởng đến khi ý tưởng biến thành các cơ hội - Hiểu qui trình chọn lựa các cơ hội đó để hiện thực hóa các cơ hội kinh doanh		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu Power Point - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm bài tập số 2: Vẽ sơ đồ tư duy về các bước khởi tạo DN. Thảo luận nhóm	

	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO 4,5			
	Phát họa cơ bản kế hoạch khởi sự kinh doanh từ ý tưởng kinh doanh		- Vận dụng quy trình lựa chọn và lập kế hoạch khởi sự kinh doanh			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	CHƯƠNG 4: Triển khai hoạt động kinh doanh						A3
4	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	8/2/0		CLO 6,7			
	4.1. Tổ chức bộ máy quản trị và nhân sự 4.2. Thiết kế trụ sở và mua sắm trang thiết bị 4.3. Marketing và mạng lưới bán hàng 4.4. Nguồn vốn đề khởi sự kinh doanh 4.5. Triển khai các hoạt động khác		- Hiểu và sử dụng các phương pháp, công cụ phân tích, đánh giá và lựa chọn ý tưởng kinh doanh - Tiến hành kinh doanh thử trong thực tế	-	- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu Power Point - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm bài tập số 3: Lên kế hoạch sơ bộ các bước tiến hành kinh doanh. - Thảo luận nhóm	
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/10/0					
	Lập kế hoạch khởi sự kinh doanh hoàn chỉnh và tiến hành kinh doanh thử thực tế		- Vận dụng phương pháp, công cụ phân tích, đánh giá và lựa chọn ý tưởng kinh doanh và tiến hành kinh doanh thử trong thực tế			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
Theo lịch thi	FINAL EXAM			CLO 7			A4

(*) Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương.
- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR. Tham khảo các phương pháp giảng dạy trong CTĐT ngành Dược học.
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số....).

8. Học liệu:

Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tài liệu	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
Giáo trình chính				
[1]	Cẩm nang khởi nghiệp kinh doanh: Đạt tới thành công bằng kế hoạch kinh doanh chuyên nghiệp	Nguyễn Ngọc Huyền	NXB đại học kinh tế quốc dân	2017
Tài liệu tham khảo				
[2]	Lập kế hoạch kinh doanh từ A đến Z của Mike McKeever	McKeever	NXB tổng hợp TP HCM	2010

Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ web hữu ích cho HP

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Entreprenership	https://en.wikipedia.org/wiki/Entrepreneurship	04/07/2019

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

Bảng 9.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường			
2	Phòng mô phỏng			

Bình Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2019

TRƯỞNG KHOA



TRƯƠNG THỊ NGỌC SƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: DUỠC

Mã số: 7720201

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về HP

1.1 Mã học phần: 081031	1.2 Tên học phần: Phương pháp nghiên cứu khoa học
1.3 Ký hiệu học phần:	1.4 Tên tiếng Anh: Research and graduate study methodology
1.5 Số tín chỉ:	02
1.6 Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	25 tiết
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	05 tiết
- Tự học:	60 tiết
1.7 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Lê Thị Hiền
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	TS. Hà Kiên Tân
1.8 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần học trước:	
- Học phần song hành:	

2. Mô tả học phần:

Môn học phương pháp nghiên cứu khoa học được xây dựng cho sinh viên hệ Đại học chính quy các ngành. Môn học này trang bị cho sinh viên cái nhìn tổng quan về khoa học và nghiên cứu khoa học, từ đó sinh viên biết cách xác định vấn đề nghiên cứu, mục đích nghiên cứu và xây dựng câu hỏi nghiên cứu. Môn học cũng trang bị cho sinh viên phương pháp luận trong nghiên cứu khoa học, phương pháp thu thập, xử lý, phân tích thông tin thu thập được, cũng như cách trình bày báo cáo nghiên cứu khoa học.

3. Mục tiêu HP (Goals)

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)
G1	Kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp nghiên cứu khoa học	PLO1,9-12
G2	Khả năng lập kế hoạch nghiên cứu, xác định vấn đề và mục tiêu nghiên cứu	PLO1,9-12
G3	Kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp thu thập và xử lý số liệu	PLO1, 9-12
G4	Kỹ năng thiết lập đề cương nghiên cứu khoa học ứng dụng trong kinh tế	PLO1,9-12

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes-CLOs)

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR của học phần (CLOs)	Mô tả CLOs (Sau khi học xong môn học này, người học có thể:)
CLO 1	Hiểu rõ và phân biệt được các khái niệm, đặc điểm, phân loại khoa học.
CLO 2	Biết nghiên cứu khoa học theo trình tự logic và có khả năng kiểm tra lỗi logic của người nghiên cứu
CLO 3	Có khả năng lựa chọn chủ đề và đặt tên đề tài trên cơ sở lựa chọn sự kiện khoa học
CLO 4	Biết các bước trong quá trình xây dựng luận điểm khoa học: phát hiện vấn đề nghiên cứu, đặt giả thuyết nghiên cứu.
CLO 5	Biết sử dụng các phương pháp tìm kiếm chứng minh và sử dụng luận cứ.
CLO 6	Biết nhận dạng các phương pháp thu thập thông tin
CLO 7	Biết cách đặt câu hỏi phỏng vấn và phân loại các dạng phỏng vấn khác nhau
CLO 8	Chọn mẫu và lập được bảng hỏi điều tra
CLO 9	Biết chọn phương pháp xử lý thông tin
CLO 10	Biết cách trình bày một đề tài, một bài báo khoa học

5. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Mức độ đóng góp của CLO vào PLO được xác định cụ thể:

- L (Low) – CLO có đóng góp ít vào PLO
- M (Medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO
- H (High) – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích:

- Các mức H - Cao, M - Vừa, L - Thấp - phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (L) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(mức M) hay mức thuần thục (H).

Bảng 5.1. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Chuẩn đầu ra HP (CLOs)	Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
CLO1	M								L	M	L	M
CLO2	M								M	M	M	M
CLO3	H								H	H	H	L
CLO4	H								H	M	M	H
CLO5	H								M	M	M	H
CLO6	H								H	M	M	H
CLO7	H								H	M	M	H
CLO8	H								M	M	M	H
CLO9	H								H	H	H	H
CLO10	H								H	H	H	H
Tổng hợp	H								H	M	M	H

6. Đánh giá HP

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP

H/phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric	Lquan đến CLO nào ở Bảng 5.1	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Kiểm tra thường xuyên	10%	A1.1. Tuần 2: Làm bài tập số 2	50%		CLO 2,3	

(KTTX)		A1.2. Tuần 4: Làm bài tập số 4	50%		CLO 7,8	
A2. Kỹ năng	20%	Tuần 4: Khả năng phỏng vấn thu thập thông tin		R2	CLO 6,7	- GV cho SV thử nghiệm khả năng phỏng vấn chuyên sâu
A3. Đánh giá giữa kỳ	20%	Bài tập lớn: Sinh viên hoàn thành đề cương chi tiết một nghiên cứu khoa học		R1	CLO 3,4,5,10	- GV giao đề tài cho từng SV sau khi SV lựa chọn được vấn đề nghiên cứu
A4. Đánh giá cuối kỳ	50%	Cuối kì: Báo cáo nghiên cứu khoa học			CLO 1,3,4,8,10	

- (7) PP đánh giá đạt CDR: Nêu tên các PP đánh giá sử dụng trong từng chương để đạt CDR. Tham khảo các phương pháp đánh giá trong CTĐT ngành Dược học.

6.2. Chính sách đối với HP

- SV tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $>20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP

Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần

Tuần / (5 tiết/tuần)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/TH/T)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lựa chọn đến CLO nào ở Bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 Bảng 6.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Chương 1: Khoa học						
1	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2.5/0/0		CLO 1			
	1.1. Khái niệm khoa học 1.2. Phân loại khoa học 1.3. Các giai đoạn phát triển của tri thức KH 1.4. Lý thuyết khoa học 1.5. Tiêu chí nhận biết một bộ môn khoa học		- Trình bày được khái niệm khoa học - Trình bày cách phân loại khoa học theo phương pháp hình thành và phân loại theo đối tượng nghiên cứu khoa học - Nhận biết các giai đoạn của phát triển tri thức khoa học - Trình bày được 5 tiêu chí nhận biết một bộ môn khoa học	-	- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoi nt - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm bài tập số 1 - Thảo luận nhóm	
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	5/0/0		CLO 1			

	1.5. Tìm hiểu về ý nghĩa của Khoa học 1.6. Phân biệt phẩm chất, năng lực của người nghiên cứu và của người sinh viên		- Trình bày được ý nghĩa và tầm quan trọng của Khoa học - Phân biệt được phẩm chất, năng lực của người nghiên cứu và người sinh viên		- Tự học - Học nhóm	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 2: Đại cương về nghiên cứu khoa học						
2	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2.5/0/0		CLO 2			
	2.1. Khái niệm về nghiên cứu khoa học 2.2. Các đặc điểm của nghiên cứu khoa học 2.3. Phân loại nghiên cứu khoa học 2.4. Một số thành tựu khoa học đặc biệt		- Phân biệt 5 đặc điểm của nghiên cứu khoa học: tính mới, tính tin cậy, tính thông tin, tính khách quan, tính rủi ro, tính kế thừa và tính cá nhân - Biết phân loại theo chức năng nghiên cứu; phân loại theo các giai đoạn của nghiên cứu và theo phương pháp thu thập thông tin; - Biết so sánh phát hiện, phát minh, sáng chế.	-	- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu Power Point - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm bài tập số 2 - Thảo luận nhóm	
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO 2			
	2.5. Xác định phạm vi và các lĩnh vực nghiên cứu khoa học. 2.6. Tìm hiểu ý nghĩa của nghiên cứu khoa học trong học tập và nghiên cứu của sinh viên		- Nhận dạng và xác định được phạm vi nghiên cứu theo các đề tài. - Trình bày được ý nghĩa của nghiên cứu khoa học trong sinh viên.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 3: Trình tự Logic của nghiên cứu khoa học						
3	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO 3			A1.1

	<p>3.1. Khái niệm chung</p> <p>3.2. Lựa chọn chủ đề và đặt tên đề tài</p> <p>3.3. Xây dựng luận điểm khoa học</p> <p>3.4. Chứng minh luận điểm Khoa học</p>		<p>-Biết kiểm tra lỗi logic của người nghiên cứu</p> <p>-Biết lựa chọn chủ đề và đặt tên đề tài trên cơ sở lựa chọn sự kiện khoa học.</p> <p>-Biết đặt giả thuyết nghiên cứu.</p> <p>-Phân biệt luận cứ lý thuyết và luận cứ thực tiễn, biết sử dụng các phương pháp tìm kiếm, chứng minh và sử dụng luận cứ</p>	-	<p>-Thuyết trình, giảng giải</p> <p>-Trình chiếu PowerPoint</p> <p>-Phát biểu xây dựng bài</p> <p>-Thảo luận nhóm</p>	<p>-Làm bài tập số 3</p> <p>-Thảo luận nhóm</p>	-
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/10/0		CLO 4			
	3.5. Xác định 1 tên đề tài thuộc lĩnh vực kinh tế, xã hội. Xác định giả thuyết nghiên cứu		- Từ tên đề tài tự đặt, xác định các giả thuyết nghiên cứu.	-	-	- Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 4: Thu thập và xử lý thông tin						
4	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO 5,6,7, 8,9			
	<p>4.1. Khái niệm</p> <p>4.2. Đại cương về thu thập thông tin</p> <p>4.3. Phương pháp nghiên cứu tài liệu</p> <p>4.4. Phương pháp khảo sát thực địa</p> <p>4.5. Phỏng vấn</p> <p>4.6. Hội nghị khoa học</p> <p>4.7. Điều tra bằng bảng hỏi</p> <p>4.8. Phương pháp thực nghiệm</p> <p>4.9. Trắc nghiệm xã hội</p> <p>4.10. Phương pháp xử lý thông tin</p>		<p>- Trình bày các phương pháp nghiên cứu tài liệu.</p> <p>- Biết phân tích các nguồn tài liệu.</p> <p>- Đặt được các câu hỏi phỏng vấn.</p> <p>- Lập được câu hỏi điều tra.</p> <p>- Phân tích các phương pháp xử lý thông tin.</p>		<p>-Thuyết trình, giảng giải</p> <p>-Trình chiếu PowerPoint</p> <p>-Phát biểu xây dựng bài</p> <p>-Thảo luận nhóm</p>	<p>-Làm bài tập số 4</p> <p>-Thảo luận nhóm</p>	
	B. Các nội dung chính SV tự học ở	0/10/0		CLO 6			

	nhà						
	-Lập đề cương nghiên cứu		- Có đề cương nghiên cứu về kinh tế hoặc xã hội			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 5: Trình bày luận điểm khoa học						
5	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO 10			A3
	5.1. Bài báo khoa học 5.2. Trình bày một tổng luận khoa học 5.3. Công trình khoa học 5.4. Khóa luận tốt nghiệp 5.5 Thuyết trình khoa học 5.6. Ngôn ngữ khoa học 5.7. Trích dẫn khoa học	3	- Biết cách trình bày, viết bài báo khoa học - Phân biệt chuyên khảo khoa học và tác phẩm khoa học - Biết trình bày khóa luận tốt nghiệp - Biết cấu trúc của một thuyết trình khoa học: vấn đề thuyết trình, luận điểm thuyết trình, luận cứ của thuyết trình, phương pháp thuyết trình - Biết đặc điểm của ngôn ngữ khoa học, ngôn ngữ toán học, các loại sơ đồ, hình vẽ và ảnh - Biết công dụng, nguyên tắc, ý nghĩa của trích dẫn và cách ghi trích dẫn	-	- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoi nt - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm bài tập số 5 - Thảo luận nhóm	
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/10/0		CLO 3			
	5.6. Sửa đề cương nghiên cứu		- Đề cương nghiên cứu thực hiện tuần tự các bước, chính xác			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 6: Tổ chức thực hiện đề tài						
6	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO 4,8,9, 10			A1.2
	Bước 1. Lựa chọn đề tài Bước 2. Xây dựng		- Biết các bước tổ chức thực hiện đề tài	-	- Thuyết trình, giảng giải	- Làm bài tập số 6 - Thảo	-

	<p>đề cương và lập kế hoạch nghiên cứu</p> <p>Bước 3. Tổ chức nhóm nghiên cứu</p> <p>Bước 4. Thu thập và xử lý thông tin</p> <p>Bước 5. Viết báo cáo tổng kết đề tài NCKH</p> <p>Bước 6. Đánh giá và nghiệm thu đề tài NCKH</p> <p>Bước 7. Công bố kết quả nghiên cứu</p>		<p>- Biết lập đề cương nghiên cứu khoa học, chi tiết hóa mục tiêu thành cây mục tiêu</p> <p>- Các nhóm sinh viên thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học trên cơ sở tên đề tài mà giảng viên giao cho.</p>		<p>- Trình chiếu PowerPoint</p> <p>- Phát biểu xây dựng bài</p> <p>- Thảo luận nhóm</p>	luận nhóm	
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/10/0		CLO 3,4,5, 6,7,8, 9			
	Hoàn thiện đề cương, xác định tài liệu tham khảo cho đề tài		- Xây dựng được đề cương hoàn thiện			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 7: Đạo đức khoa học						
7	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2.5/0/0		CLO 5,6,7			A1.2.
	<p>7.1. Khái niệm</p> <p>7.2. Chuẩn mực của cộng đồng nghiên cứu</p> <p>7.4. Trung thực với kết quả nghiên cứu của mình</p> <p>7.5. Trung thực trong sử dụng kết quả nghiên cứu</p> <p>7.6. Khoa học và các giá trị văn hóa</p> <p>7.7. Kiểm soát xã hội đối với các hành vi lệch chuẩn</p>		<p>- Biết khái niệm đạo đức khoa học và kỹ năng thực hiện các chuẩn mực đạo đức trong cộng đồng khoa học, góp phần giữ gìn và đề cao các chuẩn mực đạo đức trong hoạt động khoa học</p> <p>- Biết lựa chọn mục tiêu nghiên cứu, biết các khái niệm về các hệ lụy của nghiên cứu khoa học</p> <p>- Nhận biết các hành vi gian lận trong khoa học và hành vi ăn cắp trong khoa học</p> <p>- Nhận biết khía</p>		<p>- Thuyết trình, giảng giải</p> <p>- Trình chiếu PowerPoint</p> <p>- Phát biểu xây dựng bài</p> <p>- Thảo luận nhóm</p>	<p>- Làm bài tập số 7</p> <p>- Thảo luận nhóm</p>	

			chặng đạo đức của mục đích sử dụng kết quả nghiên cứu, phương pháp sử dụng kết quả nghiên cứu, khía cạnh đạo đức và tôn trọng quyền tác giả				
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/10/0		CLO 9			
	Triển khai các bảng biểu, sơ đồ, phụ lục trong đề tài		Hoàn thiện đề cương			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 8: Đánh giá nghiên cứu khoa học						
8	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2.5/0/0		CLO 2			A1.3
	8.1. Đại cương về đánh giá 8.2. Đánh giá kết quả nghiên cứu 8.3. Đánh giá hiệu quả nghiên cứu		- Biết mục đích, đối tượng, phương pháp đánh giá, chủ thể đánh giá - Biết đánh giá kết quả nghiên cứu, đánh giá những thông tin chứa trong các loại vật mang khác nhau như các báo cáo khoa học, bản mô tả quy trình, công thức, vật mẫu...; Biết chọn các phương pháp tiếp cận đánh giá kết quả	-	- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoi nt - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm bài tập số 8 - Thảo luận nhóm	-
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/10/0		CLO 4			
	Điều chỉnh hoàn thiện đề cương		- Hoàn thiện đề cương			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
Theo lịch thi	FINAL EXAM			CLO 3,4,5, 6,7,8, 9			A4

(*) Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương.

- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số....).

8. Học liệu:

Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	Vũ Cao Đàm	2016	Phương pháp nghiên cứu khoa học	NXB Giáo dục
Sách, giáo trình tham khảo				
2	Nguyễn Thị Cành	2004	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học kinh tế	NXB Đại học Quốc gia TPHCM
3	Đông Thị Thanh Phương và Nguyễn Thị Ngọc An	2010	Phương pháp nghiên cứu khoa học	NXB Lao động Xã hội

Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ web hữu ích cho HP

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học	http://eureka.khoahoctre.com.vn/eureka/ng-promotion/marketing-basics	04/9/2019
2	Tạp chí khoa học Việt Nam trực tuyến	http://www.vjol.info/index.php/index/about/	04/9/2019

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

Bảng 9.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường			
2	Phòng mô phỏng			

Bình Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2019

TRƯỞNG KHOA



NGUYỄN TƯỜNG DŨNG

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: DƯỢC

Mã số: 7720201

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về HP

1.1 Mã học phần: 051096	1.2 Tên học phần: Quản trị doanh nghiệp
1.3 Ký hiệu học phần:	1.4 Tên tiếng Anh: Enterprise Administration
1.5 Số tín chỉ:	03
1.6 Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	40 t
- Thực hành:	05 t
- Tự học:	90 t
1.7 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên hướng dẫn chính:	
1.8 Điều kiện tham gia học phần:	
1.9 Học phần tiên quyết:	
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần học trước:	Quản trị học
- Học phần song hành:	

2. Mô tả học phần:

Hiểu định nghĩa về doanh nghiệp, nắm được bản chất và đặc điểm của hệ thống kinh doanh. Vai trò của hệ thống kinh doanh đối với sự phát triển của nền kinh tế. Hiểu tổng quát về quản trị, kế hoạch hóa, lãnh đạo, chức năng kiểm tra. Các kỹ năng cần thiết của quản trị, vai trò của nhà quản trị, trên cơ sở đó thảo luận về những tiêu chuẩn, đức tính của nhà quản trị ngày nay. Chính sách sản phẩm, giá và chính sách giá, chính sách phân phối hàng hoá, xúc tiến bán hàng,..các vấn đề về quản trị nhân sự trong doanh nghiệp, quản lý cung ứng, chất lượng và lập kế hoạch kinh doanh.

3. Mục tiêu HP (Goals)

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)
G1	Nắm được bản chất và đặc điểm của hệ thống kinh doanh. Vai trò của hệ thống kinh doanh đối với sự phát triển của nền kinh tế. Hiểu tổng quát về quản trị, kế hoạch hóa, lãnh đạo, chức năng kiểm tra	PLO4
G2	Khả năng phân tích, giải thích và lập luận giải quyết các vấn đề về chính sách sản phẩm, giá và chính sách giá, chính sách phân phối hàng hoá, xúc tiến bán hàng	PLO5
G3	Vận dụng các vấn đề về quản trị nhân sự trong doanh nghiệp, quản lý cung ứng, chất lượng và lập kế hoạch kinh doanh vào hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp	PLO6

G4	Có khả năng thu thập, kiểm soát thông tin một cách chính xác, cụ thể, khách quan để từ đó đưa ra các quyết định chính xác, kịp thời.	PLO9-12
----	--	---------

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes-CLOs)

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR của học phần (CLOs)	Mô tả CLOs (Sau khi học xong môn học này, người học có thể:)
CLO 1	Hiểu rõ và phân biệt được các khái niệm, vai trò của hoạt động quản trị doanh nghiệp, và cách hình thức tổ chức doanh nghiệp
CLO 2	Biết cách phân tích môi trường kinh doanh hoạt động của Doanh nghiệp
CLO 3	Có khả năng thiết lập tham gia hoạt động tổ chức doanh nghiệp, phân tích được các kỹ năng vai trò của nhà quản trị
CLO 4	Có khả năng tham gia Đánh giá một tổ chức nhân sự
CLO 5	Biết cách quản trị chuỗi cung ứng trong hoạt động bán hàng của doanh nghiệp
CLO 6	Có khả năng tham gia vào hoạt động quản trị chất lượng doanh nghiệp

5. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CĐR của chương trình (PLOs)

Mức độ đóng góp của CLO vào PLO được xác định cụ thể:

- L (Low) – CLO có đóng góp ít vào PLO; M (Medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO
- H (High) – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích:

- Các mức H - Cao, M - Vừa, L - Thấp - phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (L) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(mức M) hay mức thuần thục (H).

Bảng 5.1. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CĐR của chương trình (PLOs)

Chuẩn đầu ra HP (CLOs)	Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
CLO1				M	H	H						M
CLO2				M							M	M
CLO3				L	L	M			M	M	M	M
CLO4				L	H				M	M	M	M
CLO5				M	H	H			M	M	M	M
CLO6				M	H	H			H	M	M	H
Tổng hợp				M	H	H			M	M	H	M

6. Đánh giá HP

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP

H/phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric	Lquan đến CLO nào ở Bảng 5.1	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	10%	A1.1. Tuần 3: Làm bài tập số 3	30%		CLO 1,4	
		A1.2. Tuần 6: Làm bài tập số 6	30%		CLO 1,5	
		A1.3. Tuần 8: Làm bài tập số 8	40%		CLO 3,4	

A2. Kỹ năng	20%	Tuần 8: Khả năng phân tích vận dụng được hoạt động quản trị của doanh nghiệp		R2	CLO 2,6	
A3. Đánh giá giữa kỳ	20%	Bài tập lớn: Sinh viên làm một bài tập lớn về quản trị doanh nghiệp		R1	CLO 4	
A4. Đánh giá cuối kỳ	50%	Bài ktra cuối kỳ: Thi trắc nghiệm theo NHĐT.			CLO 1,2,3,4	

- (7) PP đánh giá đạt CĐR: Nêu tên các PP đánh giá sử dụng trong từng chương để đạt CĐR. Tham khảo các phương pháp đánh giá trong CTĐT ngành Dược học.

6.2. Chính sách đối với HP

- SV tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $>20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP

Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần

Tuần / (5 tiết/tuần)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/TH/T)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở Bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 Bảng 6.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Chương: 1. Giới thiệu tổng quan về doanh nghiệp						
1	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	7/0/0		CLO1			
	1.1. Định nghĩa doanh nghiệp 1.2. Doanh nghiệp vừa là đơn vị sản xuất vừa là đơn vị phân phối 1.3. Bản chất và đặc điểm của hệ thống kinh doanh 1.4. Mục đích và mục tiêu của doanh nghiệp. 1.5. Thành lập, giải thể và phá sản doanh nghiệp		- Hiểu được định nghĩa doanh nghiệp, Doanh nghiệp vừa là đơn vị sản xuất vừa là đơn vị phân phối -Nắm được bản chất và đặc điểm của hệ thống kinh doanh - Hiểu được mục đích và mục tiêu của doanh nghiệp.		-Thuyết trình, giảng giải -Trình chiếu PowerPoint -Phát biểu xây dựng bài -Thảo luận nhóm	-Làm bài tập số 1 -Thảo luận nhóm	
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO1			
	1.5. Thành lập,		- Biết cách thành		- Tự học	Chuẩn bị	

	giải thể và phá sản doanh nghiệp		lập, giải thể và phá sản doanh nghiệp		-Học nhóm	tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 2. Các hình thức tổ chức doanh nghiệp						
2	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	7/0/0		CLO1			
	2.1. Doanh nghiệp tư nhân 2.2. Công ty 2.3. Hợp tác xã 2.4. Doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài 2.5. Doanh nghiệp nhỏ.		- Phân biệt được các hình thức Doanh nghiệp tư nhân, Công ty, Hợp tác xã, Doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài, Doanh nghiệp nhỏ.		-Thuyết trình, giảng giải -Trình chiếu PowerPoint -Phát biểu xây dựng bài -Thảo luận nhóm	-Làm bài tập số 2 -Thảo luận nhóm	
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO1			
	Chương 3. Doanh nghiệp và môi trường kinh doanh						
3	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	7/0/0		CLO2			A1.1
	3.1. Bản chất môi trường kinh doanh của doanh nghiệp 3.2. Môi trường tổng quát 3.3. Môi trường tác nghiệp		- Nắm được Bản chất môi trường kinh doanh của doanh nghiệp - Phân tích được Môi trường tổng quát - Phân tích được Môi trường tác nghiệp		-Thuyết trình, giảng giải -Trình chiếu PowerPoint -Phát biểu xây dựng bài -Thảo luận nhóm	-Làm bài tập số 3 Thảo luận nhóm	
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO2			
	3.4. Môi trường bên trong (hoàn cảnh nội tại)		- Phân tích được Môi trường bên trong (hoàn cảnh nội tại)			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 4: Doanh nghiệp và sự quản trị						

4	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	7/0/0		CLO3			
	4.1. Khái niệm và vai trò của quản trị ngày nay 4.2. Các chức năng quản trị doanh nghiệp 4.3. Các kỹ năng quản trị 4.4. Vai trò nhà quản trị 4.5. Các lý thuyết quản trị		- Hiểu được khái niệm và vai trò của quản trị ngày nay - Nắm được các chức năng quản trị doanh nghiệp - Phân tích được các kỹ năng quản trị - Vai trò nhà quản trị - Các lý thuyết quản trị		-Thuyết trình, giảng giải -Trình chiếu PowerPoint -Phát biểu xây dựng bài -Thảo luận nhóm	-Làm bài tập số 4 -Thảo luận nhóm	
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/10/0		CLO3			
	4.6. Giải quyết vấn đề và ra quyết định quản trị		- Biết cách Giải quyết vấn đề và ra quyết định quản trị			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 5: Tổ chức doanh nghiệp						
5	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	7/0/0		CLO4			A3
	5.1.Những khái niệm căn bản về tổ chức 5.2. Những nguyên tắc cơ bản về tổ chức 5.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản trị và các dạng cơ cấu tổ chức DN 5.4. Thực hiện quyền lực trong doanh nghiệp		- Hiểu được những khái niệm căn bản về tổ chức, những nguyên tắc cơ bản về tổ chức - Phân tích Cơ cấu tổ chức bộ máy quản trị và các dạng cơ cấu tổ chức DN - Biết cách thực hiện quyền lực trong doanh nghiệp		-Thuyết trình, giảng giải -Trình chiếu PowerPoint -Phát biểu xây dựng bài -Thảo luận nhóm	-Làm bài tập số 5 -Thảo luận nhóm	
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/10/0		CLO4			
	5.5. Đổi mới tổ chức quản trị doanh nghiệp		- Hiểu được quy trình đổi mới tổ chức quản trị doanh nghiệp			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 6. Quản trị						

	nhân sự trong doanh nghiệp						
6	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	7/0/0		CLO4			A1.2
	<p>6.1. Khái niệm và tầm quan trọng của quản trị nhân sự trong doanh nghiệp</p> <p>6.2. Mục tiêu và chức năng của quản trị nhân sự trong doanh nghiệp</p> <p>6.3. Khái niệm, ý nghĩa và tác dụng của phân tích công việc</p> <p>6.4. Khai thác các nguồn khả năng lao động</p> <p>6.5. Bố trí và sử dụng lao động</p> <p>6.6. Đào tạo, huấn luyện và phát triển nhân viên.</p> <p>6.7. Đánh giá năng lực thực hiện công việc của nhân viên</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được khái niệm và tầm quan trọng của quản trị nhân sự trong doanh nghiệp - Nắm được các mục tiêu và chức năng của quản trị nhân sự trong doanh nghiệp - Biết cách bố trí và sử dụng lao động - Hiểu được quy trình đào tạo, huấn luyện và phát triển nhân viên. - Biết cách đánh giá năng lực thực hiện công việc của nhân viên 		<ul style="list-style-type: none"> -Thuyết trình, giảng giải -Trình chiếu PowerPoint -Phát biểu xây dựng bài -Thảo luận nhóm 	<ul style="list-style-type: none"> -Làm bài tập số 6 -Thảo luận nhóm 	
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/10/0		CLO4			
	6.8. Trả công lao động.		<ul style="list-style-type: none"> - Biết được quy trình Trả công lao động. 			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 7. Quản trị cung ứng.						
7	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	9/0/0		CLO5			A1.2
	<p>7.1. Khái niệm và phương pháp phân tích lựa chọn cung ứng</p> <p>7.2. Quản lý mua sắm</p> <p>7.3. Quản trị dự trữ và phân phối.</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được khái niệm và phương pháp phân tích lựa chọn cung ứng - Quản lý được hoạt động mua sắm - Quản trị được dự trữ và phân phối. 		<ul style="list-style-type: none"> -Thuyết trình, giảng giải -Trình chiếu PowerPoint -Phát biểu xây dựng bài 	<ul style="list-style-type: none"> -Làm bài tập số 6 Thảo luận nhóm 	
	B. Các nội dung	0/10/		CLO4			

	chính SV tự học ở nhà	0					
	7.4. Hệ thống lượng đặt hàng cố định		- Thiết lập được hệ thống lượng đặt hàng cố định			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 8. Quản trị chất lượng trong doanh nghiệp						
8	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	9/0/0		CLO5			
	8.1. Khái niệm về sản phẩm, chất lượng sản phẩm, quản trị chất lượng trong doanh nghiệp 8.2. Lịch sử phát triển của các quan niệm quản trị chất lượng 8.3. Đảm bảo chất lượng và các hệ thống đảm bảo chất lượng 8.4. Công cụ quản trị chất lượng		- Hiểu được khái niệm về sản phẩm, chất lượng sản phẩm, quản trị chất lượng trong doanh nghiệp - Phân tích được đảm bảo chất lượng và các hệ thống đảm bảo chất lượng - Vận dụng được các công cụ quản trị chất lượng		-Thuyết trình, giảng giải -Trình chiếu PowerPoint -Phát biểu xây dựng bài Thảo luận nhóm	-Làm bài tập số 6 Thảo luận nhóm	
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/10/0		CLO4			
Theo lịch thi	FINAL EXAM			CLO1,2,3,4			A4

(*) Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương.
- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR. Tham khảo các phương pháp giảng dạy trong CTĐT ngành Dược học.
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số....).

8. Học liệu:

Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
	Giáo trình chính			
1	TS.Dương Hữu Hạnh	2009	Quản trị doanh nghiệp	NXB Thống kê
	Sách, giáo trình tham khảo			
2	PGS.TS. Đồng Thị Thanh Phương	2012	Quản trị doanh nghiệp	NXB Lao Động Xã Hội

3	Ngô Kim Thanh	2013	Giáo trình quản trị doanh nghiệp	Đại học Kinh tế Quốc dân
---	---------------	------	----------------------------------	--------------------------

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

Bảng 9.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường			
2	Phòng mô phỏng			

Bình Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2019

TRƯỞNG KHOA



TRƯỜNG THỊ NGỌC SƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: DƯỢC

Mã số: 7720201

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**1. Thông tin chung về HP**

1.1 Mã học phần:	1.2 Tên học phần: THỰC TẬP CUỐI KHÓA
1.3 Ký hiệu học phần:	1.4 Tên tiếng Anh: Pharmaceutical internships
1.5 Số tín chỉ:	05
1.6 Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	0 tiết
- Đi thực tế	300 tiết
- Tự học:	300 tiết
1.7 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	CKI. Trương thị Ngọc Sương
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	
1.8 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Pháp chế dược, Quản lý và kinh tế dược, Dược bệnh viện
- Học phần học trước:	Không yêu cầu
- Học phần song hành:	Không yêu cầu

2. Mô tả học phần:

Môn học giúp sinh viên được tìm hiểu những kiến thức thực tiễn liên quan đến hoạt động mua, bán, tồn trữ, phân phối thuốc tại công ty bán buôn dược phẩm; và các nguyên tắc của GPs có liên quan.

Cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng thực tiễn của dược sĩ tại nhà thuốc từ đó sẽ giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng quản lý, điều hành nhà thuốc cũng như kỹ năng bán hàng, giao tiếp và tư vấn người bệnh.

Môn học còn giúp sinh viên được tìm hiểu những kiến thức và rèn luyện kỹ năng thực hành trong môi trường thực tiễn nghề nghiệp tại một Khoa dược bệnh viện. Các nội dung thực tế như: Các hoạt động của Khoa dược; Chức năng nhiệm vụ của người Dược sĩ tại Khoa dược bệnh viện và Hội đồng thuốc và điều trị; Các phân tích cơ

bản tại Khoa được phục vụ xây dựng danh mục cung ứng thuốc; Xây dựng một danh mục thuốc; Biên soạn Quy trình thao tác chuẩn - SOP; các hoạt động dự trữ nhập, xuất, cấp phát, bảo quản, kiểm kê thuốc; hoạt động đấu thầu thuốc tại bệnh viện. Ngoài ra sinh viên còn tìm hiểu về các hoạt động Dược lâm sàng, Thông tin thuốc, Cảnh giác dược tại bệnh viện và hoạt động tư vấn tại nhà thuốc bệnh viện.

3. Mục tiêu HP (Goals)

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)
G1	So sánh những kiến thức đã học ở trường với các hoạt động thực tiễn của nghề nghiệp.	PLO1,2,3,4,5,7,8,9
G2	Tiếp thu và vận dụng những kiến thức thực tiễn liên quan đến hoạt động dược tại một Công ty Dược phẩm, Nhà thuốc, và Khoa dược bệnh viện.	PLO 1,2,3,4,5,6,7,8
G3	Rèn luyện kỹ năng thực hành chuyên môn trong môi trường thực tiễn nghề nghiệp	PLO 4,5,6, 9,12
G4	Rèn luyện tính kỷ luật trong môi trường nghề nghiệp thực tế.	PLO 12

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes-CLOs)

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR của học phần (CLOs)	Mô tả CLOs (Sau khi học xong môn học này, người học có thể:)
CLO 1	So sánh những kiến thức đã học ở trường với các hoạt động thực tiễn của nghề nghiệp.
CLO 2	Tiếp thu và vận dụng những kiến thức thực tiễn liên quan đến hoạt động dược tại một Công ty Dược phẩm, Nhà thuốc, và Khoa dược bệnh viện.
CLO 3	Biết cách tổ chức Công ty Dược phẩm, Nhà thuốc, và Khoa dược bệnh viện. Làm được các công việc ở phòng QA, QC, R&D, kho thuốc, các tổ sản xuất ở công ty dược phẩm. Sắp xếp, bảo quản, cách lập sổ, ghi chép các loại biểu mẫu, đóng gói, hướng dẫn sử dụng thuốc tại các Quầy thuốc, Nhà thuốc. Làm được công việc ở các khâu: thống kê, kế toán, sắp xếp, bảo quản, cấp phát, ghi chép các loại sổ, biểu mẫu tại Khoa Dược.
CLO 4	Có khả năng xây dựng được các mối quan hệ nội bộ và quan hệ với bệnh nhân.
CLO 5	Kỹ năng trình bày trước đám đông, kỹ năng thuyết phục bệnh nhân.
CLO 6	Thu thập thông tin và nhận định được tình hình bệnh tật tại địa phương.
CLO 7	Rèn luyện kỹ năng thực hành chuyên môn trong môi trường thực tiễn nghề nghiệp
CLO 8	Rèn luyện tính kỷ luật trong môi trường nghề nghiệp thực tế.

5. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Bảng 5.1. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Chuẩn đầu ra HP (CLOs)	Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
CLO1	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
CLO2	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
CLO3	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
CLO4			X	X	X				X	X	X	X
CLO5	X	X	X	X	X					X	X	X
CLO6	X	X			X		X	X	X	X	X	X
CLO7		X	X	X						X	X	X
CLO8									X			X

6. Đánh giá HP

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP

H/phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric	Lquan đến CLO nào ở Bảng 5.1	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	50%	A1.1. Nộp báo cáo Công ty dược phẩm.	30%	Rubric 6	CLO 1,2,3,7,8	Nội dung, trình bày bản vẽ sơ đồ nơi thực tập và các công việc đã làm được.
		A1.2. Nộp báo cáo Nhà thuốc	30%	Rubric 6	CLO 1,2,3,7,8	
		A1.3. Nộp báo cáo Khoa dược bệnh viện	40%	Rubric 6	CLO 1,2,3,7,8	
A2. Đánh giá cuối kỳ	50%	Bảo vệ và thi vấn đáp.		Rubric 5	CLO 5	Nội dung và thái độ trả lời câu hỏi

6.2. Chính sách đối với HP

- Tham dự đầy đủ các buổi đi thực tế
- Thái độ nghiêm túc trong thực tế + Ghi chép đầy đủ sổ thực tế.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP

Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần

Tuần / (5)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/T H/TT)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh
------------	---	---------------------	----------------------------------	---------------------	----------------------	-------------------------	--------------

tiết/ uần)				Bảng 4.1			giá (ở cột 3 Bảng 6.1
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	0/60/0		CLO1, 2,3,4,5,7,8			A 1
	CÔNG TY DƯỢC PHẨM						
	<p>1.Tổ chức của một Công ty dược phẩm.</p> <p>2.Nhiệm vụ, chức năng của Công ty dược phẩm.</p> <p>3.Nhiệm vụ của một dược sĩ đại học khi được phân công công tác tại Công ty Dược phẩm.</p> <p>4.Phòng QA, QC, R&D, kho thuốc, các tổ sản xuất.</p>		<p>1.Trình bày được cách tổ chức (hệ thống) của một Công ty dược phẩm.</p> <p>2.Kể ra được nhiệm vụ, chức năng của Công ty dược phẩm.</p> <p>3.Làm được nhiệm vụ của một dược sĩ đại học khi được phân công công tác tại Công ty Dược phẩm.</p> <p>4.Thực tập ở các phòng QA, QC, R&D, kho thuốc, các tổ sản xuất.</p>		Học trải nghiệm: Mô hình-Thực tập, Thực tế	<p>Sinh viên thông qua các hoạt động đi thực tế tại các công ty để giúp sinh viên hiểu được môi trường làm việc thực tế của ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp, học hỏi các công nghệ đang được áp dụng trong lĩnh vực ngành đào tạo, hình thành kỹ năng nghề nghiệp và văn hóa làm việc trong công ty. Phương pháp này không những giúp sinh viên hình thành kiến thức kỹ năng mà còn tạo cơ</p>	

						hội nghề nghiệp cho sinh viên sau khi tốt nghiệp	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/120/0	Làm đầy đủ và đúng		- Tự học Học nhóm		
	NHÀ THUỐC						
2	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	0/120/0		CLO1, 2,3,4,5,6,7,8			A 1
	<p>1.Giới thiệu chung về đơn vị thực tập</p> <p>2.Các hình thức bán lẻ thuốc, địa bàn để mở cơ sở bán lẻ thuốc, phạm vi hoạt động</p> <p>3.Điều kiện kinh doanh thuốc</p> <p>4.Tiêu chuẩn</p>		<p>1.Trình bày về đơn vị thực tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên đơn vị và địa chỉ đơn vị thực tập. - Nhiệm vụ và quy mô tổ chức (giấy phép kinh doanh, dược sĩ phụ trách, số nhân viên). - Vai trò của Dược sĩ đại học tại nhà thuốc. <p>2.Kể các hình thức bán lẻ thuốc, địa bàn để mở cơ sở bán lẻ thuốc, phạm vi hoạt động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thuốc. - Quầy thuốc. - Đại lý bán thuốc của doanh nghiệp. - Tủ thuốc của trạm y tế. <p>3.Kê ra các điều kiện kinh doanh thuốc</p> <ul style="list-style-type: none"> - ĐK cấp GCN đủ điều kiện kinh doanh thuốc. - ĐK cấp Chứng chỉ hành nghề dược. - Thời hạn hiệu lực của 2 loại giấy trên. <p>4.Trình bày các tiêu chuẩn nhà thuốc đạt</p>		<p>Học trải nghiệm: Mô hình- Thực tập, Thực tế</p>	<p>Sinh viên quan sát, xây dựng các yêu cầu để đạt được nội dung kiến thức và kỹ năng được đặt ra.</p>	

<p>nhà thuốc đạt chuẩn GPP</p> <p>5.Hoạt động của cơ sở bán lẻ</p> <p>6.Yêu cầu đối với người bán lẻ trong hành nghề dược</p> <p>7.Danh mục thuốc được kinh doanh tại nhà thuốc</p> <p>8.Hoạt động hướng dẫn sử dụng thuốc</p>	<p>chuẩn GPP</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhân sự. - Diện tích xây dựng và thiết kế. - Thiết bị bảo quản thuốc - Hồ sơ, sổ sách, tài liệu chuyên môn. <p>5. Tham gia hoạt động của cơ sở bán lẻ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mua và bán thuốc. - Các bước cơ bản của bán thuốc. - Các quy định về tư vấn cho người mua thuốc. - Bán thuốc theo đơn. - Bảo quản thuốc. <p>6.Trình bày yêu cầu đối với người bán lẻ trong hành nghề dược</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với người làm việc trong cơ sở bán lẻ thuốc. - Đối với người quản lý chuyên môn hoặc chủ cơ sở bán lẻ thuốc. - Các hoạt động đối với thuốc bị khiếu nại hoặc thu hồi. <p>7.Vận dụng được danh mục thuốc để điều trị và kinh doanh tại nhà thuốc</p> <ul style="list-style-type: none"> -Tên thuốc – nồng độ, hàm lượng – phân loại thuốc theo nhóm điều trị. <p>8.Hướng dẫn sử dụng thuốc</p> <ul style="list-style-type: none"> -Trình bày những trường hợp cụ thể gặp ở Nhà thuốc theo nội dung: -Thông tin đặc điểm bệnh nhân: tên, 				
--	---	--	--	--	--

			tuổi, giới tính, nghề nghiệp, địa chỉ, bệnh tình... -Phân tích và hướng dẫn cách sử dụng thuốc có trong đơn trên.				
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/240/0	Làm đầy đủ và đúng		- Tự học Học nhóm		
	KHOA DƯỢC BỆNH VIỆN						
2	a. Các nội dung chính giảng dạy tại Khoa dược bệnh viện	0/120/0		CLO1, 2,3,4,5,6,7,8			A 1
	1. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ Khoa dược BV 2. Phòng/Bộ phận 3. Dự trữ, nhập, và cấp phát thuốc trong bệnh viện. 4. Các SOP tại Khoa dược 5. BHYT trong thanh toán thuốc 6. Quản lý thuốc gây nghiện, thuốc hướng tâm thần và tiền chất dùng làm thuốc 7. Quản lý kháng sinh tại BV 8. Đặc điểm mô hình bệnh tật tại BV 9. Các loại báo cáo phân tích thường sử dụng tại Khoa dược		1. Trình bày cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ Khoa dược BV 2. Liệt kê nhiệm vụ của các bộ phận/Phòng 3. Lập được dự trữ, nhập, và cấp phát thuốc trong bệnh viện. 4. Trình bày được tình hình triển khai các SOP tại Khoa dược 5. Giải thích được vấn đề BHYT trong thanh toán thuốc 6. Trình bày được việc quản lý thuốc GN, thuốc HTT và tiền chất dùng làm thuốc. 7. Trình bày được việc quản lý kháng sinh tại BV 8. Trình bày được đặc điểm mô hình bệnh tật tại BV 9. Phân loại được các loại báo cáo		Học trải nghiệm: Mô hình- Thực tập, Thực tế	Sinh viên thông qua các hoạt động đi thực tế tại Khoa Dược bệnh viện để giúp sinh viên hiểu được môi trường làm việc thực tế của ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp, hình thành kỹ năng nghề nghiệp và văn hóa làm việc trong công ty. Phương pháp này không những giúp sinh viên hình thành kiến thức kỹ năng mà còn tạo cơ hội nghề nghiệp cho	

<p>BV</p> <p>như ABC/VEN/DDD ...</p> <p>10. Hội đồng thuốc và điều trị.</p> <p>11. Sử dụng thuốc hợp lý, an toàn và hiệu quả trong BV</p> <p>12. Các biện pháp triển khai của Khoa dược</p> <p>13. Vai trò, nội dung công việc của DS trưởng khoa trong hoạt động đấu thầu thuốc</p> <p>14. Các bước chuẩn bị một hồ sơ mời thầu</p> <p>15. Việc sắp xếp, phân loại và bảo quản thuốc, y cụ tại kho của Khoa dược bệnh viện</p> <p>16. Mối quan hệ của Khoa dược và nhà thuốc BV.</p> <p>17. Hoạt động của nhà thuốc BV</p> <p>18. Hoạt động DLS và Thông tin thuốc tại BV.</p> <p>19. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Khoa dược</p> <p>20. Nội dung, công việc mà Khoa dược</p>	<p>phân tích thường sử dụng tại Khoa dược BV</p> <p>10. Trình bày được cách thức hoạt động Hội đồng thuốc và điều trị.</p> <p>11. Trình bày được việc sử dụng thuốc hợp lý, an toàn và hiệu quả trong BV</p> <p>12. Trình bày được các biện pháp triển khai của Khoa dược</p> <p>13. Trình bày được vai trò, nội dung công việc của DS trưởng khoa trong hoạt động đấu thầu thuốc</p> <p>14. Các bước chuẩn bị một hồ sơ mời thầu</p> <p>15. Trình bày được việc sắp xếp, phân loại và bảo quản thuốc, y cụ tại kho của Khoa dược bệnh viện</p> <p>16. Trình bày được mối quan hệ của Khoa dược và nhà thuốc BV.</p> <p>17. Nhận xét hoạt động của nhà thuốc BV so với Nhà thuốc đi thực tế trước đây</p> <p>18. Trình bày được hoạt động DLS và Thông tin thuốc tại BV.</p> <p>19. Sử dụng được CNTT trong hoạt động của Khoa dược</p> <p>20. Tìm hiểu</p>		<p>sinh viên sau khi tốt nghiệp</p>
---	---	--	-------------------------------------

	phải thực hiện để đáp ứng yêu cầu của Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng BV 21. Pha chế thuốc trong bệnh viện (nếu có)		những nội dung, công việc mà Khoa dược phải thực hiện để đáp ứng yêu cầu của Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng BV 21. Pha chế thuốc trong bệnh viện (nếu có)				
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/240/0	Làm đầy đủ và đúng		- Tự học Học nhóm		
Theo lịch thi	FINAL EXAM			CLO1, 2,3,4			A2

8. Học liệu:

Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	Không			
Sách, giáo trình tham khảo				
2	Các giáo trình của các học phần thuộc định hướng chuyên ngành			

Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ web hữu ích cho HP (Xem địa chỉ tại đề cương chi tiết của các học phần thuộc định hướng chuyên ngành)

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

Bảng 9.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường của Công ty dược phẩm, các bộ phận QA, QC, RD, Kho, Bộ phận sản xuất		Tùy số lượng SV	Công ty dược phẩm

2	Nhà thuốc	Thuốc và các SOP, dụng cụ bán thuốc....	Mỗi nhà thuốc có 2 SV thực tập	Nhà thuốc
3	Văn phòng Khoa dược bệnh viện, Kho chẩn, kho lẻ....	Trang thiết bị cần thiết cho hoạt động cấp phát thuốc	Mỗi bộ phận tiếp nhận 3 SV/đợt	Khoa dược bệnh viện

Bình Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2019

TRƯỞNG KHOA



TRƯƠNG THỊ NGỌC SƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: DƯỢC

Mã số: 7720201

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về HP

1.1 Mã học phần:	1.2 Tên học phần: ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG THUỐC
1.3 Ký hiệu học phần:	1.4 Tên tiếng Anh:
1.5 Số tín chỉ:	02
1.6 Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	25 tiết
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	05 tiết
- Tự học:	60 tiết
1.7 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	
1.8 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không có
- Học phần học trước:	Không yêu cầu
- Học phần song hành:	Không yêu cầu

2. Mô tả học phần:

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức tổng quát về các khái niệm khác nhau về chất lượng thuốc, đặc biệt là khái niệm về chất lượng thuốc trong sản xuất và vận dụng khái niệm này vào đảm bảo chất lượng thuốc, về thuốc generic; về thuốc giả. Ngoài ra sinh viên còn được trang bị kiến thức về các khái niệm liên quan đến quản lý chất lượng QM (quality management), QS (quality system), QA (quality assurance) và về Quản Lý Rủi Ro về chất lượng – QRM (quality risk management).

3. Mục tiêu HP (Goals)

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)
------------------	--	--------------------------

G1	Mô tả được hệ thống đảm bảo chất lượng thuốc tại Việt Nam	PLO1,2
G2	Trình bày được các yêu cầu cần thực hiện nhằm đảm bảo chất lượng thuốc từ giai đoạn sản xuất đến lưu thông, phân phối	PLO1,2
G3	Giải thích được tầm quan trọng của đảm bảo chất lượng thuốc đối với việc sử dụng thuốc an toàn, hợp lý	PLO2,3,4,5,6
G4	Vận dụng được các kiến thức của đảm bảo chất lượng thuốc có liên quan tùy vào các lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp	PLO1,2,10,11
G5	Có ý thức đảm bảo chất lượng thuốc trong mọi công việc có liên quan	PLO1,2,10,11

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes-CLOs)

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR của học phần (CLOs)	Mô tả CLOs (Sau khi học xong môn học này, người học có thể:)
CLO 1	Trình bày được các khái niệm về đảm bảo chất lượng thuốc, các yếu tố liên quan đến chất lượng thuốc
CLO 2	Trình bày được hệ thống quản lý chất lượng thuốc
CLO 3	Định nghĩa và phân biệt được thuốc đạt chất lượng, thuốc kém chất lượng, thuốc generic
CLO 4	Phân tích được mối quan hệ QA-GMP-QC. Các khái niệm liên quan đến quản lý chất lượng: QM, QS, QA;
CLO 5	Mô tả được mô hình quản lý chất lượng thuốc theo ICH Q10
CLO 6	Định nghĩa được thế nào là quản lý rủi ro về chất lượng, làm thế nào để quản lý rủi ro về chất lượng

5. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CĐR của chương trình (PLOs)

Mức độ đóng góp của CLO vào PLO được xác định cụ thể:

- L (Low) – CLO có đóng góp ít vào PLO
- M (Medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO
- H (High) – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích:

- Các mức H - Cao, M - Vừa, L - Thấp - phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (L) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(mức M) hay mức thuần thục (H).

Bảng 5.1. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CĐR của chương trình (PLOs)

Chuẩn đầu ra HP (CLOs)	Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs)
-------------------------------	---

	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
CLO1	x	x	x						x	x		
CLO2	x	x	x						x	x		
CLO3	x	x	x						x	x		
CLO4	x	x	x			x			x	x		
CLO5	x	x	x	x		x			x	x	x	x
CLO6	x	x	x	x		x			x	x	x	x
Tổng hợp												

6. Đánh giá HP

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP

H/phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric	Lquan đến CLO nào ở Bảng 5.1	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	10%	A1.1. Tuần 2: Làm bài kiểm tra số 1	50%		CLO 1,8	
		A1.2. Tuần 3: Làm bài kiểm tra số 2	50%		CLO 1,10	
A2. Kỹ năng	20%	Tuần 5: Khả năng hoạch định được một hệ thống quản lý chất lượng thuốc theo ICH Q10		R2	CLO 2,6	
A3. Đánh giá giữa kỳ	20%	Bài kiểm tra trắc nghiệm		R1	CLO 4	
A4. Đánh giá cuối kỳ	50%	Bài kiểm tra cuối kỳ: Thi trắc nghiệm theo NHĐT.			CLO 1,2,3,4	

- (7) PP đánh giá đạt CĐR: Nêu tên các PP đánh giá sử dụng trong từng chương để đạt CĐR. Tham khảo các phương pháp đánh giá trong CTĐT ngành Dược học.

6.2. Chính sách đối với HP

- SV tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $>20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP

Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần

Tuần / (5 tiết/tuần)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/TH/TT)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Lựa chọn đến CLO nào ở Bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 Bảng 6.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Bài 1. Các khái niệm về chất lượng thuốc. Các đặc tính quan trọng của chất lượng thuốc trong thương mại						
1	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2.5/0/0		CLO 1			
	1.1. Các khái niệm về chất lượng thuốc. 1.2. Các đặc tính quan trọng của chất lượng thuốc trong thương mại		- Trình bày được các khái niệm về đảm bảo chất lượng thuốc, các yếu tố liên quan đến chất lượng thuốc - Trình bày được các tính chất quan trọng của chất lượng thuốc trong thương mại		- Giải thích cụ thể - Giải quyết vấn đề - Câu hỏi gợi mở	- Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO 3			
	Tìm hiểu về tầm quan trọng của đảm bảo chất lượng thuốc trong việc đảm bảo sức khỏe của nhân dân		- Trình bày được các yêu cầu cần thiết nhằm đảm bảo chất lượng thuốc cho người sử dụng		- Tự học - Học nhóm	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Bài 2. Thuốc generic. Thuốc giả						

2	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2.5/0/0		CLO 2			
	2.33. Thuốc generic 2.34. Thuốc giả		- Trình bày được định nghĩa thuốc generic, thuốc giả. - Phân biệt được thuốc generic và thuốc brandname - Phân biệt được thuốc giả, thuốc kém chất lượng		- Giải thích cụ thể - Giải quyết vấn đề - Câu hỏi gợi mở	- Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO 2			
	2.3. Để hạn chế thuốc giả, thuốc kém chất lượng, cần phải thực hiện những yêu cầu cần thiết nào trong công tác đảm bảo chất lượng thuốc		- Trình bày được các yêu cầu cần thực hiện nhằm hạn chế thuốc giả, thuốc kém chất lượng			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Bài 3. Khái niệm về chất lượng thuốc trong sản xuất và vận dụng khái niệm này vào đảm bảo chất lượng thuốc.						
3	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO 3			A1.1
	3.19. Chất lượng thuốc trong sản xuất 3.20. Đảm bảo chất lượng thuốc trong sản xuất		- Trình bày được khái niệm về chất lượng thuốc trong sản xuất. - Trình bày các yêu cầu cần thiết nhằm đảm bảo chất lượng thuốc trong sản xuất		- Giải thích cụ thể - Giải quyết vấn đề - Câu hỏi gợi mở	- Làm bài kiểm tra số 1 - Thảo luận nhóm	

	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO 3			
	3.21. Vai trò của đảm bảo chất lượng thuốc trong sản xuất		- Trình bày được vai trò của đảm bảo chất lượng thuốc trong sản xuất			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Bài 4. Môi quan hệ QA-GMP-QC. Các khái niệm liên quan đến quản lý chất lượng: QM, QS, QA;						
4	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO 4			
	4.25. Mối quan hệ QA-QM_QC 4.26. Các khái niệm liên quan đến quản lý chất lượng		- Trình bày được định nghĩa QM, QS, QA - Trình bày được các mối quan hệ giữa QA-QM, QM-QC		- Giải thích cụ thể - Giải quyết vấn đề - Câu hỏi gợi mở	- Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/10/0		CLO 4			
	- Vai trò QA, vai trò, nhiệm vụ của QA trong đảm bảo chất lượng thuốc		- Trình bày được vai trò của QA trong đảm bảo chất lượng thuốc			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Bài 5. Mô hình quản lý chất lượng theo ICH Q10						
5	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO 5			A1.2

	<p>5.28. Các vấn đề của quản lý chất lượng thuốc theo ICHQ10</p> <p>5.29. Quy trình quản lý chất lượng thuốc theo ICHQ10</p>	3	<p>- Có khả năng vẽ được mô hình quản lý chất lượng thuốc theo ICH Q10</p> <p>- Tóm tắt được nội dung của mô hình quản lý chất lượng thuốc theo ICH Q10</p>		<p>- Giải thích cụ thể</p> <p>- Giải quyết vấn đề</p> <p>- Câu hỏi gợi mở</p>	<p>- Làm bài kiểm tra số 2</p> <p>- Thảo luận nhóm</p>	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/10/0		CLO 5			
	5.30. Tại sao nên quản lý chất lượng thuốc theo ICH Q10		-Nêu được ý nghĩa của việc quản lý chất lượng thuốc theo hệ thống ICH Q10			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Bài 6. Quản Lý Rủi Ro về chất lượng - QRM						
6	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO 6			A1.2
	<p>6.24. Các khái niệm liên quan</p> <p>6.25. Các yêu cầu cần đảm bảo của quản lý rủi ro về chất lượng</p>		<p>- Trình bày được khái niệm về quản lý rủi ro về chất lượng</p> <p>- Trình bày được các mục tiêu cần đạt được của quản lý rủi ro về chất lượng</p>		<p>- Giải thích cụ thể</p> <p>- Giải quyết vấn đề</p> <p>- Câu hỏi gợi mở</p>	- Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/10/0		CLO 6			
	6.26. Muốn đánh giá nguy cơ của chất lượng sản phẩm phải dựa trên		-Nêu được các yếu tố để đánh giá nguy cơ của chất lượng sản phẩm nhằm			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	

	các yếu tố nào?		đảm bảo yêu cầu về thuốc đạt chất lượng cho người sử dụng				
Theo lịch thi	FINAL EXAM			CLO 1,2,3, 4,5,6, 7,8,9			A4

(*) Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương.
- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR. Tham khảo các phương pháp giảng dạy trong CTĐT ngành Dược.
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số....).

8. Học liệu:

Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	Giáo trình nội bộ, Khoa dược	2018	<i>Quản lý chất lượng trong sản xuất thuốc</i>	Khoa dược Trường ĐH Kinh tế kỹ thuật Bình dương
Sách, giáo trình tham khảo				
2	Cục quản lý dược	2018	<i>Quy trình nhận diện và quản lý rủi ro về chất lượng</i>	NXB Y học

Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ web hữu ích cho HP

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Hệ thống quản lý rủi ro theo tiêu chuẩn iso 31000	https://tcvn.gov.vn/wp-content/uploads/2019/03/6.-168t-Quan-li-rui-ro-ISO-31000-last.pdf	27/08/2019
2	PHARMACEUTICAL QUALITY SYSTEM Q10	https://www.ich.org/fileadmin/Public_Web_Site/ICH_Products/Guidelines/Quality/Q10/Step4/Q10_Guideline.pdf	27/08/2019

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

Bảng 9.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	

1	Giảng đường	Lý thuyết		Các bài trong chương trình
		Máy chiếu + âm ly + micro	01	

Bình Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2019

TRƯỞNG KHOA



TRƯƠNG THỊ NGỌC SƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: DƯỢC

Mã số: 7720201

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về HP

1.1 Mã học phần:	1.2 Tên học phần: SỬ DỤNG THUỐC TRONG ĐIỀU TRỊ
1.3 Ký hiệu học phần:	1.4 Tên tiếng Anh: USING THE DRUG IN TREATMENT
1.5 Số tín chỉ:	02
1.6 Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	30tiết
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	
- Tự học:	60 tiết
-Thực hành	
1.7 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	
1.8 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Sinh lý, Bệnh học, Hóa sinh, Dược động học, Dược lý 1 và 2, Dược lâm sàng.
- Học phần học trước:	Không yêu cầu
- Học phần song hành:	Không yêu cầu

2. Mô tả học phần:

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cơ chế bệnh sinh, nguyên tắc điều trị, các phác đồ điều trị và cập nhật các phác đồ điều trị mới đối với các bệnh thường gặp; Các nguyên tắc lựa chọn thuốc và phối hợp thuốc trong điều trị; Các tác dụng phụ thường thấy và cách xử trí khi sử dụng thuốc.

3. Mục tiêu HP (Goals)

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)
G1	Hiểu được cơ chế bệnh sinh, nguyên tắc điều trị và các khuyến cáo điều trị cho từng nhóm bệnh.	PLO1, PLO4, PLO8
G2	Biết cách sử dụng các phần mềm tra cứu các tương tác thuốc quan trọng.	PLO8, PLO9
G3	Phân tích được các nguyên tắc trong sử dụng thuốc điều trị các bệnh cơ xương khớp, tiêu hóa, tiết niệu và thần kinh	PLO1, PLO2, PLO8, PLO9
G4	Đánh giá được tính hợp lý của đơn thuốc và bệnh án thuộc các bệnh cơ xương khớp, tiêu hóa, tiết niệu và thần kinh	PLO1, PLO2, PLO4, PLO8, PLO9, PLO11
G5	Tư vấn cách dùng thuốc, thói quen sinh hoạt cho bệnh nhân để đạt hiệu quả điều trị tốt nhất.	PLO1, PLO2, PLO4, PLO8, PLO9, PLO11
G6	Tham gia được vào hoạt động giám sát việc sử dụng thuốc trên lâm sàng.	PLO1, PLO2, PLO4, PLO8, PLO9, PLO11
G7	Thể hiện tính chủ động, nghiêm túc trong quá trình học tập và nghiên cứu.	PLO9, PLO10, PLO11, PLO12
G8	Hình thành thói quen vận dụng lý thuyết vào giải quyết các vấn đề trong thực tế.	PLO9, PLO10, PLO11, PLO12
G9	Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, trung thực và kiên nhẫn khi hành nghề.	PLO9, PLO10, PLO11, PLO12

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes-CLOs)

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR của học phần (CLOs)	Mô tả CLOs (Sau khi học xong môn học này, người học có thể:)
CLO 1	Hiểu được cơ chế bệnh sinh, nguyên tắc điều trị và các khuyến cáo điều trị cho từng nhóm bệnh.
CLO 2	Biết cách sử dụng các phần mềm tra cứu các tương tác thuốc quan trọng.
CLO 3	Phân tích được các nguyên tắc trong sử dụng thuốc điều trị các bệnh cơ xương khớp, tim mạch, hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu và thần kinh
CLO 4	Đánh giá được tính hợp lý của đơn thuốc và bệnh án thuộc các bệnh cơ xương khớp, tim mạch, hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu và thần kinh

CLO 5	Tư vấn cách dùng thuốc, thói quen sinh hoạt cho bệnh nhân để đạt hiệu quả điều trị tốt nhất.
CLO 6	Tham gia được vào hoạt động giám sát việc sử dụng thuốc trên lâm sàng.
CLO 7	Thể hiện tính chủ động, nghiêm túc trong quá trình học tập và nghiên cứu
CLO 8	Hình thành thói quen vận dụng lý thuyết vào giải quyết các vấn đề trong thực tế.
CLO 9	Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, trung thực và kiên nhẫn khi hành nghề

5. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Bảng 5.1. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Chuẩn đầu ra HP (CLOs)	Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
CLO1	X	X	X	X	X				X	X	X	X
CLO2	X	X	X	X	X				X	X	X	X
CLO3	X	X	X	X	X				X	X	X	X
CLO4	X	X	X	X	X				X	X	X	X
CLO5	X	X	X	X	X				X	X	X	X
CLO6	X	X	X	X	X				X	X	X	X
CLO7	X	X	X	X	X				X	X	X	X
CLO8	X	X	X	X	X				X	X	X	X
CLO9	X	X	X	X	X				X	X	X	X
Tổng hợp	X	X	X	X	X				X	X	X	X

6. Đánh giá HP

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP

Lý thuyết

Học phần đánh giá	Trọng số (%)	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Liên quan đến CLO nào ở Bảng 5.1	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Kiểm tra thường xuyên	5	A1.1. Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	50	Đánh giá bằng bảng Rubric1	CLO 1,2,3,4	Đánh giá chuyên cần
	5	A1.2. Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng	50			

		không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, giáo viên quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng				
A2. Kỹ năng	10	A2.1. Một bài báo cáo nhóm hoặc seminar hoặc bài tập lớn theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy.			CLO 5,6	- Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra (giảng viên nêu cụ thể)
A3. Đánh giá giữa kỳ	20	A3.1. Sinh viên làm một bài kiểm tra cá nhân.			CLO 1,2,3,4	- Tiêu chí đánh giá bài báo cáo, seminar, bài tập lớp (giảng viên nêu cụ thể)
A3. Đánh giá cuối kỳ	60	A3.1. Thi kết thúc học phần + Hình thức thi: Trắc nghiệm			CLO 1,2,3,4	- Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của giảng viên ra đề

6.2. Chính sách đối với HP

6.2.1. Lý thuyết:

- Sinh viên tham dự $\geq 80\%$ số buổi của học phần. Nếu nghỉ $> 20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc học phần.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP

Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần

Tuần / (5 tiết/tuần)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/T H/TT)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lqua n đến CLO nào ở Bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 Bảng 6.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Chương 1: Sử dụng thuốc trong điều trị bệnh suy tim						
1	a. Các nội dung	5/0/0		CLO			A 1.1

	chính giảng dạy trên lớp			1,2,3, 4,5,6, 7,8,9			
	1.Đại cương về suy tim 2.Điều trị suy tim		-Trình bày được các đặc điểm sau về bệnh suy tim: định nghĩa, nguyên nhân, phân loại, chẩn đoán suy tim. -Trình bày được mục tiêu, chiến lược điều trị suy tim -Trình bày các biện pháp điều trị suy tim không dùng thuốc -Trình bày được cách áp dụng điều trị -Phân tích các tình huống lâm sàng trong điều trị suy tim		-Thuyết trình, giảng giải -Trình chiếu PowerPoint -Phát biểu xây dựng bài -Thảo luận nhóm	-Làm bài tập số 1 -Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO 5,6			
	Tìm hiểu các đơn thuốc điều trị suy tim		-		-Tự học -Học nhóm	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 2: Sử dụng thuốc trong điều trị bệnh viêm phổi						
2	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO 1,2,3, 4,5,6, 7,8,9			A 1.2

	<p>1. Viêm phổi mắc phải tại cộng đồng</p> <p>2. Viêm phổi mắc phải tại bệnh viện</p>		<p>-Trình bày được nguyên nhân thường gặp trong viêm phổi mắc phải tại cộng đồng và bệnh viện.</p> <p>-Trình bày được nguyên tắc điều trị, nguyên tắc lựa chọn kháng sinh.</p> <p>-Phân tích được các tình huống lâm sàng của bệnh viêm phổi</p>		<p>-Thuyết trình, giảng giải</p> <p>-Trình chiếu PowerPoint</p> <p>-Phát biểu xây dựng bài</p> <p>-Thảo luận nhóm</p>	<p>-Làm bài tập số 2</p> <p>-Thảo luận nhóm</p>	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO 5,6			
	Tìm hiểu các đơn thuốc điều trị bệnh viêm phổi		-			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 3: Sử dụng thuốc trong điều trị bệnh Parkinson						
3	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO 1,2,3, 4,5,6, 7,8,9			A1.3
	<p>1.Đại cương về bệnh Parkinson</p> <p>2.Điều trị</p> <p>3.Các thuốc điều trị</p> <p>4.Vai trò của dược sỹ lâm sàng</p> <p>5.Một số lưu ý khi kê đơn</p> <p>6.Nghiên cứu ca lâm sàng</p>		<p>-Trình bày được đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng của bệnh Parkinson</p> <p>-Tiêu chuẩn chẩn đoán bệnh Parkinson</p> <p>- Áp dụng được đặc điểm dược lý trong hướng dẫn sử dụng thuốc.</p> <p>-Phân tích các tình huống lâm sàng và</p>		<p>-Thuyết trình, giảng giải</p> <p>-Trình chiếu PowerPoint</p> <p>-Phát biểu xây dựng bài</p> <p>-Thảo luận nhóm</p>	<p>-Làm bài tập số 3</p> <p>Thảo luận nhóm</p>	

			đưa ra hướng xử trí				
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO 5,6			
	Tìm hiểu các đơn thuốc điều trị bệnh Parkinson					Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 4: Sử dụng thuốc trong điều trị rối loạn chức năng tuyến giáp						
4	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO 1,2,3, 4,5,6, 7,8,9			A3
	1.Vài nét về tuyến giáp 2.Các bệnh do nhược năng tuyến giáp 3.Cường giáp		-Trình bày được những triệu chứng lâm sàng và chỉ số xét nghiệm hormone trong chẩn đoán và theo dõi điều trị suy giáp và cường giáp -Nêu được mục tiêu điều trị cho suy giáp và cường giáp. -Trình bày được những nội dung cần theo dõi điều trị và tư vấn bệnh nhân khi sử dụng thuốc		-Thuyết trình, giảng giải -Trình chiếu PowerPoint -Phát biểu xây dựng bài -Thảo luận nhóm	-Làm bài tập số 4 -Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/10/0		CLO 5,6			

	Tìm hiểu các đơn thuốc điều trị bệnh suy giáp và cường giáp					Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 5: Loãng xương						
5	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO 1,2,3, 4,5,6, 7,8,9			A 1.4
	1. Bệnh loãng xương 2. Điều trị 3. Theo dõi điều trị 4. Điều trị dự phòng		- Trình bày định nghĩa loãng xương theo Tổ chức y tế thế giới - Tiêu chuẩn chẩn đoán loãng xương - Đưa ra phác đồ điều trị loãng xương, kế hoạch theo dõi và phòng ngừa. - Phân tích được vai trò từng nhóm thuốc trong điều trị loãng xương và các tương tác thuốc.		- Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Làm bài tập số 5 - Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/10/0		CLO 5,6			
	Tìm hiểu các đơn thuốc điều trị bệnh loãng xương					Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 6: Sử dụng thuốc trong điều trị bệnh da liễu						
6	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO 1,2,3, 4,5,6, 7,8,9			A1.5
	1. Thuốc bôi ngoài da 2. Bệnh vẩy nến		- Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng đến sự thâm		- Thuyết trình, giảng	- Làm bài tập số 6	

	3. Bệnh chàm		nhập thuốc qua da và các nguyên tắc chung trong điều trị bệnh da liễu. - Trình bày được các thể lâm sàng của bệnh vẩy nến và bệnh chàm, nguyên tắc sử dụng thuốc trong điều trị		giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	- Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0		CLO 5,6			
	Tìm hiểu các đơn thuốc điều trị bệnh vẩy nến và bệnh chàm					Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
Theo lịch thi	FINAL EXAM			CLO 1,2,3, 4,5,6			A4

8. Học liệu:

Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	Hoàng Thị Kim Huyền	2014	Những nguyên lý cơ bản và sử dụng thuốc trong điều trị - tập 2	NXB Y học
Sách, giáo trình tham khảo				
2	Nguyễn Tuấn Dũng - Nguyễn Ngọc Khôi	2019	Dược Lâm Sàng Đại Cương	Nhà Xuất Bản Y Học
3	Hoàng Thị Kim Huyền	2007	Dược lâm sàng và điều trị	NXB Y học

Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ web hữu ích cho HP

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Tương tác thuốc	AHFS	
2	Thông tin thuốc	https://www.mims.com/vietnam	

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

Bảng 9.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

Lý thuyết

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường	Bảng lớn	01	
		Máy chiếu	01	
		Phương tiện tăng âm	01	

Bình Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2019

TRƯỞNG KHOA



TRƯƠNG THỊ NGỌC SƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Dược

Mã số: 7720201

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1 Mã học phần:	1.2 Tên học phần: Sức khỏe cộng đồng
1.3 Ký hiệu học phần:	1.4. Tên tiếng Anh: Environment healthy
1.4 Số tín chỉ: 02	
1.5 Phân bố thời gian: Học kỳ	
- Lý thuyết:	30 tiết
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	00 tiết
- Tự học:	60 tiết
1.6 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	
1.7 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần học trước:	
- Học phần song hành:	Không yêu cầu

2. Mô tả học phần:

Môn học Sức khỏe môi trường nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức về các yếu tố môi trường và ảnh hưởng của nó đến sức khỏe và nghề nghiệp. Từ đó, vận dụng được các kiến thức đã học vào công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho người dân. Đồng thời cung cấp kiến thức thực hiện quy trình khép kín về vấn đề quản lý, vận chuyển, xử lý chất thải rắn trong ngành y tế, phòng lây nhiễm bệnh trong cộng đồng và bảo vệ môi trường.

3. Mục tiêu học phần(Goals)

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)
G1	Kiến thức về các yếu tố môi trường ảnh hưởng đến sức khỏe	PLO1

	con người như môi trường không khí, môi trường nước, môi trường bệnh viện và việc thực hiện an toàn môi trường cho công tác chăm sóc sức khỏe người dân.	
G2	Cung cấp kiến thức về quản lý sức khỏe môi trường, quản lý môi trường trong các bệnh viện, quản lý chất thải y tế.	PLO1
G3	Có khả năng giám sát, kiểm soát các yếu tố vật lý, hoá học, sinh học và xã hội có ảnh hưởng đến sức khỏe con người, xây dựng môi trường an toàn và phát triển bền vững.	PLO4
G4	Có khả năng quản lý, tư vấn, phối hợp hỗ trợ trong công tác phòng chống dịch bệnh trong môi trường.	PLO4
G5	<i>Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm.</i> Tuân thủ các chuẩn mực về đạo đức và thực thi trách nhiệm đối với xã hội	PLO11,12

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes-CLOs)

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR của học phần (CLOs)	Mô tả CLOs (Sau khi học xong môn học này, người học có thể:)
CLO 1	Có khả năng phối hợp phân tích và thực hiện quản lý môi trường không khí.
CLO 2	Có khả năng phối hợp phân tích và thực hiện quản lý môi trường môi trường nước.
CLO3	Có khả năng phối hợp phân tích và thực hiện quản lý môi trường bệnh viện.
CLO4	Có khả năng phân biệt một số bệnh thường gặp do ô nhiễm môi trường không khí, môi trường nước, môi trường bệnh viện.
CLO5	Có khả năng đề xuất và phổ biến các biện pháp dự phòng bảo vệ sức khỏe môi trường.
CLO6	Có khả năng phối hợp thực hiện các giải pháp an toàn môi trường như: môi trường nhà ở, trường học, nơi sinh hoạt công cộng và trên các phương tiện giao thông.
CLO7	Có khả năng lập kế hoạch tổ chức thực hiện đúng quy trình thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế.
CLO8	<i>Có khả năng phối hợp thu thập thông tin và đánh giá được vấn đề an toàn môi trường, phát triển bền vững</i>

5. Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Bảng 5.1. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Chuẩn đầu ra HP (CLOs)	Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
CLO1		X	X	X	X				X		X	X
CLO2		X	X	X	X				X		X	X
CLO3		X	X	X	X				X		X	X
CLO4		X	X	X	X				X		X	X
CLO5		X	X	X	X				X		X	X
CLO6		X	X	X	X				X		X	X
CLO7		X	X	X	X				X		X	X
CLO8		X	X	X	X				X		X	X
Tổng hợp		X	X	X	X				X		X	X

6. Đánh giá học phần

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của sinh viên ở học phần

Học phần đánh giá	Trọng số (%)	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Liên quan đến CLO nào ở Bảng 5.1	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Kiểm tra thường xuyên	10	A1.1. Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và phát biểu, tham gia các hoạt động trong giờ học.	50	R1	CLO 1-8	Đánh giá chuyên cần
		A1.2. Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, giáo viên quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	50			
A2. Đánh giá kỹ năng	20	Tuần 2: Sinh viên làm bài tập: tìm hiểu các bệnh do ô nhiễm môi trường nước, môi trường không khí thường gặp trong cộng đồng và đề xuất biện pháp dự phòng.		R3	CLO4	Bài tập (Giáo viên giao đề bài làm từ buổi học đầu tiên HP)
A3. Đánh giá giữa	10	Tuần 4: Sinh viên làm bài kiểm tra viết.		KT viết		Đánh giá kiểm tra viết

kỳ						
A4. Đánh giá cuối kỳ	60	Bài kiểm tra cuối kỳ: Kiểm tra trắc nghiệm.		KT trắc nghiệm	CLO 1-8	Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm

6.2. Chính sách đối với học phần

- Sinh viên tham dự $\geq 80\%$ số buổi của học phần. Nếu nghỉ $> 20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc học phần.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần theo tuần

Tuần (5 tiết/tuần)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/T H/TT)	Chuẩn đầu ra của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở Bảng 4.1	Phương pháp giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của sinh viên (*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 Bảng 6.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Buổi 1: 1.1. ĐẠI CƯƠNG VỀ SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG 1.2. QUẢN LÝ SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG						
	1.1.Đại cương về sức khỏe môi trường	3/0/0		CLO1			A1.
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp						
	1.1.1. Định nghĩa về môi trường và các chức năng cơ bản về môi trường 1.1.2. Các khía cạnh lịch sử của sức khỏe môi trường 1.1.3. Nội dung môn sức khỏe môi trường 1.1.4. Quan hệ giữa sức khỏe và môi trường 1.1.5. Tác động của dân số, đô thị hóa lên sức khỏe cộng đồng và môi trường		- Liệt kê được nội dung môn sức khỏe môi trường - Phân tích mối quan hệ giữa sức khỏe và môi trường		-Phương pháp giải thích cụ thể		
	b. Các nội dung chính sinh viên tự	5/0/0		CLO1			

	học ở nhà						
	1.1.7. Tìm hiểu những định hướng cơ bản cho môi trường lành mạnh		- Nêu được những định hướng cơ bản cho môi trường lành mạnh			- Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà. - Đọc tài liệu: [1] Trang 15-28	
	1.2. Quản lý sức khỏe môi trường						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2/0/0		CLO1			
	1.2.1. Khái niệm về quản lý môi trường 1.2.2. Những hoạt động quản lý sức khỏe môi trường 1.2.3. Những vấn đề tồn tại trong quản lý ô nhiễm môi trường ở Việt Nam 1.2.4. Vai trò của cộng đồng trong quản lý môi trường và bảo vệ sức khỏe		- Liệt kê được những hoạt động quản lý sức khỏe môi trường - Nêu được vai trò của cộng đồng trong quản lý môi trường và bảo vệ sức khỏe				
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	5/0/0		CLO1			
	1.2.5. Tìm hiểu những hoạt động, những vấn đề tồn tại trong quản lý ô nhiễm môi trường ở Việt Nam		- Nêu được những hoạt động, những vấn đề tồn tại trong quản lý ô nhiễm môi trường ở Việt Nam				
2	Buổi 2:						
	2.1. Ô NHIỄM KHÔNG KHÍ						
	2.2. NƯỚC VÀ VỆ SINH NƯỚC						
	2.1. Ô nhiễm không khí						

	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2/0/0		CLO1			A2.
	2.1.1. Lịch sử ô nhiễm không khí, định nghĩa 2.1.2. Các nguồn ô nhiễm không khí 2.1.3. Các chất ô nhiễm không khí và những ảnh hưởng của chúng		-Phân tích được nội dung các chất ô nhiễm không khí và những ảnh hưởng của chúng		- Phương pháp giải thích cụ thể	- Đọc tài liệu: [1] Trang 27-37	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	5/0/0		CLO1			
	2.1.4. Tìm hiểu một số tác động của ô nhiễm không khí lên khí hậu toàn cầu		- Liệt kê được một số tác động của ô nhiễm không khí lên khí hậu toàn cầu			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	2.2. Nước và vệ sinh nước						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	3/0/0		CLO2 CLO4			
	2.2.1. Các nguồn nước trong thiên nhiên 2.2.2. Mối quan hệ giữa chất lượng nước và sức khỏe con người 2.2.3. Ô nhiễm nước và tác động lên sức khỏe môi trường		- Phân tích được mối quan hệ giữa chất lượng nước và sức khỏe con người - Nêu được tình trạng ô nhiễm nước và tác động lên sức khỏe môi trường			-Đọc tài liệu: [1] trang 38-64	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	5/0/0		CLO2			
	2.2.4. Tìm hiểu cách xử lý nước và kiểm soát ô nhiễm nước		- Liệt kê được các biện pháp xử lý nước và kiểm soát ô nhiễm nước				
	Buổi 3. VỆ SINH MÔI TRƯỜNG BỆNH VIỆN						

	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO3			A2
	3.1. Đại cương 3.2. Vệ sinh bề mặt môi trường bệnh viện 3.3. Vệ sinh môi trường nước trong bệnh viện 3.4. Vệ sinh môi trường không khí trong bệnh viện		- Liệt kê được biện pháp thực hiện vệ sinh bề mặt môi trường bệnh viện - Liệt kê được biện pháp thực hiện môi trường nước, môi trường không khí trong bệnh viện		- Phương pháp giải thích cụ thể	-Đọc tài liệu: [1] trang 65-74	
					-	-	
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	10/0/0		CLO3			
	-Tìm hiểu quy định, biện pháp thực hiện vệ sinh môi trường bệnh viện		-Thống kê được các biện pháp vệ sinh môi trường nước, môi trường không khí trong bệnh viện			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
5	Buổi 4: AN TOÀN MÔI TRƯỜNG						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO6			A3
	4.1. Đại cương 4.2. An toàn môi trường 4.2.1. Khái niệm chấn thương 4.2.2. Một số vấn đề an toàn môi trường nhà ở và khu dân cư - An toàn môi trường khi ở nhà - Chấn thương do ngã - Chấn thương do cháy bỏng - Chấn thương do ngộ độc - An toàn môi		- Phân tích được một số thể loại tai nạn chấn thương không chú ý ở gia đình và nơi công cộng.		-Phương pháp giải thích cụ thể	- Đọc tài liệu: [1] Trang 75-85	

	<p>trường khi tham gia giao thông</p> <ul style="list-style-type: none"> - An toàn môi trường trong các hoạt động vui chơi giải trí - An toàn môi trường tại trường học 						
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	10/0/0		CLO6			
	4.2.3. Tìm hiểu các giải pháp môi trường an toàn trong nhà ở, trường học, nơi sinh hoạt công cộng và trên các phương tiện giao thông.		- Nêu được các giải pháp xây dựng môi trường an toàn trong nhà ở, trường học, nơi sinh hoạt công cộng và trên các phương tiện giao thông.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
6	Buổi 5: QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN Y TẾ						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO7			
	<p>5.1. Một số khái niệm cơ bản</p> <p>5.2. Phân nhóm chất thải rắn y tế</p> <p>5.3. Phân loại và nhận dạng chất thải</p> <p>5.3.1. Chất thải lây nhiễm</p> <p>5.3.2. Nhận dạng chất thải hóa học nguy hại</p> <p>5.3.3. Chất thải phóng xạ</p> <p>5.3.4. Bình chứa áp suất</p> <p>5.3.5. Nhận dạng chất thải y tế thông thường</p> <p>5.4. Hệ thống mã màu các dụng cụ</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được khái niệm cơ bản chất thải rắn trong các cơ sở y tế - Liệt kê được 5 nhóm chất thải rắn y tế và 4 nhóm chất thải lây nhiễm. - Thực hiện các nguyên tắc, thu gom, lưu giữ, vận chuyển chất thải rắn y tế 		-Phương pháp giải thích cụ thể	-Đọc tài liệu: [1] trang 86-94; [5]	

	<p>đựng chất thải</p> <p>5.5. Nguyên tắc phân loại chất thải</p> <p>5.6. Thu gom và lưu giữ chất thải</p> <p>5.7. Vận chuyển chất thải trong cơ sở y tế</p> <p>5.8. Nơi lưu giữ chất thải rắn trong cơ sở khám chữa bệnh</p>						
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	10/0/0		CLO7			
	<p>5.9. Một số khái niệm cơ bản, phân nhóm chất thải rắn y tế</p> <p>5.10. Phân loại và nhận dạng chất thải và các phương pháp tiêu hủy chất thải rắn y tế</p>		<p>- Thực hiện cách phân loại, nhận dạng chất thải và các phương pháp tiêu hủy chất thải rắn y tế</p>			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
Buổi 6. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG							
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO8			
	<p>6.1. Khái niệm về phát triển bền vững</p> <p>6.2. Phân loại phát triển</p> <p>6.2.1. Môi trường bền vững</p> <p>6.2.2. Xã hội bền vững</p> <p>6.2.3. Kinh tế bền vững</p> <p>6.3. Tìm hiểu thước đo về phát triển bền vững</p> <p>6.3.1. Chỉ số phát triển của con người</p> <p>6.3.2. Chỉ số về sự tự do của con người</p> <p>6.3.3. Chỉ số mức tiêu thụ năng lượng tính theo đầu người</p>		<p>- Nêu được khái niệm và phân loại phát triển bền vững</p>			<p>Đọc tài liệu: [1] trang 95-105</p>	
	b. Các nội dung	10/0/0		CLO8			

	chính sinh viên tự học ở nhà						
	6.4. Tìm hiểu các khía cạnh lịch sử của phát triển bền vững 6.4.1. Dân số và sự tiêu thụ tài nguyên môi trường 6.4.2. Dân số và tài nguyên đất đai 6.4.3. Dân số và tài nguyên rừng 6.4.4. Dân số và tài nguyên nước 6.4.5. Dân số và khí quyển, biến đổi khí hậu 6.4.6. Dân số và các vùng cửa sông, ven biển 6.5 Nguyên tắc của phát triển bền vững		- Nêu được các khía cạnh lịch sử của phát triển bền vững - Nêu được các nguyên tắc của phát triển bền vững				
Theo lịch thi	FINAL EXAM						A4

8. Học liệu:

Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
	Giáo trình chính			
[1]	Klaus Krickeberg, Ngô Thị Bích Ngọc, Trương Công Đạt; Nguyễn Xuân Hương, Trần Thị Minh Huệ, Ngô Thị Bích Ngọc, Phan Vũ Diễm Hằng, Nguyễn Văn Sơn.	2017	Sức khỏe môi trường: Các nguyên lý cơ bản = Environmental Health: Basic Principle	NXB Y học
	Sách, giáo trình tham khảo			
[2]	Lê Văn Khoa, Đoàn Văn Tiến, Nguyễn Song Tùng, Nguyễn Quốc Việt	2016	Môi trường và phát triển bền vững	NXB Giáo dục.
[3]	PGS. TS. Chu Văn Thăng	2011	Sức khỏe môi trường	Nhà Xuất Bản Y Học

[4]	Chính phủ	2015	NĐ-CP số: 19/2015. Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường	VP chính phủ
[5]	Bộ Y Tế, Bộ Tài nguyên Môi trường	2015	TTLT số 58/2015. Thông tư liên tịch quy định về quản lý chất thải y tế	Bộ Y tế, Bộ Tài nguyên Môi trường

Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ web hữu ích cho học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Sách tham khảo ngành y	https://yhoctonghop.vn/tong-hop-hon-100-link-download-sach-y-duoc-hay-nhat	19/8/2019

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

Bảng 9.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của học phần

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường	- Bảng lớn	01	Tất cả bài trong học phần
		- Máy chiếu	01	
		- Phương tiện tăng âm	01	

Bình Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2019

TRƯỞNG KHOA



TRƯƠNG THỊ NGỌC SƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Dược

Mã số: 7720201

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1 Mã học phần:	1.2 Tên học phần: TRUYỀN THÔNG –GIÁO DỤC SỨC KHỎE
1.3 Ký hiệu học phần:	1.4 Tên tiếng Anh: HEALTH EDUCATION COMMUNICATION
1.5 Số tín chỉ: 02	
1.6 Phân bố thời gian: Học kỳ	
- Lý thuyết:	30 tiết
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	0 tiết
- Tự học:	60 tiết
1.7 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Không
1.8 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần học trước:	Không yêu cầu
- Học phần song hành:	Không yêu cầu

2. Mô tả học phần:

Giáo dục sức khỏe là môn học của y tế công cộng. Hiện nay, Giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe là một chức năng, nhiệm vụ bắt buộc của tất cả cán bộ y tế và các cơ sở y tế. Môn học Truyền thông - Giáo dục sức khỏe (TT- GDSK) cung cấp cho sinh viên các khái niệm, kỹ năng, phương tiện và phương pháp TT- GDSK. Môn học còn giúp sinh viên biết lập kế hoạch TT-GDSK ở cộng đồng và đánh giá kết quả GDSK.

3. Mục tiêu học phần (Goals)

Mục tiêu	Mô tả (Goal description)	Chuẩn đầu ra
----------	--------------------------	--------------

(Goals)	(Học phần này trang bị cho sinh viên:)	CTĐT (PLOs)
G1	Kiến thức cơ bản về y học như: Giải thích được hai cơ chế điều hòa chức năng của cơ thể: cơ chế thần kinh và cơ chế thể dịch. Mô tả được sinh lý của tế bào, của mô, máu và sinh lý của các hệ cơ quan quan trọng của cơ thể người gồm: hệ tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, thần kinh, bài tiết, nội tiết, sinh dục.	PLO1,PLO2
G2	Người học có kỹ năng: Thực hành về phân tích máu, đo huyết áp và khảo sát một số yếu tố ảnh hưởng lên huyết áp, đo chức năng hô hấp, nghiệm pháp dung nạp glucose qua đường uống.	PLO1,PLO2
G3	Áp dụng các kỹ năng thực hành vào công việc thực tế tại bệnh viện, hiểu được các kết quả xét nghiệm trên lâm sàng phù hợp cho việc chẩn đoán bệnh lý	PLO2, PLO7
G4	Vận dụng kiến thức đã học vào trong công tác quản lý, phân phối thuốc, thực hiện công tác dược lâm sàng nhằm cung cấp thông tin cho thầy thuốc; tư vấn cho bệnh nhân sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả.	PLO2, PLO12
G5	<i>Học tập nâng cao trình độ chuyên môn.</i>	PLO10
G6	<i>Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm. Đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp trong công việc.</i>	PLO11

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes-CLOs)

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR của học phần (CLOs)	Mô tả CLOs (Sau khi học xong môn học này, người học có thể:)
CLO 1	Trình bày các khái niệm về sức khỏe, truyền thông giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe
CLO 2	Phân tích quá trình thay đổi hành vi sức khỏe
CLO 3	Vận dụng các nguyên tắc giáo dục sức khỏe vào công tác giáo dục sức khỏe của mình tại bệnh viện, trạm y tế, nhà thuốc...
CLO 4	Ứng dụng các kỹ năng giáo dục sức khỏe trong thực hiện công tác quản lý, phân phối thuốc, cung cấp thông tin thuốc; tư vấn cho bệnh nhân sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả.
CLO 5	<i>Đủ điều kiện học tập để nâng cao trình độ chuyên môn.</i>
CLO 6	<i>Làm việc độc lập, làm việc nhóm. Đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp trong công việc.</i>
CLO 7	<i>Có khả năng học tập phát triển nghề nghiệp suốt đời</i>

5. Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Bảng 5.1. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Chuẩn đầu ra HP (CLOs)	Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
CLO1	X	X		X			X	X	X	X	X	
CLO2	X	X		X			X	X	X	X	X	
CLO3	X	X		X			X	X	X	X	X	
CLO4	X	X		X			X	X	X	X	X	
CLO5	X	X		X			X	X	X	X	X	X
CLO6	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	
CLO 7	X	X						X	X			X
Tổng hợp	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X

6. Đánh giá học phần

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của sinh viên ở học phần

Học phần đánh giá	Trọng số (%)	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Liên quan đến CLO nào ở Bảng 5.1	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Kiểm tra thường xuyên	10	A1.1. Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	50	Đánh giá bằng bảng Rubric 1	CLO 1,5,6	Đánh giá chuyên cần
		A1.2. Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, giáo viên quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	50			
A2. Đánh giá giữa kỳ	20	A2.1. Tuần 4: Sinh viên làm bài kiểm tra tự luận. A2.2. Tuần 7: Sinh viên làm bài kiểm tra tự luận.			CLO 1,2,3,7	- Đánh giá kiểm tra viết theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn
A3. Đánh giá cuối kỳ	60	Bài kiểm tra cuối kỳ: Thi trắc nghiệm.			CLO 1,2,3,4,5,6	- Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn

6.2. Chính sách đối với học phần

- Sinh viên tham dự $\geq 80\%$ số buổi của học phần. Nếu nghỉ $> 20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc học phần.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần theo tuần

Tuần (5 tiết/tuần)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/TH/TT)	Chuẩn đầu ra của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở Bảng 4.1	Phương pháp giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của sinh viên(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 Bảng 6.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Buổi 1: Bài 1: Khái niệm, vị trí vai trò của TT-GDSK Bài2: Quá trình thay đổi hành vi sức khỏe						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO1,2,3			A1.1.
	1.1 Sức khỏe và bệnh tật 1.2 Khái niệm về thông tin- truyền thông giáo dục sức khỏe 1.3 Giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe 1.4 Vị trí của sức khỏe 1.5 Trách nhiệm của sức khỏe 1.6 Hệ thống giáo dục sức khỏe ở Việt Nam Bài 2: Quá trình thay đổi hành vi sức khỏe 2.1 Các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe 2.2 Hành vi sức khỏe 2.3 Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi sức		- Trình bày được tầm các khái niệm về sức khỏe, truyền thông giáo dục sức khỏe - Trình bày được các vấn đề bệnh tật đang phổ biến ở các nước đang phát triển. - Phân tích được vai trò của giáo dục sức khỏe trong công tác chăm sóc nhân dân - Trình bày được hệ thống ngành GDSK ở Việt Nam -Trình bày khái niệm hành vi giáo dục sức khỏe, các yếu tố ảnh hưởng		-Phương pháp giải thích cụ thể	- Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà. - Đọc tài liệu: [1]. Trang 03 - 13 [2]. Trang 14 - 31	

	khỏe 2.4 Một số lý thuyết mô hình về hành vi cá nhân 2.5 Quy trình thay đổi hành vi 2.6 Vai trò của người làm công tác giáo dục sức khỏe		đến hành vi - Trình bày các quá trình thay đổi hành vi sức khỏe				
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	10/0/0		CLO1,2,3			
	Đọc tài liệu		-Tìm hiểu các tài liệu về môn truyền thông giáo dục sức khỏe			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
2	Buổi 2: Nguyên tắc TT- GDSK						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO1,2,3,7			A1.1.
	3.1 Nguyên tắc giáo dục sức khỏe 3.2 Nguyên tắc tính khoa học 3.3 Nguyên tắc tính đại chúng 3.4 Nguyên tắc trực quan 3.5 Nguyên tắc thực tiễn 3.6 Nguyên tắc lồng ghép 3.7 Các nguyên tắc khác		-Trình bày những nền tảng khoa học làm cơ sở cho GDSK - Trình bày các nguyên tắc cơ bản trong chỉ đạo hoạt động giáo dục sức khỏe - Vận dụng được nguyên tắc GDSK trong công tác GDSK của mình		- Phương pháp giải thích cụ thể	-Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà -Đọc tài liệu: [1]. Trang 32 - 39	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO3,4			
	Đọc tài liệu					Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
3	Buổi 3: Kỹ năng TT- GDSK						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO1,2,3			A1.1.

	<p>4.1 Các yêu cầu cần thiết để TT - GDSK hiệu quả</p> <p>4.2 Các kỹ năng thường sử dụng trong TT - GDSK</p> <p>4.3 Ứng dụng các kỹ năng TT- GDSK vào 1 tình huống cụ thể</p>		<p>- Trình bày được các yêu cầu cần thiết trong truyền thông GDSK</p> <p>- Trình bày các kỹ năng truyền thông GDSK</p> <p>- Ứng dụng các kỹ năng TT - GDSK vào công việc</p>		-Phương pháp giải thích cụ thể	-Đọc tài liệu: [1]. Trang 73 - 85	
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	10/0/0		CLO3,4,5			
	Đọc tài liệu					Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
4	Buổi 4: Phương tiện và phương pháp TT-GDSK						
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO1,2,3			A2.1
	<p>4.1 Phương pháp truyền thông giáo dục sức khỏe</p> <p>4.2 Phương tiện TT-GDSK</p> <p>4.3 Thử nghiệm tài liệu, phương tiện GDSK</p>		<p>- Trình bày được các phương pháp và phương tiện TT - GDSK</p> <p>- Trình bày các phương pháp TT-GDSK</p> <p>- Trình bày các phương tiện TT-GDSK</p> <p>- Trình bày ý nghĩa, tiêu chuẩn TT- GDSK</p>		- Phương pháp giải thích cụ thể	-Đọc tài liệu: [1]. Trang 49 -71	
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	10/0/0		CLO3,4,5			
	-Đọc tài liệu					Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
5	Buổi 5: Lập kế hoạch TT-GDSK						A1.1.
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO1,2,3,4			
	5.1 Khái niệm về lập kế hoạch GDSK		- Trình bày khái niệm về kế hoạch		-Phương pháp	-Đọc tài	

	5.2 Các bước lập kế hoạch TT - GDSK		và các nguyên tắc cơ bản trong TT-GDSK - Trình bày các bước lập kế hoạch TT-GDSK		pháp giải thích cụ thể	liệu: [1]. Trang 72 - 96	
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	10/0/0		CLO3,4,5			
	Đọc tài liệu					Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
6	Buổi 6: - Ôn tập - Kiểm tra giữa quá trình						A1.1.
	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO1,2,3			
	Ôn tập các bài Kiểm tra giữa quá trình		-		-Phương pháp giải thích cụ thể	- Chú ý khi ôn tập - Đọc đề và làm bài tập cẩn thận	
	b. Các nội dung chính sinh viên tự học ở nhà	10/0/0		CLO3,4			
	5.4 Đọc tài liệu					Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
Theo lịch thi	FINAL EXAM						A3

8. Học liệu:

Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
	Giáo trình chính			
[1]	<i>Bài giảng Truyền thông - GDSK,</i>	2018	Truyền thông - Giáo dục sức khỏe	Giáo trình nội bộ, Khoa dược
	Sách, giáo trình tham khảo			
[2]	<i>Nguyễn Văn Hiến</i>	2013	<i>Giáo dục và nâng cao sức</i>	Trường Đại học Y khoa Thái Nguyên,

]			khỏe	
---	--	--	------	--

Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ web hữu ích cho học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Giáo trình giáo dục và nâng cao sức khỏe	https://yhoctonghop.vn/tong-hop-hon-100-link-download-sach-y-duoc-hay-nhat	19/8/2019

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

Bảng 9.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của học phần

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường	- Bảng lớn	01	Tất cả bài trong học phần
		- Máy chiếu	01	
		- Phương tiện tăng âm	01	

Bình Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2019

TRƯỞNG KHOA



TRƯƠNG THỊ NGỌC SƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: DƯỢC

Mã số: 7720201

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về HP

1.1 Mã học phần: QTKD 06	1.2 Tên học phần: QUẢN TRỊ CHUỖI CUNG ỨNG
1.3 Ký hiệu học phần:	1.4 Tên tiếng Anh: LOGISTICS
1.5 Số tín chỉ:	03
1.6 Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	40 tiết
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	05 tiết
- Tự học:	60 tiết
1.7 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	
1.8 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần học trước:	Kinh tế vĩ mô
- Học phần song hành:	

2. Mô tả học phần:

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức về quản trị chuỗi cung ứng, bao gồm các khái niệm, định nghĩa, giá trị, mục đích, phương pháp, và các kỹ thuật xây dựng hệ thống quản trị chuỗi cung ứng để người học có được cái nhìn tổng quát trước khi đi vào chuyên sâu, cũng cách thức hoạt động tổ chức, xây dựng, và quản lý hoạt động cung ứng vật tư, hàng hoá trong doanh nghiệp.

3. Mục tiêu HP (Goals)

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)
G1	Phân tích được sự cần thiết của QT chuỗi cung ứng, các nhân tố	PLO4

	bên trong và bên ngoài doanh nghiệp có ảnh hưởng đến quá trình quản trị sản xuất và tác nghiệp, xu hướng phát triển của QT chuỗi cung ứng trong môi trường kinh doanh hiện đại.	
G2	Hiểu được sự cần thiết và qui trình tiến hành các hoạt động QT chuỗi cung ứng trong doanh nghiệp (dự báo nhu cầu sản phẩm, quản trị nguyên vật liệu, quản trị hàng dự trữ)	PLO4-6
G3	Áp dụng được các phương pháp xử lý các vấn đề về QT chuỗi cung ứng (dự báo nhu cầu sản phẩm, quản trị nguyên vật liệu, quản trị hàng dự trữ) vào vận hành của một doanh nghiệp cụ thể.	PLO4-6
G4	Phân tích và lựa chọn được các giải pháp tối ưu về các vấn đề QT chuỗi cung ứng (dự báo nhu cầu sản phẩm, quản trị nguyên vật liệu, quản trị hàng dự trữ) đối với một doanh nghiệp cụ thể.	PLO9-12

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes-CLOs) Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR của học phần (CLOs)	Mô tả CLOs (Sau khi học xong môn học này, người học có thể:)
CLO 1	Phân tích được những kiến thức nền tảng về chuỗi cung ứng, hiểu rõ giá trị và vai trò chuỗi cung ứng trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
CLO 2	Đánh giá công nghệ thông tin hiện có, xu hướng công nghệ thông tin mới và hiểu rõ cách thức ứng dụng công nghệ thông tin vào các quy trình chuỗi cung ứng.
CLO 3	Thực hiện được các hoạt động liên quan trong quy trình sản xuất và phân phối sản phẩm.
CLO 4	Áp dụng được các kỹ thuật xây dựng hệ thống quản trị chuỗi cung ứng.
CLO 5	Sử dụng tốt tiếng Anh chuyên ngành phục vụ cho nghề nghiệp trong tương lai. Sử dụng thành thạo máy tính và các phần mềm thông dụng (MS Word, MS Excel, MS Powerpoint...)
CLO 6	Có ý thức học tập đúng đắn, khả năng làm việc nhóm, và phong cách làm việc nghiêm túc.

5. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CĐR của chương trình (PLOs) Mức độ đóng góp của CLO vào PLO được xác định cụ thể:

- L (Low) – CLO có đóng góp ít vào PLO
- M (Medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO
- H (High) – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

PLO Chú thích:

- Các mức H - Cao, M - Vừa, L - Thấp - phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (L) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế...(mức M) hay mức thuần thục (H).

Bảng 5.1. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CĐR của chương trình (PLOs)

Chuẩn đầu ra HP (CLOs)	Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs)
------------------------	--------------------------------------

	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
CLO1				H	M	L			M	H	H	M
CLO2				M	L	L			H	M	M	M
CLO3				H	M	L			M	M	H	M
CLO4				L	M	M			H	H	M	M
CLO5				H	M	M			M	H	M	M
CLO 6				L	M	M			M	M	H	H
Tổng hợp				H	M	M			M	M	M	M

6. Đánh giá HP

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP

H/phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric	Lquan đến CLO nào ở Bảng 5.1	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	10%	A1.1. Tuần 3: Làm bài tập số 2	30%		CLO 1,2	- SV nghiên cứu trước Chương 2,3 trong giáo trình, ôn lại nội dung chương 1
		A1.2. Tuần 5: Làm bài tập số 3	30%		CLO 1,2	
A2. Kỹ năng	10%	Tuần 7: Làm bài tập số 5		R2	CLO 5	- SV nghiên cứu trước Chương 5 trong giáo trình
A3. Đánh giá giữa kỳ	20%	Bài tập lớn: Sử dụng công cụ thống kê đo lường hiệu quả quản trị chuỗi cung ứng		R1	CLO 6,7,8	- SV nghiên cứu trước Chương 6 trong giáo trình
A4. Đánh giá cuối kỳ	60%	Bài ktra cuối kỳ: Thi trắc nghiệm, tự luận.			CLO 11	

- (7) PP đánh giá đạt CDR: Nêu tên các PP đánh giá sử dụng trong từng chương để đạt CDR. Tham khảo các phương pháp đánh giá trong CTĐT ngành Dược học.

6.2. Chính sách đối với HP

- SV tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $>20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP

Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần

Tuần/ (5 tiết/tuần)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/TH/TT)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở Bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 Bảng 6.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	CHƯƠNG 1.						

	Tổng quan về quản trị chuỗi cung ứng						
1	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO1			
	1. Khái quát về quản trị chuỗi cung ứng (scm) 2. Lịch sử phát triển của quản trị chuỗi cung ứng 3. Những vấn đề chính trong quản trị chuỗi cung ứng		Hiểu được nền tảng về chuỗi cung ứng, hiểu rõ giá trị và vai trò chuỗi cung ứng		Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	Thảo luận nhóm	
	CHƯƠNG 2. Chiến lược hậu cần và xây dựng kế hoạch cung ứng						
2	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	4/1/0		CLO2, 4			
	2.1. Mô hình hoạt động của chuỗi cung ứng 2.2. Chiến lược hậu cần 2.3. Lập kế hoạch cung ứng		Nắm được kiến thức và kỹ năng quản lý các hoạt động liên quan trong quy trình sản xuất và phân phối sản phẩm. - Tiếp cận các kỹ thuật xây dựng hệ thống quản trị chuỗi cung ứng		Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	Làm bài tập số 1: lập chuỗi cung ứng - Thảo luận nhóm	
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0					
	Lập kế hoạch hậu cần cho 1 doanh nghiệp giả định		Vận dụng mô hình hoạt động của chuỗi cung ứng để lập kế hoạch cung ứng		Tự học Học nhóm	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	CHƯƠNG 3. Tổ chức sản xuất và thiết kế mạng						

	lưới phân phối						
3	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	8/2/0		CLO2			A1.1
	3.1. Tổ chức sản xuất 3.2. Các kỹ thuật tối ưu hoá mạng lưới 3.3. Hệ thống kéo, đẩy và kéo - đẩy 3.4. Các chiến lược phân phối		Hiểu công nghệ thông tin hiện có, xu hướng công nghệ thông tin mới và hiểu rõ cách thức ứng dụng công nghệ thông tin vào các quy trình chuỗi cung ứng		Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	Làm bài tập số 2: Tổ chức sản xuất Thảo luận nhóm	
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/10/0		CLO3			
	Ứng dụng trò chơi mô phỏng: Dự báo – Sản xuất		Vận dụng được các mô hình mô phỏng và thuật toán tối ưu		Tự học Học nhóm	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	CHƯƠNG 4. Quản trị tồn kho và phân tán rủi ro						
	Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	9/1/0		CLO4			A1.2
	4.1. Quản trị tồn kho 4.2. Các mô hình tồn kho 4.3. Các cơ hội đặt hàng nhiều lần 4.4. Phân tán rủi ro		Nắm được kiến thức và kỹ năng quản lý các hoạt động liên quan trong quy trình sản xuất và phân phối sản phẩm. - Tiếp cận các kỹ thuật xây dựng hệ thống quản trị chuỗi cung ứng		Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	Làm bài tập số 3: Quản trị tồn kho - Thảo luận nhóm	
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/10/0					
	Áp dụng trò chơi mô phỏng:		- Vận dụng được các mô		Tự học Học nhóm	Chuẩn bị tốt phần tự	

	Tồn kho – sản xuất		hình quản trị tồn kho			học ở nhà	
	CHƯƠNG 5. Quản trị chuỗi cung ứng tích hợp						
	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	4/1/0		CLO2			
	5.1. Hiệu ứng Bullwhip (roi da) 5.2. Các xu hướng hiện đại trong quản trị chuỗi cung ứng 5.3. Tích hợp chuỗi cung ứng bên trong tổ chức 5.4. Tích hợp dọc bên trong tổ chức 5.5. Đảm bảo việc tích hợp	3	Hiểu được bản chất công việc của người lãnh đạo - Phân tích được vai trò của nhà lãnh đạo		Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	Làm bài tập số 4: Lập kế hoạch chuỗi cung ứng tích hợp - Thảo luận nhóm	
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/10/0					
	Mô phỏng hệ thống Bullwhip trên website		Hiểu được hiệu ứng Bullwhip từ các mô hình xây dựng sẵn trên website		- Tự học Học nhóm	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	CHƯƠNG 6. Công nghệ thông tin & chuỗi cung ứng						
	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	4/1/0		CLO2			A2
	6.1. Hệ thống thông tin hỗ trợ chuỗi cung ứng 6.2. E-business và tích		Nắm được các học thuyết nghiên cứu về phong cách lãnh đạo		Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint	Làm bài tập số 5: Sử dụng hệ thống thông tin	

	hợp chuỗi cung ứng		- Hiểu được khái niệm lãnh đạo - Ứng dụng và lựa chọn phong cách lãnh đạo phù hợp trong thực hiện công việc		- Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	trong quản trị tồn kho Thảo luận nhóm	
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/10/0					
	Trò chơi mô phỏng: Website		Hệ thống thông tin trong hỗ trợ quản trị chuỗi cung ứng		Tự học Học nhóm	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	CHƯƠNG 7. Đo lường hiệu quả hoạt động chuỗi cung ứng						
	A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	4/1/0		CLO2			A3
	7.1. Mô hình tương quan thị trường – chuỗi cung ứng 7.2. Đo lường hiệu quả thị trường 7.3. Khung đo lường hiệu quả		Nắm được các học thuyết nghiên cứu về phong cách lãnh đạo - Hiểu được khái niệm lãnh đạo - Ứng dụng và lựa chọn phong cách lãnh đạo phù hợp trong thực hiện công việc		Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm	Làm bài tập số 6: Dùng công cụ thông kê đo lường hiệu quả chuỗi cung ứng - Thảo luận nhóm	
	B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/10/0					
	Trò chơi mô phỏng mô hình tương quan thị trường – chuỗi cung ứng		Đo lường hiệu quả hoạt động chuỗi cung ứng		Tự học Học nhóm	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
Theo lịch thi	FINAL EXAM			CLO5			A4

(*) Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương.
- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR. Tham khảo các phương pháp giảng dạy trong CTĐT ngành Dược học.
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số....).

8. Học liệu:

Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tài liệu	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
Giáo trình chính				
[1]	Quản trị vận hành và chuỗi cung ứng	F. Robert Jacobs, Ngô Thị Ngọc Huyền...(dịch) Nguyễn Đức Trí	Kinh tế TP HCM	2015
Tài liệu tham khảo				
[2]	Quản lý chuỗi cung ứng	TS. Đinh Bá Hùng Anh	Kinh tế TP.HCM	2017

Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ web hữu ích cho HP

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Operations & Supply Chain Management	http://mgt.buffalo.edu/career-resource-center/students/preparation/job-market-research-tools/business-company/functional-area-resources/supply-chains-operations-management.html	04/07/2019

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

Bảng 9.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường			
2	Phòng mô phỏng			

Bình Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2019

TRƯỞNG KHOA



TRƯƠNG THỊ NGỌC SƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: DƯỢC

Mã số: 7720201

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về HP

1.1 Mã học phần:	1.2 Tên học phần: KỸ NĂNG GIAO TIẾP VÀ THỰC HÀNH TỐT TẠI NHÀ THUỐC
1.3 Ký hiệu học phần:	1.4 Tên tiếng Anh:
1.5 Số tín chỉ:	02
1.6 Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	30 tiết
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	00 tiết
- Tự học:	60 tiết
1.7 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	
1.8 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không có
- Học phần học trước:	Không yêu cầu
- Học phần song hành:	Không yêu cầu

2. Mô tả học phần:

Về KỸ NĂNG GIAO TIẾP, môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về kỹ năng giao tiếp cơ bản, về kỹ năng tư vấn sử dụng thuốc, về kỹ năng bán thuốc, kỹ

năng giải quyết khiếu nại trong hoạt động bán lẻ và kinh doanh dược phẩm. Ngoài ra sinh viên còn được thực hành về kỹ năng tư vấn sức khỏe và chăm sóc khách hàng.

VỀ KỸ NĂNG BÁN HÀNG môn học trang bị cho sinh viên kiến thức về tầm quan trọng của khách hàng và công tác chăm sóc khách hàng đối với doanh nghiệp; về tâm lý khách

hàng; những yêu cầu cần thiết đối với nhân viên bán hàng và chăm sóc khách hàng và các cách ứng xử tùy theo tính cách khách hàng khác nhau

3. Mục tiêu HP (Goals)

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)
G1	Phân tích được các kỹ năng giao tiếp cơ bản, kỹ năng tư vấn sử dụng thuốc, kỹ năng bán thuốc theo đơn và không theo đơn, kỹ năng giải quyết khiếu nại trong hoạt động bán lẻ và kinh doanh dược phẩm	PLO1,2,3,4,5
G2	Trình bày những yêu cầu cần thiết đối với nhân viên chăm sóc khách hàng và bán hàng	PLO1,2,3,4,5
G3	Phân tích tâm lý khách hàng và ứng dụng vào công tác chăm sóc khách hàng	PLO1,2,3,4,5
G4	Thân thiện, lắng nghe và phục vụ chu đáo đối với khách hàng	PLO10,11,12
G5	Có đạo đức nghề nghiệp, đảm bảo tính trung thực, khách quan.	PLO10,11,12

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes-CLOs)

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR của học phần (CLOs)	Mô tả CLOs (Sau khi học xong môn học này, người học có thể:)
CLO 1	Trình bày được các kỹ năng giao tiếp cơ bản, kỹ năng tư vấn sử dụng thuốc, kỹ năng bán thuốc theo đơn và không theo đơn, kỹ năng giải quyết khiếu nại trong hoạt động bán lẻ và kinh doanh dược phẩm
CLO 2	Trình bày những yêu cầu cần thiết đối với nhân viên chăm sóc khách hàng và bán hàng
CLO 3	Mô tả các cách ứng xử tùy theo tính cách khách hàng khác nhau
CLO 4	Thực hành kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tư vấn sử dụng thuốc, kỹ năng bán thuốc theo đơn và không theo đơn, kỹ năng giải quyết khiếu nại trong hoạt động bán lẻ thuốc tại nhà thuốc
CLO 5	Đủ điều kiện học tập để nâng cao trình độ chuyên môn.
CLO6	Làm việc độc lập, làm việc nhóm. Đoàn kết, giúp đỡ đồng

nghiệp trong công việc.

5. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Mức độ đóng góp của CLO vào PLO được xác định cụ thể:

- L (Low) – CLO có đóng góp ít vào PLO
- M (Medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO
- H (High) – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích:

- Các mức H - Cao, M - Vừa, L - Thấp - phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (L) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(mức M) hay mức thuần thục (H).

Bảng 5.1. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Chuẩn đầu ra HP (CLOs)	Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
CLO1	X	X	X	X	X				X	X	X	X
CLO2	X	X	X	X	X				X	X	X	X
CLO3	X	X	X	X	X				X	X	X	X
CLO4	X	X	X	X	X				X	X	X	X
CLO5	X	X	X	X	X				X	X	X	X
CLO6	X	X	X	X	X				X	X	X	X
Tổng hợp	X	X	X	X	X				X	X	X	X

6. Đánh giá HP

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP

Học phần đánh giá	Trọng số (%)	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Liên quan đến CLO nào ở Bảng 5.1	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Kiểm tra thường xuyên	5	A1.1. Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	50	Đánh giá bằng bảng Rubric1	CLO 1,2,3,4,5	Đánh giá chuyên cần
	5	A1.2. Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, giáo viên quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	50			
A2. Kỹ năng	10	A2.1. Một bài báo cáo nhóm hoặc seminar hoặc bài tập lớn theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy.			CLO 1,2,3,4,5	- Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra (giảng viên nêu cụ thể)

A3. Đánh giá giữa kỳ	20	A3.1. Sinh viên làm một bài kiểm tra cá nhân.			CLO 1,2,3,4,5	- Tiêu chí đánh giá bài báo cáo, seminar, bài tập lớp (giảng viên nêu cụ thể)
A3. Đánh giá cuối kỳ	60	A3.1. Thi kết thúc học phần + Hình thức thi: Trắc nghiệm			CLO 1,2,3,4,5	- Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của giảng viên ra đề

- (7) PP đánh giá đạt CĐR: Nêu tên các PP đánh giá sử dụng trong từng chương để đạt CĐR. Tham khảo các phương pháp đánh giá trong CTĐT ngành Dược học.

6.2. Chính sách đối với HP

- SV tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $>20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP

Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần

Tuần / (5 tiết/tuần)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/TH/T)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Lqua n đến CLO nào ở Bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 Bảng 6.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Chương 1: Dược sĩ và kỹ năng giao tiếp trong hành nghề						
1	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2.5/0/0		CLO 1,2,3,4,5			
	1.32. Nhiệm vụ của dược sĩ trong chăm sóc người bệnh 1.33. Tầm quan trọng của giao tiếp trong chăm sóc người bệnh 1.34. Kiểm soát thuốc theo sự tiến triển của người bệnh		- Trình bày được nhiệm vụ của người dược sĩ đối với người bệnh - Thiết lập được mối quan hệ giữa dược sĩ và bệnh nhân - Nêu được giao tiếp ngôn ngữ và phi ngôn ngữ, các yếu tố của giao tiếp phi ngôn ngữ, hàm ý trong các ám hiệu		- Giải thích cụ thể - Thuyết giảng - Tham luận	- Thảo luận nhóm	

			phi ngôn ngữ, khắc phục các yếu tố gây trở ngại trong giao tiếp phi ngôn ngữ.				
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO 1,2,3,4,5			
	Kỹ năng giao tiếp của dược sĩ với người bệnh		- Trình bày được kỹ năng của người thầy thuốc trong sự cảm nhận của người bệnh.		- Tự học - Học nhóm	Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 2: Lắng nghe và đồng cảm với người bệnh						
2	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2.5/0/0		CLO 1,2,3,4,5			
	2.35. Lắng nghe 2.36. Đáp lại đồng cảm 2.37. Thái độ thể hiện sự đồng cảm 2.38. Những khía cạnh của lắng nghe im lặng		- Trình bày được kỹ năng tóm tắt lại, kỹ năng diễn giải lại - Trình bày được khái niệm về sự đồng cảm, cơ sở lý thuyết, sự đồng cảm và giao tiếp hiệu quả, phản ứng đánh giá và khuyến bảo, phản ứng làm an tâm, chung chung, điều tra, phân tán, thấu hiểu - Nêu được cách lắng nghe và tóm tắt ngắn gọn lại.		- Giải thích cụ thể - Thuyết giảng - Tham luận	- Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO 1,2,3,4,5			
	Những vấn đề trong thiết lập quan hệ trợ giúp		- Hình thành được cách xây dựng các mối quan hệ			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 3: Tham vấn và đánh giá						
3	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO 1,2,3,4,5			A1.1

	<p>3.22. Đánh giá bệnh nhân và chẩn đoán tính giáo dục</p> <p>3.23. Các yếu tố của một cuộc tham vấn hiệu quả</p> <p>3.24. Quá trình tham vấn</p> <p>3.25. Tham vấn qua điện thoại</p>		<p>- Trình bày được cách đánh giá những gì người bệnh cần phải biết, đánh giá những gì người bệnh đã biết, xác định thông tin, khả năng nhận thức của người bệnh, hướng dẫn người bệnh</p> <p>- Nêu được cách lắng nghe, thăm dò, sử dụng sự im lặng một cách hợp lý, thiết lập mối liên hệ</p> <p>- Phân loại thông tin, môi trường tham vấn, bắt đầu một cuộc tham vấn, kết thúc buổi tham vấn.</p> <p>- Phải xét được tầm quan trọng của điện thoại, cố gắng tối đa văn hóa việc sử dụng điện thoại một cách hiệu quả.</p>		<p>- Giải thích cụ thể</p> <p>- Thuyết giảng</p> <p>- Tham luận</p>	<p>- Làm bài tập số 3</p> <p>Thảo luận nhóm</p>	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO 1,2,3,4,5			
	- Thực hiện đóng vai, tham vấn giữa dược sĩ và bệnh nhân		- Hiểu và vận dụng được phương pháp tham vấn đã học trên lớp			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 4: Làm thế nào để hiểu biết người bệnh tốt hơn						
4	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	2.5/0/0		CLO 1,2,3,4,5			
	<p>4.1. Sự miễn cưỡng của dược sĩ khi tìm hiểu người bệnh</p> <p>4.2. Những giả định sai lầm về việc hiểu biết người bệnh</p>		<p>- Nêu vấn đề hiểu biết được cải thiện khi tìm hiểu người bệnh</p> <p>- Nêu được những vấn đề giả định làm cho dược sĩ mắc sai lầm khi tìm hiểu</p>		<p>- Giải thích cụ thể</p> <p>- Thuyết giảng</p> <p>- Tham luận</p>	- Thảo luận nhóm	

	<p>4.3. Các kỹ thuật tiếp cận sự hiểu biết người bệnh</p> <p>4.4. Các kỹ thuật để đánh giá sự hiểu biết người bệnh</p> <p>4.5. Thay đổi hành vi sau khi thay đổi sự hiểu biết</p>		<p>bệnh nhân</p> <p>- Tiếp cận sự hiểu biết của bệnh nhân về thuốc điều trị, về sử dụng thuốc, những vấn đề tìm tòi trong sử dụng thuốc, những vấn đề thuốc men khác, những vấn đề sức khỏe khác.</p>				
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0		CLO 1,2,3,4,5			
	- Tìm hiểu kỹ thuật tiếp cận người bệnh		- Nêu được 10 kỹ thuật phát triển kỹ năng tư vấn của bạn.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 5: Giao tiếp các tình huống đặc biệt						
5	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO 1,2,3,4,5			A3
	<p>5.31. Người cao tuổi</p> <p>5.32. Người thiếu năng về ngôn ngữ</p> <p>5.33. Bệnh nhân ở giai đoạn cuối của cuộc đời</p> <p>5.34. Bệnh nhân AIDS</p> <p>5.35. Các bệnh nhân có vấn đề về tâm thần</p> <p>5.36. Bệnh nhân tuổi vị thành niên</p> <p>5.37.</p>	3	<p>- Trình bày được khả năng tiếp thu, thị lực, thính giác, những khác biệt về nhận thức và giá trị, những yếu tố tâm lý xã hội.</p> <p>- Nêu được cách giao tiếp với những người thiếu năng về ngôn ngữ.</p> <p>- Nêu được cách tiếp xúc với bệnh nhân ở giai đoạn cuối cuộc đời.</p> <p>- Nêu được cách giúp đỡ các bệnh nhân AIDS và giúp cho mọi người xung quanh hiểu được bệnh AIDS</p> <p>- Nêu được cách tiếp xúc với bệnh nhân tâm thần và tuổi vị thành niên.</p>		<p>- Giải thích cụ thể</p> <p>- Thuyết giảng</p> <p>- Tham luận</p>	<p>- Làm bài tập số 5</p> <p>- Thảo luận nhóm</p>	
	b. Các nội dung	0/10/		CLO			

	chính SV tự học ở nhà	0		1,2,3,4,5			
	Giao tiếp với người chăm sóc bệnh nhân		-Hiểu và vận dụng được các phương pháp giao tiếp vào thực tế			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 6: Hệ thống quản lý chất lượng dịch vụ dược						
6	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp	5/0/0		CLO 1,2,3,4,5			A1.2
	6.27. Khái niệm về chất lượng 6.28. Một số hệ thống quản lý chất lượng 6.29. Các tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ Dược		-Nêu được định nghĩa, đặc điểm của khái niệm chất lượng, quản lý chất lượng, Các nguyên tắc của quản lý chất lượng, Các phương pháp quản lý chất lượng -Nêu được các hệ thống quản lý chất lượng ISO, các hệ thống quản lý chất lượng khác, hệ thống GPs trong ngành y tế, , sự giống và khác nhau giữa hệ thống GPs và ISO		-Giải thích cụ thể -Thuyết giảng -Tham luận	-Làm bài tập số 6 -Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/10/0		CLO 1,2,3,4,5			
	-Tìm hiểu về nhà thuốc GPP		-Trình bày được các chế độ thực hành tốt nhà thuốc GPP, tiêu chuẩn đạo đức hành nghề của người dược sĩ, tiêu chuẩn tự chăm sóc bao gồm tự điều trị và vai trò chuyên môn của người dược sĩ, tự chịu trách nhiệm.			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 7: Quản trị mua hàng và tồn trữ						
7	a. Các nội dung	5/0/0		CLO			A1.2.

	chính giảng dạy trên lớp			1,2,3,4,5			
	7.25. Quản trị mua hàng 7.26. Quản trị tồn trữ 7.27. Đặt hàng lại		-Nêu được chu kỳ mua hàng, danh mục sản phẩm, danh mục đặt hàng, phát ra đơn hàng -Nêu được hệ thống hồ sơ hàng tồn trữ, phương pháp phân tích ABC		-Giải thích cụ thể -Thuyết giảng -Tham luận	-Làm bài tập số 7 -Thảo luận nhóm	
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	0/10/0		CLO 1,2,3,4,5			
	Tìm hiểu phương pháp phân tích ABC		-Nêu được tần suất đặt lại hàng, số lượng đặt lại hàng, độ an toàn hàng tồn trữ .			Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà	
	Chương 8: Quản trị bảo quản và tồn trữ						
8	a. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp						
	8.1. Biệt trữ và kiểm soát hàng tồn trữ 8.2. Bảo quản 8.3. Kiểm soát hàng hóa tồn trữ va theo dõi hạn dùng		-Nêu được khu biệt trữ, kiểm soát khi nhập hàng, kiểm tra trong quá trình bảo quản tồn trữ và bán hàng -Trình bày được sự cần thiết bảo quản thích hợp, cách sắp xếp trình bày thuốc, ý nghĩa khác nhau của bảo quản, các điều kiện nhiệt độ và vi khí hậu, các hàng hóa có yêu cầu bảo quản đặc biệt và một vài hàng hóa đặc thù ở Việt Nam cần chú ý khi bảo quản, bảo quản và độ ổn định của thuốc -Trình bày được kiểm soát hàng tồn trữ, qua vòng hàng				

			tồn trữ và theo dõi hạn dùng.				
	b. Các nội dung chính SV tự học ở nhà	10/0/0	Nêu được cách thiết kế khu vực bảo quản, bao bì sử dụng cho công tác bảo quản, vệ sinh và duy trì, thu hồi và trả lại thuốc	CLO 1,2,3			
	Các khía cạnh khác trong công tác bảo quản thuốc						
Theo lịch thi	FINAL EXAM			CLO 1,2,3, 4,5			A4

(*) Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương.
- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR. Tham khảo các phương pháp giảng dạy trong CTĐT ngành DƯỢC.
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số....).

8. Học liệu:

Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	PGS.TS. Nguyễn Thanh Bình. PGS.TS. Lê Viết Hùng Bộ Y Tế	2011	Kỹ năng giao tiếp và thực hành tốt tại nhà thuốc	NXB Giáo dục Việt Nam
Sách, giáo trình tham khảo				
2	Cao Minh Quang	2010	Cẩm nang thực hành tốt nhà thuốc = Handbook of good pharmacy practices : Hướng dẫn hành nghề trong các nhà thuốc	Y học
3	Nguyễn Văn Hiến, Lê Thu Hòa	2014	Bài giảng kỹ năng giao tiếp cho sinh viên y khoa	Y học

Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ web hữu ích cho HP

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1			

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

Bảng 9.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH	Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
---------------------------------------	--	-------------------------------------

TT		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường	- Bảng lớn	01	Tất cả bài trong học phần
		- Máy chiếu	01	
		- Phương tiện tăng âm	01	

Bình Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2019

TRƯỞNG KHOA



TRƯƠNG THỊ NGỌC SƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: DƯỢC

Mã số: 7720201

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**9. Thông tin chung về HP**

1.1 Mã học phần:	1.2 Tên học phần: KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
1.3 Ký hiệu học phần:	1.4 Tên tiếng Anh:
1.5 Số tín chỉ:	10
1.6 Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	0 tiết
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	0 tiết
- Tự học:	600 tiết
1.7 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	Trương Thị Ngọc Sương
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Võ Thành Lộc, Lý Thanh Long
1.8 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Đã hoàn thành tất cả các học phần Đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp.
- Học phần học trước:	Không yêu cầu
- Học phần song hành:	Không yêu cầu

10. Mô tả học phần:

Làm khóa luận tốt nghiệp giúp sinh viên (SV) bước đầu thực hành NCKH dưới sự hướng dẫn của Giảng viên các bộ môn. Sinh viên được hướng dẫn xác định một vấn đề nghiên cứu, tra cứu tài liệu tham khảo và viết được một đề cương nghiên cứu đúng quy định; thực hành các thực nghiệm (trong phạm vi đề tài) để giải đáp các mục tiêu đã đề ra; viết được một báo cáo (Khóa luận hoàn chỉnh) theo format quy định và trình bày có hiệu quả bằng bảng biểu chiếu điện tử để báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu trước hội đồng.

11. Mục tiêu HP (Goals)

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goal description) <i>(Học phần này trang bị cho sinh viên:)</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)
G1	Xác định được một vấn đề nghiên cứu; Tra cứu tài liệu tham khảo và viết được một đề cương nghiên cứu đúng quy định;	PLO 1,2,3,4,5,6
G2	Thực hành các thực nghiệm (trong phạm vi đề tài) để giải đáp các mục tiêu đã đề ra;	PLO 1,2,3,4,5,6
G3	Viết được một báo cáo (Khóa luận hoàn chỉnh) theo format quy định. Trình bày có hiệu quả bằng bảng chiếu điện tử để báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu trước hội đồng;	PLO 7,8,9,10,11,12
G4	Thực hành NCKH, và hướng dẫn các cán bộ y tế khác NCKH	PLO 1,2,3,4,5,6,9
G5	Rèn luyện tác phong cẩn thận, tỉ mỉ, trung thực, khách quan trong NCKH.	PLO 12

12. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes-CLOs)

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR của học phần (CLOs)	Mô tả CLOs (Sau khi học xong môn học này, người học có thể:
CLO 1	Xác định được một vấn đề nghiên cứu;
CLO 2	Tra cứu tài liệu tham khảo và viết được một đề cương nghiên cứu đúng quy định;
CLO 3	Viết được một báo cáo (Khóa luận hoàn chỉnh) theo format quy định.
CLO 4	Thực hành các thực nghiệm (trong phạm vi đề tài) để giải đáp các mục tiêu đã đề ra;
CLO 5	Trình bày có hiệu quả bằng bảng chiếu điện tử để báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu trước hội đồng;
CLO 6	Rèn luyện tác phong cẩn thận, tỉ mỉ, trung thực, khách quan trong NCKH.

13. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CĐR của chương trình (PLOs)

Mức độ đóng góp của CLO vào PLO được xác định cụ thể:

- L (Low) – CLO có đóng góp ít vào PLO

- M (Medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO

- H (High) – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích:

- Các mức H – Cao, M – Vừa, L – Thấp – phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (L) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(mức M) hay mức thuần thục (H).

Bảng 5.1. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Chuẩn đầu ra HP (CLOs)	Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
CLO1	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X
CLO2	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	
CLO3	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	
CLO4	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	
CLO5	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	
CLO6								X	X	X	X	X

14. Đánh giá HP

14.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP

H/phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric	Lquan đến CLO nào ở Bảng 5.1	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	20%	Ghi nhận xét, giải quyết những vấn đề trong quá trình SV thực hiện đề tài vào phiếu theo dõi tiến độ.		Rubric 1,2,3	CLO 1,2,3,4	GVHD gặp SV ít nhất 2 tiết/tuần
A2. Kỹ năng	10%	Phiếu theo dõi tiến độ		Rubric 1,2,3	CLO 1, 2, 3, 4	Điều chỉnh kịp thời về tiến độ thực hiện
A3. Đánh giá giữa kỳ	20%	Kiểm tra Phiếu theo dõi tiến độ (ghi ngày tháng)		R1,2,3	CLO 1,2,3,4	Điều chỉnh kịp thời về tiến độ thực hiện, phát hiện và xử lý những trở ngại cần

		kiểm tra và ký tên), Phiếu theo dõi tiến độ				chấn chỉnh từ phía SV hoặc từ phía GVHD
A4. Đánh giá cuối kỳ	50%	Bảo vệ và thi vấn đáp		Rubric 5	CLO 5,6	

- (7) PP đánh giá đạt CDR: Nêu tên các PP đánh giá sử dụng trong từng chương để đạt CDR. Tham khảo các phương pháp đánh giá trong CTĐT ngành QTKD.

14.2. Chính sách đối với HP

6.2.1. Điều kiện làm khóa luận: sinh viên phải có điểm trung bình tích lũy (ĐTBTL) từ 2,8 (hệ 4) trở lên và có tổng số tín chỉ các môn không đạt không quá 12 tín chỉ và những môn không đạt này không thuộc các môn chuyên ngành chính của chương trình đào tạo (CTĐT) do Khoa quy định. Trên cơ sở quy định này, Khoa có quy định cụ thể và các điều kiện bổ sung khác chọn sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp, áp dụng thống nhất như: chọn sinh viên theo điểm trung bình tích lũy từ cao xuống cho đủ nguồn lực đề tài; yêu cầu sinh viên có điểm trung bình tích lũy từ 3.5 trở lên hoặc các điều kiện để xét đặc cách cho một vài sinh viên có năng lực nghiên cứu thật sự nhưng có điểm trung bình tích lũy nhỏ hơn 2.8

6.2.2. Điểm trung bình tích lũy xét chọn làm khóa luận: được xét vào thời điểm Khoa hướng dẫn sinh viên chọn hình thức học cho học kỳ cuối cùng.

6.2.3. Thời gian làm khóa luận tốt nghiệp: sinh viên thực hiện khóa luận tốt nghiệp trong 15 tuần và nộp báo cáo, 1 tuần để chấm và 2 tuần để bảo vệ.

6.2.4. Đề tài làm khóa luận: được khoa xem xét đảm bảo các tiêu chí:

- Phải có tính khoa học
- Có tính thực tiễn (có khả năng áp dụng vào thực tế)
- Có tính khả thi (sinh viên có thể hoàn tất trong thời gian quy định)
- Có tính sáng tạo (không trùng lặp với các đề tài đã có)
- Đảm bảo nguồn lực giảng viên cơ hữu hướng dẫn (tối thiểu đáp ứng 60% số sinh viên đủ điều kiện)
- Điều kiện khác (trang thiết bị, chi phí ...)

6.2.5. Giao đề tài: Mỗi đề tài được giao cho một sinh viên. Trường hợp đặc biệt (quy mô đề tài, tính chất, đặc thù, ...). Trưởng Khoa xem xét quyết định giao một đề tài cho nhiều sinh viên hơn nhưng tối đa không quá 3 sinh viên.

6.2.6. Quy trình đề xuất và giao đề tài khóa luận tốt nghiệp: Khoa quy định chi tiết về tiến độ, trách nhiệm, quy cách, biểu mẫu, ... nhưng đảm bảo các yêu cầu sau:

- Chủ nhiệm bộ môn, chủ nhiệm chương trình, các giảng viên hoặc doanh nghiệp đề xuất các đề tài làm khóa luận và đính kèm phiếu giao đề tài.
- Khoa hoặc bộ môn tổ chức xét duyệt các đề tài trong phiếu đề xuất, chọn lọc và Trưởng Khoa ký duyệt danh sách các đề tài, công bố cho sinh viên đăng ký đồng thời lưu tại văn phòng khoa và gửi phòng đào tạo. Tên đề tài đã công bố không được thay đổi.
- Sinh viên đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp được chọn đề tài đã duyệt và công bố, làm phiếu đăng ký, nộp lại văn phòng khoa để được Trưởng Khoa ký duyệt đồng ý.
- Căn cứ phiếu đăng ký đề tài, Giáo vụ khoa lập danh sách giao đề tài cho sinh viên và giáo viên hướng dẫn để Trưởng Khoa ký duyệt và công bố cho sinh viên đồng thời lưu tại văn phòng khoa và phòng quản lý đào tạo, sinh viên không được đổi đề tài sau

khi đã được giao và công bố, nếu không có sự đồng ý của giáo viên hướng dẫn và Trưởng Khoa bằng văn bản lưu tại văn phòng khoa và phòng quản lý đào tạo.

- Chậm nhất vào trước cuối tuần 10 của học kỳ xét chọn, khoa hoàn tất việc công bố giao đề tài khóa luận tốt nghiệp cho sinh viên và chuyển danh sách cho phòng quản lý đào tạo.

6.2.7. Người hướng dẫn KL/ĐATN:

- Mỗi SV được Khoa cử 1 hoặc 2 giảng viên hướng dẫn (GVHD)
- GVHD có thể là giáo viên cơ hữu hoặc GV mời giảng. Nếu doanh nghiệp có đề tài KL/ĐATN giao cho SV và khoa không có GVHD thì thực hiện mời GV như quy trình mời giảng. GVHD mời giảng có nhiệm vụ như GVHD cơ hữu
- GVHD KL/ĐATN không được là người có quan hệ ruột thịt với SV (cha, mẹ, vợ, chồng, anh, chị, em ruột)
- Đối với các đề tài có sử dụng tài liệu thực tế doanh nghiệp, GVHD có trách nhiệm kiểm tra việc chấp hành các quy định về bảo vệ tài liệu của các cơ quan cung cấp số liệu này

6.2.8. Quy trình hướng dẫn thực hiện KL/ĐATN

- Mỗi SV được phát 1 phiếu theo dõi tiến độ thực hiện KL/ĐATN
- GVHD sắp xếp lịch gặp SV ít nhất 2 tiết/tuần, ghi nhận xét, giải quyết những vấn đề trong quá trình SV thực hiện đề tài vào phiếu theo dõi tiến độ
- Phiếu theo dõi tiến độ thực hiện đề tài được để ở văn phòng khoa để tiện tham khảo
- Trong quá trình thực hiện đề tài, nếu xét thấy SV vắng không phép trên 2 buổi làm việc với GVHD hoặc không đảm bảo tiến độ hoàn tất đề tài, GVHD có thể đề nghị đình chỉ việc thực hiện đề tài đối với SV. Đề nghị này được thông qua CNBM và Trưởng khoa phê duyệt. Khi đó, SV sẽ nhận điểm không (00) cho môn học này
- Ít nhất 1 lần vào giữa học kỳ, CNBM hoặc CNCT (do Trưởng khoa phân công trách nhiệm cụ thể) kiểm tra Phiếu theo dõi tiến độ (ghi ngày tháng kiểm tra và ký tên), nhằm có điều chỉnh kịp thời về tiến độ thực hiện, phát hiện và xử lý những trở ngại cần chấn chỉnh từ phía SV hoặc từ phía GVHD

6.2.9. Viết báo cáo KL/ĐATN

- Một SV phải thực hiện một báo cáo đề tài KL/ĐATN. Nếu một đề tài có nhiều SV, mỗi SV vẫn thực hiện một quyển báo cáo riêng
- Quyển báo cáo dày từ 30 đến 100 trang in vi tính một mặt khổ A4 (không kể phụ lục)
- Nội dung dùng mã Unicode, kiểu chữ Times New Roman, cỡ chữ 13, khoảng cách hàng 1.3 lines. Báo cáo gồm 2 bộ, mỗi bộ gồm quyển tài liệu giấy đóng gáy lò xo và đĩa CD, nộp tại văn phòng Khoa theo đúng hạn định. Sau khi bảo vệ, các báo cáo có điểm KL/ĐATN có điểm từ 9.0 trở lên sẽ được đề nghị đóng gáy cứng nộp lại văn phòng khoa lưu trữ tham khảo.
- Khoa ban hành quy cách cụ thể việc trình bày về hình thức và nội dung của quyển báo cáo KL/ĐATN áp dụng chung cho các ngành hoặc từng nhóm ngành thuộc khoa. Trang bìa trình bày theo mẫu.

6.2.10. Nộp báo cáo KL/ĐATN

- Tuần 15: SV nộp 2 bộ báo cáo và ký nộp tại văn phòng khoa theo lịch cụ thể do Khoa công bố. Nộp trong tuần 16, một ngày nộp trễ điểm (tổng kết môn) KL/ĐATN sẽ bị trừ 1 điểm. Sau tuần 16, nếu chưa nộp, SV sẽ không được bảo vệ KL/ĐATN và nhận điểm không (00)
- CNBM đề xuất và Trưởng Khoa thông qua phân công người am hiểu đề tài và mời làm GV chấm phản biện (GVPB)
- Tuần 16: GVHD và GVPB chấm báo cáo

- Tuần 17, 18: Khoa công bố lịch bảo vệ và danh sách SV được bảo vệ. Lịch bảo vệ được thông báo rộng rãi để SV, GV các khóa có thể cùng tham dự

6.2.11. Chấm báo cáo KL/ĐATN

- GVHD và GVPB chấm điểm báo cáo KL/ĐATN gồm điểm hình thức và điểm nội dung được ghi vào phiếu chấm điểm
- Điểm hình thức: được chấm trên cách trình bày, sự tuân thủ các quy định và cách hành văn phù hợp
- Điểm nội dung: được chấm trên cách thể hiện mục tiêu của đề tài, các kết quả đạt được, sự hợp lý của cách giải trình các kết quả và sự tổng hợp các vấn đề. Các yếu tố thiếu tính logic, sai chính tả, ngữ pháp và thiếu dẫn chứng hoặc có tính đạo văn đều được xem xét để giảm điểm hoặc đề nghị không được bảo vệ
- Điểm cho theo thang 10, làm tròn đến 1 chữ số thập phân
- GVHD cần xem xét sự cố gắng của SV trong quá trình thực hiện đề tài khi chấm điểm hình thức và nội dung. Nếu có nhiều GVHD một đề tài cũng chỉ có một phiếu chấm báo cáo của GVHD
- GVPB chấm báo cáo độc lập với GVHD
- GVHD và GVPB ghi các nhận xét, câu hỏi ngay trên báo cáo bằng bút mực
- Các phiếu chấm điểm KL/ĐATN của GVHD và GVPB để trong phong bì dán kín, nộp cho Khoa đúng thời hạn quy định (trong tuần 16) trước khi SV bảo vệ trước Hội đồng

6.2.12. Điều kiện để SV được bảo vệ

- Điểm trong phiếu chấm điểm báo cáo của GVHD và GVPB đều từ 5,0 (hệ 10) trở lên
- Trong trường hợp có một phiếu chấm điểm dưới 5,0, CNBM tổ chức trao đổi, thảo luận với GVHD và GVPB và thống nhất giải pháp trình Trưởng khoa cho quyết định hay không.
- Khoa lập một danh sách các sinh viên được phép bảo vệ và một danh sách SV không được bảo vệ KL/ĐATN. Các danh sách này phải hoàn tất trước ngày bảo vệ chậm nhất là bảy ngày và công bố cho SV biết. Chỉ những SV có trong danh sách bảo vệ mới được bảo vệ
- Trường hợp SV không được bảo vệ, điểm môn KL/ĐATN là điểm không (00)

6.2.13. Thành phần hội đồng bảo vệ

- Hội đồng bảo vệ (HĐBV) do Hiệu trưởng ký thành lập theo đề nghị của Trưởng Khoa, trễ nhất là 1 tuần trước ngày bảo vệ
- HĐBV có 3 thành viên, tối thiểu có 2 thành viên là GVCH, thành phần còn lại là GVCH hoặc GV mời bên ngoài hoặc là cá nhân hoạt động trong lĩnh vực liên quan về vấn đề mà SV trình bày. GV hoặc cá nhân mời làm thành viên HĐBV được thực hiện như quy trình mời giảng. Số thành viên HĐBV có thể nhiều hơn hoặc tỉ lệ GVCH trong HĐBV có thể ít hơn nếu được sự chấp thuận của Hiệu trưởng
- Thành viên HĐBV có đủ năng lực, tối thiểu có bằng Thạc sĩ trở lên đối với hệ ĐH (chấp nhận có bằng Cử nhân đối với một số ngành đặc biệt); với hệ CĐ GV tối thiểu có bằng Cử nhân trở lên
- Thành viên HĐBV không được là người có quan hệ ruột thịt với SV bảo vệ đề tài KL/ĐATN (cha, mẹ, vợ, chồng, anh, chị, em, ruột)
- HĐBV có một chủ tịch và một thư ký. Chủ tịch có thể kiêm nhiệm thư ký
- Chủ tịch có nhiệm vụ điều khiển và bảo đảm kế hoạch thời gian của buổi bảo vệ; ký tên vào biên bản và bảng điểm; công bố kết quả cho SV sau mỗi buổi bảo vệ; gửi nộp bảng điểm cho Khoa chậm nhất là 2 ngày sau ngày bảo vệ.
- Thư ký có nhiệm vụ chuẩn bị các tài liệu cho buổi bảo vệ; danh sách SV được bảo vệ, phiếu ghi điểm; Thu thập các tài liệu liên quan đến buổi bảo vệ để trình HĐBV

như quyền báo cáo KL/ĐATN, tờ nhận xét của GVHD và GVPB; nhắc nhở (nhưng không làm thay) SV chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho buổi bảo vệ: biểu ngữ, hoa, phòng ốc, thông báo, máy móc...; ghi chép biên bản buổi bảo vệ; có sẵn bản Quy định này trong buổi bảo vệ; thu và tổng kết các phiếu điểm của thành viên HĐBV.

- GVHD và GVPB tham gia tối đa 5 đề tài một đợt. GVCH đảm nhận tối thiểu 60% khối lượng

6.2.14. Tiến trình chấm bảo vệ KL/ĐATN

- Tiến trình buổi bảo vệ được tiến hành theo quy trình sau:
- Chủ tịch đọc quyết định thành lập HĐBV và đề nghị mọi người tắt điện thoại di động
- Chủ tịch mời SV hay nhóm SV lên bảo vệ
- SV trình bày đề tài trong phạm vi 15 phút và trả lời câu hỏi của HĐBV trong 15 phút
- Nếu đề tài có nhiều hơn một SV thực hiện thì cứ thêm một sinh viên sẽ có thêm 5 phút trình bày nhưng không vượt quá 30 phút, và thêm 5 phút trả lời câu hỏi. Nếu là một nhóm trình bày, Chủ tịch sẽ phân chia câu hỏi để sao cho mỗi SV trong nhóm đều có cùng cơ hội trả lời và HĐBV đánh giá được từng SV. Nếu HĐBV hết câu hỏi mà vẫn còn thời gian quy định, Chủ tịch sẽ yêu cầu các người tham dự đặt câu hỏi thêm.
- Chủ tịch yêu cầu thư ký đọc nhận xét và điểm trong phiếu chấm điểm của GVHD và GVPB.
- Thư ký phát phiếu chấm điểm để các thành viên tiến hành chấm điểm. Điểm cho theo thang 10, làm tròn đến 1 chữ số thập phân
- Thư ký phải ghi biên bản phần vấn đáp và thảo luận của từng đề tài bảo vệ, điểm cho của các thành viên HĐBV và điểm trung bình
- Chủ tịch và thư ký ghi điểm vào danh sách SV bảo vệ
- Trong một buổi (sáng hay chiều) bảo vệ, chủ tịch phải bảo đảm có 15 phút nghỉ giải lao
- Trường không khuyến khích HĐBV giải lao trong khi đang bảo vệ.
- Cuối buổi bảo vệ Chủ tịch họp các thành viên để xem xét và quyết định kết quả bảo vệ của tất cả SV. Kết quả chính thức của đợt bảo vệ phải được công bố cho tất cả các SV biết trước khi HĐBV tuyên bố kết thúc buổi bảo vệ, đồng thời chuyển kết quả về PĐT

6.2.15. Điểm KL/ĐATN

- Điểm môn KL/ĐATN là điểm trung bình cộng điểm phiếu chấm của các thành viên HĐBV, GVHD, GVPB, được làm tròn 1 chữ số thập phân;
- Phiếu điểm KL/ĐATN (điểm cuối cùng) được gửi về PĐT chậm nhất sau 7 ngày SV bảo vệ

6.2.16. Lưu trữ tài liệu bảo vệ KL/ĐATN

- Các tài liệu liên quan đến đề tài như: danh sách giao đề tài cho SV (cả bản cập nhật, nếu có); các Phiếu chấm điểm của GVHD, GVPB; phiếu chấm điểm của các thành viên HĐBV được khoa lưu trữ trong vòng 2 năm
- Các quyền báo cáo đề tài KL/ĐATN có điểm từ 9.0 trở lên được lưu trữ tại văn phòng khoa và/hoặc Thư viện

15. Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP

Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần

Tuần/ (5 tiết/tuần)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/TH/ TT)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở Bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3)
---------------------------	--	---------------------------	-------------------------------------	------------------------------------	----------------------------	----------------------------	---

	(đến 3 số)						Bảng 6.1
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Tuần 1,2,3,4,5,6,7	0/280/0	Ghi nhận xét, giải quyết những vấn đề trong quá trình SV thực hiện đề tài vào phiếu theo dõi tiến độ.	CLO 1,2,3,4	Giải quyết vấn đề, Thực tế, Thảo luận, Học nhóm	GVHD gặp SV ít nhất 2 tiết/tuần	A 1
	Tuần 8	0/40/0	Kiểm tra Phiếu theo dõi tiến độ (ghi ngày tháng kiểm tra và ký tên),		Đánh giá chuyên cần- Đánh giá bài tập	Điều chỉnh kịp thời về tiến độ thực hiện, phát hiện và xử lý những trở ngại cần chấn chỉnh từ phía SV hoặc từ phía GVHD	A 2
	Tuần 9,10,11,12,13,14	0/280/0	Ghi nhận xét, giải quyết những vấn đề trong quá trình SV thực hiện đề tài vào phiếu theo dõi tiến độ.	CLO 1,2,3,4	Giải quyết vấn đề, Thực tế, Thảo luận, Học nhóm	GVHD gặp SV ít nhất 2 tiết/tuần	A 3
	Tuần 15		Nhận báo cáo			SV nộp 2 bộ báo cáo và ký nộp	
	Tuần 16		Nhận báo cáo bị trễ tiến độ			Một ngày nộp trễ điểm sẽ bị trừ 1 điểm. Sau tuần 16, nếu chưa nộp, SV sẽ không được bảo vệ và nhận điểm không	
	Tuần 17,18		Công bố lịch bảo vệ và danh sách SV được bảo vệ.			Thông báo rộng rãi để SV, GV các khóa có thể cùng tham dự.	
	Tuần 18		Bảo vệ	CLO 5,6	Bảo vệ và thi vấn đáp		A 4

(*) Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương.

- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR. Tham khảo các phương pháp giảng dạy trong CTĐT ngành QTKD.
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số.....).

16. Học liệu:

Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	Các tài liệu có liên quan đến Khóa luận tốt nghiệp (Xem tài liệu học tập tại đề cương chi tiết của các học phần tương ứng).			

Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ web hữu ích cho HP (Xem địa chỉ tại đề cương chi tiết của các học phần tương ứng)

17. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

Bảng 9.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường	Màn hình TV, laptop, hệ thống âm thanh, ánh sáng	1	Buổi 8, buổi báo cáo
2	Phòng thực hành, thí nghiệm	Dụng cụ, hóa chất tùy đề tài	Tùy đề tài	Từ buổi 1 đến buổi 14

Bình Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2019

TRƯỞNG KHOA



TRƯƠNG THỊ NGỌC SƯƠNG